

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

JO
NESBO



NGƯỜI
CON
TRAI

THIÊN NGÀ dịch



nhà nam
NHÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI

Phần 1

1

Rover cứ dán mắt nhìn sàn bê tông sơn trắng trong gian xà lim mười một mét vuông. Gã căn xuống cái rãnh cửa bọc vàng hơi dài ở hàm dưới. Gã đã đến chỗ nặng nề nhất trong lời xưng tội. Âm thanh duy nhất trong xà lim là tiếng móng tay gã cào cào hình xăm Đức Mẹ trên cẳng tay. Cậu thanh niên ngồi xếp bằng trên giường đối diện vẫn im lặng từ lúc Rover vào. Cậu ta chỉ gật đầu và mỉm cười an nhiên như Đức Phật, cái nhìn dồn vào một điểm trên trán Rover.

Người ta gọi cậu ta là Sonny và nói hồi còn trẻ cậu ta đã sát hại hai mạng người, cha cậu ta là một cảnh sát tha hóa và Sonny có đôi tay chữa bệnh. Khó mà chắc cậu ta có lắng nghe hay không, đôi mắt xanh lá và gần hết khuôn mặt cậu ta khuất sau mái tóc rối dài, nhưng chuyện đó hề gì. Rover chỉ muốn được tha tội và Sonny ban phúc lành để ngày mai bước ra khỏi Nhà tù An ninh Tối đa Staten gã cảm thấy mình là một con người đã hoàn toàn được thanh tẩy. Chẳng phải Rover ngoan đạo nhưng cũng chẳng hại gì khi gã có ý sửa đổi, thực bụng muốn hoàn lương. Rover hít một hơi thật sâu.

“Tôi nghĩ cô ta là người Belarus. Minsk là ở Belarus, phải không nào?”

Rover liếc nhanh lên, nhưng cậu thanh niên không đáp. “Nestor đặt biệt danh cô ta là Minsk,” Rover nói. “Hắn lệnh cho tôi bắn cô ta.”

Lợi ích thấy rõ của việc thú tội với kẻ đầu óc phê thuốc là chẳng còn cái tên hay sự kiện nào bám lại trong cậu ta; y như mình tự nói với mình. Có lẽ điều này giải thích vì sao phạm nhân ở Staten thích anh chàng này hơn cha tuyên úy hay bác sĩ tâm lý.

“Nestor nhốt cô ta cùng tám đứa con gái nữa trong một cái chuồng ở tận Enerhaugen. Người Đông Âu và châu Á. Trẻ. Thiếu nữ. Ít ra thì tôi cũng hy vọng chúng cỡ tuổi đó. Nhưng Minsk thì lớn tuổi hơn. Mạnh hơn. Cô ta trốn thoát. Chạy đến tận công viên Toyen rồi chó của Nestor mới đuổi kịp. Giống chó lớn tai cụp Argentina - biết tôi đang nói gì không?”

Mắt cậu thanh niên không hề máy động, nhưng cậu ta đưa tay lên. Sờ chòm râu. Mấy ngón tay bắt đầu thong thả chải. Cánh tay áo sơ mi cẩu bẩn, rộng thùng thình tuột xuống để lộ những vảy vết thương và dấu kim tiêm. Rover nói tiếp.

“Lũ chó trắng như bạch tạng to con khát máu ấy. Chủ chỉ vào cái gì là xé xác cái ấy. Cả khá nhiều thứ chủ không chỉ. Bị cấm ở Na Uy, đương nhiên rồi. Một gã ngoài Raelengen kiếm được vài con ở Cộng hòa Séc, cho lai giống rồi đăng ký là chó boxer trắng. Tôi với thằng Nestor đến đó mua một con còn bé. Mất hơn năm chục ngàn đô la tiền mặt. Con cún dễ thương đến nỗi không làm sao ta nghĩ là nó...” Rover ngừng. Gã biết mình nói về chó chỉ để trì hoãn điều không thể tránh. “Nhưng dù sao thì...”

Dù sao. Rover nhìn hình xăm bên cẳng tay kia. Nhà thờ có hai chóp. Mỗi chóp cho một hạn tù gã từng chấp hành, cả hai đều không dính dáng gì đến lời xưng tội hôm nay. Gã từng cung cấp súng cho một băng nhóm mô tô và còn tự chế lại một số ở xưởng. Gã giỏi việc đó. Quá giỏi. Giỏi đến mức không thể ẩn dưới tầm radar mãi và vậy là gã bị bắt. Và giỏi đến độ, khi còn chấp hành án tù đầu, gã được Nestor bảo trợ. Nestor muốn nắm chắc việc sở hữu được gã để từ đó trở đi chỉ mình hẳn có những khẩu súng chiến nhất, thay vì băng nhóm mô tô hay đối thủ nào khác. Hẳn trả công Rover trong vài tháng còn nhiều hơn gã từng mong kiếm được từ cả đời ngồi sửa mô tô trong xưởng. Nhưng đổi lại Nestor đòi hỏi nhiều thứ. Quá nhiều.

“Cô ta nằm trong bụi cây, đâu cũng thấy máu. Cô ta cứ nằm đó, bất động, nhìn trần trời lên bọn tôi. Mặt cô ta bị chó ngoạm mất một mảng - cậu có thể nhìn thấy răng lòi ra.” Rover nhăn mặt. Đi thẳng vào vấn đề. “Nestor

nói đã đến lúc dạy với chúng một bài học, cho mấy đứa kia thấy chuyện gì sẽ xảy ra cho chúng. Vả lại mặt mũi như vậy thì giờ Minsk cũng không ích gì cho hắn nữa...”

Rover nuốt nước bọt. “Vậy nên hắn kêu tôi làm đi. Kết liễu cô ta. Đó là cách để tôi chứng tỏ lòng trung thành, cậu thấy đấy. Tôi có một khẩu súng lục Ruger MK II loại cũ tôi có chế lại đôi chỗ. Tôi định làm chuyện đó. Thật sự là vậy.

Vấn đề không phải ở đó...”

Rover cảm thấy cổ họng se thắt. Gã cứ nghĩ về chuyện đó mãi, nhớ lại mấy giây ấy trong đêm ở công viên Toyen, cứ thấy đi thấy lại cô gái. Nestor và gã nắm vai trò cầm đầu còn bọn kia làm nhân chứng câm lặng. Đến cả con chó cũng im thin thít. Gã nghĩ đến chuyện đó đâu cũng cả trăm lần? Ngàn lần? Vậy mà đến phút này, lần đầu nói những điều ấy ra thành lời, gã mới nhận ra đó không phải là nằm mơ, nó xảy ra thật. Hay đúng hơn, như thể giờ phút này thân xác gã mới chấp nhận chuyện đó. Vì vậy mà bụng gã quặn lên. Rover hít thở sâu qua mũi để nén cơn buồn nôn.

“Nhưng tôi không làm được. Dù tôi biết cô ta sắp chết. Bọn nó cho con chó chực sẵn nên tôi nghĩ tôi ấy à, thà lãnh một viên đạn hơn. Nhưng cò súng cứ như chốt cứng tại chỗ. Tôi không bóp cò được.”

Dường như cậu thanh niên khẽ gật. Để phản ứng lại điều Rover đang kể hoặc một tiếng nhạc chỉ mình cậu ta nghe thấy.

“Nestor nói bọn tôi không đùng đình cả ngày được, dù gì cũng đang ở trong công viên. Vậy là hắn rút từ bao súng bên đùi ra một con dao nhỏ, cong, bước tới, túm tóc, lôi thốc cô ta lên rồi cứ vậy thọc dao vào trước họng cô ta. Cứ như moi ruột cá. Máu vọt ra ba bốn luồng, thế rồi cô ta cạn không còn giọt máu.

Nhưng mà cậu biết cái gì làm tôi nhớ nhất không? Con chó. Cái kiểu nó cất tiếng tru trước cảnh toàn máu là máu đó.”

Rover cúi người về trước, hai cùi chỏ tì trên đầu gối. Gã đưa tay lên bịt tai rồi cứ lắc tới lui.

“Rồi tôi chẳng làm gì cả. Tôi cứ đứng đó, nhìn theo. Tôi chẳng làm đếch gì cả. Khi chúng lấy chân quần cô ta rồi khiêng ra xe, tôi chỉ nhìn. Cả bọn chở cô ta vào rừng, ở Ostmarksetra. Khiêng cô ta lên rồi thả lăn xuống con dốc chạy về hướng Ulsrudsvannet. Ở đó có nhiều người dắt chó đi dạo nên hôm sau họ phát hiện ra cô ta. Vấn đề là, Nestor muốn người ta tìm thấy cô ta, cậu hiểu không?”

Hắn muốn trên báo có hình về cái đã xảy ra cho cô ta. Để hắn cho mấy đứa con gái kia xem.”

Rover bỏ hai tay khỏi tai.

“Tôi không còn ngủ được nữa; cứ nhắm mắt lại là tôi thấy ác mộng. Đứa con gái khuyết mất mảng cằm nhoén cười với tôi, trố cả hàm răng. Vậy nên tôi đi gặp thẳng Nestor nói là tôi muốn rút. Nói là tôi đã chán mài mấy con Uzi và Glock, tôi muốn quay lại nghề sửa mô tô. Sống một đời bình yên, không phải cứ nơm nớp sợ bọn cớm. Nestor nói OK, chắc hắn cũng ngờ ngờ là tôi không có tố chất để trở thành một tay anh chị. Nhưng hắn nói rành mạch là tôi mà bép xép thì chuyện lớn sẽ xảy ra cho tôi. Tôi tưởng bọn tôi đã đứt khoát với nhau rồi.

Tôi từ chối hết mọi phi vụ được mời mọc dù vẫn còn thủ sẵn vài con Uzi ngon lành. Nhưng tôi cứ nghĩ bọn chúng đang nung nấu gì đó. Là tôi sẽ bị khử. Vì vậy mà tôi như nhẹ cả người khi cảnh sát mò đến rồi tôi bị đem đi. Tôi nghĩ ngồi tù sẽ được an toàn hơn. Tôi bị tóm vì một vụ cũ rồi - tôi chỉ là đồng phạm, nhưng trước đó họ đã bắt được hai gã mà cả hai đều khai tôi cung cấp vũ khí cho chúng. Tôi nhận tội ngay lập tức.”

Rover cười sáng sặc. Gã bật ho. Gã ngả người ra ghế.

“Mười tám tiếng nữa tôi ra khỏi đây rồi. Chưa biết thứ gì đang chờ tôi ngoài kia. Nhưng tôi chắc Nestor biết tôi sắp ra dù tôi được thả sớm bốn tuần. Hẳn biết hết mọi chuyện diễn ra trong chốn này và với tụi cảnh sát, tôi tin chắc chuyện đó. Hẳn có tai mắt khắp nơi. Nên tôi nghĩ, hẳn mà muốn tôi chết thì đã cho khử tôi trong này hơn là chờ tôi ra. Cậu thấy sao?”

Rover chờ. Im lặng. Cậu thanh niên không tỏ vẻ gì là đang nghĩ ngợi.

“Dù có thế nào,” Rover nói, “được ban phúc một chút thì cũng có mất gì đâu, đúng không?”

Đến mấy chữ “ban phúc” thì mắt Sonny như vụt sáng và cậu ta giơ tay phải lên ra hiệu cho Rover lại gần, quỳ xuống. Rover quỳ xuống tấm thảm cầu nguyện trải trước giường. Franck không cho phép phạm nhân nào khác trải thảm trên sàn xà lim đó là một phần trong mô hình Thụy Sĩ họ áp dụng tại Staten:

không một thứ dư thừa trong xà lim. Vật dụng cá nhân chỉ nội trong hai mươi món. Nếu muốn một đôi giày, ta sẽ phải bỏ lại hai quần lót hay hai cuốn sách.

Rover ngược lên nhìn mặt Sonny. Cậu thanh niên đưa đầu lưỡi thấm ướt cặp môi khô khốc tróc vảy. Giọng cậu ta nhẹ nhàng lạ lùng dù câu chữ thốt ra chậm rãi, phát âm thật rõ ràng.

“Thần thánh trên trời dưới đất thảy đều sẽ khoan dung và tha thứ tội lỗi cho người. Người sẽ chết, nhưng linh hồn kẻ có tội biết ăn năn sẽ được đưa lên Thiên đàng. Amen.”

Rover cúi đầu. Gã cảm nhận được bàn tay chàng trai trên cái đầu cạo trọc của gã. Sonny thuận tay trái, nhưng trong trường hợp này thì chẳng cần tài giỏi gì cũng đoán được cậu ta đoán mệnh hơn hầu hết người thuận tay phải.

Chuyện dùng quá liều có thể xảy ra nay mai, hay chục năm nữa - sao biết được? Nhưng Rover không hề nghĩ dù chỉ một phút là bàn tay cậu thanh niên này có khả năng chữa bệnh như thiên hạ đồn. Gã cũng không thực bụng tin chuyện ban phúc này. Vậy sao gã ở đây? Chậc, tôn giáo cũng giống như bảo hiểm hỏa hoạn vậy thôi; có khi nào ta thực bụng nghĩ mình sẽ cần đến đâu, nên khi thiên hạ nói anh chàng này sẵn sàng nhận thay tội lỗi của ta mà không cần đền đáp, thì cứ gì mà không đồng ý để có chút thanh thân tâm hồn? Cái Rover thắc mắc là người như Sonny sao có thể giết chóc lạnh lùng như vậy. Chẳng hợp lý gì cả. Có lẽ chuyện này giống như câu ngạn ngữ xưa: quý dữ đội nhiều lốt.

“Salaam alaikum,” 1 có tiếng nói và bàn tay giơ lên.

Rover ngồi yên vị và đầu cúi thấp. Đưa lưỡi liếm mặt trong cái răng vàng lang láng. Giờ gã đã sẵn sàng chưa? Sẵn sàng gặp Chúa Trời nếu như đó là số phận của gã? Gã ngẩng đầu lên.

“Tôi biết cậu không bao giờ đòi hỏi gì đáp lại, nhưng mà...”

Gã nhìn bàn chân trần của cậu thanh niên giấu bên dưới cẳng chân. Gã thấy mấy vết kim tiêm trên sợi ven lớn ở mu bàn chân. “Tôi chịu hạn tù sau cùng ở Botsen và trong đó dễ kiếm ma túy, chẳng có rắc rối gì. Dù gì thì Botsen cũng đâu phải nhà tù an ninh tối đa. Người ta nói với những gì Franck làm, không cách nào tuồn gì vào Staten được, nhưng...” Rover thò tay vào túi nhưng cũng không hẳn.”

Gã lôi ra một thứ. Nó cỡ bằng chiếc điện thoại di động, một vật mạ vàng hình thù như súng lục. Rover bóp cò. Một ngọn lửa nhỏ từ họng súng tóe ra.

“Thấy thứ giống vậy bao giờ chưa? Ừ phải, tôi dám chắc là cậu thấy rồi. Mấy tay sĩ quan khám xét người lúc tôi đến đây thì đương nhiên đã thấy. Chúng bảo tôi là chúng bán chui thuốc lá rẻ tiền, nếu tôi có hứng. Vì vậy

mà chúng để tôi giữ chiếc bật lửa. Tôi chắc bọn chúng đã không đọc lý lịch tư pháp của tôi. Thời buổi này chẳng ai lo việc của mình cho tử tế cả - khiến ta lấy làm lạ sao ở xứ này có việc gì xong xuôi được.”

Rover nhắc nhắc chiếc bật lửa trong tay.

“Tám năm trước tôi chế ra hai cái thế này. Nói không phải khoe chứ cho cậu biết ở Na Uy này không ai làm được hơn vậy đâu. Một tay trung gian đã liên lạc tôi nói rằng khách hàng muốn có một khẩu súng mà gã sẽ không phải giấu, một khẩu súng trông không giống súng. Vậy là tôi nghĩ ra cái này. Đầu óc người ta làm việc buồn cười thật đấy. Mới đầu họ nghĩ nó là súng, đương nhiên. Nhưng khi ta cho họ thấy dùng nó làm bật lửa được thì họ lại quên bég nó là súng. Họ còn nghĩ nó có thể là bàn chải đánh răng hay tốt nơ vít nữa chứ. Nhưng đời nào lại là súng. Vậy nên...”

Rover vặn con ốc dưới bóng súng.

“Nó nạp được hai viên đạn 9 li. Tôi gọi nó là Kẻ Giết Cặp Đôi Hạnh Phúc.”

Gã hướng nòng súng vào chàng trai. “Một viên cho em, cưng...” Rồi gã chĩa vào thái dương mình. “Và một viên cho anh...” Tiếng Rover cười nghe lạc lõng kỳ lạ trong xà lim chật chội.

“Dù sao. Đáng ra tôi chỉ được làm một cái; khách hàng không muốn ai khác biết bí mật đằng sau phát minh nho nhỏ của tôi. Nhưng tôi đã làm thêm cái nữa.

Rồi tôi mang bên mình phòng thân, lỡ như Nestor quyết định tìm cách khử tôi trong tù. Nhưng vì mai tôi ra tù rồi và không cần đến nó nữa, giờ nó là của cậu.

Còn đây...”

Rover rút từ túi bên kia ra một gói thuốc. “Vì cậu giữ bật lửa mà không có thuốc lá thì trông không được bình thường, đúng không?” Đoạn gã rút ra tấm danh thiếp ố vàng ghi “Xưởng sửa chữa mô tô Rover” đút vào gói thuốc.

“Đây là địa chỉ của tôi, biết đâu một ngày kia cậu có mô tô cần sửa. Hay muốn kiếm cho mình một con Uzi. Như tôi nói đấy, tôi vẫn còn để sẵn vài khẩu...”

Cửa mở ra phía ngoài rồi một giọng oang oang: “Ra, Rover!”

Rover quay lại. Cái quần dài của tên quản giáo đứng bên khung cửa xệ xuống vì chùm chìa khóa to tướng lủng lẳng trên dây nịt mà một phần đã bị cái bụng trào qua lưng quần như bột nhào đang nở che lấp bớt. “Đức Giáo hoàng có khách đến thăm. Muốn gọi là thân nhân cũng được.” Hắn cười hồ hốt rồi quay qua người đàn ông sau lưng. “Không méch lòng chứ hả, Per?”

Rover đút gọn khẩu súng với gói thuốc xuống dưới tấm chăn lông trên giường của cậu thanh niên rồi nhìn cậu ta lần cuối.

Rồi gã lệ làng quay đi.

Cha tuyên úy của trại cố nhoèn cười trong khi, theo phản xạ tự nhiên, vuốt thẳng chiếc cổ đứng không được vừa vặn. Thân nhân. Không méch lòng. Ông thấy muốn nhõ vào bộ mặt béo phì, nhăn nhó của tên quản giáo, nhưng thay vì vậy ông gật đầu chào phạm nhân từ xa lim đi ra và vờ như biết hắn ta là ai. Liếc nhìn mấy hình xăm trên cẳng tay hắn. Đức Mẹ và nhà thờ. Nhưng không, theo năm tháng những gương mặt và hình xăm đã nhiều lên nên ông không còn phân biệt ra ai là ai trong đám họ.

Cha tuyên úy bước vào. Ông ngửi thấy mùi nhang. Hay thứ gì đó làm ông nghĩ đến nhang. Như ma túy đang được hơ nóng.

“Chào, Sonny.”

Thanh niên ngồi trên giường không ngẩng lên, nhưng thong thả gật đầu. Per Vollan cho rằng như vậy nghĩa là sự hiện diện của mình đã được ghi nhận, công nhận. Chấp nhận.

Ông ngồi xuống ghế và thấy hơi khó chịu khi cảm nhận được hơi ấm của người ngồi trước đó. Ông đặt cuốn Kinh thánh mang theo trên giường cạnh chàng trai.

“Hôm nay ta có đặt hoa lên mộ bố mẹ cậu,” ông nói. “Ta biết là cậu không nhờ ta làm, nhưng...”

Per Vollan cố đón bắt ánh mắt chàng trai. Ông cũng có hai người con trai; cả hai đều đã lớn khôn và lìa xa mái ấm dòng họ Vollan. Như Vollan từng làm.

Khác ở chỗ lúc nào con trai ông cũng được đón mừng trở về.

Tại tòa một thầy giáo làm nhân chứng cho bị cáo đã khai rằng Sonny là một học trò xuất sắc, một tay đấu vật tài năng, được mọi người yêu mến, hay giúp đỡ người khác, thực ra cậu bé còn tỏ ý muốn trở thành cảnh sát như cha. Nhưng từ khi người ta tìm thấy xác cha cậu cạnh bức thư tuyệt mệnh trong đó ông thú nhận đã tha hóa thì không thấy Sonny đến trường nữa. Cha tuyên úy cố hình dung nỗi hổ thẹn của cậu bé mười lăm tuổi. Cố hình dung nỗi nhục của các con mình nếu có ngày chúng biết được chuyện cha mình đã làm. Ông lại vuốt thẳng cổ áo.

“Cảm ơn,” Sonny nói.

Per thấy Sonny trông trẻ lạ lùng. Vì giờ hẳn cậu ta đã gần ba mươi. Đúng rồi.

Sonny ngồi tù đã mười hai năm mà ngày bị tổng giam cậu ta mười tám. Có lẽ chính ma túy đã bao bọc cậu ta, không để cậu ta già đi nên chỉ có râu tóc là mọc dài còn đôi mắt trẻ thơ vẫn cứ nhìn đời lạ lẫm. Một cõi đời bại. Có

Chúa biết là nó xấu xa. Per Vollan làm cha tuyên úy hơn bốn mươi năm nay và đã thấy cõi đời chất chồng tội lỗi. Cái ác lây lan như ung thư, làm các tế bào khỏe mạnh bệnh hoạn đi, tặng cho chúng vết cắn của ma cà rồng rồi chiêu mộ chúng đi lo việc phá hoại. Mà đã bị cắn rồi thì chưa một ai thoát được. Không một ai.

“Cậu thế nào, Sonny? Hôm được ra ngoài cậu có thích không? Cậu được nhìn thấy biển rồi chứ?”

Không đáp.

Per Vollan hăng giọng. “Quản giáo nói là cậu được thấy biển rồi. Ất cậu đã đọc thấy trên báo là hôm sau người ta phát hiện một phụ nữ bị sát hại, cách chỗ cậu đến không xa. Người ta tìm thấy bà ta trên giường, tại nhà riêng. Đầu bị...

mà thôi. Mọi tình tiết đều trong này...” Ông gõ gõ ngón tay lên cuốn Kinh Thánh. “Viên sĩ quan tường trình là khi đang ở biển cậu bỏ trốn rồi một giờ sau anh ta tìm thấy cậu bên đường. Bảo rằng cậu không chịu giải thích cậu đã đi đâu. Cậu không được nói gì mâu thuẫn với báo cáo của anh ta, chuyện đó rất quan trọng, cậu hiểu không? Như mọi khi cậu sẽ phải nói càng ít càng tốt. Được chứ Sonny?”

Cuối cùng Per Vollan cũng bắt được ánh mắt chàng trai. Biểu hiện nơi Sonny không cho Per biết gì nhiều về cái đang diễn ra trong đầu cậu ta, nhưng ông cảm thấy khá chắc là Sonny Lofthus sẽ làm theo chỉ dẫn và không khai gì thừa với cảnh sát hay công tố viên. Cậu ta chỉ cần làm mỗi một chuyện là nhỏ nhẹ thốt ra hai chữ “có tội” khi đứng trước tòa. Dù nghe có vẻ ngược đời nhưng đôi lúc Vollan cảm nhận được một phương hướng, một sức mạnh ý chí, một bản năng sinh tồn làm cho tên nghiện này khác với bọn kia, vốn cứ rơi tự do, chưa bao giờ có dự tính nào khác, cứ tiến dần xuống nơi lầy lội. Sức mạnh ý chí này có thể bộc lộ ra như một tia sáng suốt bất chợt, một câu hỏi cho thấy cậu ta vẫn chú ý, nghe và thấy hết. Hay

trong cách cậu ta bỗng đứng lên, có sự phối hợp, thăng bằng và uyển chuyển ta không thấy những người nghiện nặng khác. Mặc dù những lúc khác thì, như lúc này chẳng hạn, dường như cậu ta không ghi nhận điều gì cả.

Vollan cựa cựa trên ghế.

“Dĩ nhiên điều này nghĩa là trong một thời gian cậu sẽ không được ra ngoài lần nào nữa. Nhưng dù sao thì cậu cũng đâu có thích bên ngoài, đúng không?”

Vả lại cậu cũng đã thấy biển rồi.”

“Đó là sông. Có phải lão chồng làm chuyện đó không?”

Cha tuyên úy giật nảy người. Như khi có gì thình lình vọt qua làn nước đen kịt trước mặt. “Ta không biết. Chuyện đó có quan trọng không?” Không trả lời. Vollan thở dài. Ông lại cảm thấy buồn nôn. Hình như dạo này nó cứ trở đi trở lại. Có lẽ ông phải lấy cái hện với bác sĩ để kiểm tra xem sao.

Cậu đừng lo chuyện đó, Sonny. Cứ nhớ là ngoài kia những người như cậu phải đào bới cả ngày mới có cú chích tiếp theo. Còn trong đây mọi thứ đều được lo đầy đủ. Vớ lại đừng quên là thời gian qua đi rất nhanh. Một khi mãn hạn tù cậu sẽ không còn ích lợi gì cho họ nữa, nhưng có vụ án mạng này thì cậu có thể kéo dài thời hạn ngồi tù.

“VẬY ĐÓ LÀ LÃO CHỒNG RỒI. HẮN GIÀU PHẢI KHÔNG?”

Vollan chỉ vào cuốn Kinh Thánh. “Trong đây cậu sẽ tìm thấy mô tả căn nhà cậu đã vào. Nhà lớn và đầy đủ tiện nghi. Nhưng chuông báo động lẽ ra phải canh giữ bấy nhiêu tài sản ấy lại không bật; cửa trước thậm chí cũng chẳng khóa. Họ nhà này là Morsand. Gã chủ tàu có miếng bít một bên mắt. Thấy gã trên báo rồi, phải không?”

“Phải.”

“Thật à? Ta không nghĩ cậu...”

“Phải, tôi đã giết bà ta. Được rồi, tôi sẽ đọc kỹ chỗ tôi đã làm chuyện đó ra sao.”

Per Vollan thở phào. “Tốt rồi. Có vài tình tiết về việc bà ta bị giết ra sao cậu phải thuộc nằm lòng.”

“Phải.”

“Bà ta... đỉnh đầu bị cưa đứt. Cậu đã dùng cưa. Cậu hiểu không?”

Những từ này được thốt ra sau một khoảng im lặng hồi lâu mà Per Vollan định lấp đầy bằng chất nôn. Nôn ra thì vẫn hay hơn là lợi dụng thẳng nhóc.

Ông nhìn cậu ta. Điều gì định đoạt kết cục một cuộc đời? Một loạt sự kiện ngẫu nhiên ta không kiểm soát được hay một sức hút hấp dẫn nào đó của vũ trụ kéo mọi thứ về hướng nó được định trước phải đi? Ông nới chiếc cổ đứng vương vীu kỳ lạ, nén cơn buồn nôn và răn mình lại. Nhớ đến những gì đang gặp nguy.

Ông đứng lên. “Nếu cậu cần liên lạc với ta thì lúc này ta đang trọ tại Trung tâm Ila ở quảng trường Alexander Kiellands.”

Ông thấy cái nhìn kỳ quặc của chàng trai.

“Chỉ tạm lúc này thôi, cậu hiểu mà.” Ông cười trừ. “Bà vợ tổng cổ ta ra khỏi nhà và bởi ta có quen biết mấy người điều hành trung tâm, họ...”

Ông dừng giữa chừng. Ông chợt nhận ra vì sao nhiều bạn tù tìm đến chàng trai để trò chuyện như vậy. Đó là sự im lặng. Khoảng chân không mời gọi của kẻ chỉ lắng nghe mà không phản ứng hay phán xét. Kẻ rút tĩa từ ta

những lời nói và bí mật mà không làm bất cứ thứ gì. Cả đời ông đã cố đạt được khả năng đó với tư cách cha tuyên úy, nhưng như thể các tù nhân đánh hơi thấy ông có động cơ. Họ không biết là gì, chỉ hiểu rằng biết được bí mật của họ ông sẽ có được điều ông muốn. Tiếp cận linh hồn họ để biết đâu sau này sẽ nhận phần thưởng người tuyên mộ trên Thiên đường.

Cha tuyên úy thấy cậu thanh niên đã mở cuốn Kinh Thánh. Một cái mẹo rất đơn giản, thật khôi hài; những chỗ cắt xén giữa các trang tạo thành một cái ngăn. Bên trong có xếp mấy tờ báo chứa thông tin Sonny cần để thú tội. Và ba gói nhỏ đựng heroin.

Ghi chú:

1. Cầu chúc bình an: Câu chào giữa những tín đồ Hồi giáo.

2

Arild Franck quát gọn hai chữ “Vào đi!” mà mắt vẫn không rời tài liệu trên bàn.

Hắn nghe thấy cửa mở. Ina, thư ký riêng của hắn ngoài tiền sảnh, thông báo hắn có khách và, trong một thoáng Arild Franck đã định bảo cô nói lại với cha tuyên úy là hắn bận. Vậy cũng không gọi là nói dối được; nửa giờ nữa hắn có cuộc họp với ủy viên tại Politthuset, trụ sở cảnh sát Oslo. Nhưng gần đây Per Vollan không được kiên định như họ cần nên kiểm lại xem ông ta có xoay xử tiếp được không thì cũng chẳng hại gì. Vụ này không được có sai sót, không một sai sót nào.

“Thôi khỏi ngồi,” Arild Franck nói, ký tài liệu rồi đứng lên. “Chúng ta sẽ vừa đi vừa nói.”

Hắn tiến ra cửa, lấy mũ đồng phục trên giá áo và nghe tiếng chân cha tuyên úy lệt bệt sau lưng. Arild Franck nói với Ina là một tiếng rưỡi nữa hắn về rồi ấn ngón trỏ lên thiết bị cảm biến bên cửa dẫn đến cầu thang. Nhà tù này có hai tầng mà không có thang máy. Thang máy tức là đường thông mà cái này cũng tức là không biết bao nhiêu là lối thoát và cần phải đóng lại trong trường hợp có cháy.

Và một vụ hỏa hoạn cùng cảnh sơ tán hỗn loạn theo sau chỉ là một trong nhiều chiêu mà bọn tù khôn lỏi ở các nhà tù khác từng dùng để vượt ngục. Cũng vì lý do đó mà mọi dây cáp điện, tủ đựng cầu chì và ống nước đều được lắp đặt sao cho phạm nhân không tiếp cận được, hoặc nằm bên ngoài tòa nhà hoặc được trát xi măng hẳn trong tường. Ở đây người ta không chừa lại một cơ may nào. Hắn không chừa lại một cơ may nào. Hắn đã họp bàn với các kiến trúc sư và chuyên viên về trại giam quốc tế khi họ vẽ bản thiết kế cho Staten. Phải thừa nhận là Nhà tù Lenzburg tại bang Aargau ở

Thụy Sĩ đã đem lại ý tưởng: cực kỳ hiện đại, nhưng đơn giản và nhấn mạnh ở tính an ninh và hiệu quả hơn là tiện nghi.

Nhưng chính hãn, Arild Franck, mới là người chịu trách nhiệm sáng tạo ra nó.

Staten là Arild Franck và ngược lại. Vậy thì tại sao ủy ban, với sự sáng suốt vô biên của họ, cầu cho họ xuống địa ngục cả đi, lại chỉ cho hãn làm phó giám thị và đi bổ nhiệm gã đần của Nhà tù Haldern đó làm giám thị? Đúng, Franck như viên kim cương thô và, không, hãn không phải là loại hay bỏ đờ các chính khách bằng cách nhảy cẫng sung sướng trước mỗi sáng kiến xuất sắc mới nhằm cải tổ hệ thống nhà tù khi mà những cải cách trước đó còn chưa được thực hiện.

Nhưng hãn biết cách để làm việc của mình - cứ nhốt thiên hạ lại nhưng không để cho chúng mắc bệnh, chết hay vì vậy mà trở thành những con người xấu xa hơn thấy rõ. Hãn trung thành với những ai xứng với lòng trung thành của hãn và hãn chăm lo cho những kẻ trung thành với mình. Vậy vẫn hơn thượng cấp của hãn trong cái hệ thống có động cơ chính trị và thối nát tận ruột này. Trước khi bị cố ý gạt khỏi vị trí giám thị Arild Franck những mong lúc về hưu có một tượng bán thân nho nhỏ làm kỷ niệm để trong tiền sảnh - mặc dù vợ hãn nói thẳng là cái cổ trâu, mặt chó bull và nhúm tóc lơ thơ vét từ bên này sang bên kia đầu hãn sẽ không phù hợp để tạc tượng. Nhưng nếu thiên hạ không biết tưởng thưởng những thành tích của ta, quan điểm của hãn về chuyện này là ta phải tự lo thôi.

“Tôi không thể làm tiếp chuyện này, Arild,” Per Vollan sau lưng hãn nói khi cả hai bước dọc hành lang.

“Làm cái gì?”

“Tôi là cha tuyên úy. Cái ta đang làm với thằng bé - bắt nó đưa đầu ra chịu cái nó không làm. Ngồi tù thay cho một lão chồng...”

“Khẽ chứ.”

Bên ngoài cửa vào phòng điều khiển, hay Franck thích gọi là “đài chỉ huy” , họ đi ngang ông già đang lau sàn và ông ta dừng tay gạt đầu thân tình chào Franck. Johannes là người lớn tuổi nhất trong tù và là phạm nhân rất hợp ý Franck, một người hiền lành mà vào thời điểm nào đó thế kỷ trước đã bị hốt -

gần như tình cờ - vì buôn lậu ma túy, từ đó đến nay chưa từng làm hại dù chỉ một con ruồi và qua nhiều năm đã trở nên có phép tắc, lệ thuộc và ngoan ngoãn đến mức thứ duy nhất khiến ông ta kinh sợ là ngày được phóng thích. Buồn thay, những phạm nhân như ông ta không tượng trưng cho sự thách thức đối với một nhà tù như Staten.

“Ông đang bị lương tâm giày vò sao, Vollan?”

“Phải, phải, đúng thế, Arild.”

Franck không sao nhớ chính xác nhân viên của mình bắt đầu gọi cấp trên bằng tên từ bao giờ, hay các giám thị bắt đầu mặc thường phục thay vì đồng phục từ khi nào. Ở một số nhà tù ngay cả quản giáo cũng mặc thường phục.

Trong một cuộc làm loạn tại Nhà tù Francisco de Mar ở Sao Paulo, các sĩ quan đã bắn hơi cay vào đồng nghiệp vì không sao phân biệt được nhân viên với phạm nhân.

“Tôi muốn rút,” cha tuyên úy khấn nài.

“Vậy có đúng không?” Franck rảo bước xuống cầu thang. Một người đàn ông chưa tới mười năm nữa sẽ về hưu mà như hăn là sung sức, bởi hăn tập luyện. Một đức tính bị lãng quên trong cái ngành mà chứng béo phì đã thành lệ hơn là ngoại lệ. Và chẳng phải hăn đã huấn luyện đội bơi trong vùng thời con gái hăn còn thi đấu sao? Những khi rảnh rỗi hăn đã góp phần

mình cho cộng đồng, đáp lại chút gì cho đất nước đã ban phát quá nhiều cho biết bao người này còn gì? Vậy sao bọn họ dám xem nhẹ hẳn. “Vậy chứ với mấy thiếu niên chúng tôi chứng kiến ông lạm dụng thì lương tâm ông thế nào hả, Vollan?”

Franck ấn ngón trỏ lên thiết bị cảm biến ở cửa kế tiếp; cửa này đưa họ vào một hành lang mà về phía Tây là các xà lim, còn về phía Đông là dãy phòng thay đồ dành cho nhân viên và lối ra bãi đỗ xe.

“Tôi khuyên ông nên nghĩ thế cũng giống như Sonny Lofthus chuộc tội cho cả ông nữa, Vollan.”

Một cánh cửa nữa, một thiết bị cảm biến nữa. Franck ấn ngón tay lên. Hẳn thích cái phát minh này, hẳn đã mô phỏng từ Nhà tù Obthiro ở Kushiro của Nhật. Thay vì phát chìa khóa, thứ mà người ta có thể làm mất, đánh lại hay dùng trái phép, dấu tay của tất cả những ai được phép qua cửa đều được nhập vào cơ sở dữ liệu. Nó không chỉ loại trừ được rủi ro sử dụng chìa khóa bất cẩn mà còn lưu trữ hồ sơ ai đi qua cửa nào và bao giờ. Tất nhiên họ cũng đã lắp thêm camera giám sát, nhưng người ta có thể giấu mặt. Dấu tay thì không vậy.

Cánh cửa thờ dài, mở ra và họ bước vào một cái lồng, một buồng nhỏ mà hai đầu đều có cửa song sắt và cửa này phải đóng rồi cửa kia mới mở.

“Tôi muốn nói là tôi không làm chuyện đó được nữa, Arild.”

Franck đưa ngón tay lên miệng. Ngoài các camera giám sát phủ gần kín nhà tù ra, các lồng còn được gắn hệ thống liên lạc hai chiều để liên lạc với phòng điều khiển nếu, vì một lý do nào đó, ta bị kẹt. Họ ra khỏi lồng rồi đi tiếp đến dãy phòng thay đồ có các vòi sen và tủ sắt cất áo quần cùng tư trang của mỗi nhân viên. Chuyện phó giám thị có chìa cái mở được mọi tủ cá nhân là điều Franck đã quyết định nhân viên không cần phải biết. Hoàn toàn không cần.

“Tôi tưởng ông biết ông đang làm việc với ai nơi đây,” Franck nói. “Ông đâu nói bỏ là bỏ được. Với những người này thì lòng trung thành là chuyện sinh tử.”

“Tôi biết chứ,” Per Vollan nói; hơi thở đã mắc chứng khò khè khó chịu.

“Nhưng tôi đang nói về sự sống và cái chết vĩnh hằng.”

Franck dừng lại trước cửa ra và liếc nhanh về dãy tủ sắt bên trái cho chắc là chỉ có hai người họ.

“Ông biết là sẽ có rủi ro chứ?”

“Có Chúa chứng giám, tôi sẽ không hé môi nói lời nào với ai. Tôi muốn anh dùng đúng mấy chữ đó, Arild. Bảo họ là tôi sẽ câm như hến. Tôi chỉ muốn rút.

Làm ơn giúp tôi đi?”

Franck nhìn xuống thiết bị cảm biến. Rút. Chỉ có hai lối ra. Lối này, cửa sau, và lối kia đi qua quây tiếp tân ở cửa trước. Không có hầm thông gió, không có lối thoát hiểm hỏa hoạn, không có ống cống kích thước rộng vừa một thân người chui qua.

“Có lẽ,” hắn nói và để ngón tay lên thiết bị cảm biến. Một chấm đèn đỏ ở đầu tay nắm lóe lên cho thấy cơ sở dữ liệu đang được dò. Đèn tắt rồi một đốm đèn xanh nhỏ xuất hiện ngay sau đó. Hắn mở cửa. Ánh nắng rực rỡ chói mắt nên họ đeo kính râm vào khi đi qua bãi đỗ xe mênh mênh. “Tôi sẽ báo lại với họ là ông muốn rút,” Franck nói rồi vừa lấy chìa khóa xe vừa hé nhìn vào phòng bảo vệ. Trong đó hai nhân viên bảo vệ có vũ trang 24/7 đang trực, cả hai lối vào và ra đều có rào chắn bằng thép mà ngay cả chiếc Porsche Cayenne mới toanh của Franck cũng không xông qua được. Có lẽ với chiếc Hummer H1 mà hắn khá là muốn tậu thì có thể làm vậy, nhưng chiếc xe đó lại lớn quá bởi lẽ họ làm lối vào hẹp chính là để dừng những xe

lớn hơn lại. Cũng vì tính đến các loại xe lớn mà hãn đã cho đặt các rào chắn thép phía trong hàng rào cao sáu mét bao quanh toàn bộ nhà tù. Franck đã đề nghị cho gắn điện hàng rào, nhưng giới chức quy hoạch đã bác đơn của hãn với lý do là Staten tọa lạc ở Oslo, trung tâm, nên thường dân vô tội có thể gặp nguy hiểm. Vô tội, ha - nếu có ai muốn động vào rào chắn, trước tiên họ phải trèo qua bức tường cao năm mét trên có dây kẽm gai.

“À này, ông đi hướng nào?”

“Quảng trường Alexander Kiellands,” Per Vollan nói khắp khởi.

“Tiếc quá,” Arild nói. “Không cùng hướng với tôi.”

“Không sao, bến xe buýt ngay ngoài kia thôi.”

“Tốt. Tôi sẽ liên lạc.”

Phó giám thị lên xe chạy tới chỗ phòng bảo vệ. Quy định nêu là phải dừng tất cả xe, kể cả xe của hãn, và phải kiểm tra người ngồi trong xe. Chỉ lúc này, khi bảo vệ đã thấy hãn từ tòa nhà đi ra rồi vào xe họ mới kéo rào chắn lên cho hãn qua. Franck đưa tay chào lại mấy bảo vệ. Hãn dừng ở đèn giao thông bên đường chính. Hãn liếc nhìn lên Staten yêu dấu của hãn trong gương chiếu hậu.

Nó chưa hoàn hảo, nhưng cũng suýt soát rồi. Còn chỗ nào thiếu sót hãn đều đổ hết lỗi cho ủy ban quy hoạch, mấy quy định mới ngu ngốc từ trên bộ và nguồn nhân lực đã tha hóa gần hết. Hãn chỉ mong muốn điều tốt đẹp nhất cho tất cả mọi người, cho mọi công dân Oslo chăm chỉ, lương thiện xứng đáng có một cuộc sống an toàn và một chuẩn mực sống nhất định. Vậy nên, OK, mọi chuyện có thể đã khác.

Hãn không thích phải làm mọi chuyện theo kiểu này. Nhưng như hãn vẫn nói với học viên bể bơi: các anh bơi hay chìm thì cũng không ai giúp gì các

anh đâu. Rồi ý nghĩ của hắn quay về với chuyện trước mắt. Hắn có một thông điệp phải truyền đi. Và hắn không nghi ngờ gì về hậu quả.

Đèn chuyển sang xanh và hắn nhấn ga.

3

Per Vollan đi qua công viên gần quảng trường Alexander Kiellands. Tháng Bảy này ướt đầm dề và lạnh quá mức, nhưng giờ mặt trời đã trở lại nên công viên xanh rì như ngày xuân. Mùa hè đã về, người người quanh ông ngồi ngửa mặt lên trời, mắt nhắm, đắm mình trong nắng như thể nó sắp cạn đi; ván trượt, rầm rập và hộp bia sáu lon lạnh canh trên đường đến buổi liên hoan ngoài trời ở những vùng không gian xanh trong thành phố và trên ban công. Tuy nhiên có một số người còn khoái chí hơn khi nhiệt độ tăng. Trông như họ được tắm khói xe cộ quanh công viên: những dáng người lếch thếch ngồi thu lu trên mấy băng ghế hay quanh đài phun nước, giọng khàn khàn, sung sướng gọi ra chỗ ông như mòng biển kêu lạnh lốt. Ông chờ đèn xanh tại giao lộ giữa đường Uelandsgate và đường Waldemar Thranes trong khi xe tải xe buýt vùn vụt lướt qua ông. Ông nhìn mấy mặt tiền nhà bên đường chớp nhoáng trước mặt qua kẽ hở của dòng xe đang lưu thông. Có một tấm nhựa phủ lên mấy ô cửa sổ quán rượu tai tiếng Tranen từng làm vơi cơn khát cho những cư dân khô héo nhất thành phố từ khi được xây năm 1921 - ba mươi năm cuối còn được góp vui bởi anh chàng Na Uy Arnie “Skiffle Joe” ăn mặc như cao bồi đạp xe một bánh, vừa đàn ghi ta vừa hát, có phần đệm của ban nhạc gồm một tay organ già bị lòa và một cô người Thái chơi tambourine và còi xe. Per Vollan đưa mắt tới trước tòa nhà có mấy chữ đúc bằng gang, xung quanh trap xi măng, trên mặt tiền chỉ rõ “Trung tâm Ila Pensjonat”. Trong chiến tranh tòa nhà từng là nơi tá túc cho những bà mẹ độc thân. Giờ nó là trung tâm phục hồi cho những con nghiện yếu đuối nhất thành phố. Những kẻ không muốn cai nghiện. Trạm dừng cuối trước cái chết.

Per Vollan băng qua đường, dừng bên ngoài lối vào trung tâm, nhấn chuông rồi nhìn vào mắt camera. Ông nghe cửa rù rù mở ra và bước vào. Vì những kỷ niệm xưa trung tâm đã dành cho ông một phòng trong hai tuần. Chuyện đó là một tháng trước.

“Chào Per,” người phụ nữ còn trẻ có đôi mắt nâu xuống mở cánh cửa chắn song dẫn lên cầu thang nói. Ai đó đã làm hỏng khóa để cửa không mở từ bên ngoài được. “Giờ nhà ăn đóng cửa rồi, nhưng ông về vừa kịp giờ ăn tối, nếu ông vào ngay.”

“Cảm ơn Martha, nhưng tôi không đói.”

“Trông ông có vẻ mệt.”

“Tôi đi bộ một mạch từ Staten về đây.”

“Ô hay? Tôi tưởng ở đó có xe buýt?”

Cô cất bước trở lên cầu thang còn ông theo sau.

“Tôi có chút chuyện phải suy nghĩ,” ông nói.

“Lúc này có ai đó ghé tìm ông.”

Per sững người. “Ai?”

“Có hỏi đâu. Có thể là cảnh sát.”

“Điều gì khiến cô nghĩ vậy?”

“Trông họ rất nóng lòng gặp ông, nên tôi nghĩ chắc là về một phạm nhân ông quen. Đại khái vậy.”

Chưa gì, Per nghĩ, chưa gì chúng đã đến tìm mình.

“Cô có tin vào điều gì không, Martha?”

Trên cầu thang cô xoay lại. Nhoén cười. Per nghĩ nếu mình là một thanh niên thì đã say đắm nụ cười đó rồi.

“Chẳng hạn như Chúa Trời với Jesus sao?” Martha hỏi, đẩy cửa vào khu vực tiếp tân có ô cửa nơi tường còn sau là văn phòng.

“Như định mệnh. Như số phận chống lại sức hút vũ trụ.”

“Tôi tin có Mad Greta,” Martha vừa lẩm nhẩm vừa lật vài trang.

“Ma quỷ không phải là...”

“Inger nói hôm qua có nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc.”

“Inger dễ bị kích động lắm, Martha.”

Cô ló đầu ra ô cửa. “Ta cần nói chuyện một lát, Per...”

Ông thở dài. “Tôi biết. Các cô đã đông người rồi và...”

“Hôm nay trung tâm ở Sporveisgata gọi nói vụ cháy có nghĩa là họ sẽ phải đóng cửa thêm ít nhất hai tháng nữa. Hơn bốn mươi người trọ của chúng tôi hiện đang ở chung phòng. Chúng tôi không thể tiếp tục như thế này được. Họ trộm đồ của nhau rồi choảng nhau. Sớm muộn gì rồi cũng có người bị thương thôi.”

“Không sao; tôi không ở thêm lâu nữa đâu.”

Martha nghiêng đầu qua một bên nhìn ông khó hiểu. “Sao bà ấy không cho ông ngủ nhà? Hai người lấy nhau được mấy năm rồi? Bốn mươi, phải không?”

“Ba mươi tám. Bà ấy sở hữu căn nhà và chuyện đó... phức tạp.” Per mỉm cười mệt mỏi.

Ông bỏ cô đẩy rồi bước về cuối hành lang. Nhạc nện thình thịch sau hai cánh cửa. Amphetamine¹. Hôm nay là thứ Hai, văn phòng phúc lợi mở cửa sau mấy ngày cuối tuần nên tình trạng hỗn loạn sôi sục khắp nơi. Ông mở khóa phòng mình. Căn phòng bé xíu, tồi tàn có một giường đơn với tủ áo giá 6.000 krone mỗi tháng. Chừng đó tiền ta thuê được cả căn hộ ở ngoại ô Oslo.

Ông ngồi xuống giường đăm đăm nhìn ra cửa sổ bám bụi. Ngoài kia xe cộ ì ầm ngái ngủ. Mặt trời soi qua mấy tấm màn thưa. Một con ruồi đang cố thoát thân trên bậu cửa sổ. Nó sẽ sớm chết. Đó là cuộc sống. Không phải cái chết, mà cuộc sống. Cái chết có là gì. Từ khi ông đi đến cái kết luận ấy đến nay đã bao năm rồi? Rằng ngoài cái chết ra thì mọi thứ, tất cả những gì ông từng rao giảng, chỉ là sự phòng vệ người ta bày ra để chống chọi với nỗi sợ chết. Vậy mà không có gì trong những điều ông từng tin có ý nghĩa cả. Cái mà con người chúng ta nghĩ mình biết thì có là gì so với cái ta cần tin để làm tê liệt nỗi sợ và cái đau.

Thế rồi ông đi trọn một vòng về khởi điểm. Ông lấy lại niềm tin nơi một Chúa Trời khoan dung và có đời sống sau cái chết. Lúc này ông tin vào điều đó, hơn bao giờ hết. Ông lấy tập giấy dưới tờ báo và bắt đầu viết.

Per Vollan không có gì nhiều mà viết. Dăm câu trên vón vện một tờ giấy, chỉ có vậy. Ông gạch bỏ tên mình trên phong bì kẹp lá thư từ luật sư của Alma nêu văn bản chia tài sản hôn nhân họ nghĩ Per được quyền hưởng. Cũng chẳng nhiều nhận gì.

Cha tuyên úy nhìn vào gương, chỉnh lại cổ đứng, khoác áo choàng dài vào rồi đi.

Martha không có mặt ở quầy tiếp tân. Inger nhận phong thư và hứa sẽ giao.

Lúc này mặt trời đã sà thấp xuống trên bầu trời; ngày đang lụi dần. Khi đi qua công viên ông liếc nhìn, nhận thấy mọi thứ và mọi người đều đóng

đúng vai mình, không có sơ suất nào lộ liễu. Không ai đứng dậy khỏi ghế dài hơi quá nhanh khi ông đi ngang, không có chiếc xe nào kín đáo chạy khỏi lề đường khi ông đổi ý và quyết định đi dọc Sannergata ra sông. Nhưng chúng ở đó. Đằng sau ô cửa sổ phản chiếu một chiều hè bình yên, trong cái liếc nhìn băng quơ của một người qua đường, trong cái ớn lạnh nơi những bóng đen trườn ra từ phía Đông mấy ngôi nhà và xua đuổi ánh nắng đi khi giành được đất. Và Per Vollan thấy cả đời mình cũng giống như vậy; một cuộc giằng co liên tục, vô ích, dao động giữa bóng tối và ánh sáng mà dường như chưa từng đem chiến thắng về cho phe nào. Hay là có? Mỗi ngày qua bóng tối lẫn thêm chút nữa. Chúng đang tiến về đêm thăm thẳm.

Ông rảo bước.

Ghi chú:

1. Loại chất kích thích làm tăng tỉnh táo và tập trung, đồng thời làm giảm mệt mỏi và thèm ăn. Thành phần trong ma túy đá.

4

Simon Kefas nâng tách cà phê lên miệng. Từ bàn bếp ông có thể nhìn ra mảnh vườn nhỏ trước nhà họ tại Fagerliveien ở Disen. Trời mưa cả đêm nên cỏ vẫn còn lấp lánh trong nắng mai. Ông nghĩ mình có thể thực sự thấy chúng đang mọc lên. Việc đó nghĩa là lại có một buổi ra vườn với máy cắt cỏ. Một việc ồn ào, vất vả chân tay, mưa mồ hôi và khiến ta chửi thề, nhưng chuyện đó thì được thôi. Else từng hỏi sao ông không kiếm cái máy cắt cỏ chạy bằng điện như bao hàng xóm của họ. Ông đáp vồn vện: tiền. Đó là câu trả lời chấm dứt hầu hết các cuộc thảo luận khi ông lớn lên trong ngôi nhà này, cũng như trong xóm. Nhưng chuyện đó là từ thời những người bình thường sống ở đây: thầy giáo, thợ cắt tóc, tài xế taxi, công chức. Hay cảnh sát, như ông. Chẳng phải cư dân hiện nay gồm toàn những người đặc biệt, nhưng họ làm trong ngành quảng cáo hay công nghệ thông tin, họ là nhà báo, bác sĩ, có đại lý cho các sản phẩm dờ hơi hoặc được thừa kế tiền bạc đủ để mua một căn nhà điền viên nho nhỏ, đẩy giá lên và đưa cả khu lân cận leo lên trên nấc thang xã hội.

“Anh đang nghĩ gì vậy?” Else hỏi, đứng sau ghế, vuốt tóc ông. Tóc ông đang thưa dần thấy rõ; nhìn từ trên đỉnh thì thấy cả da đầu. Nhưng cô quả quyết là thích như vậy. Thích vì ông trông đúng là ông: một sĩ quan cảnh sát sắp về hưu.

Thích vì rồi một ngày cô cũng sẽ già đi. Dù ông sinh trước cô hai mươi năm.

Một trong những người hàng xóm mới của họ, một tay sản xuất phim tương đối tiếng tăm, đã tưởng cô là con gái của Simon. Với ông thì chuyện đó được thôi.

“Anh đang nghĩ anh thật may mắn,” ông nói. “Vì anh có em. Vì anh có tất cả những điều này.”

Cô hôn lên đỉnh đầu ông. Ông cảm nhận được môi cô chạm vào da mình.

Đêm qua ông nằm mơ thấy mình nhường lại thị giác cho cô. Thế rồi khi ông tỉnh dậy và không nhìn thấy gì, trong khoảnh khắc trước khi nhận ra đó là vì ông đeo miếng che để khỏi bị nắng hè buổi mai làm chói mắt, ông đã là người đàn ông hạnh phúc.

Chuông cửa reo.

“Edith đấy,” Else nói. “Em đi thay đồ đây.”

Cô mở cửa cho em gái rồi biến mất lên tầng trên.

“Chào mừng Simon!”

“Chà, xem ai đây này,” Simon nói và nhìn gương mặt tươi cười của thằng bé.

Edith vào bếp. “Em xin lỗi, Simon, thằng bé cứ nằng nặc đòi em đến đây sớm để nó còn kịp đội thử mũ của anh.”

“Đương nhiên rồi,” Simon nói. “Nhưng sao hôm nay con không đi học, Mats?”

“Ngày huấn luyện nghiệp vụ giáo viên mà,” Edith thở dài. “Các trường không biết đó là ác mộng cho mấy bà mẹ đơn thân thế nào đâu.”

“Nếu vậy thì em thật tử tế khi ngỏ lời chờ Else đi.”

“Không đâu. Theo như em hiểu thì ông ta chỉ ở lại Oslo hôm nay và ngày mai thôi.”

“Ai cơ?” Mats vừa hỏi vừa day cánh tay dựng để ông phải bỏ ghế đứng lên.

“Một ông bác sĩ người Mỹ rất xuất sắc về phẫu thuật mắt,” Simon nói, vờ đờ người ra khi cho thằng bé lôi mình đứng lên. “Nào, ta đi xem có tìm được cái mũ cảnh sát đó không. Cứ pha cà phê uống đi, Edith.”

Simon với Mats đi ra phòng trước rồi thằng bé reo lên thích thú khi thấy cái mũ cảnh sát trắng đen dượng nó đã lấy trên ngăn tủ áo xuống. Nhưng nó trở nên im lặng cung kính khi được Simon đội mũ lên đầu. Họ đứng trước gương.

Thằng bé chỉ hình phản chiếu của dượng nó rồi làm tiếng súng.

“Con đang bắn ai đấy?” dượng nó hỏi.

“Bọn tội phạm,” thằng bé líu cả lưỡi. “Pằng! Pằng!”

“Ta gọi đó là tập bắn bia nhé,” Simon nói. “Ngay cả cảnh sát cũng không thể bắn bọn tội phạm khi chưa được phép.”

“Được, được mà! Pằng! Pằng!”

“Mats ạ, ta mà làm vậy là ta vào tù đấy.”

“Thật hả cậu?” Thằng bé dừng lại ngơ ngác nhìn dượng. “Sao vậy? Ta là cảnh sát mà.”

“Vì nếu ta bắn ai đó mà ta có thể bắt thì điều đó biến ta thành kẻ xấu.”

“Nhưng khi bắt chúng rồi thì ta được bắn chúng, đúng không dượng?”

Simon cười. “Không đâu. Lúc đó thì tùy thẩm phán quyết định chúng sẽ ngồi tù bao lâu.”

“Con tưởng dượng quyết định chuyện đó chứ, dượng Simon.”

Simon thấy nổi thất vọng trong mắt thằng bé. “Để đừng nói con nghe điều này, Mats. Đừng mừng là cậu không phải quyết định chuyện đó. Đừng mừng là cậu phải làm mỗi việc bắt tội phạm thôi. Vì đó là phần vui trong công việc.”

Mats nheo một mắt và cái mũi lệch ra sau. “Đừng Simon...”

“Sao?”

“Sao đừng với dì Else không có con?”

Simon bước ra sau lưng Mats, để hai tay lên vai thằng bé và mỉm cười với nó trong gương.

“Đừng dì không cần con cái, đừng dì đã có con rồi. Đúng không nào?”

Mats trầm ngâm nhìn đừng mấy giây. Rồi mặt nó sáng lên. “Đúng rồi!”

Simon dứt tay vào túi để trả lời điện thoại.

Đó là một đồng nghiệp. Simon nghe.

“Chỗ nào bên sông Aker?” Ông hỏi.

“Quá Kuba, gần trường cao đẳng nghệ thuật. Có cây cầu đi bộ...”

“Tôi biết chỗ đó rồi. Ba mươi phút nữa tôi có mặt.”

Ông xỏ giày, thắt dây và mặc áo khoác vào.

“Else ơi!” Ông gọi.

“Gì anh?” Gương mặt cô hiện ra ở đầu cầu thang. Lại một lần nữa ông thấy cô đẹp làm sao. Mái tóc dài như dòng sông đỏ uốn quanh gương mặt xinh xinh.

Mấy đốm tàn nhang bên trên và quanh cái mũi nhỏ nhắn. Rồi ông chợt nghĩ mấy đốm tàn nhang ấy gần như chắc chắn là vẫn còn đó khi ông xa rồi. Ý nghĩ tiếp theo liền hiện ra: lúc đó ai sẽ chăm lo cho cô? Nhưng ông cố xua nó đi. Ông biết rằng từ nơi đang đứng cô khó mà thấy được ông, cô chỉ giả vờ. Ông hắng giọng.

“Anh phải đi rồi, em yêu. Em sẽ gọi cho anh biết bác sĩ nói thế nào chứ?”

“Vâng. Chạy xe cẩn thận nhé.”

Hai người đàn ông trung niên đi qua cái công viên thường gọi là Kuba. Hầu như ai cũng tưởng tên đó có gì liên quan đến Cuba, có lẽ vì các cuộc mít tinh chính trị thường tổ chức ở đây và vì Grunerlokka từng được xem là xóm của tầng lớp lao động. Ta phải sống ở đó nhiều năm mới biết nơi đây từng là một bể chứa xăng lớn và sườn nhà giống như khối lập phương. Hai người đàn ông băng qua cầu đi bộ dẫn đến xưởng cũ mà giờ là một trường cao đẳng nghệ thuật.

Những đôi tình nhân đã gắn ổ khóa có ngày tháng và tên họ viết tắt vào thanh lan can trên cầu. Simon dừng lại nhìn một ổ khóa. Ông đã yêu Else mười năm trời, từng ngày một trong hơn ba ngàn rưỡi ngày họ bên nhau. Trong đời ông sẽ không bao giờ có một người đàn bà nào khác và ông không cần một ổ khóa tượng trưng mới biết điều đó. Và cô cũng vậy; mong là cô sẽ sống lâu hơn ông nhiều năm đủ để còn thời gian cho những người đàn ông mới trong đời cô. Và chuyện đó thì tốt thôi.

Từ chỗ họ đứng ông nhìn thấy Amodt Bro, một cây cầu nho nhỏ khiêm nhường bắc qua một con sông nhỏ khiêm nhường chia thủ đô nhỏ bé khiêm nhường này thành Đông và Tây. Ngày xưa ngày xưa, một thời đã lâu rồi, khi còn trai trẻ và rồ dại, ông đã lao đầu xuống sông từ chính cây cầu này. Nhóm tam hùng gồm ba chàng trai say rượu, hai trong ba gã có niềm tin không thể lay chuyển ở bản thân và tiền đồ của mình. Hai trong ba gã tin chắc mình là kẻ giỏi nhất trong cả ba. Gã thứ ba, Simon, từ lâu đã nhận ra

mình không thể tranh đua với chúng bạn nếu nói về trí thông minh, sức mạnh, kỹ năng giao du hay sức hấp dẫn đối với phụ nữ. Nhưng anh ta là người can đảm nhất. Hay, nói cách khác, kẻ sẵn sàng liều mạng nhất. Mà lao đầu xuống dòng nước bắn thì không đòi hỏi trí tuệ hay kỹ năng thể chất, chỉ cần liều mạng. Simon Kefas thường nghĩ chính sự bi quan là thứ đã thúc giục ông đem đặt cược cái tương lai mà ông không quý gì lắm, một hiểu biết tự nhiên là ông có ít thứ để mất hơn mấy người kia. Ông đã đi thẳng bằng trên lan can trong khi các bạn gào lên bảo ông đừng làm vậy, bảo ông điên rồi. Thế rồi ông nhảy. Từ trên cầu, ra khỏi đời sống, vào cái bàn cờ quay số phận tuyệt vời xoay tít. Ông đã đâm mình xuống con sông không có mặt nước, chỉ bọt trắng xóa và, dưới ấy, một vòng tay lạnh ngắt. Và trong vòng tay ôm ấp đó là tĩnh lặng, ân cần và bình yên. Khi ông trôi lên lại, bình an vô sự, họ đã reo hò. Chính Simon cũng reo hò. Dù là ông thấy băng khuâng thất vọng vì đã nổi lên lại. Thật lạ kỳ biết bao, cái mà một trái tim tan nát có thể thúc giục một chàng trai làm.

Simon xua những ký ức đi mà tập trung vào thác nước giữa hai cây cầu. Cụ thể hơn là vào dáng người bị bỏ lại đó, như một tấm hình chụp, đông cứng giữa mùa thu.

“Bọn tôi nghĩ ông ta trôi xuôi dòng,” viên cảnh sát điều tra hiện trường đứng cạnh ông nói. “Rồi áo quần ông ta bị mắc vào thứ gì đó dưới sông nhô lên. Sông thường cạn đến mức lội qua cũng được.”

“Được rồi,” Simon nói, miết miếng thuốc lá trong miệng và hất mặt lên.

Dáng người thòng thẳng xuống, hai tay dang ngang và nước đổ như thác tạo thành vầng hào quang trắng xóa quanh đầu và thân. Nó làm ông nhớ đến mái tóc của Else. Các cảnh sát điều tra hiện trường khác cuối cùng cũng hạ được thuyền xuống sông và đang lo gỡ cái xác.

“Cá một cốc bia rằng đó là tự tử.”

“Tôi nghĩ anh sai rồi, Elias,” Simon nói và giơ ngón tay lên môi trên lấy miếng snus¹ ra. Ông định thả nó xuống mặt nước bên dưới, nhưng ngăn mình lại. Thời này đã khác rồi. Ông nhìn quanh tìm thùng rác.

“Vậy là ông không chịu cá một cốc bia?”

“Không, Elias, tôi không cá đâu.”

“Ồ, xin lỗi tôi quên...” Viên cảnh sát điều tra hiện trường trông bối rối.

“Không sao,” Simon nói rồi bỏ đi. Ông gật đầu chào khi đi ngang một cô tóc vàng, dáng cao, mặc váy đen với áo khoác ngắn. Nếu không nhờ thẻ cảnh sát đeo toòng teng quanh cổ cô thì ông đã tưởng cô là nhân viên ngân hàng. Ông ném miếng snus vào thùng rác xanh lá ở đầu cầu rồi bước xuống bờ sông, vừa đi vừa đưa mắt rà kỹ khắp mặt đất.

“Chánh thanh tra Kefas?”

Elias nhìn lên. Cô gái vừa nói với anh là một phụ nữ Scandinavia điển hình như những gì mà người nước ngoài hình dung. Anh nghi cô nghĩ mình quá cao, vì vậy mà cô hơi cúi người và mang giày bệt.

“Không, không phải tôi. Cô là ai?”

“Kari Adel.” Cô giơ thẻ cảnh sát đeo quanh cổ lên. “Tôi vừa gia nhập Đội Điều tra án mạng. Người ta nói tôi là sẽ tìm thấy ông ấy ở đây.”

“Chào mừng. Cô cần gặp Simon có chuyện gì?”

“Ông ấy có trách nhiệm dẫn dắt tôi.”

“May cho cô đấy,” Elias nói và chỉ về người đàn ông đang bước dọc bờ sông. Ông ấy đang kia.”

“Ông ấy đang tìm gì vậy?”

“Chứng cứ.”

“Nhưng chắc hẳn chứng cứ sẽ ở dưới sông chỗ có cái xác chứ không phải ở xuôi dòng bờ sông.”

“Đúng vậy, nên ông ấy cho là chúng tôi đã lục soát khu vực đó rồi. Chuyện đó thì chúng tôi đã làm.”

“Mấy cảnh sát điều tra hiện trường kia nói đây trông giống một vụ tự tử.”

“Phải, tôi đã phạm sai lầm khi cố cá một cốc bia với ông ấy về chuyện đó.”

“Sai lầm?”

“Ông ấy có một rắc rối,” Elias nói. “Từng có rắc rối.” Anh để ý thấy cô nhướn mày. “Chuyện đó không có gì bí mật cả. Và nếu như hai người sắp làm việc với nhau thì tốt hơn là cô nên biết.”

“Chẳng ai nói tôi biết là tôi sẽ làm việc với một người nghiện rượu.”

“Không phải nghiện rượu,” Elias nói. “Nghiện đồ đen.”

Cô vuốt mái tóc vàng ra sau tai và nheo mắt vì nắng. “Đồ đen theo kiểu nào?”

“Kiểu thua, theo như tôi hiểu. Nhưng nếu cô là cộng sự mới của ông ấy, cô cứ tự hỏi lấy. Cô từ đâu đến?”

“Đội Bài trừ Ma túy.”

“À, nếu vậy thì cô biết cả về con sông này rồi.”

“Đúng.” Cô nheo nheo mắt nhìn xuống cái xác. “Tất nhiên đây có thể là một vụ ma túy, nhưng địa điểm thì chẳng khớp gì cả. Chúng không buôn ma túy mạnh ở đầu này của con sông đâu, muốn có thứ đó ta phải xuống

quảng trường Schous và Nybrua. Và lại thường thì thiên hạ cũng không giết người để đoạt cần sa.”

“Ồ, tốt,” Elias nói, hất hàm về phía chiếc xuống. “Cuối cùng họ cũng đưa được ông ta xuống rồi. Nếu ông ta có giấy tờ tùy thân nào thì ta sẽ biết ngay ông ta là...”

“Tôi đã biết ông ta là ai,” Kari Adel nói. “Per Vollan, cha tuyền úy.”

Elias nhìn cô từ đầu xuống chân. Anh đoán rồi cô sẽ sớm bỏ cách ăn mặc lịch lãm như mấy nữ thám tử cô thấy trong phim truyền hình Mỹ. Nhưng ngoài chuyện đó ra thì trông như có gì đó ở cô. Có lẽ cô thuộc loại người sẽ đi đến cùng. Có lẽ cô thuộc về cái giống hiếm đó. Nhưng anh cũng đã từng nghĩ về những người khác như vậy.

Ghi chú:

1. Sản phẩm thuốc lá dạng bột ẩm.

5

Phòng thám vấn được trang hoàng bằng màu nhạt; bàn ghế bằng gỗ thông.

Rèm đỏ phủ ô cửa sổ mở ra phòng điều khiển. Thanh tra Henrik Westad ở Sở Cảnh sát Buskerud cho đó là một căn phòng đẹp. Trước đây anh đã có chuyến đi từ Drammen vào Oslo và ngồi trong chính gian phòng này. Họ đã thẩm vấn bọn trẻ trong một vụ tấn công tình dục và ở đây có các búp bê giải phẫu. Lần này là một vụ điều tra án mạng. Anh nhìn chăm chú người đàn ông để tóc dài có chòm râu ngồi bên kia bàn. Sonny Lofthus. Trông anh ta trẻ hơn tuổi ghi trong hồ sơ. Anh ta cũng không có vẻ phê thuốc; đồng tử có kích thước bình thường.

Nhưng nghĩ lại thì những người đã quá lờn thuốc hiểm khi nào trông như đang phê. Westad hăng giọng.

“Vậy là anh trói bà ta lại, dùng cửa loại thường cửa đầu bà ta rồi bỏ đi?”

“Phải,” anh này trả lời. Anh ta đã khước từ quyền có luật sư, nhưng hầu như câu nào cũng trả lời từng chữ một. Cuối cùng Westad đành phải hỏi những câu “có hoặc không”. Thế mà được việc. Dĩ nhiên là được việc kinh ra; họ rút ra được cả một lời thú tội. Nhưng có cảm giác hơi sai. Westad nhìn mấy tấm hình trước mặt. Đỉnh đầu và sọ người đàn bà bị cửa gài đứt oặt qua một bên chỉ còn dính liền bằng lớp da. Bề mặt não phơi ra. Từ lâu anh đã bỏ cái ý nhìn người ta là biết họ đủ sức làm những chuyện ác nào. Nhưng người này, anh ta... anh ta không toát ra vẻ lạnh lùng, vẻ hung hăng hay chỉ đơn giản là khờ dại Westad nghĩ mình đã phát hiện thấy những sát thủ máu lạnh khác.

Westad ngả người ra ghế. “Vì sao anh tự thú chuyện này?”

Người nọ nhún vai. “ADN tại hiện trường.”

“Làm sao anh biết chúng tôi tìm được?”

Người thanh niên sờ lên mái tóc dài, dày mà ban quản lý nhà tù đã có thể ra lệnh cắt nếu muốn. “Tóc tôi rụng. Tác dụng phụ khi lạm dụng thuốc lâu dài. Giờ tôi đi được chưa?”

Westad thở dài. Một bản thú tội. Bằng chứng hợp lệ tại hiện trường. Vậy thì sao anh vẫn thấy hoang mang?

Anh cúi người tới micro để giữa họ. “Buổi thẩm vấn nghi phạm Sonny Lofthus dừng lúc 13 giờ 4 phút.”

Anh thấy đèn đỏ tắt và biết sĩ quan bên ngoài vừa tắt thiết bị ghi âm. Anh đứng lên mở cửa cho mấy quản giáo vào mở khóa còng tay cho Lofthus và áp giải anh ta về lại Staten.

“Anh nghĩ sao?” tay sĩ quan hỏi khi Westad bước vào phòng điều khiển.

“Nghĩ ư?” Westad mặc áo khoác vào và kéo kín dây khóa bằng động tác mạnh mẽ, bực tức. “Hắn chẳng cho tôi cái gì để nghĩ cả.”

“Vậy còn cuộc thẩm vấn lúc này?”

Westad nhún vai. Một người bạn của nạn nhân đã đến khai báo. Cô ta thuật là nạn nhân có kẻ lão chồng, Yngve Morsand, đã buộc tội bà ta léng phéng và dọa giết. Rằng Kjersti Morsand đã sợ hãi. Nhất là vì ông chồng có lý do chính đáng để nghi ngờ - bà ta có gặp gỡ ai đó và đang tính chuyện bỏ ông ta. Khó mà nghĩ ra động cơ giết người nào kinh điển hơn. Nhưng còn động cơ của thanh niên này? Bà này không bị cưỡng hiếp, trong nhà không có gì bị trộm. Tủ thuốc trong phòng tắm bị mở và ông chồng quả quyết là thiếu mất mấy viên thuốc ngủ. Nhưng tại sao một kẻ, xét theo dấu kim tiêm trên người, dễ dàng kiếm được ma túy loại mạnh lại phải nhọc công vì vài viên thuốc ngủ chẳng đáng?

Câu hỏi tiếp theo hiện ra ngay: tại sao một điều tra viên có trong tay bản thú tội đã ký tên lại bận lòng về những chuyện nhỏ nhất như vậy?

Johannes Halden đang đẩy giẻ lau trên khoảng sàn gần dãy xà lim chái A thì thấy hai quản giáo tiến lại cùng cậu thanh niên đi giữa.

Chàng trai nhoén cười; cậu ta trông như đang cùng hai người bạn đi dạo nơi nào đó hay ho, dù là tay đang bị còng. Johannes ngừng việc và giơ tay phải lên.

“Nhìn này, Sonny! Vai tôi đã khá hơn rồi. Nhờ cậu đấy.”

Chàng trai phải nâng cả hai bàn tay để giơ ngón cái lên với ông già. Các quản giáo dừng lại trước một cửa xà lim và mở khóa còng tay. Họ không cần phải mở cả khóa cửa vì mỗi sáng tất cả cửa xà lim đều tự động mở lúc tám giờ rồi để vậy cho đến mười giờ đêm. Nhân viên trên phòng điều khiển đã chỉ cho Johannes thấy họ chỉ cần bấm một phím là có thể khóa và mở toàn bộ cửa. Ông thích phòng điều khiển. Vì vậy mà mỗi khi lau chùi sàn trên đó ông đều đứng đĩnh. Việc người ta làm trên đó hơi giống điều khiển một tàu chở dầu cực lớn.

Nơi mà lẽ ra ông đã đến được.

Trước khi có “sự cố” ông là một thủy thủ có năng lực và đã theo học ngành hàng hải. Dự định là trở thành sĩ quan điều khiển boong tàu chính. Tiếp đến là thuyền phó, thuyền phó thứ nhất và rồi thuyền trưởng. Và cuối cùng là về với vợ và con gái trong căn nhà ngoại ô Farsund và kiếm việc làm hoa tiêu ở cảng.

Vậy thì tại sao ông lại làm chuyện đó? Sao ông lại làm tiêu tan tất cả? Cái gì khiến bằng lòng tuồn vào hai gói to từ cảng Songkhla ở Thái Lan? Chẳng phải ông không biết chúng chứa heroin. Mà cũng chẳng phải ông không biết luật hình sự và hệ thống luật pháp điên khùng của Na Uy lúc bấy giờ đặt buôn ma túy ngang hàng với tội giết người. Thậm chí cũng

không phải ông cần khoản tiền ketch xù người ta gạ gẫm để giao mấy gói đó đến một địa chỉ ở Oslo. Vậy thì là cái gì? Cảm giác mạnh ư? Hay niềm hy vọng gặp lại nàng; người con gái Thái mỹ miều mặc váy lụa có mái tóc đen dài óng ả, nhìn vào đôi mắt màu hạnh nhân của nàng, nghe nàng nhỏ nhẹ thỏ thẻ những câu tiếng Anh khó nghe từ đôi môi ngọt ngào màu anh đào, bảo ông là ông phải làm việc đó vì nàng, vì gia đình nàng ở Chiang Rai, rằng đó là cách duy nhất ông có thể cứu họ? Ông chưa bao giờ tin câu chuyện của nàng, nhưng ông tin ở nụ hôn của nàng. Và nụ hôn đó đã đưa ông vượt biển, qua hải quan, vào phòng tạm giam, ra tòa, vào phòng gặp thân nhân, nơi mà đứa con gái đã gần đến tuổi trưởng thành của ông ngồi xuống để bảo ông là gia đình không muốn dính dáng gì đến ông nữa, trải qua vụ ly dị rồi bước vào xà lim nhà tù Ila. Nụ hôn đó là tất cả những gì ông muốn và nụ hôn được hứa hẹn ấy ông bỏ lại tất cả.

Khi ông được thả thì đã không còn ai chờ ông bên ngoài. Gia đình từ ông, bạn bè xa dần và ông sẽ không bao giờ còn kiếm được việc trên tàu nữa. Vậy nên ông tìm đến những người duy nhất sẵn sàng chấp nhận ông. Bọn tội phạm.

Và thế là ngựa quen đường cũ. Tàu rông. Nestor, người Ukraina, đã thu dụng ông. Heroin từ miền Bắc Thái Lan được chở lậu trong những xe tải dùng tuyến đường giao thuốc cũ qua Thổ Nhĩ Kỳ và bán dạo Balkan. Ở Đức hàng được phân phối đến các nước Scandinavia và việc của Johannes là chở chạng cuối.

Sau đó ông thành kẻ chỉ điểm tén cần.

Chuyện đó cũng không có lý do chính đáng nào. Chỉ là một viên cảnh sát chạm được vào cái gì đó ở ông, cái gì đó chính ông cũng không biết mình có.

Và dù triển vọng đó - một lương tâm trong sạch - xem ra không đáng bằng nụ hôn của một mỹ nữ, ông đã thực sự tin ở viên cảnh sát đó. Có gì đó

trong mắt anh ta. Johannes có thể đã hoàn lương, chuyển hướng, biết đâu được? Nhưng rồi một chiều thu viên cảnh sát bị giết. Rồi lần đầu tiên và cũng là duy nhất Johannes nghe thấy cái tên đó, nghe người ta thì thầm nó vừa sợ hãi lại vừa kính nể. Sinh Đồi.

Từ lúc ấy, chuyện Johannes bị bắt lại chỉ là sớm muộn. Ông nhận những vụ liều lĩnh hơn, chở những chuyến càng lúc càng lớn. Khốn kiếp, ông muốn bị tóm. Chuộc lỗi cho những gì ông đã làm. Nên ông thấy nhẹ nhõm khi nhân viên hải quan tại biên giới Thụy Điển chặn ông lại. Đồ đạc sau xe tải ông nhồi đầy heroin. Thẩm phán đã nhắc bồi thẩm đoàn lưu ý cả hai điều là số lượng ma túy của vụ việc và đây không phải lần đầu Johannes vi phạm. Chuyện đó đã mười năm trước. Ông ngồi tù ở Staten bốn năm qua, từ khi nhà tù hoạt động. Ông đã thấy phạm nhân đến rồi đi, cả quản giáo cũng đến rồi đi, và ông đối đãi với tất cả họ bằng sự tôn trọng họ xứng đáng. Và, đổi lại, ông nhận được sự kính trọng ông xứng đáng. Nghĩa là, ông khoan khoái với sự kính trọng mà phạm nhân lâu năm có được. Cái gã đã không còn là mối đe dọa nữa. Vì không ai trong họ biết bí mật của ông. Sự phản bội đáng trách của ông. Lý do ông bắt mình chịu sự trừng phạt này. Ông cũng đã từ bỏ hy vọng cuối cùng để đạt được thứ duy nhất có ý nghĩa. Nụ hôn mà một người đàn bà trong dĩ vãng hứa hẹn với ông. Lương tâm trong sạch mà một cảnh sát giờ đã chết hứa hẹn cho ông. Cho đến khi ông được chuyển đến chái A và gặp chàng trai thiên hạ đồn có khả năng chữa bệnh.

Johannes đã giật mình khi nghe cái họ, nhưng ông không nói gì. Ông cứ cặm cụi lau sàn, cứ cúi đầu, mỉm cười, làm ơn và nhận những giúp đỡ nhỏ nhỏ khiến cuộc sống ở một nơi như chốn này còn chịu đựng được. Ngày, tuần, tháng, rồi năm trôi đi mà thành một đời sẽ sớm tàn. Ung thư. Ung thư phổi. Xà lim chặt chội, bác sĩ nói. Dạng xâm thực, thứ tệ hại nhất trừ phi được chặn đứng sớm.

Nó không được chặn đứng sớm.

Chẳng ai làm gì được. Dĩ nhiên là Sonny cũng không. Khi Johannes hỏi, cậu ta còn không đoán được gần đúng có gì bất ổn; chàng trai phỏng đoán là ở háng, lại còn huých huých tay, nháy nháy mắt. Còn vai ông đúng ra là tự đỡ, không phải nhờ bàn tay dứt khoát là không hơn 370C của Sonny, mà thực ra còn lạnh hơn nhiều. Nhưng cậu ta là một anh chàng tử tế, thực sự là vậy, nên Johannes không muốn khiến cậu ta vỡ mộng về bàn tay chữa bệnh của mình.

Vậy nên Johannes giữ riêng mình biết, cả căn bệnh lẫn sự phản bội. Nhưng ông biết thời gian sắp hết. Rằng ông không thể mang theo bí mật này xuống mồ.

Không đâu nếu như ông muốn yên nghỉ trong thanh thản hơn là trong nỗi khiếp sợ phải sống dậy như xác sống, bị dòi bọ rúc rĩa và không thoát ra được, phải chịu đọa đày muôn kiếp. Ông không có đức tin về chuyện ai sẽ phải chịu tội đọa đày vĩnh viễn hay tại sao, nhưng trong đời mình ông đã sai lầm về quá nhiều thứ.

“Quá nhiều thứ...” Johannes Halden lẩm bẫm một mình.

Đoạn ông bỏ giẻ lau qua một bên, bước lại xà lim của Sonny và gõ cửa.

Không nghe ơ hời. Ông lại gõ.

Chờ.

Rồi ông mở cửa ra.

Sonny ngồi đó, sợi cao su cột quanh cẳng tay bên dưới cùi chỏ, răng cắn chặt đầu sợi dây. Cậu ta cầm ống tiêm ngay bên trên một sợi ven lồi lên. Góc chỉ định ba mươi độ để tiêm được êm nhất.

Sonny điềm nhiên nhìn lên mỉm cười. “Gì vậy?”

“Xin lỗi, tôi... thôi để sau đi.”

“Ông có chắc không?”

“Ừ, chuyện đó... không có gì gấp.” Johannes cười. “Một giờ nữa cũng được.”

“Bốn giờ nữa được không?”

“Bốn giờ thì được.”

Ông già thấy kim tiêm lún vào ven. Chàng trai ấn ống bơm xuống. Sự im lặng và bóng tối tràn ngập căn phòng như nước đen kịt. Johannes lặng lẽ rút lui, khép cửa lại.

6

Simon áp điện thoại bên tai, gác hai chân lên bàn và ngả ghế ra sau. Đó là tiết mục mà nhóm tam hùng thạo đến mức khi họ thách đố nhau, người thắng sẽ là ai giữ thắng bằng lâu nhất.

“VẬY là ông bác sĩ Mỹ không cho em biết ý kiến.” Ông nói nhỏ giọng, phần vì ông thấy không lý gì lại lôi các thành viên khác trong Đội Điều tra án mạng vào đời tư của mình, phần vì vợ chồng ông vẫn trò chuyện với nhau qua điện thoại như vậy. Nhẹ nhàng, thân mật. Như thể họ đang nằm trên giường, ôm nhau.

“Ồ, có chứ,” Else nói. “Nhưng chưa. Ông ấy muốn xem kết quả xét nghiệm và hình chụp trước. Mai em sẽ được biết thêm.”

“OK. Em thấy trong người thế nào?”

“Ồn.”

“Ồn ra sao?”

Cô cười. “Đừng lo quá, anh yêu. Gặp lại anh vào giờ ăn tối nhé.”

“Được. Em gái em, cô ấy... ?”

“Phải, nó vẫn còn đây và sẽ chở em về. Giờ thì đừng làm rộn chuyện nữa và cúp máy đi, anh đang ở chỗ làm mà!”

Ông miễn cưỡng cúp máy. Nghĩ về giấc mơ trong đó ông cho cô đôi mắt của mình.

“Chánh thanh tra Kefas?”

Ông ngược lên. Rồi ngược lên cao hơn. Người phụ nữ đứng trước bàn ông có dáng cao. Dong dỏng. Và gầy gò. Cặp giò khăng khiu như chân nhện ló ra dưới chiếc váy lịch thiệp.

“Tôi là Kari Adel. Người ta bảo tôi giúp ông một tay. Tôi đã cố tìm ông ở hiện trường vụ án, nhưng ông biến đâu mất.”

Cô lại còn trẻ nữa. Trẻ măng. Cô trông giống một nhân viên ngân hàng đầy tham vọng hơn là sĩ quan cảnh sát. Simon ngả ghế dựa thấp hơn nữa. “Hiện trường vụ án nào?”

“Kuba.”

“Mà làm sao cô biết đó là hiện trường vụ án?”

Ông thấy cô đổi tư thế. Tìm đường thoát. Nhưng không có.

“Có khả năng là hiện trường vụ án,” cô bèn trả lời.

“Mà ai nói là tôi cần giúp?”

Cô hất ngón cái ra sau để chỉ nơi mệnh lệnh xuất phát. “Nhưng tôi nghĩ tôi mới là người cần giúp. Ở đây tôi là người mới.”

“Vừa mới ra lò?”

“Mười tám tháng bên Đội Bài trừ Ma túy.”

“Vậy là mới. Mà cô đã tới được Đội Điều tra án mạng rồi? Xin chúc mừng, Adel. Hoặc cô thực sự may mắn, quen biết nhiều hoặc...” Ông nghiêng người lấy hộp thiếc đựng snus trong túi quần jean.

“Là phụ nữ?” cô gợi ý.

“Tôi đang tính nói là thông minh.”

Cô đỏ mặt và ông thấy được vẻ lúng túng trong mắt cô.

“Cô thông minh chứ?” Simon hỏi, nhét một miếng snus dưới môi trên.

“Tôi hạng nhì trong khóa của mình.”

“Vậy cô định ở lại Đội Điều tra án mạng bao lâu?”

“Ý ông là sao?”

“Nếu ma túy không hấp dẫn cô thì sao án mạng lại hấp dẫn được?”

Cô lại đổi tư thế. Simon thấy mình nghĩ đúng. Cô là loại người thường xuất hiện chớp nhoáng trong vai khách mời rồi biến vào tòa nhà, lên những tầng cao hơn và được thăng chức. Thông minh. Có lẽ là sẽ bỏ hẳn lực lượng cảnh sát.

Như mấy đứa chó chết lấu cá bên Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng đã làm. Ấm hết mọi kỹ năng của họ rồi bỏ rơi Simon trong lúc hoạn nạn. Lực lượng cảnh sát không phải nơi để ở lại nếu ta thông minh, tài năng, đầy tham vọng và muốn có một cuộc sống.

“Tôi rời hiện trường vì sẽ chẳng tìm thấy gì ở đó,” Simon nói. “Vậy nói tôi nghe, cô sẽ bắt đầu từ đâu?”

“Tôi sẽ nói chuyện với họ hàng thân thích của ông ta,” Kari Adel nói, nhìn quanh tìm ghế. “Vạch ra những hành tung của ông ta trước khi chịu cái kết cục dưới sông.”

Giọng cô khiến người ta nghĩ cô là dân miền Đông của Tây Oslo, là nơi thiên hạ rất sợ nhấn giọng sai sẽ làm họ xấu mặt.

“Tốt, Adel. Mà họ hàng thân thích của ông ta...”

“... là vợ ông ta. Sắp thành vợ cũ. Bà ta mới tống cổ ông ta ra đường. Tôi đã nói chuyện với bà ta. Ông ta trợ trung tâm Ila dành cho người nghiện ma túy.

Tôi ngồi xuống được không... ?”

Thông minh. Nhất định là thông minh.

“Giờ cô không cần ngồi đâu,” Simon nói, đứng lên. Ông nhắm chừng cô cao hơn ông ít nhất cũng mười lăm phân. Dù là vậy, cô phải bước hai bước mới theo kịp một bước của ông. Váy ôm. Tốt thôi, nhưng ông nghi cô sẽ sớm phải mặc thứ gì khác. Muốn phá án thì phải mặc đồ jean.

“Các vị biết là các vị không được phép vào đây.”

Martha chặn lối vào cửa trước Trung tâm Ila và nhìn hai người. Cô nghĩ mình gặp người phụ nữ rồi. Chiều cao và cái dáng gầy gò của cô ta khó mà quên được. Đội Bài trừ Ma túy? Cô ta có mái tóc vàng, èo uột, hầu như không son phấn và có vẻ mặt hơi thiếu nã, trông như đứa con gái sợ sệt của một người đàn ông giàu có.

Người đàn ông thì hoàn toàn trái ngược. Cao khoảng 1 mét 7, đầu độ sáu mươi mấy. Mặt tàn nhang. Nhưng cũng có những nếp nhăn. Tóc bạc thưa dần lên bên trên đôi mắt mà cô đọc thấy những từ “tốt bụng”, “hóm hỉnh” và “bướng bỉnh”. Đoán hiểu con người là cái cô vô thức làm trong buổi phỏng vấn giới thiệu bắt buộc với những người trợ mới để xác định xem nhân viên sẽ gặp kiểu cư xử và rắc rối nào. Đôi khi cô cũng sai. Nhưng thường thì không.

“Chúng tôi không cần vào trong,” người đàn ông tự giới thiệu là chánh thanh tra Kefas nói. “Chúng tôi bên Đội Điều tra án mạng. Là về chuyện Per Vollan.

Ông ấy từng sống ở đây.”

“Từng sống?”

“Phải, ông ấy chết rồi.”

Martha há hốc miệng. Đó là phản ứng đầu tiên khi cô nghe lại một người nữa chết. Cô không biết mình làm vậy có phải vì để chắc là mình vẫn còn sống. Tiếp đến mới là sự ngạc nhiên. Hay đúng hơn, thực tế là cô không thấy ngạc nhiên.

Nhưng Per không phải là người nghiện ma túy, ông không ngồi trong phòng chờ của thần chết cùng những người còn lại. Hay là có? Và một cách vô thức cô đã thấy, đã biết điều đó? Có phải vì vậy mà theo sau cái há hốc thông thường là một phản ứng tâm lý cũng quen thuộc như vậy: dĩ nhiên chuyện phải như vậy.

Không, không phải vậy. Là chuyện khác.

“Người ta tìm thấy ông ấy dưới sông Aker.” Người đàn ông lãnh việc trò chuyện. Người phụ nữ có chữ TẬP SỰ ghi trên trán.

“Phải,” Martha nói.

“Trông cô không ngạc nhiên?”

“Không. Không, có lẽ là không. Chuyện đó bao giờ cũng là cú sốc, tất nhiên, nhưng...”

“... nhưng đó là chuyện bình thường trong loại công việc của ta, phải không?” Người đàn ông ra dấu về mấy cửa sổ nơi tòa nhà bên cạnh. “Tôi không biết là Tranen đóng cửa rồi.”

“Nó sẽ thành tiệm bánh ngọt hạng sang,” Martha nói, co ro ôm mình như thể bị lạnh. “Dành cho mấy bà mẹ trẻ giàu có nhâm nhi cà phê sữa.”

“VẬY là họ cũng tới đây rồi. Ngạc nhiên ghê hén.” Ông gật đầu với một người ở lâu năm trong trung tâm đang lê bước qua trên hai đầu gối lấy bấy của dân nghiện thì nhận lại cái gật đầu dè dặt. “Ở đây có nhiều gương mặt quen.

Tuy nhiên Vollan là cha tuyên úy. Báo cáo khám nghiệm tử thi vẫn chưa có, nhưng chúng tôi không tìm thấy dấu kim tiêm trên người ông ấy.”

“Ông ấy ở đây không phải vì dùng ma túy. Ông ấy đã giúp đỡ chúng tôi khi chúng tôi gặp chuyện rắc rối với những người từng phạm pháp sống ở đây. Họ tin tưởng ông ấy. Vì vậy khi ông ấy phải dọn ra khỏi nhà, chúng tôi ngỏ lời cho ông ấy ở tạm.”

“Chúng tôi biết. Điều tôi đang hỏi là tại sao cô biết ông ấy không dùng mà không ngạc nhiên là ông ấy đã chết. Ông ấy chết có thể là do tai nạn.”

“Phải vậy không?”

Simon nhìn người phụ nữ cao, gầy. Cô ta ngáp ngừng cho đến khi ông gật đầu. Bấy giờ cô ta mới mở miệng. “Chúng tôi không tìm thấy dấu hiệu bạo hành nào, nhưng khu vực quanh sông là điểm nóng khét tiếng về tội phạm.”

Martha để ý giọng cô ta và đi đến kết luận là một người mẹ nghiêm khắc đã chỉnh lời ăn tiếng nói của cô con gái ngay tại bàn ăn. Một người mẹ đã bảo là cô ta sẽ không bao giờ tìm được tấm chồng tử tế nếu nói năng như một con bán hàng.

Chánh thanh tra nghiêng đầu. “Cô nghĩ sao, Martha?”

Cô thích ông. Ông trông như người biết quan tâm.

“Tôi nghĩ ông ấy đã biết mình sắp chết.”

Ông nhướn một bên mày. “Tại sao?”

“Vì ông ấy có viết cho tôi một lá thư.”

Martha đi vòng qua chiếc bàn trong phòng họp nằm đối diện khu vực tiếp tân ở tầng một. Họ đã xoay xử giữ lại được phong cách Gothic nên rõ ràng đó là căn phòng đẹp nhất trong tòa nhà. Tính ra thì cũng chẳng có hơn thua gì nhiều. Cô rót một tách cà phê mời chánh thanh tra, ông đã ngồi xuống đọc lá thư Per Vollan để lại cho cô ở bàn tiếp tân. Công sự của ông ngồi vắt vẻo bên mép ghế cạnh ông, nhắn tin điện thoại. Cô ta đã lịch sự từ chối lời mời cà phê, trà hay nước của Martha như thể nghi là ngay cả vòi nước ở đây cũng nhiễm vi khuẩn cần tránh. Kefas đẩy lá thư qua cho cô ta. “Trong đây nói ông ấy để lại toàn bộ những gì mình có cho ký túc xá.”

Đồng nghiệp của ông gửi tin nhắn rồi hăng giọng. Chánh thanh tra quay qua cô ta. “Gì, Adel?”

“Ông không được gọi là ký túc xá nữa; gọi là trung tâm phục hồi.”

Kefas trông thật tình ngạc nhiên. “Sao vậy?”

“Vì ở đây chúng tôi có nhân viên xã hội và bệnh xá,” Martha giải thích.

“Nên nó không chỉ là ký túc xá. Dĩ nhiên lý do thật là giờ đây từ “ký túc xá” đã mang những nghĩa đáng tiếc. Uống rượu, cãi vã âm ỉ và điều kiện sống bẩn thỉu.

Nên họ đặt tên lại và quét qua loa tí sơn lấp chỗ gỉ sét.”

“Nhưng ngay cả là vậy...” chánh thanh tra nói. “Có đúng là Vollan sẽ để lại mọi thứ thuộc sở hữu của mình cho nơi này không?”

Martha nhún vai. “Tôi không nghĩ ông ấy có gì nhiều mà để lại. Ông có để ý thấy ngày tháng bên dưới chữ ký không?”

“Ông ấy viết lá thư hôm qua. Nên cô nghĩ ông ấy làm vậy vì biết mình sắp chết? Cô muốn nói ông ấy tự vẫn?”

Martha ngẫm nghĩ. “Tôi cũng không biết nữa.”

Người phụ nữ cao gầy lại hăng giọng. “Theo như tôi biết thì đồ vỡ hôn nhân không phải là lý do tự tử bất thường ở đàn ông ngoài bốn mươi.”

Martha có cảm giác là người phụ nữ ít nói không chỉ biết điều đó; cô ta có sẵn số liệu thống kê trong tay.

“Ông ấy có vẻ gì là trầm cảm không?” Simon hỏi.

“Tôi thì sẽ nghĩ là chán nản hơn là trầm cảm.”

“Người có ý định quyên sinh sẽ tự sát khi đã ra khỏi tình trạng trầm cảm, đó không phải chuyện bất thường,” cô ta nói nghe như đang đọc trong sách ra. Hai người kia nhìn cô ta. “Chứng trầm cảm thường có đặc điểm là sự dửng dưng và cần chút đột phá nhất định để thực hiện ý định tự tử.” Một tiếng bíp cho biết cô ta vừa nhận được tin nhắn.

Kefas quay qua Martha. “Một người đàn ông trung niên bị vợ tống cổ khỏi nhà rồi viết cho cô cái gì đó có thể xem là thư từ biệt. Vậy sao đó không phải là tự vẫn?”

“Tôi không nói là không phải.”

“Nhưng?”

“Ông ấy có vẻ lo sợ.”

“Sợ gì?”

Martha nhún vai. Cô băn khoăn không biết mình có đang tạo phiền phức không cần thiết cho bản thân.

“Per là người có góc tối. Ông ấy rất thành thực về chuyện đó. Ông nói mình trở thành cha tuyên úy vì ông cần sự tha thứ hơn cả.”

“Cô muốn nói rằng ông ấy đã làm những chuyện mà không phải ai cũng sẽ tha thứ cho ông ấy?”

“Những chuyện mà sẽ không một ai tha thứ cho ông ấy.”

“Tôi hiểu rồi. Có phải ta đang nói về kiểu tội lỗi dường như tiêu biểu cho đông đảo tầng lớp tu sĩ?”

Martha không đáp.

“Có phải vì vậy mà bà vợ đuổi ông ấy ra khỏi nhà?”

Martha ngập ngừng. Người này sắc sảo hơn mấy sĩ quan cảnh sát cô từng gặp. Nhưng cô có tin tưởng ông được không?

“Trong công việc của tôi ta sẽ học được nghệ thuật tha thứ cho cái không thể tha thứ, thừa chánh thanh tra. Dĩ nhiên có lẽ là cuối cùng Per đã không thể tha thứ cho chính mình và đó là lý do vì sao ông ấy chọn lối thoát này. Nhưng cũng có lẽ là...”

“... ai đó, giả dụ như cha của đứa trẻ bị lạm dụng, không muốn những lời buộc tội thúc bách sẽ làm xấu mặt cả nạn nhân. Hơn nữa, người đó cũng không thể chắc Per Vollan sẽ bị trừng phạt và, trong bất cứ tình huống nào, ông ấy nhận bản án gì thì cũng sẽ không đủ. Nên người đó đã quyết định làm quan tòa, bồi thẩm đoàn và người hành quyết.”

Martha gật. “Ai đó xâm hại con mình thì làm vậy cũng là bình thường thôi, tôi đoán thế. Trong công việc của mình ông chưa từng gặp những trường hợp mà luật pháp không thỏa đáng sao?”

Simon Kefas lắc đầu. “Nếu cảnh sát đầu hàng trước cám dỗ kiểu đó, luật pháp sẽ vô dụng. Và quả thực là tôi tin pháp luật. Công lý cần phải không phân biệt. Cô có nghi ngờ riêng ai không?”

“Không.”

“Nợ tiền ma túy?” Kari Adel hỏi.

Martha lắc đầu. “Ông ấy mà dùng thì tôi đã biết.”

“Tôi hỏi vì tôi vừa nhận tin cho một cảnh sát đội Bài trừ Ma túy hỏi về Per Vollan. Và anh ta trả lời...” Cô ta đang lấy điện thoại trong túi áo khoác ôm sát thì có tiếng keng vì một viên bi rơi ra theo, chạm sàn và lăn theo hướng Đông.

“Thỉnh thoảng có thấy ông ta nói chuyện với một tên buôn ma túy của Nestor,”

cô ta vừa đọc to vừa đứng lên tìm viên bi. “Thấy ông ta mua một gói, nhưng không trả tiền.” Kari Adel cắt điện thoại vào túi và chụp được viên bi trước khi nó chạm tường.

“Vậy cô hiểu sao về chuyện đó?” Simon hỏi.

“Là tòa nhà này xuôi về hướng quảng trường Alexander Kiellands. Có lẽ ở phía đó có nhiều đất sét xanh hơn và ít granite hơn.”

Martha cười tủm tỉm.

Cô gái cao gầy nhoẻn cười. “Và rằng Vollan nợ tiền ai đó. Một gói heroin giá ba trăm krone. Nó thậm chí không được nguyên gói, chỉ có 0,2 gam. Hai gói một ngày...”

“Đừng nhanh vậy,” Simon ngắt lời. “Dân nghiện không được mua chịu, đúng không?”

“Phải, không thường xuyên. Có lẽ ông ta đã làm gì giúp ai đó nên được trả công bằng heroin.”

Martha vung hai bàn tay lên. “Ông ấy không dùng mà, tôi nhắc lại! Phần nửa công việc của tôi là biết xem người ta có sạch không, OK?”

“Tất nhiên là cô nói đúng, cô Lian,” Simon nói, xoa xoa cằm. “Có lẽ heroin không phải là để cho ông ấy.” Ông đứng lên. “Dù sao, ta sẽ phải chờ xem giám định viên pháp y nói thế nào.”

“Cô nhắn tin cho Đội Bài trừ Ma túy là ý hay đấy,” Simon nói khi chờ cả hai chạy xuôi Uelands về hướng trung tâm thành phố.

“Cảm ơn,” Kari đáp.

“Cô nàng tử tế, cô Martha Lian ấy. Cô đã từng gặp cô ấy chưa?”

“Chưa, nhưng nếu gặp thì tôi sẽ không thế nào đá cô ấy ra khỏi giường.”

“Sao?”

“Xin lỗi, đùa bậy. Ý ông là tôi có quen cô ta từ thời còn làm bên Đội Bài trừ Ma túy không. Có. Cô ấy đáng yêu nên tôi vẫn thắc mắc sao cô ấy lại làm ở Trung tâm Ila.”

“Vì cô ấy xinh ư?”

“Một chuyện ai cũng biết là ngoại hình khá sẽ nâng đỡ triển vọng sự nghiệp của người có trí thông minh và năng lực vừa phải. Theo như tôi thấy thì làm việc trung tâm Ila không phải là bàn đạp cho cái gì cả.”

“Có lẽ cô ấy nghĩ đó là một công việc xứng đáng.”

“Xứng đáng ư? Ông có biết họ trả...”

“Đáng làm. Cảnh sát cũng đâu được trả lương khá lắm.”

“Đúng vậy.”

“Nhưng đó là một nơi tốt để khởi nghiệp nếu ta kết hợp nó với một bằng luật,” Simon nói. “Bao giờ thì cô xong bậc hai?”

Ông lại phát hiện thấy thoáng ửng hồng trên cổ Kari và biết mình đã gọi lại nỗi niềm.

“Tốt,” Simon nói. “Được cô giúp sức thì tốt quá. Tôi nghĩ rồi cô sẽ sớm thành sếp của tôi. Hoặc cô sẽ kiếm được một việc trong khu vực tư nhân mà lương bổng trung bình cũng gấp rưỡi nếu là những người có kỹ năng như chúng ta.”

“Có lẽ,” Kari nói. “Nhưng tôi không nghĩ có bao giờ lại thành sếp của ông.

Tháng Ba sau là ông về hưu rồi.”

Simon không biết nên cười hay nên khóc. Ông rẽ trái tại Gronlandsleiret, về hướng trụ sở cảnh sát.

“Gấp rưỡi lương của cô sẽ rất hữu dụng khi cô đang phải lo chuyện nhà cửa.

Căn hộ hay nhà riêng?”

“Nhà riêng,” Kari nói. “Chúng tôi đang tính có hai con nên cần thêm phòng.

Xét theo giá mét vuông ở Oslo trung tâm thì ta phải mua một chỗ cần sửa sang lại, trừ phi là ta được thừa kế tiền. Cả cha mẹ tôi lẫn cha mẹ Sam đều còn sống và khỏe mạnh; vả chăng, Sam với tôi đều nhất trí là trợ cấp sẽ làm ta hư.”

“Làm ta hư sao? Thật hả?”

“Đúng vậy.”

Simon nhìn mấy ông chủ Pakistan đã bỏ những cái tiệm nóng bức ra đường tán gẫu, hút thuốc và nhìn xe cộ.

“Cô không tò mò làm sao tôi biết cô đang tìm nhà ư?”

“Viên bi,” Kari nói. “Người lớn chưa con cái mà lại có một viên trong túi thì chỉ có nghĩa là đang đi xem nhà hay căn hộ cũ và muốn kiểm xem sàn có xuôi do lún nặng đến mức phải nâng lên không.”

Cô quả là thông minh.

“Cứ nhớ điều này,” Simon nói. “Một ngôi nhà tồn tại được 120 năm rồi thì sàn sẽ hơi vênh một chút.”

“Có lẽ vậy,” Kari nói, hướng người tới nhìn lên chóp nhà thờ Gronland.

“Nhưng tôi thích sàn nhà bằng phẳng.”

Simon bật cười. Ất ông sẽ dần thích cô gái này. Ông cũng thích sàn bằng phẳng.

7

“Tôi có biết cha cậu,” Johannes Halden nói.

Bên ngoài trời đang mưa. Hôm ấy nắng ấm; mây tụ trên đường chân trời và mưa phùn mùa hè lất phất rơi trên thành phố. Johannes nhớ lại ngày ông chưa bị tổng giam có cảm giác thế nào. Những giọt mưa li ti ấm lên phút giây chạm vào làn da râm nắng của ta ra sao. Nó khiến cái mùi bụi bay lên từ nhựa đường ra sao. Hương hoa, cỏ và lá thường làm ông ngông cuồng, ngây ngất và nghịch ngợm. A, lại được trai trẻ.

“Tôi là kẻ chỉ điểm tín cần cho ông ấy,” Johannes nói.

Sonny ngồi trong bóng tối sát tường và gần như là bất khả để thấy mặt mũi cậu ta. Johannes không còn nhiều thời gian; chốc nữa thôi dây xà lim sẽ bị khóa lại ban đêm. Ông hít một hơi thật sâu. Nó đây rồi. Câu ông cần nói, nhưng khiếp sợ những hệ quả. Thốt ra những từ đã nằm trong lồng ngực lâu đến mức ông e chúng mọc rễ ra rồi.

“Không phải ông ấy tự bắn mình đâu, Sonny.”

Đấy. Cuối cùng thì ông cũng đã cho cậu ta biết.

Im lặng.

“Cậu không ngủ đấy chứ, Sonny?”

Johannes thấy thân người kia xê dịch trong bóng tối.

“Tôi biết vụ đó đối với cậu và mẹ cậu thế nào. Thấy cha mình chết. Đọc lá thư ông tự nhận là tên gián điệp nhị trùng trong cảnh sát tiếp tay cho bọn buôn ma túy và buôn người. Rằng ông đã báo cho chúng biết về các cuộc vây ráp, bằng chứng, nghi phạm...”

Ông thấy màu trắng trong cặp mắt chớp chớp.

“Nhưng ngược lại mới đúng, Sonny. Cha cậu đoán được ai là gián điệp nhị trùng. Tôi nghe lỏm được Nestor nói chuyện điện thoại với sếp là chúng phải khử một cảnh sát tên Lofthus trước khi anh ta làm tan tành mọi sự của chúng.

Tôi nói lại cho bố cậu biết cuộc trò chuyện đó, rằng ông ấy đang gặp nguy, rằng cảnh sát phải mau ra tay. Nhưng bố cậu nói ông ấy không thể để người khác liên lụy, rằng ông ấy phải làm một mình vì ông biết còn những cảnh sát khác mắc nợ Nestor. Nên ông bắt tôi thề ngậm miệng và không bao giờ hở một chữ nào về chuyện đó cho bất kỳ ai. Và tôi đã giữ lời hứa đó đến tận bây giờ.”

Sonny có hiểu không? Có lẽ không, nhưng điều quan trọng nhất không phải là Sonny lắng nghe hay những hệ quả, mà Johannes đã trút hết được những điều trong lòng. Cuối cùng cũng đã cho cậu ta biết. Chuyên giao thông điệp đến đúng người cần nhận.

“Cuối tuần đó bố cậu có một mình; cậu và mẹ đi xem trận đấu vật ngoài thị trấn. Ông ấy biết chúng sẽ đến tìm nên cố thủ bên trong ngôi nhà màu vàng của cậu trên Berg ấy.”

Johannes nghĩ ông cảm thấy gì đó trong bóng tối. Một sự thay đổi mạch đập và hơi thở.

“Dù là vậy, Nestor và đàn em vẫn xoay sở vào được. Chúng không muốn cái hậu quả phải lãnh do bắn chết một sĩ quan cảnh sát nên đã ép cha cậu viết lá thư tự vẫn đó.” Johannes nuốt khan. “Để đổi lấy lời hứa tha cho cậu và mẹ cậu. Sau đó chúng bắn thẳng vào ông ấy bằng chính khẩu súng của ông.”

Johannes nhắm mắt. Im ắng như tờ vậy mà có cảm giác như ai đó quát vào tai ông. Rồi cái thắt nghẹn trong ngực và cổ họng mà đã nhiều, nhiều năm

rồi ông không cảm thấy. Lạy Chúa nhân từ, lần sau cùng ông khóc là bao giờ Ngày con gái ông chào đời? Nhưng giờ ông không thể dừng lại; ông phải làm cho xong cái ông đã bắt đầu.

“Tôi nghĩ chắc cậu đang thắc mắc làm sao Nestor vào nhà được?”

Johannes nín thở. Nghe như chàng trai cũng đã ngừng thở, ông chỉ nghe mỗi trong máu sôi réo trong tai.

“Có kẻ đã thấy tôi nói chuyện với cha cậu, nên Nestor nghĩ cảnh sát đã hơi quá gặp may với mấy xe tải họ chặn gần đây. Tôi chối không phải tôi, nói rằng tôi chỉ quen sơ cha cậu và ông ấy đang cố moi thông tin ở tôi. Vậy là Nestor nói nếu cha cậu tin tôi là kẻ chỉ điểm tin cần cho ông ấy, tôi có thể đến cửa trước bảo ông ấy mở. Bằng cách đó tôi có thể chứng tỏ lòng trung thành của mình là dành cho phe nào, hẳn nói...”

Johannes nghe được người kia đã bắt đầu thở lại. Nhanh. Mạnh.

“Bố cậu ra mở cửa. Vì ông ta tin tưởng kẻ chỉ điểm cho mình mà, đúng không?”

Ông cảm thấy có động đậy, nhưng không nghe hay thấy gì trước khi cú đâm tung vào ông. Và khi ông nằm trên sàn nếm máu tanh, cảm thấy cái răng trôi xuống cổ họng, nghe chàng trai gào thét và gào thét thì cửa xà lim mở ra, tiếng mấy quản giáo quát tháo và rồi chàng trai bị khống chế và còng tay lại, ông nghĩ về tốc độ, độ chính xác và thể lực kinh hồn nơi quả đâm của tên nghiện này. Và về sự tha thứ. Sự tha thứ ông chưa có được. Và về thời gian. Về từng khắc giờ trôi qua. Về đêm đang đến gần.

8

Thứ Arild Franck thích nhất ở chiếc Porsche Cayenne của hắn là âm thanh.

Hay đúng hơn là nó không có âm thanh. Tiếng rừ rừ của động cơ 4,8 lít V8 làm hắn nhớ cái máy khâu của mẹ thời hắn lớn lên ở Stange ngoài ô Hamar. Cả cái đó cũng thuần tiếng lặng im. Im lặng, điềm tĩnh và tập trung.

Cánh cửa bên ghế hành khách mở và Einar Harnes vào xe. Franck không biết đám luật sư trẻ ở Oslo mua com lê ở đâu; hắn chỉ biết không phải những tiệm hắn thường lui tới. Hắn cũng chưa từng thấy ích lợi gì khi mua com lê màu sáng. Mấy bộ com lê phải màu sẫm. Và tốn chưa tới năm ngàn krone. Khoảng chênh lệch giá mấy bộ com lê của hắn và của Harnes có thể dùng để mở tài khoản tiết kiệm cho các thế hệ mai sau có gia đình riêng phải nuôi nấng và họ sẽ tiếp tục nhiệm vụ kiến thiết Na Uy. Hay để trả cho quãng thời gian về hưu sớm đầy sung túc. Hay một chiếc Porsche Cayenne.

“Tôi nghe nói hắn nói đang bị biệt giam,” Harnes nói khi xe rời lề đường bên ngoài cánh cửa có chữ vẽ nguệch ngoạc dẫn vào văn phòng luật Harnes &

Falibakken.

“Hắn nện một bạn tù,” Franck nói.

Harnes nhướn một bên mày được tia tốt cẩn thận. “Gandhi mà vung nắm đấm sao?”

“Ai mà biết bọn nghiện đủ sức làm những gì. Nhưng hắn bị cắt thuốc hoàn toàn bốn ngày nay nên tôi nghĩ giờ hắn đã biết hợp tác lắm rồi.”

“Phải, chuyện đó đã thành lệ trong nhà đó mà - hay là tôi nghe vậy.”

“Anh đã nghe được những gì?” Franck bấm còi với chiếc Corolla chạy chậm rì.

“Những chuyện ai cũng biết rồi thôi mà. Còn gì nữa sao?”

“Không.”

Arild Franck lái xe lên trước chiếc Mercedes mui trần. Hôm qua hẳn đã đến xà lim cách ly. Nhân viên vừa lau dọn chỗ nôn mửa còn người thanh niên ngồi co ro đắp tấm chăn len trong góc.

Franck chưa từng gặp Ab Lofthus, nhưng hẳn biết người con trai đã nổi gót cha. Rằng anh ta từng là tay đấu vật như cha và ở tuổi mười lăm đã tỏ ra có nhiều triển vọng đến mức tờ Aftenposten¹ tiên đoán một sự nghiệp trong liên đoàn quốc gia. Giờ anh ta ngồi trong xà lim hôi thối, run như chiếc lá và nước nở như đứa bé gái. Khi cai nghiện thì ai cũng như ai.

Họ dừng lại trước phòng bảo vệ, Einar Harnes xuất trình thẻ căn cước rồi rào chắn thép nhắc lên. Franck đỗ chiếc Cayenne vào chỗ được phân định rồi cùng Harnes bước đến cửa chính, Harnes ký sổ ở đây. Thường thì Franck để Harnes vào qua cửa sau cạnh dãy phòng thay đồ của nhân viên để hẳn khỏi phải ký tên vào. Hẳn không muốn cho ai cái cơ để đoán non đoán già một luật sư tai tiếng như Harnes có việc gì mà cứ đến Staten.

Tất cả phạm nhân bị tình nghi có dính líu trong một vụ hành sự mới đều được thẩm vấn tại trụ sở cảnh sát, nhưng Franck đã hỏi buổi thẩm vấn này diễn ra tại Staten được không, bởi lẽ hiện nay Sonny Lofthus đang bị biệt giam.

Người ta đã dọn sẵn một xà lim còn trống cho mục đích này. Một cảnh sát nam và một cảnh sát nữ mặc thường phục ngồi một bên bàn. Franck đã gặp họ trước đó, nhưng không thể nhớ tên. Dáng người ở bên kia bàn xanh xao đến độ như lẫn vào màu tường trắng đục. Đầu anh ta cúi gằm còn hai bàn tay nắm chặt mép bàn như thể căn phòng đang quay.

“Nào, Sonny,” Harnes tươi cười nói, để tay lên vai người thanh niên, “anh sẵn sàng chưa?”

Nữ cảnh sát hăng giọng. “Câu hỏi lẽ ra phải là anh ta đã xong chưa.”

Harnes cười nhạt với cô và nhướn mày. “Ý cô là sao? Tôi hy vọng cô chưa bắt đầu thăm vấn thân chủ của tôi khi không có mặt luật sư.”

“Anh ta nói anh ta không cần ông,” nam cảnh sát đáp.

Franck nhìn người thanh niên. Hắn đánh hơi thấy rắc rối.

“Vậy là anh ta thú tội rồi?” Harnes thở dài, mở cặp lấy ra ba tờ giấy bấm vào nhau. “Nếu các vị cần văn bản thú tội thì...”

“Trái lại,” nữ cảnh sát nói. “Anh ta vừa một mực nói không dính dáng gì đến vụ án mạng.”

Căn phòng bỗng im lặng như tờ đến mức Franck còn nghe được tiếng chim hót bên ngoài.

“Hắn làm gì chứ?” Lông mày Harnes giờ đã chạy lên tới chân tóc. Franck không biết cái gì có thể khiến hắn giận dữ hơn, cặp mày tía tót của tay luật sư hay chuyện gã chậm đánh giá đúng tai họa đang xảy ra.

“Hắn còn nói gì nữa không?” Franck hỏi.

Nữ cảnh sát nhìn phó giám thị rồi nhìn tay luật sư.

“Không có gì bất thường cả,” Harnes nói. “Anh ta ở đây theo yêu cầu của tôi phòng khi các vị cần thêm thông tin về ngày Lofthus được ra ngoài.”

“Đích thân tôi đã cho phép chuyện đó,” Franck nói. “Và không gì cho thấy là nó sẽ có những hậu quả thảm khốc như vậy.”

“Còn chúng tôi lại chưa được biết là có,” nữ cảnh sát nói. “Xét rằng chúng tôi chưa có lời thú tội.”

“Nhưng chứng cứ...” Arild Franck kêu lên, nhưng rồi ngăn mình lại.

“Ông biết gì về chứng cứ?” nam cảnh sát hỏi hần.

“Tôi chỉ đoán chừng là các vị đã có vài bằng chứng,” Franck nói. “Vì Lofthus là nghi phạm. Đúng vậy không, ông... ?”

“Thanh tra Henrik Westad,” nam cảnh sát nói. “Tôi là người đầu tiên thẩm vấn Lofthus, nhưng giờ anh ta đã sửa đổi lời khai. Anh ta thậm chí còn nói mình có chứng cứ ngoại phạm trong thời gian diễn ra án mạng. Một nhân chứng.”

“Anh ta có nhân chứng chứ,” Harnes nói, nhìn xuống thân chủ im lìm. “Viên quản giáo áp giải anh ta trong ngày được ra ngoài. Và anh ta đã nói Lofthus biến đâu mất trong...”

“Một nhân chứng khác,” Westad nói.

“Vậy đó là ai mới được?” Franck chế nhạo.

“Lofthus khai rằng anh ta đã gặp một ông tên Leif.”

“Leif nào?”

Ai nấy đều nhìn phạm nhân tóc dài trông như đã phiêu diêu tận đâu rồi và tuyệt không hay biết đến sự hiện diện của họ.

“Anh ta không biết,” Westad nói. “Anh ta nói họ trò chuyện một lát tại điểm dừng xe. Anh ta nói nhân chứng lái chiếc Volvo màu xanh có miếng dán ‘I

Love Drammen’ và anh ta nghĩ có lẽ nhân chứng bị ốm hay có bệnh tim.”

Franck oác lên cười.

“Tôi nghĩ,” Einar Harnes nói với một sự điềm nhiên gượng gạo trong lúc cất giấy tờ vào cặp, chúng ta nên dừng chuyện đó ở đây và cho tôi nói chuyện với thân chủ để nhận chỉ dẫn.

Franck có thói quen cười toác mang tai khi nổi giận. Và giờ cơn giận đã lục đục trong đầu như ấm nước đang sôi và hắn phải trấn tĩnh lại để không cười hô hố lần nữa. Hắn trừng mắt nhìn cái tên được gọi là thân chủ của Harnes. Sonny Lofthus hắn là điên rồi. Đầu tiên anh ta hành hung lão Halden rồi giờ đến chuyện này. Hắn cuối cùng heroin cũng đã ăn mòn não anh ta. Nhưng Sonny sẽ không được làm đảo lộn chuyện này, chuyện này quá sức lớn. Franck hít một hơi sâu và nghe một tiếng tách tưởng tượng như ấm nước đang sôi tự động tắt.

Vấn đề chỉ là giữ bình tĩnh từ từ. Cho vụ cai nghiện thêm chút thời gian.

Simon đang đứng trên cầu Sannerbrua nhìn xuống dòng nước trôi dưới họ tám mét. Lúc này là sáu giờ chiều và Kari Adel vừa hỏi về quy định làm thêm giờ tại Đội Điều tra án mạng.

“Không biết,” Simon nói. “Nói chuyện với phòng nhân sự ấy.”

“Ông thấy được gì dưới ấy không?”

Simon lắc đầu. Đằng sau tán lá trên bờ Đông con sông ông nhận ra được lối kéo tàu theo sông thẳng xuống nhà hát mới trên vịnh Oslo. Một ông đang ngồi trên băng ghế cho bồ câu ăn. Ông ta đã về hưu, Simon nghĩ. Đó là cái ta làm khi về hưu. Trên bờ Tây là một khối căn hộ hiện đại có cửa sổ và ban công nhìn ra cả sông lẫn cây cầu.

“Vậy ta làm gì ở đây?” Kari hỏi, sốt ruột đá mặt nhựa đường.

“Cô cần đi đâu sao?” Simon hỏi và nhìn quanh. Một chiếc xe thông thả chạy qua, một hành khách tươi cười hỏi họ có tiền lẻ để đổi từ hai trăm krone không, một cặp đeo kính râm hàng hiệu thông thả đi qua, cười một chuyện gì đó, cái vỉ nướng dùng một lần để dưới khay trên xe đẩy trẻ con. Ông yêu Oslo những kỳ nghỉ hè khi thành phố vắng người và lại là của ông. Khi nó lại là ngôi làng hơi già cỗi của tuổi thơ ông nơi không có nhiều sự kiện xảy ra và chuyện gì xảy ra cũng đều mang một ý nghĩa nào đó. Một thành phố ông hiểu được.

“Có vài người bạn mời Sam với tôi đến ăn tối.”

Bạn bè, Simon nghĩ. Ông đã từng có bạn bè. Họ thế nào rồi? Có lẽ họ cũng đang hỏi câu đó. Ông thế nào rồi? Ông không biết mình có thể cho họ câu trả lời thích đáng không.

Con sông không thể nào sâu quá một mét rưỡi. Ở vài chỗ có mấy tảng đá nhô lên. Biên bản khám nghiệm tử thi có nhắc đến các tổn thương khớp với một cú rơi từ một độ cao nhất định, điều này có thể khớp với chuyện cổ bị gãy, tức nguyên nhân thực sự gây tử vong.

“Ta ở đây vì ta đã đi tới lui dọc sông Aker mà chỉ có chỗ này cây cầu đủ cao và nước sông đủ cạn để ông ta va phải đá mạnh như vậy. Hơn nữa, đây là cây cầu gần ký túc xá nhất.”

“Trung tâm phục hồi,” Kari chỉnh ông.

“Như là cô thì cô có tự sát ở đây không?”

“Không.”

“Tôi muốn nói nếu cô định tự sát.”

Kari ngừng xô dịch bàn chân. Nhìn qua lan can cầu. “Tôi nghĩ tôi thì tôi đã chọn đâu đó cao hơn. Rủi ro sống sót quá lớn. Rủi ro cuối cùng lại phải

ngồi xe lăn quá lớn...”

“Nhưng cô cũng không xô ai đó qua cầu này, nếu cố giết họ, đúng không?”

“Vâng, có lẽ vậy,” cô ngập.

“Vậy là ta đang tìm kẻ nào đó vắn cổ Per Vollan rồi ném ông ta xuống sông từ chỗ này.”

“Tôi chắc đó là cái ông gọi là giả thiết.”

“Không, đó là cái chúng ta gọi là giả thiết. Bữa ăn tối đó...”

“Sao cơ?”

“Gọi cho chồng cô nói là nó bị hủy.”

“Ồ?”

“Ta sẽ bắt đầu hỏi từng nhà tìm nhân chứng có thể có. Cô cứ bắt đầu bằng cách bấm chuông cửa bất cứ nhà nào có ban công nhìn ra sông. Kế đến ta cần rà lại thật kỹ tài liệu lưu trữ tìm những kẻ bẻ cổ có thể có.” Simon nhắm mắt hít vào không khí. “Cô không yêu Oslo mùa hè sao?”

Ghi chú:

1. Tờ Bưu báo Buổi chiều Na Uy.

9

Einar Harnes chưa bao giờ ôm tham vọng cứu thế giới. Chỉ một phần nhỏ thế giới. Cụ thể hơn là phần của hắn. Vì vậy mà hắn học luật. Chỉ một phần nhỏ luật. Cụ thể hơn là phần hắn cần để qua được kỳ thi. Hắn kiếm được một việc tại công ty của mấy tay luật sư dốt khoát là hoạt động ở tận đáy hệ thống luật pháp Oslo, làm cho họ chỉ vừa đủ lâu để được cấp giấy phép hành nghề, mở công ty luật riêng với Erik Fallbakken, một kẻ mập mé nghiện rượu, ngày một già nua, và cùng nhau họ đã đặt ra mức thấp mới cho bọn cặn bã trong xã hội.

Họ nhận hầu hết các vụ vô phương và vụ nào cũng thua, nhưng trong quá trình đó đã dành được cái tiếng là luật sư bào chữa cho những người ở tận đáy xã hội.

Theo tính chất của thân chủ thì công ty luật Harnes & Fallbakken chủ yếu yêu cầu thanh toán hóa đơn - nếu mà có - công ngày thân chủ đi thu tiền lời. Einar Harnes sớm nhận ra rằng hắn không làm trong nghề đem lại công lý, hắn chỉ đem lại một lựa chọn khác tốn kém hơn không đáng kể so với bọn đòi nợ, thầy bói và các dịch vụ xã hội. Hắn dọa kiện những người hắn ăn lương để dọa, tuyển dụng những phần tử vô tích sự nhất thành phố với mức lương tối thiểu và hứa hẹn với các thân chủ tiềm năng trăm trận trăm thắng tại tòa. Tuy nhiên, Harnes có một thân chủ, người này chính là lý do thực sự giúp hắn vẫn còn ở trong ngành. Thân chủ này không có lý lịch hồ sơ trong hệ thống lưu trữ - nếu ta có thể gọi cả mớ hỗn độn ngụy trị trong các ngăn tủ được một thư ký hầu như lúc nào cũng nghỉ ốm trông coi là hệ thống. Thân chủ này luôn trả hóa đơn của hắn, thường là bằng tiền mặt, và chẳng mấy khi đòi biên nhận. Và cũng chẳng có chuyện thân chủ này sẽ đòi biên nhận cho số giờ Harnes chuẩn bị lũy tiến lên.

Sonny Lofthus ngồi xếp bằng trên giường, mắt toát ra vẻ tuyệt vọng trắng dã.

Đã sáu ngày trôi qua từ buổi thăm vấn khét tiếng và anh chàng này đã chịu một khoảng thời gian khó nhằn, nhưng anh ta chịu trận được lâu hơn họ tưởng. Báo cáo từ các phạm nhân mà Harnes tiếp xúc thật đáng nể. Sonny không tìm cách kiếm ma túy; trái lại, anh ta đã khước từ những mời mọc speed1 và cần sa.

Người ta đã thấy anh ta trong phòng thể dục tập luyện vất vả suốt hai giờ không nghỉ rồi cử tạ thêm hai giờ nữa. Vào đêm có thể nghe thấy những tiếng gào thét từ xà lim của Sonny. Nhưng anh ta đang cầm cự. Một gã từng dùng heroin cực mạnh mười hai năm trời. Những người Harnes từng nghe kể xoay sở làm được vậy đã thay ma túy bằng thứ gì cũng có khả năng gây nghiện tương đương, cũng kích thích và khuyến khích họ như phê thuốc. Mà danh sách đó không dài. Có thể là họ tìm thấy Chúa, phải lòng ai đó hay có con. Chỉ có vậy. Tóm lại, cuối cùng họ đã tìm thấy cái gì đó đem lại cho đời họ một mục đích mới và khác đi.

Hay phải chăng đó chỉ là người đang chết đuối trôi lên mặt nước lần cuối để rồi chìm nghỉm? Tất cả những gì Einar Harnes biết chắc là kẻ phát lương cho hắn cần một câu trả lời. Không. Không phải câu trả lời. Những kết quả.

“Họ có bằng chứng ADN nên mày sẽ phải bị kết án dù mày có thú tội hay không. Sao lại phải vô cớ kéo dài đau đớn?”

Không đáp.

Harnes miết mạnh tay lên mái tóc chải lảng ra sau đến mức chân tóc đau ê ẩm. “Tao có thể cho đem vào đây một gói Superboy trong vòng một giờ, vấn đề của mày là gì? Tất cả những gì tao cần là chữ ký của mày ở đây.” Hắn gõ gõ ngón tay lên ba tờ giấy A4 trên cái cặp kê nơi tù.

Người thanh niên cố liếm cặp môi khô, nứt nẻ bằng cái lưỡi trắng đến mức Harnes thắc mắc nó có tạo thành muối được không.

“Cảm ơn. Để tôi nghĩ xem.”

Cảm ơn. Để tôi nghĩ xem? Hẳn đang mời ma túy cho một kẻ nghiện thâm bại đang cai khô! Thằng này đã đẩy lùi được định luật vạn vật hấp dẫn chẳng?

“Nghe này, Sonny...”

“Vớ lại cảm ơn ông đã đến thăm.”

Harnes lắc đầu đứng lên. Thằng này sẽ không chịu được lâu đâu. Harnes chỉ cần chờ thêm một ngày nữa thôi. Cho đến khi thời của phép lạ qua đi.

Khi một quản giáo tiến tay luật sư qua hết mấy cửa và lồng rồi hẳn về lại khu vực tiếp tân và nhờ gọi cho chiếc taxi, hẳn nghĩ về điều thân chủ hẳn sẽ nói.

Hay đúng hơn là cái thân chủ hẳn sẽ làm nếu Harnes không cứu thế giới.

Tức là phần thế giới của hẳn.

Geir Goldsrud rướn người trên ghế nhìn chăm chăm vào màn hình.

“Hẳn tính làm cái quái gì vậy?”

“Trông như hẳn đang cố làm cho ai đó chú ý,” một quản giáo khác trong phòng điều khiển nói.

Goldsrud nhìn người thanh niên. Chòm râu dài xuống khuôn ngực để trần.

Anh ta đang đứng trên ghế trước một camera giám sát, khối ngón trở gõ gõ lên ống kính còn miệng ra dấu những chữ không hiểu được.

“Finstad, đi với tôi,” Goldsrud nói, đứng lên.

Họ đi ngang Johannes đang lau sàn trong hành lang.

Cảnh tượng mơ hồ gợi Goldsrud nhớ cảnh gì đó trong một cuốn phim. Họ xuống cầu thang tới tầng trệt, đi vào, qua bếp tập thể rồi bước tới cuối hành lang thì thấy Sonny đã ngồi trên cái ghế anh ta vừa đứng lên.

Goldsrud nhìn phần thân trên và hai cánh tay của cậu trai thì biết gần đây có tập luyện, cơ và ven nổi rõ dưới da. Anh có nghe nói một số người dùng ma túy tiêm ven, những người thành thạo nhất thường tập tạ tay trong phòng thể dục trước khi chích. Amphetamine và đủ loại viên đều được lưu hành, nhưng Staten là một trong ít ỏi nhà tù ở Na Uy - rất có thể là nhà tù duy nhất - quả thực có được chút kiểm soát hạn hẹp việc tuồn heroin vào. Dù là vậy, dường như Sonny luôn có được nó mà chẳng gặp trở ngại nào. Cho đến lúc này. Nhìn người thanh niên run rẩy Goldsrud biết đã mấy ngày rồi anh ta không được chích. Thảo nào anh ta tuyệt vọng.

“Giúp tôi với,” Sonny khẩn khoản khi thấy họ đi lại.

“Chắc chắn rồi,” Goldsrud nói, nháy mắt với Finstad. “Anh phải trả mỗi gói hai ngàn.”

Anh có ý nói đùa, nhưng thấy là Finstad chưa tin chắc như anh.

Người thanh niên lắc đầu. Các cơ lồi lên ngay cả nơi cổ và cổ họng.

Goldsrud có nghe đồn anh ta từng là một tay đấu vật đầy triển vọng. Có lẽ họ nói đúng, cơ bắp nào ta tập luyện được trước mười hai tuổi thì khi trưởng thành ta có thể có lại chỉ trong vòng vài tuần.

“Nhốt tôi lại đi.”

“Đến mười giờ chúng tôi mới nhốt anh lại, Lofthus.”

“Làm ơn đi.”

Goldsrud lúng túng. Chuyện phạm nhân xin được nhất trong xà lim vì sợ ai đó thì cũng có. Thịnh thoảng, nhưng không phải luôn luôn, họ có lý do để như vậy. Sợ hãi là cái thường phát sinh từ một đời phạm tội. Hay ngược lại. Nhưng có lẽ Sonny là phạm nhân duy nhất ở Staten không có lấy một kẻ thù trong đám phạm nhân. Trái lại, họ đối xử như thể anh ta là vật bất khả xâm phạm. Chàng trai này cũng chưa từng tỏ ra sợ sệt và rõ ràng có sức chịu đựng thể xác và tinh thần để chống chọi với cơn nghiện giới hơn hầu hết. Vậy thì tại sao... ?

Khi người thanh niên khều cái vảy từ dấu kim tiêm trên cẳng tay thì Goldsrud mới nhận ra dấu nào cũng có vảy. Anh ta không có dấu mới nào. Anh ta đã bỏ. Vì vậy mà anh ta muốn được nhất lại. Anh ta đang cai nghiện nên thừa biết mình sẽ nhận bất cứ gì người ta mời, bất kể thứ gì.

“Đi,” Goldsrud nói.

“Nhắc chân lên giùm đi, Simon?”

Simon nhìn lên. Người lao công già nhỏ bé và khòm đến mức bà chỉ vừa với tới xe đẩy đựng dụng cụ làm vệ sinh. Bà đã làm việc ở trụ sở cảnh sát trước cả khi Simon vào làm, đầu trong thiên niên kỷ trước. Bà là một phụ nữ có những ý kiến mạnh mẽ, và luôn gọi mình - và đồng nghiệp, bất luận giới tính - là “cô”

lao công.

“Chào Sissel, lại tới giờ đó rồi hả?” Simon nhìn đồng hồ tay. Hơn bốn giờ.

Thời điểm chính thức hết ngày làm việc ở Na Uy. Thực ra, luật lao động gần như đã quy định là vì nhà vua và xứ sở ta phải ra về đúng giờ. Trước đây ông chẳng hề để tâm đến chuyện về đúng giờ, nhưng đó là hồi ấy. Ông biết Else đang chờ mình, rằng cô đã bắt đầu nấu bữa tối từ vài giờ trước và khi ông về đến nhà cô sẽ vờ như thể bữa ăn đó cô chỉ mới nấu vội và hy

vọng ông không thấy cảnh bừa bộn, những chỗ đổ và các dấu hiệu khác cho thấy thị lực của cô đã kém đi chút nữa.

“Lâu rồi mình không hút với nhau một điếu, Simon.”

“Giờ tôi dùng snus rồi.”

“Tôi dám chắc cô vợ trẻ của anh là người khiến anh bỏ. Vẫn chưa con cái sao?”

“Vẫn chưa về hưu sao, Sissel?”

“Tôi nghĩ anh đã có một đứa đầu đó, vì vậy mà anh không muốn đứa nữa.”

Simon mỉm cười, nhìn bà đẩy giẻ lau dưới chân ông và thắc mắc, không phải lần đầu, làm sao mà tấm thân nhỏ nhắn của Sissel Thou lại nặn ra được đứa con khổng lồ như vậy. Đứa con của Rosemary. Ông thu dọn giấy tờ. Vụ Vollan đã bị gác lại. Dân sống ở khu chung cư Sannerbrua không ai thấy gì và không có nhân chứng nào đến khai báo. Vụ án sẽ không còn là ưu tiên cho đến chừng nào họ tìm được chứng cứ cho thấy đã có dấu hiệu phạm tội, sếp ông đã nói, và chỉ thị cho Simon dành vài ngày tới vỗ béo báo cáo về hai vụ án mạng đã xử lý mà họ bị công tố viên quở trách, mô tả là “cứ lép kẹp”. Thực sự thì bà ta không tìm thấy sai sót nào; bà ta chỉ muốn thấy “có thêm chút tình tiết”.

Simon tắt máy tính, khoác áo và tiến ra cửa. Mùa hè vẫn còn có nghĩa là nhiều nhân viên không đi nghỉ đã ra về lúc ba giờ nên trong văn phòng không gian mở có mùi hồ từ mấy vách ngăn cũ kỹ ấm nắng mặt trời, ông chỉ nghe thấy mỗi tiếng bàn phím lách cách. Ông phát hiện thấy Kari đằng sau một vách ngăn.

Cô đang gác chân lên bàn đọc sách. Ông thò đầu qua.

“Vậy là hôm nay không ăn tối với bạn bè sao?”

Cô tự động gấp sách lại và ngược nhìn lên ông vừa bực tức vừa hối lỗi. Ông liếc nhanh đề cuốn sách: Luật doanh nghiệp. Ông biết rằng cô biết cô không việc gì phải cảm thấy áy náy vì nghiên cứu nó trong giờ làm việc bởi không ai giao nhiệm vụ gì cho cô làm. Đó là chuyện bình thường đội Điều tra án mạng; không có án mạng tương đương với không có việc. Nên Simon dựa trên chuyện cô đỏ mặt mà kết luận là cô biết cuối cùng rồi tất cả bằng luật cũng sẽ đưa cô đi khỏi ban nên cảm thấy chuyện đó như sự phản bội. Và chọc giận, vì dù cô đã tự thuyết phục rằng làm việc riêng như vậy hẳn là điều chấp nhận được, phản ứng theo bản năng của cô khi ông xuất hiện vẫn là gấp sách lại.

“Cuối tuần này Sam lướt sóng ở Vestlandet. Tôi nghĩ tôi nên đọc ở đây hơn là ở nhà.”

Simon gật. “Việc cảnh sát cũng chán. Dù là đội Điều tra án mạng.”

Cô nhìn ông.

Ông nhún vai. “Nhất là ở Đội Điều tra án mạng.”

“Vậy sao ông lại thành điều tra viên án mạng?”

Cô đã vung chân hất giày đi và kéo chân trần lên mép ghế. Như thể cô mong một câu trả lời dài hơn, Simon cho là thế. Có lẽ cô là típ người thích bầu bạn với ai cũng được, hơn là ở một mình, thường thà ngồi trong văn phòng, không gian mở hầu như chẳng còn ai để biết đâu sẽ có bạn hơn là trong phòng khách nhà mình, nơi người ta chắc chắn sẽ được bình yên tĩnh lặng.

“Có lẽ cô sẽ không tin đâu, nhưng đó là hành vi phản kháng,” ông nói, ngồi vắt vẻo bên mép bàn. “Cha tôi là thợ làm đồng hồ và muốn tôi tiếp nối nghề của ông. Tôi không muốn làm bản sao tệ hại của cha tôi.”

Kari vòng hai tay ôm cặp giò dài như chân côn trùng. “Có hối tiếc gì không?”

Simon nhìn về cửa sổ. Cái nóng làm không khí bề ngoài run rẩy.

“Thiên hạ bán đồng hồ ai cũng kiếm ra tiền mà.”

“Cha tôi thì không,” Simon nói. “Mà ông cũng không thích đồ giả. Ông không chịu theo trào lưu làm hàng nhái rẻ tiền và đồng hồ điện tử bằng nhựa.

Ông nghĩ đó là cách dễ ăn nhất. Ông bị phá sản một cách quý tộc.”

“Chà, điều đó giải thích được chuyện ông không muốn thành thợ làm đồng hồ.”

“Không phải, vậy nhưng cuối cùng tôi vẫn thành người làm đồng hồ.”

“Sao vậy được?”

“Kỹ thuật viên điều tra hiện trường. Chuyên viên đạn đạo học. Đường đạn và mọi thứ ấy. Cũng gần giống với sửa đồng hồ. Có lẽ ta giống cha mẹ mình hơn là ta muốn tin.”

“Vậy rồi đã có chuyện gì?” cô mỉm cười. “Ông có bị phá sản không?”

“Chà.” Ông nhìn đồng hồ. “Tôi nghĩ mình đâm ra quan tâm đến tại sao hơn là thế nào. Tôi không biết trở thành một điều tra viên mưu mẹo có phải là quyết định đúng không. Đạn và vết thương do đạn thì dễ đoán hơn là đầu óc người ta.”

“Cho nên ông đến làm cho Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng?”

“Cô điều tra lý lịch tôi rồi.”

“Tôi luôn đọc kỹ về người tôi sẽ cùng làm việc. Khi ấy ông ngán cảnh máu me bạo lực à?”

“Không phải, nhưng tôi e Else vợ tôi thì vậy. Khi lập gia đình tôi hứa với cô ấy là sẽ làm việc theo giờ giấc đều đặn và không thêm ca. Tôi thích Phòng Gian lận; có chút gì giống như lại làm việc với đồng hồ. Nhân nói về vợ tôi...” Ông đứng lên khỏi bàn.

“Nếu đã thích như vậy thì sao ông lại rời Phòng Gian lận?”

Simon nhón nụ cười mệt mỏi. Không, lý lịch của ông sẽ không cho cô thấy điều đó, phải không?

“Lasagne. Tôi nghĩ cô ấy đang nấu món lasagne². Mai gặp lại cô.”

“Nhân tiện, một đồng nghiệp cũ gọi cho tôi. Anh ta nói đã thấy một tên nghiên lang thang đeo cổ đứng.”

“Cổ đứng sao?”

“Như cái Per Vollan từng đeo.”

“Cô làm gì thông tin đó rồi?”

Kari lại mở sách ra. “Chẳng làm gì cả. Tôi bảo anh ta vụ án bị gác lại rồi.”

“Không được ưu tiên. Cho đến khi tìm thấy chứng cứ mới. Kẻ nghiên đó tên gì và ta có thể tìm hấn ở đâu?”

“Gilberg. Ở ký túc xá.”

“Trung tâm phục hồi. Có muốn nghỉ đọc chút không?”

Kari thở dài gấp sách lại. “Vậy còn lasagne?”

Simon nhún vai. “Ồn cả thôi. Tôi sẽ gọi cho Else, cô ấy sẽ hiểu. Mà lasagne hâm lại cũng ngon hơn.”

Ghi chú:

1. Một loại amphetamine có dạng bột, là loại thuốc cực “bẩn” vì bị pha trộn với nhiều loại ma túy khác.

2. Món mì ống nấu với phô mai, nước sốt...

10

Johannes đổ nước bẩn vào chậu rửa rồi cất xô và giẻ vào phòng để chổi.

Ông đã lau hết các hành lang tầng một rồi cả phòng điều khiển và đang mong đọc cuốn sách đang nằm chờ ông về lại xà lim. Tuyết trên đỉnh Kilimanjaro¹.

Đó là tuyển tập truyện ngắn, nhưng ông chỉ đọc đi đọc lại mỗi truyện đó. Nó viết về người đàn ông bị chứng hoại tử bàn chân biết mình sắp chết. Biết chuyện này, ông ta không trở thành người tốt hơn hay xấu hơn, chỉ là sáng suốt hơn, trung thực hơn, bớt kiên nhẫn đi. Johannes chưa từng ham đọc, cuốn sách do một thủ thư trong tù khuyên ông đọc, và vì Johannes có hứng thú với châu Phi từ ngày ông đi tàu đến Liberia và Bờ biển Ngà, ông đọc vài trang đầu về người đàn ông có vẻ ngây ngô đang chết dần trong một túp lều giữa vùng xa van. Lần đầu ông chỉ đọc lướt qua, giờ thì ông đọc thông thả, từng chữ một, tìm kiếm cái gì đó dù thậm chí ông cũng chưa biết là gì.

“Chào.”

Johannes quay lại.

Chữ “chào” của Sonny gần như một tiếng thì thầm và cái người má hóp, mắt dại khờ đứng trước mặt ông xanh xao đến gần như trong suốt. Như một thiên sứ, Johannes nghĩ.

“Chào, Sonny. Tôi nghe nói họ cho cậu vào biệt giam. Giờ cậu sao rồi?”

Sonny nhún vai.

“Cậu là tay đấm móc trái cừ đấy, chàng trai.” Johannes cười toét và chỉ khoảng hở từng có cái răng cửa.

“Tôi mong là ông tha thứ cho tôi.”

Johannes nuốt ực. “Tôi mới là người cần được tha thứ, Sonny.”

Hai người nhìn nhau. Johannes thấy Sonny liếc dọc hai đầu hành lang. Dừng một lúc.

“Ông có chịu vượt ngục vì tôi không, Johannes?”

Johannes không chịu trả lời ngay và thử đảo câu chữ xem chúng có nghĩa hơn không rồi mới hỏi: “Ý cậu là sao? Tôi không muốn đào thoát. Và lại, tôi chẳng có nơi nào mà đi. Tôi sẽ bị tìm ra và giải về ngay.”

Sonny không đáp, nhưng mắt toát ra nỗi tuyệt vọng âm u nên Johannes hiểu.

“Cậu muốn... cậu muốn tôi vượt ngục để kiếm ít Superboy cho cậu?”

Sonny vẫn không trả lời, nhưng cái nhìn dữ dội, mãnh liệt vẫn dán chăm chăm vào mắt ông già. Tội nghiệp chàng trai, Johannes nghĩ. Quý tha ma bắt heroin.

“Sao lại là tôi?”

“Vì chỉ mình ông là có thể vào phòng điều khiển nên chỉ có ông làm được.”

“Sai rồi. Chỉ mình tôi là có thể vào phòng điều khiển và vì vậy mà tôi biết không làm chuyện đó được. Cửa chỉ mở nếu có dấu tay lưu trong cơ sở dữ liệu.

Mà tôi thì không có trong đó, cậu bạn ạ. Tôi cũng không được thêm vào nếu không nộp bốn tờ đơn đã được cấp trên phê duyệt. Tôi đã thấy họ...”

“Từ phòng điều khiển có thể mở và khóa tất cả các cửa.”

Johannes lắc đầu và nhìn quanh cho chắc chắn là vẫn chỉ có hai người họ trong hành lang. “Cho dù ta có ra được bên ngoài thì vẫn còn lính canh trong phòng bảo vệ ở bãi xe. Họ kiểm tra giấy tờ tùy thân của tất cả những ai ra vào.”

“Tất cả ư?”

“Phải. Ngoại trừ những lúc đổi ca, khi ấy họ sẽ cho xe đã được công nhận và quen mặt ra.”

“Tức là kể cả người mặc đồng phục quản giáo?”

“Đương nhiên rồi.”

“Vậy thì ông phải kiếm lấy một bộ đồng phục rồi trốn ra khi quản giáo thay ca?”

Johannes tì ngón trỏ và ngón cái dưới cằm. Cằm ông vẫn còn ê ẩm.

“Làm sao tôi kiếm đồng phục cho được?”

“Trong tủ cá nhân của Sorensen ở phòng thay đồ. Ông sẽ phải dùng tuốt nơ vít cạy ra.”

Sorensen là quản giáo nghỉ ốm đã gần hai tháng nay. Suy nhược thần kinh.

Johannes biết thời nay người ta gọi bằng từ khác, nhưng cũng một thứ cả thôi, một mớ hỗn độn những cảm giác khủng khiếp chết tiệt. Ông đã từng ở trong cảnh đó.

Johannes lại lắc đầu. “Giờ đổi ca phòng thay đồ đồng nghĩa quản giáo. Sẽ có người nhận ra tôi thôi.”

“Thay hình đổi dạng đi.”

Johannes cười. “Phải đấy. Mà cứ cho là tôi kiếm được đồng phục đi, bấy giờ tôi sẽ đi quanh hăm dọa cả đám quản giáo để họ cho tôi ra chắc?”

Sonny vén áo sơ mi trắng dài thậm thượt lên lấy ra gói thuốc trong túi quần.

Rồi đút một điếu giữa hai môi khô, châm bằng chiếc bật lửa hình thù như khẩu súng. Johannes thong thả gạt.

“Chuyện này không phải vì ma túy rồi. Có gì đó cậu muốn tôi làm ngoài kia, đúng không?”

Sonny rít ngọn lửa từ bật lửa vào điếu thuốc rồi thở khói ra. Cậu ta nheo mắt.

“Ông có làm không?” Giọng cậu ta trầm ấm nhỏ nhẹ.

“Cậu có ân xá cho những lỗi lầm của tôi không?” Johannes hỏi.

Arild Franck liếc thấy họ khi đi vòng qua góc tầng. Sonny Lofthus đặt tay lên trán Johannes đang đứng cúi đầu nhắm mắt. Hắn thấy giống y hai thằng đồng bóng. Hắn đã thấy họ trên màn hình trong phòng điều khiển; họ nói chuyện được một lúc rồi. Nhiều lúc hắn tiếc đã không gắn máy ghi âm vào mọi camera vì theo mấy cái liếc ngang liếc dọc, cảnh giác của hai người này thì hắn dám chắc không phải họ đang bàn vụ cá cược bóng đá sắp tới. Rồi Sonny lấy trong túi ra thứ gì đó. Cậu thanh niên đứng xoay lưng về phía camera nên không thể nhận ra đó là gì cho đến khi thấy khói thuốc cuộn lên trên đầu anh ta.

“Này! Mà biết mà chỉ được hút trong khu vực chỉ định thôi mà.”

Mái đầu tóc bạc của Johannes gục xuống còn Sonny buông tay ra.

Franck bước tới chỗ họ. Ngón cái hất ra sau vai ra dấu. “Ra lau sàn chỗ khác đi, Johannes.” Franck chờ cho đến khi ông già đi khỏi không còn nghe

được.

“Máy người đang nói về chuyện gì?”

Sonny nhún vai.

“Này, đừng có mà bảo tao chuyện xưng tội là thiêng liêng bất khả xâm phạm đấy,” Arild Franck cười hô hố. Âm thanh dội lại giữa hai vách hành lang trống trải. “Sonny, rồi mày có thời gian nghĩ về chuyện đó chưa?”

Cậu thanh niên dụi điều thuốc vào gói, bỏ vào túi rồi gãi gãi nách.

“Ngựa hả?”

Cậu thanh niên không nói gì.

“Tao thấy còn có những thứ tệ hơn là ngựa. Còn tệ hơn cai khô nữa. Mày đã nghe chuyện thằng ở xà lim 317 chưa? Người ta nghĩ nó thắt cổ lên máng đèn.

Nhưng nó lại đổi ý khi đã đá cái ghế bên dưới. Nên nó tự cào cấu rách cả cổ.

Nhắc xem tên nó là gì ấy nhỉ? Gomez? Diaz? Nó từng làm cho Nestor. Đã có chút lo ngại là nó sẽ bép xép. Không có bằng chứng, chỉ là lo ngại. Chỉ cần có vậy. Buồn cười, đúng không, ban đêm ta nằm trên giường trong tù rồi thì cái làm ta sợ nhất là cửa xà lim không khóa! Rồi thằng nào đó trong phòng điều khiển chỉ cần nhấn nút một cái là có thể cho một trại giam bỗng chốc đầy tụi giết người mò đến.

Thanh niên cúi đầu, nhưng Franck thấy được mấy giọt mồ hôi lấm tấm trên trán anh ta. Anh ta sẽ tỉnh táo lại. Anh ta nhất định phải vậy thôi. Franck không thích phạm nhân chết trong xà lim nhà tù của hắn; mấy cặp lông mày tất sẽ dựng lên bất luận chuyện đó có hợp lý thế nào.

“Rồi.”

Chữ đó thốt ra nhỏ nhẹ đến mức Franck tự động húi người tới. “Rồi?” Hấn lặp lại.

“Mai. Mai ông sẽ có lời thú tội.”

Franck khoanh tay trước ngực và ưỡn người ra sau trở lại. “Tốt. Vậy thì sáng sớm mai tao sẽ đưa ông Harnes đến cùng. Mà lần này thì không có chuyện đùa giỡn đâu đấy. Tối nay khi mà nằm trên giường, tao khuyên mà xem lại lần nữa cái máng đèn trên trần. Hiểu chưa?”

Cậu thanh niên ngẩng đầu lên nhìn vào mắt phó giám thị. Từ lâu Franck đã bỏ cái ý là đôi mắt phản chiếu tâm hồn; hấn đã nhìn vào quá nhiều cặp mắt xanh ngây thơ của phạm nhân khi miệng chúng lí nhí nói dối. Và lại, đó là một diễn đạt kỳ lạ. Cửa sổ tâm hồn. Nói một cách logic thì điều đó nghĩa là ta nhìn thấy tâm hồn mình trong mắt kẻ khác. Có phải vì vậy mà thật không thoải mái khi nhìn vào mắt cậu thanh niên này? Franck quay đi. Vấn đề chỉ là cứ cố tập trung.

Và đừng để mình chệch hướng vì những ý nghĩ chẳng tới đâu.

“Nó bị ma ám chứ gì nữa?”

Lars Gilberg đưa điều thuốc vắn mỏng lên môi bằng mấy ngón tay màu than và nheo nheo mắt nhìn lên hai sĩ quan cảnh sát đứng trước mặt.

Simon và Kari mất ba giờ đồng hồ tìm Gilberg rồi cuối cùng cũng dò ra ông ta dưới Grunerbrua. Họ bắt đầu cuộc tìm kiếm tại Trung tâm Ila, không ai thấy gã đã hơn tuần nay, tiếp tục qua cà phê Bymisjonen ở Skippergata, Plata gần Nhà ga Trung tâm Oslo, cái chôn vắn được dùng làm khu chợ buôn ma túy rồi cuối cùng là ký túc xá của Cứu Thế quân ở Urtegata, thông tin ở đây đã đưa họ về con sông, tới chỗ Elgen, một cái tượng đánh dấu ranh giới giữa speed và heroin.

Dọc đường Kari giải thích cho Simon nghe là dân Albania và Bắc Mỹ hiện nắm quyền bán amphetamine và methamphetamine(l) dọc sông, khu phía Nam Elgen và xuống đến cầu Vaterland. Bốn người Somali ngồi quanh quần nơi băng ghế lùi đi, mũ trùm kéo sụp xuống che mặt trong nắng chiều. Một tên trong bọn gật khi thấy hình Kari giơ lên, chỉ họ về hướng Bắc tới lãnh địa heroin rồi nháy mắt hỏi họ có muốn một gam ma túy đá dùng trong lúc đi đường không. Tiếng cười của bọn họ vẫn theo Simon và Kari khi cả hai lặn lội trên đường tới Grunerbrua.

“Anh nói anh không muốn ở lại Trung tâm Ila nữa vì anh nghĩ nó bị ma ám?” Simon hỏi gã.

“Đó không phải điều tôi nghĩ, ông à. Đó là cái tôi biết. Đằng đó có một phòng mà không ai ngủ được cả, nó có người rồi, ta cảm thấy một sự hiện diện khi vừa bước vào. Tôi thường thức giấc giữa đêm và đương nhiên không thấy ai cả, nhưng có cảm giác như có người đang thở vào mặt tôi vậy. Mà không chỉ phòng tôi thôi đâu, ông cứ đi mà hỏi bất kỳ ai ở đó.” Gilberg nhìn điếu thuốc đã cháy hết vẻ không bằng lòng.

“Vậy nên anh thích ngủ bụi hơn?” Simon hỏi, đưa hộp thiếc đựng thuốc mời gã.

“Ma hay không ma thì cũng thế, nói thật với ông, tôi không chịu được chỗ chật chội, tôi thấy bị tù túng. Còn nơi này...” Gilberg ra dấu về chỗ ngủ trải báo và túi ngủ bên thiu bên cạnh. “Điểm đến nghỉ mát hàng đầu, chứ gì nữa?” Gã chỉ về cây cầu. “Một mái nhà không bị dột. Quang cảnh biển. Không tốn tiền, có ngay phương tiện vận chuyển công cộng rồi lại còn những tiện nghi tại chỗ.

Ông còn muốn gì hơn nữa?” Gã lấy ba miếng snus trong hộp của Simon rồi nhét một miếng dưới môi trên còn hai miếng kia cất vào túi.

“Đi làm cha tuyên úy?” Kari gợi ý.

Gilberg nghiêng đầu ngược mắt nhìn Simon.

“Cái cổ đứng anh đang đeo đấy,” Simon nói. “Chắc anh đã đọc thấy trong mấy tờ báo anh có là người ta phát hiện một cha tuyên úy chết dưới sông đoạn ở trên này.”

“Tôi không biết gì chuyện đó đâu.” Gilberg lấy hai miếng thuốc lá trong túi ra, bỏ lại trong hộp trả Simon.

“Pháp y chỉ cần hai chục phút là chứng minh được cổ đứng đó là của cha tuyên úy, Lars. Còn anh thì sẽ mất hai chục năm để chấp hành án tù vì tội giết ông ta.”

“Tội giết người? Chẳng có gì về...”

“VẬY là anh có đọc mục tội phạm? Ông ta chết trước khi bị ném xuống sông.

Chúng tôi biết nhờ mấy vết bầm trên da. Ông ta va vào đá, mà nếu ông ta chết rồi thì những vết bầm ra sẽ khác vết bầm thường. Anh theo kịp không?”

“Không.”

“Anh có muốn tôi giải thích cho anh theo kiểu dễ hiểu không? Hay anh thích tôi cho anh biết trong xà lim thì mới thật sự tù túng ra sao?”

“Nhưng tôi đâu có...”

“Dù chỉ là nghi phạm thì trước mắt anh sẽ bị tạm giam vài tuần. Mà xà lim tạm giam thì còn chật chội hơn nhiều.”

Gilberg trông trầm ngâm và miết thật mạnh miếng snus.

“Mấy người muốn gì?”

Simon ngồi xõm xuống trước mặt Gilberg. Hơi thở kẻ vô gia cư không chỉ có mùi, nó có vị. Vị ngọt, mục ruỗng của trái rụng và cái chết.

“Chúng tôi muốn anh cho chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra.”

“Tôi có biết gì đâu, tôi vừa nói ông rồi đấy thôi.”

“Anh chưa nói gì với chúng tôi cả, Lars. Nhưng nghe có vẻ như anh thấy nó quan trọng. Ý tôi là không cho chúng tôi biết ấy. Sao vậy?”

“Chỉ có cái cổ đứng này thôi mà. Nó dạt lên bờ rồi...”

Simon đứng lên chụp cánh tay Gilberg. “Đi, ta đi thôi.”

“Khoan khoan!”

Simon thả gã ra.

Gilberg cúi đầu. Gã thở sượng. “Chúng là tay chân của Nestor. Nhưng tôi không thể... Ông biết Nestor làm gì với những ai...”

“Có, tôi biết. Nhưng anh cũng biết rằng nếu tên anh xuất hiện trong sổ thăm vấn tại trụ sở cảnh sát thì hẳn cũng biết chuyện. Nên tôi khuyên anh nói chúng tôi nghe cái anh biết ngay đi rồi tôi sẽ quyết định xem có để yên vậy không.”

Gilberg lắc đầu chậm rãi.

“Nói đi, Lars!”

“Tôi đang ngồi trên ghế dài dưới hàng cây chỗ lối đi dẫn xuống Sannerbrua.

Tôi ở cách đó có chục mét nên tôi thấy chúng trên cầu, nhưng tôi nghĩ chúng không thấy tôi, tôi khuất trong mớ lá cây, ông hiểu ý tôi rồi chứ?

Chúng có hai đứa và một thằng giữ cha tuyên úy còn thằng kia kèm cánh tay trên trán ông ta.

Tôi gần như thấy lòng trắng trong mắt cha. Sẵn nói luôn, chúng trắng dã, cứ như nhân cầu lộn ngược ra sau đầu mất rồi, ông hiểu ý tôi rồi chứ? Nhưng ông ta không kêu tiếng nào. Như thế ông ta biết cũng chẳng ích gì. Rồi thằng thứ hai bẻ đầu ông ta ra sau như một tay chuyên nắn khớp xương chữa bệnh chết tiệt vậy. Tôi nghe nó gãy rắc, tôi không nói đùa đâu, nghe như có ai giẫm lên cành khô trong rừng.” Gilberg đờ ngón trở lên môi trên, chớp chớp mắt rồi nhìn xa xăm. “Chúng nhìn quanh. Chúa ơi, chúng vừa giết một gã ngay giữa Sannerbrua mà chúng tỉnh rụi. Nhưng nghĩ lại thì giữa mùa hè Oslo vắng lạ lùng, ông hiểu ý tôi rồi chứ? Vậy là chúng ném ông ta qua tường gạch chỗ cuối đoạn lan can.”

“Chuyện đó khớp với chỗ mấy tảng đá nhô lên,” Kari nói.

“Ông ta nằm vắt trên tảng đá một chốc rồi dòng nước mới tóm lấy ông ta cuốn đi. Tôi không cục cựa một phân. Mấy thằng đó mà biết tôi đã thấy chúng...”

“Nhưng anh đã thấy,” Simon nói. “Anh còn gần đến độ sẽ nhận diện được.”

Gilberg lắc đầu. “Không có chuyện đó đâu. Tôi quên rồi. Đó là cái phiền khi bị phê bất kể thứ gì vớ được, ông hiểu ý tôi rồi chứ? Đầu óc lú lẫn.”

“Tôi lại tưởng anh muốn nói đó là mặt tích cực,” Simon nói, xoa xoa mặt.

“Nhưng sao anh biết chúng làm cho Nestor?” Kari bần chồn đổi tư thế.

“Bộ đồ chúng mặc,” Gilberg nói. “Mấy thằng đó đứa nào như đứa này, như thế chúng xoáy được một kiện hàng tàu biển toàn đồ đen gần cho Hiệp hội Tang lễ Na Uy.” Gã đưa lưỡi đẩy miếng snus. “Cô hiểu ý tôi rồi chứ?”

“Ta sẽ ưu tiên vụ này,” Simon nói với Kari trong xe trên đường về lại trụ sở cảnh sát. “Tôi muốn cô xem lại hành tung của Vollan trong bốn mươi tám tiếng trước khi bị giết và cho tôi danh sách tất cả những ai, tôi muốn nói là tất cả những ai, ông ta đã liên lạc.”

“Được thôi,” Kari nói.

Họ chạy ngang Bla rồi dừng chờ một đoàn người đi bộ trẻ. Đám choai choai đi xem hòa nhạc, Simon nghĩ và nhìn qua Kuba. Ông thấy một tấm phong lớn dựng trên sân khấu ngoài trời trong khi Kari gọi cho bố nói cô không đến ăn tối được. Người ta đang chiếu một phim đen trắng. Hình ảnh về Oslo. Trông như những năm 50. Một thời Simon còn nhớ từ tuổi thơ của mình. Với đám trẻ thì có lẽ chỉ vì tò mò, cái gì từ quá khứ, thấy đều hồn nhiên và có lẽ hấp dẫn. Ông nghe thấy tiếng cười.

“Tôi vẫn còn thắc mắc một chuyện,” Kari cất tiếng. “Ông nói nếu ta đưa Gilberg vào thăm vấn thì Nestor sẽ biết. Ông nói thật chứ?”

“Cô nghĩ sao?” Simon nói và nhấn ga tới Hausmanns.

“Tôi cũng không biết, nhưng nghe như ông nói thật.”

“Tôi không biết mình muốn nói gì. Đó là một câu chuyện dài. Nhiều năm rồi có tiếng đồn về một gián điệp nhị trùng trong lực lượng cảnh sát để lộ thông tin cho cái tên điều hành hầu hết ma túy và nạn buôn người ở Oslo. Nhưng chuyện đó đã lâu rồi và dù ngày ấy thiên hạ bàn tán rất nhiều vẫn chưa ai đưa ra được bằng chứng nào chứng minh rằng gián điệp này hay kẻ kia quả thực tồn tại.”

“Kẻ kia nào?”

Simon nhìn ra cửa sổ xe. “Chúng tôi gọi hắn là Sinh Đôi.”

“À, Sinh Đôi,” Kari nói. “Ở Đội Bài trừ Ma túy người ta có nói về hấn, hơi giống mấy con ma của Gilberg trung tâm Ila. Hấn có thật không?”

“Ồ, Sinh Đôi có thật chứ.”

“Vậy còn gián điệp nhị trùng?”

“À. Một người tên Ab Lofthus đã để lại lá thư tuyệt mệnh tự nhận là gián điệp nhị trùng.”

“Đó không phải là bằng chứng xác đáng sao?”

“Theo tôi thấy thì không.”

“Sao không?”

“Vì Ab Lofthus là cảnh sát ít tha hóa nhất từng làm cho Sở Cảnh sát Oslo.”

“Sao ông biết?”

Simon dừng chờ đèn đỏ tại Storgata. Bóng tối như từ các tòa nhà quanh họ tràn ra và cùng với bóng tối là những loài bóng đêm. Chúng bước lếch thếch, hay ngồi rũ rượi dựa tường nơi những ô cửa có tiếng nhạc thùm thụp, hay ngồi trong xe, cùi chỏ gác bên cửa sổ. Những cái nhìn hau háu, sục sạo. Những kẻ sẵn mồi.

“Vì anh ta là bạn thân nhất của tôi.”

Johannes xem giờ. Mười giờ mười. Quá giờ khóa xà lim mười phút. Giờ này bọn kia đã bị nhốt trong xà lim, người ta sẽ tự tay khóa xà lim của ông sau khi ông lau chùi lượt cuối lúc mười một giờ. Điều đó thật kỳ lạ. Khi ta ngồi tù đã lâu thì ngày bắt đầu nhạt nhòa đi nhanh như phút và mấy thiếu nữ trong hình lịch trên vách xà lim không theo kịp những tháng trôi qua. Nhưng giờ cuối lại có cảm giác dài như một năm. Một năm lê thê, khủng khiếp.

Ông bước vào phòng điều khiển.

Ở đó có ba cảnh sát đang trực, ít hơn ban ngày một người. Lò xo ghế kéo kẹt khi một người xoay đi khỏi dãy màn hình.

“Chào Johannes.”

Đó là Geir Goldsrud. Anh ta đưa chân đẩy sọt rác dưới bàn ra. Đó là phản ứng tự động. Người giám sát ca còn trẻ giúp ông già lao công bị đau lưng.

Johannes vẫn thích Geir Goldsrud. Ông rút khẩu súng lục trong túi ra chìa vào mặt Goldsrud.

“Hay đấy. Ông kiếm đâu ra thứ ấy?” Một trong mấy sĩ quan, người tóc vàng chơi bóng đá những 3 cho Hasle-Loren, nói.

Johannes không đáp, ông cứ nhìn chăm chăm và cánh tay giữ yên tại một điểm giữa hai mắt Goldsrud.

“Châm lửa giùm tôi chứ?” Sĩ quan thứ ba dứt điếu thuốc chưa châm vào giữa hai môi.

“Cất đi, Johannes.” Goldsrud nói bình thản và không chớp mắt nên Johannes biết anh ta đã hiểu. Rằng đây không phải là thứ bật lửa mới lạ.

“Đồ chơi chính hiệu của James Bond đấy cậu. Ông muốn bao nhiêu?” Cầu thủ bóng đá đã đứng lên đi lại chỗ Johannes để xem kỹ hơn.

Johannes nhắm khẩu súng lục bé xíu vào một màn hình treo dưới trần nhà và bóp cò. Ông không hẳn biết sẽ thấy gì nên cũng giật mình như mấy người kia khi có tiếng đoành, màn hình nổ tung và kính loảng xoảng.

Cầu thủ đứng chôn chân tại chỗ.

“Quỳ xuống sàn!” Johannes được trời phú cho giọng nam trung trầm, nhưng giờ giọng ông cao vút và the thé như bà già sắp lên cơn động kinh. Nhưng nó lại hiệu nghiệm. Việc biết rằng một kẻ liều lĩnh đang đứng trước mặt ta với vũ khí sát thương có tác động lớn hơn bất cứ giọng quyền uy. Lúc này cả ba quỳ xuống và để tay sau đầu như thể đây là thủ tục cần phải làm, như thể bị chĩa súng đe dọa là thứ họ đã thực hành. Mà có lẽ họ đã thực hành thật. Học được rằng đầu hàng vô điều kiện là phản ứng duy nhất đúng. Và có lẽ là cái duy nhất chấp nhận được với mức lương của họ.

“Tất cả nằm xuống. Nằm xuống sàn!”

Họ làm theo lời. Gần như phép màu.

Ông nhìn bảng điều khiển trước mặt. Tìm thấy nút mở và đóng cửa các xà lim. Rồi nút điều khiển các chốt khóa và cả hai lối vào. Cuối cùng là cái nút to màu đỏ để mở tất cả các cửa, chỉ dùng trong trường hợp hỏa hoạn. Ông nhấn nó.

Một tiếng hú dài chỉ rằng giờ nhà thì đã mở. Một ý nghĩ buồn cười thoáng qua đầu ông. Rằng đây là nơi ông vẫn mong đứng. Thuyền trưởng trên đài chỉ huy.

“Cứ úp mặt xuống sàn,” ông nói. Giọng ông đã mạnh mẽ hơn. “Ai trong các cậu cố ngăn tôi, tôi và các phạm nhân sẽ tìm đến các cậu cùng gia đình. Hãy nhớ rằng tôi biết mọi thứ về các cậu đấy mấy cậu. Trine, Valborg...” Ông kể vanh vách tên tuổi vợ con họ, trường chúng học, sở thích, họ sống nơi đâu ở Oslo, những thông tin tích lũy qua nhiều năm, trong khi vẫn tiếp tục nhìn dãy màn hình. Xong việc, ông bỏ họ lại đó. Ông ra khỏi cửa rồi cầm đầu chạy. Ông chạy dọc hành lang, xuống thang đến tầng dưới. Ông kéo cánh cửa thứ nhất. Nó mở ra. Ông tiếp tục xuống hành lang kế đó. Chưa gì tim ông đã đập thành thịch, đáng lẽ ông phải tập luyện nhiều hơn, ông đã không giữ được thể lực. Giờ ông định bắt đầu. Cửa thứ hai cũng mở. Hai chân ông phản đối chuyện đi nhanh như vậy. Có lẽ là do ung thư,

có lẽ nó đã lan tới các cơ và làm ông yếu đi. Cánh cửa thứ ba dẫn đến lồng. Ông chờ cho cửa thứ nhất khóa lại sau lưng với tiếng ì ầm trầm đục, đếm từng giây. Ông nhìn tới cuối hành lang về phòng thay đồ của nhân viên. Cuối cùng khi đã nghe thấy cửa đóng, ông chụp tay nắm cánh cửa trước mặt. Nhấn xuống kéo lên.

Khóa rồi.

Chết tiệt! Ông lại kéo. Cánh cửa không chịu nhúc nhích.

Ông nhìn tấm cảm biến trắng bên cửa. Ấn ngón trỏ lên. Đốm đèn vàng lóe lên ít giây rồi tắt và sau đó là đốm đèn đỏ. Johannes biết nó nghĩa là dấu tay ông không được nhận dạng, nhưng ông vẫn cố mở cánh cửa. Cùng đường. Bất thành. Ông quỳ thụp xuống trước cửa.

Cùng lúc ấy ông nghe thấy giọng Geir Goldsrud:

“Xin lỗi, Johannes.”

Giọng nói phát ra từ cái loa đầu tường nghe đìem đạm, gần như dỗ dành.

“Bọn tôi chỉ đang làm việc của mình thôi, Johannes. Nếu ai đe dọa gia đình mình chúng tôi cũng phải hạ vũ khí thì Na Uy sẽ chẳng còn mống quản giáo nào. Cứ bình tĩnh đi, chúng tôi sẽ xuống đón ông. Ông muốn chuỗi khẩu súng qua song sắt hay ông muốn chúng tôi xả hơi ngạt ra trước?”

Johannes ngược nhìn lên camera. Họ có nhìn thấy nỗi tuyệt vọng trên mặt ông không? Hay nỗi nhẹ nhõm? Nỗi nhẹ nhõm rằng cuộc trốn chạy đã chấm dứt đây và cuộc sống vẫn sẽ tiếp diễn như trước. Ít nhiều là vậy. Có lẽ chuyện lau sàn trên lầu đã là dĩ vãng.

Ông đẩy khẩu súng mạ vàng ra qua song sắt. Rồi ông nằm móp xuống sàn, để hai tay ra sau đầu và uốn cong người như con ong vừa chích cái đầu tiên và duy nhất. Nhưng khi nhắm mắt ông không nghe thấy tiếng linh cầu và

ông cũng không ngồi trên máy bay tiến về đỉnh núi Kilimanjaro. Ông vẫn không ở đâu cả và còn sống. Ông ở đây.

Ghi chú:

1. Tác phẩm của Ernest Hemingway.
2. Các chất gây nghiện tổng hợp, thành phần trong ma túy đá.

11

Mới hơn bảy giờ rưỡi sáng và mưa đang rơi trên bãi xe Staten.

“Chỉ là chuyện sớm muộn thôi,” Arild Franck nói và giữ cửa mở vào lối sau.

“Cơ bản là bọn nghiện đũa nào cũng thiếu chí khí. Tôi biết nói vậy không kiểu cách lắm, nhưng cứ tin tôi, tôi biết chúng thế nào.”

“Miễn là hấn ký vào bản thú tội đó, tôi chỉ cần biết có vậy.” Einar Harnes định vào, nhưng phải né qua nhường đường cho ba quản giáo đang đi ra. “Tôi đang tính tối nay một mình làm vài ly sủi tăm ăn mừng.”

“A, họ trả lương anh cao vậy sao?”

“Khi tôi thấy chiếc xe của ông, tôi nhận ra là mình phải tặng phí.” Hấn cười nhăn nhó hất hàm về chiếc Porsche Cayenne trong bãi xe. “Tôi cho đó là phụ phí cho công tác phản xã hội với lại Nestor nói...”

“Xùyyy!” Franck chìa tay ra trước mặt Harnes để vài quản giáo nữa ra trước.

Hầu hết đã thay đồ thường dân, nhưng một số rõ ràng nóng lòng về nhà sau ca đêm đến nỗi đi như chạy ra xe mà vẫn còn mặc đồng phục xanh lá của Staten.

Harnes nhận được cái liếc nhìn sắc cạnh của một người mặc áo choàng dài rộng bên ngoài đồng phục. Hấn biết mình đã thấy gương mặt này rồi. Nhưng dù không thể nhớ tên gương mặt này thì hấn lại khá chắc người này có thể nhìn mặt nói tên hấn: tay luật sư ám muội xuất hiện trên mấy tờ báo gắn liền với những vụ cũng ám muội chẳng kém. Có lẽ người này và những người khác như anh ta đang bắt đầu đặt câu hỏi Harnes làm gì ở cửa sau

Staten. Họ mà nghe hẳn nhắc đến tên Nestor thì thật khó mà cải thiện được hình ảnh hẳn...

Franck mở khóa cho mình và Harnes qua vài cửa đến khi tới cầu thang dẫn lên tầng một.

Nestor đã chỉ đạo rõ ràng là hôm nay họ phải lấy được bản thú tội có chữ ký.

Nếu cuộc điều tra Yngve Morsand không khép lại ngay, cảnh sát có thể sẽ phát hiện được chứng cứ mới làm cho lời thú tội của Sonny kém phần đáng tin.

Harnes không biết làm sao Nestor có được thông tin này mà hẳn cũng không muốn biết.

Lẽ đương nhiên giám thị trại giam có văn phòng to nhất, nhưng văn phòng của phó giám thị thì lại nhìn ra thánh đường Hồi giáo và Ekebergasen. Nó nằm ở cuối hành lang và được trang hoàng mấy bức tranh xấu tệ của một nữ họa sĩ trẻ chuyên vẽ hoa và bàn về dục tình của mình với báo lá cải.

Franck bấm nút trên hệ thống điện thoại nội bộ bảo giải phạm nhân ở xà lim 317 đến văn phòng mình.

“Xe đó làm tôi mất cả 1,2 triệu krone đấy,” Franck nói.

“Tôi cá phân nửa đó là cho cái biển hiệu Porsche trên ca pô,” Harnes nói.

“Ừ, còn nửa kia cho thuế vụ.” Franck thở dài ngồi phịch xuống cái ghế văn phòng có lưng cao khác thường. Trông như cái ngai, Harnes nghĩ.

Có tiếng gõ cửa.

“Vào đi.” Franck gọi ra.

Một quản giáo xuất hiện. Anh ta cặp mũ dưới nách và đưa tay lên chào qua loa. Nhiều lúc Harnes không hiểu sao Franck có thể khiến nhân viên chấp nhận nghi thức chào quân sự ở một nơi làm việc hiện đại. Rồi nào là những quy định khác họ phải cố mà chấp nhận.

“Có việc gì, Goldsrud?”

“Giờ tôi hết ca, nhưng trước khi về tôi chỉ muốn biết sếp có hỏi gì về báo cáo ca đêm qua không.”

“Tôi vẫn chưa kịp xem. Có gì tôi phải biết không, sấn anh đang ở đây?”

“Không có gì quan trọng ngoại trừ một vụ vượt ngục bất thành; tôi chắc sếp có thể gọi như vậy.”

Franck ấn hai lòng bàn tay vào nhau và mỉm cười. “Tôi vui khi nghe phạm nhân của ta tỏ ra có sự đột phá và tính táo bạo như vậy. Ai và ra sao?”

“Johannes Halden ở xà lim số 2...”

“238. Lão già hả? Thật sao?”

“Bằng cách nào đó ông ta có được khẩu súng lục. Tôi nghĩ đó là chuyện bột phát thôi. Tôi ghé qua chỉ để thưa với sếp rằng toàn bộ sự việc không quá kịch tính như sẽ thấy trong báo cáo. Nếu sếp muốn nghe ý kiến của tôi thì những hậu quả nhẹ là đã đủ. Người này làm việc chăm chỉ cho chúng ta đã nhiều năm và...”

“Chiếm lòng tin của ai đó là một bước khôn ngoan nếu muốn đánh úp họ. Vì tôi nghĩ chắc đó là điều lão ta đã làm?”

“Vâng, sếp hiểu...”

“Có phải anh đang muốn nói với tôi rằng anh tự nhận mình bị mắc mưu, Goldsrud? Lão chạy được tới đâu?”

Harnes thấy có chút đồng cảm với tay quần giáo đang lần ngón trở lên môi trên rịn mồ hôi. Hãn luôn cảm thông với những người yếu thế. Hãn dễ dàng hình dung được mình ở trong tình cảnh của họ.

“Đến tận chốt khóa. Nhưng không thể có nguy cơ là ông ta qua được bảo vệ dù có ra tới bên ngoài. Phòng bảo vệ có kính chống đạn và lỗ châu mai và...”

“Cảm ơn đã cho tôi biết, nhưng gần như là tôi đã thiết kế ra nhà tù này mà, Goldsrud. Tôi cho rằng anh có chút mũi lòng với cái gã mà bấy lâu anh đã thân thiết này. Tôi sẽ không nói gì thêm cho đến khi đọc xong báo cáo, nhưng toàn bộ ca trực các anh nên chuẩn bị tinh thần cho vài câu hỏi riết rắng. Còn về Johannes, ta không thể nhẹ tay với lão; ta có một đám khách hàng sẽ khai thác từng dấu hiệu yếu kém của ta. Rõ chưa?”

“Rõ.”

Điện thoại reo.

“Giải tán,” Franck nói, nhắc ống nghe.

Harnes chờ thấy một cái giơ tay chào nữa, một đấng sau quay và bước đều, nhưng Goldsrud rời phòng theo lối dân sự. Tay luật sư nhìn anh ta, nhưng giật nảy mình khi Arild Franck gào lên: “Anh nói ‘biến mất rồi’ nghĩa là thế quái nào hả?”

Franck nhìn chăm chăm chiếc giường đã xếp dọn gọn gàng trong xà lim 317.

Trước giường là đôi xăng đan. Trên tủ kê đầu giường có cuốn Kinh Thánh, trên bàn là ống tiêm dùng một lần vẫn còn trong bọc ni lông còn trên ghế là chiếc sơ mi trắng. Tất cả chỉ có vậy. Dù vậy, tên quần giáo sau lưng Franck vẫn nêu ra điều đã sờ sờ:

“Hắn không có đây.”

Franck liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Mười bốn phút nữa các cửa xà lim mới mở nên tên phạm nhân vắng mặt không thể có trong một phòng tập thể nào được.

“Chắc hắn ra khỏi xà lim khi Johannes mở toàn bộ cửa từ phòng điều khiển hồi đêm.” Goldsrud đang đứng nơi khung cửa.

“Lạy Chúa,” Harnes thì thào và theo thói quen dè ngón tay lên sống mũi từng có một cặp kính cho đến khi hắn bỏ ra 15.000 trong để phẫu thuật laser ở Thái Lan hồi năm ngoái.

“Nếu hắn bỏ trốn rồi...”

“Im đi,” Franck rít lên. “Hắn không thể qua chỗ bảo vệ được. Hắn vẫn còn đầu đó trong đây thôi. Goldsrud, gọi báo động. Khóa hết cửa lại - không ai được ra vào.”

“Nhưng tôi phải đưa con đến...”

“Kể cả anh.”

“Còn cảnh sát?” một quản giáo hỏi. “Không nên báo cho họ sao?”

“Không!” Franck thét lên. “Lofthus vẫn còn bên trong Staten, tôi cho anh biết là như thế! Không nói tiếng nào với bất cứ ai.”

Arild Franck trừng mắt nhìn ông già. Hắn đã khóa cửa và kiểm tra cho chắc là không có quản giáo nào đứng ngoài.

“Sonny đâu?”

Johannes nằm trên giường, dụi mắt cho tỉnh ngủ. “Cậu ta không có trong xà lim sao?”

“Mẹ kiếp ông biết rõ là không mà.”

“Vậ thì chắc cậu ta trốn thoát rồi.”

Franck cúi xuống, thộp cổ áo sơ mi ông già kéo về phía mình.

“Đừng có mà hí hửng, Johannes. Tao biết bảo vệ bên ngoài chưa thấy gì nên hẳn phải trong này thôi. Và nếu mà không nói tao nghe hẳn ở đâu, mà có thể vậy chào tạm biệt vụ điều trị ung thư đi được rồi.” Franck thấy vẻ sừng sốt trên mặt ông già. “Ồ, mà quên chuyện bảo mật giữa bác sĩ, bệnh nhân đi, tao có tai mắt khắp nơi. Rồi giờ sao?” Hẳn buông Johannes ra, đầu ông đổ vật xuống gối.

Ông già vuốt lại mái tóc ngày một thưa và gập hai tay sau đầu. Ông hắng giọng. “Ông biết gì không, ông giám thị? Tôi nghĩ tôi đã sống đủ lâu rồi. Chẳng có ai chờ tôi bên ngoài. Còn tội lỗi của tôi đã được tha thứ, nên đáng lẽ lần đầu tiên tôi nghĩ mình có cơ hội lên đó. Có lẽ tôi cũng nên chộp lấy khi còn cơ hội.

Ông nghĩ sao?”

Arild Franck nghiêng răng chặt đến mức có cảm giác như mấy chỗ trám trong răng sắp vỡ đến nơi.

“Cái tao nghĩ sẽ xảy ra, Johannes, là mà nhận ra mà không được tha thứ một tội nào cả. Vì trong đây tao là Chúa và tao có thể bảo đảm cho mà một cái chết từ từ đau đớn vì ung thư. Tao sẽ bảo đảm là mà nằm trong xà lim của mà, bị ung thư ăn dần ăn mòn mà chỉ thoáng thấy thuốc giảm đau thôi cũng không thể. Mà mà cũng không phải là đưa đầu tiên, để tao cho mà biết.”

“Thà vậy còn hơn là địa ngục nào ông sẽ xuống, ông giám thị ạ.”

Franck không rõ tiếng ùng ục phát ra từ cổ họng ông già là sự giãy chết hay tiếng cười.

Trên đường quay lại xà lim 317 Franck kiểm tra bộ đàm lần nữa. Vẫn không thấy tăm hơi Sonny Lofthus đâu. Hắn biết hắn sẽ sớm buộc phải phát đi bản tin truy nã.

Hắn vào xà lim 317, ngồi phịch xuống giường và tận mắt kiểm tra kỹ khắp sàn nhà, tường rồi trần. Hắn đểch tin được chuyện đó. Hắn chộp cuốn Kinh Thánh trên tủ đầu giường liệng vào tường. Nó rơi, mở ra trên sàn. Hắn biết Vollan từng dùng Kinh Thánh để lén đưa heroin vào nên liếc nhìn mấy trang bị cắt xén tan hoang. Những tin điều đã hỏng và những câu đứt đoạn vô nghĩa.

Hắn chửi thề rồi ném cái gối vào tường.

Hắn nhìn cái gối rơi xuống sàn. Ngây nhìn những sợi tóc xòa ra. Tóc hoe đỏ trông như mấy tấm râu và ít sợi dài. Hắn nhặt cái gối lên. Lại thêm tóc vàng bần, rối xõ ra.

Tóc ngắn. Mới cạo.

Và đó là lúc hắn cuối cùng cũng đã hiểu ra.

“Ca đêm đâu!” hắn hét vào bộ đàm. “Kiểm tra mọi quản giáo ra về sau ca đêm!”

Franck nhìn đồng hồ đeo tay. 8 giờ 10. Giờ hắn đã biết chuyện xảy ra. Hắn cũng biết đã muộn quá rồi không còn làm gì được nữa. Hắn đứng lên đá cái ghế đánh sầm vào tấm gương chống vỡ bên cửa.

Tài xế xe buýt quan sát viên quản giáo đang ngơ ngác nhìn chiếc vé và năm chục krone thối lại tờ một trăm krone. Ông dám chắc người này là quản

giáo vì anh ta mặc đồng phục bên trong áo choàng dài và bảng tên ghi “Sorensen” có tấm ảnh trông chẳng giống gì anh ta.

“Lâu rồi không đi xe buýt hả?” Tài xế hỏi.

Người có mái tóc cắt lam nham xấu xí gật.

“Nếu anh mua trước thẻ đi lại thì có hai mươi sáu krone thôi” , tài xế nói, nhưng theo vẻ mặt của hành khách thì ông dám nói anh ta nghĩ ngay cả giá này cũng đã cắt cổ. Đó là phản ứng chung của bất kỳ ai đã vài năm rồi không đi xe buýt ở Oslo.

“Cảm ơn ông đã giúp,” người nọ nói.

Tài xế xe buýt chạy khỏi lề trong khi quan sát phía sau lưng tay quản giáo trong gương chiếu hậu. Ông không hẳn biết tại sao, có lẽ vì giọng anh ta. Thật ấm áp và chân thành như thể quả thực anh ta cảm ơn ông bằng cả tấm lòng. Ông thấy anh ta ngồi xuống và ngây nhìn lạ lẫm ra ngoài cửa sổ như mấy khách du lịch nước ngoài thỉnh thoảng lạc lên xe buýt. Thấy anh ta lúi trong túi áo choàng ra chòm chìa khóa rồi nhìn chăm chú như thể chưa thấy bao giờ. Rồi lấy từ túi áo bên kia ra một gói kẹo cao su.

Thế rồi ông phải tập trung vào xe cộ trước mặt.

Phần 2

12

A rild Franck đứng bên cửa sổ trong văn phòng. Hắn nhìn đồng hồ tay. Hầu hết phạm nhân trốn trại đều được giải về trong vòng mười hai giờ đầu. Hắn đã nói với báo chí là hai mươi bốn tiếng đầu để nếu kéo dài quá mười hai tiếng thì hắn vẫn có thể gọi đó là kết quả chóng vánh. Nhưng giờ đã gần được hai mươi lăm tiếng rồi mà họ vẫn chưa có manh mối nào để tiếp tục.

Hắn vừa đến văn phòng lớn của giám thị. Văn phòng không có cảnh nhìn ra.

Và ở đó người đàn ông không có cái nhìn đã yêu cầu một lời giải thích. Ông giám thị nhà tù đang có tâm trạng u ám vì buộc phải bỏ hội nghị nhà tù Bắc Âu thường niên ở Reykjavik mà về sớm. Hôm qua trên điện thoại từ Iceland ông ta đã nói sẽ liên lạc với báo chí. Ông ta thích phát biểu với giới truyền thông, sếp hắn là vậy. Franck đã xin hai mươi bốn giờ im tin với các phương tiện truyền thông để tìm Lofthus, nhưng sếp hắn bác ngay và nói đây không phải chuyện họ giấu nhẹm được. Thứ nhất, Sonny Lofthus là sát thủ nên công chúng phải có quyền được cảnh báo. Thứ hai, họ cần tung hình hắn ta cho giới truyền thông nhờ tìm giúp.

Và, thứ ba, ông ta muốn có hình mình trên báo, Franck nghĩ. Để đám bạn chính khách thấy ông ta đang làm việc chứ không phải đang vi vu trên con vịnh xanh uống rượu mùi Svartadaudir.

Franck đã thử phân trần với giám thị rằng tung hình ra rất có thể sẽ không được hiệu quả lắm; hình Sonny Lofthus họ giữ đều từ ngày hắn bị tổng giam mười hai năm trước mà kể từ hồi ấy hắn đã để râu tóc dài. Còn hình ảnh từ hệ thống camera an ninh khép kín sau khi hắn cắt tóc thì mờ đến ông dùng được.

Vậy nhưng gã giám thị cứ nhất định lôi tên tuổi Staten xuống bùn.

“Cảnh sát đang sẵn lòng hẳn, Arild, nên chắc hẳn anh biết sớm muộn gì rồi tôi cũng sẽ nhận một cú điện thoại từ phóng viên thắc mắc sao chưa loan báo vụ vượt ngục và hỏi Staten có từng che giấu mấy vụ vượt ngục không. Tôi thích kiểm soát câu chuyện hơn, Arild.”

Gã giám thị tiếp tục hỏi sang chuyện Franck thấy cần thắt chặt quy trình thế nào. Và Franck biết tại sao: để ông ta còn đến chỗ đám bạn bè trong chính phủ mà mạo nhận những ý tưởng của phó giám thị là của mình. Những ý tưởng từ một người có cái nhìn. Vậy mà hẳn phải chia sẻ ý nghĩ với một thằng ngốc.

Nhận dạng giọng nói thay cho dấu tay và gắn thẻ điện tử có con chip GPS

không hủy được. Cuối cùng thì, có những thứ Franck quý hơn cả bản thân mình mà Nhà tù Staten là một trong số đó.

Arild Franck nhìn Ekebergasen nằm tắm trong nắng mai. Có thời nó là điểm sáng trong những xóm của tầng lớp lao động. Có thời hẳn đã mơ ước mua một căn nhà nho nhỏ ở đó. Giờ hẳn đã sở hữu một ngôi nhà bề thế hơn trong khu vực đắt tiền hơn ở Oslo. Nhưng hẳn vẫn mơ về túp nhà nhỏ.

Dù Nestor có vẻ như đã phản ứng một cách thản nhiên trước tin vượt ngục, không phải sự mất bình tĩnh ở Nestor và đám cùng giuộc với hẳn là cái khiến Franck lo lắng. Trái lại, hẳn nghĩ lúc chúng bình thản nhất cũng là khi chúng đưa ra những quyết định kinh khủng đến mức làm máu hẳn lạnh toát. Mặt khác, chúng hành động với một logic đơn giản, rõ ràng và thực tế mà Arild Franck không thể không thán phục.

“Tìm cho ra hẳn,” Nestor đã nói. “Hay làm sao cho chắc là không ai làm vậy được.”

Nếu họ tìm ra Lofthus, họ có thể thuyết phục hãn nhận tội sát hại bà Morsand trước khi có ai khác tìm tới hãn. Họ có phương pháp của mình. Nếu họ thủ tiêu Lofthus, họ có thể ngăn hãn biện bạch về bằng chứng ngoại phạm hợp lệ, nhưng ngược lại họ sẽ không còn dùng hãn được nữa trong các vụ về sau.

Cách họ suy nghĩ là vậy. Những ưu và nhược. Dù vậy, tựu trung lại vẫn chỉ là chuyện logic.

“Có Simon Kefas nào đó trên điện thoại muốn gặp ông.” Giọng Ina trên hệ thống điện thoại nội bộ.

Arild Franck vô thức khịt mũi.

Simon Kefas.

Đấy mới là một kẻ bao giờ cũng chỉ nghĩ đến mình. Một kẻ thua cuộc èo uột đã bước qua không chỉ một xác chết trong cơn nghiện đồ đen. Thiên hạ đồn ông ta đã thay đổi từ khi gặp người đàn bà giống ta đang chung sống. Nhưng không ai biết rõ hơn một phó giám thị là con người ta không thay đổi; Franck có cái nhìn thấu suốt hãn cần về Simon Kefas.

“Bảo ông ta tôi không có ở đây.”

“Ông ta muốn gặp ngài trong ngày hôm nay. Về chuyện Per Vollan.”

Vollan? Franck tưởng cảnh sát đã công bố cái chết của Vollan là tự sát. Hãn thờ sượng nhìn xuống tờ báo trên bàn. Vụ vượt ngục được tường thuật kỹ hơn, nhưng ít ra nó cũng không nằm trên trang nhất. Có lẽ vì tòa soạn không có tấm hình tử tế của phạm nhân trốn thoát. Có lẽ bầy kèn kèn thích chờ đến khi có được hình vẽ của máy tính nhận diện kẻ sát nhân mà, lý tưởng mà nói, hãn sẽ trông như một thằng nghiện. Nếu vậy thì bọn họ sẽ thất vọng.

“Arild?”

Họ có một thỏa thuận ngầm là cô ta có thể gọi tên hắn khi không có mặt ai.

“Tìm chỗ nào đó còn trống trong lịch ghi nhớ của tôi, Ina. Đừng cho ông ta quá ba mươi phút.”

Franck nhìn ra nhà thờ hồi giáo. Không mấy chốc sẽ là hai mươi lăm giờ.

Lars Gilberg bước một bước lại gần hơn.

Cậu thanh niên nằm trên miếng bìa cứng đập dẹp và đắp tấm áo choàng dài.

Cậu ta tới hôm trước và tìm được một chỗ nấp sau bụi cây mọc dọc lối đi và các tòa nhà đằng sau. Cậu ta ngồi đó, im lìm bất động, như thể đang chơi trốn tìm.

Hai cảnh sát mặc đồng phục đã ghé lại, hết nhìn Gilberg lại nhìn tấm hình họ giơ lên rồi mới đi tiếp. Gilberg không nói gì. Chiều trời lại đổ mưa, cậu thanh niên ló ra và ngả lưng dưới cầu. Không xin phép. Chẳng phải là sẽ có phép để xin, nhưng cậu ta còn chẳng thèm hỏi trước một tiếng. Rồi còn chuyện nữa. Cậu ta mặc đồng phục. Lars Gilberg không rõ đồng phục nào - gã đã bị quân đội chê khi chưa kịp thấy gì khác ngoài bộ màu xanh lá của viên sĩ quan tuyển quân.

“Không phù hợp” là lý do có phần mơ hồ họ đưa ra. Lăm lúc Lars Gilberg tự hỏi có thứ gì gã phù hợp không. Và, nếu có, có bao giờ gã biết được là thứ gì không? Có lẽ nó là cái này đây: kiếm tiền mua ma túy và sống dưới gầm cầu.

Như lúc này.

Cậu thanh niên đang ngủ và hơi thở đều. Lars Gilberg bước thêm bước nữa.

Có gì ở cách đi đứng và màu da của cậu thanh niên mách bảo Gilberg rằng cậu ta là người nghiện. Nếu vậy thì ắt cậu ta vẫn còn ít ma túy trong người.

Giờ Gilberg đã tới gần đến mức gã thấy mí mắt cậu thanh niên giật giật như thể nhãn cầu bên dưới đang đảo và cử động. Gã ngồi xổm xuống rồi cẩn thận đỡ áo khoác lên. Đưa mấy ngón tay tới túi ngực áo choàng đồng phục.

Chuyện xảy ra nhanh đến mức Lars còn không kịp thấy. Bàn tay cậu thanh niên khóa chặt cổ tay gã và Lars nhận ra mình đang quỳ gối mặt gí xuống đất ầm còn cánh tay bị bẻ quặt ra sau lưng.

Một giọng nói nhỏ bên tai gã:

“Ông muốn gì?”

Giọng nói nghe không giận dữ hay hung hăng, thậm chí cũng không sợ sệt.

Đúng hơn là lịch sự, như thể cậu thanh niên thực lòng muốn biết có thể giúp gì cho gã không. Lars Gilberg làm cái gã vẫn luôn làm khi nhận ra mình thua. Cắt lỗ.

“Trộm đồ cậu giầu. Hay nếu cậu không có chút nào thì lấy tiền của cậu.”

Cậu thanh niên đã khóa gã bằng kiểu ghì chuẩn: cổ tay quặp vào cẳng tay còn áp lực dồn vào sau cùi chỏ. Kiểu khóa của cảnh sát. Nhưng Gilberg biết cảnh sát đi đứng, nói năng, có dáng vẻ và có mùi ra sao, còn cậu thanh niên này không có những cái đó.

“Ông dùng thứ gì?”

“Morphine,” Gilberg rên.

“Năm chục krone thì ông kiếm được chừng nào?”

“Ít thôi. Không nhiều.”

Tay nắm lỏng ra nên Gilberg lẹ làng giật tay lại.

Gã nhìn lên chàng trai. Chớp chớp mắt trước tờ tiền cậu ta cầm giơ lên trước mặt gã. “Tiếc quá, tôi chỉ có bấy nhiêu.”

“Tôi chẳng có gì để bán cả, bạn hữu.”

“Tiền cho ông thôi. Tôi bỏ rồi.”

Gilberg nheo một bên mắt. Người ta gọi vậy là gì ấy nhỉ? Khi cái gì đó nghe có vẻ tuyệt vời quá không tin được thì thường nó sẽ đúng là vậy. Nhưng nghĩ lại, có lẽ anh chàng này chỉ đơn giản là tên khùng.

Gã giật tờ năm mươi krone bỏ vào túi.

“Đó là tiền thuê chỗ ngủ.”

“Hôm qua tôi thấy cảnh sát đi qua đây,” cậu thanh niên nói. “Họ có đảo qua đây nhiều không?”

“Thỉnh thoảng, nhưng dạo này bọn tôi bị họ khám đột xuất nhiều.”

“Ông có tình cờ biết nơi nào họ không khám đột xuất không?”

Gilberg nghiêng đầu nhìn cậu thanh niên chăm chú.

“Nếu cậu muốn tránh hấn cớm, cậu phải kiếm một phòng trong ký túc xá.

Thử Trung tâm Ila đi. Họ không cho cớm vào đó.”

Cậu thanh niên trầm ngâm nhìn dòng sông rồi thong thả gật. “Cảm ơn ông đã giúp, ông bạn.”

“Không dám,” Gilberg kinh ngạc lí nhí. Dứt khoát là một thằng khùng.

Và, như thế để khẳng định những hồ nghi của gã, cậu thanh niên bắt đầu cởi đồ. Để an toàn Gilberg lùi lại mấy bước. Khi chỉ còn mặc mỗi quần lót, cậu thanh niên lấy đồng phục quần đôi giày lại. Gilberg đưa cậu ta một túi ni lông mà cậu ta hỏi xin để bỏ áo quần và đôi giày quần lại vào. Cậu ta để cái túi dưới một tảng đá giữa bụi cây chỗ đã ngồi hôm qua.

“Tôi sẽ trông chừng để không ai tìm thấy nó,” Gilberg nói.

“Cảm ơn, tôi tin ông mà.” Mỉm cười, cậu thanh niên cài nút áo khoác kín mít để không lộ ngực trần.

Rồi cậu ta cất bước xuôi lối đi. Gilberg nhìn theo cậu ta; thấy gót chân trần làm mấy vũng nước bắn tung tóe lên lớp nhựa đường.

Tôi tin ông mà?

Diên hết thuốc chữa thật rồi.

Martha đứng ở khu vực tiếp tân nhìn màn hình máy tính có hình ảnh an ninh khép kín của Trung tâm Ila. Cụ thể hơn là nhìn người đàn ông đang nhìn chăm chăm vào camera ngoài cửa vào. Anh ta chưa nhấn chuông, chưa phát hiện thấy cái lỗ nhỏ trong tấm kính Plexiglas che cái chuông. Họ đã phải gắn Plexiglas vì động chuông là phản ứng thông thường khi ai đó không được vào. Martha bấm nút micro.

“Tôi giúp gì được anh không?”

Người thanh niên không đáp. Martha xác định anh ta không phải một trong bảy mươi sáu người trọ của họ. Dù trong bốn tháng qua trung tâm đã có tổng số một trăm người trọ ra vào, cô vẫn nhớ từng gương mặt. Nhưng cô kết luận anh ta thuộc về “nhóm khách hàng mục tiêu” của Ila như mọi người biết: dân nghiện ma túy. Không phải anh ta trông phê thuốc, vì anh ta không vậy; mà gương mặt hốc hác của anh ta. Những nếp nhăn quanh miệng. Mái tóc cắt thật kinh khủng.

Cô thở dài.

“Anh cần phòng à?”

Người thanh niên gật nên cô xoay chìa trong công tắc mở khóa cửa dưới lầu.

Cô gọi ra cho Stine đang ở trong bếp làm sandwich cho một người trợ để trông coi khu vực tiếp tân lúc cô vắng mặt. Rồi cô rảo bước xuống cầu thang và qua cổng sắt dùng để chặn lối vào khu vực tiếp tân trong trường hợp kẻ đột nhập cố vào qua cửa lớn. Người thanh niên đang đứng bên trong cửa, nhìn quanh.

Áo choàng anh ta mặc cài nút đến tận cổ và dài xuống gần mắt cá chân. Anh ta đi chân trần và cô thấy có máu nơi dấu chân còn ướt bên cửa vào. Nhưng đến giờ thì Martha đã thấy hầu hết mọi thứ nên cái làm cô chú ý trước tiên là đôi mắt. Ánh mắt anh ta nhìn cô. Cô không thể giải thích nó theo một cách nào khác. Mắt anh ta chăm chú vào cô và trong đó cô thấy anh ta đang xử lý cái ấn tượng thị giác cô tạo ra. Có thể nó chẳng là gì to tát, nhưng vẫn nhiều hơn những gì cô đã quen ở Trung tâm Ila. Nên, trong một thoáng, cô chợt có ý nghĩ là rốt cuộc thì có lẽ anh ta không dùng thuốc, nhưng cô xua ý nghĩ ấy đi cũng nhanh chẳng kém.

“Chào anh. Theo tôi.”

Anh ta theo cô lên lầu một rồi vào phòng họp bằng lối khu vực tiếp tân. Như thường lệ cô để mở cửa cho Stine và những người khác nhìn thấy họ, mời anh ta ngồi rồi lấy ra mấy mẫu đơn của cuộc phỏng vấn giới thiệu bắt buộc.

“Tên gì?” cô hỏi.

Anh ta ngập ngừng.

“Tôi cần ghi tên vào phiếu này,” cô nói, cho anh ta cái mở đầu mà nhiều người đến đây cần.

“Stig,” anh ta e dè đáp.

“Stig thì được rồi,” cô nói. “Còn gì nữa không?”

“Berger?”

“Vậy thì đó là cái ta sẽ ghi ở đây. Ngày sinh?”

Anh ta nêu ngày tháng, cô nhẩm tính anh ta đã ngoài ba mươi. Trông anh ta trẻ hơn nhiều. Đó là điều kỳ lạ ở dân nghiện, dễ phán đoán sai tuổi họ, lúc thì nhiều hơn, lúc thì ít hơn.

“Có ai chỉ anh tới đây không?”

Anh ta lắc đầu.

“Tối qua anh ngủ đâu?”

“Dưới gầm cầu.”

“Vậy thì tôi cho là anh không có nơi nhất định và không biết mình trực thuộc văn phòng dịch vụ xã hội nào; do đó tôi sẽ chọn số mười một là ngày sinh của anh và vậy là ta sẽ có...” Cô kiểm tra danh sách. “Dịch vụ Xã hội Ahla, mà, với lòng nhân từ vô hạn của họ, hy vọng rằng họ sẽ quyết định tài trợ cho anh. Anh đang dùng loại ma túy nào?”

Bút cô ngập ngừng, nhưng anh ta không đáp.

“Cứ nêu ra món anh ưa thích.”

“Tôi bỏ rồi.”

Cô đặt bút xuống. “Trung tâm Ila là nơi dành cho người đang dùng ma túy.

Tôi có thể gọi cho trung tâm ở Sporveisgata xem họ còn phòng cho anh không.

Chỗ đó thơm tất hơn đây nhiều.”

“Cô đang muốn nói... ?”

“Phải, tôi muốn nói là anh phải phê thuốc thường xuyên mới đủ điều kiện.”

Cô nhoẻn cười với anh, nụ cười mệt mỏi.

“VẬY TÔI BẢO TÔI NÓI DỐI VÌ TƯỞNG KHAI MÌNH SẠCH THÌ SẼ DỄ XIN ĐƯỢC PHÒNG Ở ĐÂY HƠN?”

“VẬY THÌ ANH CŨNG ĐÃ TRẢ LỜI ĐÚNG CÂU HỎI ĐÓ, NHƯNG ANH HẾT DÂY CỨU SINH RỒI ĐẤY, ANH BẠN.”

“Heroin,” anh ta nói.

“Và?”

“Heroin thôi.”

Cô phết vào ô vuông trong phiếu, nhưng nghi vụ này không đáng tin. Hầu như ở Oslo không còn ai dùng mỗi heroin; ngày nay ai cũng dùng chất pha trộn bởi lý do đơn giản là nếu ta kết hợp heroin đã pha trộn với một benzodiazepine như Rohypnol chẳng hạn, ta sẽ được một lần chích phê hơn cả về độ mạnh lẫn thời gian cho đồng đô la bỏ ra.

“Sao anh đến đây?”

Anh ta nhún vai. “Để kiểm một mái che.”

“Có bệnh hay dùng thuốc men cơ bản nào không?”

“Không.”

“Anh có dự tính gì cho tương lai?”

Anh ta nhìn cô. Bố Martha thường nói quá khứ của một người ghi dấu trong đôi mắt và rất đáng học cách đọc ra nó. Nhưng không thể tìm thấy tương lai của họ ở đó. Tương lai là cái chưa biết. Dù là vậy, về sau Martha thường nhớ lại khoảnh khắc này và tự hỏi liệu cô có thể, liệu có phải đáng lý ra cô đã phải đọc ra cái gì đó về dự tính tương lai của người đàn ông tự xưng là Stig Berger này hay không.

Anh ta lắc đầu và cũng phản ứng như vậy với các câu cô hỏi về công việc, học vấn, những lần dùng quá liều trước kia, các chứng bệnh trong cơ thể, nhiễm trùng máu và các vấn đề sức khỏe tâm thần. Cuối cùng cô giải thích rằng trung tâm có chính sách bảo mật tuyệt đối và họ sẽ không cho ai biết anh sống trong trung tâm, nhưng nếu muốn, anh có thể điền một phiếu chấp thuận nêu tên bất kỳ ai sẽ được phép nhận thông tin nếu họ liên lạc với trung tâm.

“Để cha mẹ, bạn bè hay bạn gái chẳng hạn có thể liên lạc với anh.”

Anh ta cười buồn. “Tôi không có ai trong số đó cả.”

Martha Lian nghe câu trả lời này đã nhiều lần rồi. Nhiều lần đến mức nó không còn tạo được trong cô ấn tượng nào nữa. Bác sĩ trị liệu cho cô gọi đó là vô cảm và giải thích rằng đến một lúc nào đó nó sẽ ảnh hưởng đến hầu hết những người trong nghề cô. Cái làm Martha lo là dường như tình hình không khá hơn chút nào. Dĩ nhiên cô hiểu một người bị quan lo ngại về tính bí quan của mình thì cũng có nghĩa là người đó không hoàn toàn bí quan, nhưng trước đây trong cô lúc nào cũng đong đầy sự thấu cảm. Lòng trắc ẩn. Tình thương. Mà cô đang gần cạn rồi. Nên cô giật mình khi nghe mấy chữ *Tôi không có ai trong số đó cả* chạm vào cái gì đó, như mũi kim khiến cơ bị teo rúm lại.

Cô gom giấy tờ bỏ vào cặp hồ sơ để lại khu vực tiếp tân rồi dẫn người mới xuống phòng kho nhỏ ở tầng trệt.

“Tôi hy vọng anh không phải típ mắc bệnh hoang tưởng không chịu mặc đồ dùng rồi,” cô nói và quay lưng lại trong khi anh ta cởi áo khoác rồi mặc áo quần và mang đôi giày thể thao cô chọn cho.

Cô chờ đến khi anh ta húng hắng. Cô quay lại. Không hiểu sao anh ta trông cao hơn và thẳng người hơn khi mặc áo chui đầu xanh nhạt với quần jean. Anh ta trông cũng không gầy nhom như khi mặc áo choàng. Anh ta liếc xuống đôi giày thể thao xanh trơn.

“Phải,” cô nói. “Giày ưa thích của kẻ không nhà.”

Trong thập niên 1980 một số lượng lớn giày thể thao xanh đã được kho đồ thừa của quân đội Na Uy tặng cho nhiều tổ chức cần giúp đỡ nên đôi giày đã thành biểu tượng của người nghiện ma túy và kẻ vô gia cư.

“Cảm ơn,” anh ta nói khẽ.

Mới đầu Martha đã đi gặp bác sĩ trị liệu vì một người trong trung tâm đã không cảm ơn cô. Đó chỉ là một “không biết cảm ơn” nữa trong chuỗi dài “không biết cảm ơn” khác từ những cá nhân tự hủy hoại bản thân mà vẫn được hưởng một kiểu tồn tại nào đó nhờ hệ thống phúc lợi xã hội và đủ kiểu tổ chức xã hội mà chính mấy tên nghiện đó dành phần lớn thời gian thức chửi rửa om sòm. Cô đã mất bình tĩnh. Bảo hấn cút đi nếu không thích cỡ của cái ống chích dùng một lần hần được phát miễn phí để vào phòng - mà dịch vụ xã hội trả sáu ngàn krone mỗi tháng - chơi thứ thuốc hần đã trộm xe đạp hàng xóm mà mua.

Cùng với đơn khiếu nại, người trợ đã nộp một câu chuyện thương tâm dài bốn trang. Cô đã bị buộc xin lỗi.

“Để tôi dẫn anh lên phòng,” cô nói.

Trên đường lên tầng hai cô chỉ cho anh ta chỗ có phòng tắm và chậu rửa mặt.

Mấy gã đi ngang họ bước thoăn thoắt và mắt ngây dại.

“Chào mừng đến trung tâm mua sắm ma túy số một Oslo,” Martha nói.

“Trong đây sao?” Người thanh niên hỏi. “Chỗ cô cho phép mua bán sao?”

“Không theo quy định, nhưng nếu anh dùng, rõ ràng là anh có ma túy. Và tôi nói anh nghe chuyện này vì anh biết thì có ích cho anh, chúng tôi không kiểm tra xem đó là một gam hay một ký lô. Chúng tôi không kiểm soát được cái đem bán trong phòng. Chúng tôi chỉ vào khi nào nghi ngờ các anh cất giữ vũ khí.”

“Họ làm vậy sao?”

Cô liếc xéo qua anh ta. “Sao anh hỏi thế?”

“Tôi muốn biết ở đây sẽ nguy hiểm thế nào thôi.”

“Dân buôn bán ở đây đều có bọn đàn em đi cường chế và bọn chúng dùng mọi thứ, từ gậy bóng chày cho đến súng thật để đi đòi nợ mấy người trong trung tâm. Tuần rồi tôi kiểm tra đột xuất một phòng thì tìm được cây súng phóng lao dưới gầm giường.”

“Súng phóng lao sao?”

“Ừ. Một khẩu Sting 65 đã nạp đạn.”

Cô ngạc nhiên thấy mình cười và anh ta mỉm cười lại. Anh ta có nụ cười đẹp.

Rất nhiều người trong số họ như vậy.

Cô gõ rồi mới mở khóa cửa phòng 323.

“Chúng tôi phải đóng cửa vài phòng do hư hại vì hỏa hoạn, nên mọi người đang phải ở chung phòng cho đến khi sửa chữa xong. Bạn cùng phòng với anh là Johnny, mấy người kia gọi anh ta là Johnny Puma. Anh ta bị hội chứng mệt mỏi kinh niên nên gần như nằm giường cả ngày. Nhưng anh ta là gã tử tế, yên tĩnh nên tôi nghĩ anh sẽ không gặp lòi thối gì với anh ta đâu.”

Cô mở cửa. Màn khép và bên trong tối. Cô bật đèn. Mấy bóng đèn huỳnh quang trên trần nhấp nháy mấy cái rồi sáng lên.

“Đẹp quá,” người thanh niên nói.

Martha nhìn quanh phòng. Cô chưa nghe ai mô tả phòng ở Trung tâm Ila là đẹp trừ phi họ nói mỉa. Nhưng anh ta nói cũng đúng. Phải, giấy lót sàn đã cũ sờn còn tường màu xanh da trời nham nhở lỗ thủng và chữ viết nguệch ngoạc mà ngay cả nước kiềm cũng không tẩy được, nhưng nơi này sạch và sáng sủa.

Đồ đạc gồm một giường tầng, một tủ thấp và một bàn thấp trải vệt nước sơn tróc lở, nhưng thấy đều còn nguyên vẹn và dùng được. Không khí có mùi người nằm ngủ ở tầng giường dưới. Chàng trai đã khai là chưa từng dùng quá liều, nên cô chia cho anh ta tầng trên. Họ ưu tiên tầng dưới cho những người rất có khả năng dùng quá liều để dễ đưa họ vào băng ca hơn.

“Cửa anh đây,” Martha nói, đưa người thanh niên khoen chìa khóa. “Tôi sẽ là người liên lạc chính của anh, nghĩa là có cần gì thì anh cứ đến gặp tôi. OK?”

“Cảm ơn,” anh ta nói, cầm lấy thẻ nhựa xanh và nhìn. “Cảm ơn cô nhiều lắm.”

13

“Ông ấy đang xuống,” nhân viên tiếp tân gọi ra cho Simon và Kari đang ngồi trên xô pha da dưới bức tranh khổng lồ vẽ cái gì tựa như là cảnh bình minh.

“Cô ta cũng đã nói vậy mười phút trước,” Kari nói nhỏ.

“Trên thiên đường thì Chúa Trời quyết định giờ giấc,” Simon nói và hút một miếng snus giữa hai môi. “Cô nghĩ một bức tranh như vậy giá bao nhiêu? Và sao lại chọn cái tranh đó?”

“Treo nghệ thuật ở chốn công cộng, như mọi người biết, chỉ là ngậm trợ cấp cho các nghệ sĩ xoàng xĩnh ta,” Kari nói. “Người mua tuyệt không cần biết cái gì được treo trên tường, miễn khớp với đồ đạc và ngân sách là được.”

Simon liếc xéo qua cô. “Đã ai bảo cô là đôi khi cô nói như thể đọc lầ lầ mấy câu trích dẫn học vẹt chưa?”

Kari nhoẻn cười toe toét. “Còn snus là thứ thay thế tôi cho thuốc lá. Không tốt cho sức khỏe. Tôi chắc vợ ông khiến ông đổi vì mùi thuốc lá bám trên áo quần cô ấy?”

Simon cười tủm tỉm lắc đầu. Hắn như thế được cho là hài hước trong đám thanh niên thời nay. “Có cố gắng đấy, nhưng cô sai rồi. Vợ tôi bảo tôi bỏ vì muốn tôi còn bên cạnh càng lâu càng tốt. Cô ấy cũng không biết tôi ngậm thuốc lá. Tôi cất ở văn phòng mà.”

“Cho họ vào, Anne,” một giọng rống lên.

Simon nhìn về cái lồng có người đàn ông mặc đồng phục và đội cái mũ ắt sẽ được tổng thống Belarus ưu ái, hắn ta gõ gõ ngón tay lên song sắt.

Simon đứng lên.

“Ta sẽ quyết định xem sau này có thả chúng ra nữa không,” Arild Franck nói.

Theo cái nhướng mắt gần như khó thấy của cô nhân viên tiếp tân thì Simon dám chắc câu đùa đó cũ rích rồi.

“Này, quay lại chốn cũ thấy sao?” Franck hỏi khi hộ tống họ qua lồng đến cầu thang. “Tôi tin là giờ ông đang ở Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng. Ồ, tôi xin lỗi, tôi có tuổi tới nơi rồi, tôi quên khuấy là họ đã đá ông ra.”

Simon không gượng cười về lời xúc phạm cố ý.

“Chúng tôi đến đây về vụ Per Vollan.”

“Tôi có nghe. Tôi tưởng vụ này khép lại rồi?”

“Khi nào xử lý xong một vụ chúng tôi mới khép hồ sơ.”

“Chuyện đó mới hả?”

Simon bặm môi vào răng làm bộ mỉm cười. “Per Vollan đã đến đây thăm phạm nhân đúng ngày ông ta chết, có đúng vậy không?”

Franck mở cửa vào văn phòng. “Vollan là cha tuyên úy nên tôi cho là ông ta chỉ làm việc của mình thôi. Nếu ông muốn thì tôi có thể kiểm tra sổ khách đến thăm.”

“Vâng, phiền anh. Và nếu có thể thì anh cho chúng tôi cả danh sách những người ông ta nói chuyện?”

“Tôi e tôi sẽ không biết hết những người ông ta tiếp xúc khi đến đây.”

“Chúng tôi biết ít nhất một người ông ta gặp hôm ấy,” Kari nói.

“VẬY sao?” Franck nói, ngồi vào ghế đằng sau cái bàn làm việc đã theo hãn ta suốt cả sự nghiệp. “Cô này, nếu cô định ở lại, cô có thể tự pha cho mình mấy tách cà phê nơi tủ chè đằng kia trong khi tôi kiểm tra sổ khách đến thăm.”

“Cảm ơn, nhưng tôi không uống cà phê,” Kari nói. “Tên anh ta là Sonny Lofthus.”

Franck nhìn cô với vẻ mặt vô cảm.

“Chúng tôi không biết liệu có thể gặp anh ta được không?” Simon nói. Ông đã tự ngồi mà không đợi mời. Ông nhìn lên mặt Franck, lúc này đã đỏ lựng lên rồi. “Ôi, tôi thật xin lỗi, chắc tôi có tuổi tới nơi rồi. Anh ta mới trốn trại mà.”

Simon thấy là Franck đang nghĩ một câu đối đáp, ông bèn đi trước hãn một bước.

“Chúng tôi chú ý đến anh ta bởi sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa việc Vollan đến thăm và việc Lofthus bỏ trốn, khiến cho cái chết của Vollan còn đáng ngờ hơn.”

Franck xoắn cổ áo sơ mi. “Làm sao ông biết họ gặp nhau?”

“Mọi cuộc thẩm vấn của cảnh sát đều được lưu trong cơ sở dữ liệu chung,”

Kari vẫn đứng mà nói. “Khi tìm hiểu về Per Vollan, tôi thấy tên ông ta được nhắc đến trong cuộc thẩm vấn liên quan đến vụ Lofthus đào thoát. Do một phạm nhân có tên Gustav Rover khai.”

“Rover mới được thả. Hãn bị thẩm vấn vì có nói chuyện với Sonny Lofthus không lâu trước khi tên kia bỏ trốn. Chúng tôi muốn biết Lofthus có nói gì

giúp chúng tôi hình dung ra được cái hãn toan tính.”

“Chúng tôi? Giúp chúng tôi?” Simon nhướn một bên mày đã bạc. “Nói đúng ra thì bắt phạm nhân vượt ngục là việc của cảnh sát - và chỉ của chúng tôi, không phải của các anh.”

“Lofthus là phạm nhân của tôi, Kefas.”

“Xem ra Rover đã không giúp được anh,” Simon nói. “Nhưng khi bị thẩm vấn hãn có nhắc là đúng lúc hãn rời xà lim thì Per Vollan tới để nói chuyện với Lofthus.”

Franck nhún vai. “Vậy thì sao?”

“Nên chúng tôi thắc mắc hai người họ đã nói về chuyện gì. Và tại sao không lâu sau đó một người bị giết còn người kia vượt ngục.”

“Có thể là ngẫu nhiên.”

“Tất nhiên. Anh có biết một người tên Hugo Nestor không, Franck? Còn gọi là người Ukraina?”

“Tôi có nghe tên.”

“Vậy là có. Có gì gợi ý cho thấy là Nestor có thể dính líu trong vụ vượt ngục không?”

“Ý ông là sao?”

“Hãn có giúp Lofthus thoát hay hãn có hãm dọa Lofthus trong tù, do vậy dẫn đến chuyện bỏ trốn hay không?”

Franck gõ gõ cây bút trên bàn. Hãn trông như đang trầm ngâm suy nghĩ.

Simon liếc thấy Kari kiểm tra tin nhắn điện thoại.

“Tôi biết ông đang muốn có gấp kết quả, nhưng ông sẽ không tóm được con cá lớn nào ở đây đâu,” Franck nói. “Sonny Lofthus bỏ trốn hoàn toàn là tự phát.”

“Chà,” Simon nói, ngả người ra ghế dựa và chụm mấy đầu ngón tay lại.

“Một tên nghiện ma túy còn trẻ, chỉ là tay mơ, trốn được khỏi Staten, là Staten chứ không phải bất cứ nơi nào khác, mà hoàn toàn một mình không ai tiếp tay giúp sức?”

Franck nhoen cười. “Ông muốn cá cái vụ tay mơ không, Kefas?” Và cái cười nhăn nhó toét rộng hơn nữa khi Simon cứng họng. “Tôi lớn tuổi quá, ông đâu còn cá cược gì được nữa. Vậy thì để tôi cho ông thấy kẻ tay mơ của ông.”

“Đây là băng ghi hình từ camera giám sát,” Franck nói, ra dấu về màn hình máy tính 24 inch. “Tại thời điểm này các sĩ quan trong phòng điều khiển nằm úp mặt xuống sàn còn Johannes mở khóa toàn bộ cửa nhà tù.”

Màn hình chia thành mười sáu ô, mỗi ô cho một camera, cho thấy nhiều khu vực khác nhau trong tù. Bên dưới màn hình có đồng hồ.

“Hắn đến kia,” Franck nói, chỉ về ô cửa số cho thấy một hành lang nhà tù.

Simon và Kari thấy một thanh niên từ xà lim đi ra và chạy những bước cứng nhắc về phía camera. Anh ta mặc áo sơ mi trắng dài gần tới đầu gối và Simon kết luận là thợ cắt tóc của người này chắc còn tệ hơn của mình; mái tóc trông như bị hất tung khỏi đầu.

Cậu thanh niên biến mất khỏi khuôn hình. Rồi lại xuất hiện trong một khuôn hình khác.

“Chỗ này Lofthus đi qua lồng,” Franck nói. “Và khi hắn ở đó, Johannes đang mài thuyết giảng về cái lão sẽ làm với gia đình các sĩ quan nếu có ai

cổ ngăn lão ta. Phần thú vị là chuyện xảy ra trong phòng thay đồ nhân viên.”

Họ thấy Lofthus chạy vào phòng có dây tú cá nhân, nhưng thay vì tiếp tục đi thẳng đến lối ra, anh ta rẽ trái và mất hút khỏi màn hình ra sau dây tú cuối.

Franck giện dữ nhấn ngón trở xuống một phím, đồng hồ bên dưới màn hình ngừng chạy.

Franck đưa con trở tới đồng hồ và nhập thời gian 7 giờ 20 vào. Rồi hấn cho băng chạy nhanh gấp bốn lần. Những người mặc đồng phục xuất hiện trong một ô cửa sổ trên màn hình. Họ ra ra vào vào phòng thay đồ nên cửa liên tục đóng mở. Không làm sao phân biệt được ai là ai cho đến khi Franck bấm phím lần nữa cho màn hình đứng yên.

“Anh ta kìa,” Kari nói. “Giờ thì anh ta mặc đồng phục với áo choàng.”

“Đồng phục và áo choàng của Sorensen,” Franck nói. “Chắc hẳn thay đồ xong rồi chờ trong phòng thay đồ. Ngồi nơi băng ghế, cứ cúi gằm, vờ cột dây giày hay gì đó trong khi mấy người kia đi ra đi vào. Ở đây chúng tôi có số nhân viên luân phiên ra vào đông đến mức sẽ không ai nhìn lại cho kỹ một gã lính mới thay đồ hơi lè mè. Hấn chờ đến giờ cao điểm buổi sáng rồi ra theo mấy người kia. Không ai nhận ra Sonny khi đã không còn chòm râu và mái tóc dài hấn cắt trong xà lim rồi nhồi vào gối. Ngay cả tôi cũng không...”

Nhấn phím cái nữa hấn bắt đầu chiếu lại, lần này ở tốc độ bình thường. Màn hình cho thấy một thanh niên mặc áo choàng và đồng phục đi ra bằng cửa sau trong khi Arild Franck và một người đàn ông tóc chải ngược ra sau và mặc bộ com lê xám đi vào.

“Rồi bảo vệ bên ngoài không hề chặn anh ta lại?”

Franck chỉ vào hình ảnh ở góc dưới bên phải màn hình.

“Cái này lấy từ phòng bảo vệ. Ông thấy đấy, chúng tôi cho xe và người ra mà không kiểm tra chứng minh thư. Nếu mỗi lần giao ca chúng tôi phải trải qua đầy đủ các quy trình an ninh thì gây tạo tắc nghẽn. Nhưng từ giờ trở đi chúng tôi cũng sẽ kiểm tra họ đi ra lúc đi ra.”

“Phải, tôi đoán là chẳng mấy ai lại xếp hàng để vào đây cả,” Simon đùa.

Trong sự im lặng sau đó họ còn nghe được Kari nén một cái ngáp khi Simon tán thêm câu đùa nghênh đón của Franck.

“Kẻ tay mơ của ông đấy,” Franck nói.

Simon Kefas không đáp, ông chỉ nhìn chăm chú vào sau lưng dáng người lừng thững đi ngang bảo vệ. Vì lý do nào đó ông nở nụ cười. Ông nhận ra Lofthus đi kiểu đó. Ông nhận ra dáng đi đó.

Martha đứng khoanh tay trước ngực, dò xét hai người đàn ông trước mặt. Họ không thể nào là người bên Đội Bài trừ Ma túy; cô nghĩ mình biết hầu hết cảnh sát ở Đội Bài trừ Ma túy nhưng cô chưa thấy hai người này bao giờ.

“Chúng tôi tìm...” Một trong hai cất tiếng, nhưng phần câu còn lại chìm trong tiếng còi xe cứu thương chạy ngang qua họ ở đường Waldemar Thranes.

“Gì cơ?” Martha nói to. Cô băn khoăn không biết mình đã thấy mấy bộ đồ đen như vậy ở đâu. Trong một mục quảng cáo?

“Sonny Lofthus?” gã nhỏ con hơn nhắc lại. Hắn có mái tóc vàng còn cái mũi trông như bị đập vài bận rồi. Martha thấy mấy cái mũi như vậy mỗi ngày, nhưng cô nghĩ cái này là hậu quả va chạm khi chơi thể thao.

“Chúng tôi không bao giờ để lộ tên người ở trọ trung tâm,” cô cho chúng biết.

Tên kia, một người cao nhưng rắn chắc có mái tóc đen quăn chải thành hình vòng cung kỳ dị quanh đầu, cho cô xem tấm hình.

“Hắn trốn khỏi Nhà tù Staten và được xem là nguy hiểm.” Một xe cứu thương nữa đang chạy lại nên hắn cúi người tới, quát vào mặt cô: “Nên nếu hắn sống ở đây mà cô không chịu cho chúng tôi biết, nếu có chuyện gì thì cô chịu trách nhiệm hoàn toàn. Cô hiểu chưa?”

Vậy là không phải Đội Bài trừ Ma túy; ít nhất điều đó cũng giải thích được vì sao cô chưa từng gặp bọn họ. Cô gật rồi nhìn kỹ tấm hình. Ngược lên lại nhìn chúng. Mở miệng định nói gì đó thì một làn gió hất mấy lọn tóc màu sẫm trước trán vào mặt cô. Cô định nói lại thì nghe tiếng la hét sau lưng. Toy đứng trên cầu thang.

“Ôi, Martha ơi, thang Burre đi cửa tay rồi. Tôi không biết làm gì đây. Hắn vào lại nhà ăn rồi.”

“Trong mùa hè mọi người cứ đến rồi đi,” cô nói. “Đó là lúc nhiều người chỗ chúng tôi thích ngủ bụi trong công viên hơn, cũng nhờ vậy mà có chỗ cho người mới đến. Khó mà nhớ được từng gương mặt...”

“Như tôi nói rồi đấy, tên hắn là Sonny Lofthus.”

“... với lại không phải ai cũng muốn đăng ký tên thật. Chúng tôi không trông đợi khách có hộ chiếu hay bất kỳ giấy tùy thân nào nên chúng tôi chấp nhận bất cứ tên nào họ báo.”

“Những Dịch vụ Xã hội không cần biết họ là ai sao?” gã tóc vàng hỏi.

Martha cắn môi dưới.

“Martha ơi, thằng Burre đúng nghĩa là đang chảy máu ra khắp nơi đây này!”

Gã có mái tóc quăn đặt bàn tay to bè, lông lá lên cánh tay trần của Martha.

“Sao cô không để bọn tôi kiểm một vòng xem có tìm thấy hãn không?” Hãn nhận thấy cái nhìn trong mắt cô nên rụt tay lại.

“Sẵn nói về giấy tùy thân,” cô nói. “Có lẽ tôi phải yêu cầu các ông cho xem giấy tờ?”

Cô thấy có gì đó tối sầm lại trong mắt gã tóc vàng. Rồi lại bàn tay của gã tóc quăn. Lần này không phải trên cánh tay cô, mà siết quanh.

“Thằng Burre chảy máu gần hết rồi.” Toy đi lại chỗ họ; anh ta lắc lư và rơm rớm nước mắt nhìn chòng chọc hai người đàn ông. “Đang có chuyện gì vậy?”

Martha ngọ ngoạy thoát ra rồi đặt tay lên vai Toy. “Vậy thì ta nên đi cứu anh ta thôi. Quý vị, nếu các vị muốn chờ.”

Martha cùng Toy bước qua nhà ăn. Lại một xe cứu thương nữa phóng qua.

Ba xe cứu thương. Cô bất giác rùng mình.

Tới cửa nhà ăn, cô quay lại.

Hai gã đàn ông đã đi mất.

“Vậy là anh với Harnes thấy Sonny ngay trước mặt?” Simon hỏi khi Franck tiễn ông và Kari xuống lại tầng trệt.

Franck liếc nhìn đồng hồ đeo tay. “Cái chúng tôi thấy là một thanh niên, mày râu nhẵn nhụi tóc ngắn mặc đồng phục. Sonny mà chúng tôi biết thì mặc sơ mi bản thiêu, tóc dài xù xộp và để râu.”

“Vậy ý ông nói là xét theo bộ dạng anh ta hiện giờ thì sẽ khó mà tìm ra anh ta?” Kari hỏi.

“Hình ảnh từ camera giám sát rất kém, như ta có thể thấy trước.” Arild Franck quay lại nhìn xoáy vào mắt cô. “Nhưng chúng tôi sẽ tìm ra hắn.”

“Thật tiếc là chúng tôi không được nói chuyện với tay Halden này,” Simon nhận xét.

“Phải, như tôi nói rồi, bệnh tình lão ta đã chuyển biến xấu đi,” Franck đáp khi dẫn họ về lại khu vực tiếp tân. “Tôi sẽ cho ông biết khi nào lão ta đủ khỏe để tiếp khách.”

“Anh cũng không biết Lofthus có thể đã nói với Per Vollan về chuyện gì?”

Franck lắc đầu. “Tôi cho là giải bày tâm tư và dẫn dắt tinh thần như mọi khi.

Dù bản thân Lofthus cũng là một người dễ tâm sự.”

“Vậy sao?”

“Lofthus tách biệt với các phạm nhân khác. Hắn trung lập, không thuộc về những phe nhóm ta thường thấy trong mọi nhà tù. Hắn cũng không hề bép xép.

Đó là định nghĩa về người biết lắng nghe, chứ gì nữa? Hắn thành ra kiểu cha xưng tội cho các phạm nhân khác, người để họ gửi gắm mọi điều. Hắn đi mách lại ai được chứ? Hắn chẳng có đồng minh và sẽ còn ngồi tù.”

“Anh ta ngồi tù vì loại án mạng nào?” Kari hỏi.

“Giết người,” Franck đáp cộc lốc.

“Ý tôi là...”

“Loại án mạng dã man nhất. Hắn bắn một thiếu nữ châu Á và làm một người Kosovo gốc Albania nghẹt thở đến chết.” Franck giữ cửa mở cho họ.

“Mà thử nghĩ xem, tên tội phạm nguy hiểm như vậy giờ lại đang nhõn nhõ ngoài kia,” Simon nói, biết là mình đang làm tình thế khó chịu hơn. Không phải ông là loại người ưa hành hạ tàn bạo, nhưng cứ động đến Arild Franck là ông sẵn sàng cho một ngoại lệ. Không phải vì Franck là kẻ dễ ghét, thực thì tính cách hắn lại là tình tiết giảm nhẹ. Không phải vì người này không làm tròn phận sự - ở trụ sở cảnh sát ai cũng biết Franck mới đích thực là sếp ở Staten, không phải người đang giữ chức giám thị. Không, là chuyện khác. Những sự trùng hợp rõ ràng rành rành này gộp lại tạo thành một nỗi nghi ngờ đã gặm nhấm Simon từ lâu và đang tụ thành một thông tin thuộc đang gây ức chế nhất, điều ta không thể chứng minh. Rằng Arild Franck ăn hối lộ.

“Tôi cho hắn bốn mươi tám giờ, chánh thanh tra à,” Franck nói. “Hắn không có tiền bạc, không thân nhân bạn bè. Hắn là kẻ bơ vơ ngồi tù từ mười tám tuổi.

Đã là mười hai năm. Hắn không biết gì về thế giới bên ngoài, hắn chẳng có nơi nào mà đi, không chỗ ẩn nấp.”

Trong khi Kari vội vàng theo cho kịp Simon trên đường ra xe, Simon nghĩ về bốn mươi tám tiếng và thấy buồn cá. Vì ông đã nhận ra điều gì đó ở chàng trai.

Ông chưa hẳn biết đó là gì; có lẽ chỉ là cung cách đi đứng của cậu ta. Cũng có thể cậu ta còn thừa hưởng nhiều hơn vậy.

14

Johnny Puma nằm trên giường trở mình dò xét bạn cùng phòng mới. Anh không biết ai nghĩ ra cái danh bạn cùng phòng, có điều ở Trung tâm Ila mà gọi thế là sai không thể tưởng. Kẻ thù chung phòng thì sẽ hợp hơn. Anh chưa từng ở chung phòng với ai mà không cố cướp sạch của anh. Hay ai đó mà chính anh không cố cướp sạch. Nên anh giữ khư khư mọi thứ quý giá, gồm một ví chống thấm đựng ba ngàn krone và một túi nhựa hai lớp có ba trăm gam amphetamine, bằng cách dán vào bắp đùi lông lá đến mức mọi cố gắng lấy đi đều sẽ dựng anh dậy dù là lúc ngủ say nhất.

Đây là cuộc đời Johnny Puma khoảng hai mươi năm qua: amphetamine và ngủ. Anh đã được gán cho hầu hết những chẩn đoán họ đưa ra từ những năm 70

trở đi nhằm lý giải vì sao một thanh niên thường thích tiệc tùng hơn làm việc, choảng nhau và la cà hơn là mua nhà và lập gia đình, phê thuốc hơn là hoàn lương và sống một đời tẻ nhạt. Nhưng chẩn đoán sau cùng ở lại với anh. ME.

Myalgic encephalomyelitis. Hội chứng mệt mỏi kinh niên. Johnny Puma mà mệt mỏi ư? Ai nghe cũng chỉ cười. Johnny Puma, dân tập tạ, sức sống và linh hồn của các bữa tiệc, nhân viên chuyên nhà nổi tiếng nhất Lillesand, có thể tự mình nhắc bổng đàn piano. Đầu tiên là hông đau đớn, thuốc giảm đau không hiệu nghiệm, sau đó thuốc giảm đau lại quá hiệu nghiệm, và thế là anh bị nghiện. Giờ thì cuộc sống của anh gồm những ngày dài nằm nghỉ trên giường, xen kẽ những giai đoạn hoạt động căng thẳng khi anh phải dồn toàn bộ sức lực vào việc kiếm ma túy. Hay xoay tiền trả khoản nợ đã lớn đến mức đáng ngại cho tên trùm ma túy trong trung tâm, một thằng Lithuania mới phẫu thuật chuyển giới được một nửa tự xưng là Coco.

Chỉ cần nhìn một cái Johnny đã dám chắc anh chàng đứng bên cửa sổ cần kiểm thuốc. Cuộc lòng sục điên cuồng, thường trực. Cái ép buộc. Cuộc vật vã.

“Làm ơn khép màn lại giùm đi, bồ?”

Người nọ nghe lời và căn phòng lại trở nên âm u dễ chịu.

“Cậu dùng thứ gì vậy, bồ?”

“Heroin.”

Heroin? Ở trung tâm này thiên hạ gọi là thuốc kích thích khi muốn nói heroin. Phen, xì ke, ngựa hay bụi. Hay nhóc. Hay siêu nhóc khi người ta muốn nói đến thứ thần dược mới có thể mua dưới Nybrua, từ một gã trông như chú lùn trong Bạch Tuyết. Heroin là cái người ta gọi trong tù. Hay nếu bọn họ là lính mới, tất nhiên. Mặc dù nếu là lính mới thứ thiệt, ta có thể dùng những cụm từ như Trắng Tàu, Bùn Mexico hay bất kỳ từ vớ vẩn nào khác nhạt được trong phim ảnh.

“Tớ có thể kiếm cho cậu heroin thứ tốt, rẻ. Cậu không phải ra ngoài đâu.”

Johnny thấy có gì đó diễn ra nơi dáng người trong bóng tối. Anh từng thấy bọn nghiện tuyệt vọng thực sự chỉ cần nghe hứa hẹn có ma túy là đã phiêu được rồi; anh biết các thử nghiệm đã ghi nhận, những thay đổi ở trung tâm hưng phấn của não trong mấy giây trước khi người ta dùng ma túy. Với bốn mươi phần trăm mức giá chênh lệch khi bán lại ma túy mua của Hovdingen phòng 36, Johnny có thể mua cho mình ba bốn gói speed. Vậy thì thích hơn là lại đi trộm đồ hàng xóm.

“Không, cảm ơn. Nếu anh muốn ngủ thì để tôi đi.”

Giọng nói từ cửa sổ nhỏ nhẹ trầm ấm đến mức Johnny không hiểu sao nó xuyên qua được những tiếng tiệp tùng, la hét, nhạc, cãi cọ, và xe cộ thường

trực ở Ila. Vậy ra gã ta muốn biết Johnny có sắp đi ngủ không, hả? Để gã lục trong người anh. Biết đâu lại mò ra cái gói Johnny dán vào đùi.

“Tớ chẳng ngủ bao giờ, tớ chỉ nhắm mắt thôi. Cậu hiểu tớ chứ, bồ?”

Gã thanh niên gật. “Tôi ra ngoài đây.”

Khi cửa đã đóng lại sau lưng kẻ thù cùng phòng mới, Johnny Puma mò ra khỏi giường. Chỉ cần hai phút là anh đã lục lọi xong tủ đồ của gã thanh niên và giường tầng trên cùng. Không có gì. Không sao. Kẻ thù cùng phòng của anh không thể nào non nớt như vẻ ngoài được; gã mang hết mọi thứ bên mình.

Markus Engseth sợ chết khiếp.

“Giờ mày sợ rồi hả?” Thằng to con hơn trong hai đứa đứng chặn đường nói.

Markus lắc đầu và nuốt ực.

“Phải rồi, mày sợ đến tóa mồ hôi, đồ lợn béo. Ê, mày nghĩ thấy không?”

“Nhìn kia, nó sắp khóc tới nơi rồi,” thằng kia cười.

Chúng mười lăm tuổi, có lẽ mười sáu. Hay thậm chí mười bảy. Markus không biết, cậu chỉ biết là chúng to con hơn và lớn tuổi hơn mình.

“Bọn tao chỉ muốn mượn thôi mà,” thằng to con hơn nói rồi chộp ghi đông xe đạp của Markus. “Bọn tao sẽ trả lại cho.”

“Cuối cùng cũng trả thôi mà,” thằng kia lại cười.

Markus ngược nhìn lên cửa sổ mấy ngôi nhà trên phố vắng. Những mặt kính tối om, đui mù. Thường thì cậu không thích người ta nhìn mình. Cậu thích vô hình để lén qua cổng vườn tới tận ngôi nhà sơn vàng bỏ hoang.

Nhưng ngay phút này cậu mong sao một cánh cửa sổ đâu đó mở ra, một giọng người lớn quát mấy thằng to con xéo đi. Về lại Tasen hay Nydalen, hay khu xóm nào đó của bọn du đãng như chúng. Nhưng bốn bề vẫn im lìm. Cảnh vắng lặng mùa hè.

Đang là kỳ nghỉ và mấy đứa trẻ khác trên phố đã đến những túp lều gỗ, bãi biển hay thành phố nước ngoài. Nhưng thế cũng chẳng khác gì, lúc nào Markus cũng thui thui chơi một mình. Nhưng nhỏ con mà không ở giữa đám đông thì mạo hiểm hơn.

Thằng bự con giằng chiếc xe đạp khỏi tay Markus, cậu nhận ra mình không đủ sức mà chộp chộp gạt nước mắt nữa. Chiếc xe đạp mẹ mua cho cậu bằng tiền mà đáng lẽ họ dùng để đi đâu đó hè này.

“Bố tao đang ở nhà đó,” cậu nói, chỉ qua đường về phía ngôi nhà đỏ của họ nằm đối diện ngôi nhà vàng bỏ hoang cậu vừa vào.

“VẬY sao mà không gọi ổng đi?” Thằng bé ngồi thử lên xe đạp của Markus;

xe ngã nghiêng và nó có vẻ cẩu vì lốp xe không đủ căng.

“Bố ơi!” Markus gọi, nhưng tức thì nhận ra nghe nó giả tạo và gượng gạo thế nào.

Hai thằng lớn tuổi hơn ré lên cười. Đứa nọ đã ngồi lên yên sau và Markus thấy lốp cao su bắt đầu xoắn bung khỏi bánh xe.

“Tao nghĩ mà làm gì có bố,” thằng bé nói và nhổ xuống đất. Đi nào, Herman, đạp đi!

“Tao đang cố đây, nhưng mà ghì tao lại.”

“Đâu nào, đâu có.”

Ba thằng bé quay lại.

Một người đàn ông đang đứng sau xe đạp và giữ chặt yên xe. Anh ta nhấc phần sau xe lên, làm bàn đạp quay ro ro và cả hai thằng bé ngã chúi tới trước.

Chúng loạng choạng té và trừng mắt nhìn người nọ.

“Ông làm cái quái gì vậy?” Thằng lớn tuổi hơn càu nhàu.

Người này không đáp, anh ta cứ nhìn nó. Markus để ý thấy mái tóc cắt kỳ dị, huy hiệu Cứu Thế quân trên sơ mi và mấy vết sẹo trên cẳng tay. Im ắng đến mức Markus nghĩ cậu nghe được từng con chim ở Berg hót. Và lúc này hình như hai thằng lớn cũng đã để ý thấy mấy vết sẹo nơi anh này.

“Bọn tôi chỉ định mượn thôi mà.” Giọng thằng lớn hơn đã mang giọng điệu khác; khản đặc và lí nhí.

“Nhưng nếu muốn thì ông cứ lấy đi,” đứa kia lệ làng nói thêm.

Người này tiếp tục nhìn chúng chăm chăm. Anh ta ra dấu cho Markus lấy chiếc xe đạp. Hai thằng bèn tránh ra.

“Mấy đứa sống ở đâu?”

“Tasen. Có phải... chú là bố nó?”

“Có lẽ vậy. Điểm dừng kế tiếp của mấy cậu ở Tasen, OK?”

Hai thằng cùng gật. Chúng quay lại, như thể nghe lệnh, và bước đều.

Markus ngược nhìn lên người đàn ông đang mỉm cười với cậu. Đằng sau họ cậu nghe thằng này nói với thằng kia: “Bố nó là dân nghiện - mà có thấy cánh tay ổng không?”

“Em tên gì?” Người nọ hỏi.

“Markus,” cậu đáp.

“Nghỉ hè cho vui nhé, Markus,” anh này nói, trả xe đạp lại cho cậu rồi bước qua cổng đến ngôi nhà vàng. Markus nín thở. Đó là một ngôi nhà như bao nhà khác trên phố, vuông vức như cái hộp, không lớn lắm và có khu vườn nhỏ bao quanh. Nhưng ngôi nhà và khu vườn cần được sơn phết lại đôi chút và cũng gần một buổi làm việc ngoài bãi cỏ. Dẫu vậy nó vẫn là *Nhà*. Anh này tiến thẳng đến cầu thang tầng hầm. Không phải cửa trước như Markus vẫn thấy mấy nhân viên bán hàng hay người bên Hội Nhân chứng Jehovah làm. Anh ta có biết gì về chiếc chìa khóa giấu nơi xà nhà trên cửa tầng hầm Markus vẫn luôn cẩn thận trả lại chỗ cũ?

Cậu có được câu trả lời khi nghe cửa tầng hầm mở rồi khép lại.

Markus há hốc. Theo như cậu nhớ thì đã không còn ai ở trong căn nhà đó.

Dù phải thú thật là cậu chỉ nhớ được cùng lắm là ngày cậu năm tuổi, là bảy năm trước, nhưng không hiểu sao căn nhà vắng thì mới có vẻ đúng. Ai lại muốn sống trong một căn nhà có người tự tử?

À, có một người mỗi năm đều tới ít nhất hai lần. Markus thấy ông ta có một lần và đoán chắc ông ta là người bật hệ thống lò sưởi ở nhiệt độ thấp trước khi mùa đông đến rồi lại tắt vào mùa xuân. Chắc ông ta thanh toán hóa đơn. Mẹ cậu nói không có điện thì giờ căn nhà đã hư hại đến không ở được, nhưng mẹ cũng không biết ông đó là ai. Nhưng ông ta trông chẳng giống gì với người giờ đang ở trong nhà, Markus tin chắc điều đó.

Markus có thể thấy mặt người mới đến qua cửa sổ bếp. Nhà không giăng màn nên mỗi khi Markus vào, cậu thường tránh thật xa cửa sổ để khỏi bị nhìn thấy. Người này trông không có vẻ đến để bật lò sưởi, vậy anh ta làm gì trong ấy? Làm sao để Markus... rồi cậu nhớ ra cái kính viễn vọng.

Markus đẩy xe đạp qua cổng vào ngôi nhà rồi chạy lên lầu đến phòng ngủ của mình. Kính viễn vọng của cậu - thật ra chỉ là cái ống nhòm bình thường để trên giá - là thứ duy nhất bố cậu không mang theo khi bỏ đi. Hay đó là mẹ cậu nói vậy. Markus hướng ống nhòm về ngôi nhà vàng và chỉnh tiêu cự lại gần.

Anh này không còn đó. Cậu đưa ống nhòm qua vách nhà từ cửa sổ này sang cửa sổ khác. Thế là anh ta kia rồi. Trong phòng ngủ của cậu con trai. Nơi tên nghiện ma túy từng sống. Markus đã thám hiểm căn nhà nên biết hết mọi góc ngách xó xỉnh. Kể cả chỗ giấu kín dao dưới tấm ván sàn rồi trong phòng ngủ chính.

Nhưng dù không ai tự sát ở đó đi nữa, cậu cũng chẳng bao giờ muốn sống trong ngôi nhà vàng. Trước khi nó bị bỏ hoang hẳn, anh con trai của ông đã chết từng sống ở đó. Người con là dân nghiện ma túy và đã bày bừa kinh khủng mà chẳng bao giờ dọn dẹp. Anh ta cũng không cho sửa sang gì, nên mỗi khi trời mưa là nước nhỏ giọt tong tong qua mái nhà. Không lâu sau khi Markus chào đời, anh con trai biệt tăm. Anh ta đi tù, mẹ Markus nói. Vì giết ai đó. Và Markus đã bắn khoản ngôi nhà có trù yểm những người sống trong đó hay không, nên họ mới tự giết mình hay giết người khác. Markus rùng mình. Dù đó là thứ cậu ưa thích nhất ngôi nhà - nó hơi hung hiểm, cậu có thể bịa ra những câu chuyện về những gì diễn ra trong đó. Chỉ có hôm nay cậu mới không phải bịa chuyện, hôm nay mọi chuyện đang tự diễn ra trong đó.

Anh này đã mở cửa sổ phòng ngủ - có gì lạ đâu, nơi này cần được thoáng khí. Tuy nhiên, Markus thích phòng này nhất, dù khăn trải giường bẩn và có kim tiêm dưới sàn. Anh này đứng xoay lưng về phía cửa sổ, nhìn mấy bức ảnh mà Markus rất thích. Cái ảnh gia đình mà cả ba người họ nhoẻn cười và trông hạnh phúc. Tấm hình cậu con trai mặc bộ đồ đấu vật đứng cạnh cha mặc bộ đồ thể thao cùng nhau nâng chiếc cúp. Hình người cha mặc đồng phục cảnh sát.

Anh ta mở tủ, lấy ra cái áo xám có mũ trùm đầu và túi thể thao đỏ có hàng chữ trắng *Câu lạc bộ đấu vật Oslo*. Anh ta bỏ vài thứ vào túi nhưng Markus không thấy được là thứ gì. Rồi anh ta rời phòng ngủ và mất hút. Rồi lại xuất hiện ở thư phòng, một phòng nhỏ có bàn làm việc đẩy sát tới cửa sổ. Mẹ cậu nói đó là nơi người ta tìm thấy cái xác. Anh ta đang tìm gì đó gần cửa sổ. Markus biết anh ta tìm gì, nhưng trừ phi rành đường đi nước bước, nếu không anh ta sẽ không bao giờ tìm thấy. Rồi có vẻ như anh này đang mở hộc bàn, nhưng anh ta để túi thể thao trên bàn nên Markus không còn thấy rõ nữa.

Chắc hẳn anh ta đã tìm thấy cái mình tìm, hoặc chịu thua, bởi anh ta xách túi lên ra khỏi phòng. Rồi anh ta đi qua phòng ngủ chính trước khi xuống lầu và Markus mất dấu anh ta.

Mười phút sau thì cửa tầng hầm mở và anh này lên cầu thang. Anh ta đã mặc áo vào, kéo mũ lên trùm đầu và vắt túi qua vai. Anh ta ra khỏi cổng và bước xuôi đường như khi đến.

Markus nhảy thót xuống chạy ra ngoài. Cậu thấy cái lưng áo có mũ trùm, nhảy qua hàng rào đến ngôi nhà vàng, chạy băng qua bãi cỏ rồi xuống mấy bậc thêm tầng hầm. Run bần bật và hụt cả hơi, cậu đưa mấy ngón tay mò dọc xà nhà. Chìa khóa đã được trả lại chỗ cũ! Cậu thở phào nhẹ nhõm rồi lên vào. Cậu không sợ, không hề, theo một cách nào đó thì đây là nhà cậu. Chính người lạ mới là kẻ đột nhập. Trừ phi...

Cậu chạy lên phòng làm việc. Đi thẳng tới mấy giá sách sắp xếp ngăn nắp.

Ngăn thứ hai giữa cuốn Chúa Ruồi và Những cây kể bị thiêu đốt. Thò mấy ngón tay vào. Chìa khóa hộc bàn ở đó. Nhưng nó đã được tìm thấy và dùng chưa?

Cậu vừa nhìn bàn viết vừa tra chìa vào lỗ khóa và xoay. Trên gỗ có một vết đen đậm. Nó có thể là dấu mồ hôi do dùng lâu ngày, nhưng trong óc

Markus, không nghi ngờ gì nữa đó là nơi cái đầu đã gục xuống, giữa vũng máu, máu bắn tung tóe khắp tường, hết như cậu thấy trong phim.

Markus nhìn sững xuống học bàn. Cậu thở hỗn hển. Nó không còn! Đúng là anh ta rồi. Người con trai. Anh ta đã về. Không ai khác biết chìa khóa học bàn cất ở đâu. Anh ta còn có dấu kim tiêm trên cánh tay.

Markus đi vào phòng ngủ của anh con trai. Phòng của cậu. Cậu liếc quanh và tức thì nhận ra thiếu mất cái gì. Tấm hình người cha mặc đồng phục cảnh sát.

Cái máy nghe đĩa Discman. Và một trong bốn đĩa CD. Cậu nhìn ba đĩa CD kia.

Cái không còn ở đó nữa là *Violator* của ban nhạc Depeche Mode. Markus đã nghe thử, nhưng không đánh giá cao.

Cậu ngồi xuống giữa phòng để không bị người ngoài đường nhìn thấy. Cậu lắng nghe mùa hè im ắng bên ngoài. Anh con trai đã quay về. Markus đã nghĩ ra toàn bộ cuộc đời cho người con trai trong hình. Nhưng cậu quên là người ta già đi. Và giờ anh ta đã quay về. Để lấy thứ trong học bàn.

Rồi Markus nghe thấy tiếng động cơ xe phá tan sự im lặng.

“Ông có chắc số nhà không đánh theo hướng kia không?” Kari hỏi và ló ra nhìn mấy căn nhà gỗ giản dị, hy vọng phát hiện ra một số nhà để còn biết đường. “Có lẽ ta nên hỏi gã đằng kia.”

Cô hát hàm về phía lề đường có một thanh niên mặc áo mũ trùm, đầu cúi và túi xách đỏ bên vai đang bước về hướng họ.

“Căn nhà ngay bên kia đời thôi,” Simon nói và nhún ga. “Cứ tin tôi.”

“Vậy là ông quen cha cậu ta?”

“Phải. Cô đã tìm hiểu được gì về cậu con trai rồi?”

“Ở Staten ai sẵn lòng nói chuyện với tôi cũng đều nhận xét là cậu ta trầm lặng và không nói gì nhiều, nhưng cậu ta rất được mọi người yêu mến. Cậu ta không thật sự có bạn bè và chủ yếu chỉ thui thủi một mình. Tôi chưa dò ra được bà con thân thích nào. Đây là địa chỉ sau cùng của cậu ta mà chúng ta biết.”

“Cô có chìa khóa vào nhà không?”

“Chìa cùng với tư trang của cậu ta được lưu ký trong tù. Tôi không cần lệnh khám mới - lệnh khám đã được ban ra cùng với việc cậu ta bỏ trốn.”

“Vậy là một cảnh sát đã đến?”

“Chỉ để kiểm tra xem Sonny có về nhà không. Dù thực tình thì không ai nghĩ cậu ta lại ngu đến vậy.”

“Không bạn bè, không thân nhân, không tiền bạc. Chuyện đó làm cậu ta không còn nhiều lựa chọn. Cô sẽ sớm biết ra rằng, thông thường, phạm nhân khá ngu.”

“Tôi biết, nhưng vụ vượt ngục đó không phải sản phẩm của một thằng ngu.”

“Có lẽ vậy,” Simon thừa nhận.

“Không đâu,” Kari nói dứt khoát. “Sonny Lofthus là sinh viên hạng A. Cậu ta là một trong những tay vật giỏi nhất Na Uy trong nhóm tuổi đó. Không phải vì mạnh nhất, mà vì cậu ta là một nhà chiến thuật thông minh.”

“Cô tìm hiểu kỹ nhỉ.”

“Không,” cô nói. “Tôi chỉ tìm tên cậu ta trên Google, xem các báo cũ dạng PDF, gọi vài cuộc điện thoại. Có phải bắc thang lên trời đâu.”

“Căn nhà kia rồi,” ông nói.

Simon đạp xe, họ xuống xe và Kari mở cổng vườn.

“Giờ nó trông xập xệ quá,” ông nhận xét.

Simon rút súng lục của cảnh sát ra kiểm chốt an toàn trước khi Kari mở khóa cửa trước.

Simon vào trước, giơ vũ khí lên. Ông dừng lại trong hành lang nghe ngóng.

Ông bấm công tắc đèn. Một ngọn đèn trên tường sáng lên.

“Ồi,” ông thì thầm. “Nhà không có người ở mà có điện thì lạ thật. Trông như mới đây có ai đó...”

“Không phải,” Kari nói. “Tôi kiểm tra rồi. Từ khi Lofthus vào tù các hóa đơn dịch vụ đã được thanh toán từ một tài khoản ở quần đảo Cayman mà không thể dò ra cá nhân nào. Máy khoản tiền không lớn, nhưng chuyện đó...”

“... kỳ bí,” Simon nói. “Chuyện đó thì tốt thôi, dân điều tra chúng ta chỉ mê chuyện thật là kỳ bí, đúng không?”

Ông đi trước, đến cuối hành lang rồi vào bếp. Ông mở tủ lạnh và phát hiện nó không cắm điện dù trong có một hộp sữa nằm chỏng chơ. Ông gật đầu với Kari, cô nhìn ông ngơ ngác rồi mới hiểu. Cô ngửi hộp sữa đã khai. Không có mùi. Rồi cô lắc hộp và họ nghe lắc cắc những cục đã từng là sữa. Cô theo Simon qua phòng khách. Lên cầu thang đến tầng một. Họ kiểm tra tất cả các phòng rồi cuối cùng vào chỗ rõ ràng là phòng ngủ của cậu con trai. Simon ngửi ngửi không khí.

“Gia đình cậu ta,” Kari nói, chỉ một bức ảnh trên tường.

“Phải,” Simon trả lời.

“Mẹ cậu ta - bà ấy trông như ca sĩ hay diễn viên nhỉ?”

Simon không đáp; ông đang nhìn bức hình kia. Cái bức không còn. Chính xác hơn, ông nhìn hình chữ nhật mờ trên giấy dán tường nơi từng treo tấm hình. Ông lại ngửi ngửi không khí.

“Tôi đã tìm cách nói chuyện với một ông thầy cũ của Sonny,” Kari nói.

“Ông ấy nói Sonny muốn thành sĩ quan cảnh sát như cha, nhưng khi cha qua đời thì cậu ta lạc lối. Gặp rắc rối ở trường, xua đuổi mọi người, cố ý tách biệt rồi thành tự hủy hoại bản thân. Mẹ cậu ta cũng suy sụp sau vụ tự tử, bà ấy...”

“Helene,” Simon nói.

“Sao cơ?”

“Bà ấy tên Helene. Một lần dùng quá liều thuốc ngủ.” Simon nhìn khắp phòng. Cái nhìn dừng lại bên chiếc bàn bụi bặm kê đầu giường trong khi giọng Kari nhấn nhá đằng sau:

“Khi Sonny được mười tám, cậu ta nhận tội hai vụ giết người và bị tổng giam.”

Trong lớp bụi có một vết hằn.

“Cho đến lúc đó các cuộc điều tra của cảnh sát đã đi theo những hướng khác hẳn.”

Simon bước nhanh hai bước tới cửa sổ. Nâng chiều đố trên chiếc xe đạp nằm dưới đất trước ngôi nhà sơn đỏ. Ông nhìn xuống con đường họ đã chạy xe lên.

Ở đó giờ không có ai.

“Mọi chuyện không phải lúc nào cũng như nhìn bề ngoài,” ông nói.

“Ý ông là sao?”

Simon nhắm mắt. Cậu ta đã có lại sức lực rồi sao? Lại như trước? Ông hít một hơi sâu.

“Trong giới cảnh sát ai cũng nghĩ chắc hẳn Ab Lofthus là gián điệp nhị trùng. Khi Ab chết rồi, các hoạt động của gián điệp nhị trùng dừng lại, không còn những cuộc vây ráp bất thành, hoặc bằng chứng, nhân chứng hay nghi can bỗng không cánh mà bay. Họ xem đó là bằng chứng.”

“Nhưng sao?”

Simon nhún vai. “Ab là người tự hào về công việc của mình và lực lượng cảnh sát. Anh ta không màng làm giàu, anh ta chỉ nghĩ đến gia đình. Nhưng chắc chắn là có một gián điệp nhị trùng.”

“Thế rồi?”

“Nên vẫn phải có người tìm xem tên gián điệp nhị trùng đó là ai.”

Simon lại ngửi. Mồ hôi. Ông ngửi thấy mùi mồ hôi. Có người vừa ở đây.

“Nhưng đó có thể là ai mới được?” Cô hỏi.

“Ai đó trẻ trung và lanh lợi.” Simon nhìn Kari. Qua vai cô. Về phía cửa tủ áo. Mồ hôi. Nổi sợ.

“Ở đây không có ai,” Simon nói to lên. “Tốt thôi. Ta xuống dưới nhà đi.”

Nửa đường xuống cầu thang Simon dừng lại và ra hiệu cho Kari đi tiếp. Ông đứng tại chỗ chờ. Ông lắng nghe, nắm chặt báng súng.

Im lặng.

Rồi ông theo Kari.

Ông quay lại căn bếp, tìm được cây bút rồi viết gì đó lên thếp giấy nhớ vàng.

Kari hăng giọng. “Chính xác thì Franck ám chỉ gì khi nói ông đã bị đá khỏi Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng?”

“Tôi không muốn nói về chuyện đó,” Simon đáp, xé tờ nhớ ra dán lên cửa tủ lạnh.

“Nó có liên quan gì đến đánh bạc không?”

Simon nhìn cô gay gắt. Rồi ông bỏ đi.

Cô đọc mẫu giấy.

Tôi quen cha cậu. Ông ấy là người tốt và tôi nghĩ ông ấy cũng sẽ nói như vậy về tôi. Hãy liên lạc với tôi, tôi hứa với cậu là tôi sẽ giao nộp cậu theo cách an toàn và đúng mực.

Simon Kefas, điện thoại 550106573, simon.kefas@oslopol.no Rồi cô chạy theo ông.

Markus Engseth nghe xe nổ máy liền thở phào nhẹ nhõm. Cậu đang ngồi xõm dưới đồng áo quần treo trên mắc áo, lưng dựa vách tủ. Cả đời cậu chưa thấy sợ như vậy bao giờ, cậu ngửi được mùi áo sơ mi mình mặc ướt đẫm mồ hôi, dính bết vào người. Vậy nhưng cũng thú vị. Như khi cậu rơi tự do từ tấm ván cao mười mét ở hồ bơi Frognerbadet, nghĩ rằng chuyện tệ nhất có thể xảy ra là cậu sẽ chết. Mà hóa ra chuyện đó chẳng khủng khiếp đến vậy.

15

“Vậy hôm nay tôi giúp gì được quý ông?” Tor Janasson hỏi.

Đó là cách cậu vẫn nói với khách hàng. Tor hai mươi tuổi, tuổi trung bình của khách hàng là hai mươi lăm còn hàng hóa trong tiệm thì chưa đến năm tuổi.

Và đó là lý do mà theo ý Tor Jonasson thì hình thức xưng hô cổ lỗ như vậy gây cười. Tuy nhiên, trông như khiêu hài của cậu không thấm thấu được vào đầu khách hàng - dù khó mà biết được vì anh ta kéo sụp mũ đến mức gần cả gương mặt chìm trong bóng tối. Lời nói ló ra từ vùng đất âm u.

“Tôi cần một chiếc điện thoại di động không dò ra được người gọi.”

Một tên buôn ma túy. Tất nhiên rồi. Họ là kiểu khách hàng duy nhất hỏi kiểu điện thoại như vậy.

“Trong iphone này ông có thể chặn chi tiết người gửi,” Tor nói và cầm cái điện thoại trắng nơi một cái giá trong cửa tiệm nhỏ lên. “Số của ông sẽ không hiển thị trên màn hình của người ông gọi. Trong số điện thoại trả sau, cái này là số một.”

Khách hàng tiềm năng đổi tư thế. Chỉnh lại quai túi thể thao đỏ trên vai. Tor quyết định sẽ không rời mắt khỏi anh ta cho đến khi anh ta rời tiệm.

“Không, tôi không cần điện thoại trả sau,” gã nói. “Tôi cần cái không dò được. Ngay cả bởi nhà cung cấp.”

Hay cảnh sát, Tor Jonasson nghĩ. “Ông hẳn đang nghĩ đến điện thoại trả trước. Như người ta dùng trong phim *Đường dây tội phạm 1*,” cậu nói to.

“Gì cơ?”

“*Đường dây tội phạm*. Loạt phim truyền hình. Để Đội Bài trừ Ma túy không dò theo điện thoại cần đến người sở hữu được.”

Tor nhận ra là khách hàng không biết cậu đang nói về chuyện gì. Lạy Chúa toàn năng. Một tên buôn ma túy mà hỏi “gì cơ” và chưa từng xem phim Đường dây tội phạm.

“Nó ở Mỹ kìa; ở Na Uy ta không có mấy cái như vậy. Từ 2005 ta phải xuất trình chứng minh thư dù cho ta mua điện thoại dùng thẻ SIM trả trước. Nó phải được đăng ký dưới tên một ai đó.”

“Một ai đó?”

“Phải, phải đăng ký theo tên ông. Hay tên cha mẹ ông nếu ông mua điện thoại cho họ.”

“OK,” người này nói. “Cho tôi cái nào rẻ nhất anh có. Với một thẻ SIM trả trước.”

“Tất nhiên rồi,” anh bán hàng nói, bỏ chữ ông đi, cất iphone và lấy xuống một điện thoại nhỏ hơn. “Cái này không phải là rẻ nhất nhưng nó có thể truy cập Internet. Giá 1.200 krone kèm thẻ SIM.”

“Truy cập Internet?”

Tor lại nhìn anh chàng này. Anh ta không thể nào lớn tuổi hơn mình, nhưng có vẻ hoang mang thật tình. Tor đưa hai ngón tay vén mái tóc dài ngang vai ra sau tai. Đó là kiểu cách cậu học theo sau khi xem mùa một loạt phim Giang hồ đẫm máu.

“Thẻ SIM cho phép ta lướt nét trên điện thoại.”

“Tôi làm vậy trong quán cà phê Internet không được sao?”

Tor Jonasson cười. Có lẽ suy cho cùng họ có cùng khiếu hài như nhau. “Sếp tôi vừa mới bảo tôi rằng ít năm trước tiệm này từng là quán cà phê Internet. Có lẽ là tiệm cuối cùng ở Oslo...”

Người này có vẻ phân vân. Rồi anh ta gật. “Tôi lấy.” Anh ta để một xấp tiền lên quầy.

Tor cầm lên. Một tờ tiền cứng và bụi bặm như thể đã cất đầu đó lâu rồi.

“Như tôi mới nói, tôi cần xem giấy tùy thân.”

Người này lấy trong túi ra một chứng minh thư và đưa qua. Tor nhìn và nhận ra mình đã sai. Sai hoàn toàn. Người này không đời nào là một tay buôn ma túy;

mà hoàn toàn ngược lại. Cậu nhập tên vào máy tính. Helge Sorensen. Tìm thấy địa chỉ. Trả lại chứng minh thư cùng tiền thối cho người mà giờ cậu đã biết là quản giáo.

“Anh có bán pin cho cái này không?” Người này nói, giơ lên một thiết bị màu bạc.

“Nó là gì vậy?” Tor hỏi.

“Discman,” người nọ đáp. “Tôi thấy anh có bán tai nghe cho nó.”

Tor nhìn quầy tai nghe phía trên quầy iPod. “Có sao?”

Tor mở mắt sau mấy món đồ cũ lấy mấy viên pin cũ ra. Cậu tìm được hai viên pin Sanyo AA sạc lại được, đút vào rồi bấm nút chạy. Nghe thấy tiếng rè rè từ tai nghe.

“Pin này sạc lại được đấy.”

“Vậy là không chết như mấy viên cũ?”

“Ồ có chứ, nhưng nó sẽ sống dậy.”

Tor tin là mình thấy một nụ cười trong bóng tối. Rồi người này vén khê mũ trùm lên và đeo tai nghe vào.

“Depeche Mode,” anh ta vừa nói vừa cười toét rồi trả tiền mấy viên pin.

Thế rồi anh ta xoay lưng rời tiệm.

Tor Jonasson nhận ra mình ngạc nhiên vì gương mặt cuốn hút bên dưới cái mũ trùm. Cậu bước lại chỗ khách hàng mới và hỏi hôm nay cậu giúp được gì cho ông ta. Mãi đến giờ nghỉ ăn trưa Tor mới nhận ra tại sao gương mặt đó đọng lại trong cậu. Không phải vì nó cuốn hút. Mà vì nó trông chẳng giống gì với hình trên chứng minh thư.

Điều gì khiến một gương mặt trở nên cuốn hút? Martha tự hỏi khi nhìn người thanh niên sau ô cửa phòng tiếp tân. Có lẽ chỉ vì lời lẽ anh ta thốt ra. Hầu như ai cũng đến quầy để hỏi xin một miếng sandwich, một tách cà phê hay huyền thuyên về những rắc rối có thật hay tưởng tượng của mình. Mà nếu không như vậy thì họ sẽ xuất hiện cùng một hộp đựng đầy ống tiêm dùng rồi phải nộp để đổi lấy những cái vô trùng. Nhưng người mới đến này vừa bảo cô là anh ta đã suy ngẫm về câu cô hỏi từ buổi nói chuyện giới thiệu: anh có dự tính gì cho tương lai? Và, có, giờ thì anh đã có. Anh sẽ tìm việc làm. Nhưng để làm vậy anh cần một ngoại hình chuyên nghiệp, một bộ com lê. Và anh có thấy mấy bộ trong kho quần áo. Anh có thể nào mượn...

“Tất nhiên rồi,” Martha nói, đứng lên đi trước. Bước chân cô như phơi phơi hơn bấy nay. Đúng, đó có thể là một ý muốn bất chợt, một dự định anh ta sẽ từ bỏ ngay khi gặp trở ngại đầu tiên, nhưng ít ra nó cũng là cái gì đó, là niềm hy vọng, tạm thời dừng lại trên con đường một chiều mãi miết xuống vực sâu sỏi đá.

Cô ngồi trên ghế bên cửa vào phòng kho chật chội nhìn anh ta mặc quần dài vào trước tấm gương dựa tường. Đây là bộ thứ ba anh ta mặc thử. Có

lần một nhóm chính khách từ hội đồng thành phố đến thăm trung tâm. Họ ở đây để cam đoan với mình lần nữa là tiêu chuẩn sống tại các trung tâm phục hồi của Oslo hết sức tương xứng. Đến phòng kho một người đã hỏi sao trung tâm lại cất nhiều bộ com lê như vậy, ám chỉ là kiểu trang phục này ắt không phù hợp với người ở đây. Các chính khách đã bắn khoăn rất nhiều về chuyện này cho đến khi Martha mỉm cười đáp: “Vì người của trung tâm chúng tôi đi dự đám tang nhiều hơn các ông.”

Người thanh niên gầy gò, nhưng không ốm yếu như mới đầu cô tưởng. Cô thấy cơ bắp nổi lên dưới da khi anh ta giơ tay lên mặc chiếc sơ mi cô tìm được.

Anh ta không có hình xăm, nhưng làn da xanh xao lỗ chỗ vết kim tiêm. Đằng sau đầu gối, đùi trong, dưới hai giò, bên cổ.

Anh ta mặc áo vào, ngắm nghía rồi mới quay qua cô. Đó là bộ com lê kẻ sọc mà chủ trước hầu như không mặc trước khi một thay đổi và anh ta - vì lòng tốt và sở thích theo một - đã tặng nó cho trung tâm cùng những thứ còn lại trong tủ đồ năm ngoái. Nó chỉ hơi quá rộng đối với thanh niên này.

“Tuyệt hảo,” cô cười và vỗ tay.

Người thanh niên mỉm cười. Và khi cái cười chạm tới mắt anh ta thì như thể một lò sưởi điện bật lên. Đó là kiểu nụ cười làm những cơ cứng nhắc mềm đi và xoa dịu những tình cảm tổn thương. Một nụ cười mà kẻ đã trở nên vô cảm cần biết bao. Nhưng - và mãi đến bây giờ cô mới chợt nghĩ - cô không thể cho phép mình. Cô dứt khỏi cái nhìn của anh rồi quan sát anh từ đầu đến chân.

“Tiếc là tôi không có đôi giày nào tử tế cho anh cả.”

“Đôi này được mà.” Anh vỗ vỗ đế giày thể thao xuống sàn.

Cô mỉm cười, nhưng lần này không nhìn lên. “Anh cũng cần cắt tóc nữa. Đi nào.”

Cô theo anh lên cầu thang về lại khu vực tiếp tân, bảo anh ngồi xuống ghế, phủ cho anh hai tấm khăn và tìm được cây kéo làm bếp. Cô lấy nước từ vòi trong bếp làm ướt tóc anh rồi dùng lược của mình chải tóc cho anh. Và trong khi máy cô ở khu vực tiếp tân bình luận và cho lời khuyên thì từng nhúm tóc rơi xuống sàn. Vài người trọ dừng chân bên ngoài ô cửa tiếp tân ai oán kêu rằng họ chưa bao giờ được cắt tóc cho, vậy sao người mới lại được biệt đãi?

Martha xua họ đi và tập trung vào việc trước mặt.

“Anh định thử tìm việc ở đâu?” Cô hỏi và nhìn lông măng trắng mịn sau gáy anh. Cô sẽ cần tông đơ. Hay dao lam dùng một lần.

“Tôi có vài chỗ quen biết, nhưng tôi không biết họ sống ở đâu nên tôi nghĩ tôi sẽ tìm trong sổ niên giám.”

“Sổ niên giám ư?” Một cô khịt mũi. “Anh cứ tìm trên nét là được.”

“Tôi làm vậy được sao?” Người thanh niên hỏi.

“Anh nói thật không đấy? !” Cô ta cười. Hơi quá to. Và mắt lung linh, Martha để ý thấy.

“Tôi vừa mua điện thoại có Internet,” anh nói. “Nhưng tôi không biết làm sao để...”

“Để tôi chỉ cho!” Cô gái bước lại chỗ anh và chìa tay ra.

Anh lấy điện thoại ra đưa. Cô ta bấm phím nhoay nhoáy. “Anh cứ tìm họ trên Google ấy. Tên gì?”

“Tên?”

“Ừ. Tên họ. Như tên tôi là Maria chẳng hạn.”

Martha nhìn về cô ta với ánh mắt nhẹ nhàng cảnh cáo. Cô gái còn trẻ và mới vào làm cho họ. Cô ta học ngành khoa học xã hội, nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế. Kiểu kinh nghiệm giúp ta biết chính xác lẫn ranh vô hình giữa quan tâm nghề nghiệp và giao du với người trọ.

“Iversen,” anh nói.

“Vậy thì sẽ cho ra nhiều kết quả. Anh có biết cả tên không?”

“Cứ chỉ tôi cách tìm rồi tôi sẽ tự lo phần còn lại,” người thanh niên đáp.

“OK.” Maria bấm vài phím rồi trả điện thoại cho anh. “Cứ gõ tên họ vào chỗ đấy.”

“Cảm ơn cô nhiều.”

Martha đã xong, có điều lông măng trên gáy vẫn còn, rồi cô nhớ ra mình đã bắt gặp một lưỡi dao cạo cài ở cửa sổ trong phòng cô dọn ban nãy. Cô đã để lưỡi dao cạo - chắc chắn dùng để cắt cocain mà hít - trên quầy bếp để sau vứt nó vào thùng kim tiêm kế tiếp. Cô quẹt diêm và hơ lưỡi dao trên lửa vài giây. Rồi cô rửa nó dưới vòi và cầm giữa ngón cái và ngón trỏ.

“Giờ anh phải ngồi thật yên đấy,” cô nói.

“Ừmmm,” anh chàng đang bận bấm phím điện thoại nói.

Cô rùng mình nhìn lưỡi dao thép lướt qua làn da mỏng sau gáy. Cô nhìn lông măng cạo ra rơi xuống. Ý nghĩ bất chợt hiện ra: lẫn ranh giữa chúng thật mỏng manh. Sự sống và cái chết. Hạnh phúc với bi kịch. Cái quan trọng và cái vô nghĩa. Cô làm xong và nhìn qua vai anh. Nhìn thấy tên anh nhập vào, cái đuôi trắng của biểu tượng tìm kiếm xoay tròn.

“Xong rồi đấy,” cô nói.

Anh ngửa đầu ra sau ngược nhìn cô.

“Cảm ơn cô.”

Cô gỡ khăn và bước nhanh đến phòng giặt để không làm tóc bay khắp nơi.

Johnny Puma đang nằm trong bóng tối xoay mặt vào tường thì nghe thấy kẻ thù chung phòng bước vào và khe khẽ đóng cửa lại. Rón rén bước trên sàn.

Nhưng Johnny đang phòng thủ. Gã này sẽ nếm mùi quả đấm sắt của Puma nếu cố xoáy đồ anh cất giấu.

Thế nhưng kẻ thù chung phòng không cố đến gần anh; thay thì vậy Johnny nghe thấy cửa tủ áo mở.

Anh trở mình trên giường. Đó là tủ áo của kẻ thù chung phòng. Chuyện đó được thôi; Johnny cho rằng hăn gã này đã lục lọi tủ áo của anh khi anh ngủ và nhận ra là không có gì đáng giá cất ở đó.

Một tia nắng len vào giữa mấy tấm rèm đổ lên gã thanh niên. Puma nao núng.

Gã đã lấy thứ gì đó trong túi thể thao đỏ và giờ Johnny thấy nó là gì. Gã bỏ vật đó vào cái hộp không lúc trước đựng giày thể thao rồi đặt lên ngăn trên cùng.

Khi gã ta đóng tủ và quay lại, Johnny lẹ làng nhắm mắt.

Quý tha ma bắt, anh nghĩ. Và làm sao cho chắc là mình đang nhắm nghiền mắt. Nhưng anh biết mình sẽ không tài nào ngủ được.

Markus ngáp. Cậu dán mắt vào ống nhòm nhìn chăm chú mặt trăng treo trên ngôi nhà vàng. Rồi cậu hướng ống nhòm vào ngôi nhà. Giờ nó hoàn toàn yên ắng. Không có chuyện gì nữa. Nhưng anh con trai có còn quay lại không?

Markus mong là có. Có lẽ cậu sẽ biết được anh ta muốn dùng nó làm gì, “món đồ” cũ đã nằm trong ngăn kéo, loang loáng, có mùi dầu và kim loại, và có thể là cái người cha đã dùng khi ông...

Markus lại ngáp. Ngày hôm nay thật nhiều sự kiện. Cậu biết tối nay mình sẽ ngủ say như chết.

Ghi chú:

1. Tên gốc là The Wire, một xê ri truyền hình nổi tiếng của Mỹ, nói về cuộc đấu tranh chống tội phạm buôn ma túy ở Baltimore.

16

Agnete Iversen đã bốn mươi chín, nhưng nếu theo làn da mịn, đôi mắt sáng và dáng dấp mảnh mai mà phán đoán thì trông bà ta như mới ba mươi lăm.

Tuy vậy, hầu như ai cũng cho là bà ta già hơn tuổi vì mái tóc bạc, cách ăn mặc thủ cựu, cổ điển, muôn thuở và lối nói có giáo dục đã gần lỗi thời. Và, tất nhiên, cuộc sống mà gia đình Iversen sống ở tít trên Holmenkollasen. Dường như họ thuộc về một thế hệ khác, lâu đời hơn, Agnete là bà nội trợ ở nhà, với hai người quản gia giúp bà trông coi ngôi nhà và khu vườn cũng như chăm lo cho mọi nhu cầu của chính Agnete, chồng bà là Iver và cậu Iver con.

Ngay cả so với mấy ngôi nhà bề thế khác trong khu thì nhà của Iversen cũng vẫn ấn tượng. Dầu vậy, việc nhà chỉ cần ngoáy tí là xong nên người làm (hay “nhân viên” như cậu Iver con thích gọi với chút châm biếm từ khi cậu hoàn tất kỳ thi tốt nghiệp ở trường, mở mang một khung tham chiếu mới và dân chủ xã hội hơn) đến mười hai giờ trưa mới bắt đầu làm. Điều này nghĩa là Agnete Iversen có thể là người đầu tiên dậy, đi dạo buổi mai một lát trong cánh rừng giáp ranh cơ ngơi của họ và hái một bó hoa cúc trắng rồi làm bữa điểm tâm cho hai người đàn ông của mình. Bà ta ngồi với tách trà, nhìn họ dùng bữa ăn bổ dưỡng bà ta sửa soạn làm xuất phát điểm cho một ngày dài căng thẳng ở văn phòng. Khi họ dùng bữa xong và cậu Iver con đã bắt tay cảm ơn mẹ về bữa ăn như truyền thống trong gia đình Iversen đã nhiều đời, bà ta lau bàn rồi lau khô tay nơi tạp dề trắng mà bà ta sẽ sớm thả vào chậu giặt. Rồi bà ta theo họ ra bậc thềm trước, hôn phớt lên má họ và nhìn họ lên chiếc Mercedes lâu đời, được bảo dưỡng cẩn thận trong nhà xe đủ chỗ cho hai chiếc rồi lái xe vào ánh nắng rực rỡ. Những ngày nghỉ học cậu Iver con đến công ty bất động sản của gia đình những mong nó sẽ dạy cậu ý nghĩa của việc lao động vất vả, là không có gì miễn

phí, và hiểu đúng rằng làm chủ một gia sản đòi hỏi những nghĩa vụ cũng nhiều như những đặc quyền nhận được vậy.

Sỏi trên lối xe chạy lạo xạo khi hai cha con chạy ra đường lớn còn bà ta đứng trên mấy bậc thềm vẫy theo. Và nếu có ai bảo bà ta là toàn bộ cảnh này trông như phim quảng cáo những năm 1950 thì bà sẽ cười, đồng tình và rồi chẳng nghĩ ngợi gì. Vì Agnete Iversen sống cuộc đời bà ta muốn. Hằng ngày bà ta chăm sóc cho hai người đàn ông của mình để đến lượt họ quản lý tài sản vì lợi ích cao nhất của gia đình họ và xã hội - còn gì có thể hợp lý hơn?

Từ radio trong bếp bà ta chỉ loáng thoáng nghe được phát thanh viên nói gì đó về sự gia tăng đột ngột số vụ dùng ma túy quá liều dẫn đến tử vong ở Oslo, sự gia tăng nạn mại dâm và một tù nhân vượt ngục đang tự do bên ngoài hai ngày qua. Có quá nhiều điều khó chịu trong thế giới bên dưới bà. Quá nhiều thứ bất ổn, nó thiếu sự cân bằng và trật tự ai cũng nên cố mà đạt được. Và trong khi bà ta đứng đó trầm trồ sự hài hòa hoàn hảo của đời mình - gia đình, cơ ngơi, hôm nay - bà ta mất một lúc mới nhận ra rằng công phụ nơi hàng rào cao hai mét xén tỉa gọn gàng, chủ yếu để nhân viên trong nhà dùng, đã mở.

Bà ta đưa tay lên che nắng chói mắt.

Thanh niên bước xuống lối đi hẹp lát đá trông như trạc tuổi cậu Iver con nên điều đầu tiên bà ta nghĩ là có lẽ cậu ta là bạn của con mình. Bà ta vuốt lại tạp dề cho thẳng thăn. Nhưng khi cậu ta tiến lại gần hơn, bà ta nhận ra rằng có lẽ cậu ta lớn hơn con mình vài tuổi và đang mặc trang phục mà không đời nào Iver hay bạn cậu mặc: một bộ vest nâu kẻ sọc, lối mốt với đôi giày thể thao xanh. Cậu ta khoác túi thể thao đỏ bên vai và Agnete Iversen tự hỏi phải chăng cậu ta bên chỗ Hội Nhân chứng Jehovah tới rồi mới nhớ ra là bao giờ họ cũng đi hai người.

Cậu ta cũng không trông như người chào hàng. Cậu ta đã tới dưới chân thềm.

“Tôi giúp gì được cậu?” Bà ta sốt sắng hỏi.

“Đây có phải nơi gia đình Iversen sống không?”

“Đúng rồi. Nhưng nếu cậu muốn nói chuyện với Iver con hay chồng tôi thì cậu vừa để lỡ họ rồi.” Bà ta chỉ qua vườn về phía đường.

Cậu thanh niên gật, đút tay trái vào túi thể thao lôi ra thứ gì đó. Cậu ta vừa chìa nó về Agnete vừa bước một bước ngấn sang trái. Agnete chưa bao giờ trải qua cái gì như vậy, trong đời thực. Nhưng thị lực bà ta không có gì bất ổn, chưa từng, cả nhà đều có thị lực hoàn hảo. Nên bà ta không nghi ngờ mắt mình một giây nào, chỉ tợp không khí và tự động lùi lại một bước về phía cửa mở sau lưng.

Đó là một khẩu súng ngắn.

Bà ta vừa tiếp tục đi thụt lùi vừa nhìn gã thanh niên, nhưng bà không nhìn thấy mắt hấn đằng sau vũ khí.

Có một tiếng nổ, rồi bà ta cảm thấy như có người vừa đâm thật mạnh vào ngực mình, bà ta cứ di chuyển, loạng choạng thụt lùi qua cửa, tê dại và không còn kiểm soát được tay chân nhưng vẫn đi qua được hết hành lang; bà ta vung hai tay ra cố lấy lại thăng bằng thì cảm thấy bàn tay mình va vào bức hình treo trên tường. Bà ta không ngã cho đến khi đổ nhào qua cửa bếp và chỉ vừa kịp nhận ra mình đập đầu vào quầy bếp thì đã lôi theo luôn lọ hoa thủy tinh để trên đó. Nhưng khi bà ta nằm trên sàn đầu đè lên hộc dưới cùng còn cổ cúi gập, nhìn xuống thân mình, bà ta thấy mấy bông hoa. Những bông cúc trắng nằm giữa thủy tinh vỡ. Và cái gì trông như một đóa hồng đỏ lớn dần trên tạp dề. Bà ta nhìn ra cửa trước. Thấy bóng gã thanh niên bên ngoài, thấy hấn quay lại phía mấy cây phong bên lối đi lát đá. Rồi hấn cúi xuống và mất hút. Và bà cầu Chúa là hấn đi rồi.

Bà gượng đứng dậy, nhưng không cử động được; như thể xác thân bà đã bị tách rời với não. Bà nhắm mắt và cảm thấy đau, một kiểu đau chưa cảm thấy bao giờ. Nó lan đi toàn thân như thể bà sắp bị xé làm đôi. Bản tin đã hết; họ mở lại nhạc cổ điển. Schubert. “Abends unter der Linde”.

Bà nghe thấy tiếng bước chân rất êm.

Giày thể thao trên sàn đá.

Bà mở mắt ra.

Gã thanh niên đang tiến về phía bà, nhưng gã nhìn chăm chú vào cái cầm ở mấy đầu ngón tay mình. Một vỏ đạn; bà đã thấy mấy thứ đó khi mùa thu đến gia đình đi săn tại lều nhỏ của họ ở Hardangervidda. Hắn ta thả nó vào túi xách đỏ, lấy ra một đôi găng tay vệ sinh màu vàng và khăn mặt. Hắn ngồi xổm xuống, đeo găng vào và lau sạch cái gì đó trên sàn. Máu. Máu bà. Rồi hắn lấy khăn chùi đế giày. Agnete nhận ra là hắn đang chùi dấu chân và lau giày thể thao. Như một sát thủ chuyên nghiệp sẽ làm. Kẻ không muốn để lại chứng cứ nào. Hay nhân chứng nào. Bà phải thấy sợ thôi. Nhưng bà không sợ, bà không cảm thấy gì - hay có thể là bà chỉ đủ sức quan sát, ghi nhận, lập luận.

Hắn bước qua người bà rồi trở ra hành lang, đến phòng tắm và mấy phòng ngủ. Hắn để cửa mở. Agnete cũng cố ngoái đầu lại. Hắn mở xách tay của bà để trên giường - bà định vào thành phố mua váy của Ferner Jacobsen. Hắn mở ví, lấy tiền rồi vứt các thứ khác đi. Hắn đi tới cái tủ thấp, đầu tiên kéo hộc trên cùng ra rồi tới hộc thứ hai mà bà biết hắn sẽ tìm thấy hộp nữ trang. Đôi hoa tai ngọc trai vô giá và tuyệt bích bà thừa hưởng từ bà ngoại. Thôi, nói cho chính xác thì cũng không phải vô giá; chồng bà đã cho định giá nó là 280.000 krone.

Bà nghe tiếng trang sức rơi rớt vào túi thể thao.

Hắn biến vào phòng tắm chung. Khi ló ra, hắn cầm bàn chải của họ, của bà, của Iver và của Iver con. Hắn hăn hoặc cực kỳ nghèo hoặc cực kỳ hoảng loạn, hay cả hai. Hắn đi lại chỗ bà rồi cúi xuống. Hắn để tay lên vai bà.

“Đau phải không?”

Bà cũng cố lắc đầu. Bà sẽ không để hắn được toại nguyện.

Hắn dịch bàn tay và bà cảm thấy găng tay cao su trên cổ mình. Ngón cái và ngón trỏ hắn ấn lên động mạch bà. Hắn định bóp cổ bà ư? Không, hắn không đề mạnh lắm.

“Chốc nữa thôi tim bà sẽ ngừng đập,” hắn nói.

Rồi hắn đứng lên đi lùi lại cửa trước. Hắn lấy khăn mặt chùi tay nắm. Khép cửa lại. Tiếp đó bà nghe cổng vườn đóng lại. Rồi Agnete Iversen cảm thấy nó đến. Cái lạnh. Nó bắt đầu ở hai bàn chân rồi đến hai bàn tay. Nó lan lên đầu, trên đỉnh đầu bà. Ăn dần ăn mòn tới tim bà từ mọi phía. Rồi theo sau là bóng tối.

Sara nhìn người đã lên tàu điện tại ga Holmenkollen. Gã ngồi xuống ở toa kia, toa cô vừa bỏ đi khi ba thanh niên đội ngược mũ bóng chày ra sau vừa lên tại Voksenlia. Trong kỳ nghỉ hè không có mấy ai lên tàu ngay sau giờ cao điểm sáng nên cô đã là hành khách duy nhất. Và giờ chúng bắt đầu chọc phá cả gã kia. Cô nghe thằng nhỏ con nhất trong bọn - rõ ràng là thủ lĩnh - gọi người nọ là đồ tồi, cười cợt đôi giày thể thao của gã, bảo gã ra khỏi toa của chúng, thấy nó nhổ toẹt xuống sàn trước mặt gã. Bọn học đòi làm dân du đảng ngu xuẩn. Giờ thì một đứa trong bọn, thằng đẹp trai tóc vàng, có lẽ thằng công tử bị bỏ rơi, rút ra một con dao bấm. Lạy Chúa, có thật là chúng định... ? Nó vung tay ra trước mặt gã. Sara suýt hét lên. Tiếng cười rú ồ lên trong toa kia. Nó cắm phập dao xuống ghế giữa hai đầu gối thanh niên. Thằng đầu sỏ nói gì đó, cho người này năm giây để bước ra. Gã này đứng dậy. Trong một thoáng trông như thể gã tính chuyện đánh trả.

Phải, thực sự là vậy. Nhưng rồi gã kéo túi thể thao đỏ sẫm vào người rồi dời qua toa cô ngồi.

“Ồ hèn!” chúng gào lên theo gã bằng tiếng Na Uy kiểu MTV. Rồi chúng rú lên cười.

Chỉ có cô với gã và ba thanh niên kia trên tàu. Bên cửa nối hai toa người nọ dừng lại lấy thăng bằng mấy giây và ánh mắt họ giao nhau. Và dù cô không nhìn thấy nỗi sợ trong mắt gã, cô biết nó có ở đó. Nỗi sợ của kẻ yếu và kẻ suy đồi, người bao giờ cũng nhịn nhục, lùi đi và nhường đất cho bất kỳ ai nhe nanh đe dọa dùng vũ lực. Sara khinh bỉ gã ta. Cô khinh bỉ sự yếu đuối. Và lòng tốt đầy hảo ý mà gã ắt hẳn sẽ tỏ ra với xung quanh. Ở một khía cạnh nào đó thì cô ước gì chúng nện cho gã một trận thật. Dạy gã ta biết cảm hận đôi chút. Cô còn mong gã nhìn thấy sự khinh bỉ trong mắt cô. Bấy giờ gã sẽ giãy giụa, quẫn quại trước thảm cảnh của mình.

Nhưng gã lại mỉm cười với cô, lí nhí chữ “chào” khiêm tốn, ngồi xuống cách đó hai dãy và mơ màng nhìn ra cửa sổ như thể không có gì xảy ra. Lạy Chúa, chúng ta đã thành loại người gì vậy? Một đám bà già đáng thương thậm chí còn không có phẩm cách để thấy xấu hổ. Chính cô cũng thấy rất muốn nhổ toẹt xuống sàn.

17

Vậy mà người ta nói Na Uy không có tầng lớp thượng lưu, Simon Kefas nhận xét khi nhắc dải băng cảnh sát hai màu trắng cam lên cho Kari Adel luôn người đi qua.

Một sĩ quan cảnh sát mặc đồng phục, thở hỗn hển, trán lấp loáng mồ hôi chặn họ lại trước nhà xe hai chỗ. Họ xuất trình thẻ cảnh sát; anh ta kiểm tra hình và yêu cầu Simon tháo kính râm ra.

“Ai tìm thấy bà ta?” Simon hỏi, nheo mắt trước ánh nắng chói chang.

“Máy người làm vệ sinh,” anh cảnh sát nói. “Lúc mười hai giờ trưa họ đến làm việc rồi gọi cấp cứu.”

“Có nhân chứng nào thấy hay nghe được gì không?”

“Không ai thấy gì,” anh cảnh sát nói. “Nhưng chúng tôi đã nói chuyện với một người hàng xóm, bà ta nói có nghe thấy tiếng nổ lớn. Thoạt tiên bà ta nghĩ chắc là lốp xe nổ. Trong một khu thể này thì không làm sao họ nhận ra tiếng súng được.”

“Cảm ơn,” Simon nói, đeo kính râm vào lại rồi đi trước Kari lên mấy bậc thềm đến chỗ một cảnh sát điều tra hiện trường mặc bộ áo liền quần trắng đang dùng cây cọ nhỏ lông đen kiểm tra khung cửa kiểu cổ. Mấy lá cờ nhỏ đánh dấu lối đi mà các cảnh sát điều tra hiện trường đã dọn trống dẫn thẳng đến cái xác nằm trên sàn bếp. Một tia nắng lọt qua cửa sổ, băng qua sàn đá và lấp lánh trong những vũng nước và những mảnh kính vỡ quanh mấy bông cúc trắng. Một người đàn ông mặc com lê đang ngồi xổm bên cái xác và hội ý với một giám định viên pháp y mà Simon nhận ra mặt.

“Xin lỗi,” Simon nói và người đàn ông mặc com lê nhìn lên. Tóc anh ta, bóng loáng lên vì được dùng vài loại sản phẩm khác nhau, và hai bên tóc

mai thưa, chửi cần thận làm cho Simon thắc mắc không biết anh ta có phải là người Ý. “Anh là ai?”

“Tôi cũng có thể hỏi ông câu đó,” người này đáp, không hề có ý đứng lên.

Simon đoán anh ta đâu ba một ba hai tuổi.

“Chánh thanh tra Kefas, Đội Điều tra án mạng.”

“Hân hạnh gặp ông. Asmund Bjornstad, tôi là thanh tra bên Kripos. Ông trông như chưa được báo là chúng tôi lo vụ này.”

“Ai báo?”

“Chính là sếp của ông.”

“Tổng chỉ huy?”

Người mặc com lê lắc đầu chỉ lên trần nhà. Simon để ý thấy mấy móng tay của Bjornstad. Chắc hẳn cắt tỉa ở tiệm.

“Ủy viên?”

Bjornstad gật. “Ông ấy liên lạc với Kripos nói chúng tôi nên đến ngay.”

“Tại sao?”

“Tôi đoán ông ấy nghĩ sớm muộn gì các ông cũng sẽ nhờ chúng tôi hỗ trợ.”

“Và các anh cứ thế lượn vào đây mà đảm trách?”

Asmund Bjornstad nhướn cười. “Nghe này, đó không phải là quyết định của tôi. Nhưng mỗi khi Kripos được yêu cầu hỗ trợ một vụ điều tra án mạng, chúng tôi luôn ra điều kiện là chúng tôi được trao toàn bộ trách nhiệm điều tra, chiến thuật cũng như kỹ thuật.”

Simon gật. Ông thừa biết chuyện đó; đây không phải lần đầu Đội Điều tra Án mạng của Sở Cảnh sát Oslo và Cục Điều tra Tội phạm Quốc gia, Kripos, giẫm chân nhau. Ông cũng biết điều mình cần làm là nói lời cảm ơn và nên mừng vì đỡ được một vụ phải xử lý, để còn quay về văn phòng tập trung vào điều tra vụ Vollan.

“Được, vì đã đến đây rồi, chúng tôi cũng nên đi xem một vòng,” Simon nói.

“Tại sao?” Bjornstad không cố che giấu vẻ bực tức.

“Tôi tin chắc anh đã kiểm soát được mọi thứ rồi, Bjornstad, nhưng tôi có điều tra viên mới đủ trình độ chuyên môn đi cùng; cô ấy sẽ được học hỏi khi xem chúng ta khám xét hiện trường thực tế. Thế nào?”

Điều tra viên bên Kripos miễn cưỡng nhìn Kari. Rồi anh ta nhún vai.

“Tuyệt lắm,” Simon nói rồi ngồi xồm xuống.

Mãi đến lúc này ông mới nhìn cái xác. Ông đã cố tránh và chờ đến khi có thể chú tâm hoàn toàn. Những ấn tượng đầu tiên rất quan trọng. Vết máu tròn gần như cân xứng ngay giữa tạp dề trắng làm ông thoáng nghĩ đến quốc kỳ Nhật. Có khác chẳng là mặt trời đã lặn và không mọc lên lại cho người đàn bà đang nhìn trần trời lên trần nhà với cái vẻ mặt chết chóc ông chưa bao giờ quên được.

Simon đã kết luận về mặt đó là sự kết hợp của thân người với cái biểu cảm đã mất hẳn chất người, vắng bật sự sống, một con người chỉ còn là vật thể. Ông đã nghe tên nạn nhân là Agnete Iversen. Cái ông biết chắc chắn là bà ta bị bắn vào ngực. Một phát một, hay có vẻ vậy. Ông nhìn hai bàn tay bà ta. Không có móng nào gãy và bàn tay không có dấu hiệu giằng co. Nước sơn móng ở ngón giữa bàn tay trái bị tróc, nhưng chuyện đó có thể xảy ra khi bà ta ngã.

“Có dấu hiệu đột nhập nào không?” Simon hỏi và ra hiệu cho giám định viên lật cái xác lại.

Bjornstad lắc đầu. “Có thể cửa đã để mở - chồng và con trai nạn nhân vừa đi làm. Chúng tôi cũng không tìm thấy dấu tay nào trên nắm cửa.”

“Không một dấu nào sao?” Simon để cái nhìn lướt dọc gờ bàn làm bếp.

“Không. Như ông thấy đấy, bà ta thuộc loại người rất tự hào về nhà cửa của mình.”

Simon xem xét kỹ vết thương đi ra trên lưng nạn nhân. “Xuyên thẳng. Có vẻ như viên đạn chỉ đi qua mô mềm.”

Giám định viên pháp y bậm môi chu miệng và nhún vai, một cử chỉ cho Simon biết phỏng đoán của ông không vô lý.

“Còn viên đạn?” Simon hỏi, liếc nhìn lên khoảng tường phía trên bàn làm bếp.

Asmund Bjornstad miễn cưỡng chỉ ngón tay lên.

“Cảm ơn,” Simon nói. “Còn vỏ đạn?”

“Vẫn chưa tìm thấy,” điều tra viên nói rồi lấy một cái điện thoại có vỏ màu vàng nhũ ra.

“Tôi hiểu rồi. Vậy còn giả thiết sơ bộ của Kripos về chuyện xảy ra ở đây?”

“Giả thiết ư?” Bjornstad mỉm cười, áp điện thoại vào tai. “Chuyện đó đương nhiên rõ rồi mà. Tên trộm đi vào, bắn nạn nhân trong này, quơ bất cứ gì quý giá bắt gặp rồi chuồn khỏi hiện trường. Tôi nghĩ là một vụ trộm có tính toán cuối cùng lại thành giết người ngoài ý muốn. Có lẽ bà ta đã chống cự hay hô hoán lên.”

“VẬY anh nghĩ sao...”

Bjornstad đưa tay bên, ám chỉ là điện thoại đã có người trả lời. “Xin chào, là tôi đây. Anh có thể kiểm cho tôi danh sách những người bị kết án cướp có hành hung? Kiểm tra nhanh xem có ai ở Oslo không. Ưu tiên kẻ dùng súng. Cảm ơn.”

Anh ta thả điện thoại vào túi áo khoác. “Nghe này, bạn già, chúng tôi có khá nhiều việc phải làm ở đây, nên tôi e sẽ phải yêu cầu các vị...”

“Tốt thôi,” Simon nói, nở nụ cười toe toét chưa từng thấy. “Nhưng nếu chúng tôi hứa không gây cản trở cho anh, có lẽ chúng tôi cũng được xem quanh một cái đã chứ?”

Điều tra viên bên Kripos hồ nghi nhìn người đồng nghiệp hơn tuổi.

“Chúng tôi cũng hứa sẽ không bước vào bên trong mấy lá cờ.”

Bjornstad độ lượng nhã nhặn chấp thuận yêu cầu của ông.

“Hắn đã tìm được cái hắn tìm,” Kari nhận xét khi họ đứng trước giường, trên tấm thảm dày phủ kín sàn phòng ngủ chính. Trên lớp khăn trải giường có một xách tay, một ví mở toang, trống trơn và một hộp nữ trang lót nhung đỏ cũng trống.

“Có lẽ,” Simon nói, phớt lờ lá cờ mà ngồi xổm xuống cạnh giường.

“Hắn phải đứng đâu đó chỗ này khi trút cái xách tay và hộp nữ trang ra, cô có đồng ý không?”

“Vâng, vì mọi thứ đều nằm trên giường.”

Simon kiểm tra tấm thảm. Ông định đứng lên thì dừng giữa chừng và cúi xuống.

“Gì thế?”

“Máu,” Simon nói.

“Hắn bị chảy máu trên thảm?”

“Không chắc. Đó là dấu hình chữ nhật nên có lẽ là dấu giày. Hình dung cô vào trộm nhà trong khu giàu có như vậy: cô nghĩ kết sắt để ở đâu?”

Kari chỉ tủ áo.

“Chính xác,” Simon nói, đứng lên mở cửa tủ áo.

Kết sắt nằm giữa tường và to cỡ bằng lò vi ba. Simon ấn tay nắm xuống.

Khóa.

“Trừ phi sau đó tên trộm cất công khóa kết lại - nếu không thì xem ra có gì đó kỳ quặc bởi lẽ hắn cứ thế vất hộp nữ trang và ví xuống giường - còn không thì hắn không động đến kết sắt,” Simon nói. “Ta xem họ đã xong cái xác chưa.”

Trên đường trở lại bếp, Simon đi vào phòng tắm. Rồi ông xuất hiện, chau mày.

“Gì thế?” Kari hỏi.

“Cô có biết là ở Pháp bốn chục người dân dùng một bàn chải đánh răng không?”

“Đó là chuyện hoang đường và thống kê đó xưa rồi,” cô nói.

“Nhưng cô đang nói chuyện với một ông già,” Simon nói. “Dù thế nào đi nữa thì gia đình Iversen cũng không dùng bàn chải.”

Họ quay lại nhà bếp, xác Agnete Iversen tạm thời bị bỏ bê nên Simon được tự do khám xét. Ông nhìn hai bàn tay bà ta, xem xét kỹ vết thương đi vào và đi ra. Ông đứng lên và bảo Kari đứng ngay trước hai bàn chân nạn nhân, xoay lưng về phía bàn làm bếp.

“Tôi xin lỗi trước,” ông nói, bước đến cạnh cô, ấn ngón tay giữa hai bầu ngực nhỏ của cô, vị trí viên đạn đi vào Agnete Iversen và một chỗ giữa bả vai cô, tương ứng với vết thương đi ra của nạn nhân. Ông xem xét góc tạo thành giữa hai điểm rồi lướt mắt nhìn lên lỗ đạn trên tường. Rồi ông cúi xuống nhặt một bông hoa cúc, kê đầu gối lên bàn làm bếp, rướn người thả cái hoa vào lỗ đạn.

“Đi nào,” ông nói, tụt xuống bàn rồi đi xuôi hành lang đến cửa trước. Ông dừng lại bức ảnh treo lệch, cúi tới gần hơn và chỉ vào cái gì đó có màu đỏ bên mép khung.

“Máu?” Kari hỏi.

“Nước sơn móng tay,” Simon nói và đặt mu bàn tay trái lên tấm hình rồi ngoái nhìn lại cái xác. Rồi ông đi tiếp tới cửa. Dừng lại ngồi xổm xuống bên ngưỡng cửa. Khom xuống bên một hòn đất có đánh dấu bằng lá cờ.

“Đừng hòng động tới cái đó!” Một giọng đặng sau họ kêu lên.

Họ nhìn lên.

“Ồ, là anh à, Simon,” người đàn ông mặc đồ trắng nói và lần ngón tay trên cặp môi ướt chìm sau chòm râu màu hoe.

“Chào Nils. Lâu ngày không gặp. Ở Kripos họ đối xử với anh tử tế chứ?”

Ông này nhún vai. “Ồ, có chứ. Nhưng có lẽ là do tôi già cả và hết thời đến độ họ thấy thương hại tôi.”

“Mà anh có vậy không?”

“Ồ có chứ,” tay chuyên viên điều tra hiện trường thở dài. “Thời này thì chỉ là ADN thôi, Simon. ADN và các đời máy tính mà những người như bọn mình mù tịt. Không như thời bọn mình.”

“Tôi không nghĩ ta hết thời thật rồi,” Simon nói, xem xét cái then ở cửa trước. “Cho tôi gửi lời chào tới bà nhà, Nils.”

Người đàn ông để râu vẫn đứng. “Tôi vẫn chưa có...”

“Vậy thì con chó của anh.”

“Chó của tôi chết rồi, Simon.”

“Thế thì ta phải bỏ qua mấy câu pha trò vậy, Nils,” Simon nói rồi bỏ ra ngoài. “Kari, đếm đến ba rồi hét to hết mức cô hét được. Sau đó ra ngoài thêm rồi đứng yên đó. OK?”

Cô gật rồi ông khép cửa.

Kari nhìn Nils, ông này lắc đầu bỏ đi. Rồi cô hét to hết cỡ. Cô hét hai chữ “lui ra!”, cô được dạy la lên như vậy để cảnh báo bất cứ ai trong những dịp hiểm hoi cô đánh golf là sang trái hay đánh xoáy sang tay thuận.

Rồi cô mở cửa.

Simon đứng cuối bậc thềm đang nhắm ngón trỏ vào cô.

“Giờ thì xê dịch đi,” ông nói.

Cô làm theo thì thấy ông hơi dịch qua trái và nheo một mắt.

“Hắn hẳn đã đứng đây,” Simon nói, ngón trỏ vẫn nhắm vào cô. Cô quay lại thì thấy bông hoa cúc trắng trên vách bếp.

Simon nhìn sang phải. Đi lại chỗ đám cây phong. Vạch ra. Kari nhận ra ông đang tìm gì. Cái vỏ đạn.

“A ha,” ông lẩm bẩm một mình, lấy điện thoại ra, đưa lên gần mắt và cô nghe thấy phiên bản điện tử của tiếng màn trập máy ảnh. Ông nhón lấy chút đất dưới nền rồi rải ra. Đoạn ông quay lại thêm đưa cô xem hình ảnh vừa chụp.

“Dấu giày,” cô nói.

“Của hung thủ,” ông đáp.

“Vậy sao?”

“Phải, tôi nghĩ đến giờ tan học rồi, Kefas.”

Họ quay lại. Là Bjornstad. Anh ta trông giận dữ. Ba cảnh sát điều tra hiện trường đứng cạnh anh ta, kể cả Nils có chòm râu màu hoe.

“Gần xong rồi,” Simon nói và cố vào lại trong nhà. “Tôi nghĩ chúng tôi sẽ chỉ...”

“Tôi nghĩ chúng ta đã xong,” Bjornstad nói, dặng hai chân chắn lối còn hai tay khoanh trước ngực. “Tôi vừa phát hiện có bông hoa trong lỗ đạn của tôi, và đó là một bước quá trớn rồi đấy. Hôm nay vậy là đủ.”

Simon nhún vai. “Tốt thôi, chẳng nào chúng tôi cũng đã xem đủ để rút ra kết luận. Chúc các vị tìm ra sát thủ của mình nhé, mấy anh em.”

Bjornstad nhạo. “Vậy ông gọi đây là vụ ám sát nhằm cố gây ấn tượng với cô sinh viên trẻ này?” Anh ta quay qua Kari. “Tôi rất tiếc vì đời thực không hẳn thú vị như bạn già đây mong muốn. Nó chỉ là một vụ án mạng hết sức bình thường.”

“Anh sai rồi,” Simon nói.

Bjornstad đưa tay chống nạnh. “Bố mẹ tôi dạy phải kính trọng bậc cha chú của mình. Tôi sẽ cho ông mười giây kính trọng, và rồi tôi muốn ông đi cho.”

Một cảnh sát điều tra hiện trường cười khúc khích.

“Cha mẹ tử tế đấy,” Simon nói.

“Chín giây.”

“Hàng xóm nói bà ta nghe thấy tiếng súng.”

“Thì sao?”

“Nhà cửa ở đây lớn và cách xa nhau. Nhà thì được cách âm tốt. Hàng xóm không thể nào nghe thấy gì nếu tiếng nổ phát ra từ trong nhà. Tuy vậy, bên ngoài...”

Bjornstad ngửa đầu ra như thể để nhìn kỹ Simon từ một góc độ khác. “Ý ông là sao?”

“Bà Iversen cao cũng cỡ Kari đây. Và góc duy nhất khớp với việc bà ta đứng khi bị bắn và vết thương đi vào ở chỗ này” , ông chỉ vào ngực Kari, “và vết thương đi ra chỗ này trên lưng, trong khi viên đạn lại nằm trên tường chỗ tôi bỏ hoa cúc vào, là hung thủ đã đứng chỗ thấp hơn bà ta, nhưng cả hai đều đứng khá xa tường bếp. Nói cách khác, nạn nhân đứng nơi ta đang đứng đây, trong khi hung thủ đứng dưới thềm, trên nền lát đá. Hàng xóm đã nghe thấy tiếng súng bà vì vậy. Tuy nhiên, hàng xóm không nghe thấy tiếng kêu hay tiếng động nào đi trước tiếng súng, không có gì chỉ ra sự náo động hay chống cự, nên tôi đoán chuyện đã diễn ra nhanh chóng.”

Bjornstad không nhin được liền liếc ra sau mấy đồng nghiệp. Anh ta đối tư thế. “Thế rồi hẳn lời bà ta vào trong, có phải ông muốn nói vậy không?”

Simon lắc đầu. “Không, tôi nghĩ bà ta lão đảo bước lùi lại.”

“Mà cái gì khiến ông nghĩ vậy?”

“Anh nói đúng một điều rằng bà Iversen là người tự hào về nhà cửa của mình. Thứ duy nhất trong nhà này xô lệch là bức hình đăng kia.” Mấy người kia quay lại nhìn nơi Simon chỉ. “Hơn nữa, có nước sơn móng bên khung ảnh chỗ gần cửa nhất. Nó nghĩa là bà ta va vào đó khi loạng choạng lùi vào nhà; nó khớp với nước sơn móng bị tróc trên ngón giữa bàn tay trái của bà ta.”

Bjornstad lắc đầu. “Nếu bà ta bị bắn ở cửa rồi bước lùi lại thì đã có vết máu từ vết thương trên dọc hành lang.”

“Thì có đấy,” Simon nói, “nhưng hung thủ lau sạch rồi. Như chính anh đã nói, không thấy dấu tay trên nắm cửa. Cửa gia đình cũng không. Không phải vì chồng con vừa sờ vào tay nắm lúc ra cửa được vài giây là Agnete Iversen đã lo tổng vệ sinh mà vì hung thủ không muốn để lại cho ta chứng cứ nào. Và tôi khá chắc lý do hấn chùi sạch máu trên sàn là bởi hấn đã bước lên đó nên không muốn để lại dấu giày. Nên hấn cũng đã chùi cả đế giày.”

“Phải không đấy?” Bjornstad nói, vẫn ngửa đầu ra sau, nhưng không còn cười toe toét lắm. “Nên ông cứ vậy phỏng đoán tất cả những điều này?”

“Khi lau đế giày, ta sẽ không tẩy được máu giữa các kẽ ở đế giày,” Simon nói, nhìn đồng hồ. “Nhưng máu sẽ rỉ ra, chẳng hạn khi ta đứng trên thảm sợi vải dính vào kẽ dưới đế giày và thấm máu. Trên thảm phòng ngủ anh sẽ thấy có vết máu hình chữ nhật. Tôi nghĩ chuyên viên phân tích máu của anh sẽ đồng tình với tôi, Bjornstad.”

Trong sự im lặng sau đó, Kari nghe thấy tiếng xe bị cảnh sát chặn lại ngoài đường. Có những tiếng nói lo lắng, một giọng của thanh niên. Chồng và con trai nạn nhân.

“Sao cũng được,” Bjornstad nói, vờ dừng dừng. “Suy cho cùng nạn nhân bị bắn ở đâu thì có quan trọng gì, đây là vụ trộm nhà bị phát giác, không phải ám sát. Và nghe như thế ta sẽ có ngay người để khẳng định nữ trang trong hộp đã bị mất cắp.”

“Nữ trang thì tốt thôi,” Simon nói, “nhưng nếu tôi là tên trộm thì tôi đã kéo Agnete Iversen vào trong và buộc bà ta chỉ chỗ cất đồ quý giá thật sự. Bắt bà ta đọc dãy số kết sắt mà tên trộm ngu ngốc nào cũng biết một ngôi nhà thế này sẽ có. Nhưng thay vì vậy hắn bắn bà ta ngay nơi hàng xóm nghe thấy được. Không phải vì hắn hoảng loạn - cách hắn xóa chứng cứ cho thấy hắn lạnh lùng ra sao.

Không, hắn làm vậy bởi hắn biết mình sẽ không ở lại lâu, rằng đến khi cảnh sát tới thì hắn đã cao chạy xa bay. Vì hắn không định ăn trộm nhiều, phải không?

Chỉ đủ để một điều tra viên thiếu kinh nghiệm có cha mẹ tử tế nhanh chóng kết luận đó là một vụ trộm mà không tìm hiểu kỹ lưỡng động cơ đích thực.”

Simon phải thú nhận là ông lấy làm thích thú với sự im lặng và vẻ mặt biến sắc của Bjornstad. Thực tình Simon Kefas là người đơn thuần, ông không có tính thù hằn. Dù rất muốn, ông vẫn tha cho đồng nghiệp trẻ phát súng chia tay:

đến giờ tan học rồi, Bjornstad.

Xét về thời gian và kinh nghiệm thì một ngày nào đó Asmund Bjornstad vẫn có thể thành điều tra viên tài ba. Tính khiêm tốn cũng là thứ mà những điều tra viên giỏi cần học.

“Giả thiết rất chi là thú vị đấy, Kefas,” Bjornstad nói. “Tôi sẽ ghi nhớ.

Nhưng thời gian đang trôi đi cho nên...” Nhoẻn cười. “... có lẽ các vị nên đi cho?”

“Sao ông không nói hết cho anh ta?” Kari hỏi khi Simon cẩn thận điều khiển xe quanh mấy chỗ cua gắt từ Holmenkollasen chạy xuống.

“Hết sao?” Simon nói, làm bộ ngây thơ. Kari phải bật cười. Simon đang làm bộ ông già gàn dở.

“Ông biết rằng vỏ đạn đã rơi đâu đó trong luống hoa. Ông không tìm ra vỏ đạn, nhưng ông đã tìm thấy dấu giày. Rồi ông chụp lại. Mà đất đó có khớp với đất trong hành lang không?”

“Có.”

“Vậy sao ông không cho anh ta thông tin đó?”

“Vì anh ta là một điều tra viên tham vọng có cái tôi lớn hơn tinh thần đồng đội, nên tự anh ta phát hiện ra thì sẽ tốt hơn. Anh ta sẽ tích cực hơn nếu cảm thấy họ đang bám sát bằng chứng của mình mà không phải của tôi khi nào họ bắt tay vào tìm người mang giày cỡ 81/2 và đã nhặt một vỏ đạn rỗng trong luống hoa hồng đó.”

Họ dừng chờ đèn đỏ tại Stasjonsveien. Kari nén cái ngáp. “Mà sao ông lại biết rõ một điều tra viên như Bjornstad nghĩ gì?”

Simon cười. “Dễ thôi. Tôi đã từng trẻ trung và tham vọng.”

“Nhưng cuối cùng tham vọng tàn dần?”

“Phải, một số.” Simon mỉm cười. Một nụ cười u hoài, Kari nghĩ.

“Có phải vì vậy mà ông không làm cho Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng nữa?”

“Điều gì khiến cô nói vậy?”

“Ông thuộc hàng lãnh đạo. Chánh thanh tra phụ trách một đội lớn. Họ để ông tiếp tục giữ chức đó ở Đội Điều tra Án mạng, nhưng ông chỉ phụ trách mỗi mình tôi.”

“Ừ,” Simon nói, băng qua giao lộ rồi đi tiếp tới Smestad. “Trả lương cao quá, trình độ chuyên môn cao quá, đồ bỏ đi. Hay, chỉ đơn giản là bỏ.”

“Vậy rồi chuyện gì xảy ra?”

“Cô không muốn...”

“Có chứ, tôi muốn mà.”

Họ im lặng chạy tiếp, Kari cho đó là vì lợi ích của cô nên không nói gì. Dù là vậy, gần tới Majorstua rồi Simon cũng nói.

“Tôi phát hiện ra một giao dịch rửa tiền. Đây ta đang nói về tiền đáng kể.

Người ở cấp cao. Các sĩ quan cấp trên cho rằng cuộc điều tra của tôi và tôi đại diện cho một mối nguy lớn. Rằng tôi không có đủ bằng chứng, rằng chúng tôi sẽ bị phớt lờ nếu theo đuổi điều tra nhưng không có được bản án. Ta không nói tội phạm thông thường như mọi khi, nghi can là những người có thể lực, những người sẽ dùng đúng hệ thống cảnh sát để phản công. Đồng nghiệp của tôi sợ rằng, dẫu chúng tôi có thắng đi nữa, sau này chúng tôi cũng sẽ phải trả giá cho điều đó, sẽ có cú giật ngược.”

Lại một khoảng im lặng. Kéo dài cho đến khi họ tới công viên Frogner thì cuối cùng Kari cũng hết kiên nhẫn.

“Vậy là họ đá ông ra chỉ vì ông đã mở một cuộc điều tra gây tranh cãi?”

Simon lắc đầu. “Tôi có một rắc rối. Đánh bạc. Hay, dùng cách diễn đạt chuyên môn, nghiện đỏ đen. Tôi mua bán cổ phiếu. Không nhiều. Nhưng khi ta làm cho Phòng Điều tra...”

“... thì ta sẽ được tiếp cận thông tin nội bộ.”

“Tôi chưa từng buôn bán cổ phiếu mà tôi có thông tin, nhưng tôi vẫn vi phạm nội quy. Nên họ xử chuyện đó ra trò.”

Kari gật. Họ len lỏi tới trung tâm thành phố và đường hầm Ibsen. “Rồi sao nữa?”

“Tôi không đờ đên nữa. Tôi cũng không làm phiền ai nữa.” Lại cái cười buồn cam chịu ấy.

Kari nghĩ về dự tính của mình cho tối nay. Đến phòng tập thể dục. Ăn tối với nhà chồng. Xem nhà ở Fagerborg. Và nghe thấy mình hỏi cái câu hần phải bắt nguồn từ một phần khác, một phần vô thức, trong đầu: “Sao hung thủ lại lấy vỏ đạn theo?”

“Mỗi vỏ đạn đều có số hiệu, nhưng hiếm khi nó dẫn ta đến hung thủ,” Simon nói. “Có thể hần sợ vỏ đạn sẽ có dấu tay hần trên đó, nhưng tôi cho rằng hung thủ này đã nghĩ đến điều đó rồi, hần phải mang găng tay khi nạp đạn vào súng.

Tôi nghĩ ta có thể kết luận rằng súng của gã khá mới đây, sản xuất trong ít năm vừa qua.”

“Ồ?”

“Đã mười năm nay rồi các nhà sản xuất súng ngắn buộc phải khắc số hiệu trên kim hỏa, thế nên nó sẽ lưu lại một thứ như kiểu dấu tay khi đụng vào đầu vỏ đạn. Điều đó nghĩa là tất cả những gì ta cần để xác định chủ nhân là một vỏ đạn rỗng và Phòng Đăng ký Vũ khí.”

Kari trề môi và chậm rãi gật. “OK, tôi hiểu điều đó. Điều tôi không hiểu là sao hần lại muốn vụ này trông như một vụ cướp.”

“Cũng giống như việc hấn sợ bằng chứng trên vỏ đạn, hấn sợ rằng nếu ta biết động cơ thật, nó sẽ dẫn ta tới hấn.”

“Thôi được, vậy thì dễ hiểu rồi,” Kari nói, nhưng thật ra cô đang nghĩ về mẫu quảng cáo nhà ở Fagerborg. Nó nêu rằng căn hộ có hai ban công, một nhìn về hướng Đông, một về hướng Tây.

“Vậy hả?” Simon nói.

“Ông chồng,” Kari nói. “Ông chồng nào cũng biết mình chính là nghi phạm chính trừ phi hấn có thể làm cho vợ mình trông như bị giết vì một lý do khác.

Một vụ trộm nhà chẳng hạn.”

“Một lý do nữa ngoài... ?”

“Ngoài ghen tuông. Yêu. Hận. Còn gì nữa không?”

“Không,” Simon đáp. “Hết rồi.”

18

Đầu chiều hôm đó một trận mưa rào đã quét qua Oslo mà thành phố cũng không mát mẻ hơn. Thế rồi khi mặt trời chói chang qua tầng mây, nó như muốn bù lại thời gian đã mất bằng cách nướng thủ đô trong ánh sáng trắng lòa làm nước từ mái nhà và đường phố bốc hơi.

Louis tỉnh dậy khi mặt trời đã sà thấp đến mức tia nắng rọi vào mắt ông. Ông hé nhìn ra cõi đời. Nhìn thiên hạ và ô tô ngược xuôi trước mặt ông và cái bát ăn xin. Đó là một việc sinh lợi kha khá cho đến vài năm trước khi dân gipxi xứ Romania bắt đầu đến Na Uy. Ít người biến thành nhiều người. Rồi lại thành đàn thành lũ. Một đàn châu chấu trộm cắp, ăn xin và lừa đảo. Và như mọi loại sâu bọ, phải trừ khử chúng bằng mọi cách có thể. Đó là ý kiến đơn giản của Louis về việc này, hành khất Na Uy - cũng như mấy công ty vận tải tàu Na Uy - được quyền có sự bảo hộ của chính phủ trước sự cạnh tranh nước ngoài. Chứ cứ như hiện nay thì ông phải nhờ vào trộm cắp; không chỉ nhọc nhằn mà nói thật là còn không xứng với phẩm giá của ông.

Ông thở sượng và đưa ngón tay bần thủ vọc vào bát ăn xin. Nghe như có gì đó trong bát. Không phải đồng xu. Tiền giấy? Nếu vậy thì tốt hơn là ông bỏ túi trước khi một trong mấy đứa gipxi xoáy mất. Ông nhìn xuống bát. Chớp chớp mắt. Rồi ông nhặt nó lên. Đó là cái đồng hồ đeo tay. Đồng hồ nữ, có vẻ vậy.

Một chiếc Rolex. Đó là hàng nhái, hiển nhiên rồi. Nhưng nặng. Nặng lắm.

Thiên hạ thích đeo thứ đồ nặng như vậy quanh cổ tay thật sao? Ông có nghe nói những đồng hồ như vậy không thấm nước ở độ sâu năm chục mét, đi bơi mà đeo đồng hồ này thì chắc chắn là tiện quá rồi. Chẳng lẽ nó là... ? Quanh đây có mấy kẻ lập dị, chắc chắn vậy rồi. Louis nhìn xuôi ngược con

phố. Ông biết người thợ đồng hồ ở góc Stortingsgata; họ từng học chung trường. Có lẽ ông nên...

Louis sắp sửa đứng dậy.

Kine đang đứng cạnh xe đẩy mua hàng, hút điếu thuốc. Nhưng khi người đàn ông xanh lá sáng lên và mấy người bộ hành khác quanh cô cất bước, cô vẫn đứng yên. Cô đổi ý rồi. Hôm nay cô không định băng qua đường. Cô đứng lại, hút xong điếu thuốc. Cô xoay chiếc xe đẩy ở chỗ IKEA đã lâu, lâu lắm rồi. Cứ vậy đẩy nó ra khỏi cửa hàng rồi vào xe tải trong bãi xe. Chở nó và một giường Hemnes, một bàn Hemnes và ít giá sách Billy đến chỗ cô ngỡ là tương lai của họ. Tương lai của cô. Anh đã lắp ráp bàn ghế rồi chuẩn bị cho cả hai người chích. Giờ anh chết rồi, cô thì không. Cô cũng không còn là người nghiện nữa.

Cô ổn. Nhưng đã lâu lắm rồi cô chưa được ngủ trên giường Hemnes. Cô giẫm điếu thuốc rồi chộp lấy tay nắm xe đẩy IKEA. Cô nhận thấy ai đó - có lẽ một khách bộ hành khác - đã để lại một túi nhựa trên cái chắn len bẩn trong xe đẩy của cô. Bực tức, cô giật cái túi; đây không phải lần đầu tiên hạ lầm xe đẩy cùng mọi đồ sở hữu trần tục của cô là thùng rác công cộng. Cô quay lại; cô có thể nhắm mắt mà nói vị trí của từng thùng rác ở Oslo và biết có một thùng ngay sau cô. Nhưng rồi cô dừng. Túi nhựa nặng nặng khiến cô tò mò. Cô mở nó ra.

Thọc tay vào và lấy thứ đựng trong đó ra dưới nắng chiều. Nó lấp lánh và sáng rực. Trang sức. Mấy sợi dây chuyền và một chiếc nhẫn. Mấy mặt dây chuyền bằng kim cương còn nhẫn là vàng ròng. Vàng thật, kim cương thật. Kine gần như chắc chắn; cô đã từng thấy vàng và kim cương. Suy cho cùng, đồ đạc trong nhà cô thời thơ ấu cũng đâu phải đồ tự lắp ráp.

Johnny Puma trở mắt, cảm thấy nổi kinh hoàng len lõi và trở mình trên giường. Anh không nghe thấy ai vào, nhưng giờ anh nghe thấy có tiếng thở mạnh và tiếng khóc than. Coco đang ở trong phòng sao? Không, tiếng thở

hồng học này nghe giống như có người đang làm tình hơn là có người đi đòi nợ. Có lần một cặp đã được phép ở lại trung tâm; hẳn ban quản lý nghĩ hai người họ cần có nhau đến mức đã có một biệt lệ cho quy định chỉ có đàn ông. Tất nhiên đúng là người đàn ông này cần người đàn bà kia - cô ta lo tiền cho chứng nghiện heroin của gã bằng cách ngủ lang hết phòng này sang phòng khác cho đến khi ban quản lý nói đã quá đủ rồi và đuổi cô ta đi.

Đó là người mới đến. Gã đang nằm trên sàn, mặt xoay hướng khác, và Johnny nghe loáng thoáng một khúc nhạc điện tử và một giọng đều đều, máy móc từ tai nghe gã đang đeo. Anh chàng đang tập hít đất. Thời còn sung sức Johnny làm được một trăm cái, chỉ dùng một tay. Anh chàng này mạnh mẽ, dứt khoát là vậy rồi, nhưng gã ta đang vật lộn vì không có sức bền, chưa gì lưng đã oằn xuống. Trong chút ánh sáng lén vào giữa mấy tấm màn và chạm tường, anh thấy một bức hình mà chắc hẳn thanh niên đã dính lên. Một người đàn ông mặc đồng phục cảnh sát. Rồi anh thấy cái gì đó nữa, trên bậu cửa sổ. Một đôi hoa tai.

Trông đắt tiền; anh thắc mắc không biết gã này trộm ở đâu.

Nếu chúng đắt tiền như nhìn bề ngoài, ắt chúng giải quyết được rắc rối của Johnny. Nghe đồn ngày mai Coco sẽ dọn ra khỏi ký túc xá nên đám đàn em đang lo đi đòi cho hết mọi khoản nợ người ta thiếu hẳn. Vậy là Johnny chỉ còn vài giờ để gom góp tí tiền. Anh đã tính vào trộm một căn hộ ở Bislett vì nhiều người đang đi nghỉ mát. Bấm chuông cửa xem nhà nào không trả lời. Nhưng trước hết anh phải lên dây cót tinh thần. Còn cái này thì đơn giản hơn và an toàn hơn.

Anh tự hỏi liệu mình có thể lén khỏi giường chộp lấy đôi hoa tai mà không bị phát hiện được không, nhưng bỏ ý đó đi. Đủ sức hay hết sức, anh cũng có cơ bị nện cho một trận. Cái ý đó đúng là nực cười. Nhưng anh vẫn có thể làm cho người mới đến xao nhãng, bịa ra cớ để anh chàng ra khỏi phòng rồi ra tay. Bỗng Johnny nhận ra mình đang nhìn vào mắt gã thanh niên. Gã đã quay lại và đang tập động tác nằm và ngồi dậy. Gã mỉm cười.

Johnny ra dấu là có chuyện muốn nói nên gã thanh niên gỡ tai nghe ra.

Johnny nghe thấy lời bài hát "... giờ tôi đã sạch" trước khi miệng nói.

"Cậu đỡ tớ xuống nhà ăn được không, bồ? Chính cậu cũng phải ăn chút gì sau khi tập luyện như vậy. Cơ thể mà không đốt cháy mỡ hay carbohydrate, nó sẽ bắt đầu ăn dần qua cơ bắp, cậu biết đấy. Vậy là bao vất vả của cậu sẽ thành công cốc hết."

"Cảm ơn đã chỉ, Johnny. Tôi phải tắm cái đã, nhưng anh cứ chuẩn bị sẵn sàng đi." Gã thanh niên đứng lên. Đút đôi hoa tai vào túi rồi đi ra cửa về phía dãy vòi sen dùng chung.

Chết tiệt! Johnny nhắm mắt. Mình phải lên dây cót tinh thần thôi! Phải, mình phải làm thế. Hai phút. Anh đếm từng giây. Rồi anh ngồi dậy bên thành giường.

Gượng dậy. Đứng lên. Chụp quần dài nơi ghế. Anh đang mặc vào thì có tiếng gõ cửa. Chắc gã này quên chìa khóa. Johnny lết lại chỗ cửa, mở ra. "Tớ phải nói bao nhiêu lần..."

Một nắm tay đeo quả đấm sắt hạ ngay giữa trán Johnny Puma và thế là anh ngã ngửa ra sau.

Cửa mở toang rồi Coco cùng hai thằng đàn em bước vào. Mấy thằng chụp tay Johnny còn Coco động đầu vào anh nên phần sau đầu anh đánh bùm vào tầng giường trên. Khi ngẩng lên lại thì anh đang nhìn chăm chặp vào cặp mắt xấu xí đánh mascara đậm đen của Coco và cái mũi giày cao gót loang loáng.

"Tao là người bạn rợn, Johnny," Coco nói tiếng Na Uy bồi. "Mấy đứa kia có tiền, nhưng chúng vẫn chưa chịu trả. Mà không có tiền, tao biết điều đó, nên mày sẽ làm gương."

“G... ưong?”

“Tao là người biết điều, Johnny. Mà sẽ giữ lại một con mắt.”

“Nhưng... Làm ơn mà, Coco...”

“Đừng nhúc nhích nếu không khi tao moi ra con mắt sẽ hỏng mất. Tao sẽ cho bọn rác rưởi kia xem để chúng biết là mắt thật, OK?”

Johnny cất tiếng thét, nhưng một bàn tay liền đặt lên miệng ngăn anh lại.

“Bình tĩnh đi, Johnny. Trong mắt không có nhiều dây thần kinh đâu, ít đau, tao hứa.”

Johnny biết đáng lẽ nỗi sợ phải cho mình sức mạnh chống trả, nhưng có cảm giác như nó đã đứt queo đi rồi. Johnny Puma, kẻ từng nhắc ô tô, nhìn trân trân vào hai cái mũi giày đang tiến lại gần hơn.

“Bao nhiêu?”

Giọng nghe nhỏ nhẹ, gần như tiếng thì thầm. Chúng quay ra cửa. Không ai nghe thấy tiếng gã vào. Tóc gã ướt và gã chỉ mặc mỗi quần jean.

“Xéo!” Coco rít lên.

Gã thanh niên vẫn đứng yên. “Anh ta nợ bao nhiêu?”

“Ê! Mà muốn ném mùi dao tao hả?”

Người mới đến vẫn không nhúc nhích. Thằng đàn em đang bịt miệng Johnny buông tay ra bước tới chỗ gã.

“Hắn... hắn xoáy đôi hoa tai của tao rồi,” Johnny nói. “Thật đấy! Trong túi hắn. Tao định lấy nó để trả mà, Coco. Lục soát hắn đi rồi mà sẽ thấy! Làm ơn, làm ơn mà, Coco!” Johnny nghe giọng mình có tiếng nước nở, nhưng

anh không cần biết. Vả lại, xem ra Coco không nghe thấy, hẳn đang nhìn ngây chàng trai.

Có lẽ đang thích cái hẳn thấy, đồ lợn bệnh hoạn. Coco ra dấu xua thẳng đàn em đi và cười tùm tùm một mình.

“Thằng Johnny nói thật chứ, chàng đẹp trai?”

“Mày cứ thử tìm hiểu xem,” gã thanh niên nói. “Nhưng tao mà là mày, tao sẽ nói anh ta nợ mày bao nhiêu rồi thì sẽ đỡ lôi thôi. Và đỡ hỗn độn.”

“Mười hai ngàn,” Coco nói. “Tại sao...”

Hắn ngừng sững lại khi thanh niên rút tay vào túi, lấy ra một xấp tiền và bắt đầu đếm thành tiếng từ từ trên cùng. Khi đến mười hai, gã đưa cho Coco rồi bỏ chỗ còn lại vào túi.

Coco ngật ngừng. Như thế phải có gì đó không ổn với chỗ tiền. Rồi hẳn cười. Toét miệng khoe mấy cái răng vàng hẳn gắn vào để thay mấy cái răng trắng còn tốt hoàn toàn.

“Chết mất. Chết mất.”

Rồi hẳn đếm lại xấp tiền. Nhìn lên.

“VẬY ta xong rồi chứ?” Gã thanh niên hỏi, và không phải với bộ mặt lạnh như tiền của tay buôn ma túy trẻ đã xem quá nhiều phim ảnh. Trái lại, gã ta mỉm cười. Như anh phục vụ bàn quen mỉm cười với Johnny thời anh còn ăn tối trong các nhà hàng tử tế và họ thường hỏi bữa ăn ổn cả không.

“Ta ổn rồi,” Coco cười toét.

Johnny nằm xuống giường nhắm mắt lại. Anh nghe Coco cười hồi lâu sau khi hẳn cùng bọn đàn em đóng cửa lại rồi biến mất cuối hành lang.

“Đừng lo chuyện đó,” gã thanh niên nói. Johnny nghe thấy dù cố ngăn giọng gã ta lại bên ngoài. “Tớ mà là cậu thì cũng đã làm vậy thôi.”

Nhưng cậu không phải tôi, Johnny nghĩ và cảm thấy nước mắt vẫn còn đấy, đầu đó giữa cổ họng và lồng ngực. Cậu chưa từng là Johnny Puma. Vậy nên đừng làm thế.

“Sao ta không xuống nhà ăn đi, Johnny?”

Ánh sáng chói từ màn hình máy tính là nguồn sáng duy nhất trong phòng làm việc. Mọi tiếng động đều từ ngoài cánh cửa Simon khép hờ. Đó là tiếng radio vụn nhỏ trong bếp dưới lầu và tiếng Else loay hoay việc nhà. Cô xuất thân là dân ở nông trại; bao giờ cũng có gì đó để dọn dẹp, giặt giũ, sắp đặt, xê dịch, trồng tía, khâu vá, nấu nướng. Công việc thì không bao giờ dứt. Bất kể hôm nay ta làm bao nhiêu, ngày mai vẫn lại là cả một ngày đầy việc. Nó nghĩa là làm đều đều và không hối hả để rồi lại gầy lưng. Đó là tiếng ngâm nga dịu dàng của người tìm thấy niềm vui và mục đích trong những việc lặt vặt, tiếng mạch đập đều và sự mãn nguyện. Trong một chừng mực nào đó thì ông ghen tị với cô.

Nhưng ông còn nghe ngóng những âm thanh khác; tiếng bước chân chệch choạng hay đồ đạc rơi xuống sàn. Nếu nó xảy ra, ông sẽ chờ. Chờ nghe xem cô đã làm chủ được tình hình chưa. Và nếu ông nghe thấy là cô ổn rồi, sau đó ông sẽ không hỏi, mà để cô tưởng là ông không nhận thấy.

Ông đã đăng nhập vào mạng nội bộ của Đội Điều tra Án mạng và đọc báo cáo về Per Vollan. Kari viết khá nhiều, cô là người cần mẫn. Vậy nhưng khi ông đọc, có vẻ thiếu điều gì đó. Ngay cả một báo cáo cảnh sát quan liêu, theo thủ tục nhất cũng không giấu được niềm đam mê của một điều tra viên nhiệt tình. Các báo cáo của Kari đúng là mẫu mực, cho thấy một báo cáo cảnh sát cần phải có giọng điệu thế nào: khách quan và căn cứ theo sự thật. Không có những khẳng định thiên vị hay định kiến nhân danh tác giả. Thiếu sức sống và lạnh lùng. Ông đọc lời khai nhân chứng xem có xuất

hiện cái tên nào thú vị trong số những người Vollan đã tiếp xúc. Không có gì. Ông đăm đăm nhìn tường. Nghĩ về hai từ. Nestor. Gác lại. Rồi ông vào Google tìm Agnete Iversen.

Các tí về vụ án mạng hiện ra.

“Nhà đầu tư bất động sản có tiếng bị sát hại tàn nhẫn.”

“Bị bắn và cướp lại nhà riêng.”

Ông nhấp vào một tí. Người ta dẫn lời thanh tra Asmund Bjornstad tại cuộc họp báo của Kripos ở Bryn. “Đội điều tra Kripos đã phát hiện rằng dù tìm thấy Agnete Iversen trong bếp, có lẽ bà bị bắn ở ngưỡng cửa.” Rồi xuống nữa. “Vài chứng cứ gợi ý cho thấy đây là một vụ cướp, nhưng tạm thời lúc này chúng ta không thể loại trừ các động cơ khác.”

Simon rê xuống vài bài báo cũ hơn. Chúng gần như chỉ từ các thời báo tài chính. Agnete Iversen bà con gái của một trong những chủ địa ốc lớn nhất Oslo, bà có bằng MBA kinh tế học của Wharton ở Philadelphia và lúc còn khá trẻ đã phụ trách quản lý danh mục đầu tư bất động sản của gia đình. Tuy nhiên, sau khi lập gia đình với Iver Iversen, một chuyên gia kinh tế đồng nghiệp, bà từ chức. Một nhà báo tài chính mô tả bà là nhà quản trị, người theo xu hướng hoàn hảo, người đã quản lý danh mục đầu tư một cách hiệu quả và có lợi. Trái lại, chồng bà theo đuổi một chiến lược hiếu chiến hơn, thường xuyên mua bán, điều này bao hàm rủi ro lớn hơn, nhưng cũng thu lợi nhiều hơn. Một bài báo khác, cách đây hai năm, có hình con trai họ, cậu Iver con, dưới cái tí “NHÀ THỪA

KẾ TỈ PHÚ SỐNG CUỘC SỐNG THƯỢNG LƯU Ở IBIZA”. Rám nắng, vui đùa, nhoẻn cười rạng rỡ và mắt lóe đỏ ánh đèn camera, mồ hôi nhễ nhại sau khi nhảy với chai sâm banh bên một tay và một cô tóc vàng cũng mồ hôi ướt đẫm trong tay kia. Ba năm trước, trên một trang trong mục tài chính ông Iver đã bắt tay với giám đốc tài chính của Hội đồng thành phố Oslo khi

công bố Công ty Bất động sản Iversen chỉ một tỉ krone để mua lại bất động sản của hội đồng.

Simon nghe cửa phòng đẩy mở. Một tách trà nghi ngút đặt trước mặt ông.

“Anh không cần thêm chút ánh sáng trong đây sao?” Else nói, để hai tay lên vai ông. Để xoa bóp cho ông. Hay để tựa cho vững.

“Anh vẫn đang chờ kỳ tiếp theo,” Simon nói.

“Kỳ tiếp theo của cái gì?”

“Điều bác sĩ nói.”

“Nhưng em gọi báo anh biết rồi mà - anh ngày một lú lẫn rồi hay sao, anh yêu?” Cô cười khúc khích và ghì môi lên đầu ông. Môi cô mềm trên da đầu ông.

Ông nghĩ có lẽ cô yêu ông.

“Em nói ông ta không thể làm gì nhiều,” Simon đáp.

“Nhưng mà?”

“Nhưng gì?”

“Anh hiểu em mà, Else. Đó không phải là tất cả những gì ông ta nói.”

Cô dứt ra, chỉ để lại một bàn tay trên vai ông. Ông chờ.

“Ông ta nói ở Mỹ có một loại phẫu thuật mới. Nó giúp những người đi sau em.”

“Đi sau ư?”

“Khi nào phẫu thuật và thiết bị đã thành quy trình chuẩn. Nhưng chuyện đó có thể mất hàng năm. Ngay lúc này thì đó là một phẫu thuật phức tạp tốn cả gia tài.”

Simon xoay người trong ghế xoay nhanh đến mức cô phải lùi lại một bước.

Ông nắm chặt hai bàn tay cô. “Nhưng đó là tin tuyệt vời mà! Bao nhiêu?”

“Quá khả năng mà một người đàn bà sống nhờ phúc lợi tàn tật và một người đàn ông sống bằng đồng lương cảnh sát lo được.”

“Nghe này, Else. Ta không có con cái. Ta sở hữu căn nhà, ta không chi tiêu cho thứ gì nữa cả. Ta đạm bạc...”

“Thôi đi, Simon. Anh thừa biết ta không có tiền bạc gì. Còn căn nhà thì đã thế chấp toàn bộ rồi.”

Simon nuốt khan. Cô đã không gọi đích danh chuyện đó món nợ cờ bạc của ông. Như mọi khi cô đã quá ý nhị không nhắc ông rằng họ vẫn đang trả cho tội lỗi của ông trong quá khứ. Ông nắm chặt hai bàn tay cô.

“Anh sẽ nghĩ ra cách gì đó. Bạn bè sẽ cho mình mượn tiền. Cứ tin ở anh.

Bao nhiêu?”

“Anh từng có bạn bè, Simon. Nhưng dạo này anh không hề nói chuyện với họ. Em cứ nhắc anh mãi, các anh cần giữ liên lạc nếu không sẽ xa dần.”

Simon thở dài. Ông nhún vai. “Anh có em rồi.”

Cô lắc đầu. “Em không đủ, Simon.”

“Không, đủ, em là đủ rồi.”

“Em không muốn là đủ.” Cô cúi xuống hôn lên trán ông. “Em mệt, em đi nằm đây.”

“OK, nhưng nó tốn bao nhiêu... ?”

Cô đi rồi.

Simon nhìn theo cô. Rồi ông tắt máy tính và lấy điện thoại ra. Rê dọc danh bạ. Bạn bè cũ. Kẻ thù xưa. Một số có ích, hầu hết thì không. Ông bấm số của một kẻ thuộc loại sau. Kẻ thù. Nhưng có ích.

Fredrik Ansgar ngạc nhiên khi nghe từ ông như Simon đã biết trước, nhưng giả vờ vui vẻ và đồng ý gặp; hẳn thậm chí còn không vờ bận rộn. Gọi xong, Simon ngồi trong bóng tối, nhìn chăm chăm điện thoại. Nghĩ về giấc mơ của mình. Thị lực của ông. Ông sẵn sàng nhường đôi mắt cho cô. Rồi ông nhận ra cái mình đang nhìn trên điện thoại. Đó là hình dấu giày trong luống hoa hồng.

“Đồ ăn ngon đấy,” Johnny nói, mau miệng. “Cậu không định ăn gì à?”

Người thanh niên mỉm cười lắc đầu.

Johnny nhìn quanh. Nhà ăn là phòng có bếp ăn thông, quầy phục vụ, một khu vực tự chọn và các bàn đều đã có người. Nhà ăn thường đóng cửa sau giờ ăn trưa, nhưng từ khi Hội quán, quán cà phê của Bymisjonen dành cho dân nghiện ma túy ở Skippergata, được sửa sang lại, họ đã tăng giờ mở cửa nên không phải ai ở đây cũng là người của trung tâm. Nhưng hầu hết đều đã trọ ở đây lúc này hay lúc khác, nên Johnny nhận ra mọi gương mặt.

Anh nhấp một ngụm cà phê nữa và nhìn mấy tên nghiện cau có. Chuyện đó là bình thường, thường trực hoang tưởng và rình rập, đầu kêu o o; chỗ này giống như một vũng nước trên hoang mạc mà thiên hạ thay phiên nhau là con mồi và kẻ rình mồi. Trừ chàng trai. Anh ta trông thư thái. Cho đến lúc này.

Johnny theo cái nhìn của anh ta về phía sau bếp nơi Martha vừa từ phòng nhân viên xuất hiện. Cô đã mặc áo khoác và rõ ràng đang chuẩn bị về. Thế rồi Johnny thấy đồng tử người thanh niên mở lớn. Tìm hiểu đồng tử người khác là chuyện một tên nghiện làm gần như tự động. Bọn họ có dùng không? Bọn họ có đang phê không? Bọn họ có nguy hiểm không? Cũng cùng cách đó, anh thường quan sát xem bàn tay thiên hạ làm gì. Bàn tay có thể trộm đồ của ta hay với lấy con dao. Hay trong những tình huống báo động, theo một cách bản năng, che chắn và bảo vệ nơi họ cất giấu ma túy hay tiền. Còn ngay lúc này, bàn tay người thanh niên đút túi quần. Bên túi quần anh ta đã đút đôi hoa tai vào. Johnny đâu có ngu. Hay, phải, anh ngu, nhưng không phải mọi mặt. Martha bước vào, đồng tử người thanh niên dẫn ra. Đôi hoa tai. Ghế quẹt trên sàn nhà khi anh chàng đứng lên, ánh nhìn hăm hở chăm chú vào cô.

Johnny hăng giọng. “Stig...”

Nhưng đã quá muộn, anh chàng đã xoay lưng lại Johnny và cất bước về phía cô.

Cùng lúc ấy cửa trước mở rồi một người đàn ông bước vào và tức thì nổi bật.

Áo khoác da đen ngắn, tóc đen cắt sát. Vai rộng và vẻ mặt cương quyết. Bằng một động tác nóng nảy anh ta xô một người trợ đang chặn đường, đứng bất động trong tư thế khom khom của dân nghiện. Anh ta ra dấu với Martha và cô vẫy tay lại. Và giờ thì Johnny thấy người thanh niên đã nhận ra. Cách chàng ta dừng lại như thể mất trớn, trong khi Martha tiếp tục đi ra cửa. Anh ta thấy người kia đút tay vào túi áo khoác da và chìa cùi chỏ ra, để cô chuôi bàn tay vào dưới cánh tay. Cô làm theo. Đó là sự thành thực của hai người bên nhau đã lâu rồi.

Rồi họ mất hút bên ngoài trong buổi chiều gió và bỗng đâu se lạnh.

Gã thanh niên đứng giữa nhà, sững sờ, như thể cần có thời gian để hiểu ra thông tin này. Johnny thấy mọi cái đầu trong phòng đều xoay lại đánh giá chàng trai. Anh biết họ đang nghĩ gì.

Con mồi.

Johnny thức giấc vì có tiếng khóc.

Và, trong thoáng chốc, anh nghĩ đến ma. Đứa bé. Nó đây.

Nhưng rồi anh nhận ra tiếng đó phát ra từ tầng giường trên. Anh trở mình.

Giường đâm lắc lư. Tiếng khóc thành thốn thức.

Johnny trở dậy đứng trước giường. Anh để tay lên vai chàng trai đang run như chiếc lá. Johnny bật đèn dọc trên tường bên trên anh ta. Thứ đầu tiên anh thấy là hàm răng cắn chặt gối.

“Đau lắm à?” Johnny nói như một phát biểu hơn là câu hỏi.

Một gương mặt tái xanh, mướt mồ hôi với đôi mắt trũng sâu nhìn lại anh.

“Heroin?” Johnny hỏi.

Gương mặt gật.

“Cậu có muốn tớ xem thử có kiểm được chút nào cho cậu không?”

Lắc đầu.

“Cậu biết là nếu đang cố bỏ thì cậu nhằm chỗ rồi, đúng không?” Johnny nói.

Gật.

“Vậy tớ làm được gì cho cậu không?”

Người thanh niên thè cái lưỡi trắng toát thắm ướt môi. Anh ta thều thào gì đó.

“Hả.” Johnny nói, cúi người tới. Anh ngửi thấy hơi thở nặng mùi, hôi thối của anh ta. Anh chỉ đoán được câu nói. Anh thẳng người lên và gật.

“Tùy cậu thôi.”

Johnny quay lại giường, nhìn lên mặt dưới tấm nệm bên trên. Nó được bọc ni lông để khỏi thấm các chất lỏng từ thân thể người trọ. Anh lắng nghe tiếng động không dứt trong trung tâm, tiếng của kẻ liên tục bị săn đuổi; tiếng chân chạy trong hành lang, tiếng chửi thề, nhạc thậm thịch, tiếng cười, tiếng gõ cửa, tiếng gào thét tuyệt vọng và mua bán thấp thỏm diễn ra ngay ngoài cửa phòng họ.

Nhưng không tiếng nào dập tắt được tiếng thốn thức khe khẽ và cậu thanh niên đã thều thào:

“Ngăn tôi lại nếu tôi cố ra ngoài.”

19

“VẬY là giờ anh ở bên đội điều tra án mạng,” Fredrik nói, mỉm cười sau cặp kính râm. Huy hiệu nhà thiết kế bên gọng nhỏ đến mức phải có cặp mắt điều hâu như của Simon mới nhìn ra, nhưng phải là người có hiểu biết về nhãn hiệu sâu rộng hơn Simon mới biết nó độc quyền thế nào. Dẫu vậy Simon cho là cặp kính râm hẳn phải đắt tiền, hài hòa với sơ mi, cà vạt, móng tay được cắt tỉa và kiểu tóc của Fredrik. Nhưng thật ra thì, com lê xám nhạt đi với giày nâu sao?

Hay thời nay như vậy được xem là thời trang.

“Phải,” Simon nói và nheo mắt. Ông ngồi xoay lưng lại hướng gió và mặt trời, nhưng mấy tia nắng hắt lại từ cửa kính tòa nhà mới xây bên kia kênh. Họ gặp nhau theo yêu cầu của Simon, nhưng chính Fredrik là người đề nghị nhà hàng Nhật ở Tjuvholmen; Tjuvholmen nghĩa là “đảo của bọn trộm” nên Simon băn khoăn liệu nó có hợp với hết thảy những công ty đầu tư tọa lạc ở đó không, kể cả công ty của Fredrik. “Còn anh thì đang đầu tư tiền của những người giàu đến mức bất cần biết nó thế nào nữa?”

Fredrik cười. “Đại loại là vậy.”

Phục vụ bàn đã đặt trước mặt mỗi người một đĩa nhỏ đựng thứ gì trông như con sứa bé xíu. Simon nghĩ là con sứa bé xíu thật. Có lẽ đó là món ăn hằng ngày ở Tjuvholmen; sushi đã thành pizza của tầng lớp trung thượng lưu.

“Có bao giờ anh thấy nhớ Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng không?”

Simon nói, nhấp ngụm nước trong ly. Người ta bảo đó là nước lạnh từ Voss được gửi đi Mỹ rồi nhập khẩu trở lại Na Uy, bị tước sạch các khoáng chất cơ bản mà cơ thể cần và là thứ ta được uống miễn phí từ vòi, sạch sẽ thơm ngon, tại Na Uy. Sáu mươi krone một chai. Simon đã thôi không còn cố hiểu động lực thị trường, các nét tâm lý của nó, và sự tranh giành quyền

lực. Nhưng Fredrik thì không. Hẳn hiểu. Hẳn chịu chơi. Simon nghĩ là xưa giờ hẳn vẫn vậy. Hẳn có nhiều điểm giống Kari; học thức quá cao, quá nhiều tham vọng, và biết quá rõ giá trị bản thân nên nghề cảnh sát không thể nào giữ chân hẳn được.

“Tôi nhớ đồng nghiệp và sự sôi động,” Fredrik nói. “Những nhịp độ chậm chạp và thói quan liêu thì không. Có lẽ anh bỏ cũng vì lý do đó?”

Hẳn nâng ly lên miệng nhanh quá nên Simon không đọc được vẻ mặt hẳn để xác định xem hẳn thật tình không biết hay chỉ giả vờ. Suy cho cùng, Fredrik thông báo về việc ra đi để tới cái mà nhiều người xem là phe xấu được ít lâu, vụ rửa tiền mới bắt đầu rình rang. Fredrik thậm chí còn là một trong những người theo vụ này từ đầu. Nhưng có lẽ hẳn đã không còn liên lạc gì với cảnh sát.

“Đại loại như vậy” , Simon lầm bầm.

“Án mạng thì hợp tạng anh hơn,” Fredrik nói và giả vờ kín đáo liếc nhìn đồng hồ.

“Nhân nói về tạng tôi,” Simon nói, “tôi muốn gặp vì tôi cần mượn một khoản tiền. Cho vợ tôi, cô ấy cần được phẫu thuật mắt. Else - anh còn nhớ cô ấy không?”

Fredrik nhai con sứa và tạo ra một tiếng có thể nghĩa là có mà cũng có thể là không.

Simon chờ cho hẳn nhai xong.

“Tôi thật tiếc, Simon, chúng tôi chỉ đầu tư tiền của khách hàng vào những công ty hàng đầu hay trứng khoán, chúng tôi chưa bao giờ cho thị trường tư nhân vay tiền.”

“Tôi biết điều đó, nhưng tôi hỏi anh vì tôi không thể theo lối thường.”

Fredrik cẩn thận chấm khước miệng rồi để khăn ăn lên đĩa. “Tôi rất tiếc vì không giúp anh được. Phẫu thuật mắt sao? Nghe trầm trọng đấy.”

Phục vụ bàn tối, dọn đĩa của Fredrik, thấy đĩa Simon vẫn còn nguyên nên nhìn ông dò hỏi. Simon ra dấu cho anh ta dọn đi.

“Anh không thích sao?” Fredrik nói rồi yêu cầu hóa đơn bằng vài từ có lẽ là tiếng Nhật.

“Tôi cũng không biết, nhưng hễ động đến loài nhuyễn thể là tôi hay nghi ngờ. Chúng dễ tuột quá, nếu anh hiểu tôi muốn nói gì. Tôi không thích phí phạm, nhưng riêng con đó thì trông như vẫn còn sống, nên tôi hy vọng nó còn một cơ hội nữa trong hồ cá.”

Fredrik cười hồ hởi quá mức với câu đùa của ông; nhẹ nhõm vì có vẻ như phần hai cuộc trò chuyện đã xong. Hắn chộp ngay tờ hóa đơn vừa đem đến.

“Để tôi...” Simon mở miệng nhưng Fredrik đã đút thẻ tín dụng vào đầu đọc thẻ mà phục vụ bàn đem đến rồi bấm phím.

“Gặp lại anh tôi rất vui nhưng tôi tiếc là không giúp anh được,” Fredrik nói khi phục vụ bàn đã đi khuất và Simon cảm thấy được sức ép dồn lên ghế Fredrik ngồi đã nhẹ hẫng đi.

“Anh đọc về vụ sát hại Iversen hôm qua chưa?”

“Ôi trời, có, tôi đọc rồi.” Fredrik lắc đầu, tháo kính râm ra dụi dụi mắt. “Iver Iversen là khách hàng của chúng tôi. Một thảm kịch.”

“Hắn ta đã là khách hàng của anh khi anh còn làm cho Phòng Điều tra, tôi tin là vậy.”

“Xin lỗi tôi nghe chưa rõ?”

“Ý tôi muốn nói là một nghi phạm. Thật vô cùng tiếc khi người có khả năng chuyên môn như anh mà lại nghỉ việc. Có người như anh trong đội thì chúng tôi đã đưa vụ đó ra tòa được rồi. Ngành bất động sản cần một cuộc đại tu; ta vẫn thường đồng tình về chuyện đó, anh không nhớ sao, Fredrik?”

Fredrik đeo kính râm vào lại. “Anh luôn đánh những khoản cược cao, Simon.”

Simon gật. Vậy là Fredrik đã biết vì sao bỗng dưng Simon đổi ban.

“Nhân nói chuyện đánh bạc,” Simon nói. “Tôi chỉ là một gã cớm ngu dốt với một bằng tài chính, nhưng mỗi khi đọc tài khoản của Iversen, tôi vẫn tự hỏi làm sao công ty đó cứ xoay sở ăn nên làm ra được. Luôn vô phương hướng trong mua bán bất động sản; hầu như lúc nào cũng thua lỗ những khoản đáng kể.”

“Phải, nhưng nó luôn giỏi quản lý bất động sản.”

“Thật phước cho mấy khoản lỗ ta có thể kết chuyển. Nhờ đó mà hầu như Iversen không phải trả khoản thuế nào cho lãi kinh doanh trong mấy năm gần đây.”

“Lạy Chúa, nghe như anh về lại Phòng Điều tra rồi.”

“Mật mã của tôi vẫn cho tôi quyền truy cập các hồ sơ cũ. Cả đêm qua tôi thức đọc trong máy tính riêng.”

“Thế sao? Nhưng đâu có gì phi pháp trong chuyện đó, đó là quy định thuế.”

“Phải,” Simon nói, tay chống cằm nhìn lên bầu trời xanh. “Anh cũng nên biết; suy cho cùng, anh đã đầu tư cho Iversen. Có lẽ Agnete Iversen bị một nhân viên thu thuế cáo tiết sát hại.”

“Sao?”

Simon cười rồi đứng lên. “Đừng để một ông già như tôi làm anh phải hoảng.

Cảm ơn bữa ăn trưa.”

“Simon?”

“Sao.”

“Tôi không muốn làm anh trông đợi nhiều, nhưng tôi sẽ hỏi quanh về khoản vay cho anh.”

“Tôi cảm kích điều đó,” Simon nói rồi cài kín cúc áo khoác. “Tạm biệt.”

Ông không cần quay lại; ông biết Fredrik đang dăm chiêu nhìn theo khi ông bỏ đi.

Lars Gilberg bỏ xuống tờ báo nhật trong thùng rác bên ngoài 7-Eleven để làm gối kê đầu đêm nay. Gã thấy hết trang này đến trang khác viết về vụ án mạng người đàn bà giàu có ở khu Tây Oslo. Nếu nạn nhân là một đứa nghèo khó chết vì dùng quá liều pha tạp dưới bến sông hay ở Skippergata, chắc chắn gã chỉ đọc dăm ba dòng. Một tay có máu mặt ở Kripos, gã đàn ông tên Bjornstad, thông báo rằng sẽ triển khai mọi nguồn lực có được cho cuộc điều tra. Ồ, vậy sao? Sao trước hết không tóm bọn giết người hàng loạt trộn thạch tén với thuốc chuột, ma túy xong đem bán? Gilberg ló ra khỏi vùng đất bóng tối của mình. Dáng người tiến lại mặc áo trùm đầu và trông như một trong những tay chạy bộ vẫn thường chạy lối ven sông. Nhưng hẳn ta nhận ra Gilberg, chậm lại, nên Lars Gilberg nghĩ hẳn là cóm hoặc một thằng công tử đi kiểm speed. Mãi đến khi hẳn ở dưới cầu và lật mũ trùm ra sau Gilberg mới nhận ra cậu thanh niên. Cậu ta dăm đĩa mồ hôi và hệt cả hơi.

Gilberg bỏ tấm trải đứng lên, háo hức, gần như vui sướng. “Chào, chàng trai.

Tôi đã để mắt xem chừng đồ cho cậu, cậu biết đấy, nó vẫn còn ở đó.” Gã hất hàm về phía bụi rậm.

“Cảm ơn ông,” cậu thanh niên nói, ngồi xổm xuống kiểm tra mạch đập.

“Nhưng tôi đang băn khoăn không biết ông có thể giúp tôi lần nữa không.”

“Tất nhiên. Gì cũng được.”

“Cảm ơn. Bọn buôn ma túy nào bán ‘siêu nhóc’?”

Lars Gilberg nhắm mắt. Khi thật. “Đừng làm vậy, chàng trai. Đừng ‘siêu nhóc’.”

“Sao không?”

“Vì tôi có thể kể tên ba người bị thứ khốn kiếp đó quật chết nội trong hè này thôi.”

“Đứa nào bán hàng tinh khiết nhất?”

“Tôi chẳng biết thế nào là tinh khiết cả. Đó không phải món của tôi. Nhưng đứa bán thì dễ thôi, trong thành phố này chỉ có một điểm bán siêu nhóc thôi. Tụi bán luôn đi thành cặp. Một đứa giữ ma túy còn đứa kia thu tiền. Chúng lảng vảng dưới Nybrua ấy.”

“Chúng trông ra sao?”

“Mỗi lúc mỗi khác, nhưng thường thì thằng thu tiền là gã người bè bè, mặt rỗ, để tóc ngắn. Hắn là sếp, nhưng hắn thích ra đường để tự trông coi tiền bạc.

Hắn là thằng khốn đa nghi, không tin tưởng mấy tên của mình.”

“Bè bè và mặt rỗ ư?”

“Phải, dễ nhận ra hẳn nhờ mí mắt. Nó như sụp xuống khiến hẳn trông ngái ngủ. Cậu hiểu ý tôi rồi chứ?”

“Ông muốn nói Kalle sao?”

“Cậu biết hẳn hả?”

Cậu thanh niên thông thả gật.

“Vậy thì cậu biết mí mắt hẳn bị gì chứ?”

“Giờ hẳn mở cửa, ông biết không?” cậu thanh niên hỏi.

“Chúng ở đó từ bốn giờ đến chín giờ. Tôi biết chuyện này vì những khách hàng đầu tiên bắt đầu xếp hàng từ trước đó nửa giờ. Và những người cuối cùng đua nhau tới, ngay trước chín giờ, như chuột chạy tới ống cống, sợ không còn được gặp hẳn.”

“Cậu thanh niên kéo mũ lên lại. “Cảm ơn, ông bạn.”

“Lars. Tên tôi là Lars.”

“Cảm ơn, Lars. Ông có cần gì không? Tiền?”

Bao giờ mà Lars chẳng cần tiền. Gã lắc đầu. “Cậu tên gì?”

Cậu thanh niên nhún vai. Cái nhún vai kiểu “ông muốn gọi tôi tên gì cũng được”. Rồi cậu ta chạy bộ tiếp.

Martha đang ngồi ở khu vực tiếp tân thì anh lên cầu thang rồi cứ thế đi ngang trước mặt cô.

“Stig!” Cô gọi.

Phải một lúc lâu anh mới dừng lại. Có thể do các phản xạ của anh nói chung đã suy yếu. Hay vì tên anh không phải là Stig. Anh đang vã mồ hôi

đầm ãi;

trông như vừa mới chạy. Cô hy vọng không phải là chạy trốn rắc rối.

“Tôi có cái này cho anh,” cô nói. “Chờ ãi!”

Cô cầm cái hộp lên, bảo Maria ít phút nữa cô quay lại rồi vội theo anh. Cô ãura tay chạm nhẹ cùi chỏ anh. “Đi nào, ta sẽ lên phòng anh với Johnny.”

Khi bước vào phòng, một cảnh tượng bất ngờ chào ãón họ. Màn ãã kéo ra nên căn phòng tràn ngập ánh sáng, không thấy Johnny ãâu còn không khí thì tươi mát vì một cửa sổ ãã mở - trong chừng mực cái khóa cửa cho phép. Hội ãồng ãã bảo họ gắn khóa cửa vào hết các phòng sau vài sự cố người ãi bộ trên vỉa hè bên ãười suýt trúng những vật to nặng thường xuyên ãược ném xuống từ mấy cửa sổ của trung tâm; radio, loa, stereo và ãôi khi là TV. Người trong trung tâm ãã ném rất nhiều món ãồ ãiện tử, nhưng chính chất hữu cơ mới là cái ãẫn ãến lệnh này. Do chứng sợ tiếp xúc lan rộng giữa những người trọ, họ thường e ngại ãùng nhà vệ sinh công cộng. Vì vậy vài người ãược phép giữ xô trong phòng và nó sẽ ãược ãều ãặn ãem ãổ - ãù ãáng buồn là ãôi khi không ãược ãều ãặn. Một người không ãem ãổ ãều ãặn ãã ãặt xô trên bậu cửa sổ ãể mở nhằm xua ãi những mùi khùng khiếp nhất. Một ngày, một nhân viên mở cửa bước vào phòng và gió lùa thổi bay cái xô. Chuyện ãó là trong thời gian sửa chữa cái tiệm bánh ngọt mới và như số phận an bài, một thợ sơn ãang ãứng trên thang ngay ãưới cửa sổ. Thợ sơn thoát ãược, không bị thương tật vĩnh viễn, nhưng Martha -

người có mặt tại hiện trường ãầu tiên ãể ãến giúp người ãàn ông bàng hoàng -

biết rằng sự cố ãã ãắn sâu trong tâm trí anh ta.

“Ngồi xuống ãi,” cô nói, chỉ cái ghế. “Rồi cởi giầy ra.”

Anh làm theo lời. Cô mở hộp.

“Tôi không muốn mấy người kia thấy,” cô nói rồi lấy ra một đôi giày da đen mềm. “Đây là giày của bố tôi,” cô nói, đưa cho anh. “Hai người mang đều cùng một cỡ.”

Anh trông ngạc nhiên đến mức cô thấy mình đỏ mặt.

“Chúng tôi không thể để anh mang giày thể thao đi phỏng vấn xin việc được,” cô hấp tấp nói thêm.

Cô nhìn quanh phòng khi anh mang giày vào. Cô không chắc, nhưng nghĩ mình ngửi thấy mùi bột giặt. Theo như cô biết thì hôm nay mấy người làm vệ sinh không đến. Cô bước lại tấm hình chụp có đinh ghim vào tường.

“Ai vậy?”

“Bố tôi,” anh nói.

“Thật hả? Sĩ quan cảnh sát ư?”

“Phải. Nhìn này.”

Cô quay qua anh. Anh đã đứng lên rồi thì hết bàn chân phải đến chân trái xuống sàn.

“Sao?”

“Giày vừa như in,” anh mỉm cười. “Cảm ơn cô nhiều, Martha.”

Cô giặt mình khi anh gọi tên cô. Không phải cô không quen nghe vậy, người trợ luôn gọi tên. Tuy nhiên, họ, địa chỉ nhà và tên các thành viên gia đình được bảo mật; suy cho cùng, nhân viên chứng kiến việc buôn bán ma túy hằng ngày.

Nhưng có gì nơi cách anh nói. Như một cái chạm. Cẩn thận và hồn nhiên, nhưng cũng hữu hình. Cô nhận ra đứng một mình với anh trong phòng là

không phù hợp; ban đầu cô tưởng Johnny cũng có ở đây. Cô tự hỏi anh ta ở đâu được;

Johnny chỉ ra khỏi giường vì ma túy, nhà vệ sinh hay cái ăn. Theo thứ tự đó.

Vậy nhưng cô vẫn đứng đấy.

“Anh tìm loại công việc gì?” Cô hỏi. Cô biết mình nghe hơi hụt hơi.

“Cái gì đó trong hệ thống tư pháp,” anh nói nghiêm trang. Có gì đó rất dễ thương nơi sự sốt sắng này. Gần như cụ non.

“Có hơi giống cha anh?”

“Không, cảnh sát làm cho bên hành pháp. Tôi muốn làm cho ngành tư pháp.”

Cô mỉm cười. Anh khác biệt quá. Có lẽ đó là lý do cô vẫn nghĩ về anh, bởi anh chẳng giống gì với mấy người nghiện kia. Anh cũng thật khác với Anders.

Trong khi Anders luôn cứng rắn kiểm soát, chàng thanh niên này lại có vẻ cởi mở và nhạy cảm. Anders đa nghi và bài bác những người anh còn chưa rõ và có lẽ đã đóng dấu phê duyệt nếu tiếp xúc kỹ hơn, còn Stig lại có vẻ thân tình, hiền lành, gần như khờ khạo.

“Giờ tôi phải đi đây,” cô nói.

“Vâng,” anh nói, dựa tường. Anh đã kéo dây khóa áo trùm đầu xuống. Áo sơ mi bên dưới dẫm mồ hôi, dính vào người.

Anh đang định nói gì đó thì bộ đàm của cô kêu lách tách.

Cô đưa bộ đàm lên tai.

Cô có khách.

“Anh đang định nói gì?” cô hỏi khi đã xác nhận xong lời nhắn.

“Để sau cũng được,” chàng thanh niên nói và mỉm cười.

Lại là ông sĩ quan cảnh sát lớn tuổi.

Ông đang chờ cô ở khu vực tiếp tân.

“Họ cho tôi vào,” ông nói ra điều xin lỗi.

Martha nhìn Maria quở trách, cô ta đưa hai bàn tay lên làm cử chỉ kiểu “gì mà ghê gớm vậy”.

“Cô có chỗ nào ta có thể... ?”

Martha dẫn ông vào phòng họp, nhưng không mời cà phê.

“Cô có biết đây là gì không?” ông hỏi, đưa điện thoại lên cho cô nhìn màn hình.

“Hình chụp ít đất?”

“Đó là dấu giày. Có lẽ với cô nó không có nghĩa gì mấy, nhưng tôi cứ băn khoăn không hiểu sao lại thấy dấu giày trông rất quen. Thế rồi tôi nhận ra đó là bởi tôi đã thấy nó tại rất nhiều nơi có thể là hiện trường vụ án. Cô biết đấy, những nơi ta sẽ thấy có xác người. Chủ yếu là những dấu trên tuyết tại một cảng container, trong một ô hút chích, gần một tên buôn ma túy, trong một boong ke Thế chiến II kiêm phòng tập bắn. Nói tóm lại...”

“Nói tóm lại, những chốn mà loại người sống đây thường lui tới.” Martha thở dài.

“Đúng. Cái chết thường là do tự gây ra, nhưng dù nguyên nhân là gì, dấu giày này vẫn cứ xuất hiện đi xuất hiện lại. Mấy đôi giày thể thao quân đội màu xanh dương đó đã thành loại giày thường thấy nhất dành cho dân nghiện ma túy và kẻ vô gia cư trên khắp Na Uy vì Cứu Thế quân và Bymisjonen đã phân phát.

Và do vậy nếu để làm chứng cứ thì chúng hoàn toàn vô dụng, có quá nhiều đôi như vậy trên chân những người có án tích.”

“Vậy ông đến đây vì việc gì, chánh thanh tra Kefas?”

“Người ta không sản xuất loại giày này nữa còn những đôi đang dùng thì cũ rồi. Nhưng nếu nhìn kỹ bức hình, cô sẽ thấy dấu giày có hình rõ ràng, nghĩa là đôi này còn mới. Tôi kiểm tra chỗ Cứu Thế quân thì họ cho biết đã gần kiện giày xanh cuối cùng đến chỗ cô vào tháng Ba năm nay. Nên câu hỏi của tôi chỉ là: từ mùa xuân đến giờ cô có phát đôi giày nào như vậy không? Cỡ 81/2.”

“Tất nhiên câu trả lời là có.”

“Ai...”

“Nhiều lắm.”

“Cỡ...”

“81/2 là cỡ giày thông thường nhất của đàn ông trong thế giới phương Tây

-

cũng như trong giới dùng ma túy. Tôi không thể, hay, sẵn sàng, cho ông biết gì hơn.” Martha bặm môi nhìn ông.

Lúc này sĩ quan cảnh sát thở dài. “Tôi tôn trọng cái nghĩa của cô với người trợ. Nhưng ở đây ta không nói về một gam speed, đây là điều tra án mạng.

Tôi tìm thấy dấu giày này ở nơi người đàn bà trên Holmenkollasen bị bắn chết hôm qua. Agnete Iversen.”

“Iversen?” Bỗng Martha lại cảm thấy hụt hơi. Kỳ lạ thật. Nhưng nghĩ lại thì bác sĩ trị liệu chẩn đoán “vô cảm” đã dặn cô đề phòng các dấu hiệu căng thẳng.

Chánh thanh tra Kefas hơi nghiêng đầu. “Phải, Iversen. Báo chí đưa tin rất nhiều về chuyện đó. Bị bắn ngay thềm nhà bà ta...”

“Vâng, vâng, tôi có xem vài tí báo. Nhưng tôi không bao giờ đọc những chuyện như vậy, trong công việc này chúng tôi đã có đủ buồn phiền rồi. Nếu mà ông hiểu ý tôi.”

“Tôi hiểu chứ. Tên bà ta là Agnete Iversen. Bốn mươi chín tuổi. Trước kia kinh doanh, giờ nội trợ. Có chồng và cậu con trai hai mươi tuổi. Chủ tịch Viện Phụ nữ địa phương. Một nhà tài trợ hào phóng cho Hiệp hội Du lịch Na Uy.

Nên có lẽ bà ta đủ tư cách làm trụ cột cộng đồng.”

Martha húng hắng. “Làm sao ông chắc chắn là dấu giày của hung thủ?”

“Chúng tôi không chắc được. Nhưng chúng tôi tìm thấy một phần dấu giày có máu nạn nhân trong phòng ngủ, và dấu giày đó có thể khớp với cái này.”

Martha lại ho húng hắng. Cô phải đi bác sĩ kiểm tra xem sao.

“Nhưng cứ cho là tôi nhớ tên tất cả những ai được phát giày thể thao cỡ 81/2, làm sao ông biết được đôi nào đã có mặt ở hiện trường?”

“Tôi không chắc là chúng tôi biết được, nhưng trông như thể hung thủ đã giẫm lên máu nạn nhân nên nó dính vào đế giày. Và nếu nó đông đặc lại thì sẽ còn vệt máu trong mấy cái khe.”

“Tôi hiểu rồi,” Martha nói.

Chánh thanh tra Kefas chờ.

Cô đứng lên. “Nhưng tôi e không giúp gì được ông rồi. Tất nhiên tôi có thể hỏi lại mấy nhân viên kia xem họ có nhớ một đôi cỡ 81/2 không.”

Viên cảnh sát vẫn ngồi yên như thể cho cô cơ hội đổi ý. Và cho ông biết gì đó. Rồi ông cũng đứng lên và đưa cô tấm danh thiếp.

“Cảm ơn cô, tôi rất cảm kích chuyện đó. Hãy gọi cho tôi, bất kể ngày đêm.”

Martha ngồi lại trong phòng họp sau khi chánh thanh tra Kefas đi rồi. Cô căn môi dưới.

Cô đã nói thật với ông. 81/2. Đó là cỡ giày thông thường nhất của đàn ông.

“Giờ đóng cửa,” Kalle thông báo. Lúc này đã chín giờ và mặt trời bắt đầu lặn sau mấy tòa nhà bên bờ sông. Hänn lấy mấy tờ một trăm krone cuối cùng cất vào đây tiền. Hänn nghe nói ở St Petersburg bọn buôn ma túy mang tiền mặt thường bị cướp đến mức mafia phải cho chúng đây tiền bằng thép hàn chắc quanh thắt lưng. Đây tiền có một khe mảnh để đút tiền vào và một mặt mã chỉ có gã ngồi ở văn phòng biết, nên bọn bán lẻ cũng không thể bị tra tấn mà tiết lộ cho kẻ cướp hay bị cám dỗ trộm tiền. Tên bán lẻ phải ngủ, ăn uống, đại tiện và làm tình mà vẫn kè kè cái đây tiền, nhưng dù là vậy Kalle cũng đã nghiêm túc tính đến khả năng này. Hänn đã chán ngấy cảnh đứng đó hết chiều này đến chiều khác.

“Làm ơn đi mà!” Đó là một trong mấy con chó cái nghiện ngập gầy rộc, chỉ toàn da bọc xương, da căng trên sọ kiêu tù nhân trại Holocaust.

“Để mai đi,” Kalle nói rồi cất bước bỏ đi.

“Tôi phải có một ít!”

“Bọn tao hết sạch rồi,” hắn nói láo rồi ra hiệu cho Pelvis, tên bán lẻ của hắn, cứ đi tiếp.

Cô ta bật khóc. Kalle chẳng thấy thương cảm, bọn này cần biết rằng tiệm đóng cửa lúc chín giờ và có mặt lúc chín giờ hai phút thì cũng chẳng được tích sự gì. Tất nhiên hắn có thể ở lại tới chín giờ mười, thậm chí mười lăm, để bán cho mấy đứa đến phút chót mới xoay xở gom được tí tiền. Nhưng rốt cuộc thì vấn đề vẫn là sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống, biết khi nào thì nên về nhà. Có mở cửa lâu hơn cũng không khiến lợi nhuận biên khá hơn được bởi lẽ chúng được độc quyền “siêu nhóc” ; mai chúng mở cửa cô ta ắt sẽ quay lại.

Cô ta chụp cánh tay hắn, nhưng Kalle hất ra. Cô ta loạng choạng ngã xuống cỏ rồi sụp quỳ.

“Ngày hôm nay khá đấy,” Pelvis nhận xét khi chúng bước thoăn thoắt trên lối đi. “Mày nghĩ bao nhiêu?”

“*Mày nghĩ sao?*” Kalle nạt lại. Ngay cả nhân số gói với giá thì cũng đã quá sức thăng đàn này. Đạo này ta chẳng thể kiếm ra nhân viên.

Trước khi chúng qua cầu, hắn ngoái nhìn để kiểm cho chắc chúng không bị theo đuôi. Đó là thói quen hắn có đã lâu, kết quả của một vụ cướp mà hắn không bao giờ trình báo được tiếng nào với cảnh sát. Cái kinh nghiệm quá đắt đó có được vào một ngày hè bên sông khi hắn không sao chống mắt lên được và đã ngủ gật trên băng ghế cùng số heroin trị giá 300.000 krone hắn định bán cho Nestor. Khi hắn tỉnh dậy, ma túy đã không cánh mà bay, hiển nhiên rồi. Ngày hôm sau Nestor tìm hắn và giải thích rằng sếp đã khá nhân từ mà cho Kalle một chọn lựa. Cả hai ngón cái - vì hắn đã rất hậu đậu. Hay cả hai mí mắt vì hắn đã ngủ gật trong lúc làm việc. Kalle chọn mí mắt. Hai thằng mặc com lê, một tóc đen một tóc vàng, ghì hắn xuống trong khi

Nestor kéo mí mắt hẳn ra và dùng con dao Á Rập cong cong, gớm guốc cắt phẳng. Sau đó Nestor - cũng theo chỉ thị của sếp - cho Kalle tiền đi taxi đến bệnh viện. Các bác sĩ giải phẫu giải thích là để cho hẳn có mí mắt mới, họ sẽ phải cấy da từ một vùng khác trên người hẳn và hẳn may mắn không phải người Do Thái nên chưa bị cắt bao quy đầu. Hóa ra bao quy đầu là loại da có các đặc điểm gần giống với mí mắt nhất. Tính hết mọi lễ thì cuộc phẫu thuật đã thành công và câu trả lời của Kalle cho bất kỳ ai hỏi sao hẳn mất mí mắt là hẳn bị tai nạn axít và rằng da mới cấy lấy từ đùi hẳn. Đùi người khác, hẳn giải thích, nếu người hỏi là một người đàn bà trong giường hẳn, đòi xem vết sẹo. Và rằng hẳn mang một phần tư dòng máu Do Thái, trong trường hợp cô ả thắc mắc cả chuyện đó.

Lâu nay hẳn tin rằng bí mật của hẳn được an toàn, mãi đến khi gã tiếp quản việc làm ăn của hẳn với Nestor tìm đến hẳn trong quán bar và hỏi bô bô rằng sáng ra khi dụi mắt hẳn không thấy nó bốc mùi cục vón ở dương vật hay sao.

Thằng đó cùng lũ bạn rú lên cười. Kalle đã đập nát chai bia lên quầy bar mà rạch gã, rút chai ra rồi lại rạch tiếp không biết bao nhiêu nhát cho đến khi khá chắc là gã không còn mắt mà dụi nữa. Hôm sau Nestor lại đến gặp Kalle, bảo hẳn là sếp đã nghe tin và Kalle có thể nhận lại việc, vì giờ gã kia không thể tiếp quản công việc và rằng hẳn đã tỏ rõ sự tháo vát. Từ hôm ấy Kalle không bao giờ nhắm mắt cho đến khi nào chắc chắn tuyệt đối là mọi thứ đã được kiểm soát.

Nhưng giờ hẳn chỉ thấy có mỗi người đàn bà van xin trên cỏ và một tay chạy bộ mặc áo mũ trùm.

“Hai trăm ngàn?” Pelvis đoán.

Thằng đàn.

Sau mười lăm phút đi bộ qua khu trung tâm phía Đông Oslo và mấy con phố đáng ngờ nhưng giúp trui rèn tính cách ở Gamlebyen, chúng bước qua cánh cổng để mở vào một khu xưởng bỏ hoang. Việc kiểm kê sẽ không mất quá một giờ. Ngoài chúng ra ở đó chỉ có Enok và Syff, cũng là hai tên bán speed, Enok bán gần Elgen còn Syff gần Tollbugata. Sau đó chúng phải pha, trộn và đóng gói những túi mới cho ngày mai. Lúc lấy xong hẳn mới được về nhà với Vera.

Gần đây cô ả cứ hờn dỗi. Chuyến đi Barcelona hẳn hứa với cô ả đã không diễn ra vì cả mùa xuân hẳn bận bán, nên thay vào đó hẳn hứa với cô ả một chuyến đi Los Angeles hồi tháng Tám. Chẳng may án tích của hẳn dẫn lại tới chuyện đơn xin thị thực bị từ chối. Kalle biết đàn bà như Vera không biết kiên nhẫn, họ có các chọn lựa, nên hẳn phải thường xuyên làm tình với cô ả và đưa mấy thứ trang sức rẻ tiền ra nhử trước cặp mắt hạnh nhân tham lam của cô ả hòng giữ chân.

Mà chuyện đó cần có thời gian và sức lực. Nhưng cũng cần tiền nữa, có nghĩa là làm việc nhiều hơn. Hẳn kẹt trong thế tiến thoái lưỡng nan.

Chúng băng qua một khu vực lộ thiên có sỏi dính dầu, bãi cỏ cao và hai xe tải không lốp vĩnh viễn đổ trên mấy viên gạch Leca, rồi nhảy qua cái mặt phẳng nghiêng dựng trước tòa nhà gạch đỏ. Kalle nhập mật mã bốn chữ số lên bảng, nghe khóa kêu rù rù rồi chúng mở cửa. Tiếng trống và tiếng bass thùm thụp vọng tới chúng. Hội đồng đã chuyển đổi tầng trệt trong cái xưởng hai tầng thành phòng cho các ban nhạc trẻ diễn tập. Kalle thuê phòng trên tầng một bằng một khoản tiền tượng trưng với cơ và quản lý ban nhạc và làm văn phòng đại diện.

Chúng chưa kiếm được hợp đồng cho ban nhạc nào cả, nhưng ai cũng biết giờ là thời buổi khó khăn cho nghệ thuật.

Kalle với Pelvis đi theo hành lang tới thang máy trong khi cửa trước từ từ đóng lại do mấy lò xo đã bị rít. Qua tiếng ồn Kalle thoáng nghĩ hẳn nghe

thấy tiếng chân chạy trên bãi sỏi bên ngoài.

“Ba trăm?” Pelvis ướm hỏi ý.

Kalle lắc đầu rồi bấm nút thang máy.

Knut Schroder để ghi ta xuống bộ khuếch đại.

“Nghỉ hút thuốc,” anh nói rồi tiến ra cửa.

Anh biết các thành viên ban nhạc đang nườm nượp với nhau. Lại nghỉ hút thuốc sao? Họ đã có một hợp đồng biểu diễn ba ngày tại câu lạc bộ thanh niên và thật đáng buồn là họ phải tập dượt như điên để nghe không thảm hại. Knut nghĩ mấy thành viên kia là một đám lễ sinh: chúng không hút, chẳng mấy khi uống rượu và chưa từng thấy một điều cần sa chứ nói gì động đến. Sao mà rock ‘n’ roll được? Anh khép cửa lại và nghe bọn họ chơi từ đầu bản nhạc mà không có mình. Nghe không tệ lắm, nhưng tuyệt không có hồn. Không như anh. Anh mỉm cười nghĩ vậy khi đi ngang thang máy và hai phòng tập trống dộc hành lang trên đường tới lối ra.

Chuyện đó hết như đoạn hay nhất trong DVD Hell Freezes Over của Eagles

-

thú vui tội lỗi bí mật của Knut - khi ban nhạc diễn tập với dàn hợp xướng Hội yêu nhạc Burbank và dàn nhạc đang nhíu mày chăm chú chơi “New York Minute” thì Don Henley quay qua camera, nhăn mũi nói nhỏ: “... nhưng ba họ không có nổi u buồn...”

Knut đi ngang cái phòng tập cửa luôn mở vì khóa đã hỏng và bản lề cong nên không đóng được. Anh dừng chân. Bên trong có một người đứng xoay lưng về phía anh. Lúc trước bọn ma cà bông tìm nhạc cụ hay thiết bị để đổi thành tiền mặt vẫn thường xuyên đột nhập tòa nhà, nhưng chuyện đó đã dừng khi đại diện trên tầng một bọn dọn đến và chi tiền thay cửa trước, cửa mới kiên cố có ổ khóa nhập mã số.

“Này, anh kia!” Knut gọi.

Gã thanh niên quay lại. Khó mà biết hẳn ta là ai. Người chạy bộ? Không phải. Phải, hẳn mặc áo thun có mũ trùm và quần thể thao, nhưng hẳn lại mang giày da đen lịch sự. Chỉ có bọn lông bông mới ăn mặc khiếm vậy. Nhưng Knut không sợ, sao anh phải sợ? Anh cao cũng cỡ Joey Ramone và cũng mặc kiểu áo khoác da giống vậy. “Anh làm gì ở đây, bạn hiền?”

Gã thanh niên mỉm cười. Vậy nghĩa là hẳn không thể nào là một thành viên băng nhóm mô tô. “Dọn dẹp lại chút thôi mà.”

Điều đó nghe có lý. Chuyện như vậy vẫn xảy ra với mấy phòng tập cộng đồng; mọi thứ đều bị vứt bừa bãi hay lấy cắp và chẳng ai lo giữ vệ sinh. Cửa sổ vẫn phủ mấy tờ cách âm, nhưng nhạc cụ duy nhất còn lại là cái trống bass tồi tàn ai đó kẻ chữ kiểu Gothic “Tuổi trẻ Vô vọng” trên mặt trống. Trên sàn giữa ngổn ngang tàn thuốc, dây đàn ghita đứt, nằm chơ vơ một dùi trống và ít cuộn băng keo, một cây quạt để bàn có thể đoán là tay trống dùng cho đỡ nóng bức.

Thêm cả một sợi dây cắm đài mà Knut có lẽ nên kiểm tra xem còn dùng được không, nhưng nó hẳn đã hỏng. Phải, dây cắm là thứ hàng tiêu dùng không đáng tin, tương lai là của đồ không dây và mẹ đã hứa với Knut sẽ tài trợ một dàn không dây cho đàn ghita nếu anh bỏ hút, tình tiết gây cảm hứng để anh viết bản nhạc “Nàng chẳng thềm nhượng bộ trong cuộc giao kèo”.

“Giờ này mà nhân viên của hội đồng còn làm việc sao?” Knut nói.

“Bọn tôi đang tính diễn tập lại.”

“Bọn tôi sao?”

“Tuổi trẻ Vô vọng.”

“À, anh chơi cho bọn họ?”

“Tôi từng là tay trống của họ. Tôi nghĩ lúc vào đã nhìn thấy sau lưng hai gã kia, nhưng bọn họ biến vào trong thang máy mất rồi.”

Không phải đâu, mấy người đó là trong nhóm quản lý ban nhạc và đại diện.

“Vậy sao? Họ có giúp gì được ta không?”

“Tôi nghĩ họ không nhận khách hàng mới đâu. Bọn tôi đã gõ cửa họ, liền bị chửi biến mẹ đi.” Knut cười toét, lấy trong gói ra một điếu đút giữa hai môi. Có lẽ anh chàng này hút thuốc và có thể hút với anh một điếu ngoài trời. Họ sẽ bàn về âm nhạc. Hay nhạc cụ.

“Dù sao thì cũng để tôi đi xem thử,” tay trống nói.

Anh ta trông giống ca sĩ hơn là tay trống. Thế rồi Knut chợt nhận ra nếu anh ta nói chuyện với mấy người làm đại diện thì cũng hay, có vẻ như ở anh ta có...

chút ma lực. Mà nếu họ mở cửa cho anh ta, có lẽ sau này chính Knut cũng sẽ ghé vào.

“Để tôi chỉ chỗ cho.”

Anh ta có vẻ miễn cưỡng. Rồi anh ta gật. “Cảm ơn.”

Thang máy to chở hàng hóa đi chậm đến mức Knut có đủ thời gian để giải thích tường tận vì sao bộ phóng đại Mesa Boogie lại tuyệt vời và cho ra đúng âm thanh rock.

Họ bước ra khỏi thang máy, Knut rẽ trái rồi chỉ về cánh cửa kim loại màu xanh dương, cửa duy nhất trên tầng. Gã thanh niên gõ. Ít giây sau một ô cửa nhỏ cao ngang đầu người mở ra và một cặp mắt đỏ ngầu xuất hiện. Hệt như lần Knut thử.

“Mày cần gì?”

Gã thanh niên cúi tới gần ô cửa, có lẽ để xem thử cái gì đang ở đằng sau người đàn ông bên trong cửa.

“Anh có muốn đặt hợp đồng biểu diễn cho Tuổi trẻ Vô vọng không? Chúng tôi là một ban nhạc tập dưới lầu.”

“Xéo đi và đừng có chường mặt ra đây nữa. *Capisce?*” 1

Tuy vậy, anh chàng này vẫn đứng sát ô cửa và Knut thấy mắt anh ta lia qua lia lại.

“Chúng tôi khá cừ đấy. Anh thích Depeche Mode không?”

Một giọng vang lên từ đâu đó phía sau cặp mắt đỏ ngầu. “Ai vậy, Pelvis?”

“Một ban nhạc nào đó.”

“Tổng cổ chúng đi, mẹ kiếp! Rồi quay lại làm việc đi, tao muốn về nhà trước mười một giờ.”

“Mày nghe sếp nói rồi đó.”

Ô cửa đóng sầm.

Knut bước bốn bước quay lại thang máy rồi bấm nút. Cửa ì ạch mở và anh bước vào. Nhưng anh chàng kia vẫn đứng tại chỗ. Anh ta nhìn tấm gương mà văn phòng đại diện đã đặt trên đầu tường về bên phải khi ta ra khỏi thang máy.

Nó phản chiếu cánh cửa kim loại của bọn họ, có Chúa mới biết tại sao. Đúng, đây chẳng phải khu xóm tử tế nhất Oslo, nhưng là văn phòng đại diện mà vậy thì họ khá là hoang tưởng. Có lẽ bọn họ cất trong văn phòng cả khối tiền mặt từ các hợp đồng biểu diễn? Anh nghe nói mấy ban nhạc nổi danh của Na Uy được trả nửa triệu trong các liên hoan lớn nhất. Một lý do nữa để tiếp tục tập dượt.

Giá mà anh có được dàn không dây đó. Và một ban nhạc mới. Có hôn. Anh với anh chàng kia có thể hợp lực không chừng? Cuối cùng anh ta cũng quay lại thang máy, nhưng một tay để trước thiết bị cảm biến để cửa không đóng được.

Rồi anh ta rút tay ra và quan sát kỹ máng đèn huỳnh quang trên trần thang máy.

Nghĩ lại thì không đâu. Knut đã mất quá nhiều thời gian làm việc với mấy gã tâm thần rồi.

Anh bỏ ra ngoài hút thuốc trong khi anh chàng kia quay lại phòng tập để dọn dẹp. Knut đang ngồi trên toa hàng một xe tải gỉ sét thì anh ta đi ra.

“Tôi nghĩ mấy đứa kia đến trễ, nhưng tôi không liên lạc với bọn họ được vì điện thoại hết pin rồi,” anh ta nói, đưa cái điện thoại trông mới cấu lên. “Nên tôi đi kiếm ít thuốc lá đây.”

“Cứ lấy một điếu của tôi này,” Knut nói, chìa gói thuốc ra. “Anh có loại trống nào rồi? Đừng, để tôi đoán! Anh trông cổ điển. Ludwig hả?”

Gã thanh niên mỉm cười. “Cảm ơn, anh thật tử tế. Nhưng tôi chỉ hút Marlboro.”

Knut nhún vai. Anh nể những người nhất quyết dùng nhãn hiệu của mình, dù đó là trống hay thuốc lá. Nhưng Marlboro? Chẳng khác nào nói ta chỉ chạy mỗi Toyota.

“Tốt thôi, anh bạn,” Knut nói. “Gặp lại sau.”

“Cảm ơn anh đã giúp.”

Anh nhìn gã thanh niên bước qua bãi sỏi tới cổng, rồi anh ta quay lại.

“Tôi vừa nhớ ra là mật mã cửa nằm trong điện thoại,” anh ta nói, mỉm cười hơi ngượng. “Mà...”

“Nó hỏng rồi. 666T. Chính tôi cũng nghĩ tới chuyện đó. Anh có biết nó nghĩa là gì không?”

Gã thanh niên gật. “Đó là mã cảnh sát Arizona để ám chỉ tự tử.”

Knut chớp chớp mắt. “Vậy sao?”

“Ừ. ‘T’ là tự tử. Bố tôi dạy tôi chuyện đó.”

Knut thấy anh ta mất hút ngoài cổng, tiến vào chiều hè phơi phới khi một làn gió cuốn lấy đám cỏ cao bên cổng khiến nó đu đưa như khán giả xem hòa nhạc đáp lại một bản ballad tình cảm nào đó. *Tự tử*. Quý tha ma bắt, cái đó tuyệt hơn 666 Tèo nhiều!

Pelle nhìn trong gương chiếu hậu và xoa xoa bên bàn chân hồng. Mọi thứ đều hồng; việc làm ăn, tâm trạng của ông và địa chỉ mà người khách ngồi sau vừa đưa, Trung tâm Ila. Vậy nên, tạm thời lúc này, họ ngồi im lìm chỗ gần như là nhà của Pelle trong dãy taxi tại Gamlebyen.

“Ý anh là ký túc xá?” Pelle hỏi.

“Phải. Nhưng giờ gọi là... Phải rồi, ký túc xá.”

“Tôi không chở ai đến ký túc xá mà không được trả trước. Xin lỗi, nhưng tôi đã có mấy kinh nghiệm tồi tệ rồi.”

“Tất nhiên. Tôi đã không nghĩ tới chuyện đó.”

Pelle nhìn khi khách của ông hay, chính xác hơn, vị khách tiềm năng lục tìm trong túi. Pelle đã ngồi trong xe suốt mười ba giờ liền, nhưng còn vài giờ nữa ông mới được chạy xe về căn hộ đường Schweigaards, đậu xe, tập

tỉnh lên cầu thang bằng cây nạng xếp ông cất dưới ghế, đồ vật xuống giường và ngủ thiếp đi.

Hy vọng là không mộng mị. Dù cũng còn tùy vào giấc mơ. Nó có thể là thiên đường hay địa ngục, ta không làm sao biết được. Người khách đưa ông tờ năm mươi krone và năm tiền lẻ.

“Đây mới hơn một trăm, vậy chưa đủ.”

“Một trăm chưa đủ sao?” Người giờ đây không còn là khách tiềm năng nói với vẻ ngạc nhiên thật tình.

“Lâu rồi anh mới đi taxi sao?”

“Ông nói vậy cũng đúng. Tôi chỉ có bấy nhiêu, nhưng hay là ông cứ chạy tới khi hết chỗ tiền ấy?”

“Chắc rồi,” Pelle nói, bỏ tiền vào hộc để găng tay vì anh thanh niên không có vẻ muốn nhận biên lai, rồi đạp chân ga.

Martha ngồi một mình trong phòng 323.

Ngồi trong khu vực tiếp tân cô đã nhìn thấy Stig rồi sau đó là Johnny đi ra.

Stig mang đôi giày đen cô đã cho anh.

Quy định của trung tâm cho phép khám xét phòng của người trọ mà không báo trước hay xin phép nếu nghi họ cất giấu vũ khí. Nhưng quy định cũng nêu rằng thông thường việc lục soát nên do hai nhân viên tiến hành. Thông thường.

Ta định nghĩa thông thường như thế nào? Martha nhìn tủ thấp. Rồi đến tủ áo.

Cô bắt đầu từ tủ thấp.

Trong đó chỉ có quần áo. Chỉ có đồ của Johnny; cô biết Stig có những áo quần nào.

Cô mở cửa tủ áo.

Đồ lót cô đã đưa Stig xếp gọn gàng trên một ngăn. Áo khoác treo trên mắc áo. Ở ngăn trên cùng là túi thể thao đỏ cô thấy anh đem theo tới đây. Cô đang với tay nhắc nó xuống thì phát hiện đôi giày thể thao xanh dưới đáy tủ. Cô bỏ túi ra, cúi xuống cầm đôi giày lên. Hít một hơi sâu. Nín thở. Cô đang tìm máu đông đặc. Rồi cô lật lên.

Cô thở phào nhẹ nhõm và cảm thấy tim lỡ nhịp.

Đế giày sạch tinh. Thậm chí còn không dính bẩn.

“Em đang làm gì đấy?”

Martha quay lại, tim bỗng đập rộn. Cô áp tay lên ngực. “Anders!” Cô gập người lại mà cười. “Anh làm em sợ muốn chết.”

“Anh chờ em từ nãy giờ,” anh phụng phịu và đút hai tay vào túi áo khoác da.

“Gần chín rưỡi rồi.”

“Em xin lỗi, em không canh giờ. Có người nói có thể một người trợ đang cất vũ khí trong phòng nên bọn em có phận sự kiểm tra.” Martha thấy bực khi lời nói dối đến dễ dàng như thế.

“Phận sự sao?” Anders khịt mũi. “Có lẽ đã đến lúc em bắt đầu nghĩ xem thật ra phận sự nghĩa là gì. Hầu như khi nói đến phận sự ai cũng nghĩ đến gia đình và mái ấm của mình, không phải là làm việc ở một nơi thế này.”

Martha thở dài. “Anders, làm ơn đừng...”

Nhưng cô biết anh sẽ không nhượng bộ, như thường lệ chỉ cần mấy giây là anh trở nên kích động. “Ở phòng tranh của mẹ anh luôn có việc cho em khi nào em muốn. Anh cũng đồng tình với mẹ. Giao du với những người thú vị ở đó sẽ tốt cho sự phát triển cá nhân của em hơn là lũ tồi chỗ này nhiều.”

“Anders!” Martha cao giọng, nhưng biết mình đã quá mệt, không còn sức.

Nên cô đi tới để tay lên cánh tay anh. “Đừng gọi họ là đồ tồi. Mà em cũng bảo anh rồi, mẹ anh và khách hàng của bà đâu cần em.”

Anders giật tay lại. “Cái mà lũ người nơi này cần không phải em, mà là chính phủ ngừng cứu vớt họ. Lũ nghiện chết tiệt đó là dự án được ưu ái nhất của Na Uy.”

“Em chưa sẵn sàng thảo luận lại chuyện này đâu. Sao anh không đi trước rồi bao giờ xong em sẽ bắt taxi?”

Nhưng Anders khoanh tay trước ngực và dựa bên khung cửa. Vậy em sẵn sàng cho cuộc thảo luận nào, Martha? Anh đã cố khiến em ấn định một ngày...

“Không phải lúc này.”

“Phải, lúc này! Mẹ anh muốn lên kế hoạch cho mùa hè và...”

“Em nói rồi, không phải bây giờ.” Cô cố đẩy anh qua, nhưng anh không chịu nhúc nhích. Anh dang tay ra chặn lối cô.

“Trả lời kiểu gì vậy? Nếu họ trả cho...”

Martha luôn người xuống dưới cánh tay anh, ra hành lang rồi bỏ đi.

“Này!” Cô nghe cửa phòng đóng rầm và tiếng bước chân Anders sau lưng.

Anh chụp cánh tay cô, xoay cô lại, kéo cô lại gần. Cô nhận ra mùi nước hoa đắt tiền dùng sau khi cạo râu mẹ anh tặng dịp Giáng sinh, mà cô không chịu được.

Tim cô muốn ngừng đập khi cô thấy khoảng không đen thẫm trong mắt anh.

“Đừng hòng bỏ anh mà đi,” anh hàm hè.

Cô đã tự động đưa tay lên che mặt và giờ cô thấy vẻ bàng hoàng trên mặt anh.

“Gì đây?” anh nói nhỏ, giọng đanh lại. “Em nghĩ anh định đánh em sao?”

“Em...”

“Hai lần,” anh rít lên và cô cảm thấy hơi thở nóng hực của anh trên mặt mình. “Hai lần trong chín năm, Martha. Và em đối xử với anh như thể anh là kẻ... kẻ đánh vợ tàn nhẫn.”

“Anders, bỏ ra, anh...”

Cô nghe thấy tiếng húng hắng sau lưng. Anders thả tay cô ra, nhìn chăm chăm giận dữ ra sau vai cô và nạt một câu:

“Ê, thằng nghiện, mày có muốn đi qua hay là không đây?”

Cô quay lại. Là anh. Stig. Anh đứng đó, chờ. Anh đưa mắt nhìn từ Anders sang cô. Cái nhìn mang theo một câu hỏi. Cô trả lời bằng một cái gật; mọi thứ đều ổn.

Anh gật rồi đi qua họ. Hai người đàn ông trừng mắt nhìn nhau khi anh đi qua. Họ cao bằng nhau, nhưng Anders to con hơn, lực lưỡng hơn.

Martha nhìn theo Stig khi anh đi tiếp xuống cuối hành lang.

Rồi cô nhìn lại Anders. Anh đã nghênh mặt trừng mắt nhìn cô bằng vẻ thù địch anh bộc lộ ngày một thường xuyên hơn, nhưng cô đã cho đấy là do nỗi thất vọng anh trải qua ở chỗ làm khi không có được sự công nhận anh thấy mình xứng đáng.

“Cái đếch gì vậy?” Anh hỏi.

Anh cũng không thường chửi thề.

“Cái gì?”

“Như thế hai người đang... thần giao cách cảm. Gã đó là ai?”

Cô thở phào. Gần như nhẹ nhõm. Ít ra đây cũng là lĩnh vực quen thuộc.

Ghen tuông. Từ khi họ yêu nhau thời niên thiếu đến nay chuyện đó vẫn không thay đổi nên cô biết cách xử trí. Cô để tay lên vai anh.

“Anders, đừng ngốc vậy. Giờ thì đi với em, ta đi lấy áo khoác của em rồi về nhà. Tối nay ta sẽ không tranh luận, ta sẽ nấu bữa tối.”

“Martha, anh...”

“Thôi nào,” cô nói, biết mình đã thắng thế. “Anh nấu ăn còn em tắm. OK?”

Rồi mai ta sẽ bàn về đám cưới. Vậy được chứ?”

Cô thấy anh định phản đối, nhưng cô để ngón tay lên môi anh. Đôi môi đầy đặn cô đã si mê. Cô lặn ngón tay xuống dưới, vuốt ve hàm râu lún phún, cắt tía cẩn thận. Hay là ban đầu tính ghen tuông của anh đã lôi cuốn cô? Cô cũng không nhớ nữa.

Đến khi họ vào xe thì anh đã nguôi giận. Đó là chiếc BMW. Anh đã mua xe trái ý cô, nghĩ rồi dần dần cô sẽ thích khi biết nó thoải mái ra sao, nhất là trong những chuyến đi dài. Và nó đáng tin cậy ra sao. Khi anh nổ máy, cô

lại thoáng thấy Stig. Anh ra khỏi cửa, băng nhanh qua đường đi về hướng Đông. Túi thể thao đỏ vắt qua vai.

Ghi chú:

1. Hiểu chưa? (Tiếng Ý).

20

Simon chạy xe qua mấy sân chơi rồi rẽ vào con phố họ sống. Ông thấy hàng xóm lại đang mở tiệc ngoài trời. Những tràng cười âm ỉ, đấm nằng và đấm bia ồ lên càng nhấn mạnh thêm cảnh im ắng mùa hè trong xóm. Hầu như nhà nào cũng đi vắng và có chỉ mỗi một chiếc xe đang đậu ven đường.

“Và ta tới nhà,” Simon nói và chạy xe tới trước nhà xe.

Ông không biết vì sao mình nói vậy. Chắc hẳn Else có thể thấy họ đang ở đâu.

“Cảm ơn anh đã đưa em đi xem phim,” Else nói và để tay lên tay ông trên cần số, như thể ông đã dẫn cô đến trước cửa và sắp chúc ngủ ngon rồi bỏ cô lại đó. Anh không đời nào làm vậy, Simon nghĩ và mỉm cười với cô. Ông tự hỏi không biết cô đã xem được bao nhiêu phân đoạn trong phim. Đi xem phim là ý cô. Trong lúc xem phim ông đã đôi lần lén liếc nhìn cô, thấy ít ra cô cũng luôn cười đúng chỗ. Nhưng nghĩ lại thì cái hài của Woody Allen nằm ở đối thoại hơn là trò hề. Chẳng sao, họ vừa có một buổi chiều dễ chịu. Một buổi chiều dễ chịu nữa.

“Những em dám chắc là anh thấy nhớ Mia Farrow,” cô trêu ông.

Ông cười. Đó là một trò đùa riêng tư. Cuốn phim đầu tiên ông đưa cô đi xem là *Đứa con của Rosemary*, bộ phim xuất sắc nổi bật của Roman Polanski, trong đó Mia Farrow sinh ra một đứa bé hóa ra là con của quỷ. Else kinh hoàng và một thời gian dài cô đã tin đó là cách Simon cho cô biết ông không muốn có con - nhất là khi ông năn nì cô đi xem lần nữa. Mãi về sau - sau phim thứ tư của Woody Allen có Mia Farrow - cô mới nhận ra rằng Farrow chứ không phải đứa con của quỷ mới là người cuốn hút ông.

Khi họ bước từ xe tới cửa trước, Simon thoáng thấy ánh đèn hắt từ ngoài đường. Như tia hải đăng quay. Nó phát ra từ xe đang đậu.

“Gì thế?” Else hỏi.

“Anh không biết,” Simon nói rồi mở khóa cửa. “Phiền em pha ít cà phê nhé?”

Anh quay lại với em ngay.”

Simon bỏ cô đó rồi băng qua đường. Ông biết chiếc xe không thuộc về hàng xóm nào cả. Hay một ai sống gần đó. Ở Oslo xe limousine chủ yếu gắn liền với đại sứ quán, hoàng gia hay bộ trưởng. Ông biết chỉ có một người nữa chạy nó, với cửa kính màu, chỗ duỗi chân rộng rãi và tài xế riêng. Một tài xế vừa xuống xe và đang giữ cửa vào sau xe cho Simon.

Simon cúi xuống, nhưng vẫn đứng ngoài. Người đàn ông nhỏ con ngồi trong có cái mũi nhọn trên khuôn mặt tròn xoe, hồng hào của kiểu người được mô tả là “vui tính”. Áo blazer xanh dương có nút vàng óng - kiểu ưa thích của dân ngân hàng Na Uy những năm 1980, chủ tàu và dân hát jazz - vẫn khiến Simon thắc mắc phải chăng nó là hiện thân của giấc mơ thuyền trưởng đã ăn sâu trong nam giới Na Uy.

“Xin chào chánh thanh tra Kefas,” người đàn ông nhỏ thó nói giọng vui vẻ, tươi cười.

“Mày đang làm gì trên phố nhà tao, Nestor? Ở đây chẳng ai muốn mua thứ rác rưởi của mày cả.”

“Nào nào. Luôn là người chống tội phạm ngoan cường, hả?”

“Cho tao một lý do bắt mày đi rồi tao sẽ bắt.”

“Trừ phi giúp người hoạn nạn là trái luật, nếu không thì tôi không nghĩ điều đó cần thiết. Sao ông không vào xe để ta nói chuyện được yên ổn, Kefas?”

“Tao thấy chẳng có lý do gì tao lại muốn làm vậy.”

“VẬY là thị lực của ông cũng kém nữa sao?”

Simon nhìn chăm chặp Nestor. Cánh tay ngắn và tấm thân nhỏ, dày. Tay áo blazer ngắn, để lộ cả khuy măng sét có hình hai chữ “HN” lấp ló. Hugo Nestor tự nhận là dân Ukraina, nhưng theo hồ sơ họ có về hãn, hãn sinh trưởng ở Floro, xuất thân từ một gia đình ngư dân và họ ban đầu của hãn là Hansen. Hãn chưa bao giờ ra nước ngoài trừ một khóa học kinh tế ngắn ngủi dờ dang ở Lund, Thụy Điển. Chúa mới biết hãn nhặt đâu ra cái giọng kỳ lạ đó, nhưng chắc chắn không phải Ukraina.

“Tôi thắc mắc không biết cô vợ trẻ của ông có thấy được diễn viên nào đóng trong phim không, Kefas. Nhưng rồi tôi đoán cô ta đã nghe ra là Allen không có trong phim. Gã Do Thái đó có cái giọng lú lo, phát gớm. Không phải tôi ghét bỏ gì cá nhân người Do Thái, tôi chỉ nghĩ Hitler đúng về họ, xét trên phương diện chủng tộc. Dân Slavơ cũng vậy. Dù tôi là người Đông Âu, tôi phải thừa nhận ông ta cũng có cái lý khi nói dân Slavơ không thể tự dẫn dắt. Ý tôi là trên bình diện chủng tộc. Còn gã Allen này, hãn còn là kẻ ấu dâm nữa không phải sao?”

Hồ sơ còn nói Hugo Nestor là tay điều hành ma túy và buôn người có vai vế nhất Oslo. Chưa từng bị kết án, chưa từng bị cáo buộc, luôn bị tình nghi. Hãn quá thông minh và quá cẩn thận, một con lươn trơn tuột.

“Tao không biết, Nestor. Cái tao biết là nghe đồn bọn mày đã xử cha tuyền úy. Ông ta nợ tiền mày sao?”

Nestor mỉm cười hách dịch. “Chẳng phải nghe tin đồn là thấp kém so với phẩm giá của ông sao, Kefas? Ông thường có chút đẳng cấp, trái ngược với đồng nghiệp của ông. Nếu ông có nhiều hơn là hãn đồn - một nhân chứng đáng tin sẵn lòng đến tòa mà chỉ ngón tay chẳng hạn - ông đã cho bắt bớ rồi. Không phải vậy sao?”

Một con lươn trơn tuột.

“Dù sao, tôi muốn ngỏ lời cho vợ chồng ông mượn tiền. Đủ tiền cho một cuộc phẫu thuật mắt rất chi là tốn kém chẳng hạn.”

Simon nuốt ực; ông nghe giọng mình khản đặc khi đáp: “Fredrik nói mà y biết à?”

“Đồng nghiệp cũ của ông ở Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng ấy à?”

Chuyện là, tôi đã nghe về cảnh ngộ của ông. Tôi cho là ông đến tìm ông ta vì những mong nó sẽ đến những đôi tai như tai tôi chẳng hạn. Phải vậy không, Kefas?” Hắn mỉm cười. “Dù sao, tôi có một giải pháp tôi nghĩ sẽ khớp cho cả hai ta. Vậy sao ông không vào xe đi?”

Simon cầm nắm cửa và thấy Nestor tự động dịch qua, nhường chỗ cho ông.

Ông tập trung vào việc thở điềm tĩnh để cơn thịnh nộ không làm giọng ông run lên. “Cứ nói tiếp đi, Nestor. Vui lòng cho tao cái cố để bắt mày.”

Nestor nhượng một bên mày dò hỏi. “Cái cố đó có thể là gì vậy, chánh thanh tra Kefas?”

“Cố ý hối lộ quan chức nhà nước.”

“Hối lộ à?” Nestor cười khẩy, the thé. “Ta cứ gọi đó là đề nghị làm ăn, Kefas. Ông sẽ thấy là ta có thể...”

Simon không nghe được hết câu vì rõ ràng chiếc limousine được cách âm.

Ông bỏ đi mà không nhìn lại, ước gì đã đóng sầm cửa mạnh hơn nữa. Ông nghe chiếc xe nổ máy và lớp xe nghiêng bên vệ đường.

“Anh có vẻ bức, anh yêu,” Else nói khi ông đã ngồi xuống bên bàn bếp cạnh tách cà phê. “Ai vậy?”

“Ai đó lạc đường,” Simon nói. “Anh chỉ đường cho hắn.”

Else cầm ấm cà phê bước chậm lại chỗ ông. Simon nhìn đăm đăm ra cửa sổ.

Đường phố giờ đã vắng tanh. Bất chợt một cái đau bỏng rát lan trên đùi ông.

“Khốn kiếp thật!”

Ông hất bình cà phê trên tay cô và nó rơi xoảng xuống sàn còn ông quát:

“Quý tha ma bắt, đúng là đàn bà, em vừa làm đổ cả cà phê ra anh! Em... em...”

Một phần trong óc ông biết cái đang đến và đang cố chặn chữ đó lại, nhưng chuyện đó cũng giống như việc đóng sầm cửa sau xe Nestor: ông không muốn ở đó, ông từ chối, ông muốn tàn phá, ông thà cắm dao vào mình. Và vào cô.

“... mù à? !”

Căn bếp chìm trong im lặng, những gì ông nghe được là nắp ấm cà phê lăn qua mặt sàn lót vải sơn và tiếng cà phê lục đục trong ấm nhều ra. Không! Ông không có ý như vậy. Không đâu.

“Anh xin lỗi. Else, anh...”

Ông đứng lên ôm lấy cô, nhưng cô đã đi lại chỗ chậu rửa. Cô vịn vòi nước lạnh và để khăn trà dưới vòi. “Kéo quần xuống, Simon, để em...”

Ông vòng hai tay ôm cô từ phía sau. Ông ghì trán vào gáy cô. Ông thì thầm:

“Anh xin lỗi, thật xin lỗi. Xin em, tha thứ cho anh nhé? Anh... chỉ là anh không biết phải làm gì nữa. Đáng ra anh phải giúp được em, nhưng anh... anh không thể, anh không biết, anh...”

Ông vẫn chưa nghe cô khóc, chỉ cảm thấy người cô run lên và nó lan qua người ông. Cổ họng ông khản đặc, ông nén tiếng thốn thức và không biết mình đã làm được chưa, chỉ là cả hai đang run bần bật.

“Em mới là người phải xin lỗi,” cô nức nở. “Anh có thể ở với ai khác giỏi hơn, ai đó không... làm anh bồng.”

“Nhưng không có ai hơn cả,” ông thì thầm. “Được chứ? Nên em cứ tiếp tục tưới cà phê nóng khắp người anh, anh sẽ không bao giờ để em đi. OK?”

Và ông biết cô biết điều đó đúng. Rằng ông sẽ làm bất cứ gì, chịu đựng bất cứ gì, hy sinh bất cứ gì.

... nó sẽ tới những đôi tai như tai tôi...

Nhưng ông đã không thể ép mình làm vậy.

Ông nghe xa xa những tràng cười ngây ngất của hàng xóm trong bóng đêm trong lúc cô giàn giụa nước mắt.

Kalle nhìn đồng hồ. Mười một giờ kém hai mươi. Ngày hôm đó khá khăm;

chúng đã xoay sở bán được nhiều siêu nhóc hơn cả hai ngày cuối tuần gộp lại, nên việc đếm tiền và chuẩn bị gói mới lâu hơn mọi ngày. Hãn cời mặt nạ mỏng chúng đeo khi pha và trộn ma túy trên cái bàn dài trong căn phòng đơn sơ, hai chục mét vuông vừa làm văn phòng, xưởng chế ma túy vừa làm nhà băng. Hiển nhiên ma túy đã được pha trước khi tới tay hãn, nhưng dù vậy đi nữa siêu nhóc vẫn là ma túy nguyên chất nhất hãn gặp trong sự nghiệp buôn ma túy. Nguyên chất đến mức nếu không đeo mặt nạ mỏng vào, chúng sẽ không chỉ phê thuốc mà còn chết vì hít các hạt cuộn lên trong không khí khi pha và xử lý chất bột nâu nhạt này. Hãn bỏ mặt nạ vào két sắt trước mấy xấp tiền và gói ma túy. Hãn có nên gọi cho Vera báo là hãn sẽ về muộn? Hay đã đến lúc hãn cứng rắn, cho cô ả biết ai là sếp, ai đem tiền về

nhà và ai nên đến đi mà không phải lúc nào cũng giải trình về nhất cử nhất động của mình?

Kalle bảo Pelvis kiểm tra hành lang. Từ cửa sắt văn phòng chúng thì thang máy chỉ cách vài mét về bên phải. Ở tí đâu kia hành lang là cửa dẫn đến cầu thang, nhưng, trái với quy định phòng cháy, chúng đã khóa xích lại để cửa đó đóng cố định.

“Cassius, kiểm tra bãi xe,” Kalle gọi bằng tiếng Anh trong khi khóa két sắt.

Văn phòng im ắng không một tiếng động nào ngoài bất cứ gì từ mấy phòng tập vọng lại, nhưng hẳn thích quát tháo Cassius là thằng người Phi to béo nhất Oslo.

Tấm thân không hình thù của hẳn không lồ đến mức không thể phân biệt ra cái gì với cái gì, và nếu chỉ có mười phần trăm hẳn là cơ bắp thì cũng đã đủ để ngăn hầu hết thiên hạ.

“Không xe, không có người trong bãi xe,” Cassius nói khi hé nhìn ra song sắt cửa sổ.

“Hành lang an toàn,” Pelvis nói, nhìn ra ô cửa.

Kalle xoay vòng khóa số. Hẳn nhâm nhi cái sức cản êm ru đã được tra dầu, tiếng cách nhẹ nhàng. Hẳn ghi nhớ dãy số trong đầu và chỉ ở đó, không ghi ra đâu khác, nó cũng không có logic nào cả, không kết hợp ngày tháng năm sinh hay cái gì tương tự.

“Đi thôi,” hẳn nói rồi thằng người lên. “Sẵn sàng súng đi, cả hai đứa bay.”

Chúng nhìn hẳn ngơ ngác.

Kalle không nói gì với chúng, nhưng có gì đó về cặp mắt hẳn đã thấy nhìn chằm chằm qua ô cửa lúc nãy. Kalle biết cặp mắt đó đã thấy hẳn ngồi bên

bàn.

OK, đó chỉ là một thằng nào đó trong một ban nhạc rác rưởi đang tìm ông bầu, nhưng trên bàn có tiền và ma túy đủ để thằng ngu nào cũng muốn thử. Hy vọng là thằng đó cũng đã để ý thấy hai khẩu súng trên bàn của Cassius và Pelvis.

Kalle đi đến cửa. Cửa chỉ có thể khóa từ bên trong, và chỉ có chìa của hắn mở được. Điều đó nghĩa là Kalle có thể nhốt bất cứ ai làm việc ở đây nếu hắn phải ra ngoài. Song sắt trước cửa sỗ kiên cố. Nói tóm lại, không ai làm việc cho Kalle có thể âm tiền hay ma túy bỏ trốn. Hay để cho khách không mời vào.

Kalle ló nhìn qua ô cửa. Không phải vì hắn quên Pelvis vừa thông báo không có gì trở ngại, mà bởi hắn tự động cho rằng Pelvis sẽ phản chủ mà mở cửa nếu như có ai đó sẵn sàng liều một phen. Chết tiệt, là Kalle thì cũng sẽ làm vậy thôi.

Chính hắn cũng đã làm vậy.

Qua ô cửa hắn không thấy ai. Hắn kiểm tra trong gương hắn đã gắn trên tường cho chắc là không ai nép mình bên dưới ô cửa. Hành lang tối đèn vắng tanh. Hắn xoay chìa và giữ cửa mở cho hai tên kia. Pelvis bước ra trước, rồi đến Cassius và cuối cùng là Kalle. Hắn xoay lại để khóa cửa.

“Cái... !” Là Pelvis.

Kalle xoay lại, và đến phút này hắn mới thấy cái mà hắn đã không thể thấy từ ô cửa: cửa thang máy mở. Nhưng hắn vẫn chưa thấy được cái bên trong thang máy vì đèn đã tắt. Hắn chỉ thấy trong ánh đèn hành lang từ mù cái gì đó ánh lên một bên cửa thang máy. Băng keo bịt thiết bị cảm biến. Và kính vỡ trên sàn.

“Coi chừng...”

Nhưng Pelvis đã bước ba bước đến thang máy đang mở.

Bộ não Kalle ghi nhận ánh lửa từ họng súng trong thang máy đen tối trước khi nhận tín hiệu từ tiếng nổ.

Pelvis quay ngoắt lại như vừa bị ai tát tai. Hắn trôn trối nhìn Kalle vẻ bàng hoàng. Trông như Pelvis vừa được cho một con mắt thứ ba trên xương gò má.

Rồi sự sống lìa bỏ hắn và tẩm thân hắn đổ vật xuống sàn như chiếc áo choàng chủ nhân giũ bỏ.

“Cassius! Mẹ kiếp bắn đi chứ!”

Trong lúc hốt hoảng, Kalle quên là Cassius không nói tiếng Na Uy, nhưng rõ ràng chuyện đó không thành vấn đề, tên kia đã nhắm súng lục vào bóng tối bên trong thang máy mà bắn. Kalle cảm thấy có gì đánh vào ngực. Hắn chưa bao giờ đứng trước họng súng lục, còn giờ hắn đã biết vì sao người bị hắn chĩa súng thường chết trôn theo cái kiểu buồn cười như vậy, như thể họ bị đổ xi măng vào người. Cái đau trong ngực lan ra, hắn không thở được, nhưng hắn phải chạy trốn, đằng sau cánh cửa chống đạn có không khí, sự an toàn, một cánh cửa hắn khóa lại được. Nhưng tay hắn không chịu làm theo, nó không tra chìa vào ổ được, giống như hắn đang nằm mơ, hay đang chuyển động dưới nước. May là hắn được tẩm thân đồ sộ của thằng Cassius đang cứ thế bắn đoàn đoàn che chắn. Cuối cùng chìa cũng khớp và Kalle xoay, mở tung cửa ra ném mình vào trong. Tiếng nổ tiếp theo có độ vang âm khác nên hắn đoán hắn nó từ bên trong thang máy. Hắn xoay người để sập cửa lại, nhưng nó đập vào Cassius, nửa vai và một cánh tay to bằng bắp đùi mắc kẹt bên trong. Chết tiệt! Hắn cố sức đẩy đi, nhưng tẩm thân Cassius vẫn đang cố chen vào phòng.

“Vậy thì vào đi, thằng mập khốn kiếp!” Kalle rít lên và mở cửa.

Gã người Phi trào vào như bột bánh mì nở, khối thân người tràn qua ngưỡng cửa và lăn vào sàn bên trong. Kalle nhìn xuống vẻ mặt lạnh băng của gã. Mắt lồi như mắt cá mới đánh bắt ngoài khơi xa, miệng há ra rồi ngậm lại.

“Cassius!”

Tiếng trả lời duy nhất hẳn nhận được là cái chộp ướm nhoẹt khi một bong bóng màu hồng to tướng vỡ toác trên miệng gã người Phi. Kalle tấn hai giò vào tường cố dời cái núi đen thui tránh chỗ để đóng cánh cửa lại, nhưng chẳng ích gì, nên hẳn phải cúi xuống cố lôi gã vào trong. Nặng trình trịch. Khẩu súng!

Cassius đã đổ vật lên chính cánh tay hẳn. Kalle đứng dặng chân qua tấm thân, tuyệt vọng cố dứt tay xuống dưới, nhưng mỗi lần đẩy xong một khoanh mỡ thì lại thêm một khoanh khác mà vẫn không thấy khẩu súng đâu. Cánh tay hẳn đang vùi trong đồng mỡ đến tận cùi chỏ thì hẳn nghe tiếng bước chân bên ngoài.

Hẳn biết điều gì sắp xảy ra, cố tránh ra, nhưng đã quá muộn, cánh cửa đập vào đầu và hẳn ngất đi.

Khi Kalle mở mắt, hẳn đang nằm ngửa nhìn lên một gã mặc áo có mũ trùm, đeo găng tay vệ sinh vàng và chĩa thẳng khẩu súng lục xuống hẳn. Hẳn xoay đầu nhưng không thấy ai khác, chỉ có thằng Cassius nằm nửa người trong cửa.

Từ góc này Kalle thấy được bóng súng của Cassius chìa ra dưới bụng gã.

“Mày muốn gì?”

“Tao muốn mày mở két sắt. Mày có bảy giây.”

“Bảy?”

“Tao đã bắt đầu đếm lùi từ trước khi mày tỉnh dậy. Sáu.”

Kalle lồm cồm bò dậy. Hăn bị choáng, nhưng hăn đi tới két sắt.

“Năm.”

Hăn xoay vòng khóa.

“Bốn.”

Một chữ số nữa là két sắt sẽ mở ra và tiền sẽ mất. Tiền mà chính hăn sẽ phải thế vào, đó là luật.

“Ba.”

Hăn ngật ngừng. Nếu hăn nhặt khẩu súng của Cassius lên được thì sao?

“Hai.”

Gã này có bắn thật không hay chỉ lòe?

“Một.”

Gã đã giết hai mạng người không chớp mắt, thêm cái xác thứ ba sẽ chẳng làm gã bận lòng.

“OK,” Kalle nói, tránh qua một bên. Hăn không chịu nổi việc nhìn mấy xấp tiền và mớ gói nhỏ đựng ma túy.

“Bỏ hết vào đây,” gã ra lệnh và đưa hăn một túi xách thể thao màu đỏ.

Kalle làm theo lời. Không chậm không nhanh, hăn chỉ bỏ đồ trong két vào túi xách trong khi óc tự động đếm. 200.000 krone. 200.000...

Khi hăn xong, gã kia bảo hăn ném túi xuống sàn trước mặt gã. Kalle lại làm theo. Phút đó hăn nhận ra rằng nếu hăn sắp bị bắn thì là lúc này đây. Ở đây.

Gã này không cần đến hẳn nữa. Kalle bước hai bước tới chỗ thẳng Cassius. Hẳn phải lấy bằng được khẩu súng.

“Nếu mày không làm vậy thì tao sẽ không bắn mày,” gã nói.

Cái quái gì vậy, gã biết đọc ý nghĩ sao?

“Để hai tay lên đầu và bước ra hành lang.”

Kalle do dự. Cái này có phải nghĩa là gã sẽ để cho hẳn sống không? Hẳn bước qua người Cassius.

“Lưng dựa tường đưa hai tay lên đầu.”

Kalle làm như gã nói. Hẳn quay đầu. Thấy gã đã nhặt khẩu súng của Pelvis và đang ngồi xổm dứt tay xuống dưới người Cassius, nhưng mắt thì nhìn Kalle.

Gã cũng xoay sở lấy được cả súng của Cassius.

“Vui lòng lấy viên đạn trên tường đằng kia ra?” gã nói và chỉ, và Kalle nhận ra hẳn đã thấy gã ở đâu. Bên sông, đó là người chạy bộ. Hẳn gã đã bám theo chúng. Kalle nhìn lên thì thấy đầu viên đạn mè cắm trong vữa. Một tia máu chạy từ vách về nơi bắt nguồn: đầu thẳng Pelvis. Viên đạn đã không đi với vận tốc lớn nên Kalle có thể dùng móng tay rút ra.

“Đưa nó đây,” gã nói, tay còn rảnh cầm lấy viên đạn. “Giờ tao muốn mày tìm viên đạn còn lại của tao với hai vỏ đạn rỗng. Mày có ba mươi giây.”

“Nếu viên kia trong người Cassius thì sao?”

“Tao không nghĩ vậy. Hai mươi chín.”

“Nhìn cái núi mỡ đó đi, ông!”

“Hai mươi tám.”

Kalle quỳ thụp xuống và bắt đầu tìm. Hắn nguyện rửa mình đã không chịu bỏ thêm tiền mua bóng đèn sáng hơn.

Đến mười ba thì hắn tìm thấy bốn vỏ đạn của Cassius và một của gã kia. Đến bảy, hắn tìm thấy viên đạn còn lại mà gã bắn chúng; hắn nó đã đi xuyên qua Cassius rồi đập vào cửa kim loại trước khi văng ra vì cửa có một vết lõm nhỏ.

Đếm ngược đã xong mà hắn vẫn không tìm thấy vỏ đạn cuối cùng.

Hắn nhắm mắt. Cảm thấy một bên mí mắt hơi quá khít cạ vào giác mạc khi cầu xin Chúa cho sống thêm một ngày nữa. Hắn nghe thấy tiếng súng, nhưng không thấy đau. Hắn mở mắt và nhận ra mình vẫn còn lồm cồm trên sàn.

Gã đã nhắc bóng súng của Pelvis lên từ người Cassius.

Chúa ơi, gã này dùng súng của Pelvis bắn Cassius thêm lần nữa cho chắc là hắn đã chết! Còn giờ gã đi chỗ thẳng Pelvis, cầm khẩu súng của Cassius ở ngay chỗ viên đạn đầu tiên đi vào, chỉnh góc. Rồi bóp cò.

“Mẹ kiếp!” Kalle hét lên và nghe thấy nỗi kinh hoàng trong giọng mình.

Gã bỏ hai khẩu súng của mấy đứa kia vào túi thể thao đỏ và dùng súng mình chìa vào Kalle. “Đi. Vào thang máy.”

Thang máy. Kính vỡ. Chuyện đó phải trong thang máy. Hắn phải tấn công gã trong thang máy.

Họ bước vào trong và dưới ánh đèn từ hành lang Kalle thấy trên sàn thang máy cũng có kính vỡ. Hắn lựa miếng dài dài trông sẽ hoàn hảo cho việc này.

Một khi cửa đóng lại thì bốn bề sẽ tối như bưng và hãn chỉ cần cúi xuống, chộp mảnh vỡ và vung ra một động tác uyển chuyển. Hãn phải làm...

Cửa đóng lại. Gã giắt súng vào lưng quần. Hoàn hảo! Sẽ chẳng khác nào cắt cổ gà. Tối sầm lại. Kalle cúi xuống. Mấy ngón tay vớ được mảnh kính. Hãn thẳng người lên. Rồi hãn thấy mình tê liệt.

Kalle không biết đó là kiểu khóa gì, chỉ là hãn bị tê liệt, còn không ngoạ được lấy một ngón tay. Hãn cố vùng vẫy thoát ra, nhưng giống như rút nhăm đầu dây gút, cái ghì càng lúc càng chặt hơn nữa lên cổ rồi đến hai tay hãn đau điếng. Chắc đó là một kiểu kỹ thuật võ nào đó. Mảnh kính tuột khỏi tay hãn. Thang máy bắt đầu chạy.

Cửa lại mở, họ nghe thấy tiếng trống bass thành thịch không dứt và tay ghì lỏng ra. Kalle mở miệng hít vào. Khẩu súng lại chĩa vào hãn và ra dấu cho hãn đi dọc hành lang.

Kalle được lệnh vào một phòng tập không có người rồi được bảo ngồi xuống sàn xoay lưng về phía lò sưởi. Hãn ngồi yên không nhúc nhích nhìn chăm chặp cái trống bass trên có viết nguệch ngoạc tên “Tuổi trẻ Vô vọng” trong khi gã thanh niên dùng sợi cáp đen dài trói hãn vào lò sưởi. Chống trả cũng vô ích, kẻ tấn công hãn không định giết hãn nếu không thì hãn đã chết rồi. Còn tiền và ma túy thì đền lại cũng được. Hãn sẽ phải rút tiền túi ra mà trả, tất nhiên rồi, nhưng cái trước hết trong đầu hãn là làm sao giải thích cho Vera hiểu rằng có lẽ sẽ không còn chuyến mua sắm ở một thành phố tuyệt vời nào đó trong tương lai thấy trước được. Gã kia nhặt hai sợi dây đàn ghi ta dưới sàn lên, quấn sợi dày hơn quanh đầu hãn, ngang sống mũi, còn sợi mảnh hơn quanh cằm. Hãn là gã cột dây vào lò sưởi sau lưng hãn; Kalle cảm thấy kim loại sợi mảnh nghiền vào da và rịt vào hàm dưới.

“Xoay đầu đi,” gã nói. Gã phải quát lên để át tiếng nhạc từ cuối hành lang.

Kalle cố quay đầu, nhưng mấy sợi dây đàn quá chặt.

“Tốt.”

Gã để cây quạt trên ghế, bật lên và hướng vào mặt Kalle. Kalle nhắm mắt trước luồng không khí và cảm thấy mồ hôi trên da khô đi. Khi mở mắt ra lại, hắn thấy gã đã đặt lại một ký siêu nhóc chưa trộn trên ghế trước cây quạt và kéo mũ trùm lên bịt mũi và miệng. Gã đang làm cái quỷ gì vậy? Rồi Kalle nhận thấy mảnh gương.

Có cảm giác như một bàn tay lạnh ngắt đang bóp chặt tim hắn.

Hắn biết chuyện gì sắp xảy ra.

Gã đánh xoẹt lấy mảnh kính. Kalle rần mình lại. Đầu mảnh chai đâm vào túi nhựa, rọc ra và nhoáng sau không khí đã đầy cả bột trắng. Nó vào mắt, miệng, mũi Kalle. Hắn ngậm miệng lại. Nhưng hắn còn phải ho. Hắn lại ngậm miệng.

Cảm thấy vị đắng của bột dính vào màng nhầy đã bắt đầu cay rát; ma túy đã vào dòng máu.

Tấm hình Pelle với vợ dính vào bảng đồng hồ bên trái, ở giữa tay lái và cửa.

Pelle sờ lên cái bề mặt mịn, lem nhem dầu mỡ. Ông đã về lại chỗ thường lệ ở Gamlebyen, nhưng chuyện đó chỉ phí thời gian, lúc này vắng vẻ vì đang mùa hè và máy chuyển đi lóe sáng trên màn hình xuất phát từ những điểm đến khác trong thành phố. Vậy nhưng, ông vẫn có thể hy vọng. Ông thấy một người rời cổng vào xưởng cũ. Gã bước nhanh và dứt khoát cho thấy gã có nhiều nơi phải đi và muốn vẫy chiếc taxi duy nhất tại đây taxi trước khi ngọn đèn trên nóc tắt và xe chạy đi. Nhưng rồi gã bỗng đứng lại và dựa vào tường. Gập đôi người. Gã đang đứng ngay dưới ngọn đèn nên Pelle thấy rõ thứ trong bao tử đang rơi tung tóe xuống nhựa đường. Không đời nào ông cho gã đi taxi của mình. Gã vẫn gập người mà nôn. Chính Pelle đã nhiều lần trong cảnh đó, chỉ nhìn thôi ông cũng đã nếm thấy mật trong miệng.

Rồi gã chùi miệng vào tay áo khoác trùm đầu, thẳng người lên, xốc quai túi xách lên vai lại rồi đi tiếp tới chỗ Pelle. Đến lúc gã tới thật gần Pelle mới nhận ra đó cũng là thanh niên ông đã chở mới một giờ trước. Anh ta đã không đủ tiền để đến ký túc xá. Còn giờ anh ta lại tỏ ý với Pelle rằng anh ta muốn đi chuyển nữa. Pelle bấm nút giữa mở hé cửa sổ. Chờ cho anh ta đến bên xe và cố hoài công mở cửa.

“Xin lỗi, anh bạn, tôi không chạy chuyển này đâu.”

“Làm ơn đi?”

Pelle nhìn anh ta. Nước mắt giàn giụa trên má. Có Chúa mới biết đã có chuyện gì, nhưng đó không phải việc của ông. Đúng, anh ta có thể có chuyện bất hạnh để kể lể, nhưng làm tài xế taxi ở Oslo ta không tồn tại được lâu nếu cứ mở cửa mời những lộn xộn của thiên hạ vào.

“Nghe này, tôi vừa thấy anh nôn. Nếu anh nôn ra xe, anh sẽ tốn một ngàn krone còn tôi mất một ngày thu nhập. Và lại, lần trước đi xe này, anh không có xu nào. Nên tôi sẽ chạy luôn, OK?”

Pelle kéo cửa lên và nhìn thẳng tới trước hy vọng cậu thanh niên sẽ bỏ đi mà không rầy rà gì, nhưng cũng sẵn sàng chạy đi nếu chuyện đó trở nên cần thiết.

Chúa ơi, tối nay chân ông đau quá. Ông liếc thấy cậu thanh niên mở túi lấy cái gì đó ép lên cửa sổ.

Pelle hơi quay đầu. Là tờ một ngàn krone.

Pelle lắc đầu, nhưng anh ta vẫn đứng yên, bất động. Chờ. Không hẳn là Pelle lo, lúc chiều anh chàng này đã không gây phiền gì. Trái lại, thay vì những nhiễu đòi Pelle chạy thêm khúc nữa như hầu hết người thiếu tiền vẫn làm, anh ta cảm ơn khi đồng hồ tới số tiền đã đưa ông và Pelle dừng xe cho anh ta xuống. Cảm ơn ông chân thành đến mức Pelle cảm thấy có lỗi vì

không chờ anh ta hết khúc đường đến ký túc xá ông chỉ mất thêm hai phút nữa thôi. Pelle thở dài và bấm nút mở cửa.

Cậu thanh niên chuồi vào ghế sau. “Cảm ơn ông, cảm ơn ông nhiều lắm.”

“Được rồi. Đi đâu đây?”

“Đầu tiên làm ơn tới Berg. Tôi cần cất cái này chút, nên tôi rất biết ơn nếu ông chờ được. Rồi đến Trung tâm Ila. Tôi sẽ gửi tiền ông trước, tất nhiên rồi.”

“Không cần đâu,” Pelle nói, nở má. Vợ ông nói đúng, ông quá tốt bụng so với cõi đời này.

Phần 3

21

Khi Martha đỗ chiếc golf mui trần đã mười giờ sáng và mặt trời đã chiếu xuống đường Waldemar Thranes từ lâu. Cô xuống xe rồi bước chân phơi phới đi ngang tiệm bánh ngọt đến lối vào nhà ăn Trung tâm Ila. Cô để ý thấy vài đàn ông - thậm chí cả vài phụ nữ - liếc nhìn khi cô đi qua. Chuyện đó không có gì là lạ, nhưng hôm nay dường như cô thu hút thêm sự chú ý. Cô cho là do tâm trạng phấn chấn khác thường của mình, nhưng không nghĩ ra được một lý do cụ thể nào. Cô đã tranh luận với mẹ chồng tương lai về ngày cưới, với Grete - giám đốc ký túc xá - về việc sắp xếp bảng phân công, và với Anders về hầu như mọi thứ. Có lẽ cô có tâm trạng vui vẻ vì hôm nay là ngày nghỉ của cô, vì Anders đã đi cùng mẹ đến căn nhà gỗ nhỏ hai ngày cuối tuần, và vì cô sẽ được hưởng cái nắng này trong hai ngày.

Khi bước vào nhà ăn, cô thấy mọi cái đầu hoang tưởng đều nhìn lên. Tất cả trừ một. Cô mỉm cười, vẫy chào khi mọi người gọi và bước đến chỗ hai cô gái sau quầy. Đưa một người chiếc chìa khóa.

“Các cô sẽ không sao đâu mà. Cứ làm cho xong. Nhớ là các cô có hai người.”

Cô gái gật, nhưng trông tái mét.

Martha rút cho mình tách cà phê. Cô đứng xoay lưng về phòng. Cô biết mình vừa nói hơi to hơn cần thiết. Cô quay lại mỉm cười như thể ngạc nhiên khi bắt gặp cái nhìn của anh. Đi lại bàn anh đang ngồi một mình. Cô nâng tách lên môi, vừa uống vừa nói.

“Anh dậy sớm thế?”

Anh nhượng một bên mày và cô nhận ra cái có vẻ ngớ ngẩn trong câu mình nói - giờ đã hơn mười giờ.

“Hầu hết mọi người ở đây thường dậy trưa,” cô vội nói thêm.

“Phải, đúng vậy,” anh mỉm cười.

“Nghe này, tôi chỉ muốn xin lỗi về chuyện xảy ra hôm qua.”

“Hôm qua?”

“Phải. Thường thì Anders không như vậy, nhưng đôi lúc... Gì đi nữa thì anh ấy cũng không có quyền nói với anh như vậy. Gọi anh là thằng nghiện rồi. . à, anh biết đấy.”

Stig lắc đầu. “Cô không cần xin lỗi, cô có làm gì sai đâu. Bạn trai của cô cũng vậy, tôi là thằng nghiện mà.”

“Còn tôi là kẻ chạy xe tẹt hại. Điều đó không có nghĩa tôi để mọi người nói vậy vào mặt tôi.”

Anh cười. Cô thấy tiếng cười làm nét mặt anh dịu đi, làm anh trông còn trẻ con hơn.

“Vậy mà cô vẫn chạy xe đấy thôi, tôi thấy mà.” Anh hất hàm về cửa sổ.
“Xe cô à?”

“Phải, tôi biết nó là đồ bỏ đi, nhưng tôi thích sự độc lập và tự do nó đem lại cho tôi. Anh không vậy sao?”

“Tôi không biết, tôi chưa chạy xe bao giờ.”

“Chưa bao giờ? Thật sao?”

Anh nhún vai.

“VẬY thì đáng buồn thật,” cô nói.

“Đáng buồn?”

“KHÔNG gì bằng chạy chiếc mui trần để mở mui trong nắng.”

“NGAY cả đối với một...”

“PHẢI, ngay cả đối với một người nghiện,” cô cười. “CHUYẾN đi tuyệt nhất anh từng có, tin tôi đi.”

“VẬY thì tôi hy vọng lúc nào đó cô chở tôi chạy một vòng.”

“TẤT NHIÊN rồi,” cô nói. “NGAY bây giờ luôn thì sao?”

Cô thấy chút ngạc nhiên trong cái nhìn của anh. Cô đã bốc đồng thốt ra lời mời. Cô biết mấy người kia đang nhìn họ. Thì đã sao? Cô có thể ngồi hàng giờ với mấy người kia nói về những vấn đề riêng của họ mà không ai nghĩ gì; trái lại, đó còn là một phần trong công việc của cô. Còn hôm nay là ngày nghỉ của cô nên cô được dùng thế nào tùy thích, không phải sao?

“CHẮC rồi,” Stig đáp.

“TÔI chỉ có vài giờ,” Martha nói, nhận ra giọng mình có chút nóng nảy. Sao chưa gì cô đã nghĩ lại?

“MIỄN là tôi được thử một cái,” anh đáp. “LÁI. Trông có vẻ vui.”

“TÔI biết một chỗ. Đi nào.”

Khi họ đi, Martha cảm thấy mọi con mắt đều dồn vào cô.

Stig chăm chú đến mức cô bật cười. Cúi người tới nắm chặt vô lăng, anh chạy thật chậm, thành từng vòng rộng quanh bãi xe ở Okern vốn luôn vắng hoe những ngày cuối tuần.

“Tốt rồi,” cô nói. “Giờ thử chạy theo hình số tám đi.”

Anh làm như cô nói và tăng tốc một chút, nhưng khi vòng quay tăng, anh tự động nhấc chân lên.

“Hôm nọ cảnh sát có ghé,” Martha nói. “Họ muốn biết chúng tôi có phát đôi giày thể thao mới nào không. Là vì vụ án mạng Iversen, nếu anh đã nghe chuyện đó.”

“Có, tôi có đọc,” anh nói.

Cô nhìn anh. Cô thích chuyện anh đọc. Hầu hết người trong trung tâm không đọc chữ nào, không hấp thu tin tức, không biết ai là thủ tướng hay ngày 11/9 là gì. Nhưng họ lại có thể cho ta biết thứ speed nào ở đâu giá bao nhiêu chính xác đến từng xu, độ tinh khiết của heroin và phần trăm hoạt chất trong bất kỳ dược phẩm mới nào.

“Nhân nói về Iversen, chẳng phải đó là tên của cái ông có thể kiếm cho anh một việc làm sao?”

“Phải. Tôi đã tới đó, nhưng giờ ông ta không có gì.”

“Ôi, tiếc quá.”

“Phải, nhưng tôi sẽ không bỏ cuộc, tôi còn nhiều tên nữa trong danh sách.”

“Tuyệt! Vậy là anh có một danh sách?”

“Phải, có.”

“Sao ta không thử sang số đi?”

Hai giờ sau họ đang phóng xuống Mosseveien. Cô lái. Một bên là vịnh Oslo lấp lánh trong nắng. Anh tỏ ra là người học nhanh. Sau vài lần tập sang số và côn có va vấp, khi họ làm được rồi thì như thể anh đã lập trình

cho óc nhớ động tác nào đã thực hiện rồi lặp lại, tự động. Sau ba lần thử khởi động ngang dốc, anh đã làm được mà không dùng phanh tay. Và khi đã hiểu cách áp dụng hình học trong việc đậu xe song song, anh làm thuần thục bằng một sự khéo léo gần như chọc tức.

“Gì đấy?”

“Depeche Mode,” anh nói. “Cô thích không?”

Cô lắng nghe bài hát, đoạn xướng âm hai phần và nhịp điệu máy móc.

“Có chứ,” cô nói, mở lớn máy nghe CD. “Nghe rất... Anh.”

“Đúng. Cô còn nghe được gì nữa?”

“Ừm. Phần không tưởng kiểu vui vẻ. Như thế họ không xem nặng lắm sự trầm cảm của mình, nếu anh hiểu tôi muốn nói gì.”

Anh cười. “Tôi biết cô muốn nói gì mà.”

Sau vài phút trên đường cao tốc, cô rẽ về phía bán đảo Nesoddtangen.

Đường sá trở nên hẹp hơn, xe cô thừa thớt hơn. Cô tấp vào bên đường và dừng xe.

“Anh sẵn sàng làm thật chưa?”

Anh gật. “Rồi, tôi đã sẵn sàng làm thật.”

Anh đáp bằng cảm xúc mãnh liệt khiến cô nghi anh nói về điều gì khác chứ không chỉ là lái xe. Họ xuống xe và đổi chỗ cho nhau. Cô nhìn anh ngồi sát vô lăng và nhìn thẳng phía trước, chăm chú. Anh đạp côn và vào số. Anh đạp chân ga cẩn thận và dè dặt.

“Gương,” cô nói trong khi tự mình kiểm hình ảnh trong gương chiếu hậu.

“Ồn cả,” anh nói.

“Đồng hồ.”

Anh bấm đồng hồ, lẩm nhẩm hai chữ “sẵn sàng” rồi nhẹ nhàng thả chân côn.

Họ từ từ chạy ra đường cái. Vòng quay hơi quá cao.

“Phanh tay,” cô nói và nắm cần điều khiển ở giữa họ để nhả ra. Cô cảm thấy bàn tay anh cũng đưa qua để nắm, nhưng chạm phải tay cô thì rụt lại như thể bị bỏng.

“Cảm ơn,” anh nói.

Họ chạy suốt mười phút mà không nói gì. Họ để một tài xế đang vội vượt mặt. Một xe móc chạy về phía họ. Cô nín thở. Cô biết rằng trên đường hẹp, cô sẽ tự động phanh lại và chạy qua một bên dù biết có đủ chỗ cho cả hai xe.

Nhưng Stig không bị nó dọa nạt. Và điều kỳ lạ là cô tin tưởng anh sẽ có quyết định đúng. Hiểu biết bẩm sinh về ba chiều trong não nam giới. Cô thấy hai bàn tay anh diềm nhiên tì trên tay lái. Và cô kết luận anh thiếu chính cái nét mà cô có thừa: khuynh hướng hoài nghi chính phán đoán của mình. Nhìn mấy sợi ven mịn, dày trên bàn tay anh cô biết là tim anh đang bình thản bơm máu ra. Máu chạy đến mấy đầu ngón tay. Cô thấy hai bàn tay anh bẻ nhanh tay lái, nhưng không sang phải quá mức, khi cái hồi há của xe móc xâm chiếm lấy xe họ.

“Chà!” Anh cười phẫn chấn và nhìn cô. “Cô có cảm thấy nó không?”

“Có,” cô nói. “Tôi cảm thấy rồi.”

Cô chỉ anh chạy tới mũi Nesodden, lên con đường đầy sỏi rồi họ đậu xe sau một dãy nhà thấp có cửa sổ nhỏ xíu sau nhà còn cửa sổ lớn nhìn ra biển.

“Những túp nhà nghỉ mát sửa sang lại từ thập niên 1950,” Martha vừa đi trước xuống con đường mòn giữa bãi cỏ cao vừa giải thích. “Tôi lớn lên trong một ngôi nhà như vậy. Còn đây là khu hứng nắng bí mật của chúng tôi. .”

Họ lên đến một đỉnh lờm chờm đá. Biển nằm bên dưới và họ nghe thấy tiếng hò reo vui vẻ của trẻ con đang nghịch nước tung tóe. Cách đó một quãng ngắn là bến cảng có phà chạy tuyến ngắn về phía Bắc đến Oslo, những hôm trời quang thì trông như chỉ cách vài trăm mét. Khoảng cách thực là năm cây số nhưng hầu hết người làm việc ở thủ đô thích đi lại bằng phà hơn là làm cuộc xe bốn mươi lăm cây số vòng quanh vịnh.

Cô ngồi xuống hít vào không khí mặn.

“Bố mẹ tôi cùng bạn bè thường gọi Nesodden là ‘Berlin nhỏ’,” Martha nói.

“Vì bao nhiêu là nghệ sĩ đã định cư tại đây. Sống trong một chòi nhỏ có gió lùa thì rẻ hơn ở Oslo. Nếu nhiệt độ hạ quá thấp, dưới điểm đóng băng, mọi người sẽ tụ tập trong nhà đỡ lạnh nhất. Là nhà chúng tôi. Họ thường thức và uống rượu vang đến sáng vì không đủ nệm cho tất cả mọi người nằm. Rồi tất cả sẽ có một bữa ăn sáng thật lớn với nhau.”

“Nghe hay quá.” Stig ngồi xuống cạnh cô.

“Phải, đúng vậy. Người dân ở đây quan tâm đến nhau.”

“Thật bình dị.”

“Chuyện đó thì tôi không biết. Có lúc họ cũng cãi vã chuyện tiền nong, phê bình nghệ thuật của nhau hay ngủ với vợ chồng của nhau. Nhưng chỗ này sống động, thú vị. Em gái tôi và tôi từng định ninh mình đang sống ở

Berlin cho đến ngày bố chỉ trên bản đồ cho tôi thấy Berlin thật nằm ở đâu. Và giải thích khoảng cách đó rất dài, hơn cả ngàn cây số. Nhưng rồi một ngày chúng tôi sẽ chạy xe đến đó. Bấy giờ chúng tôi sẽ thăm công Brandenburg và Cung điện Charlottenburg và chị em tôi sẽ là công chúa sống trong đó.”

“Cô đã đến đó chưa?”

“Đến Berlin thật ư?” Martha lắc đầu. “Bố mẹ tôi không có nhiều tiền của. Họ cũng không sống lâu lắm. Bố mẹ mất ngày tôi mười tám nên tôi phải chăm lo cho em gái. Nhưng tôi vẫn luôn mơ về Berlin. Đến nỗi tôi không còn chắc nó có tồn tại thật không?”

Stig chậm rãi gật, nhắm mắt nằm ngửa ra trên cỏ.

Cô nhìn anh. “Sao ta không nghe thêm vài bản nhạc anh có nhỉ?”

Anh hé một mắt. Nheo nheo. “Depeche Mode hả? Đĩa CD để trong máy trên xe rồi.”

“Đưa tôi mượn điện thoại,” cô nói.

Anh đưa rồi cô bấm phím. Chẳng mấy chốc đã có tiếng thở nhịp nhàng phát ra từ mấy loa nhỏ. Rồi một giọng đều đều đề nghị họ làm một chuyến đi. Stig trông sững sốt đến độ cô bật cười.

“Đó gọi là Spotify,” cô nói, để điện thoại giữa hai người. “Ta có thể nghe nhạc trực tuyến trên web. Những thứ này đều mới lạ với anh cả sao?”

“Trong tù chúng tôi không được phép dùng điện thoại di động,” anh nói, hăm hờ cầm điện thoại lên.

“Trong tù?”

“Phải, tôi từng ngồi tù.”

“Anh đã buôn ma túy?”

Stig che mắt cho khỏi nắng. “Phải.”

Cô gật. Rồi nhoén cười. Cô, hơn ai hết, đã hình dung điều gì vậy? Rằng anh là người nghiện ma túy và là công dân tuân thủ pháp luật? Anh đã làm cái anh phải làm, cũng như bao người khác.

Cô lấy điện thoại trên tay anh. Chỉ cho anh chức năng GPS rằng nó có thể cho biết họ đang ở đâu trên bản đồ và cách để tính tuyến đường ngắn nhất đến bất kỳ nơi nào trên thế giới. Cô dùng chức năng máy ảnh chụp hình anh, bấm *ghi âm*, đưa lên bảo anh nói gì đó.

“Ngày hôm nay đẹp tuyệt,” anh nói.

Cô bấm dừng ghi âm rồi mở lại cho anh nghe.

“Giọng tôi đó sao?” Anh hỏi, ngạc nhiên và rõ ràng bối rối.

Cô bấm dừng rồi mở lại. Giọng nghe nghẹt và rè rè qua loa: “Giọng tôi đó sao?”

Thế là cô cười khi thấy vẻ mặt anh. Cô còn cười ngặt nghẽo hơn khi anh giật điện thoại lại, tìm được phím ghi âm và nói giờ đến lượt cô, giờ cô phải nói gì đó, không, cô phải hát.

“Không đâu!” cô phản đối. “Tôi thích được anh chụp hình hơn.”

Anh lắc đầu. “Giọng hay hơn.”

“Tại sao?”

Anh làm động tác như thể vén tóc ra sau tai. Cử chỉ đã thành thói quen của người để tóc dài lâu đến mức quên mất mình đã cắt đi rồi, cô nghĩ.

“Người ta có thể thay đổi diện mạo. Nhưng giọng thì vẫn vậy.”

Anh nhìn ra biển và cô theo cái nhìn của anh. Không thấy gì ngoài mặt biển lung linh, vài con mòng biển, mấy tảng đá và cánh buồm xa xa.

“Một số giọng thì có đấy,” cô nói. Cô đang nghĩ đến đứa bé. Tiếng thút thít trên bộ đàm. Cái đó thì không bao giờ khác đi.

“Cô thích hát,” anh nói. “Nhưng không phải trước mặt người khác.”

“Điều gì khiến anh nói vậy?”

“Vì cô thích nhạc. Nhưng khi tôi bảo cô hát, trông cô cũng chết điếng như cô gái trong nhà ăn khi cô đưa chìa khóa cho cô ấy.”

Cô giật bản. Anh đọc được ý nghĩ của cô sao?

“Cô ấy sợ gì vậy?”

“Không có gì,” Martha nói. “Cô ấy và người còn lại phải cắt vụn và sắp xếp lại hồ sơ trên gác mái. Chẳng ai ưa lên đó. Vì vậy nhân viên thay phiên nhau lên mỗi khi có việc cần làm trên đó.”

“Gác mái có chuyện gì sao?”

Martha nhìn theo một con mòng biển chờn vờn giữa không trung, cao tít trên mặt biển, đôi cánh nó hơi tròn trành. Hẳn là gió trên ấy mạnh hơn dưới đây nhiều.

“Anh tin có ma không?” Cô hỏi khẽ.

“Không.”

“Tôi cũng không.” Cô ngả người chống trên cùi chỏ để mình phải quay lại nếu muốn thấy anh. “Trung tâm Ila trông như từ thế kỷ mười chín nhỉ?”

Nhưng thực ra nó được xây vào những năm 1920. Ban đầu nó chỉ là một nhà trọ bình thường...”

“Mấy chữ đúc bằng gang phía trước.”

“Đúng, nó là từ thời ấy. Nhưng trong chiến tranh người Đức đã biến nó thành trại tể bần cho các bà mẹ không kết hôn và con họ. Những năm đó để lại nhiều câu chuyện bi thảm và chúng để lại vết tích trên tường. Một phụ nữ đến trọ có một bé trai và cứ nhất quyết mình còn trinh - mấy cô gái thời ấy thỉnh thoảng nói vậy khi thấy mình gập rắc rối. Người đàn ông bị mọi người gán tội đã có gia đình cho nên đương nhiên không chịu nhận là cha đứa bé. Có hai lời đồn về anh ta. Một, anh ta là thành viên Kháng chiến. Hai, anh ta là gián điệp của Đức trà trộn vào quân Kháng chiến và đó là lý do người Đức đã cho cô này một chỗ ở trại tể bần và không bắt anh kia. Dù sao thì một sáng người đó đã bị bắn chết trong tàu điện đông người giữa trung tâm Oslo. Chưa bao giờ xác định được hung thủ là ai. Quân Kháng chiến quả quyết họ đã thanh trừng một kẻ phản bội, người Đức thì khẳng định đã bắt được một thành viên Kháng chiến.

Để thuyết phục những ai nghi ngờ, người Đức đã treo xác lên đỉnh ngọn hải đăng Kavringen.”

Cô chỉ ra biển.

“Ban ngày thủy thủ đi ngang ngọn hải đăng sẽ thấy cái xác quắt queo bị mòng biển mổ còn những ai đi ban đêm sẽ thấy cái bóng khổng lồ đổ trên mặt biển. Cho đến một ngày cái xác bỗng nhiên biến mất. Một số người nói quân Kháng chiến đem đi rồi. Nhưng từ hôm ấy người đàn bà đâm ra loạn trí và cứ nói người chết ám mình. Rằng đêm đêm anh ta đến phòng cô, cúi xuống bên cái cũi có đứa con của họ, và khi cô thét lên đuổi ra thì anh ta quay qua cô với hai hố đen ở nơi từng là đôi mắt.”

Stig nhướng một bên mày.

“Grete, giám đốc Trung tâm Ila, kể lại cho tôi câu chuyện như vậy” , Martha nói. “Dù sao, truyền thuyết kể rằng đứa bé không chịu nín, nhưng mỗi khi những người đàn bà ở mấy phòng khác than phiền và bảo cô đỡ đứa bé, cô đáp rằng đứa bé khóc cho cả hai người họ và sẽ làm vậy mãi mãi.” Martha dừng.

Sắp tới chỗ cô thích nhất trong chuyện. “Người ta đồn rằng cô này không biết cha đứa bé làm cho phe nào, nhưng để trả đũa anh ta vì không nhận bốn phận làm cha nên cô đã đi báo với người Đức anh ta là thành viên Kháng chiến và khai với Kháng chiến anh ta là gián điệp.”

Một cơn gió lạnh bất thần khiến Martha rùng mình nên cô ngồi thẳng dậy hai tay ôm đầu gối.

“Một buổi sáng người đàn bà không xuống ăn sáng. Họ tìm thấy cô trên gác mái. Cô đã treo cổ từ xà ngang lớn trên mái. Ta vẫn có thể thấy lờ mờ vết hằn trên gỗ chỗ có lẽ cô đã cột sợi dây thừng.”

“Và giờ đây cô ta ám gác mái?”

“Tôi không biết. Tôi chỉ biết là khó mà chỗ đó. Tôi không tin có ma, nhưng dường như chẳng ai ở lâu trên gác mái được. Cứ như ta có thể nhận thấy điềm rui. Nhiều người bị nhức đầu, cảm thấy bị xô ra khỏi phòng. Và thường họ là nhân viên mới hay nhà thầu được thuê lo việc bảo trì, những người không biết câu chuyện. Và, không, không có a-mi-ăng dùng để cách âm hay gì như vậy cả.”

Cô nhìn kỹ anh, nhưng anh không tỏ vẻ nghi ngờ hay cười nhếch mép mà cô phần nào tưởng sẽ thấy. Anh chỉ lắng nghe.

“Nhưng vậy vẫn chưa hết,” cô nói tiếp. “Đứa bé.”

“Phải,” anh nói.

“Phải? Anh đoán ra rồi?”

“Nó không còn nữa.”

Cô nhìn anh kinh ngạc. “Làm sao anh biết?”

Anh nhún vai. “Cô bảo tôi đoán mà.”

“Một số người cho là người mẹ đã giao nó cho Kháng chiến ngay đêm cô ta treo cổ. Số khác thì nói cô ta giết chết đứa bé đem chôn sau vườn để không ai lấy mất con ta. Dù sao. .” Martha hít một hơi sâu. “Không bao giờ tìm thấy nó.

Và điều kỳ lạ là thỉnh thoảng chúng tôi nghe có tiếng động trên bộ đàm, nhưng chúng tôi không thể nhận ra nó từ đâu. Nhưng chúng tôi nghĩ đó là...”

Cô thấy trông anh như đã đoán được cả chuyện đó.

“Một đứa bé khóc,” cô nói.

“Một đứa bé khóc,” anh lặp lại.

“Nhiều người, nhất là nhân viên mới, đâm hoảng sợ khi nghe thấy, nhưng Grete bảo họ là đôi khi bộ đàm bắt tín hiệu từ các thiết bị trông trẻ nhà hàng xóm.”

“Nhưng cô không nghĩ vậy?”

Martha ngập ngừng. “Có lẽ bà ấy đúng.”

“Nhưng?”

Lại một cơn gió nữa. Mây đen đã xuất hiện ở đằng Tây. Martha tiếc đã không mang theo áo choàng.

“Tôi làm việc tại Trung tâm Ila đã bảy năm nay. Và khi anh nói là giọng không hề đổi. .”

“Thì sao?”

“Tôi cam đoan đó vẫn chính là đứa bé ấy.”

Stig gật. Anh không nói gì, không cố đưa ra lời giải thích hay bình luận. Anh chỉ gật. Cô thích điều đó.

“Cô biết mấy đám mây đó nghĩa là gì không?” cuối cùng anh hỏi và đứng lên.

“Là trời sắp mưa và đã đến lúc ta về nhà?”

“Không,” anh nói. “Là ta phải ra bơi ngay để còn hơ nắng cho kịp khô.”

“Vô cảm,” 1 Martha nói. Cô nằm ngửa, nhìn trời; trong miệng cô vẫn còn vị nước mặn và cô cảm nhận được những viên đá nóng rực bên dưới người mình và hơi ẩm thấm qua đồ lót ướt. “Nó nghĩa là tôi đã không còn biết quan tâm.

Trong lĩnh vực chăm sóc ở Na Uy điều đó khó chấp nhận đến mức thậm chí chúng ta còn không có từ tiếng Na Uy cho nó.”

Anh không đáp. Mà chuyện đó thì tốt thôi, không hẳn cô đang nói với anh, anh chỉ là cái cớ để ý nghĩ thành lời.

“Tôi nghĩ đó là một cách tự bảo vệ mình, đứng ngoài khi mọi chuyện trở nên quá sức. Cũng có thể cái giếng đã khô cạn, có lẽ tôi đã hết sạch tình thương.”

Cô ngẫm nghĩ. “Không, điều đó không đúng. Tôi có nhiều.. chỉ là không...”

Martha thấy một đám mây hình dáng như nước Anh trôi qua bầu trời. Ngay trước khi đi qua đọt cây trên đầu cô, nó hóa thành con voi ma mút. Lúc này, về nhiều mặt, đây giống như đang nằm trên trường kỷ của bác sĩ trị liệu cho cô.

Ông ta là một trong những người vẫn còn dùng trường kỷ.

“Anders là anh chàng can đảm nhất và đẹp trai nhất trường,” cô nói với đám mây. “Đội trưởng đội bóng của trường. Vui lòng đừng hỏi tôi anh ấy có phải là chủ tịch hội sinh viên không.”

Cô chờ.

“Phải không?”

“Phải.”

Cả hai bật cười.

“Cô đã đem lòng yêu anh ta?”

“Tha thiết. Tôi vẫn còn yêu. Tôi yêu anh ấy. Anh ấy là một thanh niên tốt.

Anh ấy còn nhiều thứ khác chứ không chỉ đẹp trai và khỏe mạnh. Tôi may mắn có Anders. Còn anh thì sao?”

“Còn tôi thì sao cái gì?”

“Anh đã có mấy người bạn gái rồi?”

“Không có ai cả.”

“Không ai cả sao?” Cô chống người dậy trên cùi chỏ. “Một anh chàng đẹp trai như anh, tôi không tin đâu.”

Stig đã cởi sơ mi. Da anh xanh xao trong nắng đến gần như làm cô chói mắt.

Cô hơi ngạc nhiên khi để ý thấy anh không có dấu kim tiêm mới. Cô đoán có lẽ là nơi bắp đùi hay bẹn.

“Thật sao?” cô nói.

“Tôi cũng từng hôn vài cô.. ” Anh đưa tay vuốt lên mấy dấu cũ. “Nhưng đây là người yêu duy nhất của tôi...”

Martha nhìn mấy dấu kim tiêm. Cô cũng muốn vuốt lên đó. Làm cho chúng biến đi.

“Ngày đầu tôi phỏng vấn, anh nói anh bỏ rồi,” cô nói. “Tôi sẽ không báo Grete đâu. Một thời gian nữa đã. Nhưng anh biết...”

“... là trung tâm chỉ dành cho người đang dùng.”

Cô gật. “Anh có nghĩ mình đủ sức làm vậy không?”

“Qua được kỳ thi lấy bằng lái?”

Họ nhìn nhau cười.

“Hôm nay thì tôi sạch,” anh nói. “Mai lại là ngày khác rồi.”

Mây vẫn còn xa tít tắp, nhưng cô nghe thấy tiếng đi đùng xa xa, một lời cảnh báo cho cái sắp đến. Và như thế mặt trời cũng biết điều đó, nó tỏa sáng rực rỡ thêm chút nữa.

“Cho tôi mượn điện thoại anh đi,” cô nói.

Martha bấm ghi âm. Rồi cô hát bài bố cô vẫn đàn ghita cho mẹ cô. Thường khi một trong những bữa tiệc bất tận mùa hè của họ sắp tàn. Ông ngồi ở

chính chỗ lúc này họ đang ngồi, cùng cây ghita móp méo, gảy đàn khẽ đến mức chỉ vừa đủ nghe. Bài hát của Leonard Cohen nói rằng ông vẫn luôn là người yêu của nàng, và sẽ cùng nàng phiêu du khắp chốn, theo nàng thật mù quáng, rằng ông biết nàng tin tưởng ông vì tâm tưởng ông đã chạm vào tấm thân tuyệt bích của nàng.

Cô hát giọng nhỏ, yếu ớt. Khi hát thì bao giờ cô cũng vậy; nghe có vẻ yếu đuối hơn và dễ tổn thương hơn con người cô nhiều. Đôi lúc cô tự hỏi phải chăng cô đúng là như vậy, và phải chăng cái giọng kia, giọng rần rỏi hơn cô dùng để bảo vệ mình, không phải là cô.

“Cảm ơn,” anh nói khi cô hát xong. “Hay thật đấy.”

Cô không thắc mắc sao chuyện đó làm cô bối rối. Cô thắc mắc sao nó không khiến cô bối rối hơn.

“Đến lúc ta chạy xe về rồi.” Cô mỉm cười trả điện thoại lại cho anh.

Lẽ ra cô phải biết cố hạ cái mui xe cũ kỹ, mục nát xuống là chuốc lấy phiền toái nhưng cô muốn cảm nhận không khí trong lành trên đường đi. Họ phải vật vã hơn mười lăm phút, hết vò đầu bứt tóc đến dùng bạo lực, nhưng rồi cuối cùng họ cũng bỏ mui xuống được. Và cô biết mình sẽ không bao giờ chống mui lên lại, nếu không có đồ phụ tùng và Anders giúp sức. Khi cô vào xe, Stig đưa điện thoại cho cô xem. Anh đã nhập Berlin vào trong GPS.

“Bố cô nói đúng,” anh nói. “Từ Berlin nhỏ đến Berlin lớn là 1.030 km. Thời gian chạy xe dự kiến là mười hai giờ mười lăm phút.”

Cô lái. Cô chạy xe nhanh như thể họ có gì cấp bách phải làm. Hay đang cố chạy trốn. Cô nhìn trong gương. Những đám mây trắng cao ngất trên vịnh làm cô mừng tượng ra một cô dâu. Một cô dâu bước quả quyết và không dừng được về phía họ, với tấm khăn voan mưa tha thướt đằng sau.

Những hạt mưa nặng trĩu đầu tiên chạm xuống người họ khi họ kẹt giữa xe cộ đông nghịt trên đường vành đai số 3 và cô nhận ra ngay là họ đã thua cuộc.

“Chạy ra đây đi,” Stig nói, chỉ.

Cô làm theo, thế rồi bỗng đâu họ nhận ra mình đã đến một khu dân cư.

“Rẽ phải ở đây này,” Stig nói.

Mưa rơi dày hơn. “Ta ở đâu đây?”

“Berg. Cô có thấy căn nhà màu vàng đó không?”

“Có.”

“Tôi quen chủ nhà đó, nhà bỏ không. Dừng bên ngoài nhà xe đằng kia đi để tôi mở cửa nhà xe.”

Năm phút sau họ đã ngồi giữa một mớ dụng cụ gỉ sét, lốp xe mòn và bàn ghế dùng ngoài vườn phủ mạng nhện, nhìn mưa trút xuống bên ngoài cửa nhà xe mở.

“Trông không có vẻ gì là sẽ sớm tạnh,” Martha nói. “Mà tôi nghĩ mui xe thì coi như tạch rồi.”

“Tôi đồng ý,” Stig nói. “Một tách cà phê nhé?”

“Đâu?”

“Trong nhà bếp. Tôi biết chìa khóa để đâu.”

“Nhưng...”

“Đây là nhà tôi.”

Cô nhìn anh. Cô đã chạy xe không đủ nhanh. Cô không về kịp. Dù là gì đi nữa thì cũng đã quá muộn.

“OK,” cô nói.

Ghi chú:

1. Từ nguyên văn tiếng Anh, compassion fatigue, để chỉ tình trạng giảm dần lòng trắc ẩn, thường ở những người làm việc trực tiếp với các nạn nhân bị tổn thương.

Simon chỉnh lại cái mặt nạ mỏng cho ngay rồi nhìn kỹ cái xác. Nó gợi nhớ điều gì đó.

“Hội đồng sở hữu và quản lý chỗ này,” Kari nói. “Họ cho các ban nhạc trẻ thuê phòng với giá gần như cho không để diễn tập. Hát về kiếp kẻ cướp thì tốt hơn là chạy xe khắp phố làm kẻ cướp thật.”

Simon nhớ ra đó là gì. Jack Nicholson đông cứng đến chết trong *Ngôi nhà ma*. Ông đã đi xem phim đó một mình. Chuyện đó là sau cô ấy. Và trước Else.

Có lẽ đó là tuyết. Người chết trông như nằm trong đồng tuyết. Một lớp mịn heroin phủ lên cái xác và gần như cả phòng. Quanh miệng, mũi và mắt người chết bột đã tiếp xúc với hơi ẩm nên vón cục lại.

“Một ban nhạc đang tập dượt cuối hành lang khi ra về thì phát hiện ra hãn,”

Kari nói.

Cái xác được phát hiện tối qua, nhưng mãi đến sáng nay khi Simon tới chỗ làm mới được thông báo là đã tìm thấy tổng cộng ba người thiệt mạng. Và Kripos đang xử lý vụ này.

Nói cách khác, ủy viên đã yêu cầu Kripos hỗ trợ - chẳng khác nào đưa vụ này cho họ - thậm chí cũng không hỏi ý Đội Điều tra án mạng của ông trước.

Có lẽ rốt cuộc kết quả cũng như nhau, nhưng dù là vậy đi nữa.

“Tên hãn là Kalle Farrisen,” Kari nói.

Cô đọc to báo cáo sơ bộ. Simon đã gọi ủy viên yêu cầu gần báo cáo cho họ.

Và yêu cầu được tức thì tiếp cận hiện trường vụ án. Suy cho cùng, đây vẫn là địa bàn của họ.

“Simon này,” ủy viên đã nói, “bất luận thế nào, cứ xem qua, nhưng đừng dính vào. Anh và tôi già quá rồi không thi tè được đâu.”

“Anh thì có lẽ già quá rồi,” Simon đáp.

“Anh nghe tôi nói rồi đấy, Simon.”

Đôi lúc Simon cũng ngẫm điều đó. Không có gì phải nghi ngờ chuyện ai trong họ có nhiều tiềm năng nhất. Con đường đã rẽ nhánh từ đâu vậy? Chuyện ai sẽ ngồi ghế nào đã được định đoạt từ khi nào vậy? Ai sẽ ngồi ghế có lưng dựa cao trong văn phòng ủy viên còn ai sẽ ngồi ghế cộc cạch trong Đội Điều tra án mạng, cánh bị chặt đi mất. Và kẻ giỏi nhất trong họ thì lại phải ngồi trên ghế trong phòng làm việc với một viên đạn từ súng của mình xuyên qua đầu.

“Máy sợi dây đàn ghi ta quấn quanh đầu là dây E và G và do Ernie Ball sản xuất. Sợi cáp hai giắc cắm là của Fender,” Kari đọc.

“Còn cây quạt và lò sưởi?”

“Gì cơ?”

“Không có gì. Tiếp đi.”

“Quạt bật. Kết luận sơ bộ của giám định viên pháp y là Kalle Farrisén bị ngạt.”

Simon xem xét kỹ cái gút sợi cáp có giắc cắm. “Trông như Kalle buộc phải hít ma túy thổi vào mặt. Cô đồng ý không?”

“Vâng,” Kari nói. “Hắn xoay xử nín thở được một lúc, nhưng rốt cuộc đành chịu thua. Máy sợi dây đàn không cho hắn xoay mặt đi chỗ khác. Nhưng

hắn đã cố, vì vậy mà có mấy tổn thương do sợi dây đàn mảnh. Cuối cùng heroin vào mũi, bụng và phổi, nó thấm vào dòng máu, hắn bắt đầu thấy phê thuốc và tiếp tục thở. Nhưng lúc này đã yếu đi vì heroin kiềm chế hơi thở. Và cuối cùng, hắn tắt thở.”

“Một ca kinh điển chết vì quá liều,” Simon nói. “Như chuyện xảy ra cho vài khách hàng của hắn.”

Ông chỉ sợi cáp. “Và người thắt gút này là người thuận tay trái.”

“Ta không thể cứ gặp nhau kiểu này được.”

Họ quay lại. Asmund Bjornstad đang đứng bên cửa với nụ cười gượng gạo và hai người sau anh ta đang cầm băng ca.

“Giờ chúng tôi muốn đem xác đi, nên nếu hai người đã xong...”

“Chúng tôi đã xem hết những gì cần,” Simon nói, khó nhọc đứng dậy.

“Chúng tôi nhìn quanh một vòng thì có được không?”

“Tất nhiên,” điều tra viên bên Kripos nói, vẫn cười nửa miệng, hào hiệp chỉ đường cho họ. Simon ngạc nhiên tròn mắt với Kari, đáp lại cô nhướn mày như để nói anh ta đã hoàn toàn đổi thái độ.

“Có nhân chứng nào không?” Trong thang máy Simon hỏi và nhìn kính vỡ.

“Không,” Bjornstad nói. “Nhưng tay ghi ta trong ban nhạc phát hiện cái xác nói lúc chiều có một gã ở đây. Hắn ta nhận là đang chơi trong ban nhạc Tuổi trẻ Vô vọng, nhưng chúng tôi kiểm tra thì ban đó không còn tồn tại nữa.”

“Hắn trông thế nào?”

“Nhân chứng nói gã này mặc áo có mũ trùm đầu. Thời nay nhiều thanh niên mặc vậy lắm.”

“Vậy là hẳn còn trẻ?”

“Nhân chứng nghĩ vậy. Đâu khoảng hai mươi đến hai mươi lăm.”

“Áo màu gì?”

Bjornstad lật sổ tay. “Tôi tin là xám.”

Cửa thang máy mở, họ thận trọng bước ra và rướn người bước qua những băng và lá cờ nhỏ các cảnh sát điều tra hiện trường bố trí. Trên tầng này có bốn người. Hai sống và hai đã chết. Simon gật đầu chào nhanh với một người còn sống. Người đàn ông có chòm râu đỏ hoe rậm rì đang khom cả người bên cái xác, tay cầm đèn pin cỡ bằng cây bút máy. Người chết có vết thương lớn dưới một bên mắt. Một vòng máu đỏ thẫm trên khoảng sàn quanh đầu. Bên trên là máu bắn tung tóe tạo thành hình thù như những giọt nước mắt. Có lần Simon đã cố giải thích cho Else hiểu một hiện trường vụ án có thể đẹp ra sao. Ông đã thử một lần và không bao giờ thử lại.

Một nạn nhân nữa to béo hơn nhiều năm bên ngưỡng cửa, phần thân trên nhô vào trong phòng.

Cái nhìn của Simon tự động lướt khắp mấy vách tường rồi tìm thấy lỗ đạn trên một bức tường. Ông để ý thấy ô cửa sổ nhỏ nơi cửa và tấm gương treo dưới trần nhà. Rồi ông lùi một bước vào thang máy, giơ cánh tay phải lên nhắm.

Đổi ý và giơ tay trái lên. Ông phải bước sang phải một bước để góc khớp với đường đạn của một viên đạn đi qua đầu nạn nhân và - nếu sọ đã không khiến viên đạn chệch hướng - vào lỗ đạn trong tường thạch cao. Ông nhắm mắt. Gần đây ông cũng đã đứng một vị trí như vậy. Trên thềm ngoài nhà

Iversen. Dùng bàn tay phải mà nhắm. Ở đó ông cũng đã phải chỉnh vị trí để khớp với góc.

Bước một bước ra ngay bên ngoài lối đi lát đá phiến. Giẫm vào đất xốp. Cũng là thứ đất mềm quanh bụi cây. Nhưng không thấy dấu giày trùng khớp trên khoảng đất cạnh lối đi.

“Ta tiếp tục chuyển tham quan chứ, thưa quý ông quý bà?” Bjornstad giữ cửa mở và chờ cho Kari với Simon bước qua xác mà vào. “Hội đồng đã để cho cái mà họ tưởng là một nhóm quản lý và đặt chỗ cho các ban nhạc thuê phòng này.”

Simon nhìn vào kết sắt trống trơn. “Anh nghĩ chuyện gì đã xảy ra?”

“Vụ xô xát có liên quan đến băng nhóm,” Bjornstad nói. Chúng tấn công xưởng vào giờ gần đóng cửa. Nạn nhân đầu bị bắn khi đang nằm dưới sàn - chúng tôi đã tìm lại được viên đạn dưới ván sàn. Nạn nhân thứ hai bị bắn khi nằm vắt ngang ngưỡng cửa - trên sàn cũng có một viên đạn. Chúng buộc tên thứ ba mở kết sắt. Chúng lấy tiền và ma túy, rồi giết hắn dưới lầu để gửi lời nhắn cho bên cạnh tranh biết giờ đây ai là sếp.”

“Tôi hiểu rồi,” Simon nói. “Còn mấy vỏ đạn?”

Bjornstad cười nhanh. “Tôi biết mà. Sherlock Holmes đã đánh hơi thấy mối liên hệ với vụ án mạng Iversen.”

“Không có vỏ đạn rỗng?”

Asmund Bjornstad nhìn từ Simon qua Kari rồi lại nhìn Simon. Thế rồi - với nụ cười hô biến của ảo thuật gia - anh ta lấy trong túi áo khoác ra một túi nhựa.

Anh ta cầm toòng teng trước mặt Simon. Túi đựng hai vỏ đạn rỗng.

“Xin lỗi đã lật đổ giả thiết của ông, ông bạn,” anh ta nói. “Vả lại, mấy lỗ đạn to trên người nạn nhân cho thấy đường kính lớn hơn cái chúng tôi tìm thấy ở Agnete Iversen nhiều. Và thông tin này đã kết thúc chuyến tham quan có hướng dẫn của các vị. Tôi hy vọng các vị thích.”

“Tôi có ba câu hỏi thôi rồi chúng tôi sẽ đi.”

“Vậy thì bắt đầu đi, chánh thanh tra Kefas.”

“Anh tìm thấy mấy vỏ đạn rỗng ở đâu?”

“Kế mấy cái xác.”

“Vũ khí của nạn nhân đâu?”

“Chúng không có vũ khí nào cả. Câu hỏi cuối cùng?”

“Ủy viên bảo anh nên có tinh thần hợp tác và hướng dẫn chúng tôi tham quan?”

Asmund Bjornstad cười. “Thông qua sếp tôi ở Kripos, có lẽ vậy. Ta luôn làm theo lời sếp bảo, đúng không?”

“Phải,” Simon nói. “Nếu ta muốn thành công thì đó là cái chúng ta làm. Cảm ơn vì chuyến tham quan.”

Bjornstad ở lại trong phòng còn Kari đi theo Simon. Cô dừng sau lưng ông khi Simon, thay vì đi thẳng vào thang máy, hỏi mượn ông cảnh sát điều tra hiện trường có râu quai nón cây đèn pin rồi bước tới lỗ đạn trên tường. Rọi đèn pin vào đó.

“Anh lấy viên đạn đi rồi hả, Nils?”

“Chắc đó là lỗ cũ, chúng tôi không tìm thấy viên đạn nào ở đây,” Nils nói khi xem xét khoảng sàn nhà quanh cái xác bằng kính lúp đơn sơ.

Simon ngồi xổm xuống, thấm ướt mấy đầu ngón tay rồi quẹt lên khoảng sàn bên dưới lỗ đạn. Ông giơ mấy ngón tay lên cho Kari xem. Cô thấy mấy hạt thạch cao li ti dính trên da ông.

“Cảm ơn đã cho dùng đèn pin,” Simon nói và Nils nhìn lên, khẽ gật và cầm lấy đèn pin.

“Làm vậy là sao?” Kari hỏi khi cửa thang máy đã khép lại trước mặt họ.

“Tôi cần một phút suy nghĩ rồi tôi sẽ cho cô biết,” Simon nói.

Kari bực tức. Không phải vì cô nghi sếp mình kín miệng, mà bởi cô không theo kịp ông. Không đủ sức theo kịp không phải là chuyện cô quen. Cửa mở và cô bước ra. Cô quay lại nhìn Simon dò hỏi, ông vẫn còn đứng trong thang máy.

“Cô làm ơn cho tôi mượn viên bi được không?” ông hỏi.

Cô thở dài thò tay vào túi. Simon đặt viên bi nhỏ màu vàng ngay giữa sàn thang máy. Mới đầu nó lăn chậm, rồi càng lúc càng nhanh về phía trước thang máy và mất hút dưới khe hở giữa cửa trong và cửa ngoài.

“Ồi,” Simon nói. “Ta xuống tầng hầm tìm đi.”

“Nó đâu phải chỉ có một,” Kari nói. “Tôi vẫn còn ở nhà.”

“Tôi đâu có nói về viên bi.”

Kari lại hấp tấp đi theo, vẫn sau ông hai bước. Ít ra là vậy. Cô chợt có một ý nghĩ. Ý nghĩ về một việc làm khác cô đã có thể chọn và ngay lúc này có thể đang làm. Lương cao hơn, độc lập hơn. Không có những ông sếp gàn dở và những xác chết bốc mùi hôi thối. Nhưng rồi sẽ đến lúc đó thôi; giờ thì vấn đề là trang bị cho mình lòng kiên nhẫn.

Họ tìm thấy cầu thang, hành lang tầng hầm và cửa thang máy. Trái với mấy tầng trên đây là cửa kim loại đơn sơ có tấm kính đốm. Ngang cửa có tấm bảng.

THANG MÁY SỬA CHỮA. TRÁNH XA. Simon lắc lắc tay nắm. Đã khóa.

“Chạy lên lầu đến mấy phòng tập xem cô có tìm được sợi dây cáp nào không,” Simon nói.

“Cáp loại. .”

“Gì cũng được,” ông nói và dựa vào tường.

Cô nhịn không phản đối và quay lại cầu thang.

Hai phút sau cô quay lại cùng sợi cáp có hai giắc cắm rồi nhìn Simon tháo phích cắm ra và xé phần nhựa quanh dây điện. Rồi ông uốn sợi cáp thành hình chữ U và chuôi nó vào giữa cửa thang máy và khung thang máy, chỗ ngang tầm tay nắm cửa. Họ nghe thấy một tiếng lách tách to, rồi tia lửa bắn ra. Ông mở cửa.

“Chúa ơi,” Kari nói. “Ông học thứ đó ở đâu vậy?”

“Hồi còn bé tí tôi là siêu quậy mà,” Simon nói, bầy người xuống đáy đường thông thang máy thấp hơn sàn tầng hầm nửa mét. Ông nhìn lên đường thông thang máy. “Nếu mà tôi không thành sĩ quan cảnh sát. .”

“Chẳng phải chuyện này hơi mạo hiểm sao? “Kari nói, cảm thấy chinh chích trên da đầu. “Thang máy tuột xuống thì sao?”

Nhưng Simon đã bò lồm cồm và đưa hai tay quét sàn bê tông.

“Ông có cần chút ánh sáng dưới đó không?” cô hỏi, hy vọng ông không nghe thấy vẻ căng thẳng trong giọng cô.

“Lúc nào chả cần,” ông cười.

Kari buột miệng kêu lên khê khàng khi nghe thấy một tiếng rầm nhỏ và thấy mấy sợi dây dày, dính dầu mỡ bắt đầu di chuyển. Nhưng Simon đã le làng đứng lên, ghì lòng bàn tay lên sàn tầng hầm và đu người vào hành lang. “Đi,” ông nói.

Cô gần như chạy theo ông lên cầu thang, qua cửa thoát hiểm và băng qua khu vực rải sỏi.

“Chờ đã!” cô nói trước khi ông vào xe họ, lúc này đang đậu giữa hai chiếc xe tải vô chủ. Simon dừng lại nhìn cô qua nóc xe.

“Tôi biết,” ông nói.

“Ông biết gì?”

“Là thật bực khi cộng sự của ta làm một mình mà không cho ta biết đang có chuyện gì.”

“Chính xác! Vậy khi nào thì ông..”

“Nhưng tôi không phải cộng sự của cô, Kari Adel,” Simon nói. “Tôi là sếp và người dìu dắt cô. Khi nào nó tới thì tới. Cô hiểu không?”

Cô nhìn ông. Thấy làn gió thổi phất phơ mái tóc lưa thưa buồn cười trên da đầu bóng láng. Thấy tia răn lạnh trong cái nhìn của ông. Lúc khác nó luôn thân thiện.

“Hiểu,” cô nói.

“Cầm lấy cái này.” Ông xòe một tay ra ném mấy cái gì đó qua nóc xe. Cô khum bàn tay chụp được cả hai. Cô nhìn. Một là viên bi vàng. Cái kia là một vỏ đạn rỗng.

“Bằng cách đổi góc nhìn và vị trí ta có thể phát hiện ra những thứ mới mẻ,” ông nói. “Ta có thể bù lại cho bất kỳ điểm mù nào. Đi thôi.”

Cô ngồi vào ghế bên, ông nổ máy và chạy qua sỏi ra cổng. Cô vẫn im không nói gì. Chờ. Ông dừng nhìn hồi lâu và thật cẩn thận cả hai bên rồi mới chạy ra đường, như mấy ông tài xế lớn tuổi, thận trọng quen làm. Kari vẫn cho rằng đó là do mức testosterone thấp hơn. Nhưng giờ cô mới nhận ra - gần như một hiểu biết sáng suốt mới mẻ - tính hợp lý được hình thành từ kinh nghiệm.

“Ít nhất cũng có một viên bắn ra từ trong thang máy,” ông nói và cho xe chạy vào sau một chiếc Volvo.

Cô vẫn không nói gì.

“Vậy cô phản đối điều gì?”

“Nó không khớp với chứng cứ,” Kari nói. “Chỉ có vón vện mấy viên đã giết chết nạn nhân và tìm được ngay dưới người chúng. Khi bị bắn hẳn nạn nhân đã nằm trên sàn nhưng nếu bị bắn từ trong thang máy thì điều đó không khớp với góc.”

“Đúng, với lại, có vết thuốc súng cháy sém trên da gã bị bắn vào đầu, và vết vải cháy nơi sơ mi quanh vết thương đạn gây ra ở nạn nhân kia. Cái này gợi ra điều gì?”

“Là chúng bị bắn ở cự ly gần khi đang nằm. Điều đó khớp với mấy vỏ đạn rỗng tìm thấy bên cạnh chúng và lỗ đạn trên sàn.”

“Đúng. Nhưng cô không thấy kỳ lạ khi hai người ngã xuống sàn và rồi bị bắn?”

“Có lẽ khi thấy súng chúng đâm sợ đến mức hoảng loạn và vấp ngã. Hay chúng được lệnh nằm xuống trước khi bị hành quyết.”

“Nghĩ khá đầy. Nhưng cô có nhận thấy gì nơi vũng máu quanh cái xác gần thang máy nhất không?”

“Là có rất nhiều máu?”

“Phải.” Ông kéo dài giọng để cô biết vậy vẫn chưa hết.

“Máu từ đầu nạn nhân tràn ra thành vũng,” cô nói. “Điều đó nghĩa là sau khi bị bắn hẳn không động đậy.”

“Đúng, nhưng bên trên vũng máu, máu phun thành tia. Như thể nó đã văng tung tóe. Nói cách khác, máu tràn ra lấp đi những chỗ ban đầu máu phun ra từ đầu hẳn. Và xét theo chiều dài và cự ly máu phun ra, chắc hẳn khi bị bắn nạn nhân đã đứng thẳng. Đó là lý do Nils dùng kính lúp để kiểm tra - ông ta không tìm được chứng cứ máu trùng khớp.”

“Nhưng ông thì có?”

“Phải,” Simon đáp. “Hung thủ bắn phát thứ nhất từ bên trong thang máy.

Viên đạn đi qua đầu nạn nhân và để lại cái lỗ cô thấy trong tường. Trong khi vỏ đạn rơi xuống sàn thang máy.. ”

“... lăn theo sàn dốc, lọt xuống khe và xuống ống thông thang máy?”

“Ừ.”

“Nhưng... viên đạn dưới ván sàn...”

“Hung thủ bắn hẳn lần nữa ở cự ly gần.”

“Vết thương đi vào...”

“Anh bạn của ta bên Kripos cho rằng hung thủ đã dùng đạn có đường kính lớn hơn, nhưng nếu hiểu biết nhiều hơn về đạn đạo học, anh ta đã nhận thấy rằng mấy vỏ đạn rỗng là từ đạn có đường kính nhỏ. Nên vết thương đi vào lớn thật ra là hai vết thương nhỏ chồng lên nhau mà hung thủ cố làm cho trông như một. Vì vậy mà hẳn ta lấy đi viên đạn thứ nhất đã xoáy cái lỗ trong tường.”

“Vậy thì đó không phải lỗ đạn cũ như cảnh sát điều tra hiện trường nghĩ,”

Kari nói. “Vì vậy mà có bụi thạch cao còn mới ngay dưới sàn.”

Simon mỉm cười. Cô thấy ông hài lòng về cô. Và cô ngạc nhiên khi thấy điều đó làm cô vui vẻ lên.

“Xem mô tả kiểu và số hiệu trên vỏ đạn đi. Đó là kiểu đạn khác với cái ta tìm thấy ở tầng dưới. Điều đó nghĩa là phát súng mà hung thủ bắn từ thang máy xuất phát từ một súng khác với cái sau đó hẳn dùng bắn nạn nhân. Tôi nghĩ đạn đạo học sẽ chứng minh được là chúng từ chính súng của nạn nhân.”

“Của chúng ư?”

“Cái này đúng ra thuộc chuyên môn của cô, Adel, nhưng tôi thấy khó mà tin có ba gã tay trơn trong một ổ ma túy. Hung thủ lấy súng của chúng đi để ta không phát hiện được hẳn đã dùng.”

“Ông nói đúng.”

“Tất nhiên vấn đề là,” Simon nói, chạy nép vào sau một xe điện, “tại sao việc ta không tìm thấy viên đạn thứ nhất và vỏ đạn rỗng lại quan trọng với hẳn như vậy.”

“Không phải đã hiển nhiên rồi sao? Dấu từ kim hỏa sẽ cho ta số hiệu của súng và Phòng Đăng ký Vũ khí sẽ sớm dẫn ta tới. .”

“Sai. Xem phía sau vỏ đạn đi. Không có dấu. Hẳn dùng một súng xưa hơn.”

“OK,” Kari nói, tự nhắc mình không bao giờ dùng từ “hiển nhiên” , nữa.

“Vậy thì tôi không biết nó là gì. Nhưng tôi có linh cảm mạnh mẽ là ông định cho tôi biết...”

“Đúng, Adel. Vỏ đạn rỗng cô đang cầm cùng kiểu với đạn dùng để bắn Agnete Iversen.”

“Tôi hiểu rồi. Nhưng có phải ông muốn nói. . ?”

“Tôi tin hung thủ cố che đậy chuyện chính hẳn cũng đã sát hại Agnete Iversen,” Simon nói và dừng lại chờ đèn vàng đột ngột đến mức ô tô sau ông bấm còi. “Lý do hẳn nhặt vỏ đạn rỗng ở nhà Iversen không phải như ban đầu tôi nghĩ là bởi nó có dấu từ kim hỏa. Đó là vì hẳn đã lên kế hoạch một vụ trừ khử thứ hai nên cố hết sức giảm thiểu rủi ro ta nối hai vụ với nhau. Tôi dám chắc vỏ đạn rỗng ở nhà Iversen hung thủ đã lấy đi có cùng số hiệu với cái cô đang có đây.”

“Cùng kiểu đạn, nhưng đó là đạn rất thông thường, đúng không?”

“Đúng.”

“Vậy điều gì khiến ông chắc chắn là có mối liên hệ như vậy?”

“Tôi không chắc,” Simon nói, nhìn chăm chăm đèn giao thông như thể nó là bom hẹn giờ. “Nhưng chỉ có mười phần trăm dân số thuận tay trái.”

Cô gật. Cô thử tự lập luận. Chịu thua. Thở dài. “Cho qua, tôi lại chịu thua nữa rồi.”

“Kalle Farrisen bị kẻ nào đó thuận tay trái trói vào lò sưởi. Agnete Iversen bị kẻ nào đó thuận tay trái bắn.”

“Tôi hiểu về cái đầu. Nhưng cái sau...”

“Đáng lẽ tôi phải hiểu ra chuyện đó sớm hơn nhiều. Góc từ cửa đến tường trong bếp. Nếu viên đạn giết chết Agnete Iversen do hung thủ thuận tay phải bắn và từ chỗ ban đầu tôi tin, hắn đã đặt một chân trên lối đi lát đá phiến nên sẽ có dấu một bên giày in trên đất mềm. Câu trả lời là tất nhiên hắn đã đặt cả hai chân trên lối đi vì hắn bắn bằng tay trái. Nghiệp vụ cảnh sát của tôi đúng là tệ thật.”

“Để xem tôi đã hiểu đúng chuyện này chưa,” Kari nói, hai tay chống cằm.

“Có mối liên hệ giữa Agnete Iversen và ba nạn nhân ở đây. Và hung thủ đã làm mọi cách cho chắc ta không phát hiện ra điều đó vì hắn sợ chính nhờ mối liên hệ đó ta sẽ xác định được danh tính hắn.”

“Tốt, sĩ quan Adel. Cô đã đổi góc nhìn và vị trí, nên giờ cô thấy ra rồi.”

Kari nghe thấy tiếng la ó giậm dừ nên mở mắt ra lại.

“Đèn xanh rồi kìa,” cô nói.

23

Trời không còn mưa lớn lắm nhưng Martha đã kéo áo khoác lên che đầu nhìn Stig tìm chìa khóa mở tầng hầm. Tầng hầm, như nhà xe, đầy những đồ vật cho thấy một lịch sử gia đình; ba lô, cọc dựng lều, một đôi ủng đỏ mòn vẹt trông như đã dùng trong một môn thể thao nào đó, có lẽ là quyền anh. Một cây búa tạ.

Một máy cắt cỏ điều khiển bằng tay đã được thay bằng cái chạy bằng dầu trong nhà xe. Một tủ đông to hình chữ nhật. Những ngăn kệ rộng có mấy chai nước ép và lọ mút giăng kín mạng nhện, và một cây đinh treo chiếc chìa khóa mà chữ đã mờ trên cái thẻ từng cho ta biết chìa khóa để làm gì. Martha dừng lại bên hàng ván trượt tuyết, vài cái còn đóng bùn từ một chuyến đi trượt tuyết dịp lễ Phục sinh. Một ván trượt tuyết, cái dài nhất và rộng nhất, đã bị chẻ đôi.

Khi họ vào trong nhà, Martha nhận ra ngay là đã nhiều năm rồi không ai sống ở đây. Có lẽ do cái mùi, bụi hay có thể là lớp thời gian không thể nhìn thấy. Đến khi họ vào phòng khách thì giả thiết của cô được khẳng định. Cô không thấy một đồ dùng nào được sản xuất trong thập kỷ qua.

“Để tôi pha cà phê,” Stig nói rồi đi vào căn bếp ăn thông.

Martha nhìn mấy bức ảnh trên bộ lò sưởi.

Một bức ảnh cưới. Nét giống nhau, nhất là với cô dâu, thật rõ rệt.

Một hình khác - có lẽ chụp vài năm sau đó - cho thấy họ cùng với hai cặp nữa. Martha có cảm giác như cánh đàn ông mới là cái gắn kết mấy cặp với nhau mà không phải cánh đàn bà. Ấy là vì những điểm tương đồng nơi cánh đàn ông.

Dáng đứng hệt nhau, gần như làm dáng, nụ cười tự tin, cách họ chiếm không gian, như ba người bạn - đều là những nhân vật chủ chốt - thông thả vạch ra lãnh thổ của mỗi người. Ngang hàng, cô nghĩ.

Cô đi qua phòng bếp. Stig đang đứng xoay lưng về phía cô, cúi tới tủ lạnh.

“Anh có tìm thấy cà phê gì không?” cô hỏi.

Anh quay lại, lệ làng giật mẩu giấy nhớ vàng nơi cửa tủ lạnh nhét vào túi quần.

“Có,” anh nói và mở tủ chén bên trên chậu rửa. Anh đổ cà phê, cho nước vào bình pha cà phê và bật nút bằng những động tác nhanh nhẹn, quen thuộc. Anh cởi áo khoác vắt trên lưng một cái ghế trong bếp. Không phải ghế gần anh nhất, mà cái gần cửa sổ nhất. Ghế của anh.

“Anh từng sống ở đây,” Cô nói.

Anh gật.

“Anh trông giống mẹ thật.”

Anh toét miệng cười. “Mọi người từng nói vậy.”

“Từng nói?”

“Bố mẹ tôi không còn nữa.”

“Anh có nhớ họ không?”

Cô tức thì thấy được điều đó trên mặt anh. Cái cách mà câu hỏi đơn giản, gần như bình thường này chạm trúng anh như miếng bần nhét vào chỗ hở anh đã quên bịt kín. Anh chớp chớp và há miệng rồi ngậm lại, như thể nỗi đau bất ngờ và thình lình đến mức anh không nói được nữa. Anh gật rồi

quay qua máy pha cà phê, chỉnh lại cái ấm như thể nó chưa ngay ngắn trên mặt lò điện.

“Bố anh trong mấy tấm hình đó trông rất gia trưởng.”

“Đúng là vậy.”

“Theo kiểu tích cực?”

Anh quay qua cô. “Phải, theo kiểu tích cực. Ông quan tâm đến mẹ con tôi.”

Cô gật. Cô nghĩ về cha mẹ mình, ngược hẳn.

“Mà anh thì cần được quan tâm?”

“Phải.” Anh nhoẻn cười. “Tôi cần được quan tâm.”

“Gì thế? Anh đang nghĩ về điều gì đó.”

Anh nhún vai.

“Là gì vậy?” Cô hỏi lại.

“Ồ, tôi thấy cô nhìn tấm ván trượt tuyết gãy.”

“Nó thì sao?”

Anh lơ đãng nhìn cà phê bắt đầu nhỏ tí tách vào bình. “Mỗi kỳ lễ Phục sinh chúng tôi vẫn lên thăm ông trên Lesjaskog. Ở đó có một ngọn đồi trượt tuyết mà cha tôi giữ kỷ lục. Trước đó ông tôi từng giữ kỷ lục. Tôi mười lăm tuổi và đã tập cả mùa đông để lập kỷ lục mới. Có điều năm ấy lễ Phục sinh đến muộn, ôn hòa, và khi chúng tôi lên nhà ông thì hầu như đã không còn tuyết ở chân đồi, nắng chói, cành cây và tảng đá chìa ra lờm chờm. Dù vậy tôi vẫn phải thử.”

Anh liếc nhanh về Martha, cô gật đầu khuyến khích anh.

“Bố biết tôi muốn thử biết chừng nào, nhưng ông can tôi, chuyện đó quá nguy hiểm. Nên tôi chỉ gặt và thuyết phục được một thằng bé ở trang trại bên cạnh làm chứng cho tôi và đo độ dài. Nó giúp tôi rải thêm tuyết ở khu vực tôi định đáp xuống, thế rồi tôi chạy lên đỉnh đồi, mang ván trượt mà bố tôi thừa hưởng từ ông nội, và xuất phát. Ngọn đồi trơn không thể tin được, nhưng tôi xuất phát tốt. Thực sự thì quá tốt. Tôi cứ bay, tôi cảm thấy như con đại bàng, tôi chẳng cần biết gì nữa cả vì nó đây rồi, chính là nó, không gì có thể lớn hơn chuyện này.” Martha thấy mắt anh sáng lên. “Tôi đáp xuống, xa hơn chỗ chúng tôi đã rải tuyết xấp xỉ bốn mét. Ván trượt tuyết cắm vào bùn đặc và một tảng đá sắc nhọn chẻ đôi ván trượt bên phải như cắt dọc trái chuối.”

“Rồi chuyện gì xảy ra với anh?”

“Tôi nhào xuống tuyết. Tôi cày một đường xuống bùn tuyết rồi bay qua luôn.”

Martha kinh hãi để tay lên xương đòn. “Trời đất. Anh có bị thương không?”

“Bầm tím. Tôi ướt sũng. Nhưng không bị gãy gì. Mà dù có bị, có lẽ tôi cũng không nhận ra vì tôi chỉ nghĩ đến một chuyện, bố sẽ nói sao? Tôi đã làm điều ông cấm. Tôi còn làm hỏng ván trượt tuyết của ông.”

“Thế rồi bố anh nói sao?”

“Ông không nói gì nhiều, ông chỉ hỏi tôi nghĩ hình phạt thích đáng sẽ là gì.”

“Rồi anh nói sao?”

“Tôi nói ông cứ cấm túc tôi ba ngày. Nhưng ông nói vì đang lễ Phục sinh, hai ngày là đủ. Khi bố mất rồi, mẹ kể là khi tôi bị cấm túc, ông bảo thằng bé ở trang trại chỉ cho xem chỗ tôi đáp xuống và bắt nó kể đi kể lại ông

nghe câu chuyện. Và rằng lần nào ông cũng cười cho đến khi khóc. Nhưng mẹ bắt bố hứa không nói tôi nghe, rằng điều đó chỉ khuyến khích tôi làm thêm những chuyện điên rồ. Nên thay vì vậy ông đem cây ván trượt tuyết hồng về nhà lấy cớ là muốn sửa lại. Nhưng mẹ tôi nói đó chỉ là một cái cớ ngớ ngẩn, rằng cái ván trượt gây đôi là kỷ vật quý giá nhất của ông.”

“Tôi xem lại được chứ?”

Anh rót cà phê ra cho cả hai rồi họ cầm tách xuống tầng hầm. Cô ngồi trên tủ đông nhìn anh khi anh cho cô xem ván trượt tuyết. Một ván trượt tuyết trắng, nặng do Splitkein sản xuất có sáu rãnh ở mặt dưới. Rồi cô nghĩ hôm nay thật kỳ lạ. Nắng và mưa rào. Biển chói lòa và tầng hầm tối lạnh. Một người lạ mà cô cảm thấy như quen cả đời rồi. Rất xa xăm. Thật gần gũi. Rất đúng. Rất sai...

“Vậy anh có đúng về cú nhảy không?” Cô hỏi. “Có đúng là không còn gì lớn lao hơn không?”

Anh nghiêng đầu dăm chiêu. “Lần đầu tôi chích. Cái đó lớn lao hơn.”

Cô đánh nhẹ gót giày vào tủ đông. Có lẽ cái lạnh từ đó mà ra. Rồi cô chợt nhận ra có lẽ tủ đông vẫn đang cắm điện - một đốm đèn đỏ sáng trưng giữa tay cầm và lỗ khóa tủ đông. Điều này có vẻ lạ bởi mọi thứ khác trong nhà đều cho thấy nó bị bỏ hoang từ lâu.

“À, ít ra anh cũng đã lập kỷ lục mới,” cô nói.

Anh lắc đầu mỉm cười.

“Chứ không à?”

“Một cú nhảy sẽ không được tính nếu ta ngã, Martha,” anh nói và nhấp một ngụm cà phê.

Và cô nghĩ dù đó không phải lần đầu cô nghe anh gọi tên cô, có cảm giác như đó là lần đầu cô nghe thấy một ai đó gọi mình.

“Vậy nên anh phải tiếp tục nhảy. Vì con trai so sánh mình với bố còn con gái thì với mẹ.”

“Cô nghe vậy sao?”

“Cậu con trai nào cũng tin một ngày kia họ sẽ thành như bố, anh không nghĩ vậy sao? Vì vậy mà họ thật vỡ mộng khi những yếu kém của bố bộc lộ; họ thấy thất bại của mình, những đại bại của chính mình trong tương lai, đang chờ họ.

Và đôi khi cú sốc tàn khốc đến mức khiến họ bỏ cuộc khi còn chưa bắt đầu.”

“Với cô thì có vậy không?”

Martha nhún vai. “Đúng ra mẹ tôi đã không ở lại làm vợ bố tôi. Nhưng mẹ chọn cách thích ứng. Có lần tôi đã trách mẹ khi chúng tôi tranh cãi về chuyện gì đó mẹ không muốn tôi làm, tôi thậm chí còn không nhớ là gì. Tôi gào lên rằng không để tôi được hạnh phúc chỉ vì mẹ không cho mình hạnh phúc thì thật không công bằng. Cả đời tôi chưa từng ân hận đến như vậy và tôi không bao giờ quên cái nhìn đau đớn của mẹ khi đáp: ‘Vì mẹ có thể mất đi một thứ làm mẹ hạnh phúc nhất. Con’.”

Stig gật và nhìn ra cửa sổ tầng hầm. “Đôi khi ta sai lầm khi tưởng mình biết sự thật về bố mẹ. Có lẽ họ không yếu hèn. Có lẽ cái gì đó xảy ra đã cho ta ấn tượng sai. Nếu họ mạnh mẽ thì sao? Nếu họ sẵn sàng để lại ô danh, để mình bị tước sạch mọi danh dự, nhận chịu trách cứ, để cứu những người họ thương yêu?

Và nếu họ mạnh mẽ như vậy, có lẽ ta cũng mạnh mẽ.”

Giọng anh thoáng run, gần như không thể nhận thấy. Gần như Martha chờ đến khi anh quay lại nhìn cô rồi mới hỏi:

“Vậy ông ấy đã làm gì?”

“Ai?”

“Bố anh.”

Cô thấy vết hầu của anh chạy lên chạy xuống. Thấy anh chớp nhanh. Mím môi. Cô thấy anh muốn điều đó. Thấy anh nhìn khoảnh khắc xuất phát đến gần hơn. Anh có thể tránh cú ngã ấy bằng cách ném mình qua một bên.

“Bố ký lá thư tuyệt mệnh trước khi bị chúng bắn,” Stig nói. “Để cứu mẹ con tôi.”

Martha cảm thấy chóng mặt khi anh nói tiếp. Có lẽ cô đã xô anh tới bên bờ vực thật, nhưng cô sẽ rơi xuống cùng anh. Và giờ không còn đường quay lại khoảng thời gian mà cô có thể tẩy xóa điều mình vừa được biết. Phải chăng bấy lâu nay trong thâm tâm cô đã biết điều này sẽ xảy ra? Có phải cô đã muốn cú trượt cuồng điên này, cú rơi tự do này?

Cuối tuần đó Stig và mẹ đi tham dự vòng thi đấu vật ở Lillehammer. Bố anh thường đi với họ, nhưng ông bảo cần ở nhà ông có chút việc quan trọng phải làm. Stig đã thắng trong hạng cân của mình và khi họ về đến nhà, anh chạy đến thư phòng để khoe với bố. Bố anh ngồi xoay lưng về phía anh, đầu gục bên bàn.

Thoạt tiên Stig tưởng bố ngủ quên trong lúc làm việc. Rồi anh thấy khẩu súng.

“Trước đó tôi chỉ thấy khẩu súng một lần. Bố tôi thường ghi nhật ký trong thư phòng, một cuốn nhật ký đóng bìa da đen có trang giấy vàng. Ngày tôi còn bé ông vẫn nói đó là lời xưng tội của ông. Tôi vẫn nghĩ xưng tội là một

từ nữa để chỉ việc viết, mãi cho đến khi tôi lên mười một và thầy dạy môn tôn giáo bảo tôi xưng tội là kể cho người khác nghe tội lỗi của mình. Hôm ấy đi học về, tôi lên vào thư phòng của bố và tìm được chìa khóa học bàn - tôi biết ông cất nó ở đâu. Tôi muốn biết tội lỗi của bố tôi là gì. Tôi mở khóa...”

Martha hít một hơi như thể cô là người kể chuyện.

“Nhưng không thấy cuốn nhật ký đâu. Thay vào đó tôi thấy một khẩu súng lục đen, kiểu cũ. Tôi khóa học, bỏ chìa lại chỗ cũ rồi lên ra. Và tôi thấy xấu hổ.

Tôi đã cố rình mò bố mình, để lật tẩy ông. Tôi chưa từng kể ai nghe và không bao giờ còn cố tình xem ông cất nhật ký ở đâu. Nhưng khi tôi đứng sau lưng bố trong thư phòng cuối tuần ấy, chuyện đấy lại về với tôi. Đó là sự trừng phạt cho điều tôi đã làm. Tôi để tay lên gáy đánh thức ông. Không chỉ là ông không ấm, đó là cái lạnh, một kiểu cái chết cứng đờ, lạnh như đá cẩm thạch toát ra từ xác ông. Và tôi biết đó là lỗi của tôi. Rồi tôi đọc lá thư...”

Martha nhìn sợ ven trên cổ anh khi anh kể cô nghe mình đã đọc lá thư. Thấy mẹ đứng bên cửa. Anh kể cô nghe mới đầu anh định xé lá thư đi, vờ như nó chưa từng tồn tại. Nhưng anh đã không thể làm vậy. Rồi khi cảnh sát đến, anh đưa cho họ. Và nhìn họ anh biết họ cũng muốn xé vụn nó đi. Ven lồi lên như anh là một ca sĩ non nớt. Hay ai đó không quen nói quá nhiều.

Mẹ anh bắt đầu uống thuốc trầm cảm bác sĩ kê toa. Rồi tự ý dùng những viên khác nữa. Nhưng như bà thường nói, không có gì hiệu nghiệm tuyệt vời hơn hay nhanh hơn rượu. Vậy nên bà bắt đầu uống. Vodka thay cho bữa ăn sáng, bữa ăn trưa, bữa ăn tối. Anh đã cố chăm sóc bà, làm bà bỏ thuốc và rượu. Để làm vậy anh phải bỏ đấu vật và các sinh hoạt ngoại khóa khác. Thầy cô đến trước cửa nhà họ, bấm chuông hỏi tại sao anh, người vẫn

thường đạt điểm cao như vậy, lại trốn học, rồi anh đuổi họ về. Mẹ anh yếu đi, ngày một mất thăng bằng và bắt đầu có ý định tự tử. Khi phát hiện ra ống tiêm giữa mớ thuốc trong lúc dọn dẹp phòng ngủ của mẹ, anh mới mười sáu tuổi. Anh đã biết nó là gì. Hay ít ra nó để làm gì. Anh đã cắm phập nó vào đùi mình và nó khiến mọi sự đỡ hơn. Hôm sau anh xuống Plata mua cho mình gói đầu tiên. Sáu tháng sau anh đã bán sạch những thứ đồ trong nhà để dành đổi thành tiền và qua mặt chòm sạch của người mẹ không còn tí khả năng tự vệ. Anh không thiết gì nữa cả nhất là bản thân, nhưng anh cần tiền để tránh xa nỗi đau. Vì anh chưa đủ mười tám nên không thể vào tù, anh bắt đầu trả tiền cho thói quen của mình bằng cách nhận tội các vụ trộm cướp vặt mà phạm nhân lớn tuổi hơn bị cáo buộc. Khi anh lên mười tám và những đề nghị như vậy đã hết hẳn chỉ còn cái áp lực áp lực thường xuyên phải kiếm ra tiền, ngày càng nặng nề hơn, anh đã bằng lòng nhận tội thế hai vụ án mạng để đổi lại anh sẽ được cung cấp ma túy khi anh ngồi tù.

“Còn giờ anh đã chấp hành xong án tù?” Cô hỏi.

Anh gật. “Tất nhiên là vậy.”

Cô tụt xuống tủ đông đi lại bên anh. Cô không suy nghĩ, đã quá muộn. Cô đưa tay ra sờ sợt ven trên cổ anh. Anh nhìn cô bằng đồng tử đen mở lớn như chiếm hết tròng đen. Rồi cô vòng tay quanh eo anh còn anh quàng tay ôm vai cô, như hai vũ công không thể quyết xem ai sẽ bước trước. Họ đứng như vậy một lát, rồi anh kéo cô lại gần. Anh nóng bừng, hẳn là anh bị siết. Hay cô? Cô nhắm mắt, cảm thấy mũi và môi anh trên tóc mình.

“Ta lên nhà đi,” anh thì thầm. “Tôi có cái này cho cô.”

Họ quay lại bếp. Ngoài trời mưa đã tạnh. Anh lấy gì đó trong túi áo khoác vắt trên ghế trong bếp.

“Cái này tặng cô.”

Đôi hoa tai đẹp đến mức mới đầu nó khiến cô không nói nên lời.

“Cô không thích sao?”

“Nó lộng lẫy quá, Stig. Nhưng làm sao mà anh... Anh lấy trộm sao?”

Anh nhìn cô nghiêm trang không đáp.

“Tôi xin lỗi, Stig.” Ý nghĩ cô lẫn lộn và mắt rưng rưng. “Tôi biết anh không còn dùng ma túy nữa, nhưng tôi thấy đôi hoa tai từng thuộc về ai đó.. ”

“Bà ấy không còn sống nữa,” Stig ngắt lời cô. “Và cái gì đẹp đẽ thì phải dành cho người xinh đẹp đéo.”

Martha chớp mắt bối rối. Rồi cô hiểu ra. “Nó thuộc về. . nó là. .” Cô ngược nhìn anh, mắt như nhòa lệ. “Của mẹ anh.”

Cô nhắm mắt, cảm thấy hơi thở anh trên mặt. Bàn tay anh trên má cô, cổ họng, cổ. Cô để bàn tay kia bên hông anh, muốn đẩy anh ra. Kéo anh lại gần. Cô biết họ đã hôn nhau trong tưởng tượng từ lâu. Hàng trăm lần là ít, từ phút đầu gặp nhau. Nhưng khi cuối cùng môi họ chạm nhau thì thật khác biệt và một luồng điện chạy khắp người cô. Cô cứ nhắm mắt, cảm nhận môi anh, thật mềm, hai bàn tay anh chuôi xuống ngang eo cô, hàm râu lún phún của anh, mùi vị của anh. Cô muốn nó, muốn tất cả. Nhưng cái chạm cũng đã đánh thức cô, giăng cô ra khỏi giấc mơ êm đềm cô đã để mình đắm vào bởi không có hệ lụy nào. Mãi cho đến lúc này.

“Tôi không thể,” cô thì thầm giọng run run. “Tôi phải đi rồi, Stig.”

Anh buông cô ra và cô quay nhanh đi. Cô mở cửa trước, nhưng dừng lại trước khi đi.

“Là lỗi nơi tôi, Stig. Ta không thể gặp nhau thế này nữa. Anh hiểu không?”

Không bao giờ.”

Cô khép cửa lại trước khi kịp nghe anh đáp. Mặt trời đã len qua tầng mây và hơi nước bốc lên từ mặt đường nhựa đen loang loáng. Cô bước ra cái nóng ẩm ướt.

Qua ống nhòm Markus thấy cô gái vội vã vào nhà xe, khởi động chiếc Golf cũ họ đã cùng nhau chạy tới và chạy lùi ra, mui xe vẫn hạ. Cô phóng xe nhanh đến mức cậu không sao tập trung vào cô cho rõ, nhưng trông như cô đang khóc.

Rồi cậu lại hướng ống nhòm vào cửa sổ bếp. Phóng gần. Người kia đang đứng đó nhìn theo cô. Hai tay siết lại, hàm nghiến chặt và ven lồi lên bên thái dương như anh đang đau. Rồi tiếp đó Markus hiểu vì sao. Anh con trai đưa hai tay ra, xòe lòng bàn tay áp lên kính cửa sổ. Cái gì đó lấp lánh trong nắng. Đôi hoa tai. Nó cắm vào hai bên lòng bàn tay và hai dòng máu mảnh rỉ xuống cổ tay.

24

Văn phòng lờ mờ. Ai đó đã tắt hết đèn khi ra về, có lẽ tưởng mình là người sau cùng, và Simon vẫn để vậy, chiều hè vẫn còn đủ sáng. Và chẳng ông đã có bàn phím dạ quang mới, nên ông còn chẳng cần bật đèn đọc. Riêng cái tầng được dùng làm văn phòng của họ cũng đã tiêu thụ hết 250.000 kwh mỗi năm.

Nếu giảm xuống còn 200.000, rõ ràng họ sẽ tiết kiệm đủ tiền để cho chạy thêm hai xe cảnh sát.

Ông loay hoay tìm hiểu trang web Bệnh viện Howell. Hình ảnh của bệnh viện mắt này không giống với hầu hết các bệnh viện tư của Mỹ, vốn giống khách sạn năm sao có bệnh nhân tươi cười, mấy bản chứng nhận mê tơi còn bác sĩ phẫu thuật thì trông như ngôi sao điện ảnh và phi công. Bệnh viện này chỉ trình bày dăm ba bức ảnh và thông tin chùng mực về khả năng chuyên môn của dàn nhân viên, kết quả, mấy bài báo đăng trong các tạp chí danh giá và các đề cử giải Nobel. Và quan trọng hơn cả: số phần trăm ca phẫu thuật thành công của cái phác đồ điều trị Else cần. Con số là trên năm mươi - nhưng không cao như ông mong đợi. Mặt khác, nó thấp đủ để ông tin. Trên trang web không liệt kê giá. Nhưng ông chưa quên nó là thế nào. Nó đủ cao để ông tin tưởng.

Ông cảm thấy có thoáng động đập trong bóng tối. Đó là Kari.

“Tôi đã thử gọi cho ông ở nhà. Vợ ông nói ông đang ở đây.”

“Phải.”

“Sao ông làm việc muộn vậy?”

Simon nhún vai. “Khi ta không thể về nhà cùng tin vui, đôi khi ta nấn ná hết mức có thể.”

“Ý ông là sao?”

Simon lờ cô đi. “Cô cần gì?”

“Tôi đã làm như ông dặn, đủ mọi cách, tìm mọi mối liên hệ có thể và không thể giữa vụ giết Iversen và vụ giết ba mạng người. Tôi không tìm ra một thứ gì cả.”

“Tất nhiên cô đã nhận ra là điều đó không loại trừ chuyện có mối liên hệ,”

Simon nói và chuyển sang trang khác trên trang web.

Kari kéo ghế ngồi xuống. “À, nếu có thì dứt khoát tôi cũng không tìm ra. Mà tôi đã xem rất kỹ. Nên tôi nghĩ...”

“Ta cứ thích nghĩ.”

“Có lẽ nó đơn giản là thế này: tên trộm phát hiện hai khả năng - nhà Iversen và địa điểm có ma túy và tiền. Hắn cũng đã học được từ vụ cướp đầu là ta phải luôn khiến thiên hạ đưa mật mã kết sắt rồi mới giết.”

Simon ngược lên khỏi máy tính. “Một tên cướp, đã bắn hai mạng người, phí phạm nửa ký siêu nhóc trị giá chợ đen là nửa triệu krone để giết nạn nhân thứ ba?”

“Bjornstad cho rằng chuyện đó có liên quan đến băng nhóm, một cách gửi thông điệp cho bọn cạnh tranh.”

“Mấy băng nhóm có thể gửi lời nhắn cho nhau mà không chi nửa triệu cho bưu phí, sĩ quan Adel à.”

Kari ngửa đầu ra sau thở dài. “Dứt khoát là Agnete Iversen không dính líu gì đến buôn ma túy và hạng người như Kalle Farrisén, tôi nghĩ ta có thể chắc chắn điều đó.”

“Nhưng có mối liên hệ,” Simon khẳng định. “Điều tôi không hiểu là giờ khi ta đã phát hiện ra cái hãn cố che đậy rồi, tức là việc có mối liên hệ, ta vẫn không xác định được mối liên hệ đó là gì. Nếu mối liên hệ quả thực khó hiểu như vậy thì sao phải nhọc công che giấu chuyện hai vụ án cùng một hung thủ?”

“Có lẽ hãn dàn dựng vậy không nhằm làm khó cho ta,” Kari ngáp.

Cô vội ngậm miệng khi thấy Simon trở mặt nhìn.

“Tất nhiên. Cô nói đúng.”

“Thật sao?”

Simon đứng lên. Rồi lại ngồi xuống. Ông đập lòng bàn tay xuống bàn. “Hãn không lo chuyện cảnh sát biết được danh tính hãn. Cái này là vì người khác.”

“Hãn sợ ai khác sẽ truy tìm hãn?”

“Phải. Cũng có thể hãn không muốn đánh động cho chúng biết sự hiện diện của mình. Nhưng đồng thời. .” Simon khum bàn tay che cằm và lầm bầm chửi thề.

“Đồng thời gì... ?”

“Còn phức tạp hơn vậy. Vì hãn không che giấu hãn. Giết Kalle theo cách ấy là gửi cho ai đó một thông điệp.” Simon bực tức đá chân vào cái ghế ngã ra sau.

Họ ngồi, không nói lời nào và không nhận thấy bóng tối đang thâm dần xung quanh. Simon phá tan sự im lặng trước. “Tôi nghĩ rằng mạng sống của Kalle kết thúc cùng cách với một số khách hàng của hãn. Không thờ

được sau khi bị thuốc quá liều. Như thế sát thủ là một kiểu thiên sứ báo thù. Chuyện đó nghe có quen không?”

Kari lắc đầu. “Chỉ có điều hình như Agnete Iversen không bị hành quyết theo cùng logic đó, theo chỗ tôi biết thì bà ta chưa từng bắn vào ngực ai.”

Simon đứng lên. Bước tới cửa sổ nhìn xuống đèn đường. Một tiếng rầm rập từ bánh xe hai ván trượt vọt lên. Hai gã con trai, cả hai mặc áo có mũ trùm, lướt ngang bên dưới ông.

“Ôi tôi quên mất,” Kari nói. “Tôi cũng có tìm được một mối liên hệ. Giữa Per Vollan và Kalle Farrisen.”

“Mà sao?”

“Tôi đã nói chuyện với một cảnh sát điều tra tội phạm cũ bên Đội Bài trừ Ma túy. Anh ta nói anh ta nghĩ thật kỳ lạ vì hai người biết rõ nhau như vậy lại chết cách nhau một khoảng thời gian rất ngắn.”

“Vollan biết Farrisen?”

“Phải. Rõ. Rất rõ, theo cảnh sát điều tra của tôi. Còn một chuyện nữa. Tôi đã kiểm tra hồ sơ của Kalle. Hắn bị thẩm vấn nhiều lần trong một vụ điều tra án mạng vài năm trước, hắn thậm chí còn bị tạm giam. Chưa bao giờ xác định được danh tính nạn nhân.”

“Chưa bao giờ sao?”

“Bọn tôi chỉ biết cô ta là một thiếu nữ châu Á trẻ. Phân tích nha khoa đưa ra giả thiết là cô ta mười sáu tuổi. Một nhân chứng thấy có người cầm ống chích tiêm cho cô ta ở sân sau. Nhân chứng đã nhận ra mặt Kalle trong hàng người nhận diện ở cảnh sát.”

“A ha.”

“Nhưng Kalle được thả khi có người khác thú tội.”

“Gã may mắn.”

“Phải. Nhân thế, gã nhận tội vụ án mạng này cũng là người vừa trốn khỏi nhà tù Staten.”

Kari nhìn dáng Simon im lìm trước cửa sổ. Cô thắc mắc không biết ông có nghe mình nói không; cô định nhắc lại thì cái giọng khàn khàn, dõ dằn như một người cha vang lên:

“Kari?”

“Vâng?”

“Tôi muốn cô kiểm tra toàn bộ mọi khía cạnh đời sống của Agnete Iversen.

Xem có bất cứ thứ gì tựa như là một phát súng bất cứ đâu gần bà ta hay không.

Bất cứ gì - cô hiểu không?”

“Chắc chắn rồi. Ông đang nghĩ gì?”

“Tôi đang nghĩ. .” âm sắc dõ dằn trong giọng ông đã mất, “là nếu... nếu...

thì...”

“Thì sao?”

“Thì chuyện này chỉ mới bắt đầu.”

25

Markus đã tắt đèn trong phòng ngủ. Theo dõi người khác khi biết họ không nhìn thấy ta là một cảm giác kỳ lạ. Dù là vậy, một cú choáng như điện giật lan khắp người cậu mỗi khi Người Con Trai nhìn ra cửa sổ thẳng vào ống nhòm của Markus. Gần như thể anh biết có kẻ đang nhìn trộm. Lúc này Người Con Trai đang ở trong phòng ngủ của cha mẹ, anh ngồi trên rương đựng chăn màu hồng mà Markus biết không có gì ngoài vài tấm chăn lông và tấm trải. Căn phòng không giăng rèm thấp một ngọn đèn trần có bốn bóng nên dễ thấy bên trong. Và vì ngôi nhà vàng nằm ở tầng thấp hơn nhà của Markus, cậu lại đang ngồi ở tầng trên của cái giường tầng mà cậu đã kéo lại gần cửa sổ, cậu có thể thấy được Người Con Trai đang làm gì. Mà không có gì nhiều; anh đã ngồi đó một lúc lâu, tai nghe cắm vào điện thoại, nghe gì đó. Hẳn đó là một bản nhạc hay vì cứ ba phút anh lại bấm điện thoại lần nữa như thể nghe thế nào cũng vẫn chưa đủ. Và mỗi lần đến đúng một chỗ đó anh lại mỉm cười, dù có lẽ anh cảm thấy hơi buồn vì cô gái đó. Họ đã hôn nhau, thế rồi cô ủa chạy đi thật nhanh.

Tội nghiệp anh chàng. Markus phân vân không biết có nên qua gõ cửa. Hỏi Người Con Trai xem anh có muốn qua nhà họ ăn tối không. Có lẽ mẹ cậu sẽ nghĩ chuyện đó tử tế. Nhưng Người Con Trai trông buồn, nên ắt anh không muốn bầu bạn. Bao giờ cũng còn ngày mai mà. Markus sẽ dậy sớm, qua bấm chuông cửa, mang cho anh vài lát bánh mì nóng. Phải, đó là điều cậu sẽ làm.

Markus ngáp. Và trong đầu cậu cũng đang chơi một bản nhạc. À không, không hẳn là bản nhạc, nó chỉ là một câu. Nhưng nó cứ quay đi quay lại trong đầu cậu.

Từ khi thẳng du côn ở Tasen hỏi Người Con Trai có phải anh là có Markus không. “Có lẽ vậy.”

Có lẽ vậy. Chà!

Markus lại ngáp. Đến giờ đi ngủ rồi. Suy cho cùng, sáng mai cậu sẽ dậy sớm để nướng mấy lát bánh. Nhưng lúc cậu định hạ ống nhòm xuống thì có chuyện xảy ra. Người Con Trai đã đứng lên. Markus lại ghì ống nhòm vào mắt. Người Con Trai đã dời tấm thảm và nhấc tấm ván rời ra. Chỗ giấu đồ. Anh đang bỏ gì đó vào chỗ giấu. Đó là túi thể thao đỏ. Anh mở nó. Lấy ra một túi bột trắng.

Markus biết ngay đó là gì, cậu đã thấy mấy gói như vậy trên TV. Ma túy. Thành linh Người Con Trai ngẩng đầu lên. Trông như anh đang nghe ngóng, anh dỏng tai như con linh dương bên vũng nước trên kênh *Thế giới động vật*. Còn giờ thì Markus cũng nghe thấy. Tiếng động cơ từ xa xa. Một chiếc xe. Phố cậu không có nhiều xe lúc đêm hôm khuya khoắt thế này trong kỳ nghỉ hè. Người Con Trai ngồi im phắc như bị tê liệt rồi. Markus thấy đèn pha quét sáng mặt đường nhựa.

Một chiếc xe to, màu đen người ta gọi là SUV, dừng lại dưới cột đèn đường giữa hai nhà họ. Hai người đàn ông bước ra. Markus chăm chú nhìn họ qua ống nhòm. Cả hai đều mặc com lê đen. *Điệp viên áo đen*. Người thứ hai trông nổi bật hơn. Nhưng người nhỏ con hơn thì có mái tóc vàng thật khủng khiếp. Người cao hơn có mái tóc đen, quần hệt như Will Smith, nhưng hẳn ta có một mảng hói to tướng còn da thì trắng như phấn. Markus quan sát bọn họ vuốt thẳng com lê và nhìn ngôi nhà vàng. Người hói chỉ về cửa sổ phòng ngủ sáng đèn rồi bọn họ lẹ làng bước tới cổng. Cuối cùng thì Người Con Trai cũng có vài người khách!

Cũng như Markus, bọn họ nhảy phóc qua hàng rào thay vì đi qua cổng. Và như cậu, bọn họ đã nhận ra là bước qua bãi cỏ thì đỡ gây tiếng động hơn lối đi rải sỏi nhiều. Markus lại lia ống nhòm qua phòng ngủ. Người Con Trai đã đầu mất. Có lẽ anh cũng đã thấy bọn họ nên xuống nhà mở cửa cho khách vào.

Markus nhắm ống nhòm vào cửa trước thì thấy hai người đàn ông đã bước lên thềm. Tối quá Markus không thể thấy chính xác chuyện xảy ra. Nhưng cậu nghe có gì đó đập mạnh rồi cửa mở ra. Markus nín thở.

Bọn họ.. bọn họ đã phá cửa vào. Chúng là trộm!

Chắc là có kẻ cho chúng biết ngôi nhà bỏ hoang. Dẫu có thể nào cậu cũng phải báo cho Người Con Trai biết - nếu chúng nguy hiểm thì sao? ! Markus nhảy thót xuống giường. Cậu có nên đánh thức mẹ dậy không? Gọi cho cảnh sát? Rồi nói gì chứ? Rằng cậu đang dùng ống nhòm nhìn trộm hàng xóm sao? Và nếu họ đến rắc bột để lấy dấu tay tìm bọn trộm, họ sẽ thấy dấu tay của cậu, của Markus! Rồi ma túy của Người Con Trai và anh sẽ phải vào tù. Markus đứng giữa phòng; cậu không biết nên làm gì. Rồi cậu phát hiện có động đậy trong phòng ngủ bên kia đường. Cậu lại đưa ống nhòm lên. Là hai tên đó, chúng đang ở trong phòng ngủ. Chúng đang tìm thứ gì đó. Trong tủ áo, dưới giường.

Chúng... chúng có súng! Theo bản năng Markus lùi lại một bước khi tên cao lớn tóc quăn đi lại cửa sổ kiểm tra xem cửa đã đóng chưa và chăm chăm nhìn ra, ngay vào Markus. Hẳn Người Con Trai cũng nấp rồi, nhưng ở đâu? Có vẻ như anh đã bỏ túi xách có ma túy vào lại chỗ giấu, nhưng nó không đủ lớn cho một người. Ha! Chúng sẽ không bao giờ tìm ra Người Con Trai, anh biết nhà mình rõ hơn chúng nhiều cũng như du kích Việt Nam rành rẽ rừng già hơn người Mỹ.

Anh chỉ cần im phăng phắc, như Markus vẫn làm. Người Con Trai sẽ ổn cả thôi.

Anh phải ổn! Lạy Chúa, xin phù hộ cho anh ấy không sao.

Sylvester vừa liếc quanh phòng ngủ vừa gãi gãi mảng hói hình lưỡi liềm giữa mấy lọn tóc đen. “Khốn kiếp, Bo, chắc hẳn đã ở đây! Tao chắc chắn

hôm qua không thấy cửa sổ nào sáng đèn cả.” Hãn ngồi phịch xuống rương đựng chăn màu hồng, đút súng vào bao súng bên vai và châm điếu thuốc.

Tên tóc vàng nhỏ con đứng giữa phòng, tay vẫn cầm súng. “Tao có linh cảm hãn đâu đó trong đây thôi.”

Sylvester huơ điếu thuốc. “Bình tĩnh đi, hãn đã ở đây và đi rồi. Tao đã kiểm tra cả hai nhà vệ sinh và phòng ngủ kia.”

Gã tóc vàng lắc đầu. “Không, hãn đâu đó trong nhà này.”

“Bỏ đi, Bo, hãn đâu phải ma, chỉ là thằng tay mơ gặp may thôi. Cho đến lúc này.”

“Có lẽ mày nói đúng. Nhưng tao chưa từng đánh giá thấp con trai của Ab Lofthus.”

“Tao có phải biết đó là ai không?”

“Trước thời mày, Sylvester. Ab Lofthus là tay cớm khó nhằn nhất thành phố, trong cả dăm.”

“Sao mày biết được?”

“Vì tao đã gặp gã ta rồi, thằng đàn ọ. Hồi thập niên 90 tao với Nestor đang lúc làm một vụ ở Alnabru thì Lofthus cùng một tên cớm nữa tình cờ chạy xe qua. Lofthus biết ngay là chúng đang bắt quả tang một vụ buôn ma túy, nhưng thay vì gọi yểm trợ, gã và đồng nghiệp cố bắt bọn tao tại trận. Ab Lofthus đơn thương độc mã đánh tới tả bốn đứa tao rồi tụi tao mới xoay xở hạ đo ván được gã. Mà chẳng dễ dàng gì, để tao cho mày biết - gã này là dân đấu vật. Bọn tao định bắn chết gã tại chỗ, nhưng Nestor chùn bước, sợ làm đổ máu cớm sẽ bất lợi cho công chuyện làm ăn. Rồi khi bọn tao đang tranh cãi chuyện đó thì gã nằm đó gào lên ‘Nhào vô đi!’ như kỵ sĩ ảo

tưởng trong *Monty Python* - mày còn nhớ không? Người ta chặt tay chặt chân hẳn ra vậy mà hẳn vẫn không chịu thua.”

Bo cười. Như mày cười cợt một ký ức quý giá, Sylvester nghĩ. Gã này bệnh hoạn, gã thích chết chóc và từng xẻo và thường nằm ườn trên trường kỷ xem hết một lèo bộ *Ridiculousness* trên web vì nó có cảnh người ta tự hành hạ mình, không phải mấy video khôi hài mà thiên hạ vấp té hay trật ngón tay để làm cả gia đình cùng cười.

“Tao tưởng mày nói bọn chúng có hai người,” Sylvester cãi.

Bo khịt mũi. “Cộng sự của gã rút lui ngay. Vui vẻ hợp tác, quỳ xuống cầu xin rủ lòng thương, mày biết hạng người đó mà.”

“Ừ,” Sylvester nói. “Đồ thua cuộc.”

“Không đâu,” Bo nói. “Kẻ thắng cuộc. Đó gọi là trí tuệ cảm xúc. Và chiến lược của gã đó đưa gã đi xa hơn mày tưởng. Nhưng đủ rồi đó. Ta kiểm tra căn nhà lần nữa đi.”

Sylvester nhún vai và gần như đã ra khỏi cửa thì nhận ra Bo không đi theo.

Hắn quay lại nhìn đồng bọn vẫn đứng yên, nhìn chăm chăm chỗ Sylvester vừa đứng. Nhìn cái nắp rương đựng chẵn. Bo đưa ngón tay lên miệng và chỉ cái rương. Sylvester rút súng ra bật chốt an toàn qua một bên. Hắn cảm thấy các giác quan tinh nhạy hơn; ánh sáng mạnh hơn, âm thanh mãnh liệt và mạch đập rần rật nơi cổ. Không một tiếng động, Bo dịch sang trái rương để Sylvester cũng có đường bắn thoáng. Hai tay Sylvester nắm quanh báng súng và hắn tiến lại gần Bo ra hiệu là hắn sẽ mở cái nắp. Sylvester gạt.

Hắn nín thở khi Bo - súng lúc nhắm vào rương đựng chẵn để mấy đầu ngón tay trái dưới gờ nắp. Chờ một giây, nghe ngóng. Rồi lật nắp ra.

Sylvester cảm thấy sức cản từ cò súng trên ngón trỏ.

“Chó chết!” Bo rít lên.

Ngoài khăn trải giường ra thì cái rương trống không.

Bo với Sylvester cùng lục soát mấy phòng khác, bật tắt đèn, nhưng không tìm thấy gì. Cuối cùng chúng quay lại phòng ngủ, mọi thứ vẫn còn như khi chúng bỏ đi.

“Mày sai rồi,” Sylvester nói, từng tiếng rõ ràng chậm rãi vì hắn biết chính xác nó sẽ làm Bo giận dữ thế nào. “Hắn đi rồi.”

Bo uốn vai như thể bộ com lê không vừa. “Nếu thằng này đi rồi, nhưng để mở đèn, có nghĩa là hắn định quay lại. Nên nếu ta nấp sẵn đâu đó chờ hắn quay lại, việc của ta sẽ dễ dàng hơn là phải cố đột nhập vào.”

“Có thể” Sylvester nói. Hắn biết chuyện này đang dẫn tới đâu.

“Nestor muốn bọn mình tóm hắn càng sớm càng tốt. Hắn có thể gây ra rất nhiều tổn thất, mày biết đó.”

“Ừ, phải đấy,” Sylvester cau có.

“Vậy nên tối nay mày ở lại đây phòng khi hắn quay lại.”

“Sao bao giờ tao cũng phải lãnh những việc chó chết?”

“Câu trả lời bắt đầu bằng chữ Đ.”

Đàn anh. Sylvester thở sượng. Hắn ước gì có ai bắn chết thằng Bo đi để hắn có cộng sự mới. Một thằng ít kẻ cả hơn.

“Tao khuyên mày chờ trong phòng khách để thấy được cả cửa trước lẫn cửa tầng hầm,” Bo nói. “Kết liễu gã này sẽ không dễ dàng như lão cha tuyên úy đó.”

“Tao nghe mày nói câu này rồi, không phải nhắc lại,” Sylvester nói.

Markus thấy hai gã đàn ông ra khỏi phòng ngủ sáng đèn rồi ít lâu sau gã nhỏ con tóc vàng rời ngôi nhà, lên chiếc SUV chạy đi. Người Con Trai vẫn còn đâu đó trong nhà, nhưng đâu mới được? Có lẽ anh đã nghe tiếng xe nổ máy chạy đi, nhưng anh có biết là một trong hai tên vẫn còn ở trong nhà không?

Markus chìa ống nhòm vào mấy ô cửa sổ tối, nhưng cậu không thấy được gì.

Có thể Người Con Trai đã lên ra sau nhà trốn đi rồi, nhưng Markus không nghĩ vậy; cậu đã ngồi bên cửa sổ nghe ngóng, cậu phải nghe thấy gì đó.

Markus cảm thấy có động đậy nên hướng ống nhòm vào phòng ngủ, vẫn là nơi duy nhất trong nhà sáng đèn. Và thấy rằng cậu đúng.

Chiếc giường. Nó đang xô dịch. Hay đúng hơn là tấm nệm. Nó bị đẩy lên dịch qua một bên. Và anh kia rồi. Anh đã nấp giữa vạt giường và tấm nệm đôi lớn dày Markus vẫn thích nằm lên. Cũng vì Người Con Trai gây nham; anh mà béo như mẹ Markus sợ một ngày cậu sẽ vậy, chúng đã thấy anh rồi. Người Con Trai rón rén đi tới tấm ván sàn rồi, nhắc lên rồi lấy gì đó trong túi thể thao đỏ.

Markus phóng gần lại. Tập trung vào. Và há hốc.

Sylvester đã đặt ghế bành sao cho thấy được cửa trước và cổng bên ngoài.

Cổng được ngọn đèn đường soi sáng, nhưng nếu có ai đến thì hẳn sẽ nghe thấy từ trước; hẳn biết điều đó do tiếng sỏi lạo xạo khi Bo đi.

Đêm nay có thể sẽ dài nên hẳn cần nghĩ ra thứ gì giúp hẳn tỉnh táo. Hẳn thử kiểm nơi giá sách và tìm thấy cái hẳn cần: album ảnh gia đình. Hẳn bật ngọn đèn đọc và chỉnh chụp đèn để từ ngoài không thấy được ánh sáng. Rồi

hắn lật xem hình. Họ trông như một gia đình hạnh phúc. Khác biệt bao với gia đình hắn. Có lẽ điều này giải thích chuyện hắn bị ám ảnh về hình chụp của người khác. Hắn thích xem họ rồi cố hình dung xem thế nào. Hắn biết mấy ảnh gia đình này không nói lên hết sự thật, hiển nhiên rồi, nhưng chắc hẳn chúng nói *một* sự thật. Sylvester dừng ở một tấm hình ba người, có lẽ chụp vào kỳ nghỉ lễ Phục sinh. Tươi cười và rám nắng, họ đứng trước một tháp đá. Người đàn bà đứng giữa; dựa theo mấy hình khác thì Sylvester cho rằng bà là người mẹ. Bên trái bà là người cha, gã Ab Lofthus. Còn bên phải ông ta, một người đàn ông đeo kính không gọng. “Nhóm tam hùng và tôi trong một chuyến đi. Người chụp: Người Lặn”, lời chú thích bằng chữ viết tay đầy nữ tính bên dưới.

Sylvester ngẩng nhìn lên. Có phải hắn vừa nghe thấy gì đó? Hắn nhìn ra cổng bên ngoài. Ở đó không có ai. Tiếng động cũng không phát ra từ cửa trước hay cửa tầng hầm. Nhưng có gì đó khang khác, sự dày đặc trong không khí, cái gì đó có thực trong bóng tối. Bóng tối. Hắn vẫn sờ sợ bóng tối, tác nhân không ai khác chính là cha hắn. Sylvester lại chăm chú nhìn bức hình. Xem họ trông hạnh phúc ra sao. Ai cũng biết ta không nên sợ bóng sợ gió.

Tiếng động nghe như vừa phát ra từ thắt lưng của ông bố.

Sylvester nhìn chăm chăm bức hình.

Giờ nó lấm tấm máu và có một lỗ đi xuyên qua album. Cái gì đó trắng trắng bay lơ lửng xuống rồi dính vào máu. Một cọng lông vũ? Hắn nó từ tấm bọc ghế.

Sylvester nghĩ chắc mình bị sốt vì không cảm thấy đau. Vẫn chưa. Hắn nhìn khẩu súng của mình đã tuột xuống sàn ngoài tầm với. Hắn chờ phát súng tiếp theo, nhưng không thấy. Có lẽ gã đó tưởng đã giết chết hắn rồi. Nếu vậy thì hắn vẫn còn một cơ hội, miễn là hắn giả chết.

Sylvester nhắm mắt, nghe thấy gã thanh niên bước vào nên nín thở. Cảm thấy một bàn tay trên ngực lục soát áo khoác, tìm được cái ví có bằng lái của hắn và lấy đi. Hai cánh tay ôm lấy thắt lưng hắn, kéo hắn khỏi ghế và thả lên vai; rồi gã thanh niên cất bước. Hắn gã ta mạnh lắm.

Hắn nghe tiếng cửa mở, một ngọn đèn bật lên, bước chân loạng choạng xuống cầu thang, và cảm thấy không khí lạnh buốt. Hắn đang được khiêng xuống tầng hầm.

Giờ họ đã ở nhà dưới. Có tiếng mấy cái khóa nhựa bung ra. Rồi Sylvester đổ vật xuống, nhưng cú rơi êm hơn hắn sợ nhiều. Hắn cảm thấy áp suất trong tai và xung quanh tối hơn.

Hắn mở mắt ra. Tối như bưng. Hắn không thấy được gì, hắn đang nằm trong một loại thùng nào đó. Bóng tối thì chẳng gì phải sợ. Không có quỷ sứ. Hắn nghe thấy tiếng chân kéo lê tới rồi lui cho đến khi nhỏ dần. Cửa tầng hầm đóng sầm lại. Hắn một mình; gã thanh niên đã không nhận thấy có gì bất ổn. Giờ thì vấn đề chỉ là giữ bình tĩnh, không làm gì nóng vội. Chờ đến khi gã thanh niên đã đi ngủ. Bấy giờ hắn có thể bỏ trốn. Hay gọi cho Bo bảo gã cùng đồng bọn đến đón hắn và giết tên này. Điều kỳ lạ là hắn vẫn không cảm thấy đau gì lắm, chỉ có máu ấm nhỏ xuống bàn tay. Nhưng hắn thấy lạnh. Lạnh cóng. Sylvester thử nhúc nhích hai giò để xoay người thành tư thế hắn với lấy điện thoại được, nhưng không thể, chắc hai giò hắn ngủ gục mất rồi. Hắn xoay xử dứt tay vào túi áo khoác rút điện thoại ra. Hắn bấm và màn hình soi sáng bóng tối.

Sylvester nín thở.

Con quái vật ngay trước mặt hắn, nhìn hắn chăm chăm bằng cặp mắt lồi bên trên cái miệng há ra và hàm răng sắc nhọn nhỏ xíu.

Có lẽ là một con cá tuyết. Bọc trong giấy ni lông. Quanh nó là vài túi ni lông gói thực phẩm, một số hộp hải sản Frionor, phi lê gà, giò heo, dậu.

Ánh sáng từ điện thoại hắt lên những nhũ đá trên mấy vách trắng toát bao quanh hắn. Hắn đang ở trong một tủ đông.

Markus nhìn chăm chăm lên căn nhà và đếm từng giây.

Cậu đã mở cửa sổ, nghe thấy tiếng đoàn bên trong và thấy có ánh sáng lóe lên từ phòng khách. Rồi bốn bề lại im lìm.

Markus tin chắc đó là tiếng súng, nhưng ai bắn?

Lạy Chúa, xin hãy để đó là Người Con Trai. Xin đừng để anh là người bị bắn.

Markus đếm đến một trăm thì thấy cửa vào phòng ngủ mở. Tạ ơn ngài, Chúa ơi, tạ ơn ngài; là anh ấy!

Người Con Trai cất súng vào túi thể thao, dỡ tấm ván sàn rời rời bắt đầu bỏ mấy gói ni lông chứa bột trắng vào túi. Xong xuôi, anh vắt túi xách qua vai và ra khỏi phòng mà không tắt đèn.

Lát sau cửa trước đóng sầm rồi Markus thấy Người Con Trai bước ra cổng.

Dừng, nhìn hai bên rồi mất hút cuối đường theo hướng ban đầu Markus thấy anh tới.

Markus nằm lăn ra giường. Nhìn chăm chăm lên trần nhà. Anh ấy còn sống!

Anh đã bắn bọn xấu! Vì. . chúng phải là kẻ bất lương, đúng không nào? Đương nhiên là vậy rồi.

Markus hào hứng đến mức cậu biết tối nay mình sẽ không tài nào chớp mắt.

Sylvester nghe cửa trước đóng sầm. Tủ đông được cách âm quá tốt nên hẳn không nghe được gì nhiều, nhưng cửa đóng mạnh đến mức hẳn cảm nhận được độ rung. Cuối cùng thì cũng đã đi rồi. Dĩ nhiên điện thoại hẳn không gửi hay nhận gì được từ một tủ đông dưới tầng hầm, nên sau ba lần thử hẳn thôi không cố nữa. Giờ Sylvester mới cảm thấy cái đau và cùng lúc hẳn thấy buồn ngủ, nhưng cái lạnh làm hẳn tỉnh. Hẳn ghì hai lòng bàn tay lên nắp mà đẩy. Cảm thấy hoảng hốt khi nó không nhúc nhích ngay. Đẩy mạnh hơn. Vẫn không nhúc nhích. Hẳn nhớ tiếng mấy cái khóa nhựa, tự thắt nút, vấn đề chỉ là thêm chút sức nữa. Hẳn ghì hai tay lên nắp, cố hết sức đẩy. Không nhúc nhích. Và đó là khi hẳn nhận ra. Gã thanh niên đã khóa tủ đông.

Lần này cơn hoảng loạn không chỉ tê tê châm chích, nó bóp nghẹt.

Sylvester bắt đầu thở hồng hộc, nhưng buộc mình chèn cơn hoảng loạn lại để con đê khỏi vỡ, và để bóng tối, bong tối thật sự, ập vào. Suy nghĩ. Làm chủ tình hình và nghĩ cho thông suốt.

Hai giò hẳn. Sao hẳn không nghĩ đến chuyện đó? Hẳn biết hai giò hẳn mạnh hơn hai tay nhiều. Hẳn dễ dàng nâng được hai trăm ký lô trên máy tập tạ chân, so với có bảy chục ký trên ghế dài tập tạ tay. Còn đây chỉ là cái khóa tủ đông, thiết kế ra để ngừa người ta xoay thịt và dậu, không phải để ngăn một gã đàn ông to béo, tuyệt vọng thực sự muốn thoát ra. Giữa hẳn và nắp có đủ chỗ để nếu hẳn co đầu gối lại và đạp hai bàn chân lên nắp..

Nhưng hẳn không gập đầu gối lại được.

Đơn giản là chúng không chịu nghe lời hẳn. Hẳn chưa bao giờ bị tê chân tồi tệ như vậy. Hẳn thử lại. Không có phản ứng; cứ như chúng bị cắt rời ra rồi. Hẳn nhéo ống quyển. Hẳn nhéo đùi. Con đê bắt đầu kêu răng rắc. Suy nghĩ. Không, đừng suy nghĩ! Muộn quá rồi. Cái lỗ thùng nơi album ảnh, máu. Hẳn viên đạn đã cắt đứt tủy sống. Chuyện đó giải thích được vì sao hẳn không thấy đau.

Sylvester sờ bụng. Ướt đầm cả máu. Nhưng cứ như sờ vào người ai khác.

Hắn đã bị liệt, từ thắt lưng trở xuống. Hắn đấm thùm thụp lên nắp, nhưng chẳng ích gì, chỉ có những cửa cống trong tâm trí hắn là mở ra. Con đê hắn đã học là không bao giờ được mở ra. Bố hắn đã dạy điều đó. Nhưng giờ thì những vết nứt xuất hiện và Sylvester biết rằng hắn sẽ chết như trong mấy cơn ác mộng của hắn. Bị chết. Một mình. Trong bóng tối.

26

“Sáng chủ nhật này đúng là tuyệt hảo” , Else nhìn ra cửa sổ xe và thông báo.

“Công nhận,” Simon nói, về số xe và liếc nhìn cô. Ông thắc mắc không biết cô quan sát được bao nhiêu, liệu cô có thấy được Hoàng Cung đặc biệt xanh rì sau cơn mưa như trút hôm qua. Liệu cô thậm chí có thấy là họ đang chạy ngang Hoàng Cung.

Chính Else là người gợi ý đi xem triển lãm tranh Chagall tại Hovikodden và Simon đã nói ý đó thật tuyệt vời, có điều ông phải ghé vào chỗ một đồng nghiệp cũ sống ở Skillebekk trên đường đến phòng tranh.

Dọc Gamle Drammensveien có nhiều chỗ đậu xe. Những tòa nhà quý tộc lâu đời và những khối căn hộ trông dứt khoát là đang vắng vẻ trong kỳ nghỉ. Lá cờ đại sứ quán thỉnh thoảng lay động trong làn gió nhẹ.

“Anh không ở lại lâu đâu,” Simon nói. Ông xuống xe và bước tới cửa địa chỉ ông vừa tìm được trên mạng. Cái tên ông tìm được liệt kê ở đầu một dãy chuông cửa.

Sau khi bấm chuông hai lần, Simon sắp bỏ cuộc thì nghe giọng một phụ nữ.

“Vâng?”

“Có Fredrik đó không?”

“Ơ... Là ai đấy?”

“Simon Kefas.”

Mấy giây im lặng, nhưng Simon nghe được tiếng lách tách như thể bàn tay đặt lên micro trên hệ thống điện thoại nội bộ. Rồi cô ta quay lại. “Ông ấy

xuống ngay.”

“Ok.”

Simon chờ. Còn quá sớm, người bình thường chưa dậy lo công chuyện, nên trên đường ông chỉ thấy một cặp ở độ tuổi ông. Họ trông như đang ra ngoài đi dạo ngày Chủ nhật. Một chuyến đi dạo mà điểm xuất phát cũng là đích đến.

Người đàn ông đội mũ vải tuyết và quần kaki không có gì nổi bật. Ta ăn mặc như vậy khi già đi. Simon nhìn lên bóng mình trong ô kính nơi cửa trước bằng gỗ sồi chạm trổ. Mũ tuyết xẹp và kính râm. Quần kaki. Đồng phục ngày Chủ nhật.

Phải mất một lúc; ông nghĩ có lẽ mình đã đánh thức Fredrik. Hay vợ hắn ta.

Nhưng cũng có thể đó không phải là vợ Simon nhìn ra xe thì thấy Else đang nhìn thẳng về ông. Ông vẫy tay. Không có phản ứng. Cửa trước mở.

Fredrik, mặc quần jean áo sơ mi, xuất hiện. Hắn đã đung đỉnh tắm - mái tóc ướt, dày chải ra sau.

“Chuyện này bất ngờ quá,” hắn nói. “Cái gì. .”

“Sao ta không đi dạo một lát?”

Fredrik nhìn đồng hồ tay nặng trĩu. “Nghe này, tôi. .”

“Nestor và bọn đàn em bán ma túy đã đến gặp tôi,” Simon nói to đủ cho cặp gần đó nghe thấy. “Nhưng tôi rất vui lòng đem chuyện này lên lầu trong căn hộ đang có... vợ ông?”

Fredrik nhìn Simon. Rồi hắn đóng cửa lại sau lưng.

Họ đi dạo dọc vỉa hè. Đôi dép lê của Fredrik giẫm lạch bạch xuống mặt đường nhựa và vọng lại giữa các vách.

“Hắn đến ngỏ lời cho tôi vay khoản tiền tôi đã bàn với anh, Fredrik. Chỉ bàn với anh thôi.”

“Tôi không nói cho ai tên Nestor cả.”

“Anh không phải gọi hắn là ‘ai tên Nestor cả’, cả hai ta đều thừa biết anh biết cái tên đó. Anh cứ tha hồ nói dối về cái gì khác anh biết về hắn.”

Fredrik dừng chân. “Thôi nào, Simon. Kiếm cho anh khoản vay đó từ khách hàng nào của tôi cũng đều không thể. Nên tôi đã đem vấn đề của anh bàn với bên thứ ba. Đó là cái anh mong đợi tôi làm, không phải sao? Thành thật đi?”

Simon không đáp.

Fredrik thở dài. “Nghe này, tôi chỉ đang cố giúp. Chắc hẳn điều tệ hại nhất có thể xảy ra là anh nhận được lời đề nghị mà anh không thể khước từ.”

“Điều tệ hại nhất có thể xảy ra là giờ đây một số tên cặn bã nghĩ chúng đã tìm được cách tiếp cận tôi. Cuối cùng thì cũng được rồi, chúng nghĩ. Vì chúng chưa từng nắm thóp được tôi, Fredrik. Nắm thóp anh thì có, nhưng tôi, không hề.”

Fredrik dựa vào hàng rào. “Có lẽ đó mới là vấn đề của anh đấy, Simon. Lý do anh chưa từng có sự nghiệp đáng ra anh đã có.”

“Vì tôi không bán mình?”

Fredrik mỉm cười. “Tính nóng nảy của anh. Anh thiếu ngoại giao. Anh thậm chí còn lăng mạ những người đang cố giúp anh.”

Simon nhìn xuống đường tàu cũ bỏ hoang bên dưới. Từ thời Vestbanen, vẫn còn được sử dụng. Ông không biết vì sao, nhưng ông vừa u buồn vừa phấn chấn khi thấy đường hào dưới nền đất vẫn còn đó. “Anh đã đọc về vụ giết ba mạng ở Gamlebyen chưa?”

“Tất nhiên,” Fredrik nói. “Báo chí hầu như chẳng viết về cái gì khác. Mọi thành viên của Kripos đều đã được huy động, hay có vẻ vậy. Anh có còn được chơi với bọn họ không?”

“Họ thích giữ đồ chơi ngon nhất chơi một mình như thường lệ thôi. Kalle Farrisen là một trong những người bị sát hại. Anh có nhận ra cái tên đó không?”

“Tôi không thể nói là có. Nhưng nếu Đội Điều tra án mạng không được phép xem qua, sao anh...”

“Vì Farrisen từng bị tình nghi giết cô gái này.” Simon lấy tấm hình ông in từ hồ sơ ra đưa cho Fredrik. Ông quan sát hẩn nhìn chăm chú gương mặt tái nhợt có nét áchâu. Ta không phải nhìn thân thể cô mới nhận ra cô đã chết.

“Người ta tìm thấy cô ta ở một sân sau; được dàn dựng để trông như cô ta tình cờ bị quá liều. Mười lăm tuổi. Mười sáu, có lẽ cô ta không có giấy tờ tùy thân, nên chúng tôi không bao giờ biết được cô ta là ai hay cô ta từ đâu đến.

Hay làm sao cô ta vào được Na Uy. Có lẽ trong container trên một tàu từ Việt Nam. Thứ duy nhất họ phát hiện ra là cô ta đang có thai.”

“Phải, chờ đã, tôi nhớ vụ đó. Tôi tưởng đã có người nhận tội rồi?”

“Phải. Đến cuối ngày mới tới và khiến ai cũng ngạc nhiên. Điều tôi muốn hỏi anh là: có mối liên hệ nào giữa Kalle Farrisen và khách hàng ruột của anh là Iversen hay không?”

Fredrik nhún vai và nhìn qua vịnh. Hắn lắc đầu. Simon theo cái nhìn của hắn tới hàng hà sa số những cột buồm trên thuyền bỏ neo trong bến du thuyền mà hai chữ “thuyền buồm” thời nay có nghĩa là cái gì nhỏ hơn tàu chiến một chút.

“Anh có biết người nhận tội và bị kết án giết cô gái đó đã trốn tù không?”

Fredrik lại lắc đầu.

“Ăn sáng ngon miệng,” Simon nói.

Simon đang tựa nơi cái quỳ cong cong để mũ áo tại phòng tranh ở Hovikodden. Mọi thứ đều có nét cong. Mọi thứ đều thuộc trường phái tân biểu hiện. Ngay cả vách kính ngăn các phòng cũng cong và có lẽ cũng tân biểu hiện.

Ông nhìn Else. Cô nhìn tranh Chagall. Trông cô nhỏ bé biết bao khi đứng đó.

Nhỏ hơn những hình người của Chagall. Có lẽ do những đường cong, có lẽ họ tạo ra một ảo giác như kiểu phòng biến dạng.

“Vậy mà ông đến gặp tên Fredrik này chỉ để hỏi hắn câu đó thôi sao?” Kari đứng cạnh ông hỏi. Ông gọi và hơn hai mươi phút sau thì cô đến. “Và điều ông đang muốn nói là...”

“Là tôi biết hắn sẽ chối chuyện đó,” Simon nói. “Nhưng tôi phải nhìn hắn để biết hắn có nói dối không chứ.”

“Dù một vài xê ri truyền hình quả quyết điều ngược lại, nhưng ông thừa biết là cực kỳ khó biết chắc ai đó có đang nói dối không?”

“Fredrik không chỉ là ‘ai đó’. Tôi đã có kinh nghiệm nghe hắn nói dối, tôi nhận ra cái ‘biểu cảm’ của hắn.”

“Vậy Fredrik Ansgar là kẻ nói dối khét tiếng?”

“Không. Hắn nói dối vì cần thiết, không phải vì bản chất hay khuynh hướng.”

“Phải. Mà làm sao ông biết điều đó?”

“Cái ngày chúng tôi cùng bắt tay lo một vụ điều tra bất động sản lớn tại Phòng Điều tra thì tôi chưa biết.” Ông thấy Else trông hơi ngờ ngác nên húng hắng để cô nghe được ông ở đâu. “Chúng mình Fredrik đang nói dối là việc phức tạp,” Simon tiếp. “Chỉ mình hắn là kế toán thông thạo trong cuộc điều tra nên chúng tôi khó mà xác minh mọi thứ hắn nói. Ban đầu đó là những sai số không đáng kể và những trùng hợp kỳ quặc nhưng tổng số dường như có hơi quá lớn không thể chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Hắn không báo cho chúng tôi một số thứ hay trực tiếp cho chúng tôi thông tin sai. Tôi là người duy nhất sinh nghi. Rồi cuối cùng tôi cũng học được cách biết khi nào thì hắn đang nói dối.”

“Thế nào?”

“Đơn giản lắm. Giọng hắn.”

“Giọng hắn sao?”

“Nói dối sẽ kéo theo những cảm xúc. Fredrik giỏi nói dối bằng cách dùng từ ngữ, logic và ngôn ngữ cơ thể. Nhưng giọng hắn là cái phong vũ biểu cảm xúc hắn không kiểm soát được. Hắn không biết tạo đúng giọng tự nhiên, hắn có ngữ điệu dối trá mà tự hắn nghe ra được và hắn biết nó có thể tố giác hắn. Khi được hỏi thẳng một câu và phải trả lời thẳng, hắn không thể tin cậy vào giọng mình.

Nên hắn bắt đầu gật hay lắc đầu để trả lời.”

“Vậy khi ông hỏi hăn có biết mối liên hệ nào giữa Kalle Farrisen và Iversen?”

“Hăn chỉ nhún vai như thể không biết.”

“Vậy là hăn đang nói dối?”

“Phải. Và hăn lắc đầu khi tôi hỏi hăn có biết Sonny Lofthus đã trốn khỏi nhà tù không.”

“Như vậy không phải là có chút đơn giản thái quá sao?”

“Phải, nhưng Fredrik là người đơn giản, một người biết rõ bảng cửu chương của hăn, rõ hơn hầu hết. Nghe này, đây là cái tôi muốn cô làm. Tôi muốn cô xem lại mọi bản án của Sonny Lofthus. Xem cô có còn tìm được nghi phạm nào khác trong mỗi vụ không.”

Kari Adel gật. “Tuyệt thật, dù sao thì tôi cũng không có kế hoạch gì cho cuối tuần này.”

Simon mỉm cười.

“Vụ Phòng Điều tra đó,” Kari nói. “Nó là về chuyện gì vậy?”

“Gian lận,” Simon nói. “Trốn thuế, tiền đáng kể, những tên tuổi đáng gờm.

Như vụ án cho thấy, nó có thể hạ bệ những doanh nhân tiếng tăm cũng như các chính khách và dường như nó có thể dẫn chúng tôi đến chỗ Ông Lớn.”

“Là?”

“Sinh Đồi.”

Kari rùng mình. “Tôi phải nói đó là một biệt danh kỳ lạ.”

“Không kỳ lạ bằng câu chuyện đằng sau nó.”

“Ông có biết tên thật của Sinh Đồi không?”

Simon lắc đầu. “Hắn hoạt động bằng nhiều tên. Nhiều đến mức hắn nặc danh hoàn toàn. Khi mới vào làm ở Phòng Điều tra, tôi ngây thơ đến mức tưởng con cá bự nhất sẽ dễ thấy nhất. Tất nhiên, sự thật là tầm quan trọng của ai đó sẽ tỉ lệ nghịch với sự xuất đầu lộ diện của họ. Tôi lại một lần nữa để vượt mất Sinh Đồi.

Vì những lời dối trá của Fredrik.”

“Ông có nghĩ rằng có thể Fredrik Ansgar là gián điệp nhị trùng không?”

Simon lắc đầu quày quặt. “Khi gián điệp nhị trùng bắt đầu hoạt động thì Fredrik thậm chí còn chưa làm việc cho cảnh sát. Tôi tin thời điểm đó hắn là vai phụ, nhưng rõ ràng nếu được để cho thăng tiến thì hắn đã gây rất nhiều thiệt hại.

Nên tôi ngăn chặn hắn.”

Kari tròn mắt. “Ông tố giác Fredrik Ansgar lên ủy viên?”

“Không. Tôi có một đề nghị. Hoặc hắn ra đi lặng lẽ hoặc tôi sẽ đem chút đỉnh tội hắn lên gặp cấp cao nhất. Có lẽ điều đó không đủ bảo đảm một cuộc điều tra hay sa thải, nhưng nó sẽ chặt cánh hắn, tạm hoãn sự nghiệp hắn một thời gian. Hắn đồng ý ra đi.”

Một sợi ven lộ ra trên trán Kari. “Ông... ông cứ vậy để hắn đi?”

“Chúng tôi loại bỏ con sâu làm rầu nồi canh mà không kéo lực lượng cảnh sát xuống bùn. Phải, tôi để hắn đi.”

“Ông không thể cứ để những người như thế đi.”

Ông nghe thấy sự oán giận trong giọng cô. Khá đúng.

“Fredrik là cá nhỏ và, như tôi đã nói, hẳn sẽ an toàn thoát tội. Hẳn thậm chí còn chẳng thềm vờ vịt đó không phải một đề nghị tốt. Thực ra, hẳn cảm thấy hẳn chịu ơn tôi.”

Simon quay qua cô. Ông định bụng khiêu khích cô. Và điều đó đã có tác dụng. Nhưng có vẻ như cơn oán giận của cô đã qua. Giờ cô chỉ trông như đã tìm được một lý do nữa để rời lực lượng sớm nhất khi có dịp.

“Vậy còn câu chuyện đăng sau biệt danh Sinh Đôi?”

Simon nhún vai. “Tôi tin hẳn có một người em trai sinh đôi giống hệt. Lúc mười một tuổi hẳn nằm mơ hai đêm liền là hẳn giết em mình. Hẳn kết luận rằng bởi họ là anh em sinh đôi giống nhau, sẽ hợp lý nếu cho rằng em hẳn cũng nằm mơ thấy vậy. Từ đó trở đi thì vấn đề chỉ là đi trước người kia một bước.”

Kari nhìn Simon. “Đi trước người kia một bước,” cô lặp lại.

“Xin lỗi,” Simon nói rồi chạy ào theo Else, cô đang sắp bước vào tường kính.

Fidel Lae thấy chiếc xe trước khi nghe tiếng. Xe mới thì thường là vậy, chúng hầu như êm ru không tiếng động. Nếu gió thổi từ ngoài đường, qua đồng hoang tới trang trại, có lẽ lào sẽ nghe thấy tiếng lốp xe lạo xạo trên sỏi, sang sỏi hay rờ máy khi xe chạy lên đồi, còn không thì Fidel phải nhờ mắt mình cảnh báo. Về mấy chiếc xe, phải. Người hay thú thì lại là chuyện khác - bấy giờ lão đã có hệ thống báo động tốt nhất thế giới. Chín con chó phốc Dobermann trong chuồng. Bảy con chó cái mỗi năm đẻ một lứa, bán được mười hai ngàn mỗi con.

Đó là công việc làm ăn chính thức trong trại chó của lão, chó có gấn vi mạch sẽ được giao cho người mua, bảo đảm không bị những tật khó thấy còn giống của chúng thì được đăng ký ở Trại chó Na Uy.

Phần không chính thức của trại chó thì nằm sâu hơn trong rừng.

Hai con chó cái và một con đực. Không được đăng ký ở đâu cả Chó ngao Argentina. Mấy con chó phốc Dobermann sợ chúng mất vía. Năm mươi lăm ký lô hung hăng và trung thành phủ áo choàng ngắn, trắng như bạch tạng, lý do vì sao tên tất cả chó của Fidel đều có chữ “ma” : hai con chó có là Cổ Máy Ma và Ma Thiêng, con đực là Đạn Phá Ma. Người mua muốn gọi mấy con cún bằng tên quý quái gì thì tùy miễn sao trả đủ 120.000 krone. Giá phản ánh sự hiếm hoi của con chó, bản năng giết hiệu quả và thực tế là giống này đã bị cấm ở Na Uy và một số nước khác. Vì khách hàng của lão không đặc biệt nhạy cảm về giá cả hay bận tâm đến luật pháp Na Uy, ít có gì gợi ý cho thấy giá sẽ hạ. Trái lại. Vì lý do đó mà năm nay Fidel đã dờ chuồng mấy con chó ngao Argentina vào sâu hơn trong rừng, để ngoài trang trại không nghe thấy tiếng chúng sủa.

Chiếc xe đang tiến về phía trang trại, con đường không dẫn đi đâu khác, nên Fidel đi êm ru xuống cái cổng luôn đóng. Không phải để ngăn mấy con Dobermann xông ra, mà để ngăn kẻ xâm nhập. Và bởi trừ khách hàng của lão ra thì ai cũng là kẻ xâm phạm, Fidel giữ một khẩu Mauser M98 đã được tân trang cho vừa tay trong căn nhà kho nhỏ chạy vòng phía sau cho đến tận cũi chó gần cổng. Lão cất những vũ khí lạ lùng hơn trong nhà chính, nhưng lão luôn có thể cài là lão dùng Mauser để săn nai sừng tấm bởi nhiều lúc nai sừng tấm cũng đi qua đồng hoang. Tức là khi gió không thổi từ hướng có cái cũi nhốt mấy con ma Argentina.

Fidel tới cổng cùng lúc với chiếc xe phía ngoài có huy hiệu công ty cho thuê.

Nghe tiếng sang số lụp bụp thì Fidel dám chắc tài xế không có nhiều kinh nghiệm với cấu tạo xe này; hẳn còn thông thả tắt đèn pha, cần gạt kính chắn gió và, cuối cùng, động cơ.

“Ồn chứ?” Fidel nói, nhìn chăm chú cái gã từ xe bước xuống. Áo có mũ trùm và giày nâu. Dân thành thị. Thịnh thoảng có vài dân thành thị cũng tự mò đến đây mà không hẹn trước. Nhưng chuyện đó hiếm. Fidel không quảng cáo và chỉ dẫn đường đi trên mạng như mấy trại chó khác. Gã này đi lại cái công mà Fidel không tỏ vẻ gì là muốn mở.

“Tôi tìm một con chó.”

Fidel hất chóp mũ trên trán. “Rất tiếc, nhưng anh đi mất công rồi. Tôi không nói chuyện với người có thể sẽ là chủ chó của tôi mà không có giới thiệu trước.

Chỉ là vậy thôi. Một con phốc Dobermaon không phải là chó nhà để vượt ve, nó cần một người chủ biết mình chấp nhận cái gì. Thứ Hai rồi gọi lại cho tôi.”

“Tôi không kiếm con Dobermaon,” gã này nói và nhìn ra sau Fidel. Quá trang trại và mấy cái chuồng nhốt chín con chó cái hợp pháp của lão. Về phía rừng đằng sau. “Gustav Rover giới thiệu cho tôi.” Gã giờ tấm danh thiếp lên.

Fidel lén nhìn. *Xưởng sửa chữa mô tô Rover*. Rover. Fidel rất giỏi nhớ tên và người vì cả hai thứ này lão đều không gặp nhiều. Gã đi mô tô có cái răng vàng.

Hắn đã đến đây với Nestor để mua một con chó ngao Argentina.

“Ông ta nói chó của ông sẽ canh giữ bọn tạp dịch Belarus và bảo đảm là chúng không bỏ trốn.”

Fidel thong thả gãi gãi cái mụn cóc trên cổ tay. Rồi lão mở công. Gã này không thể nào là cớm, họ không được phép khép tội bán chó trái phép để giảng dạy người ta, điều đó sẽ làm hỏng toàn bộ vụ án của họ. Ít ra thì đó cũng là cái mà luật sư nói với lão.

“Anh có... ?”

Gã này gật, rút tay vào túi áo trùm đầu rút ra một xấp tiền dày. Tờ một ngàn krone.

Fidel mở tủ đựng súng lấy ra khẩu Mauser.

“Tôi không bao giờ đến thăm chúng mà thiếu cái này,” lão giải thích. “Một con mà xông ra. .”

Phải mười phút họ mới tới chỗ nhốt.

Trong năm phút cuối họ nghe tiếng sủa thình nộ mỗi lúc một to.

“Chúng tưởng sắp được cho ăn,” Fidel nói, nhưng không nói thêm: thịt mỳ đây.

Lũ chó điên cuồng chồm vào rào dây thép gai khi thấy hai người đàn ông xuất hiện. Fidel cảm thấy mặt đất rung chuyển khi chúng ngả bật ra sau. Lão biết chính xác cọc rào đã cắm sâu chừng nào, lão chỉ hy vọng là nó đủ sâu. Máy cái chuồng Đức nhập khẩu có sàn kim loại, để các giống như chó sục, chó chồn và chó săn không thể đào mà thoát ra được, còn mái tôn uốn giữ cho chúng được khô ráo và ngăn ngay cả những con khỏe mạnh nhất nhảy qua hàng rào.

“Chúng nguy hiểm nhất khi ở trong đàn,” Fidel nói. “Bấy giờ chúng sẽ theo con đầu đàn, Đạn Phá Ma. Nó to con nhất.”

Khách hàng chỉ gật. Gã nhìn mấy con chó. Fidel biết hẳn là gã sợ. Hàm há ra toàn răng sáng bóng, loang loáng, đều tăm tắp trên nước màu hồng nhạt. Mẹ kiếp, chính lão còn sợ nữa là. Chỉ khi lão ở bên mỗi một con, tốt hơn là chó cái, lão mới chắc mình là sếp.

“Với một con cún thì anh phải nhanh chóng xác định anh là chó đầu đàn và bảo đảm mình luôn là vậy. Hãy nhớ rằng lòng tốt dưới dạng nuông chiều và tha thứ sẽ được xem là yếu đuối. Hành vi không mong muốn phải bị phạt, và đó là việc của anh. Anh hiểu không?”

Khách hàng quay qua Fidel. Có gì xa xôi kỳ lạ trong đôi mắt tươi cười của gã và gã lặp lại: “Trừng phạt hành vi không mong muốn là việc của ta.”

“Tốt.”

“Sao chuồng đó trống không?” Khách hàng chỉ một chuồng gần lũ chó.

“Tôi từng có hai con đực. Nếu tôi bỏ chúng chung một chuồng, cuối cùng rồi một trong hai cũng chết thôi.”

Fidel lấy ra chùm chìa khóa. “Lại đây xem bầy cún, chúng có chuồng riêng đằng kia. .”

“Trước khi ông làm vậy, cho tôi biết...”

“Gì?”

“Để chó cắn xé mặt cô gái trẻ là hành vi đáng mong muốn sao?”

Fidel đứng sững lại. “Hả?”

“Cho chó xé xác mặt một cô gái khi cô ta cố chạy trốn cảnh nô lệ là hành vi mong muốn, hay phải bị trừng phạt?”

“Nghe này, chó chỉ hành động theo bản năng nên ta không thể trách nó chỉ vì...”

“Tôi không nói về con chó. Những người chủ. Theo ý ông thì có nên trừng phạt chúng không?”

Fidel nhìn lại cho kỹ khách hàng. Không lẽ hóa ra hẳn là cớm? “À, nếu quá tai nạn như vậy xảy ra thì. .”

“Tôi không tin đó là tai nạn. Sau đó, chủ nhân đã cắt cổ cô gái rồi ném xác trong rừng.”

Fidel nắm chặt hơn khẩu Mauser. “Tôi chẳng biết gì chuyện đó cả.”

“Nhưng tôi biết. Tên người chủ là Hugo Nestor.”

“Nghe này, anh có muốn mua chó hay không đây?” Fidel nâng báng súng trường này giờ vẫn hướng xuống đất lên vài tấc.

“Hẳn mua con chó đó của ông. Hẳn mua vài con ở chỗ ông. Vì ông bán chó dùng cho những mục đích như vậy.”

“Anh thì biết gì chuyện đó?”

“Nhiều lắm. Trong mười hai năm tôi ngồi trong chuồng nghe mọi người kể chuyện. Đã từng thắc mắc ngồi trong chuồng thì thế nào chưa?”

“Nghe này...”

“Giờ ông có thể thử.”

Fidel chưa kịp đưa súng trường vào vị trí thì gã kia đã khóa tay lão từ đằng sau và kẹp chặt hai cánh tay lão vào người đến mức không khí từ Fidel thoát ra nghe như tiếng hú. Tên chủ trại chó chỉ kịp nhận biết tiếng sủa điên loạn khi lão bị nhấc lên. Gã kia ngửa người ra khi nhấc Fidel lên rồi vung lão thành một vòng cung rộng qua đầu. Nhưng khi cổ và vai Fidel chạm đất trước thì gã này tung mình nhảy lên người Fidel. Fidel thở hổn hển vùng vẫy thoát ra. Nhưng rồi lão dùng phắt lại khi nhìn vào họng súng.

Bốn phút sau Fidel chăm chăm nhìn theo lưng gã đàn ông lùi dần. Trông như gã đang bước trên nước khi băng qua đồng hoang trong sương mù.

Mấy ngón tay Fidel níu lấy hàng rào mắt cáo, kể ồ khóa to sụ. Lão bị nhốt trong chuồng để không.

Trong chuồng kể bên, con Đạn Phá Ma đã nằm xuống và lừ đừ nhìn lão. Gã này đã đổ đầy bát nước trong chuồng của Fidel và bỏ lại cho lão bốn gói Raw đồ ăn cho chó. Gã đã lấy đi điện thoại, chùm chìa khóa và ví. Fidel cất tiếng thét. mấy con quỷ trắng tru và sủa đáp lại. Từ một chỗ nhốt dựng xa tít trong rừng không ai nghe hay thấy chúng được.

Mẹ kiếp!

Người đàn ông đi rồi. Một sự im lặng lạ lùng trùm xuống. Một con chim lạnh lót. Rồi Fidel nghe những giọt mưa đầu tiên chạm mái tôn.

Khi Simon bước ra khỏi thang máy vào văn phòng Đội Điều tra án mạng lúc 8 giờ 8 phút sáng thứ Hai, ông có ba thứ trong đầu. Một là lúc này Else đã ngâm mắt trong phòng tắm bên cạnh, tuyệt không hay biết Simon đang đứng phòng ngừa nhìn cô. Hai là có lẽ ông đã giao cho Kari làm quá nhiều việc hôm Chủ nhật. Và ba là ông ghét cách bố trí của văn phòng, nhất là sau khi một người bạn kiến trúc sư của Else bảo ông là văn phòng không gian mở sẽ tiết kiệm được diện tích sàn trên mỗi nhân viên là chuyện bịa đặt, rằng những vấn đề tiếng ồn sẽ khiến ta phải tạo ra nhiều phòng họp và vùng đệm đến mức cái lợi nào cũng đều bị chi phí phụ trội ngốn sạch.

Ông đi lại bàn Kari.

“Cô đến sớm vậy,” ông nói.

Một gương mặt khá mệt mỏi nhìn lên. “Chào buổi sáng, Simon Kefas.”

“Cảm ơn. Tìm được gì không?”

Kari ngả người ra ghế. Dù cô đang ngáp, Simon nghĩ mình phát hiện thấy sự mẫn nguyện nào đó ẩn sau vẻ mặt cô.

“Đầu tiên tôi tìm mối liên hệ giữa Iversen và Farrisen. Không thấy gì. Rồi tôi lục lại các bản án của Sonny Lofthus và nghi phạm có thể có. Lofthus bị kết án sát hại một cô gái không nhận diện được, có lẽ là người Việt, chết vì dùng ma túy quá liều và ban đầu cảnh sát nghi Kalle Farrisen. Nhưng Lofthus còn đang chấp hành án tù vì một vụ giết người khác. Đó là Oliver Jovic, một tay buôn ma túy, một gã người Séc Kosovo đang cố chen chân vào thị trường thì người ta phát hiện ra hắn ở Stensparken với một chai Coke ở cuống họng.”

Simon nhăn mặt. “Chúng rạch họng hắn?”

“Không, ý tôi không phải vậy. Một chai Coke tọng xuống cổ họng hẳn.”

“Xuống cổ họng hẳn?”

“Cổ chai trước. Vậy dễ hơn. Tọng thẳng xuống cho đáy chai tì vào sau răng.”

“Làm sao cô biết là.. ?”

“Tôi đã xem hình. Đội Bài trừ Ma túy nghĩ đó là lời nhắn cho những kẻ cạnh tranh tiềm tàng thấy chuyện gì sẽ xảy ra khi ta cố ăn tham trong thị trường cocain.” Cô nhìn nhanh lên Simon và nói thêm: “Chai Coke tức là chai Coca-

Cola.”

“Vâng, cảm ơn cô, tôi hiểu rồi.”

“Cảnh sát đã mở cuộc điều tra, nhưng chẳng đi tới đâu. Vụ án chưa bao giờ bị bỏ hẳn, nhưng chẳng có gì nhiều xảy ra cho đến khi Sonny Lofthus bị bắt vì giết cô gái châu á. Cậu ta nhận cả tội giết Jovic. Trong hồ sơ thẩm vấn cậu ta khai cậu ta với Jovic gặp nhau trong công viên để dàn xếp một món nợ, là Lofthus không có đủ tiền nên Jovic đã dùng súng hăm dọa. Lofthus đã tấn công và hạ đo ván hẳn. Tôi đoán cảnh sát nghĩ chuyện đó nghe có vẻ hợp lý, xét tới việc Lofthus từng là dân đấu vật.”

“Hừm.”

“Điều thú vị là cảnh sát lấy được dấu tay trên chai.”

“Mà sao?”

“Nó không phải của Lofthus.”

Simon gật. “Rồi Lofthus giải thích sao chuyện đó?”

“Cậu ta nói tìm thấy cái chai không trong thùng rác gần đó. Rằng dân nghiện như cậu ta vẫn làm vậy để lấy lại tiền thế chai.”

“Nhưng?”

“Dân nghiện không lượm ve chai. Vậy thì quá lâu mới gom đủ tiền chích ngày hôm đó. Báo cáo còn nêu rằng dấu tay là ngón cái và lấy được ở đáy chai.”

Simon biết cô sắp nói tới điều gì, nhưng không muốn đi trước cô một bước để làm cô cụt hứng.

“Tôi muốn nói là, khi uống ai lại để ngón cái lên đáy chai? Tuy nhiên, nếu ta tọng chai xuống cổ họng ai đó. .”

“Và cô không nghĩ lúc ấy cảnh sát đã xem xét chuyện đó?”

Kari nhún vai. “Tôi không nghĩ có bao giờ cảnh sát lại đi ưu tiên cho mấy vụ dùng ma túy. Họ không tìm thấy dấu tay trong cơ sở dữ liệu. Nên khi có người dăng cho họ lời nhận tội một vụ án họ đã chậm trễ một thời gian rồi. .”

“Thì họ sẽ nói cảm ơn nhiều, đánh dấu vụ án là đã giải quyết rồi đi tiếp?”

“Đó là cách làm việc của các ông mà, không phải sao?”

Simon thở dài. *Các ông.* Ông đã đọc trên báo là uy tín của cảnh sát trong công chúng bắt đầu lên cao sau mấy vụ bê bối trong ít năm rồi, nhưng lực lượng chỉ nổi danh hơn ngành đường sắt chút đỉnh. *Các ông.* Ông hình dung cô đang cảm ơn mấy ngôi sao vận may của mình rằng cô đã bước một chân ra khỏi văn phòng không gian mở này rồi.

“Vậy là Sonny Lofthus bị kết án hai vụ án mạng, nhưng trong cả hai vụ thì chứng cứ đều dẫn về bọn buôn ma túy. Có phải cô đang muốn nói cậu ta là

bia đỡ đạn chuyên nghiệp?”

“Ông không nói vậy sao?”

“Có lẽ có. Nhưng vẫn chưa có gì nối cậu ta với Farrisén hay Agnete Iversén.”

“Còn vụ án mạng thứ ba,” Kari nói. “Kjersti Morsand.”

“Vợ tay chủ tàu,” Simon nói, dù ý nghĩ của ông giờ đã xoay qua cà phê và máy pha cà phê. “Đó là vụ án của Sở Cảnh sát Buskerud.”

“Chính xác. Cửa đứt đầu bà ta. Sonny Lofthus cũng bị tình nghi trong vụ đó.”

“Chắc hẳn chuyện đó không thể nào đúng được? Khi chuyện đó xảy ra thì cậu ta đang bị giam.”

“Không, cậu ta đã ra ngoài trong ngày được tự do. Cậu ta ở trong khu vực này. Họ thậm chí còn tìm thấy tóc cậu ta tại hiện trường.”

“Cô đang đùa chứ,” Simon nói, tức thì quên bằng cà phê. “Chắc hẳn trên báo phải có gì về chuyện đó. Sát thủ khét tiếng gắn liền với hiện trường - còn gì đáng đăng tin hơn nữa?”

“Sĩ quan bên Buskerud chỉ huy cuộc điều tra đã chọn cách không công bố,”

Kari nói.

“Sao không?”

“Hỏi anh ta ấy.”

Kari chỉ và Simon nhận thấy một người cao to từ chỗ máy pha cà phê cùng cái cốc trong tay đang bước tới họ. Bất kể nhiệt độ mùa hè anh ta vẫn mặc

áo len chui đầu dày.

“Henrik Westad,” người này nói, chìa tay ra. “Tôi là thanh tra bên Sở Cảnh sát Buskerud. Tôi đang chỉ đạo cuộc điều tra Kiersti Morsand.”

“Tôi đã bảo Henrik sáng nay chạy xe lại trò chuyện một chút,” Kari nói.

“Anh chạy một mạch từ Drammen vào giờ cao điểm sang ư?” Simon nói, bắt tay anh này. “Chúng tôi rất biết ơn.”

“*Trước* giờ cao điểm sang,” Westad nói. “Chúng tôi đã có mặt ở đây từ sáu giờ ba mươi. Tôi nghĩ không còn gì nhiều để nói về vụ điều tra, nhưng đồng nghiệp của ông đây lại rất kỹ lưỡng.”

Anh ta hất hàm về Kari rồi ngồi xuống ghế đối diện cô.

“Vậy sao các anh không công bố là đã tìm thấy tóc của hung thủ đã bị kết án tại hiện trường?” Simmon nói, nhìn cái cốc Westad đưa lên miệng đầy ghen tị.

“Thế cũng giống như nói các anh đã phá được vụ án. Thường thì cảnh sát không im tin tốt.”

“Đúng vậy,” Westad nói. “Nhất là khi chủ nhân sợi tóc đó đã nhận tội giết người ngay lần đầu chúng tôi thẩm vấn anh ta.”

“Vậy đã có chuyện gì?”

“Có Leif.”

“Leif là ai?”

Westad chậm rãi gật đầu. “Sau buổi thẩm vấn đầu tôi đã có thể ra thông cáo báo chí cùng cái chúng tôi có được, nhưng có gì đó chưa hợp lý. Cái gì đó ở...”

thái độ của nghi phạm. Nên tôi chờ. Thế rồi lần thứ hai chúng tôi thẩm vấn, anh ta rút lại lời nhận tội và quả quyết mình có chứng cứ ngoại phạm. Một gã tên Leif lái chiếc Volvo xanh có miếng dán ‘I love Drammen’, và không hiểu sao, Lofthus nghĩ ông ta có bệnh tim. Vậy nên tôi đã kiểm tra lại với những người bán Volvo ở Drammen và khoa tim tại Bệnh viện Trung tâm Buskerud.”

“Rồi sao?”

“Leif Kroгнаess, năm mươi ba tuổi. Ông ta sống tại Kounerud ở Drammen và nhận ra ngay nghi phạm trong tấm hình tôi đưa ông ta xem. Ông ta đã gặp người này tại chỗ dừng xe trên đường chính cũ chạy song song đến Drammensveien. Ông biết đấy, khu vực có mấy băng ghế và bàn dã ngoại để ngồi thưởng thức khí trời. Leif Kroгнаess chạy xe trong nắng một lát, nhưng đã đỗ lại ngồi ở chỗ dừng xe vài giờ vì ông ta cảm thấy kiệt sức kỳ lạ. Tôi không tin dân chạy mô tô ưa chuộng con đường đó, họ thích đường mới hơn, và chẳng ở đó có cái vũng đầy muỗi vằn. Dù sao, ngày hôm ấy có hai người đàn ông ngồi một bàn dã ngoại khác. Họ cứ ngồi đó hàng giờ không nói gì như thể đang chờ gì đó. Rồi một người liếc nhìn đồng hồ tay và nói đã đến lúc đi. Khi họ đi ngang bàn Kroгнаess, người còn lại cúi xuống, hỏi tên Kroгнаess và bảo ông đi gặp bác sĩ đi, rằng tim ông có gì đó bất ổn. Rồi người đầu lồi người thứ hai đi;

Kroгнаess nghĩ chắc anh ta là bệnh nhân tâm thần đang được ra ngoài một hôm, rồi họ chạy xe đi.”

“Nhưng ông ta không xua khỏi đầu được tình tiết đó,” Kari nói. “Vậy nên ông ta đi gặp bác sĩ. Bác sĩ phát hiện là quả thực ông ta có bệnh tim nên cho nhập viện ngay. Và vì vậy mà Leif Kroгнаess nhớ một người ông ta chỉ thoáng gặp ở chỗ dừng xe trên đường chính cũ bên sông Drammen.”

Sông Drammen, Simon nghĩ.

“Phải,” Westad nói. “Leif Krognaess nói anh này đã cứu mạng ông ta.

Nhưng vấn đề không phải đó. Vấn đề là báo cáo của giám định viên nói rằng Kjersti Morsand bị giết vào thời điểm hai người đàn ông gặp nhau tại chỗ dừng chân.”

Simon gật. “Còn sợi tóc? Anh chưa kiểm xem sao nó lại có ở hiện trường?”

Westad nhún vai. “Như tôi đã nói, nghi can có chứng cứ ngoại phạm.”

Simon biết là Westad vẫn chưa nêu tên người thanh niên. Ông hăng giọng.

“Có vẻ như sợi tóc được cắm vào. Và nếu Sonny Lofthus được cấp cho một ngày ra ngoài để làm cho có vẻ như anh ta gây án thì hẳn là một quản giáo của Staten đã nhúng tay trong chuyện đó. Có phải vì vậy chuyện này bị im đi?”

Henrik Westad đẩy cốc qua bàn Kari; có lẽ mùi vị không còn hấp dẫn anh ta nữa. “Tôi được chỉ thị im vụ đó,” anh ta nói. “Một ai đó trên cao đã nói thẳng với sếp tôi là phải để yên vụ việc cho đến khi họ có dịp xem lại.”

“Họ muốn kiểm tra lại các tình tiết trước khi vụ bê bối thành công khai,”

Kari nói.

“Cầu cho tất cả chỉ có vậy,” Simon nói khẽ. “Vậy sao anh cho chúng tôi biết trong khi đã được dặn im lặng, Westad?”

Westad lại nhún vai. “Một mình mình biết thì khó quá. Nên khi Kari nói đang làm việc cùng Simon Kefas. . thiên hạ đồn ông chính trực.”

Simon nhìn Westad. “Anh biết đó chỉ là một từ khác để chỉ kẻ phá rối chứ?”

“Vâng,” Westad nói. “Tôi không muốn có rắc rối nào. Tôi chỉ không muốn mình mình biết.”

“Vì như vậy thì cảm thấy an toàn hơn?”

Westad nhún vai lần thứ ba. Khi ngồi xuống, anh ta không còn có vẻ cao to nữa. Và dù đã mặc cái áo chui đầu, trông anh ta như đang lạnh.

Phòng họp hình chữ nhật của ban giám đốc im phắc.

Hugo Nestor chăm chú vào ghế dựa ở đầu bàn.

Cái ghế lưng cao bọc da trâu trắng xoay lưng về phía họ.

Người đàn ông nơi ghế đã yêu cầu một lời giải thích.

Nestor lướt mắt nhìn lên bức tranh treo tường phía trên ghế. Nó mô tả cảnh đóng đinh trên thập ác. Gớm guốc, máu me và quá nhiều nét vẽ chi tiết. Người đàn ông trên thập ác có hai cái sừng trên trán và mắt đỏ rực. Ngoài mấy chi tiết đó ra thì sự giống nhau rất rõ ràng. Người ta đồn họa sĩ đã vẽ bức tranh sau khi bị người đàn ông ngồi nơi ghế lưng cao chặt mất hai ngón tay vì nợ tiền ông ta.

Chuyện mấy ngón tay thì đúng, chính Nestor đã chứng kiến. Người ta còn đồn là từ lúc họa sĩ triển lãm bức họa trong phòng tranh đến khi người đàn ông nơi ghế lấy nó đi là mười hai tiếng đồng hồ. Cái đó, cùng với lá gan của người này.

Tin đồn đó không đúng. Chỉ mất tám giờ, và chúng lấy lá lách của gã.

Còn về phần tấm da trâu, Nestor không thể khẳng định cũng chẳng thể phủ nhận câu chuyện người đàn ông nơi ghế đã trả 13.500 đô la để săn và giết một con trâu trắng, loài thú linh thiêng nhất đối với thổ dân Lakota Sioux, rằng ông ta dùng cây nỏ bắn nó và khi con thú chưa chịu chết ngay cả khi

bị hai mũi tên vào tim, người đàn ông ngồi nơi ghế đã đứng giạng chân qua mình con thú nặng nửa tấn và dùng bắp đùi vịn cổ nó. Nhưng Nestor thấy chẳng có lý gì để nghi ngờ câu chuyện. Sự khác biệt về trọng lượng giữa con thú và người này cực ít.

Hugo Nestor đưa mắt ra khỏi bức tranh. Ngoài hăn và người đàn ông trên ghế bọc da trâu ra thì trong phòng còn ba người nữa. Nestor vắn vai và cảm thấy áo sơmi bên dưới áo vest dán vào lưng. Hăn hiếm khi đổ mồ hôi. Không chỉ vì hăn tránh nắng, len thứ phẩm, tập luyện, làm tình và các hoạt động gắng sức khác, mà bởi hăn - theo bác sĩ - có khiếm khuyết nơi bộ điều chỉnh nhiệt trong cơ thể, thứ đã khiến người ta đổ mồ hôi. Nên ngay cả khi gắng sức hăn cũng không hề đổ mồ hôi, nhưng hăn dễ bị nóng bức. Đó là do thể trạng di truyền, chứng minh một điều hăn vẫn biết: người được cho là cha mẹ hăn không phải cha mẹ ruột, rằng những giấc mơ hăn thấy nằm trong nôi một nơi trông như mấy tấm hình chụp Kiev thập niên 1970 không chỉ là giấc mơ, chúng là những ký ức thời thơ ấu.

Nhưng giờ hăn đang vã mồ hôi. Dù là người mang tin tốt, hăn vẫn toát mồ hôi hột.

Người đàn ông nơi ghế chưa nổi cơn thịnh nộ. Chưa nổi điên về vụ tiền với ma túy ở văn phòng của Kalle Farrisen bị cướp. Không hét lên sao Sylvester lại mất tích được. Hay gầm lên sao chúng vẫn chưa tìm ra thằng Lofthus đó. Dù là ai cũng biết chúng đang lâm nguy. Có bốn kịch bản và ba trong đó là xấu. Kịch bản xấu số một: Sonny đã giết Agnete Iversen, Kalle, Sylvester và hăn sẽ tiếp tục giết bất cứ ai chúng làm việc cùng. Kịch bản xấu thứ hai: Sonny bị bắt, thú tội và khai ra tên tuổi hung thủ đích thực trong các vụ án mạng hăn ngồi tù thay.

Kịch bản xấu thứ ba: không có lời nhận tội của thằng này, Yngve Morsand sẽ bị bắt vì giết vợ, không chịu nổi áp lực nên sẽ khai với cảnh sát chuyện thật sự xảy ra.

Khi Morsand mới đến gặp chúng nói là lão muốn người vợ phản trắc của lão chết, Nestor tưởng như vậy nghĩa là lão muốn thuê kẻ giết mướn. Nhưng Morsand cứ nhất định muốn hưởng cái thú tự mình giết vợ, lão chỉ muốn chúng dàn xếp người khác lãnh đạn thay vì lão, ông chồng bị cầm sừng, người sẽ tự động thành nghi phạm số một của cảnh sát. Và được giá thì cái gì cũng bán.

Trong trường hợp này, ba triệu krone. Một giá hợp lý cho bản án chung thân, Nestor lập luận, và Morsand đồng ý. Sau đó khi Morsand giải thích hẳn muốn trói con mụ trặc nết phản bội lại, để cây chĩa xuống trán mụ và nhìn vào mắt mụ mà chĩa sọ mụ ra, Nestor đã cảm thấy dựng tóc gáy, vừa kinh hoàng vừa háo hức. Chúng đã dàn xếp mọi thứ với Arild Franck: ngày ra ngoài cho gã thanh niên, vị trí địa lý, và người áp giải: tên quản giáo thân tín, tha hóa, được trả lương hậu hĩnh của Franck, một kẻ sống tách biệt ở Kaupang, thích quan hệ với những người béo ú và chi tiền cho cocain, các khoản nợ và bọn gái to béo xấu xí đến mức ta có thể nghĩ tiền sẽ trao tay theo hướng ngược lại.

Kịch bản thứ tư và duy nhất khá khâm thực ra rất đơn giản: tìm cho ra thằng thanh niên và thủ tiêu hẳn. Hết sức đơn giản. Đáng ra phải làm từ lâu rồi.

Vậy mà người đàn ông nơi ghế vẫn bình thản nói giọng trầm đục, rậm rì. Và đó là cái giọng làm Nestor toát mồ hôi hột. Từ ghế trắng lưng cao giọng đó đã yêu cầu Nestor giải thích. Chỉ có vậy. Một lời giải thích. Nestor hăng giọng, hy vọng giọng mình sẽ không tố cáo nỗi kinh hoàng luôn có mặt khi hẳn ở trong phòng với sếp.

“Chúng tôi đã quay lại nhà đó tìm Sylvester. Chúng tôi chỉ thấy cái ghế dựa không ai ngồi có lỗ đạn nơi lưng ghế. Chúng tôi đã kiểm tra đầu mối liên lạc ở tổng đài Telenor, nhưng không có trạm cơ sở nào bắt được tín hiệu

điện thoại của Sylvester từ đêm qua. Điều này nghĩa là hoặc Lofthus đã hủy điện thoại hoặc điện thoại hắn đâu đó ngoài vòng phủ sóng. Bất luận thế nào thì tôi cũng cho rằng quả có nguy cơ Sylvester không còn sống.”

Cái ghế ở đầu bàn từ từ quay lại rồi người đàn ông hiện ra. Thân hình ụ lùn, cơ bắp làm căng mọi đường chỉ nơi bộ com lê, trán cao, ria mép kiểu xưa, cặp mày rậm bên trên cái nhìn ngái ngủ giả tạo.

Hugo Nestor cố đón bắt ánh mắt đó. Nestor từng giết đàn bà, đàn ông và trẻ em, hắn nhìn vào mắt họ mà còn chẳng chớp mắt. Hoàn toàn ngược lại, hắn nhìn chăm chú xem có thấy nó không - nỗi sợ chết, đỉnh ninh về điều sắp xảy ra, bất kỳ sự sáng suốt nào người sắp chết có được tại ngưỡng cửa sang kiếp sau.

Như đứa con gái Belarus hắn cắt cổ khi bọn kia không sẵn sàng. Hắn đã nhìn chăm chăm vào đôi mắt van lơn của cô ta. Như thế hắn bị những cảm xúc lẫn lộn của mình kích thích, thịnh nộ vì sự đầu hàng và nhu nhược của kẻ khác, và của cô gái này. Kích thích vì cái háo hức nằm trong tay một sinh mạng và quyết định xem có ra tay kết liễu nó không, và nếu có thì là khi nào. Hắn có thể kéo dài mạng sống cô ta thêm một giây, rồi một giây nữa. Rồi thêm một giây nữa.

Hoặc không. Chuyện đó hoàn toàn tùy hắn định đoạt. Và hắn chỉ nhận ra chuyện này gần giống nhất với cơn cực khoái thiên hạ vẫn nói mà hắn có được, một sự hợp nhất mà với hắn thì chỉ gắn liền với chút khó chịu và những cố gắng ngược ngạnh để được xem như người bình thường. Hắn đã đọc đâu đó rằng cứ một trăm người thì có một người lãnh cảm. Chuyện đó làm hắn thành ngoại lệ.

Nhưng điều đó không làm hắn thành bất thường. Trái lại, hắn có thể tập trung vào cái thực sự quan trọng, gây dựng đời mình, uy tín của mình, được người khác nể nang sợ sệt mà không bị xao nhãng và mất sức vì chứng nghiện tình dục mà thiên hạ đã thành nô lệ. Chắc hắn chuyện đó hợp lý và -

do vậy - bình thường? Hẳn là người bình thường không khiếp sợ, mà, đúng hơn, tò mò về cái chết. Và lại, hẳn có tin tốt cho sếp. Nhưng Nestor chỉ cố giữ được ánh nhìn của sếp có năm giây rồi phải quay đi chỗ khác. Vì cái hẳn thấy trong đó thì lạnh lẽo và trống trải hơn cả cái chết và sự tiêu tan. Đó là mãi mãi trầm luân trong hỏa ngục. Lời cam đoan rằng ta đã có một linh hồn và ta sẽ bị tước mất.

“Nhưng chúng tôi được mật báo về chỗ có thể có thằng này,” Nestor nói.

Người đàn ông khổng lồ nhướng một bên mày. “Từ ai?”

“Coco Thằng buôn ma túy sống ở Trung tâm Ila cho đến mới đây.”

“Thằng tâm thần đi giày cao gót, phải vậy không?”

Nestor chưa bao giờ xác định chính xác được sếp có thông tin bằng cách nào. Không bao giờ thấy ông ta ngoài đường. Nestor chưa từng gặp ai nhận là đã nói chuyện với ông ta, nói gì là nhìn thấy. Vậy mà ông ta biết mọi thứ và xưa nay vẫn vậy. Thời còn gián điệp nhị trùng thì chuyện đó không có gì lạ, ngày ấy sếp hẳn thường tiếp cận được gần như nhất cử nhất động của cảnh sát. Nhưng sau khi chúng giết Ab Lofthus khi tên này sắp vạch trần gã gián điệp, các hoạt động của gián điệp nhị trùng xem ra đã dừng. Chuyện này cũng đã gần mười lăm năm rồi, và Nestor đành chấp nhận là có lẽ hẳn sẽ không bao giờ biết được danh tính tên gián điệp nhị trùng.

“Hẳn nói về một thanh niên tại Ila có nhiều tiền đến mức trả nợ thay cho thằng ở chung phòng,” Nestor nói bằng giọng điệu đã cẩn thận tập dượt và với cái hẳn nghĩ là một chữ “r” miền Đông Slavơ. “Mười hai ngàn krone tiền mặt.”

“Ở Ila chẳng ai đi trả nợ cho tên nghiện khác cả,” Sói, tên lớn tuổi hơn chịu trách nhiệm buôn thiếu nữ nói.

“Hắn vậy,” Nestor nói. “Nhưng thằng này lại làm - dù tên ở chung phòng tổ hẳn trộm đôi hoa tai nào đó. Nên tôi nghĩ. .”

“Mày đang nghĩ về tiền trong két sắt của Kalle?” Người đàn ông khổng lồ nói. “Và nữ trang ăn cắp ở nhà Iversen, phải vậy không?”

“Vâng. Nên tôi đi gặp Coco và cho hắn xem hình thằng đó. Và hắn đã xác nhận đúng là gã, Soony Lofthus. Tôi thậm chí còn biết số phòng gã. 323. Vấn đề là giờ làm sao ta..” Nestor chụm mấy đầu ngón tay với nhau và bậm bậm môi như đã nếm được cái điều đồng nghĩa với hai chữ khử gã.

“Ta không vào được đâu,” Sói nói. “Hay ít ra là vào mà không ai hay biết.

Cổng khóa, có đám nhân viên tiếp tân và đâu đâu cũng có màn hình an ninh khép kín.”

“Ta có thể dùng một thằng trong trung tâm cho vụ này,” Voss nói, trước kia hẳn là sếp trong công ty bảo vệ, bị sa thải sau khi có dính líu trong việc nhập khẩu và buôn bán thuốc anabolic steroid¹.

“Ta sẽ không giao việc này vào tay một thằng nghiện,” Sói nói. “Lofthus không chỉ thoát được người của ta, toàn bọn được cho là thành thạo, mà xem ra còn khử một đứa trong bọn.”

“Vậy ta làm gì?” Nestor nói. “Năm chờ hắn ra ngoài trung tâm? Cài tay bắn tĩa trong tòa nhà đối diện? Phóng hỏa trung tâm và phong tỏa các lối thoát hiểm?”

“Giờ không phải lúc đùa, Hugo,” Voss nói.

“Ông phải biết tôi không bao giờ đùa cả.” Nestor cảm thấy mặt nóng bừng.

Nóng, nhưng không vã mồ hôi. “Nếu ta không tóm được hắn trước khi cảnh sát...”

“Ý hay.” Hai chữ nói ra nhỏ đến mức chỉ vừa nghe thấy. Vậy mà nghe như sấm trong phòng.

Tiếp theo là im lặng.

“Nghĩa là?” Cuối cùng Nestor hỏi.

“Không được tóm hãn trước cảnh sát,” người đàn ông khổng lồ nói.

Nestor nhìn quanh phòng cho chắc là không chỉ mỗi mình hãn không hiểu rồi mới hỏi: “Ý sếp là sao?”

“Đúng như tao đã nói,” người đàn ông khổng lồ rì rầm, khẽ mỉm cười và đưa mắt nhìn về người duy nhất trong phòng vẫn ngồi im cho đến lúc này. “Ông hiểu ý tôi muốn nói gì, phải vậy không?”

“Tôi hiểu,” người nọ trả lời. “Cuối cùng rồi thằng nhỏ sẽ về lại nhà tù Staten.

Có lẽ nó sẽ tự vẫn - hết như cha nó?”

“Được.”

“Tôi sẽ mật báo cho cảnh sát nơi họ tìm ra thằng đó,” người này nói, ngẩng cằm lên, mấy cái ngón dưới cổ áo sơ mi đồng phục xanh lá dãn ra.

“Chuyện đó không cần thiết. Tôi sẽ lo bên cảnh sát,” người đàn ông khổng lồ nói.

“Thật sao?” Arild Franck nói, nghe có vẻ ngạc nhiên.

Người đàn ông khổng lồ quay lại hướng về cả bàn. “Vậy còn về nhân chứng ở Drammen?”

“Hắn ta đang nằm viện, khoa Tim,” Hugo Nestor nghe một ai đó nói trong lúc hắn nhìn chăm chăm bức tranh.

“Vậy ta làm gì chuyện đó?”

Hắn nhìn chăm chăm.

“Cái ta phải làm,” giọng trầm đục đáp.

Hắn ngậy nhìn Sinh Đồi treo trên cây thập ác.

Treo.

Martha ngồi trên gác mái.

Nhìn đăm đăm lên xà nhà.

Cô đã nói với đồng nghiệp là muốn kiểm tra xem việc sắp dọn hồ sơ làm đã đúng chưa. Khó mà không đúng cho được, cô không bận tâm chuyện đó. Đạo này cô không để tâm đến cái gì cả. Cô nghĩ về anh, Stig, từng giờ từng phút và điều đó vừa bình thường lại vừa bi đát. Cô đang yêu. Cô vẫn tin mình không thể có những cảm xúc mãnh liệt. Cô từng phải lòng nhiều người, hiển nhiên rồi, rất nhiều người, nhưng chưa bao giờ như vậy. Những lúc khác cô thấy bồi hồi xao xuyến, đó là một trò thú vị, tất cả các giác quan mạnh mẽ lên và má ửng hồng.

Nhưng đây lại là căn bệnh. Cái gì đó đã xâm nhập cơ thể cô và kiểm soát mọi ý nghĩ hành động. Cô đã trúng tiếng sét ái tình. Ngã gục vì một căn bệnh, hay một số phận nghiệt ngã. Đó là một cách diễn đạt phù hợp. Chuyện này quá mức. Đó là điều không mong muốn. Nó xé tan cô ra.

Người đàn bà đã treo cổ trên gác mái này phải chăng cũng giống như cô?

Phải chăng cô ta cũng đã phải lòng một người đàn ông mà cô ta biết, trong tận cùng tâm khảm, không phải đối tượng? Và có phải cô ta cũng đã mù

quáng vì tình yêu đến mức bắt đầu cân nhắc đúng sai, cố đặt ra một luân lý mới cho phù hợp với chứng bệnh tuyệt vời này? Hay có phải cô ta - giống như Martha - chỉ nhận ra khi đã lụy quá mức rồi? Trong giờ ăn sáng Martha đã quay lại phòng 323. Cô kiểm tra đôi giày thể thao lần nữa. Nó có mùi thuốc tây. Ai lại đi giặt đế giày thể thao gần như mới toanh trừ khi có gì phải che đậy? Và sao cô lại ngập tràn thất vọng đến nỗi phải lên gác mái? Lạy Chúa, cô thậm chí còn không muốn có anh.

Cô nhìn đăm đăm lên xà nhà.

Nhưng cô sẽ không làm cái người đàn bà đã chết làm: tố giác anh. Cô không thể. Hẳn phải có một lý do, cái gì đó cô không biết. Anh không như vậy. Trong công việc của mình cô đã nghe rất nhiều dối trá, bào chữa và đủ kiểu sự thật đến mức cuối cùng cô không còn tin bất cứ cái tên nào mà thiên hạ tự xưng. Nhưng cô biết một điều: Stig không phải sát thủ máu lạnh.

Cô biết điều đó vì cô đang yêu.

Martha vùi mặt trong hai bàn tay. Cảm thấy nước mắt dâng lên. Ngồi đó, im lìm run rẩy. Anh đã muốn hôn cô. Cô đã muốn hôn anh. *Vẫn* muốn hôn anh. Ở

đây, lúc này, mãi mãi! Buông trôi trong đại dương cảm xúc bao la, ấm áp, tuyệt vời đó. Nhận lấy liều thuốc, đầu hàng, ấn ống bơm xuống, cảm thấy lâng lâng, thấy khoan khoái và đáng nguyên rủa.

Cô nghe thấy tiếng thút thít. Và cảm thấy lông tay dựng lên. Nhìn chăm chăm bộ đàm. Tiếng thút thít dịu dàng của trẻ sơ sinh.

Cô muốn tắt bộ đàm, nhưng không tắt. Lần này tiếng khóc nghe khác. Như thể đứa bé sợ hãi và đang gọi cô. Nhưng vẫn là đứa bé đó, luôn là một đứa. Đứa trẻ của cô. Đứa lưu lạc. Bị chết trong chân không, giữa hư vô, cố tìm đường về.

Và không ai đủ sức hay muốn giúp nó. Không ai dám. Vì họ không biết đó là gì và người ta sợ cái xa lạ. Martha lắng nghe tiếng khóc. Nó cao vút về âm sắc và cường độ. Rồi cô nghe có tiếng lách tách to và một giọng cuống cuống:

“Martha! Martha! Vào đi...”

Martha sững người. Chuyện gì vậy?

“Martha! Bọn họ vây ráp trung tâm! Họ có vũ khí! Chúa ơi cô đâu rồi?”

Martha cầm bộ đàm lên bấm nút đàm thoại. “Có chuyện gì vậy Maria?” Cô thả nút ra.

“Bọn họ mặc đồ đen và đeo mặt nạ, họ có lá chắn và súng họ đông lắm! Cô xuống dưới nhà đi!”

Martha đứng lên chạy khỏi phòng. Cô nghe thứ tiếng chân mình chạy bình bịch xuống cầu thang. Mở tung cửa vào hành lang tầng hai. Thấy một người đàn ông mặc đồ đen quay lại chĩa khẩu súng sẵn hay có lẽ là súng máy vào cô. Thấy ba người khác đứng trước cửa phòng 323. Hai trong ba bọn họ cùng cầm nhá tới nhá lui một búa tạ ngăn ở giữa.

“Có...” Martha miệng nói, nhưng dừng nửa chừng khi người cầm súng máy bước tới trước mặt cô và đưa ngón tay lên chỗ mà cô nghĩ là môi bên dưới mũi bịt đầu đen. Cô tê liệt trong giây lát rồi mới nhận ra thứ duy nhất ngăn cô là vũ khí ngu ngốc của hãn.

“Tôi muốn xem lệnh khám xét ngay! Mấy ông không có quyền.. ”

Có tiếng rầm thật to khi búa tạ đập vào cửa bên dưới ổ khóa. Người thứ ba mở hé cửa ném vào cái gì trông như hai quả lựu đạn. Rồi mấy người đàn ông quay đi và bịt tai. Lạy Chúa, có phải họ.. ? Ánh sáng lóe lên từ khung cửa mạnh đến mức cả ba sĩ quan cảnh sát hắt bóng trong hành lang vốn đã

sáng trưng, và tiếng nổ to đến mức tai Martha lùng bùng. Rồi họ ập vào phòng.

“Lùi lại, cô!”

Câu nói cảnh sát đứng trước mặt cô phát ra nghẽn nghẹt. Dường như hẳn ta đang quát. Martha cứ nhìn hẳn. Cũng như mấy người kia hẳn mặc đồng phục đen của lực lượng Delta và áo chống đạn. Thế rồi cô lùi lại qua cửa, ra chỗ đầu cầu thang. Dựa tường. Lục tìm trong túi. Tấm danh thiếp còn nằm trong túi áo khoác như thể cô vẫn biết một ngày nào đó sẽ cần đến.

Cô bấm số bên dưới tên.

“A lô?”

Giọng nói là một thứ nhiệt kế chính xác kỳ lạ. Giọng Simon Kefas nghe mệt mỏi và căng thẳng, nhưng không có cái sôi động mà một vụ vây ráp, một vụ bắt bớ lớn đem lại. Theo độ vang âm cô còn suy ra là ông không ở ngoài đường hay trong phòng nào tại Trung tâm Ila, mà trong một không gian rộng, xung quanh nhiều người.

“Họ đang ở đây,” cô nói. “Họ đang ném lưu đạn.”

“Cô đang nói gì vậy?”

“Martha Lian ở Trung tâm Ila đây. Có một đội phản ứng có vũ trang ở đây.

Chúng tôi bị vây ráp.”

Trong khoảng dừng theo sau cô nghe thấy đằng sau ông có một giọng ra thông báo, một cái tên, họ đang gọi bác sĩ đến lo cho phòng hậu phẫu. Chánh thanh tra đang ở trong bệnh viện.

“Tôi đến đó ngay,” ông nói.

Martha bấm tắt cuộc gọi, mở cửa quay lại hành lang. Cô nghe có tiếng lách tách và xèo xèo từ radio cảnh sát.

Tên sĩ quan cảnh sát chĩa súng vào cô. “Này, tôi vừa bảo cô thế nào hả!”

Một giọng lạnh lạnh trong radio của hắn nói: “Giờ chúng tôi giải hắn ra đây.”

“Làm đi, cần thì ông cứ bắn tôi đi, nhưng tôi phụ trách ở đây nên tôi vẫn phải xem lệnh khám xét,” Martha tuyên bố rồi bước qua mặt hắn.

Thế rồi cô thấy họ từ phòng 323 đi ra. Anh ta bị còng tay và được hai cảnh sát giải ra. Anh ta gần như trần truồng, mặc mỗi quần lót trắng hơi rộng và trông anh ta mong manh lạ lùng. Dù có thân hình vạm vỡ anh ta vẫn trông gầy guộc, hốc hác và kiệt quệ. Một dòng máu rỉ xuống từ bên tai.

Anh ta nhìn lên. Gặp ánh mắt cô.

Rồi họ đi ngang qua cô, khuất tầm mắt.

Vậy là xong.

Martha thở một hơi nhẹ nhõm.

Sau khi đã gõ cửa hai tiếng, Betty lấy chìa cái ra và tự vào phòng. Như mọi khi cô nấn ná lâu hơn cần thiết để nếu như có khách trong phòng, hắn sẽ kịp tránh một tình huống khó xử có thể xảy ra. Đây là chính sách tại khách sạn Plaza: nhân viên không được thấy hay nghe gì không nên thấy hay nghe. Nhưng đây không phải chính sách của Betty. Hoàn toàn ngược lại. Mẹ cô vẫn luôn nói rồi có ngày thói tò mò sẽ khiến cô gặp phiền phức. Và, phải, đúng là như vậy, mà không chỉ một lần. Nhưng làm tiếp tân thì tính tò mò cũng rất hữu dụng;

trong khách sạn không ai có khả năng đánh hơi bọn lừa bịp như Betty. Nó gần như đã thành thương hiệu của cô, vạch mặt những kẻ muốn ăn, và mời mọc tại khách sạn mà không định thanh toán. Cô cũng thường chủ động; Betty chưa hề che giấu tham vọng. Năm vừa rồi, sếp đã khen ngợi cô là có tinh thần cảnh giác, nhưng thận trọng, và luôn đặt lợi ích của khách sạn lên hàng đầu. Nói rằng cô có thể tiến xa, rằng công việc tiếp tân chỉ là hòn đá kê chân cho người như cô.

Phòng suite là một trong những phòng lớn nhất trong cái khách sạn có tầm nhìn ra toàn cảnh Oslo này. Nó có quầy bar, một bếp nhỏ, một phòng tắm và phòng ngủ có phòng tắm riêng. Cô nghe có tiếng vòi sen chảy trong phòng tắm riêng.

Theo đăng ký thì hẳn tên Fidel Lae và tiền rõ ràng không thành vấn đề. Bộ com lê cô đang đem lên cho hẳn do Tiger may và đã mua ở Bogstadveien ngày hôm ấy, gửi đến thợ may để chỉnh sửa theo dịch vụ tốc hành, và rồi cho taxi giao đến khách sạn. Mùa hè khách sạn thường thuê một cậu bé chạy việc để đem đồ lên phòng cho khách, nhưng hè này vắng vẻ đến mức chính tiếp tân phải làm việc đó. Betty tình nguyện ngay. Không phải vì quá thực cô có lý do nào để nghi ngờ. Khi cô làm thủ tục giao phòng, hẳn đã trả trước hai đêm mà bọn lừa đảo thì *không* làm vậy. Nhưng ở hẳn có gì đó có vẻ không thật. Trông hẳn không giống hạng người đặt phòng suite tầng trên cùng. Giống kẻ ngủ bụi hay thường nhà trọ dành cho dân du dịch ba lô hơn. Lúc làm thủ tục nhận phòng hẳn trông rất lóng ngóng và hết sức chú tâm như thể chưa từng ở khách sạn, nhưng đã đọc trên lý thuyết, nên giờ sốt sắng làm mọi thứ cho đúng. Lại còn chuyện hẳn ta trả tiền mặt.

Betty mở tủ áo thì thấy trong đó đã sẵn một cà vạt và hai sơ mi mới, cũng của Tiger và có lẽ mua ở cùng cửa hiệu. Một đôi giày đen mới toanh trên sàn.

Cô đọc thấy tên “Vass” trên tấm lót giày. Cô treo bộ com lê lên kế một vali dài, mềm có bánh xe. Nó cao cũng gần bằng cô; cô thấy những vali loại này

rồi, người ta dùng để vận chuyển ván trượt tuyết hay ván lướt sóng. Cô thấy muốn mở dây kéo ra, nhưng thay vì vậy đã chọt tay vào vali. Lốp vải trũng xuống.

Rõng - hay ít ra bên trong cũng không có ván trượt tuyết. Ngoài vali thì trong tủ áo chỉ có một thứ trông không còn mới, túi thể thao đồ có hàng chữ Câu lạc bộ đấu vật Oslo.

Cô khép cửa tủ, bước đến mở cửa phòng ngủ và gọi về cửa phòng tắm: “Ông Lae! Xin lỗi, ông Lae!”

Cô nghe tiếng vòi tắt rồi một người đàn ông tức thì ló ra, tóc ướt chải ra sau và mặt đầy bọt kem cạo râu.

“Tôi treo bộ com lê vào tủ cho ông rồi. Tôi được dặn lấy một lá thư, để đóng dấu rồi gửi bưu điện?”

“Ồ, phải rồi. Cảm ơn cô nhiều. Cô chờ cho chút được không?”

Betty bước lại cửa sổ phòng khách, đón nhận quang cảnh Nhà hát Opera mới và vịnh Oslo. Những tòa nhà cao tầng mới đứng san sát như cọc hàng rào.

Ekchergasen. Tòa nhà bưu điện. Tòa thị chính. Mấy đường ray tàu hỏa từ khắp đất nước đi vào rồi nhập vào nhau thành chùm dây thần kinh ở Nhà ga Trung tâm Oslo bên dưới. Cô để ý thấy có tấm bằng lái trên bàn làm việc rộng. Nó không phải của Lae. Kế đó là cây kéo và tấm hình cỡ hộ chiếu của Lae đeo kính vuông nổi bật có gọng đen cô đã thấy hấn đeo khi làm thủ tục nhận phòng. Tiếp đó nữa là hai chiếc cặp mới tinh và giống hệt nhau. Dưới nắp một cặp ló ra góc túi nhựa. Cô nhìn chăm chặp. Nhựa không bóng, nhưng trong suốt. Có dấu vết thứ gì trắng trắng bên trong.

Cô lùi lại hai bước nhìn vào phòng ngủ. Cửa phòng ngủ mở nên cô thấy được lưng người khách đứng trước gương. Hấn quấn khăn tắm quanh thắt

lưng và đang chăm chú cạo râu. Vậy là nghĩa là cô có một cơ hội mong manh để nhòm ngó.

Cô thử mở chiếc cặp có túi nhựa. Nó bị khóa.

Cô nhìn cái khóa số. Máy bánh xe kim loại nhỏ cho thấy số 0999. Cô nhìn qua cặp kia. 1999. Hai cặp có cùng mã không? Nếu vậy thì trông như 1999 là mật mã. Một năm. Năm sinh của ai đó, có lẽ vậy. Hay bài hát của Prince. Dù là gì thì nó cũng là không khóa.

Betty nghe khách mở vòi trong phòng tắm. Giờ hăn đang khoát nước lên mặt. Cô biết quả thực mình không nên.

Cô nhắc nắp chiếc cặp thứ hai lên. Rồi há hốc.

Cặp đựng đầy những xấp tiền.

Rồi cô nghe tiếng bước chân từ phòng ngủ đi lại nên lẹ làng đóng nắp, bước nhanh ba bước và đứng ở cửa sổ hành lang mà tim đập thình thịch.

Hăn từ phòng ngủ đi ra nhìn cô mỉm cười. Nhưng ở hăn có gì khang khác.

Có lẽ chỉ vì hăn đã tháo kính râm. Hay vì miếng khăn giấy thấm máu me trên một bên mắt. Phút đó cô nhận ra cái khang khác đó là gì. Hăn đã cạo lông mày, thế đấy. Ai đời lại đi cạo lông mày? Ngoài Bom Geldof trong phim *Bức tường*, tất nhiên. Nhưng gã ta khùng. Hay làm bộ khùng. Người trước mặt cô bị điên rồi sao? Không, người điên không có cái cặp đầy tiền, họ chỉ *tưởng* mình có.

Hăn ta mở hộc bàn, lấy ra một phong bì nâu đưa cho Betty.

“Phiền cô làm sao chắc chắn thư đến bưu điện trong ngày hôm nay.”

“Tôi tin chắc chúng tôi lo liệu được chuyện đó,” cô nói, hy vọng hăn không phát hiện thấy vẻ bối rối của cô.

“Cảm ơn cô nhiều, Betty.”

Cô chớp chớp mắt. Tất nhiên rồi - tên cô trên bảng tên của khách sạn.

“Chúc ông một ngày tốt lành, ông Lae,” cô mỉm cười rồi để tay lên nắm cửa.

“Chờ đã, Betty...”

Cô cảm thấy nụ cười đông cứng lại. Hẳn đã thấy cô mở cặp hăn sấp...

“Có lẽ... ừm, theo lệ thì tôi phải boa cho việc này đúng không?”

Cô thở phào nhẹ nhõm. “Không đâu, ông Lae.”

Đến khi vào thang máy rồi cô mới nhận ra mình đang toát mồ hôi như tắm.

Sao không bao giờ cô kiểm chế được tính tò mò? Cô cũng không thể nói cho ai biết cô đã lục lọi tài sản của khách. Dù sao thì cất tiền trong cặp là phi pháp từ khi nào vậy? Nhất là nếu ta làm việc cho cảnh sát. Vì đó là cái ghi trên bì thư màu nâu. Trụ sở cảnh sát, 44 Gronlandslelet. Chuyển cho Simon Kefas.

Simon Kefas đang đứng trong phòng 323, nhìn quanh.

“Vậy là Delta đã vây ráp căn phòng?” Ông nói. “Rồi áp giải gã ở tầng giường dưới đi? Johnny - họ của hăn là gì?”

“Puma,” Martha nói. “Tôi gọi vì nghĩ có lẽ ông đã. .”

“Không, tôi không dính dáng gì đến chuyện đó. Bạn cùng phòng với Johnny là ai?”

“Anh ta tự xưng là Stig Berger.”

“Hừm. Vậy giờ cậu ta đâu?”

“Tôi không biết. Không ai biết cả. Cảnh sát đã hỏi hết người ở đây. Nghe này, nếu không phải ông vậy thì tôi muốn biết ai ra lệnh vậy ráp.”

“Tôi không biết,” Simon nói, mở tủ áo. “Chỉ có ủy viên mới có quyền huy động Delta, đi mà hỏi ông ấy. Đây là áo quần của Stig Berger?”

“Theo như tôi biết.”

Ông có linh cảm là cô đang nói dối, rằng cô biết nó của cậu ta. Ông cầm đôi giày thể thao xanh dưới đáy tủ lên. Cờ 81/2. Để lại chỗ cũ, đóng cửa tủ và phát hiện ra bức hình dính vào tường cạnh tủ áo. Những nghi ngờ nào ông có thể có cho đến phút này đều tan biến.

“Tên cậu ta là Sonny Lofthus,” Simon nói.

“Sao?”

“Người trợ kia. Tên cậu ta là Sonny và hình này là cha cậu ta, Ab Lofthus.

Cha cậu ta từng là sĩ quan cảnh sát. Con trai thành kẻ giết người. Đến nay đã sát hại sáu mạng người. Xin cô cứ tự nhiên khiếu nại với ủy viên, nhưng tôi nghĩ chúng tôi có thể an toàn nói rằng sự có mặt của Delta là có lý do chính đáng.”

Ông thấy mặt cô dường như căng thẳng còn con người co lại như thể thành linh bị chói. Nhân viên ở đây đã nhìn thấy đôi điều, nhưng khi biết mình cho kẻ giết người hàng loạt dung thân thì đó vẫn là cú sốc.

Ông ngồi xồm xuống, có gì đó dưới giường tầng. Ông lôi nó ra.

“Nó là gì thế?” Cô hỏi.

“Lựu đạn gây choáng,” ông nói, đưa lên vật màu xanh ô liu trông như tay nạm cao su nơi ghi đồng xe đạp. “Nó tạo ra ánh lóe sáng mạnh và tiếng nổ khoảng 170 dB. Nó không nguy hiểm, nhưng làm người ta không thấy

đường, điếc, choáng và rối trí vài giây để Delta kịp làm cái họ cần làm. Nhưng họ đã không rút chốt cái này, nên nó không nổ. Vậy đây, bị áp lực người ta thường mắc lỗi. Cô không đồng tình sao?”

Ông liếc đôi giày thể thao rồi nhìn lên cô. Nhưng khi cô nhìn lại ông, cái nhìn kiên định và dứt khoát. Ông không thấy gì ở đó.

“Tôi phải quay lại bệnh viện đây,” Simon nói. “Cô gọi cho tôi nếu cậu ta quay lại chứ?”

“Ông có sao không?”

“Có lẽ không,” Simon nói. “Nhưng bệnh nhân là vợ tôi. Cô ấy sắp mù rồi.”

Ông nhìn xuống hai bàn tay. Ông thấy muốn nói thêm: *cũng như tôi.*

Ghi chú:

1. Chất tổng hợp nhân tạo kích thích tố sinh dục nam, làm phát triển cơ bắp.

Hugo Nestor rất thích Vermont. Đó là một trong ít sự kết hợp nhà hàng quán bar và vũ trường thực sự thành công trong cả ba lĩnh vực. Khách hàng gồm người giàu và đẹp, không đẹp nhưng giàu, không giàu mà đẹp, đủ mặt anh tài trong giới nổi tiếng, những nhà tài chính chưa hẳn thành đạt và những người làm đêm trong ngành giải trí và những công việc về đêm. Lại thêm bọn tội phạm thành đạt. Trong những năm 90 chính tại Vermont băng Tveita và những kẻ có dính líu tới rửa tiền, cướp ngân hàng và bưu điện đã mua những chai methuselah của Dom Pérignon, và vì vũ công thoát y Na Uy lúc đó thiếu sự tao nhã nhất định, đã có những người giỏi hơn từ Copenhagen đổ về để nhảy điệu lap nhanh trong phòng ăn riêng của chúng. Chúng dùng ống hút thổi thẳng cocain vào nhiều lỗ khác nhau của vũ công thoát y, rồi đến lỗ của mình, trong khi bồi bàn đem đến hào, nấm Périgord và món gan ngỗng từ những con ngỗng cũng được chăm bẵm như chúng chăm bẵm chính mình. Nói tóm lại, Vermont là một nơi có phong cách và truyền thống. Một nơi mà Hugo Nestor cùng đàn em có thể ngồi hăng đêm tại bàn riêng có giăng dây và nhìn thiên hạ bên ngoài lao xuống địa ngục. Một nơi ta có thể làm ăn, nơi các chủ ngân hàng và giới tài chính có thể giao du với bọn tội phạm mà lũ cớm thường xuyên lai vãng Vermont không đoán ra được nhiều.

Do vậy, yêu cầu của người vừa ngồi xuống bên bàn chúng không nằm trong số những thất thường hơn. Gã đi vào, nhìn quanh rồi lách đám đông đi thẳng đến chỗ chúng, nhưng bị Bo ngăn lại khi cố giạng chân bước qua sợi dây đỏ vạch ra lãnh địa của chúng. Sau khi trao đổi với nhau vài chữ, Bo đi lại chỗ Nestor nói nhỏ vào tai hắn: “Hắn muốn một con nhỏ châu Á. Hắn nói là cho khách hàng, sẽ trả bất kỳ giá nào.”

Nestor nghiêng đầu nhấp sâm banh. Sinh Đồi có một câu nói mà hắn đã biến thành của riêng: *Tiền mua được sâm banh cho ta.* “Mày có thấy hắn

trông giống cóm không?”

“Không.”

“Tao cũng không. Lấy cho hắn cái ghế.”

Gã ta mặc bộ com lê trông đắt tiền, áo sơ mi mới ủi và cà vạt. Gã có cặp lông mày nhọn nhọn bên trên cặp kính nổi bật, thời trang. Không, đúng chính chuyện đó, *không* có lông mày.

“Cô ta phải chưa tới hai mươi.”

“Tôi không biết ông đang nói chuyện gì,” Nestor nói. “Sao ông đến đây?”

“Khách hàng của tôi là bạn của Iver Iversen.”

Hugo Nestor nhìn gã chăm chú. Gã cũng không có lông mi. Có lẽ gã bị chứng rụng tóc toàn phần như anh của Hugo - được cho là anh - không có lấy một sợi lông trên người. Nếu vậy thì tóc trên đầu gã hẳn là tóc giả rồi.

“Khách hàng của tôi trong ngành vận chuyển. Ông ta sẽ trả các anh tiền mặt và heroin đến bằng đường biển. Có lẽ anh biết rõ hơn tôi về độ tinh khiết của một thứ hàng như vậy.”

Ít trạm dừng hơn. Ít kẻ trung gian pha ma túy hơn.

“Để tôi gọi cho Iversen,” Nestor nói.

Gã lắc đầu. “Khách hàng của tôi yêu cầu tuyệt mật, Iversen hay bất kỳ ai cũng không được biết. Nếu Iversen đại dột đến độ nói cho bạn bè thân tín cái ông ta định làm thì đó sẽ là rắc rối của ông ta.”

Và cả của bọn tao, Nestor nghĩ. Gã này là ai? Gã trông không giống thằng chạy việc. Một kẻ tay chân? Một luật sư rất thân tín của gia đình?

“Tất nhiên tôi hiểu rằng một người anh không rõ đến gặp thẳng anh không qua đầu cả thì cần nhiều bảo đảm hơn để giao dịch an toàn. Do vậy khách hàng của tôi và tôi đề nghị khoản tạm ứng để chứng tỏ chúng tôi nghiêm túc. Anh nói sao?”

“Tôi nói 400.000,” Nestor nói. “Con số đó tôi chỉ nói bừa thôi, tôi vẫn chưa biết ông đang nói về chuyện gì.”

“Tất nhiên là không,” gã nói. “Chúng tôi làm được.”

“Sớm được chừng nào?”

“Tôi đang định tối nay.”

“Tối nay?”

“Tôi chỉ ở lại thành phố đến sáng mai, rồi tôi sẽ bay về Luân Đôn. Tiền đang để ở phòng suite của tôi tại Plaza.”

Nestor với Bo liếc nhìn nhau. Rồi hấn nốc một cái cạn cốc sâm banh cao.

“Tôi không hiểu chữ nào trong những điều ông đang nói cả, ông à. Trừ phi ông đang cố bảo tôi là ông mời chúng tôi về phòng ông làm một ly.”

Gã nhoẻn cười. “Đó chính là điều tôi muốn nói.”

Chúng kiểm tra gã khi họ vừa tới bãi xe. Bo giữ gã trong khi Nestor sờ tìm vũ khí và micro. Gã để mình bị vỗ vỗ tìm khí giới mà không phản đối. Gã không có gì.

Bo chạy chiếc limo đến Plaza rồi họ đi bộ từ bãi xe nhiều tầng đằng sau Spektrum đến khối lằng trạ bằng kính sừng sừng là khách sạn Plaza. Từ thang máy bên ngoài họ nhìn xuống thành phố và Nestor nghĩ đó là một ẩn dụ - hấn càng lên cao thì thiên hạ dưới kia càng nhỏ bé.

Bo rút súng lục ra khi gã thanh niên mở cửa phòng. Không có lý do rõ rệt nào để nghĩ sẽ có phức kích; theo Nestor biết thì hiện nay hẳn không có kẻ thù nào còn sống. Không có tranh chấp chưa phân xử trong thị trường còn nếu muốn thì cảnh sát cứ thoải mái bắt hẳn, nhưng họ chẳng nắm thóp gì hẳn. Vậy nhưng hẳn vẫn cảm thấy một sự bất an không xác định rõ được. Hẳn cho đó là do cảnh giác nghề nghiệp và quyết định sẽ không lơ là, điều này thì kẻ khác trong nghề có thể học hỏi. Không phải vô cớ mà Nestor đạt đến địa vị ngày hôm nay.

Phòng suite lịch sự. Một quang cảnh nhìn ra tuyệt vời, hẳn sẵn sàng cho điểm họ điều đó. Gã ta đã bày sẵn hai chiếc cặp trên bàn cà phê. Trong khi Bo đi kiểm tra mấy phòng khác, gã ra sau quầy bar pha thức uống.

“Cứ tự nhiên đi,” gã ta nói, chìa tay về mấy cái cặp.

Nestor ngồi xuống bên bàn cà phê và mở nắp cặp thứ nhất, rồi đến cặp kia.

Trong đó có hơn 400.000 krone. Hẳn là vậy.

Và nếu ma túy trong cặp kia tinh khiết như gã ta ám chỉ thì ở đó có thừa để mua cả một ngôi làng có các thiếu nữ châu Á.

“Tôi mở TV thì có phiền gì ông không?” Nestor hỏi, cầm điều khiển từ xa lên.

“Xin cứ tự nhiên,” gã ta nói; gã đang loay hoay pha đồ uống, trông gã làm lóng ngóng, dù ít ra thì gã cũng đang cắt chanh cho ba cốc rượu gin pha tonic.

Nestor bấm mở mấy kênh thuê bao, bỏ qua mấy phim thiếu nhi và gia đình đến kênh khiêu dâm rồi mở lớn âm thanh.

Hẳn đi lại quầy bar.

“Cô ta mười sáu tuổi và sẽ được giao đến bãi xe tại Ingierstrand Lido nửa đêm mai. Ông sẽ chạy đến giữa bãi xe và ở yên trong xe. Một người của tôi sẽ đi lại chỗ ông, vào sau xe kiểm tiền. Xong hẳn sẽ cầm tiền đi và người khác sẽ dẫn cô gái đến. Hiểu chưa?”

Gã ta gật.

Cái Nestor không nhắc đến, vì không cần phải nói, là cô gái đó sẽ không ngồi cùng xe đến nhận tiền. Tiền sẽ phải rời nơi hẹn trước khi xe chở cô gái tới.

Cùng nguyên tắc như trong buôn bán ma túy.

“Còn tiền... ?”

“Thêm 400.000 nữa,” Nestor nói.

“Được.”

Bo từ phòng ngủ đi vào và dừng lại nhìn màn hình. Hẳn có vẻ thích. Hình như ai cũng đều vậy cả. Nestor chỉ thấy phim khiêu dâm có ích vì nó cho ta một khúc nhạc rên rĩ đều đều để biết trước để vô hiệu hóa bất kỳ vụ nghe trộm phòng có thể có nào.

“Ingierstrand Lido lúc nửa đêm mai,” Nestor lặp lại.

“Ta uống mừng chuyện đó nào,” gã nói, đưa ra hai ly.

“Cảm ơn, nhưng tôi lái,” Bo nói.

“Tất nhiên rồi,” gã cười và vỗ đầu. “Coke?”

Bo nhún vai và gã ta mở một lon Coke, rót vào ly rồi cắt một lát chanh khác.

Họ cụng ly rồi ngồi xuống bên bàn. Nestor ra hiệu cho Bo, hắn cầm một xấp tiền trong cặp lên đếm thành tiếng. Hắn có mang theo một túi xách lấy trong xe để bỏ tiền. Chúng không bao giờ chịu lấy túi của khách, nó có thể gắn thiết bị cảm biến dò ra được tiền đem đi đâu. Đến khi Nestor nghe Bo đếm sai thì hắn mới nhận ra có gì đó không ổn. Có điều hắn không biết là gì. Hắn nhìn quanh.

Tường đã thay màu rồi sao? Hắn nhìn xuống ly của mình đã cạn. Nhìn ly trống không của Bo. Rồi ly của gã luật sư.

“Sao ly ông không có chanh?” Nestor hỏi. Giọng nghe rất rất xa. Và câu trả lời cũng vọng lại từ nơi xa xăm như vậy.

“Không uống được chanh.”

Bo đã ngừng đếm; đầu gục bên mớ tiền. “Mày bỏ thuốc bọn tao,” Nestor nói rồi với tay rút con dao trong bao gươm bên chân. Hắn còn kịp ghi nhận là hắn đang vỗ vào nhằm ống chân trước khi thấy đế đèn bay về phía mình. Rồi mọi thứ tối sầm lại.

Hugo Nestor vẫn luôn yêu nhạc. Mà hắn không muốn nói kiểu âm ì hay một chuỗi nốt nhạc ấu trĩ người bình thường gọi là nhạc mà nhạc cho người lớn, người biết suy nghĩ. Richard Wagner. Gam nửa cung. Mười hai nửa cung có tần suất dựa trên căn bậc 12 của 2. Toán học thuần khiết, sạch sẽ, sự hài hòa, trật tự kiểu Đức. Nhưng tiếng hắn đang nghe lúc này thì ngược với âm nhạc. Nó chói tai, không liên hệ với bất cứ thứ gì khác, đó là sự hỗn loạn. Khi tỉnh lại, hắn nhận ra mình đang trên xe, trong một kiểu túi xách lớn nào đó. Hắn đã cảm thấy buồn nôn và chóng mặt; hai bàn tay và hai bàn chân bị trói với nhau bằng thứ gì đó sắc cạnh cứa vào da - có lẽ là sợi nhựa, thỉnh thoảng hắn cũng dùng dây đó trói bọn con gái.

Khi xe dừng hắn bị nhấc ra ngoài và nhận ra hắn đang ở trong một vali mềm có bánh xe. Nửa nằm, nửa ngồi, hắn bị đẩy rồi lôi xềnh xệch qua một

địa hình gồ ghề. Hãn nghe thấy người đang kéo vali thở hồng hộc và khò khè.

Nestor đã gọi ra hãn ta, đưa ra những đề nghị tiền bạc, nhưng không thấy trả lời.

Âm thanh tiếp theo hãn nghe được là tiếng huyên náo không ra nhạc, không âm điệu mà chỉ càng lúc càng mạnh. Hãn nhận ra tiếng đó lúc vali được đặt xuống và hãn nằm ngửa ra, cảm thấy nền đất dưới lưng và biết rằng, bởi giờ hãn đã hiểu mình đang ở đâu, nước lạnh đang thấm qua vali rồi qua bộ com lê hãn mặc là nước đầm lầy. Chó. Tiếng sủa khục khặc, oăng oăng của chó ngao Argentina.

Cái hãn không biết là *mọi* thứ đó là gì vậy. Gã này là ai và tại sao chuyện này lại đang xảy ra với hãn. Phải chăng là tranh giành địa bàn? Có phải gã bắt cóc hãn cũng chính là kẻ đã giết Kalle? Nhưng sao lại hành động theo kiểu này?

Dây khóa vali kéo ra, Nestor nheo nheo, lòa mắt vì ánh sáng từ đèn pin rọi thẳng vào mặt.

Một bàn tay túm cổ dựng hãn dậy.

Nestor mở mắt thì thấy khẩu súng lục lấp loáng lờ mờ trong ánh đèn. Tiếng chó sủa bỗng im bật.

“Gián điệp nhị trùng là ai?” Giọng nói sau đèn pin hỏi.

“Gì?”

“Ai là gián điệp nhị trùng? Cảnh sát đã tưởng đó là Ab Lofthus.”

Hugo Nestor nheo mắt trước ánh đèn. “Tao không biết. Mà bản tao cũng được nhưng tao không biết.”

“Ai biết?”

“Chẳng ai cả. Không một ai trong chúng tao. Có lẽ ai đó trong cảnh sát.”

Khi đèn pin hạ xuống thì Nestor thấy đó là gã luật sư. Hắn đã tháo kính ra.

“Mày phải bị trừng phạt,” gã nói. “Mày có muốn giúp lương tâm thanh thản trước không?”

Gã đang nói về cái gì vậy? Gã nghe như tu sĩ. Có phải đây là vì chuyện lão cha tuyên úy chúng giết đó không? Nhưng lão chỉ là một tên ấu dâm đòi bại

-

chắc hẳn chẳng ai muốn báo thù cho lão?

“Tao không có hối tiếc gì cả,” Nestor nói. “Cứ làm phứt đi.”

Hắn cảm thấy bình tĩnh kỳ lạ. Có lẽ là tác dụng phụ của ma túy. Hay vì hắn đã nghĩ kỹ chuyện đó nhiều lần lắm rồi, đã chấp nhận là có lẽ đời hắn sẽ kết thúc thế này, với một viên đạn vào óc.

“Thậm chí cũng không hối tiếc về cô gái mày để cho bị hành hạ dã man trước khi cắt cổ ư? Bằng con dao này... ?”

Nestor chớp chớp mắt khi ánh đèn pin hắt ra từ lưỡi dao cong cong. Con dao Ả Rập của hắn.

“Đừng...”

“Mày nhốt mấy cô gái ở đâu, Nestor?”

Mấy cô gái? Phải đó là cái gã muốn, chiếm lĩnh thị trường buôn người?

Nestor cố tập trung. Nhưng khó khăn, đầu óc hắn mù mờ.

“Mày hứa không bắn tao nếu tao cho mày biết chứ?” Hãn hỏi, dù hãn nhận ra rằng một tiếng “ừ” sẽ có độ tin cậy như con dấu của Đức làm năm 1923.

“Ừ,” gã nói.

Vậy sao Nestor vẫn tin gã? Sao hãn tin vào lời hứa sẽ không bắn từ miệng một gã chỉ toàn dối từ lúc xuất hiện ở Vermont? Hãn là đầu óc điên rồ của hãn bám lấy cọng rơm cuối cùng này. Vì chẳng còn gì khác, chẳng có gì ngoài niềm hy vọng ngu ngốc trong một trại chó giữa rừng ban đêm: rằng gã bắt cóc hãn đang nói thật.

“96 Enerhauggata.”

“Cảm ơn nhiều lắm,” gã nói rồi nhét súng lục vào lưng quần.

Cảm ơn nhiều lắm?

Gã lấy điện thoại nhập thông tin nào đó từ mẫu giấy nhớ vàng, có lẽ là số điện thoại. Màn hình soi mặt gã và Nestor chột nghĩ có lẽ rốt cuộc thì gã là tu sĩ.

Một tu sĩ không nói dối. Một sự mâu thuẫn về từ ngữ, hiển nhiên rồi, nhưng hãn tin chắc rằng những tu sĩ như vậy tồn tại, những kẻ không *biết* mình đang nói dối. Gã tiếp tục bấm phím. Một tin nhắn. Gã bấm phím gửi đi. Rồi gã dứt điện thoại vào túi và nhìn Nestor.

“Mày vừa làm được một việc tốt, Nestor, rất có thể là giờ họ sẽ được giải cứu,” gã nói. “Tao nghĩ mày muốn biết điều đó trước khi mày.. ”

Trước khi tao gì? Nestor nuốt ực. Gã hứa không giết hãn rồi mà! Phải rồi. .

Khoan đã. Gã đã hứa không *bắn* hãn. Ánh đèn pin giờ chỉ thẳng vào ổ khóa nơi chuồng. Gã tra chìa vào ổ. Giờ thì Nestor nghe thấy tiếng chó. Không phải tiếng sủa, mà là những tiếng vừa đủ nghe thấy, tiếng trầm hòa âm. Một

tiếng gầm gừ câm lặng phát ra từ mấy lỗm trong bụng chúng rồi tăng lên về âm lượng, âm điệu và âm sắc, nín nhịn và tiết chế như nhạc đối âm của Wagner. Và giờ thì không ma túy nào dập tắt được nỗi sợ trong hắn. Nỗi sợ có cảm giác như đang bị vòi rồng xối nước đá xuống. Giá mà áp suất cuốn hắn đi, nhưng người này lại đang ở bên trong, bên trong hắn, xối nước xuống bên trong đầu và thân hắn. Hết đường thoát. Chính Hugo Nestor là người cầm vòi rồng.

Fidel Lae ngồi trong bóng tối, nhìn chăm chăm. Lão đã không nhúc nhích hay gây tiếng động nữa. Chỉ ngồi co ro cố giữ ấm và kiềm chế cơn run lập cập.

Lão nhận ra giọng hai người này. Một là kẻ không biết từ đâu xuất hiện và nhất lão lại hơn hai mươi bốn giờ trước. Fidel hầu như chẳng động đến chút đồ ăn cho chó nào, chỉ uống nước. Và lạnh run. Thậm chí trong đêm hè cái lạnh cũng ngấm dần vào người ta, làm ta tê liệt, đuổi ta vòng quanh. Lão đã gào lên kêu cứu cho đến khi thấy cổ họng rát và lão lạc giọng, cho đến khi máu mà không phải nước bọt thấm ướt cổ họng lão còn nước lão uống không làm đỡ khát, mà cay xé như rượu. Khi nghe tiếng xe, lão đã thử gào lên lại, nhưng rồi bật khóc rấm rứt khi giọng lão không thành tiếng; nó chỉ kèn kẹt như máy xe gỉ sét.

Rồi theo bầy chó thì lão biết có người đang đi lại. Lão khấp khởi. Và cầu nguyện. Rồi cuối cùng thấy cái bóng dáng in lên bầu trời đêm hè, thấy là gã ta đã quay lại. Kẻ hôm qua đã lướt qua đồng hoang giờ gặp người lồi theo cái gì đó. Một vali. Có người sống bên trong. Một người đứng hai tay bị trói ra sau còn hai bàn chân ép chặt vào nhau đến mức rõ ràng hắn khó giữ được thăng bằng khi bị để trước cổng chuồng chó ở chỗ Fidel.

Hugo Nestor.

Họ đứng cách chuồng của Fidel có bốn mét, vậy mà lão không sao nghe được họ đang nói gì. Người nọ mở khóa rồi để tay lên đầu Nestor như ban

phúc lành cho hẳn. Gã nói gì đó. Rồi gã ấn đầu Nestor một cái. Cái tên mập mạp mặc com lê thét lên một tiếng, rồi ngã ngửa ra sau đập vào cổng, nó bật vào trong.

Lũ chó động dậy. Người nọ lẹ làng đẩy hai chân Nestor vào trong rồi đóng cổng lại. Lũ chó ngằn ngừ. Rồi con Đạn Phá Ma dường như dựng thân lên và bắt đầu di chuyển. Fidel nhìn lũ chó trắng khi chúng nhảy chồm vào Nestor. Động tác của chúng im lặng đến mức lão nghe rõ mồn một thấy hàm nhai, tiếng da thịt bị xé, tiếng gặm gừ gừ như ngậy ngất và rồi tiếng thét của Nestor. Một tiếng duy nhất, run run, thanh khiết kỳ lạ dậy lên tới bầu trời Bắc Âu sáng nhạt mà Fidel còn thấy được cả cơn trùng vo ve. Rồi tiếng động bỗng im bật và Fidel thấy cái gì khác rào rào lên, trông như một đàn đang tiến tới lão, rồi lão cảm thấy những giọt li ti âm ẩm phun lên mình và biết đó là gì bởi chính lão đã cắt động mạch một con nai sừng tấm còn sống trong một lần đi săn. Fidel đưa tay áo khoác lên chùi mặt và ngoảnh nhìn đi chỗ khác. Lão thấy người bên ngoài chuồng cũng đã quay đi. Thấy vai gã run lên. Như thế gã đang khóc.

29

“Nửa đêm rồi,” anh bác sĩ nói, dụi mắt. “Sao ông không về nhà ngủ chút đi Kefas, rồi mai ta bàn chuyện này?”

“Không,” Simon nói.

“Tùy ông vậy,” anh bác sĩ nói, ra dấu cho Simon ngồi xuống một ghế dựa dọc tường hành lang bệnh viện lạnh lẽo. Khi anh ta ngồi xuống bên cạnh và ngáp ngừng rồi mới cúi tới gần, Simon biết đó là tin xấu.

“Vợ ông không còn nhiều thời gian. Nếu muốn có hy vọng, cô ấy cần được phẫu thuật trong vài ngày tới.”

“Và anh không làm gì được?”

Anh bác sĩ thở dài. “Thường thì chúng tôi không khuyên bệnh nhân ra nước ngoài và tiến hành điều trị tư nhân tốn kém - nhất là khi kết quả phẫu thuật khá bấp bênh. Nhưng trong trường hợp này...”

“Anh đang nói là cần đưa nhà tôi đến Bệnh viện Howell giờ ư?”

“Tôi không nói ông phải làm gì cả. Nhiều người khiếm thị sống trọn vẹn cả đời với khiếm khuyết của mình.”

Simon gật còn mấy ngón tay vuốt quả lựu đạn gây choáng ông còn giữ trong túi. Ông cố hiểu thông tin, nhưng như thể đầu óc ông đang cố chạy trốn, tìm nơi ẩn náu bằng cách suy đoán liệu có khi nào tàn tật không phải là từ không hợp với lối nói phải đạo. Ông cho là thời nay người ta gọi nó là “khác biệt về khả năng”. Hay từ đó - như ký túc xá - cũng đã thành từ không hợp với lối nói phải đạo? Mọi chuyện đổi thay nhanh chóng đến mức ông không theo kịp, và dường như thuật ngữ về sức khỏe và chăm sóc xã hội tan còn nhanh hơn sữa.

Anh bác sĩ hăng giọng.

“Tôi...” Simon mở định miệng thì nghe thấy điện thoại lách tách. Ông chớp lấy, thấy mừng vì được tạm hoãn đôi chút. Ông không biết người gửi tin nhắn là ai.

Ông sẽ tìm thấy những người bị Nestor nhốt ở 96 Enerhauggata. Nhanh lên.

Người Con Trai.

Người Con Trai.

Simon bấm một số.

“Nghe này, Simon,” bác sĩ nói, “tôi không có thời gian để. .”

“VẬY thì tốt thôi,” Simon nói và đưa tay lên để bác sĩ im lặng khi ông nghe một giọng ngái ngủ trả lời điện thoại: “Falkeid.”

“Chào, Sivert, Simon Kefas đây. Tôi muốn anh cử Delta đến vây ráp địa chỉ sau đây: 96 Enerhauggata. Bao lâu thì các anh tới đó?”

“Đang nửa đêm mà.”

“Đó không phải điều tôi đang hỏi.”

“Ba mươi lăm phút. Ông đã có sự cho phép của ủy viên chưa?”

“Ngay lúc này Pontius không rảnh,” Simon nói dối. “Nhưng yên chí đi, chúng tôi đã có một chuỗi lý do dài tít tắp để vây ráp. Buồn người. Mà thời gian là cốt lõi. Cứ làm đi, tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm.”

“Tôi hy vọng ông biết mình đang làm gì, Simon.”

Simon cúp máy rồi nhìn anh bác sĩ. “Cảm ơn anh, bác sĩ, tôi sẽ nghĩ về chuyện đó. Giờ tôi phải quay lại chỗ làm.”

Betty nghe thấy những tiếng động làm tình khi họ vừa ra khỏi thang máy tầng trên cùng.

“Thật tình.” Betty chau mày.

“Đó là TV thuê bao mà,” nhân viên bảo vệ cô dẫn theo nói.

Họ đã nhận được lời than phiền từ các phòng bên cạnh và, theo chính sách, Betty đã ghi chú lại trong sổ trực đêm ở quầy tiếp tân. “2 giờ 13 sáng. Phàn nàn về tiếng ồn phòng suite 4.” Cô đã gọi cho phòng 4, nhưng không có trả lời. Rồi cô gọi cho bảo vệ.

Họ phớt lờ yêu cầu “Xin đừng làm phiền” treo trên nắm cửa mà gõ mạnh.

Chờ. Gõ lại. Betty đổi tư thế.

“Trông cô căng thẳng thế,” anh bảo vệ nói.

“Tôi có cảm giác như khách này đang toan tính.. gì đó.”

“Gì đó?”

“Như ma túy - chứ tôi biết gì?”

Nhân viên bảo vệ thả cái nút trên dùi cui ra và thả người lên khi đút chìa cái vào khóa. Mở cửa.

“Thưa ông Lae?”

Phòng khách vắng. Tiếng làm tình phát ra từ người đàn bà mặc áo lót da đỏ có chữ thập trắng có lẽ để cho biết cô ta là y tá Betty chụp đồ điều khiển trên bàn cà phê bấm tắt TV trong khi nhân viên bảo vệ đi vào phòng ngủ.

Hai chiếc cặp đã không còn. Betty để ý thấy mấy ly không và nửa trái chanh trên quầy bar. Chanh đã vắt và phần ruột có màu nâu kỳ lạ. Betty mở tủ áo Bộ com lê, cái vali lớn và túi thể thao đỏ không còn. Đó là memento xưa nhất trong các chiêu lừa đảo ở khách sạn, treo biển “Xin đừng làm phiền” ngoài cửa và bật TV để nghe như khách vẫn còn ở đây. Nhưng ông Lae đã trả trước tiền phòng. Và cô đã kiểm tra là không có phí nhà hàng hay quán bar tính vào tiền phòng.

“Có một gã trong phòng tắm.”

Cô quay qua nhân viên bảo vệ đang đứng ở cửa vào phòng tắm.

Cô theo anh ta vào trong.

Người nằm trên sàn phòng tắm trông như đang ôm bồn cầu. Xem xét kỹ hơn thì thấy hăn bị trói vào đó bằng mấy sợi dây quanh cổ tay. Hăn mặc bộ com lê đen, tóc vàng và trông hoàn toàn không say rượu. Đang phê. Hay kiệt quệ. Mí mắt nặng trĩu ngái ngủ chớp chớp nhìn họ.

“Cắt dây trói cho tôi,” hăn nói với một giọng cô không xác định được xuất phát từ đâu trên địa cầu.

Betty gật với nhân viên bảo vệ, anh này rút con dao bấm quân đội Thụy Sĩ ra cắt mấy sợi dây nhựa.

“Đã xảy ra chuyện gì vậy?” Cô hỏi.

Người này loạng choạng đứng lên. Hơi lắc lư trước mặt họ. Hăn cố định thần lại, hai mắt giàn giụa. “Chúng tôi chơi ngu chút thôi mà,” hăn lầm bầm. “Giờ tôi đi đây...”

Bảo vệ đứng vào cửa chặn lối hăn.

Betty nhìn quanh. Không có gì hư hại. Hóa đơn đã trả. Họ chỉ bị phàn nàn về tiếng ồn TV. Cái họ có cô phải chịu là lỗi thôi với cảnh sát tin tức tiêu cực và bị mang tiếng là nơi hội tụ của các thành phần bất hảo. Sếp đã khen cô thận trọng, đặt lợi ích của khách sạn lên trước. Nói rằng cô có thể tiến xa, rằng tiếp tân chỉ là hòn đá kê chân cho người như cô.

“Để hẳn đi đi,” cô nói.

Lars Gilberg thức giấc vì tiếng loạt soạt trong bụi cây. Gã trở mình. Thấy dáng người giữa cây lá. Có người đang cố lấy cặp đồ của chàng trai. Lars ngọ ngậy ra khỏi túi ngủ bản thủ và lồm cồm đứng dậy.

“Này, cậu!”

Dáng người dừng. Quay lại. Cậu thanh niên đã đổi khác. Không chỉ bộ com lê. Cả cái gì đó nơi mặt cậu ta, không hiểu sao trông sừng phồng.

“Cảm ơn ông đã trông giúp đỡ,” cậu thanh niên nói, hất hàm về cái túi cậu ta đã cặp dưới tay.

“Hừm,” Lars nói và rướn đầu tới gần hơn để xem có dễ nhận ra sự thay đổi không. “Cậu không gặp lỗi thôi đấy chứ, nhóc?”

“Ồ, có có chứ,” cậu thanh niên mỉm cười. Nhưng có gì đó ở nụ cười cậu ta.

Cái gì đó nhợt nhạt. Môi run run. Trông như cậu ta khóc từ nãy giờ.

“Cậu cần giúp không?”

“Không, nhưng cảm ơn đã hỏi.”

“Hừm. Tôi sẽ không được gặp lại cậu nữa đúng không?”

“Phải, tôi cho là vậy. Sống cho tốt đấy, Lars.”

“Ừ. Còn cậu..” Gã bước tới một bước đặt tay lên vai chàng trai. “Sống lâu né. Hứa với tôi chứ?”

Cậu thanh niên gật nhanh. “Xem dưới gối ông đi,” cậu ta nói.

Lars tự động nhìn chỗ nằm dưới gầm cầu. Và khi xoay lại, gã chỉ vừa kịp thấy lưng thanh niên trước khi cậu ta chìm trong bóng tối.

Lars quay lại túi ngủ. Gã nhận ra một phong bì chìa ra dưới gối. Gã cầm lên.

“Gửi Lars” phong bì ghi. Gã mở phong bì.

Cả đời Lars Gilberg chưa bao giờ thấy nhiều tiền như vậy.

“Chẳng phải giờ này Delta đã phải có mặt rồi sao?” Kari hỏi, ngáp và liếc nhìn đồng hồ.

“Đúng vậy,” Simon nói và nhìn ra. Họ đã đậu xe ở đường Enerhauggata và số 96 nằm cách họ năm chục mét trước mặt, bên kia đường. Đó là căn nhà gỗ hai tầng, sơn trắng, một trong những ngôi nhà được cứu khi những tòa nhà đẹp mắt của Enerhaugen bị phá hủy năm 1960 để nhường chỗ cho bốn tòa tháp. Căn nhà nhỏ nằm bình yên tĩnh mịch trong đêm hè đến mức Simon thấy khó mà hình dung được người ta có thể bị giữ như tù nhân trong đó.

“Chúng tôi cảm thấy hơi có lỗi,” Simon nói. “Nhưng tôi nghĩ ngày nay kính với bê tông thì phù hợp với mọi người hơn.”

“Gì cơ?”

“Tôi đang dẫn lời Tổng giám đốc điều hành Hiệp hội Xây dựng OBOS, năm 1960.”

“Phải vậy không?” Kari nói rồi lại ngáp. Simon thắc mắc liệu cô có hy vọng ông cảm thấy hơi có lỗi khi giữa đêm hôm lại kéo cô ra khỏi giường. Đúng là cô không nhất thiết phải có mặt cho một cuộc vây ráp như vậy. “Sao Delta không đến?” Cô lại hỏi.

“Tôi không biết,” Simon nói đúng lúc trong xe sáng lên vì màn hình điện thoại của ông để giữa hai ghế. Ông nhìn số.

“Nhưng ta sẽ biết ngay thôi,” ông nói, thông thả đưa điện thoại lên tai.

“A lô?”

“Tôi đây, Simon. Không ai tới cả đâu.” .

Simon chỉnh gương chiếu hậu. Một nhà tâm lý học có thể giải thích vì sao Simon làm vậy, nhưng điều đó đã thành phản ứng tự động để đáp lại giọng người kia. Simon nhìn kỹ vào gương để xem cái gì đằng sau.

“Tại sao không?”

“Vì lý do vây ráp chưa được chứng minh hợp lệ, chưa giải thích được sự cần thiết và anh chưa thử đi qua những kênh hợp lệ để huy động Delta.”

“Anh có thể cho phép họ mà, Pontius.”

“Phải. Và tôi nói không.”

Simon rửa thầm. “Nghe này, chuyện này. .”

“Không, anh nghe tôi đây. Tôi đã ra lệnh cho Falkeid rút lui và bảo anh ta và người của anh ta quay về ngủ. Vậy chứ anh định làm gì, Simon?”

“Tôi có lý do để tin rằng người ta đang bị giam giữ tại 96 Enerhauggata.

Trung thực mà nói thì, Pontius này, chuyện đó.. ”

“Trung thực là tốt, Simon. Hãy nhớ là lần tới anh phải gọi cho sếp Delta.”

“Không còn thời gian để giải thích. Khi thật, không còn thời gian. Anh đã từng tin tưởng vào phán đoán của tôi mà.”

“Anh dùng động từ thời quá khứ là chính xác đấy, Simon.”

“Vậy là giờ anh không tin tưởng tôi, phải vậy không?”

“Anh đánh bạc hết sạch tiền, nhớ không? Luôn cả tiền vợ anh. Theo anh thì chuyện đó cho tôi biết gì về phán đoán của anh?”

Simon nghiêng răng. Đã có thời không thể dễ dàng biết trước ai trong họ sẽ thắng cuộc tranh luận hay ai sẽ đạt điểm cao nhất, chạy nhanh nhất hay có được cô gái xinh nhất. Cái duy nhất chắc chắn là họ sẽ đoàn kết với nhau đằng sau người thứ ba trong nhóm tam hùng. Nhưng giờ anh ta không còn nữa. Và dù ông là người suy nghĩ tốt nhất và mạnh mẽ nhất trong cả ba, Pontius Parr vẫn luôn có một lợi thế: anh ta nghĩ xa hơn hai người kia.

“Sáng mai chúng tôi sẽ lo việc đó,” ủy viên nói với sự tự tin thoải mái mà thời nay nó khiến người ta tin rằng Pontius Parr biết rõ hơn cả. Kể cả chính Pontius. “Nếu anh được tin báo là có buôn người tại địa chỉ này thì chúng tôi sẽ không bay biến trong một đêm được. Giờ về nhà ngủ chút đi.”

Simon mở cửa xe ra ngoài trong khi ra dấu cho Kari cứ ở yên đó. Ông đóng cửa rồi bước vài mét xuôi đường. Ông nói khẽ vào điện thoại.

“Chuyện này không chờ được. Chuyện này khẩn, Pontius.”

“Cái gì làm anh nghĩ vậy?”

“Tin báo.”

“Mà làm sao anh có nó?”

“Một tin nhắn từ ai đó... nặc danh. Tự tôi sẽ vào.”

“Sao? Đừng có nghĩ tới chuyện đó! Dừng lại, Simon. Anh nghe tôi không?

Anh còn đó không?”

Simon nhìn điện thoại. Lại áp vào tai. “Đánh giá do sĩ quan cảnh sát tại hiện trường thực hiện. Anh còn nhớ đã học điều đó không, Pontius? Anh còn nhớ họ dạy ta rằng nó luôn hơn hẳn lệnh từ các sĩ quan ở xa hiện trường không?”

“Simon! Oslo đã loạn lắm rồi. Hội đồng thành phố và phương tiện truyền thông đang sấm soi chúng ta về mấy vụ giết người này. Lần này đừng can thiệp quá sâu. Simon!”

Simon cúp máy, khóa điện thoại rồi mở ngăn để hành lý trong xe. Mở khóa hộp súng. Lấy ra khẩu súng săn của mình, khẩu súng lục và vài hộp đạn. Lấy ra hai áo chống đạn trong ngăn hành lý rồi vào xe.

“Ta sẽ vào,” ông nói, đưa súng săn và một áo chống đạn cho Kari.

Cô nhìn ông. “Phải ông vừa nói chuyện với ủy viên đấy không?”

“Đúng thế,” Simon nói, kiểm tra kíp đạn khẩu Glock 17 đã đầy. Đút vào lại báng súng. “Cô làm ơn đưa tôi còng tay với khẩu lựu đạn gây choáng trong hộp để găng tay?”

“Ông có một quả lựu đạn gây choáng?”

“Sản phẩm phụ từ cuộc vây ráp tại Trung tâm Ila.”

Cô đưa Simon cái còng tay Peerless và quả lựu đạn. “Ông ta đã cho phép ta vào chưa?”

“Ông ta đã được thông báo,” Simon nói, mặc áo chống đạn vào.

Kari nghiêng khẩu súng săn và nạp kíp đạn bằng những động tác chớp nhoáng, quen thuộc.

“Săn gà gô trắng từ hồi chín tuổi,” cô nói như để giải thích, sau khi để ý thấy cái nhìn của Simon. “Nhưng tôi thích súng trường hơn. Ta làm chuyện này thế nào đây?”

“Đếm đến ba,” Simon nói.

“Ý tôi là ta tiếp cận. .”

“Ba,” Simon nói rồi mở cửa xe.

Khách sạn Bismarck tọa lạc trung tâm Oslo, phần đó thì đúng. Cái khách sạn nhỏ nằm giữa Kvadraturen, nơi thành phố được khai sinh, ở đúng tại điểm mà thị trường ma túy giao khu đèn đỏ. Và đúng với bản chất của địa điểm đó, nó cho thuê phòng theo giờ, với những tấm khăn tắm cứng ngắt vì giặt nước sôi quá nhiều. Từ khi chủ hiện tại tiếp quản khách sạn mười sáu năm trước, các phòng vẫn chưa được trang hoàng lại nhưng cứ hai năm lại phải thay giường một lần.

Nên khi Ola, con trai của ông chủ làm việc ở quầy tiếp tân từ lúc mười sáu tuổi, đưa mắt từ máy tính nhìn lên lúc 3 giờ 2 phút sáng và thấy một người đàn ông đứng trước quầy, thật tự nhiên khi Ola cho rằng người này đến nhầm chỗ.

Không chỉ vì anh ta mặc bộ com lê tử tế và xách theo hai chiếc cặp và một túi thể thao đỏ, anh ta còn không có bạn nam hay nữ đi cùng. Tuy vậy, người này cứ khăng khăng trả trước một tuần tiền phòng, nhận khăn tắm với một tiếng cảm ơn gần như nhún nhường rồi biến lên tầng hai. Ola quay lại đọc bài trên trang web Aftenposten về một làn sóng án mạng ở Oslo, những suy đoán của người ta rằng phải chăng một cuộc chiến băng đảng đang bùng nổ và rằng nó có thể liên can tới sát thủ đã trốn khỏi Staten. Cậu nhìn chăm chú tấm hình một lúc. Rồi cậu bấm vào một trang khác.

Simon dừng trước mấy bậc thềm dẫn lên ngôi nhà và ra hiệu cho Kari sẵn sàng vũ khí và canh phòng mấy cửa sổ tầng một. Rồi ông bước lên bậc tam cấp và gõ nhẹ đầu khớp ngón tay lên cửa. Ông hô lí nhí “Cảnh sát đây”. Nhìn Kari để yên tâm là cô có thể làm chứng ông đã theo đúng thủ tục chính thức. Gõ nhẹ cái nữa. Ông lại hô khẽ “Cảnh sát đây”. Rồi ông nắm báng súng lục và né người qua một bên để đập kính ô cửa sổ kế cửa lớn. Tay kia ông đã cầm sẵn trái lựu đạn gây choáng. Ông đã có kế hoạch. Tất nhiên ông đã có kế hoạch. Gần như vậy. Như người ta nói, yếu tố bất ngờ là tất cả. Được ăn cả, ngã về không. Ông vẫn luôn vậy. Và điều đó, như vị bác sĩ tâm lý trẻ giải thích, là chứng bệnh của ông. Nghiên cứu chứng minh rằng người ta thường xuyên phóng đại khả năng xảy ra của cái không thể xảy ra với họ, chẳng hạn như chết trong vụ máy bay rơi, con cái bị cưỡng hiếp hay bắt cóc trên đường đi học, hay con ngựa ta cá bằng tiền tiết kiệm của vợ sẽ trụ được một quãng xa trên đường chạy trong lần đầu sự nghiệp đua của nó. Bác sĩ tâm lý đã nói là có gì đó trong vô thức của Simon mạnh hơn lẽ phải, rằng vấn đề chỉ là nhận diện được và bắt đầu đối thoại với tên bạo chúa bệnh hoạn, điên cuồng đã khủng bố và hủy hoại đời ông này.

Rằng ông phải tự hỏi trong đời ông còn có gì quan trọng hơn không. Quan trọng hơn tên bạo chúa. Cái gì đó ông yêu thích hơn đánh bạc. Và có đấy. Đó là Else.

Và ông đã làm điều đó. Ông đã nói chuyện với con quái thú, thuần phục nó.

Ông chưa lần nào tái phạm. Cho đến phút này.

Ông hít một hơi sâu. Ông định đánh súng lúc vào kính thì cửa mở ra.

Simon quay ngoắt lại với khẩu súng trước mặt, nhưng ông không được nhanh như ngày xưa. Thậm chí cũng không gần bằng. Nếu người đứng ở cửa có vũ khí thì ông đã không còn cơ hội.

“Chào ông,” người này nói cộc lốc.

“Xin chào,” Simon nói, cố lấy lại điềm tĩnh. “Cảnh sát đây.”

“Tôi giúp gì được ông?” Người này mở toang cửa ra. Hắn đã thay đồ. Quần jean ôm sát. Sơ mi. Chân trần. Không có chỗ nào để giấu khẩu súng lục.

Simon đút quả lựu đạn gây choáng vào túi và chìa thẻ cảnh sát ra. “Tôi sẽ phải yêu cầu anh bước ra ngoài và đứng thẳng dựa vào tường này. Làm ngay.”

Người này bình thản nhún vai và làm theo lời.

“Ngoài mấy cô gái ra thì trong nhà có mấy người?” Simon vừa hỏi vừa lục soát nhanh và khẳng định được là người này không mang vũ khí.

“Mấy cô gái? Chỉ có mình tôi ở đây. Ông cần gì?”

“Chỉ chỗ họ cho tôi,” Simon nói, còng tay gã đàn ông, xô hắn tới trước mặt và ra hiệu cho Kari đi theo. Người này nói gì đó.

“Chuyện gì?” Simon nói.

“Tôi đang nói đồng nghiệp của ông là cả cô ta nữa, cứ vào tự nhiên. Tôi chẳng có gì mà giấu giếm.”

Simon vẫn đứng sau người này. Nhìn chăm chăm sau gáy hắn. Thấy da hơi rần rật, như một con ngựa bồn chồn.

“Kari?” Simon gọi ra.

“Vâng?”

“Tôi muốn cô lại bên ngoài. Tôi sẽ vào trong một mình.”

“OK.”

Simon để tay lên vai gã. “Bước đi và không được có động tác bất ngờ. Tôi có súng trên lưng anh đây.”

“Ông...”

“Cứ chấp nhận là tạm thời lúc này tôi xem anh là tội phạm và tôi có thể bắn anh; sau này anh vẫn có thể có được lời xin lỗi không ngần ngại.”

Không phản đối gì thêm, người này bước vào hành lang. Simon tự động nhìn xem có bằng chứng nào cho thấy cái có thể có bên trong. Bốn đôi giày trên sàn.

Người này không sống một mình. Một chén nhựa đựng nước và một miếng thảm bên cửa bếp.

“Con chó của anh bị gì sao?” Simon hỏi.

“Chó nào?”

“Anh uống nước trong chén đó sao?”

Người nọ không đáp.

“Chó thường sủa khi có người lạ đến gần nhà. Nên hoặc đó là chó giữ nhà vút đi hoặc...”

“Nó ở trong cũi. Ta đi đâu đây?”

Simon nhìn quanh. Cửa sổ không có chấn song, cửa trước có mỗi một ổ khóa cắm sẵn chiếc chìa khóa loại thường. Họ không bị nhốt ở đây.

“Tầng hầm,” Simon nói.

Người đàn ông nhún vai đi tiếp xuống hành lang. Và Simon biết mình hoàn toàn đúng khi thấy người nọ mở khóa cửa tầng hầm. Cửa có hai ổ khóa.

Họ vừa bước xuống cầu thang Simon đã nhận ra cái mùi và nó khẳng định những nghi ngờ của ông. Rằng có người bị nhốt ở đây. Rất nhiều người. Ông nắm chặt khẩu súng lục.

Nhưng ở đó không có ai.

“Anh dùng mấy cái này vào việc gì?” Simon hỏi khi họ đi ngang vài chuồng, ngăn với nhau bằng lưới thép thay vì vách.

“Có gì đâu,” người này nói. “Lũ chó sống đây. Và tôi cắt nệm, như ông cũng thấy rồi đấy.”

Giờ thì cái mùi còn nồng nặc hơn. Chắc hẳn mấy cô gái vẫn bị giam giữ ở đây cho đến gần đây. Khốn kiếp, họ đến muộn mất rồi. Nhưng chắc là họ có thể lấy ADN nơi mấy tấm nệm. Dù rằng chuyện đó chứng minh được điều gì? Rằng đã có người tiếp xúc với một tấm nệm giờ nằm dưới tầng hầm. Sẽ bất thường hơn nếu họ không tìm thấy ADN trên một tấm nệm cũ. Họ tay trắng. Chỉ một cuộc vây ráp chưa được phép. Khốn kiếp, khốn kiếp.

Simon để ý thấy đôi giày thể thao nhỏ nhắn không cột dây nằm trên sàn gần một cánh cửa.

“Cửa đó dẫn đi đâu?”

“Chỉ ra chỗ để xe thôi mà.”

Chỉ. Hắn đang cố giảm nhẹ tầm quan trọng của cánh cửa. Cũng như hắn đã nhấn mạnh hắn muốn Kari vào nhà.

Simon mở cửa thì thấy mình đang nhìn thẳng về hông chiếc xe tải trắng đậu trên mặt đường nhựa trải từ căn nhà này đến hàng rào vào nhà hàng xóm.

“Anh dùng xe tải cho việc gì?” Simon hỏi.

“Tôi là thợ điện,” người này nói.

Simon lùi lại vài bước. Khom người xuống cầm đôi giày thể thao ở sàn tầng hầm lên. Có lẽ là cỡ 5. Nhỏ hơn giày của Else. Ông đút tay vào. Nó vẫn còn ấm.

Có thể chỉ mới mấy phút từ lúc chủ nhân đánh rơi. Đúng lúc đó ông nghe thấy một tiếng. Bị nghẹt lại, bị kìm nén, nhưng không thể làm được. Một tiếng sủa.

Simon nhìn chăm chăm chiếc xe tải và định đứng lên lại thì nhận phải một cú đá vào sườn ngã bật ra và nghe người kia gào lên: “Chạy đi! Chạy đi!”

Simon xoay xở lăn mình qua chĩa súng vào người này, nhưng gã đã quỳ thụp xuống gập hai tay sau đầu đầu hàng vô điều kiện. Máy nổ, vòng quay cao đến mức rít lên. Simon lăn người lại và giờ đã thấy được mấy cái đầu ở đầu xe; rõ ràng mấy cô gái đang bị giấu sau xe.

“Đứng lại! Cảnh sát đây!” Simon cố đứng lên, nhưng chân đau điếng, hân gã này đã làm ông gãy mất một xương sườn. Thế rồi Simon chưa kịp chĩa súng thì chiếc xe đã chuyển động và ra khỏi tầm bắn. Khốn kiếp!

Có tiếng nổ theo sau là kính vỡ loảng xoảng.

Tiếng máy rít im bật.

“Đứng yên đó,” Simon vừa nói vừa rên rỉ, lồm cồm đứng dậy và tập tễnh ra khỏi cửa.

Chiếc xe đã dừng hẳn. Nghe được tiếng gào thét to và tiếng sủa điên loạn từ bên trong.

Nhưng chính cảnh tượng trước mũi xe mới là cái Simon chụp hình lại trong đầu để cho vào album ảnh. Kari Adel mặc áo choàng da đen dài đứng trong luồng sáng từ đèn pha xe tải lúc này đã không còn cho chạy kính chắn gió. Báng súng sẵn trên vai và một bàn tay cầm dưới nòng vẫn còn bốc khói.

Simon bước đến hông xe tải đẩy mở cửa bên phía tài xế. “Cảnh sát đây!”

Người bên trong không đáp, hấn cứ nhìn thẳng trước mặt như thể bị sốc, máu từ đường chân tóc nhỏ xuống. Trong lòng hấn đầy kính vỡ. Simon lờ đi cái đau bên sườn, lôi người nọ xuống đất. “Úp mặt xuống đường và đưa hai tay ra sau đầu! Ngay!”

Rồi ông đi vòng qua bên kia xe và cũng làm vậy với người ngồi ở ghế khách cũng đang sửng sờ chẳng kém.

Simon với Kari bước tới cửa hông thân xe. Họ nghe tiếng chó tru và sủa từ bên trong. Simon cầm tay nắm cửa và Kari đứng vào vị trí ngay trước nó với khẩu súng sẵn đã sẵn sàng.

“Nghe có vẻ to đấy,” Simon nói. “Có lẽ cô nên lùi lại bước nữa?”

Cô gật và làm như ông khuyên. Rồi ông trượt cửa mở ra.

Một con quái vật lông trắng lao ra khỏi xe chồm vào ngay Kari, mồm nhe ra gầm gừ. Chuyện xảy ra nhanh đến mức cô không kịp nổ súng. Con thú đâm sầm xuống đất trước mặt cô và nằm im.

Simon ngây nhìn kinh ngạc khẩu súng lục đang bốc khói của mình.

“Cảm ơn ông,” Kari nói.

Họ quay lại xe. Bên trong, những gương mặt kinh hoàng giương mắt nhìn ra họ.

“Cảnh sát đây.” Simon nói. Và nói thêm khi ông thấy, theo vẻ mặt họ, thì có lẽ chuyện này không được xem là tin vui: “Cảnh sát tốt. Chúng tôi cùng phe các cô.”

Rồi ông lấy điện thoại ra gọi một số. Đưa điện thoại lên tai rồi ngược nhìn Kari.

“Cô nghĩ cô gọi về sở bảo hộ cử vài xe tuần tra đến được không?”

“Thế ông đang gọi cho ai?”

“Báo chí.”

30

Bình minh đã hửng trên Enerhaugen nhưng báo chí vẫn chưa chụp hình và phỏng vấn xong mấy cô gái đã được cho khăn len và trà mà Kari pha trong bếp.

Ba phóng viên đang vây quanh Simon cố moi thêm chi tiết.

“Không, chúng tôi không biết còn ai đứng sau chuyện này ngoài những người đã bắt ở đây tối nay,” Simon lặp lại. “Và, phải, đúng là chúng tôi vây ráp địa chỉ này theo một tin báo nặc danh.”

“Ông có thật sự phải giết một con thú vô tội không?” Một nhà báo nữ hỏi, hất hàm về phía con chó đã chết được Kari phủ chắn lên trong nhà.

“Nó tấn công chúng tôi,” Simon nói.

“Tấn công các vị?” Cô ta khịt mũi. “Hai người trưởng thành trước một con chó nhỏ? Chắc hẳn các vị có thể tìm cách khống chế nó.”

“Mất đi một mạng sống bao giờ cũng đáng buồn,” Simon nói và biết mình không nên, nhưng không nhịn được mà tiếp, “nhưng xét vì tuổi thọ của chó tỉ lệ nghịch với tầm vóc, nếu cô thử nhìn dưới tấm chắn thì sẽ nhận ra rằng dù sao con chó này cũng không còn sống được lâu.”

Stalsberg, tay phóng viên hiện trường kỳ cựu được Simon gọi đầu tiên, toét miệng cười.

Một chiếc SUV của cảnh sát xuất hiện trên đồi và đậu đằng sau xe tuần tra vẫn để đèn nháy xanh trên nóc làm Simon phát ghét.

“Nhưng thay vì hỏi tôi thêm câu nào, tôi khuyên các vị nói chuyện với sếp đi.”

Simon hít hàm về chiếc SUV và thế là đám phóng viên quay lại. Người đàn ông từ xe ló ra cao ráo mảnh mai, tóc thưa chải ra sau và kính râm không gọng hình chữ nhật. Ông ta thẳng người lên và trông kinh ngạc khi các nhà báo ùa về phía mình.

“Xin chúc mừng về vụ bắt bớ, Ủy viên Parr,” Stalsberg nói. “Xin ông vui lòng bình luận về chuyện, có vẻ như cuối cùng các ông cũng đã có tiến triển về vấn nạn buôn người? Ông có thể gọi đây là một bước đột phá không?”

Simon khoanh tay trước ngực và bắt gặp cái nhìn lạnh băng của Pontius Parr.

Ủy viên gật đầu chào, khẽ đến gần như không nhận thấy, rồi ông ta nhìn phóng viên đã đặt câu hỏi. “Tất nhiên đây là một bước quan trọng của cảnh sát trong cuộc đấu tranh chống nạn buôn người. Từ trước sự việc hiện nay chúng tôi đã nhấn mạnh là vấn đề này phải được ưu tiên, và việc ưu tiên - như các anh có thể thấy - đã có kết quả. Nên chúng tôi muốn được chúc mừng chánh thanh tra Kefas cùng các đồng nghiệp.”

Parr níu Simon lại khi ông quay ra xe.

“Anh nghĩ anh làm cái quái gì vậy hả, Simon?”

Đó là một trong những thứ Simon chưa bao giờ hiểu được về người bạn cũ; làm sao giọng anh ta không bao giờ đổi tính chất hay âm sắc. Anh ta có thể vui tươi hay thịnh nộ, nhưng giọng thì vẫn hết như vậy.

“Việc của tôi. Bắt kẻ xấu.” Simon dừng, dứt miếng snus giữa hai môi rồi chìa hộp thiếc ra mời Parr, người này nhướn mày. Đó là trò đùa cũ rích Simon chưa hề thấy chán; cả đời Parr chưa từng dùng snus hay hút một điếu nào.

“Ý tôi là màn trình diễn này,” Parr nói. “Anh bất chấp mệnh lệnh cấm vào và rồi anh mời toàn bộ phương tiện truyền thông đến đây. Tại sao vậy?”

Simon nhún vai. “Tôi nghĩ riêng lần này ta có thể dùng ít tin chúc mừng của báo chí. Nhân thế, không phải toàn bộ, chỉ những ai đang làm ca đêm thôi. Tôi cũng mừng vì ta đã đồng ý rằng đánh giá của cảnh sát tại hiện trường sẽ là nhân tố mang tính quyết định. Nếu không tôi nghĩ chúng tôi đã không tìm được mấy cô gái này - chúng sắp sửa chuyển họ đi.”

“Điều tôi thắc mắc là làm sao mà anh biết được chỗ này.”

“Như tôi nói anh rồi, một tin nhắn.”

“Từ?”

“Nặc danh. Điện thoại trả trước.”

Bảo mấy công ty điện thoại dò nó. Tìm xem đó là ai, càng sớm càng tốt để ta thăm vấn tìm thêm thông tin. Vì trừ phi tôi hiểu sai, ta sẽ không moi được chữ nào từ mấy tên ta bắt được ở đây đâu.

“Vậy sao?”

“Chúng chỉ là cá bé, Simon. Chúng biết rằng cá lớn sẽ nuốt sạch chúng trừ phi chúng ngậm miệng. Mà cá to mới là cái ta muốn, không phải sao?”

“Tất nhiên.”

“Tốt. Nghe này Simon, anh biết tôi rồi, anh cũng biết là đôi lúc tôi cũng quá tự tin về sự thông minh của mình, nên...”

“Nên?”

Parr hăng giọng. Nhún lên nhún xuống trên gót như chuẩn bị xuất phát.

“Nhưng đánh giá tình hình của anh ở đây tốt hơn tôi. Đơn giản và rõ ràng. Sẽ không bị bỏ qua trong lần xét duyệt tới cho anh.”

“Cảm ơn, Pontius, nhưng đến kỳ xét duyệt tới thì tôi đã về hưu từ lâu rồi.”

“Điều đó đúng,” Parr mỉm cười. “Nhưng anh là cảnh sát giỏi, Simon, anh vẫn luôn là vậy.”

“Điều đó cũng đúng,” Simon nói.

“Else sao rồi?”

“Tốt, cảm ơn anh. Hay là...”

“Sao?”

Simon hít một hơi. “Khá tốt. Để lúc nào khác rồi ta nói về chuyện này. Đi ngủ chứ?”

Parr gật. “Đi ngủ thôi.” Ông ta vỗ vai Simon, xoay lưng bước về chiếc SUV.

Simon nhìn theo ông ta. Đưa ngón trỏ lấy snus ra. Mùi vị không ổn lắm.

31

Lúc Simon tới chỗ làm là bảy giờ sáng. Ông đã xoay xở ngủ được hai tiếng rưỡi, uống một tách rưỡi cà phê và nửa viên thuốc nhức đầu. Một số người có thể ngủ rất ít mà vẫn sống sót nổi. Simon không nằm trong số đó.

Tuy nhiên Kari thì có lẽ. Trông cô nhanh nhẹn lạ thường khi sải bước tới chỗ ông.

“Thế nào?” Simon nói, ngồi phịch xuống ghế văn phòng và xé mở phong bì nâu đã chờ ông trong hộp thư.

“Ba người ta bắt đêm qua không ai khai gì cả,” Kari nói. “Thực ra là không một chữ nào. Chúng thậm chí còn không chịu xưng tên.”

“Mấy thằng tử tế thật. Ta có biết chúng không?”

“Ồ có chứ. Cảnh sát chìm nhận diện được chúng. Chúng từng bị kết án, cả ba đứa. Nửa đêm luật sư của chúng có mặt không báo trước và cắt ngang mọi cố gắng moi tin của chúng tôi. Một người tên Einar Harnes. Tôi đã xoay xở dò được điện thoại mà Người Con Trai gửi tin nhắn. Điện thoại thuộc về Fidel Lae.

Chủ trại chó. Ông ta không trả lời điện thoại, nhưng tín hiệu về trạm cơ sở cho thấy nó đang ở trại của ông ta. Chúng tôi đã cử hai xe tuần tra đến đó.”

Simon nhận ra vì sao cô - khác với ông - không có vẻ như vừa bò ra khỏi giường. Vì cô đâu đã ngủ được chút nào, cô làm việc suốt đêm.

“Rồi đến tên Hugo Nestor mà ông bảo tôi tìm hiểu. . ?” cô tiếp.

“Thì sao?”

“Hắn không ở địa chỉ nhà, không trả lời điện thoại, cũng không ở địa chỉ văn phòng, nhưng tất cả đó đều có thể là giả. Những gì tôi có cho đến nay chỉ là một cảnh sát chìm nói đêm qua cô ấy có thấy Nestor ở Vermont.”

“Hừm. Cô có nghĩ hơi thở tôi bị nặng mùi không, sĩ quan Adel?”

“Tôi không nhận thấy, nhưng nghĩ lại thì chúng ta chưa. .”

“Vậy cô không muốn xem đây như một ám chỉ sao?”

Simon đưa lên ba bàn chải đánh răng.

“Trông như dùng rồi,” Kari nói. “Sao ông có?”

“Hỏi hay đấy,” Simon nói, ló nhìn vào phong bì. Ông rút ra một tờ giấy trên đầu có logo khách sạn Plaza. Nhưng không có tên người gửi. Vòn vẹn một lời nhắn viết tay ngắn ngủi:

Kiểm tra ADN. S.

Ông đưa tờ thư cho Kari rồi nhìn mấy bàn chải đánh răng.

“Có lẽ một tên dở hơi nào đó,” Kari nói. “Pháp y đã có quá nhiều vụ giết người để làm...”

“Đi kiểm tra ngay đi,” Simon nói.

“Sao cơ?”

“Đó là anh ta.”

“Ai?”

“‘S’ Là Sonny.”

“Làm sao ông biết...”

“Bảo họ là việc khẩn.”

Kari nhìn ông. Điện thoại Simon reo.

“OK,” cô nói và xoay lưng đi.

Cô đang đứng bên ngoài thang máy thì Simon tiến lại bên cô. Ông đã mặc áo khoác vào.

“Cô đi với tôi đã,” ông nói.

“Ừa?”

“Asmund Bjornstad gọi. Họ vừa phát hiện một xác chết nữa.”

Một con chim rừng ai oán hót từ đâu đó trong rừng vân sam.

Asmund Bjornstad đã mất sạch mọi dấu vết kiêu ngạo. Anh ta xanh xao. Anh ta đã nói thẳng trong điện thoại: “Chúng tôi cần giúp, Kefas.”

Simon đứng cạnh thanh tra bên Kripos và Kari, nhìn chăm chăm qua lưới mắt cáo của chuồng, nhìn những gì còn lại từ một cái xác mà dựa trên đủ loại thẻ tín dụng họ tạm thời nhận dạng là của Hugo Nestor. Khẳng định thì sẽ phải chờ đến khi họ kiểm hồ sơ nha khoa của hắn. Từ nơi ông đứng và nhìn chỗ trám trong hàm răng tróc hốc Simon có thể suy diễn là người chết ắt đã đến nha sĩ.

Hai cảnh sát bên đội tuần tra chó dẫn mấy con chó ngao Argentina đi đã cung cấp một lời giải thích đơn sơ về tình trạng cái xác: “Lũ chó bị bỏ đói. Ai đó quên cho chúng ăn.”

“Nestor là sếp của Kalle Farrisen,” Simon nói.

“Tôi biết,” Bjornstad rên rỉ. “Báo chí mà biết thì đúng là quá thảm họa.”

“Làm sao các anh tìm thấy Lae?”

“Hai xe tuần dưới trang trại đã lần theo tín hiệu điện thoại” , Bjornstad nói.

“Tôi cử họ đi,” Kari nói. “Chúng tôi nhận được một tin nhắn nặc danh.”

“Đầu tiên họ phát hiện ra điện thoại của Lae,” Bjornstad nói. “Nó ở trên cổng như thể có người để nó đấy để ta dò ra. Nhưng khi lục soát căn nhà thì họ không tìm thấy Lae. Họ định bỏ đi thì một con chó cảnh sát phản ứng và muốn vào rừng. Và đó là khi họ tìm thấy... cái này.” Anh ta vung hai bàn tay ra.

“Còn Lae?” Simon hỏi, hất hàm về phía người đàn ông đang run cầm cập quần tẩm chần len, ngồi trên gốc cây sau họ.

“Hung thủ đã dùng súng hăm dọa lão, lão nói. Nhất lão trong chuồng bên cạnh, lấy đi điện thoại và ví. Lae bị nhất ba mươi sáu tiếng. Lão đã nhìn thấy tất cả.”

“Vậy lão nói sao?”

“Lão đang suy sụp, tội nghiệp lão, lão không ngừng nói. Lae bán chó trái phép và Nestor là khách hàng của lão. Nhưng lão không thể cung cấp mô tả chính xác về hung thủ. Tuy nhiên nhân chứng không nhớ mặt người đe dọa tính mạng mình là chuyện thường.”

“Ồ, họ nhớ chứ,” Simon nói. “Họ nhớ mấy gương mặt đó đến hết đời. Họ chỉ không nhớ chúng theo cách ta thấy chúng, vì vậy mà mô tả của họ sai. Chờ đây.”

Simon đi lại chỗ người đàn ông. Ngồi xuống trên một gốc cây khác cạnh lão.

“Cậu ta trông thế nào?” Simon hỏi.

“Tôi đã mô tả rồi...”

“Giống vậy không?” Simon nói, lấy từ túi ra một hình chụp đưa lão xem.

“Cố hình dung cậu ta mà không có râu tóc dài.”

Người này nhìn chăm chăm bức hình một hồi lâu. Rồi lão chậm rãi gật.

“Cái nhìn đó. Hẳn có ánh nhìn đó. Như thể hẳn vô tội.”

“Chắc không?”

“Hoàn toàn chắc.”

“Cảm ơn.”

“Hẳn cứ nói vậy suốt. Cảm ơn. Rồi hẳn khóc khi bày chố làm thịt Nestor.”

Simon cất hình vào túi. “Một điều cuối. Ông báo cảnh sát là cậu ta dùng súng hăm dọa ông. Cậu ta cầm súng tay nào?”

Người đàn ông chớp chớp mắt như thể giờ mới nghĩ đến điều đó. “Trái. Hẳn ta thuận tay trái.”

Simon đứng lên bước lại chỗ Bjornstad và Kari. “Đó là Sonny Lofthus.”

“Ai?” Asmund Bjornstad hỏi.

Simon nhìn viên thanh tra hồi lâu. “Tôi tưởng anh là người xuất hiện cùng với Delta, cố tóm cậu ta tại Trung tâm Ila?”

Bjornstad lắc đầu.

“Dù sao,” Simon nói, lấy bức hình ra lại. “Ta cần công bố mô tả và cáo thị truy nã để công chúng giúp. Ta cần đưa hình này lên NRK và TV21.”

“Tôi không tin có ai nhận diện được cậu ta nhờ tấm hình đó.”

“Bao lâu thì ta nhờ họ phát nó đi được?”

“Họ sẽ dành chỗ cho mục tin này ngay, cứ tin tôi,” Bjornstad nói.

“VẬY thì cho bản tin sáng trong mười lăm phút nữa,” Kari nói, lấy điện thoại ra bật chức năng chụp hình. “Cầm hình và giữ yên nhé. Anh quen ai ở NRK để ta gửi tới?”

Morgan Askoy đang cẩn thận gỡ cái vảy nhỏ trên mu bàn tay thì tài xế xe buýt bất thần đạp phanh nên vô tình Morgan lọt được cái vảy. Một giọt máu hiện ra. Morgan lẹ làng ngoảnh nhìn đi chỗ khác, anh không chịu nổi khi nhìn thấy máu.

Morgan xuống xe buýt tại Nhà tù An ninh Tối đa Staten anh làm việc đã hai tháng nay. Anh đang đi sau một nhóm mấy quản giáo thì một gã mặc đồng phục quản giáo đi lại bên cạnh.

“Chào anh.”

“Chào,” Morgan đáp tự động và nhìn qua, nhưng không nhớ ra anh ta là ai.

Dù là vậy, anh chàng này vẫn tiếp tục bước bên cạnh như thể họ quen nhau. Hay như thể anh ta muốn làm quen với anh.

“Anh không làm chái A,” anh ta nhận xét. “Hay anh mới vào làm?”

“Chái B,” Morgan nói. “Hai tháng.”

“À phải.”

Anh ta trẻ hơn đám tín đồ mặc đồng phục kia. Chủ yếu là mấy quản giáo lớn tuổi hơn, họ mặc đồng phục trên đường đi làm và về nhà, cứ như thể bọn họ hãnh diện về chuyện đó. Cũng như chính Franck, tay phó giám thị nhà tù.

Morgan thì sẽ cảm thấy như đồ ngốc nếu phải ngồi xe buýt và bị thiên hạ nhìn chòng chọc rồi có lẽ còn hỏi han về nơi anh làm việc ở Staten. Trong tù. Không đời nào.

Anh nhìn thẻ tên trên đồng phục của gã thanh niên. Sorensen.

Họ đi cạnh nhau ngang qua phòng bảo vệ và Morgan gật đầu chào tên bảo vệ bên trong.

Khi họ tiến đến lối vào, gã thanh niên lấy điện thoại ra nên hơi tụt lại đằng sau; có lẽ đang gửi tin nhắn.

Cửa đóng sầm lại sau tay nhân viên trước mặt họ, nên Morgan phải rút chìa của mình ra. Anh mở khóa cửa. “Cảm ơn anh nhiều lắm,” gã Sorensen nói và lách vào trước mặt anh. Morgan đi theo, nhưng rẽ khi đi đến chỗ tủ cá nhân.

Anh thấy thanh niên nhập vào đám nhân viên còn lại khi họ tràn vào lồng tới mấy chái.

Betty đá hất giày đi rồi nằm vật ra giường. Đúng là một ca đêm. Cô kiệt sức và biết phải một lúc nữa mới ngủ được, nhưng ít ra cô cũng phải thử. Và để làm vậy, đầu tiên cô phải rũ sạch cái cảm giác là cô cần báo cảnh sát sự việc trong phòng suite 4. Sau khi cô và nhân viên bảo vệ kiểm phòng xem có hư hao mất mát gì không, Betty dọn phòng và định vắt nửa trái chanh thì phát hiện ra ống tiêm dùng rồi trong sọt rác. Không có gì xúi giục thì đầu óc cô cũng đã cộng hai với hai: phần thịt trái chanh đổi màu và ống tiêm. Cô sờ vỏ chanh thì thấy vài lỗ lấm tẩm. Vắt một giọt chanh vào tay thì thấy nước chanh đục lờ, như thể có chứa phấn. Cô cẩn thận đưa lưỡi nếm giọt này, ngoài vị chua gần như quá gắt thì còn vị đắng, như thuốc. Cô phải quyết định. Có luật lệ nào cấm khách giữ chanh có vị lạ không? Hay ống tiêm dùng một lần? Vậy nếu tình cờ họ bị bệnh đái đường hay một chứng bệnh nào khác thì sao? Hay chơi những trò kỳ quặc với khách trong

phòng? Nên cô đã mang đồ trong sọt rác xuống quầy tiếp tân đổ đi. Viết vắn tắt vài dòng trong sổ trực về tiếng ồn từ phòng suite 4 và người đàn ông họ thấy bị trói vào chậu rửa mặt. Chính hấn cũng đã bác bỏ toàn bộ sự việc.

Cô còn biết làm gì?

Cô bật TV treo tường trong khi cởi đồ, vào phòng tắm, tẩy trang và đánh răng. Cô nghe giọng nói đều đều rì rầm từ kênh tin tức TV2. Cô thường để nhỏ tiếng vì nó giúp cô ngủ. Có lẽ vì giọng dỗ dành của phát thanh viên làm cô nhớ giọng cha mình, chất giọng có thể tường thuật về quá trình sụp lún của các lục địa mà vẫn làm cô cảm thấy an toàn. Nhưng chỉ TV thôi thì không còn đủ nữa.

Cô đã bắt đầu dùng thuốc ngủ. Phải thừa nhận là mấy viên thuốc không nặng lắm, nhưng dù là vậy đi nữa. Bác sĩ của cô nói cô nên tính chuyện xin nghỉ ca đêm xem có đỡ hơn không. Nhưng không ai trốn tránh mà lên đến đỉnh cao được, ta phải nỗ lực. Qua tiếng của vòi nước và cái bàn chải đầy bọt cô nghe giọng phát thanh viên nói cảnh sát đang truy lùng kẻ có liên quan trong vụ sát hại một người tại trại chó đêm qua, và họ gộp vụ này với vụ án mạng Agnete Iversen và vụ giết một lúc ba mạng người ở Gamlebyen.

Betty súc miệng, tắt vòi và quay lại phòng ngủ. Đứng sững bên ngưỡng cửa.

Nhìn chăm chặp ảnh người bị truy nã trên TV.

Là hấn.

Hấn có râu tóc dài, nhưng Betty đã được huấn luyện lật tẩy những khuôn mặt cải trang và đeo mặt nạ, đối chiếu mặt với hình chụp mà Plaza và các khách sạn quốc tế khác lưu trong hồ sơ, những tên lừa đảo khét tiếng trong ngành khách sạn sớm muộn gì cũng có ngày xuất hiện ở quầy tiếp tân của họ. Và đó là hấn.

Người đã làm thủ tục nhận phòng, chỉ là không đeo kính, nhưng có lông mày.

Cô ngậy nhìn điện thoại để trên bàn cạnh giường ngủ.

Chu đáo, nhưng thận trọng. Đặt lợi ích của khách sạn lên hàng đầu. Có thể tiến xa.

Cô lại nhắm nghiền mắt.

Mẹ cô nói đúng. Tính tò mò chết tiệt của cô.

Từ cửa sổ văn phòng, Arild Franck nhìn đám quần áo hết ca đêm ra về qua cổng. Hẳn ghi nhớ trong đầu bất cứ ai có mặt trễ ca sáng. Chuyện đó làm hấn bực. Những kẻ không làm được việc của mình làm hấn bực. Như Kripos và Đội Điều tra án mạng. Cảnh sát đã được mật báo vây ráp Trung tâm Ila vậy mà Lofthus cũng vượt khỏi tay họ. Vẫn chưa đủ tốt. Và giờ bọn họ đang phải trả giá cho sự kém cỏi của cảnh sát. Hugo Nestor bị giết đêm qua. Trong một cũi chó.

Thật không tin được là một người, một thằng nghiện, mà lại có thể gây ra quá nhiều hỗn loạn như vậy. Người công dân tuân thủ luật pháp trong Franck cũng thấy tức giận chằng kém vì cái sự yếu kém nơi cảnh sát cứ liên tục bị chường ra như thế, nhiều lúc thậm chí hấn còn thấy thất vọng bởi cảnh sát chưa từng xoay sở tóm được hấn, một phó giám thị nhà tù tham nhũng. Hấn đã nhìn thấy vẻ nghi ngờ trong mắt Simon Kefas, nhưng Kefas không có gan truy hấn, tên đại hèn, hấn có quá nhiều thứ sợ mất. Simon Kefas chỉ can đảm khi đang đặt cược tiền. Tiền bạc chết tiệt. Franck trông đợi điều gì? Rằng nó sẽ mua cho hấn một tượng bán thân, cái thanh danh là rường cột của cộng đồng? Và một khi hấn đâm ra nghiện tiền như nghiện heroin thì những con số trong tài khoản ngân hàng dường như đã trở thành mục đích hơn là phương tiện bởi không còn mục tiêu nào quan trọng nữa.

Và cũng như tên nghiện, hẳn biết và hiểu điều đó, vậy mà không làm gì được.

“Một quản giáo tên Sorensen đang đến gặp sếp,” thư ký riêng ở tiền sảnh nói.

“Đừng để hẳn...”

“Anh ta đi ngang qua mặt tôi, nói chỉ mất một phút.”

“Thật sao?” Franck chau mày. Có phải Sorensen đến báo cáo đã khỏe để quay lại làm phận sự khi chưa hết phép nghỉ ốm? Điều khác thường đối với một nhân viên Na Uy. Hẳn nghe cửa mở sau lưng.

“Sorensen,” Arild Franck nói mà không quay lại. “Vậy ra anh quên gõ cửa sao?”

“Ngồi xuống.”

Franck nghe cửa khóa nên ngạc nhiên quay về phía giọng nói. Hẳn ngừng nhúc nhích khi nhìn thấy khẩu súng.

“Ông mà gây chỉ một tiếng động thôi là tôi sẽ bắn thủng trán ông.”

Khi ta chĩa súng vào ai, người đó thường sẽ chăm chăm vào khẩu súng và phải một lúc họ mới nhìn người đằng sau nó. Nhưng khi gã thanh niên đưa chân lên hất ghế dựa lăn qua sàn đến chỗ phó giám thị, Franck thấy đó là ai. Người Con Trai đã trở lại.

“Mày khác đi rồi,” Franck nói. Hẳn định bụng nói vậy một cách uy phong hơn, nhưng cổ họng khô khốc và không một âm thanh cụ thể nào phát ra.

Khẩu súng đưa lên cao hơn một chút nên Franck tức thì ngồi phịch xuống ghế.

“Để hai tay lên tay ghế,” gã thanh niên nói. “Tôi sẽ bấm nút hệ thống điện thoại nội bộ rồi ông bảo Ina đến bếp lấy ít bánh. Làm đi.”

Gã thanh niên bấm nút.

“Vâng?” Họ nghe giọng sốt sắng của Ina.

“Ina. .” Đầu óc Franck tuyệt vọng tìm những cách khác.

“Vâng?”

“Đi. .” Cuộc tìm kiếm của Franck dừng phắt khi hắn thấy ngón tay gã thanh niên siết lại trên cò. “. . cô xuống bếp lấy cho tôi ít bánh ngọt? Ngay đi.”

“OK.”

“Cảm ơn, Ina.”

Gã thanh niên thả cò, để súng xuống, lấy trong túi áo khoác ra cuộn băng keo, đi vòng đến ghế Franck rồi bắt đầu dán hai cẳng tay hắn vào tay ghế. Rồi anh ta quấn băng quanh ngực hắn vào lưng ghế, rồi đến lượt hai bàn chân, cọc ghế và bánh xe. Đoạn anh ta cầm súng lên lại. Một ý nghĩ kỳ lạ thoáng qua đầu Franck: lẽ ra hắn phải khiếp sợ hơn. Gã thanh niên đã giết Agnete Iversen, Kalle, Sylvester, Hugo Nestor. Hắn không nhận ra mình sắp chết sao? Có lẽ khác nhau là ở chỗ hắn ở đây an toàn trong văn phòng riêng tại Staten và đang giữa ban ngày. Hắn đã thấy gã thanh niên lớn lên trong chính nhà tù của hắn -

trừ vụ xô xát với Halden đó ra - anh ta chưa từng tỏ ra có thiên hướng hay khả năng dùng vũ lực nào.

Gã thanh niên lục khắp các túi của Franck rồi lấy ra ví và chìa khóa xe.

“Porsche Cayenne,” gã thanh niên đọc to trên chìa khóa. “Đây là xe đắt tiền so với công chức, không phải sao?”

“Mày muốn gì?”

“Tôi muốn có câu trả lời cho ba câu hỏi đơn giản. Nếu ông cho tôi biết sự thật, tôi sẽ để ông sống. Nếu không, tôi e tôi sẽ phải giết ông.” Anh ta nói vậy bằng giọng điệu gần như tiếc nuối.

“Câu hỏi đầu tiên là, tên và số tài khoản Nestor gửi tiền vào trả cho ông?”

Franck ngẫm nghĩ. Không ai biết về tài khoản này, hẳn muốn nói sao cũng được, bịa ra một tài khoản thì ai mà biết được. Franck mở miệng, nhưng gã thanh niên cắt lời hẳn.

“Nếu tôi là ông thì tôi sẽ suy nghĩ trước khi nói.”

Franck nhìn sững họng sững. Thằng này có ý gì? Chẳng ai có thể khẳng định hay phủ nhận sự tồn tại của tài khoản này. Ngoài Nestor ra không một ai chuyển tiền vào đó. Franck chớp mắt. Có phải thằng này đã ép cung Nestor trước khi giết? Đây là phép thử chẳng?

“Tài khoản mang tên công ty,” Franck nói. “Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dennis, đăng ký tại quần đảo Cayman.”

“Còn số tài khoản?” Gã thanh niên đưa cái gì lên trông như tấm danh thiếp ngả vàng. Phải thằng này đã ghi số Nestor cho vào đó? Nhưng nếu thằng này đang lừa thì sao? Anh ta sẽ không thể rút tiền dù cho là Franck đưa anh ta số tài khoản. Franck mở miệng đọc ro ro mấy con số.

“Chậm lại,” gã thanh niên nói, nhìn vào danh thiếp. “Và nói rõ hơn.”

Franck làm theo.

“Vậy thì chỉ còn lại hai câu hỏi,” gã thanh niên nói khi hẳn đọc xong. “Ai giết cha tôi? Và ai là gián điệp nhệ trùng tiếp tay cho Sinh Đồi?”

Arild Franck chớp mắt. Cơ thể hắn biết điều đó. Lúc này nó biết điều đó và đang tuôn tháo mồ hôi khắp mọi lỗ chân lông. Nó hiểu đã đến lúc sợ. Gã thanh niên lại đặt súng xuống, nhưng rút ra con dao. Cái hung khí cong cong, chết chóc và kinh tởm của Hugo Nestor.

Franck thét lên.

“Giờ thì tôi hiểu rồi,” Simon nói khi bỏ điện thoại vào túi áo khoác và lái xe ra khỏi đường hầm tiến vào ánh đèn trên Bjorvika và vịnh Oslo.

“Hiểu gì?” Kari hỏi.

“Một nhân viên tiếp tân ca đêm tại Plaza vừa gọi báo cảnh sát là người bị truy nã để thẩm vấn đã ở một đêm trong phòng suốt của họ. Theo tên Fidel Lae.

Họ cũng đã tìm thấy một người đàn ông khác bị trói vào chậu rửa mặt trong phòng khi có mấy người khách phàn nàn về tiếng ồn. Khi được cởi trói thì người này bỏ đi ngay. Khách sạn cũng đã kiểm các camera ở cửa thì thấy Lofthus đi vào cùng với Hugo Nestor và người về sau họ tìm thấy trong phòng.”

“Ông vẫn chưa cho tôi biết ông hiểu gì.”

“Ồ, phải rồi. Làm sao ba tên ở Enerhauggata biết ta sắp đến tìm chúng. Theo sổ trực đêm tại khách sạn, người bị trói tay rời Plaza đúng lúc ta đang túc trực bên ngoài địa chỉ buôn người. Hắn đã gọi báo trước cho cả bọn là Nestor đã bị bắt nên chúng bắt đầu cho sơ tán mọi vị trí sơ hở phòng khi Nestor khai ra chúng. Chúng biết chuyện gì đã xảy ra cho Kalle, đúng không nào? Nhưng đúng lúc chúng định chở mấy cô gái trong xe tải đi thì nhận ra ta ở đó rồi. Nên chúng quyết định chờ cho ta quay đi. Hay chờ ta vào nhà, để chúng chạy đi không ai hay biết.”

“Ông đã nghĩ rất nhiều về chuyện này, phải không?” Kari hỏi. “Là làm sao chúng biết ta sắp đến.”

“Có lẽ,” Simon nói, rẽ về hướng trụ sở cảnh sát. “Nhưng giờ thì tôi biết rồi.”

“Ông đã biết chuyện đó xảy ra như thế nào,” Kari chỉnh ông. “Ông có định cho tôi biết lúc này ông đang nghĩ gì không?”

Simon nhún vai. “Là ta phải tìm được Lofthus trước khi cậu ta phá thêm nữa.”

“Gã đó cũng ngộ thật,” Morgan Askoy nói với người đồng nghiệp hơn tuổi khi họ đi dọc hành lang rộng. Các cửa xà lim đang rộng mở, sẵn sàng cho đi kiểm tra buổi sáng. “Sorensen, tên anh ta. Anh ta vừa mới đi lại cạnh tôi.”

“Không thể nào là anh ta được,” đồng nghiệp nói. “Chỉ có một Sorensen bên chái A mà anh ta thì đang nghỉ ốm.”

“Ừa, là anh ta mà. Tôi thấy thẻ tên trên đồng phục.”

“Nhưng vài ngày trước tôi có nói chuyện với Sorensen - anh ta vừa nhập viện lại.”

“Vậy thì anh ta bình phục nhanh chóng thật.”

“Lạ quá. Anh nói anh ta mặc đồng phục hả? Không thể là Sorensen được, anh ta ghét đồng phục; bao giờ cũng thay đồ ở đây rồi cất trong tủ. Vì vậy Lofthus mới trộm được.”

“Tên phạm nhân bỏ trốn sao?”

“Phải. Anh có thích thú công việc của mình không, Askoy?”

“Có chứ.”

“Tốt. Nhớ là nghỉ phép đúng kỳ, đừng ham làm tăng ca cho lắm vào.”

Họ bước thêm sáu bước nữa rồi cả hai mới dừng phắt lại ngậy nhìn nhau.

Người này thấy người kia trố mắt.

“Gã đó trông ra sao?” đồng nghiệp của anh kêu lên.

“Lofthus trông ra sao?” Morgan kêu lên.

Franck thở phì phì qua mũi. Tiếng thét của hắn nghẹt lại vì bị bàn tay gã thanh niên bịt lên miệng. Anh ta đá hất giày hắn đi, tháo tất ra nhét vào miệng Franck rồi dán băng keo lại. Gã thanh niên cắt bỏ bởi băng keo trên tay ghế bên phải vừa đủ cho mấy ngón tay Franck cầm được cây bút anh ta đưa hắn và rướn tới tờ giấy nằm ngay mép bàn.

“Trả lời tôi đi.”

Franck viết.

Không biết.

Rồi hắn buông cây bút ra.

Hắn nghe thấy tiếng sột soạt khi băng keo bị xé đôi, ngửi thấy mùi hồ trên mặt băng dính trước khi anh ta dán lỗ mũi hắn và chặn mất không khí. Cơ thể Franck đã nằm ngoài tầm kiểm soát của hắn, giật và gập lại trong ghế. Uốn éo và quăn quại. Nhảy nhót cho thẳng chết tiệt đó xem áp suất trong đầu hắn tăng lên, chẳng mấy chốc nó sẽ vỡ tung. Hắn đã sẵn sàng chết thì thấy thanh niên gí mũi bút lên băng keo kéo căng trên lỗ mũi hắn.

Thanh niên chọt vào và lỗ mũi bên trái của Arild Franck hít hà không khí trong khi những giọt nước mắt nóng hổi đầu tiên lăn dài xuống má.

Gã thanh niên lại đưa cây bút cho hẳn. Franck chăm chú vào viết.

Xin rủ lòng thương. Tôi sẽ cho cậu biết tên gián điệp nhị trùng nếu tôi biết.

Gã thanh niên đọc. Nhắm mắt và nhăn mặt như thể đau đớn tột cùng. Anh ta xé một miếng băng keo nữa.

Điện thoại trên bàn bỗng reo. Franck khấp khởi nhìn chăm chăm. Số lẻ của văn phòng sáng lên trên màn hình. Đó là Goldsrud, giám sát ca. Nhưng gã thanh niên cứ mặc kệ và hết sức chăm chú dán băng lại ngang lỗ mũi Franck. Thế là Franck lại cảm thấy cái run rẩy đi cùng cơn hoảng loạn. Nó gần như khiến hẳn tự hỏi mình đang khóc hay cười.

“Không thấy phó giám thị nghe máy,” Geir Goldsrud nói và cúp máy. “Ina cũng không có đó - cô ta sẽ nghe máy nếu ông ấy không nghe. Nhưng trước khi làm phiền đến phó giám thị, ta hãy kiểm tra lại chuyện này một lần nữa. Các anh nói người các anh thấy tự nhận là Sorensen và anh ta trông giống hẳn..”

Goldsrud chỉ đến màn hình TV mà anh đã đưa hình của Sonny Lofthus lên.

“Không phải là trông giống hẳn!” Morgan khẳng khẳng. “Đó là hẳn, tôi nhắc lại.”

“Bình tĩnh đi,” đồng nghiệp lớn tuổi hơn nói.

“Anh nói thì dễ lắm,” Morgan khịt mũi. “Gã này bị truy nã vì sáu vụ án mạng thôi mà.”

“Để tôi gọi di động cho Ina và nếu cô ta không biết sếp đâu, ta sẽ bắt đầu tự mình lục soát. Nhưng tôi không muốn có sự hoảng loạn nào cả, hiểu chưa?”

Morgan nhìn đồng nghiệp rồi lại nhìn qua giám sát ca. Khoảng cách dẫn đến hoảng loạn ở họ ngắn hơn ở bản thân Morgan. Cá nhân anh thì anh chỉ

cảm thấy háo hức. Thật sự háo hức. Một phạm nhân, đột nhập vào Staten, sao lại có thể có chuyện đó được?

“Ina?” Goldsrud gần như gào vào điện thoại và Morgan thấy được nỗi nhẹ nhõm trên mặt anh ta. Thật hào hứng khi tố cáo giám sát ca đang cố trốn tránh trách nhiệm, nhưng làm quản lý cấp giữa hẳn là tồi tệ lắm, chịu trách nhiệm trước phó giám thị cơ mà. “Chúng tôi cần gặp Franck ngay lập tức! Ông ấy đâu?”

Morgan thấy nỗi nhẹ nhõm nhường chỗ cho vẻ ngơ ngác rồi đến kinh hoàng.

Goldsrud bấm tắt cuộc gọi.

“Thế... ?” Đồng nghiệp lớn tuổi hơn mở miệng.

“Cô ta nói ông ấy đang có khách trong văn phòng,” Goldsrud nói, đứng lên đi lại chỗ mấy tủ cất súng ở đầu kia phòng. “Một người tên Sorensen.”

“Vậy giờ ta làm cái gì?” Morgan hỏi.

Goldsrud tra chìa vào ổ, xoay rồi mở tủ súng. “Cái này,” anh ta nói.

Morgan đếm được mười hai khẩu súng trường.

“Dan và Harald, các anh đi với tôi!” Goldsrud gào lên và Morgan không còn phát hiện thấy dấu vết ngơ ngác, kinh hoàng hay sợ trách nhiệm nào nữa trong giọng anh ta. “Đi thôi!”

Simon và Kari đang đứng bên thang máy trong sân trụ sở cảnh sát thì điện thoại ông reo.

Đó là Viện Pháp y.

“Chúng tôi đã có kết quả ADN từ mấy bàn chải đánh răng của ông.”

“Tuyệt,” Simon nói. “Và tỉ số hết hiệp một là?”

“Tôi phải gọi đó là ba mươi giây trước khi còi thổi thì hơn. Xác suất là hơn chín mươi lăm phần trăm.”

“Cho cái gì?” Simon nói và thấy cửa thang máy mở ra.

“Chúng tôi đã tìm thấy trong cơ sở dữ liệu ADN của chúng tôi một mẫu trùng khớp phần nào với nước bọt từ hai bàn chải. Điều thú vị nơi mẫu trùng khớp là nó không thuộc một tội phạm hay một sĩ quan cảnh sát, nó khớp với nạn nhân một vụ án mạng. Cụ thể hơn, nó chứng tỏ là ai dùng mấy bàn chải này đi nữa thì cũng có quan hệ gần với nạn nhân.”

“Tôi đã nghĩ đến điều đó,” Simon nói, vào thang máy. “Mấy bàn chải này của gia đình Iversen. Tôi để ý thấy chúng bị thiếu mất trong phòng tắm nhà Iversen sau vụ án mạng. Mẫu ADN khớp với Agnete Iversen, phải không?”

Kari nhìn nhanh qua Simon đang đắc thắng đưa một tay lên.

“Không,” giọng từ Viện Pháp y đáp.

“Chúng tôi vẫn chưa thực sự có ADN của Agnete Iversen tải lên hệ thống.”

“Ừa? Vậy làm sao...”

“Đây là một nạn nhân không nhận dạng được.”

“Anh có thể chứng minh có mối liên hệ giữa hai bàn chải với một nạn nhân án mạng không nhận dạng được sao? Không nhận dạng được?”

“Không nhận dạng được. Một người nữ rất trẻ và đã chết từ lâu.”

“Trẻ thế nào?” Simon hỏi và nhìn chăm chăm cửa thang máy bắt đầu khép lại.

“Trẻ hơn chúng tôi thường có được.”

“Nói lại xem?”

“Một cái thai bốn tháng.”

Nhào Simon cố hết sức xử lý thông tin này. “Agnete Iversen phá thai muộn, phải vậy không?”

“Không.”

“Không phải? Vậy thì ai - khi thật!” Simon nhắm mắt và ghì trán vào vách thang máy.

“Ông bị mất sóng?” Kari hỏi.

Simon gật.

“Ta ra khỏi thang máy ngay thôi mà,” cô nói.

Gã thanh niên đang đục hai lỗ trên băng keo. Dưới mỗi bên mũi một lỗ. Vậy là Arild Franck hít thêm vài giây sự sống vào phổi. Hắn chỉ muốn mỗi một điều là sống. Và đó là bản năng duy nhất cơ thể hắn nghe lời.

“Vậy, ông có muốn cho tôi cái tên không?” Gã thanh niên thấp giọng hỏi.

Franck thở phì phì; hắn ước gì có lỗ mũi rộng hơn, khí quản rộng hơn để đón nhận không khí ngon lành, ngọt ngào này. Hắn nghe ngóng tìm những âm thanh cho hắn biết đang có người đến giúp, giải cứu hắn trong khi vẫn lắc đầu, cố ra dấu bằng cái lưỡi khô khốc đằng sau chiếc tất, đôi môi sau băng keo, rằng hắn không có tên nào, không biết gián điệp nhị trùng là ai, rằng hắn đang cầu xin tha thứ. Được tha. Được tha thứ.

Thế rồi hắn chết trân khi thấy gã thanh niên dừng trước mặt và đưa dao lên.

Franck không cục cựa được, chân tay đều đã bị dán xuống. Mọi thứ. . Con dao hạ xuống. Con dao găm cong cong, góm guốc của Nestor. Đầu Franck rướn lên trên cái nệm cổ, toàn thể các cơ đều căng lên và hắn thét không thành tiếng khi thấy máu từ người mình phọt ra.

Ghi chú:

1. NRK, TV2: Tập đoàn Truyền thông Na Uy và Đài Truyền hình Na Uy.

“Hai,” Goldsrud nói khẽ.

Mấy người đàn ông đứng đó, vũ khí đã sẵn sàng, lắng nghe sự im ắng đằng sau cửa văn phòng phó giám thị.

Morgan thở phào. Giờ nó sắp xảy ra. Đây là khoảnh khắc mà cuối cùng anh cũng được tham gia, cái anh vẫn mơ ước từ hồi còn bé. Anh sắp tóm ai đó. Có lẽ thậm chí còn...

“Ba,” Goldsrud thì thào.

Rồi anh ta vung búa tạ. Nó trúng cái khóa trên cửa và vụn gỗ từ khung bay ra rồi Harald, người cao nhất trong đám, lách qua cửa. Morgan bước vào, khẩu súng trường đưa ngang ngực và bước hai bước sang trái như Goldsrud đã chỉ thị. Trong phòng chỉ có một người. Morgan nhìn chăm chặp người đàn ông ngồi nơi ghế với máu trên ngực, cổ họng và cằm. Chúa ơi, nhiều máu quá. Morgan cảm thấy đầu gối bủn rủn như thể bị tiêm một loại thuốc nào đó. Anh không được như vậy! Nhưng nhiều máu quá! Người ngồi nơi ghế run bần bật, co giật như đang bị xử tử bằng điện. Mắt ông ta trừng trừng nhìn họ, điên loạn, lồi lên như ông ta là cá dưới đại dương.

Goldsrud bước tới hai bước và xé băng keo trên miệng người này ra.

“Sếp bị thương ở đâu, thưa sếp?”

Người đàn ông há miệng, nhưng không phát ra tiếng nào. Goldsrud thò hai ngón tay vào lồi ra chiếc tất đen. Nước bọt từ miệng người này tứa ra và Morgan nhận ra giọng của phó giám thị Arild Franck khi hấn la lên: đuổi theo hấn! Không được để hấn thoát!

“Chúng tôi cần biết xem sếp bị thương ở đâu và ngăn..” Goldsrud định xé toang áo của sếp, nhưng Franck gào lên: “Khóa hết đồng cửa chết tiệt lại, hãn thoát mất! Hãn lấy chìa khóa xe tao rồi! Cả mũ đồng phục của tao!”

“Bình tĩnh đi, sếp,” Goldsrud nói khi cắt băng keo nơi tay ghế. “Hãn mắc bẫy rồi; hãn sẽ không qua được mấy bộ cảm biến nhận dạng dấu tay đâu.”

Franck thịnh nộ quắc mắt với anh ta và đưa bàn tay đã cởi trói lên. “Ồ có chứ, hãn sẽ qua được!”

Morgan lão đảo ra sau và phải dựa vào tường cho vững. Anh cố, nhưng không thể rời mắt khỏi máu đang túa ra từ nơi đáng ra phải có ngón trỏ của phó giám thị Arild Franck.

Kari theo Simon ra khỏi thang máy rồi đi dọc hành lang đến văn phòng không gian mở.

“VẬY LÀ,” cô nói, cố hiểu thông tin. “Ba bàn chải gửi đến cho ông theo đường bưu điện cùng mẫu thư từ ai đó tên ‘S’ nói phải đem chúng đi kiểm ADN?”

“Phải,” Simon nói khi bấm nút điện thoại.

“Và hai bàn chải có ADN chứng minh mối liên hệ gia đình với một đứa trẻ chưa ra đời? Một đứa trẻ chưa ra đời được lưu trong hồ sơ là nạn nhân một vụ án mạng?”

Simon gật trong khi đưa ngón tay lên miệng ra dấu là ông đã nói máy lại được. Khi ông nói, tiếng nói to, rõ và ông đã mở điện thoại sang chế độ loa.

“Lại là Kefas đây. Đứa trẻ là ai, vì sao nó chết, và mối quan hệ gia đình thế nào?”

Ông đưa điện thoại lên giữa họ để Kari cùng nghe.

“Chúng tôi không biết người mẹ hay đứa bé là ai, chúng tôi chỉ biết là người mẹ đã chết - hay bị giết - do dùng quá liều ở trung tâm Oslo. Trong sổ đăng ký cô ta chỉ được ghi lại là ‘không nhận diện được’.”

“Chúng tôi có biết về vụ này,” Simon nói, rửa thềm. “Châu Á, có lẽ Việt Nam. Và có lẽ là nạn nhân của bọn buôn người.”

“Đó là đội của ông, Kefas. Đứa bé, hay cái thai, chết vì mẹ nó chết.”

“Tôi hiểu rồi. Vậy ai là cha đứa bé?”

“Bàn chải đỏ.”

“Cái... màu đỏ?”

“Phải.”

“Cảm ơn,” Simon nói rồi tắt máy.

Kari đi lại máy pha cà phê để lấy cà phê cho cả hai. Khi cô quay lại, Simon đang có cuộc gọi khác mà theo giọng nhỏ nhẹ của ông thì cô đoán là với Else.

Khi ông cúp máy, ông có vẻ mặt mà khi quá độ tuổi nào đó một số người sẽ bỗng chốc biểu hiện nó trong vài giây, như thể cái gì đó vừa đi qua họ, như thể họ có khả năng tan thành cát bụi ngay tại chỗ. Kari đã định hỏi tình hình thế nào, nhưng quyết định để yên vậy.

“Vậy...” Simon nói, cố ra vẻ vui. “Ta nghĩ ai là ông bố đây? Iver cha hay con?”

“Chúng ta không nghĩ,” Kari nói. “Ta biết.”

Simon ngạc nhiên nhìn cô giây lát. Thấy cô thông thả lắc đầu. Rồi ông nheo mắt, cúi đầu và lẩn tay qua đầu như để vuốt thẳng chút tóc nào ông

còn.

“Tất nhiên,” ông nói khẽ. “Hai bàn chải. Chắc là tôi đang lão hóa đi rồi.”

“Tôi sẽ đi kiểm tra xem ta có gì về Iver,” Kari nói.

Khi cô đi rồi, Simon bật máy tính và mở hộp thư.

Có người gửi cho ông một tập tin âm thanh. Gửi từ điện thoại, có vẻ vậy.

Chưa bao giờ có ai gửi tập tin âm thanh cho ông.

Ông mở tập tin và bấm nút chạy.

Morgan nhìn phó giám thị sôi sục đứng giữa phòng điều khiển. Ông ta đã quần gạc quanh chỗ cụt trên bàn tay, nhưng xua đi yêu cầu khẩn thiết của người hộ lý là nằm xuống nghỉ.

“Vậy là anh nhắc thanh chắn và cứ để hung thủ chạy thẳng ra? !” Franck gầm lên.

“Hắn lái xe của sếp,” nhân viên bảo vệ nói, lau mồ hôi trán. “Hắn đội mũ đồng phục của sếp.”

“Nhưng đó không phải tôi!” Franck rú lên.

Morgan không biết có phải vì Franck bị huyết áp cao, nhưng chất màu đỏ gây buồn nôn đang rỉ qua gạc trắng và Morgan lại thấy muốn xỉu.

Một điện thoại kể màn hình reo. Goldsrud cầm lên nghe.

“Họ đã tìm thấy ngón tay,” anh ta nói, đưa tay che miệng loa. “Chúng tôi sẽ chở sếp lên Bệnh viện Ulleval để phẫu thuật, để họ có thể. .”

“Đâu?” Franck cắt ngang lời anh ta. “Họ tìm thấy nó đâu?”

“Ngay trên bảng đồng hồ xe Porsche của sếp. Nó đậu song song ở Granland.”

“Tìm hẩn đi! Tìm hẩn!”

Tor Jonasson nắm lấy cái tay nắm trên thanh ngang trong tàu điện. Lầm bầm xin lỗi khi va phải một người đi tàu buổi sang ngái ngủ khác. Hôm nay cậu phải bán được năm chiếc điện thoại. Đó là mục tiêu của cậu. Và khi cậu đứng - hay hy vọng là ngồi - trên tàu chiều nay, cậu sẽ biết mình đã thành công chưa. Và điều đó sẽ làm cậu.. hạnh phúc. Có lẽ.

Tor thở dài.

Cậu nhìn người đàn ông mặc đồng phục đang đứng xoay lưng về phía mình.

Nhạc văng ra từ tai nghe anh ta đang đeo. Sợi cáp dẫn vào tay anh ta cho cậu thấy một điện thoại ở mặt lưng có cái nhãn nhỏ xíu của cửa hiệu nơi Tor làm việc. Tor đổi chỗ để nhìn kỹ nét mặt nghiêng của người này. Cố nhìn kỹ anh ta.

Chẳng phải anh ta là cái gã đã muốn mua pin cho thứ đồ cổ đấy sao? Máy Discman. Tor đã khá tò mò nên tra tìm nó trên mạng. Người ta sản xuất Discman cho đến năm 2000 thì Walkman tương thích với MP3 được phát minh.

Tor đứng sát sau lưng anh ta đến mức nghe được nhạc từ tai nghe qua tiếng bánh xe thép kêu rầm rập của toa tàu, nhưng nó chìm đi khi tàu đi qua một khúc cua và toa tàu kêu ken két.

Nó nghe như một giọng nữ lẻ loi. Nhưng cậu nhận ra giai điệu:

“Anh vẫn luôn là người yêu của nàng...” Leonard Cohen.

Simon ngò vực nhìn chăm chăm biểu tượng tập tin âm thanh. Chỉ mất vài giây là ông đã nghe hết. Ông bấm chạy lần nữa.

Không nghi ngờ gì nữa, đó là giọng ban đầu ông nghĩ. Nhưng ông không hiểu nó là về chuyện gì.

“Ông đang làm gì đấy? Dò xố số hả?”

Simon quay lại. Sissel Thou đang đi tuần buổi sáng và lo đố mấy sọt rác.

“Đại loại vậy,” Simon nói và bấm nút dừng khi bà lấy cái sọt dưới bàn ông và đổ vào xe đẩy.

“Anh đang ném tiền đi đấy, Simon, xố số là dành cho những kẻ may mắn.”

“Vậy bà không nghĩ đó là ta sao?” Simon nói trong lúc vẫn nhìn chăm chăm màn hình máy tính.

“Cứ nhìn cái thế giới mà ta tạo ra ấy,” bà nói.

Simon ngả người ra ghế và dụi mắt. “Sissel này?”

“Gì?”

“Một thiếu phụ bị giết và giờ hóa ra cô ta có thai. Nhưng tôi không nghĩ kẻ giết sợ cô ta, tôi nghĩ hấn sợ đứa con của cô ta.”

“Ừ hử.”

Im lặng.

“Đó là câu hỏi sao, Simon?”

Simon ngả đầu ra miếng nệm dựa cổ. “Nếu bà biết bà đang mang thai đứa con của quý, bà có tiếp tục sinh nó ra không, Sissel?”

“Ta đã nói chuyện này rồi, Simon.”

“Tôi biết, nhưng bà đã nói sao?”

Bà nhìn ông quở trách. “Tôi đã nói đáng buồn là thiên nhiên không cho người mẹ tội nghiệp chọn lựa nào, Simon. Hay người cha, cũng vậy.”

“Tôi tưởng ông Thou bỏ bà?”

“Tôi đang nói về anh đấy, Simon.”

Simon lại nhắm mắt. Ông chậm rãi gật. “Vậy ta là nô lệ cho tình yêu. Và ta được cho ai để yêu, đó cũng là số. Phải bà muốn nói vậy không?”

“Thật tàn nhẫn, nhưng nó là vậy đấy,” Sissel tuyên bố.

“Còn thần thánh thì cười,” Simon nói.

“Có lẽ, nhưng trong lúc này thì phải có người dọn dẹp cái mớ lộn xộn dưới đây.”

Simon nghe tiếng bước chân bà nhỏ dần. Rồi ông chuyển tập tin âm thanh từ máy tính sang điện thoại di động, đến nhà vệ sinh dành cho nam giới, vào một phòng nhỏ và mở lại đoạn ghi âm.

Sau khi nghe hai lần thì cuối cùng ông cũng đã hiểu mấy con số nghĩa là gì.

Phần 4

33

Dưới nắng Simon và Kari băng qua Radhusplassen hơi quá rộng, hơi quá trống trải, và hơi quá mùa hè yên tĩnh.

“Mô tả của Fidel Lae đã giúp ta tìm được chiếc xe thuê,” Kari nói. “Nó đã được trả lại, nhưng may là vẫn chưa chùi rửa. Pháp y tìm thấy vết bùn khớp với bùn trên đường dẫn tới trại chó. Vậy mà tôi đã nghĩ bùn chỉ là bùn.”

“Mỗi loại bùn đều có tỉ lệ khoáng chất riêng của nó,” Simon nói. “Thuê bằng tên gì?”

“Sylvester Trondsen.”

“Hắn là ai?”

“Một người đàn ông ba mươi ba tuổi sống bằng trợ cấp thất nghiệp. Không tìm được hắn tại địa chỉ đăng ký. Hắn bị hai bản án cho tội hành hung. Các cảnh sát của ta nói hắn cùng hội với Nestor.”

“OK.” Simon dừng trước một lối vào giữa hai cửa hiệu nhỏ. Cánh cửa cao rộng báo hiệu sự kiên cố và vẻ nghiêm nghị. Ông bấm chuông một phòng tầng ba. “Còn gì nữa không?”

“Một người trợ trong Trung tâm Ila khai với cảnh sát là trông như gã mới đến ở phòng 323 và phó giám đốc đang rất tâm đầu ý hợp.”

“Martha Lian?”

“Hôm nọ họ thấy hai người ngồi chung xe chạy khỏi trung tâm.”

“Công ty Bất động sản Iversen,” một giọng nói vọng qua mấy lỗ nơi tấm đồng thau bên trên chuông cửa.

“Tôi muốn cô chờ ở tiếp tân trong khi tôi nói chuyện với Iversen,” Simon nói khi thang máy của họ đi lên.

“Tại sao?”

“Vì tôi có thể phạm luật chút đỉnh nên tôi không muốn kéo cô vào.”

“Nhưng mà...”

“Tôi rất tiếc, nhưng thực ra thì đó là lệnh, cô biết vậy mà.”

Kari nhướn mày, nhưng không nói gì.

“Iver,” cậu thanh niên tự giới thiệu khi đến gặp họ ở tiếp tân. Cậu ta bắt chặt tay Simon trước rồi đến Kari. “Các vị đến đây gặp cha tôi.”

Có gì đó ở chàng thanh niên mách Simon rằng ngày trước cậu ta thường tươi cười và dễ tính, rằng cậu ta chưa từng trải qua cái đau và nỗi buồn Simon đọc thấy trong đôi mắt dưới mái tóc mềm. Ông đoán vì vậy mà chàng trai trông như mất hồn và bối rối.

“Lỗi này.” Hẳn cha cậu ta đã cho cậu ta biết họ là sĩ quan cảnh sát nên, cũng như người cha, cậu ta nghĩ họ đến vì cuộc điều tra vụ án mạng của mẹ.

Văn phòng có cảnh nhìn ra Vestbanen và vịnh Oslo. Cạnh cửa là tủ kính trưng bày có mô hình chi tiết tòa nhà chọc trời hình thù như chai Coca-Cola.

Ông bố trông như một bản sao già hơn của cậu con trai. Cũng mái tóc mềm, làn da mịn, khỏe mạnh, cái nhìn tươi tắn nhưng nhẹ nhàng trong mắt. Cao, đáng đẹp, cảm sẵn chắc, một người nhìn thẳng vào mắt ta, thân thiện,

nhưng có sự thách đố đùa cợt, trai trẻ. Có gì đó an tâm, vững chãi kiểu dân phía Tây Oslo ở típ người này, Simon nghĩ, như thể họ từ một khuôn đúc ra; du kích kháng chiến, dân thám hiểm cực địa, đội đi thuyền Kon-Tiki, ủy viên cảnh sát.

Iver cha mời Simon ngồi rồi ngồi xuống sau bàn làm việc bên dưới bức hình đen trắng cũ chụp một khối căn hộ nhất định là Oslo khoảng cuối thế kỷ mười chín đầu thế kỷ hai mươi, nhưng trong thoáng chốc Simon không xác định được vị trí của nó.

Simon chờ đến khi cậu con trai Iver rời văn phòng rồi vào đề ngay.

“Mười hai năm trước người ta phát hiện một cô gái chết trong sân sau tại Kvadraturen ở Oslo. Khi được tìm thấy cô ta trông thế này.”

Simon để tấm hình lên bàn Iversen rồi cẩn thận theo dõi mặt nhà đầu tư bất động sản khi hắn ta nhìn thấy tấm hình. Không có phản ứng gì nhiều.

“Một thanh niên tên Sonny Lofthus đã nhận tội giết,” Simon nói.

“Tôi hiểu.” Vẫn không có phản ứng.

“Khi được tìm thấy thì cô gái đang có thai.”

Giờ thì đã có phản ứng. Lỗ mũi phình ra, đồng tử giãn ra.

Simon chờ ít giây rồi mới tung đợt tấn công thứ hai.

“Chứng cứ ADN từ bàn chải lấy nhà ông chứng minh ai đó trong gia đình ông là cha của đứa trẻ chưa ra đời.”

Động mạch nơi cổ hắn ta phình lên, mặt biến sắc, chớp mắt không kiểm chế được.

“Bàn chải màu đỏ là của ông, Iversen, đúng không?”

“Làm sao... làm sao mà ông... ?”

Simon nhoen cười nhìn xuống hai bàn tay. Tôi còn một nhân viên thuộc cấp, cô ấy đang chờ ở tiếp tân. Đầu óc cô ta nhanh nhẹn hơn đầu óc tôi một chút. Cô ấy là người đầu tiên rút ra kết luận hợp lý, đơn giản là khi ADN trên hai trong ba bàn chải nhà Iversen cho thấy mối liên hệ với cái thai, thì người con trai trong nhà không thể là cha. Nếu vậy thì cả ba thành viên trong gia đình sẽ có quan hệ với bào thai. Nên nó chỉ có thể là người đàn ông kia. Ông.”

Nước da khỏe mạnh của Iver Iversen nhợt nhạt rồi mất hẳn sức sống.

“Có lẽ rồi ông sẽ thấy chuyện như vậy xảy ra với mình khi ông già như tôi,”

Simon nói để an ủi hẳn. “Đầu óc họ nhanh hơn ta nhiều, mấy thanh niên này.”

“Những...”

“ADN là vậy đấy. Nó không chừa nhiều chỗ cho những cái nhưng...”

Iversen mở miệng ra, đồng thời, theo lệ hẳn gượng cười nhếch mép. Trong một cuộc chuyện trò lúng túng thì hiển nhiên đây là lúc hẳn thường đem đến cái gọi là pha trò cho đỡ căng thẳng, một câu xí xỏa. Phải, chính là nó, cái gió để thấy đỡ nguy hiểm. Nhưng không có gì cả. Ở đó không có gì.

“Giờ thì già già cả lạc hậu này...” trước mặt hẳn Simon gõ ngón tay lên trán, “... chậm hơn một chút, nhưng đi xa hơn một chút. Và điều đầu tiên hẳn ta nghĩ là một người đàn ông có vợ như ông có động cơ rõ ràng hơn ai hết để khử một phụ nữ có thai và rất có thể sẽ gây phiền phức. Ông không đồng tình sao?”

Iversen không đáp, nhưng cảm thấy yết hầu hẳn đáp thay.

“Cảnh sát đã đưa hình cô này cho báo chí để hỏi xem có ai biết danh tính cô ta. Và khi người tình của cô ta và người cha của con cô ta vẫn câm như hến, thậm chí một tin báo nặc danh cho cảnh sát cũng không, điều đó khiến nó thêm đáng ngờ. Ông không đồng tình sao?”

“Tôi đã không biết...” hắn mở lời, nhưng dừng. Đã thấy hối tiếc điều đó. Và rồi tiếc đã để lộ quá rõ là hắn tiếc chuyện đó.

“Ông không biết cô ta có thai sao?” sĩ quan cảnh sát hỏi.

“Không!” Iversen nói, khoanh tay trước ngực. “Ý tôi là, tôi không... tôi không biết gì về chuyện này. Giờ tôi muốn gọi cho luật sư riêng.”

“Rõ ràng ông có biết gì đó. Nhưng thực ra thì tôi tin ông khi ông nói không biết hết mọi chuyện. Tôi nghĩ vợ ông, Agnete, là người biết mọi chuyện. Ông nghĩ sao?”

Kefas. Chánh thanh tra, chẳng phải ông ta tự giới thiệu vậy sao? Iver Iversen với tay lấy điện thoại.

“Cái tôi nghĩ là ông không có bằng chứng và cuộc gặp này đã xong, ông Kefas.”

“Ông đúng về điều trước, nhưng sai về chuyện sau. Cuộc gặp này chưa xong vì ông phải biết mình đang chặn những lối thoát nào nếu cầm điện thoại đó lên, Iversen. Cảnh sát không có chứng cứ nào buộc tội vợ ông, nhưng người bắn chết bà ta thì rõ ràng là có.”

“Mà sao có thể vậy được?”

“Vì anh ta là kẻ giơ đầu chịu báng và cha xưng tội cho bọn tội phạm trong thành phố này mười hai năm trời. Anh ta biết hết.” Kefas chồm người tới trước trong ghế và cứ mỗi chữ lại chọt ngón tay lên bàn một lần. “Anh ta

biết rằng Kalle Farrisén giết hại cô gái và Agnete Iversen đã trả tiền cho hắn làm vậy.

Anh ta biết điều này bởi anh ta vào tù vì vụ án mạng Kalle gây ra. Chuyện anh ta vẫn chưa đi tìm ông là lý do duy nhất tôi tin có thể ông vô tội. Cứ làm đi, cầm điện thoại lên và rồi chúng tôi sẽ làm theo luật. Tức là, bắt ông với tội vô danh đồng phạm, kể cho phương tiện truyền thông mọi thứ chúng tôi biết về ông với cô gái, giải thích với các đối tác làm ăn của ông là ông sẽ đi xa một thời gian, cho con trai ông biết rằng... chà, ông muốn chúng tôi nói với con trai ông thế nào đây?”

Nói gì với con trai của hắn ta. Simon chờ. Để nó thấm vào. Điều đó quan trọng cho cái sắp xảy đến. Để nó bắt rễ. Để Iversen từ từ hiểu ra tầm vóc lớn lao của câu chuyện, những hậu quả. Cởi mở trước các chọn lựa khác mà mới hai phút trước thôi đã là không thể. Như chính Simon đã phải làm. Và chuyện ấy đã đẩy ông tới đây, tới chuyện này.

Simon thấy bàn tay Iversen buông rơi và nghe một giọng khản đặc, run run:

“Ông muốn gì?”

Simon ngồi thẳng người lên. “Giờ ông nói tôi nghe tất cả. Nếu tôi tin ông thì ắt không có gì nhiều xảy ra. Suy cho cùng, Agnete cũng bị trừng phạt rồi.”

“Bị trừng phạt? !” Mắt người đàn ông góa rục lên, nhưng ngọn lửa tắt rụi khi gặp cái nhìn lạnh băng của Simon.

“Thôi được. Agnete với tôi, chúng tôi... không có nhiều từ cuộc hôn nhân.

Không theo kiểu ấy. Một cộng sự có vài cô gái. Châu Á. Tôi đã gặp Mai như vậy. Cô ấy... có cái gì đó, cái gì đó tôi cần. Không phải tuổi thanh xuân hay sự ngây thơ và những thứ như vậy, mà một... sự đơn độc trong đó tôi nhận ra chính mình.”

“Cô ta là người bị giam giữ, Iversen. Cô ta bị bắt cóc đem đi khỏi nhà và gia đình.”

Nhà đầu tư bất động sản nhún vai. “Tôi biết, nhưng tôi đã trả cho cô ấy được tự do. Tôi cho cô ấy một căn hộ để chúng tôi gặp nhau. Chỉ có cô ấy và tôi. Rồi một ngày cô ấy bảo tôi cô ấy tắt kinh đã nhiều tháng. Rằng có lẽ cô có thai. Tôi nói cô ấy phải bỏ nó đi, nhưng cô ấy không chịu. Tôi không biết phải làm sao.

Nên tôi hỏi ý Agnete...”

“Ông hỏi vợ ông sao?”

Iversen đưa bàn tay lên xoa đi. “Phải, tất nhiên. Agnete là người lớn. Cô ấy không phiền gì khi người khác lãnh lấy phận sự mà chính cô ấy không thích làm. Nói thật thì tôi nghĩ cô ấy thích đàn bà hơn đàn ông.”

“Nhưng bà ta đã cho ông một đứa con trai?”

“Trong gia đình cô ấy họ xem trọng phận sự và cô ấy là người mẹ tốt.”

“Một gia đình cũng đồng thời là chủ bất động sản tư lớn nhất Oslo, có hình ảnh hoàn hảo và một tên tuổi không tì vết mà lại có một đứa con hoang châu Á

thì đơn giản là không tưởng tượng được.”

“Đúng, Agnete là người cố hủ. Và tôi đi hỏi cô ấy vì suy cho cùng thì cô ấy là người nắm quyền.”

“Vì công ty này được gây dựng trên tiền của bà ta,” Simon nói. “Cho nên Agnete quyết định tổng khứ rắc rối. Mọi rắc rối.”

“Làm sao tôi biết chuyện đó được,” Iversen nói.

“Không phải, vì ông không hỏi. Ông để bà ta liên lạc với những kẻ có thể lo việc giùm ông. Và rồi đến lượt chúng phải mua cho mình tên giờ đầu chịu báng khi nhân chứng báo cảnh sát là thấy có người chích cho cô gái trong sân sau.

Phải xóa dấu vết và ông trả.”

Iversen lại nhún vai. “Tôi chẳng giết ai cả, tôi chỉ giữ đúng thỏa thuận phía tôi mà cho ông biết chuyện đã xảy ra. Vấn đề là, về phần mình ông có tuân thủ không?”

“Vấn đề là,” Simon nói, “sao một phụ nữ như vợ ông lại tìm được thứ hạ lưu như Kalle Farrisen.”

“Tôi chưa từng nghe đến tên Kalle Farrisen.”

“Đúng vậy,” Simon nói, xếp hai tay trước mặt. “Nhưng ông biết Sinh Đôi là ai.”

Một khoảnh khắc im phăng phắc trùm xuống căn phòng. Như thể ngay cả xe cộ bên ngoài cũng nín thở.

“Xin lỗi tôi chưa nghe rõ?” Cuối cùng Iversen nói.

“Tôi làm cho Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng nhiều năm,” Simon nói.

“Công ty bất động sản Iversen làm ăn với Sinh Đôi. Các ông đã giúp hẵn rửa tiền từ các hoạt động ma túy và buôn người, đổi lại hẵn cung cấp cho các ông những khoản lỗ ma, để các ông có thể cắt giảm thuế, một con số lên đến hàng trăm triệu krone.”

Iver Iversen lắc đầu. “Tôi sợ rằng tôi không biết về Sinh Đôi nào cả.”

“Ngoài chuyện đúng là ông đang sợ ra thì đó là nói dối,” Simon nói. Tôi có bằng chứng hai người hợp tác với nhau.”

“Ông biết sao?” Iversen nói và chụm mấy đầu ngón tay với nhau. “VẬY sao Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng chưa bao giờ khởi tố tôi?”

“Vì khi tới làm cho Phòng Điều tra người ta đã giặt gấu áo tôi, Simon nói.

“Nhưng tôi biết Sinh Đồi dùng tiền máu mua bất động sản thương mại của ông rồi sau đó bán lại cho ông với giá cao hơn nhiều. Hay ít ra đó cũng là điều giấy tờ nói. Hẳn làm ra vẻ đã tạo được một khoản lợi nhuận cho phép hẳn gửi tiền ma túy vào ngân hàng mà không bị quan chức thuế tra hỏi làm sao hẳn có được.

Và nó đem lại cho ông một khoản lỗ để thấy để ông bù trừ vào các khoản lợi nhuận trong tương lai và do vậy tránh được việc đóng góp cho xã hội. Một tình huống đôi bên cùng có lợi.”

“Một giả thuyết thú vị đấy,” Iversen nói, nhún vai. “Tôi đã nói ông tất cả những gì tôi biết. Còn gì nữa không?”

“Còn. Tôi muốn gặp Sinh Đồi.”

Iversen thở sượng. “Tôi vừa bảo tôi không biết Sinh Đồi nào cả.”

“Simon như khế gặt một mình. “Ông biết gì không? Ở Phòng Điều tra chúng tôi nghe điều đó thường xuyên đến mức mọi người đâm nghi chẳng biết Sinh Đồi có tồn tại không nữa, họ nghĩ hẳn chỉ là truyền thuyết.”

“Tôi thấy có vẻ như hẳn ta đúng là vậy đó, Kefas.”

Simon đứng lên. “Với tôi thì chuyện đó được thôi. Nhưng truyền thuyết không kiểm soát thị trường ma túy và buôn người trong cả thành phố, năm này sang năm khác, Iversen. Truyền thuyết không thủ tiêu phụ nữ đang

mang thai theo yêu cầu của đối tác làm ăn.” Ông cúi người tới, tì cả hai lòng bàn tay lên bàn và thở phì để Iversen ném được hơi thở ông già của mình. “Đàn ông không khiếp sợ đến mức sẵn sàng nhảy khỏi vách đá vì truyền thuyết. Tôi biết hẳn tồn tại.”

Simon đẩy người đứng lên rồi vừa tiến ra cửa vừa vẫy điện thoại. “Tôi sẽ gọi hộp báo ngay khi vào thang máy, nên có lẽ giờ là lúc thích hợp cho cuộc chuyện trò giữa cha và con đó.”

“Chờ đã!”

Simon dừng trước cửa mà không quay lại.

“Tôi sẽ... tôi sẽ xem xem tôi làm được gì.”

Simon lấy danh thiếp ra để trên tủ kính trưng bày tòa nhà chọc trời hình chai Coca-Cola.

“Ông và hẳn có từ giờ đến sáu giờ.”

“Bên trong Staten?” Simon lặp lại khi họ đi xuống thang máy.

“Lofthus tấn công Franck ngay tại văn phòng ông ta?”

Kari gật. “Đó là tất cả những gì tôi biết lúc này. Iversen nói sao?”

Simon nhún vai. “Không có gì. Cũng chẳng có gì lạ, hẳn cứ một hai phải nói chuyện với luật sư trước. Mai ta sẽ phải nói chuyện với hẳn.”

Arild Franck ngồi bên mép giường chờ được đưa vào phòng phẫu thuật. Hẳn mặc áo xanh nhạt của bệnh viện và có vòng tên quanh cổ tay. Trong một tiếng đầu hẳn không cảm thấy đau, nhưng giờ đã bắt đầu đau và chút thuốc tê y tá tiêm cho hẳn chẳng được tích sự gì. Người ta đã hứa chích cho tử tế, nói nó sẽ làm tê cả cánh tay phải ngay trước khi phẫu thuật. Một bác sĩ chuyên về phẫu thuật bàn tay đã ghé lại nói cặn kẽ cho hẳn nghe là thời

nay tiểu phẫu làm được những gì, rằng ngón tay bị đứt rời đã tới bệnh viện, rằng vết cắt ngọt xối, và một khi ngón tay được nối liền lại với đúng chủ, dây thần kinh chắc chắn sẽ liền lại nên trong vài tháng nữa hẳn sẽ dùng được ngón tay cho cả chuyện này lẫn chuyện kia”. Có lẽ anh ta cố pha trò vì hảo ý, nhưng Franck không có tâm trạng đùa để đùa. Nên hẳn đã ngắt lời bác sĩ phẫu thuật và hỏi anh ta cần bao lâu để nối lại ngón tay và khi nào thì hẳn quay lại làm việc được. Thế rồi khi bác sĩ phẫu thuật nói rằng cuộc phẫu thuật sẽ mất vài giờ, anh ta kinh ngạc thấy Franck nhìn đồng hồ rồi khẽ lăm bầm chửi thề.

Cửa mở và Franck ngẩng đầu lên. Hẳn hy vọng đó là bác sĩ gây tê vì giờ không chỉ ngón tay hẳn đang rần rật dữ dội mà cả đầu hàm và toàn thân cũng vậy.

Nhưng đó không phải ai mặc đồ trắng hay xanh lá, mà là người đàn ông cao, mảnh khảnh mặc com lê xám.

“Pontius?” Franck nói.

“Chào Arild. Tôi chỉ muốn xem anh thế nào rồi.”

Franck nheo mắt. Như thế làm vậy hẳn dễ nhận ra hơn lý do thực Ủy viên đến thăm. Parr ngồi xuống giường cạnh hẳn.

Hất đầu về bàn tay băng bó.

“Có đau không?”

“Sẽ ổn thôi mà. Bảo tôi là ông đang tìm hẳn đi?”

Ủy viên nhún vai. “Lofthus đã biệt tăm. Nhưng chúng tôi sẽ tìm ra hẳn. Anh có biết gì về cái hẳn muốn không?”

“Muốn ư?” Franck khịt mũi. “Ai mà biết hẳn muốn gì? Rõ ràng hẳn đang lao mình vào một kiểu thánh chiến loạn trí nào đó.”

“Đồng ý,” Parr nói. “Cho nên vấn đề thật sự là hẳn sẽ ra đòn kế tiếp bao giờ và ở đâu. Hẳn có để lộ cho anh thấy dấu hiệu nào không?”

“Dấu hiệu ư?” Franck rên và hơi co cùi chỏ. “Ví dụ như cái gì?”

“Ắt là hai người đã nói về chuyện gì đó.”

“Hẳn nói. Tôi bị bịt miệng. Hẳn muốn biết gián điệp nhị trùng là ai.”

“Phải, tôi thấy rồi.”

“Ông thấy rồi?”

“Nơi giấy tờ trong văn phòng anh. Hay ít ra là những thứ chưa bị loang đầy máu.”

“Ông đến văn phòng tôi sao?”

“Đây là vụ được ưu tiên hàng đầu, Arild. Kẻ này là tên giết người hàng loạt.

Báo chí sẵn chúng tôi là đã đủ tệ rồi, nhưng giờ đám chính khách cũng bắt đầu can thiệp. Từ này tôi sẽ trực tiếp nhúng tay.”

Franck nhún vai. “OK.”

“Tôi có một câu hỏi...”

“Tôi sắp vào phòng mổ và đang đau thấu xương, Pontius. Không chờ được sao?”

“Không. Sonny Lofthus đã bị thẩm vấn về vụ án mạng Kjersti Morsand, nhưng không nhận có dính líu gì. Có ai cho Lofthus biết rằng chồng bà ta là

nghi phạm số một trước khi chúng tôi tìm thấy tóc của Lofthus tại hiện trường không? Hay rằng chúng tôi đã có chứng cứ cho thấy có thể Yngve Morsand giết bà ta?”

“Làm sao tôi biết được? Ý ông là sao?”

“Ồ, tôi chỉ thắc mắc.” Parr để tay lên vai Franck và hẳn cảm thấy cái đau phóng thẳng xuống bàn tay. “Anh cứ chú tâm vào cuộc phẫu thuật đi.”

“Cảm ơn, nhưng thực sự thì không có gì nhiều mà nghĩ đến cả.”

“Phải,” Parr nói, tháo cặp kính hình chữ nhật ra. “Tôi cho là vậy. Ông ta bắt đầu lau kính vẽ lơ đãng. “Tất cả những gì anh làm là nằm đó trong khi người khác sẽ làm hết mọi chuyện.”

“Vâng,” Franck nói.

“Khi có người chữa cho. Giúp anh lành lặn trở lại.”

Franck nuốt ực.

“Vậy,” Parr nói, đeo kính vào lại. “Anh có cho hẳn biết gián điệp nhị trùng là ai không?”

“Ý ông là, tôi có bảo hẳn đó là cha hẳn không ư? *Ab Lofthus*, ông ta đã tự thú. Tôi mà ghi vậy xuống mảnh giấy, thẳng nhỏ đó đã cửa cổ tôi rồi.”

“Anh đã cho hẳn biết những gì, Arild?”

“Không gì cả? Tôi nói gì với hẳn được đây?”

“Chính xác đó là điều tôi băn khoăn. Tôi đang thắc mắc điều gì khiến thanh niên này chắc chắn là anh có cái thông tin mà hẳn sẵn sàng đột nhập nhà tù để có như vậy.”

“Nó phát cuồng rồi, Pontius. Trước sau gì rồi tên nghiện ma túy nào cũng thành tâm thần cả, ông biết điều đó mà. Gián điệp nhì trùng sao? Lạy Chúa, câu chuyện đó biến mất cùng với Ab Lofthus rồi mà.”

“Vậy anh đã nói gì với hắn?”

“Ý ông là sao?”

“Hắn chỉ chặt của anh một ngón tay. Mấy người kia đều bị giết cả. Anh được tha, hắn là anh đã cho hắn cái gì đó. Đừng quên là tôi hiểu anh, Arild.”

“Cửa mở và hai hộ lý mặc đồ xanh lá tươi cười đi vào. Sẵn sàng đi chưa?”

Một người mỉm cười.

Parr chỉnh lại kính. “Anh không có gan đâu, Arild.”

Simon bước xuôi đường, cúi đầu trước không khí biển đang từ vịnh tràn vào, đi qua Aker Brygge và Munkedamsveien trước khi co lại vì các tòa nhà rồi dồn tụ lại ở Ruselokkveien. Ông dừng bên ngoài nhà thờ đã bị kẹp giữa hai khối căn hộ. Nhà thờ Thánh Paul khiêm nhường hơn những nhà thờ cùng tên ở các thủ đô khác. Một nhà thờ Thiên Chúa giáo ở một xứ Tin Lành. Nó nhìn về ngược hướng, hướng Tây, và cái tháp chuông nhà thờ ở đằng trước thì chỉ một tí gọi là.

Chỉ có bậc tam cấp lên cửa. Nhưng nó luôn mở. Ông biết điều đó vì ông từng đến đây, một chiều muộn giữa cơn khủng hoảng, và đã ngập ngừng trước khi bước lên ba bậc ấy. Chuyện đó là ngay sau khi ông mất sạch, mọi thứ, trước khi tìm thấy sự cứu rỗi ở Else.

Simon lên tam cấp, nhấn tay nắm bằng đồng xuống, mở cánh cửa nặng trịch bước vào. Ông muốn đóng nhanh cửa sau lưng, nhưng lò xo rít kéo trì lại. Ngày ấy nó cũng rít vậy ư? Ông không nhớ, ông đã say khướt. Ông thả

cho cánh cửa khép lại đằng sau, nhích từng tí một. Nhưng ông nhớ cái mùi. Xa lạ. Kỳ quái.

Một bầu không khí tâm linh. Ma thuật và huyền bí, thầy bói và rạp xiếc lưu động. Else ưa thích Thiên Chúa giáo, không phải đạo lý mà đúng hơn là thẩm mỹ học, và đã giải thích cho ông nghe là mọi thứ trong công việc xây cất nhà thờ, thậm chí cả những yếu tố cơ bản nhất như gạch, vữa và cửa sổ kính màu, đều được ban cho tính biểu tượng tôn giáo, đến gần như hài hước. Vậy nhưng cái chủ nghĩa biểu tượng đơn giản này chứa đựng một vẻ trang trọng, một ẩn nghĩa, một bối cảnh lịch sử và đức tin của hàng bao người biết suy nghĩ đến không thể nào bác bỏ. Gian phòng hẹp, sơn trắng bài trí sơ sài với từng dãy bục ngồi dẫn đến một cái bàn thờ đứng đơn độc có tượng Chúa Jesus treo trên thánh giá. Một biểu tượng chiến thắng trong thất bại. Sát tường bên trái, nửa đường tới bàn thờ, là buồng xưng tội. Nó có hai ngăn, một buồng tấm màn đen trước lối vào, như buồng chụp hình. Đêm đó khi đến đây, ông không biết ngăn nhỏ nào là dành cho kẻ tội lỗi đi xưng tội rồi cái đầu óc mịt mù vì rượu mới suy ra rằng nếu cha nhà thờ không được nhìn thấy kẻ tội lỗi, hẳn cha phải ở bên buồng chụp hình. Vậy là ông ngả nghiêng đi vào ngăn không che màn rồi bắt đầu nói với tấm gỗ có đục lỗ ngăn cách hai buồng. Xưng tội. Giọng to không cần thiết. Vừa mong lại vừa sợ bên kia có người, hay một ai đó, ai cũng vậy, sẽ nghe thấy ông rồi làm điều cần làm. Tha thứ cho ông. Hay kết tội ông. Bất cứ gì ngoài khoảng chân không ngọt ngào mà ông ngồi lại với chính mình cùng những lỗi lầm.

Không gì xảy ra cả. Thế rồi sáng ra ông tỉnh dậy mà không bị đau đầu như thường lệ - điều này đúng là lạ - và nhận ra rằng cuộc sống sẽ tiếp diễn như thể chẳng có gì xảy ra, rằng rốt cuộc thì có ai quan tâm đâu. Đó là lần cuối ông bước chân vào nhà thờ.

Martha Lian đứng gần bàn thờ với một người đàn bà đang khua tay múa chân sống sượng, mặc bộ com lê trang nhã và để kiểu tóc ngắn mà một số

phụ nữ đứng tuổi tưởng sẽ khiến họ trông trẻ trung hơn. Bà ta đang chỉ trỏ giải thích và Simon nghe được mấy chữ như “hoa” , “lẽ” , “Anders” và “khách”. Ông gần tới chỗ họ thì Martha Lian xoay lại mặt đối mặt với ông. Điều đầu tiên khiến ông chú ý là trông cô khác với lần gặp vừa rồi biết bao. Sao mà trống rỗng. Lẻ loi. Và sao mà khốn khổ.

“Chào,” cô nói giọng ủ ê.

Người đàn bà kia ngừng nói.

“Tôi xin lỗi đã tự tiện vào,” Simon nói. “Ở Trung tâm Ila họ nói là sẽ gặp được cô ở đây. Tôi hy vọng không làm gián đoạn chuyện gì quan trọng.”

“Ồ không, chỉ...”

“Đúng vậy, thực ra thì lúc này chúng tôi đang trì hoãn đám cưới của con trai tôi với Martha. Nên nếu chuyện đó chờ được ông... ?”

“Kefas,” Simon nói. “Và, không, chuyện đó không chờ được. Tôi là sĩ quan cảnh sát.”

Người đàn bà nhướng mày nhìn Martha. “Đó chính là điều mẹ ngụ ý khi nói là con đang sống trong một thế giới quá thực đấy, con yêu.”

“Mà bà sẽ được miễn tham gia, bà... ?”

“Tôi xin lỗi chưa nghe rõ?”

“Cô Lian và tôi sẽ bàn riêng chuyện này. Chuyện này cần được bảo mật.”

Người đàn bà lộ cộp bỏ đi trên đôi giày cao gót cứng, rồi Simon với Martha ngồi xuống bục ghế ở trước.

“Mọi người thấy cô chạy xe đi cùng Sonny Lofthus,” Simon nói. “Sao cô không nói tôi biết?”

“Anh ta muốn học lái,” Martha nói. “Tôi chở anh ta đến bãi xe để tập.”

“Lúc này cậu ta đang bị truy nã trên toàn Na Uy.”

“Tôi có thấy trên TV.”

“Cậu ta có nói gì hay cô có thấy cậu ta làm gì cho thấy lúc này cậu ta đang ở đâu không? Tôi muốn cô nghĩ thật thấu đáo điều này rồi trả lời.”

Martha trông như đã thực tình suy nghĩ thật thấu đáo rồi mới lắc đầu.

“Không ư? Bất cứ gì về dự tính của cậu ta cho tương lai?”

“Anh ta muốn học lái xe.”

“Simon thở dài rồi vuốt tóc. Cô hiểu rằng mình có cơ bị buộc tội đồng lõa nếu giúp cậu ta hay che giấu thông tin với chúng tôi?”

“Sao tôi phải làm vậy?”

Simon nhìn cô không nói gì. Cô sắp lấy chồng. Sao trông cô lại không vui như vậy?

“OK, OK,” ông nói và đứng lên.

Cô vẫn ngồi yên nhìn xuống lòng.

“Có điều,” cô nói.

“Vâng?”

“Ông có nghĩ anh ta là một sát thủ điên cuồng như người ta nói không?”

Simon đổi tư thế. “Không,” ông nói.

“Không sao?”

“Cậu ta không điên cuồng. Cậu ta chỉ đang trừng phạt người ta. Như kiểu đang có một mối thù truyền kiếp.”

“Anh ta đang cố rửa hận cho cái gì vậy?”

“Tôi nghĩ đó là vì cha cậu ta, từng là sĩ quan cảnh sát, khi ông ấy chết, thiên hạ đồn ông ấy tha hóa.”

“Ông nói anh ta trừng phạt người ta...” Cô hạ giọng. “Anh ta trừng phạt có công bằng không?”

Simon nhún vai. “Tôi không biết. Nhưng cậu ta có cân nhắc.”

“Cân nhắc?”

“Cậu ta đã giáp mặt tên phó giám thị tại văn phòng ông ta. Chuyện đó thật táo tợn và nếu tìm đến Franck tại nhà thì sẽ dễ dàng và đỡ rủi ro cho cậu ta hơn nhiều.”

“Nhưng?”

“Những điều đó có thể sẽ đưa vợ con Franck vào làn đạn.”

“Những người ngoài cuộc vô tội. Anh ta không muốn người vô tội bị hại.”

Simon thong thả gật. Ông thấy gì đó trong mắt cô. Một ánh lung linh. Một niềm hy vọng. Phải chăng chỉ là vậy thôi? Có phải cô đang yêu? Simon đứng thẳng lưng lên. Nhìn lên bức trang trí sau bàn thờ vẽ Chúa Cứu thế trên thánh giá. Nhắm mắt. Lại mở ra. Chết tiệt. Chết tiệt thật.

“Cô có biết cha cậu ta, Ab, thường nói sao không?” ông nói, xốc quần dài.

Ông ấy nói rằng thời khoan dung đã qua và ngày phán quyết đã tới. Nhưng vì Messiah tới trễ, ta phải làm giùm việc của ông. Một mình cậu ta có thể trừng phạt bọn chúng, Martha. Cảnh sát Oslo tha hóa, họ bảo vệ bọn lừa

đảo. Tôi nghĩ Sonny làm chuyện này vì cậu ta cảm thấy mình phải làm vì cha, vì cha cậu ta chết cho điều này. Công lý. Kiểu công lý đứng trên luật pháp.”

Ông nhìn người đàn bà lớn tuổi đứng bên buồng xưng tội thấp giọng bàn chuyện gì đó với một tu sĩ.

“Còn ông thì sao?” Martha nói.

“Tôi? Tôi là luật. Nên tôi phải bắt Sonny. Phải vậy thôi.”

“Vậy người đàn bà đó, Agnete Iversen, bà ta phạm tội gì?”

“Tôi không thể cho cô biết gì về bà ta.”

“Tôi đọc thấy là nữ trang của bà ta bị lấy cắp.”

“Thế sao?”

“Trong đó có gồm một đôi hoa tai không?”

“Tôi không biết. Chuyện đó có quan trọng không?”

“Cô lắc đầu. Không,” cô nói. “Không đâu. Tôi đang cố nghĩ xem có gì giúp được ông.”

“Cảm ơn cô,” Simon nói rồi cài nút áo khoác. Giày cao gót cứng đang đi lại.

“Tôi thấy là cô còn một điều khác trong đầu.”

Martha liếc nhìn nhanh lên ông.

“Tôi sẽ nói chuyện với cô sau, Martha.”

Khi Simon rời nhà thờ, điện thoại ông reo. Ông nhìn màn hình. Mã vùng cho ông biết cuộc gọi là từ Drammen.

“Kefas.”

“Henrik Westad đây.”

Sĩ quan cảnh sát đang điều tra vụ án mạng vợ chủ tàu.

“Tôi đang ở khoa Tim Bệnh viện Trung tâm Buskerud.”

Simon có thể đoán được cái tiếp theo.

“Leif Krognaess, nhân chứng bị bệnh tim. Họ tưởng ông ta đã qua cơn hiểm nghèo, nhưng...”

“Ông ấy đột tử,” Simon nói, thở dài và đưa ngón cái và ngón trỏ vạt sống mũi. “Ông ta chỉ có một mình trong phòng bệnh khi chuyện đó xảy ra. Khám nghiệm pháp y sẽ không tìm thấy gì bất thường. Và anh gọi tôi vì anh không muốn là người duy nhất tối nay không ngủ được.”

Westad không đáp.

Simon bỏ điện thoại vào túi. Trời trở gió và ông nhìn lên bầu trời trên những mái nhà. Ông vẫn chưa thể thấy nó, nhưng ông biết nhờ cơn nhức đầu. Một cơn áp thấp đang tiến về phía ông.

Chiếc mô tô trước mặt Rover sắp hồi sinh. Đó là chiếc Harley-Davidson Heritage Softail, đời 1989, có bánh trước thật to, xe cực cứng của Rover. Khi gã mua, nó là một mớ hư hỏng xập xệ 1340 cc mà chủ nhân đã đối xử không thương yêu, kiên nhẫn và hiểu biết như cách mà một HD - tương phản với lũ anh em họ Nhật để bảo hơn - đòi hỏi. Rover đã thay, ổ trục có đầu lớn, vòng piston và mài rà lại các van, nên cái xe ban đầu đã trở thành một chiếc 1700 cc có 119 mã lực phanh cho bánh sau từng chỉ có 43. Rover

đang lau dầu trên cẳng tay có hình xăm nhà thờ thì gã nhận thấy ánh sáng thay đổi. Ý nghĩ đầu tiên của gã là trời đang có mây mù như dự báo thời tiết đã báo trước. Nhưng khi nhìn lên, gã nhận thấy một cái bóng và dáng người bên khung cửa vào xưởng.

“Có gì không?” Rover gọi ra và tiếp tục chùi đầu trên cánh tay.

Người nọ bèn cất bước tới chỗ gã. Im lìm. Như con thú săn mồi. Rover biết rằng vũ khí gần nhất thì quá xa không với kịp. Mà phải vậy thôi. Gã đã đoạn tuyệt với lối sống đó. Thật nhảm nhí khi thiên hạ nói khi ra tù ta khó mà không quay lại lối sống xấu xa ngày trước; vấn đề chỉ là sức mạnh ý chí. Đơn giản vậy thôi. Nếu ta muốn thì sẽ làm được. Nhưng nếu ý định của ta chỉ là ảo ảnh, hoài mong, chỉ là cái gì ăn diện cho đẹp, đến hôm sau ta sẽ lại rơi xuống bùn.

Người này giờ đã gần đến mức Rover nhận ra được nét mặt. Nhưng chắc hẳn đó là...

“Chào, Rover.”

Là cậu ta.

Cậu ta giơ lên tấm danh thiếp vàng ghi “Xưởng sửa chữa mô tô Rover”.

“Đúng địa chỉ rồi. Anh đã nói anh có thể kiếm cho tôi một khẩu Uzi.”

Giờ Rover vừa chùi bàn tay vừa nhìn cậu ta. Gã có đọc báo. Thấy hình trên TV. Nhưng cái gã đang nhìn giờ đây không phải là cậu thanh niên trong xà lim ở Staten, đây là tương lai của chính gã. Tương lai như gã hình dung.

“Cậu xóa số thẳng Nestor rồi,” Rover nói, kéo kéo miếng giẻ giữa mấy ngón tay.

Cậu thanh niên không đáp.

Rover lắc đầu. “Điều đó nghĩa là không chỉ cảnh sát đang săn lùng cậu mà cả Sinh Đồi nữa.”

“Tôi biết tôi đem lại phiền phức,” cậu thanh niên nói. “Tôi sẽ đi ngay nếu anh muốn.”

Tha thứ. Hy vọng. Một sự đoan tuyệt trong sạch. Cơ hội thứ hai. Hầu hết thiên hạ đều làm hỏng mất nó, cả đời họ cứ tiếp tục phạm phải những sai lầm ngu ngốc ấy, họ luôn tìm được cớ để làm hỏng hết mọi chuyện. Tự bản thân họ không biết điều đó, hoặc vờ như không biết, nhưng họ đã lạc lối khi còn chưa xuất phát. Vì họ không thực lòng muốn thành công. Nhưng Rover thì muốn.

Không phải điều đó sẽ làm gã nhụt chí. Giờ gã đã mạnh mẽ hơn. Khôn ngoan hơn. Nhưng thiên hạ nói rồi: nếu ta định đi mà ngẩng cao đầu thì thế nào cũng có ngày té đập mặt.

“Sao ta không đóng cửa nhà xe lại nhỉ?” Rover nói. “Trông như muốn mưa.”

34

Mưa quất vào kính chắn gió khi Simon rút chìa khóa và chuẩn bị chạy ào từ bãi xe đến tòa nhà bệnh viện. Ông phát hiện một dáng người tóc vàng mặc áo choàng đứng ngay trước xe. Trời mưa lớn đến mức những giọt mưa trên nắp ca pô bắn tung tóe và bóng dáng người đàn ông nhòa đi. Cửa bên tài xế mở ra rồi một người nữa, tóc đen bảo ông đi với họ. Simon xem giờ trên bảng đồng hồ:

bốn giờ chiều. Là trước hạn chót hai tiếng.

Hai người này chở ông tới Aker Brygge, một khu vực nhìn ra hướng biển có các cửa hiệu, văn phòng, một số căn hộ đắt tiền bậc nhất thành phố và khoảng năm chục quán cà phê và bar. Họ bước dọc lối đi dạo bên biển và thấy phà từ bến tàu Nesoddtangen khi họ rẽ vào một con hẻm; họ tiếp tục bước cho đến khi tới một cầu thang sắt hẹp dẫn xuống cánh cửa có ô cửa kính tròn như trên tàu thủy. Cạnh cửa là tấm biển nhỏ ghi “Nhà hàng Nautilus” bằng nét chữ kín đáo khác thường. Một trong hai người giữ cửa mở và thế là họ bước vào một hành lang hẹp, giũ mưa trên áo choàng rồi cất trong phòng để áo không có người trực. Chẳng thấy bóng ai ở đó và ý nghĩ đầu tiên thoáng qua óc Simon rằng đây là địa điểm hoàn hảo để rửa tiền. Không lớn quá, nhưng với khoản tiền thuê nhà và vị trí đẹp khả năng sinh lợi là có, nhưng lợi nhuận sẽ không bao giờ bị hỏi thăm, vì đã trả tiền thuê thì còn ai hỏi thăm làm gì.

Simon bị ướt. Khi ông ngo ngoạy mấy ngón chân trong giày, chúng tạo hàng kín kít nhỏ. Nhưng đó không phải là lý do ông lạnh.

Phòng ăn ngăn đôi bằng một hồ cá lớn hình chữ nhật cũng là nguồn sáng duy nhất. Ngồi ở bàn phía trước nó và xoay lưng về hồ cá là một dáng người không lồ.

Hắn ta là lý do Simon thấy lạnh.

Ông chưa từng gặp hắn bằng xương bằng thịt, nhưng ông không nghi ngờ một giây nào đó là ai.

Sinh Đôi.

Gã đàn ông như choán hết cả phòng. Simon không biết liệu đây chỉ là do vóc dáng và sự hiện diện như đập vào mắt hay là những gì tất yếu đi kèm với quyền lực và của cải, với khả năng làm chủ quá nhiều số phận như vậy của kẻ này.

Hay liệu mọi truyền thuyết bao quanh nhân vật này làm hắn ta đồ sộ hơn: một hành lý những cái chết, sự tàn bạo vô nghĩa và hủy diệt.

Gã này thoáng ra dấu về cái ghế đã kéo ra trước mặt hắn.

Simon ngồi xuống.

“Simon Kefas,” hắn nói, ngón tay xoa cằm.

Đàn ông to béo thường có giọng cao đến lạ lùng.

Sinh Đôi thì không.

Giọng trầm vang rền làm ly nước trước mặt Simon gợn lăn tăn.

“Tôi biết ông muốn gì, Kefas.” Các cơ dưới bộ com lê căng phồng trông như chực bực ra ở chỗ mấy đường may.

“Vậy đó là gì?”

“Tiền phẫu thuật mắt cho Else.”

Simon nuốt ực khi nghe tên người ông yêu dấu nơi miệng gã đàn ông này.

“Vấn đề là, ông có gì để bán, phải vậy không?”

Simon rút điện thoại ra, mở hòm thư, để điện thoại lên bàn rồi bấm nút chạy.

Giọng trong tập tin âm thanh ông nhận được nghe rè rè: “... tên và số tài khoản Nestor gửi tiền vào trả cho ông? Nếu tôi là ông thì tôi sẽ suy nghĩ trước khi nói.” Một khoảng dừng, rồi một giọng khác: “Tài khoản mang tên công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dennis, đăng ký tại quần đảo Cayman.” “Còn số tài khoản?” Lại dừng. “Tám, ba, không.” “Chậm lại. Và nói rõ ràng hơn.”

“Tám. Ba. Không. Tám...”

Simon bấm dừng. “Tôi cho là ông biết ai đang trả lời mấy câu hỏi.”

Gã đàn ông không hề trả lời bằng một thoáng cử chỉ có thể nghĩa là bất cứ gì.

“Có phải đó là thứ ông bán?”

“Tập tin ghi âm này gắn cho tôi từ một địa chỉ Hotmail mà tôi chưa thể hay cố tâm dò ra. Vì hiện chỉ mình tôi biết về tập tin này. Chứng cứ cho thấy giám...”

“Phó giám thị nhà tù.”

“... Staten thú nhận có tài khoản đen nhận tiền Hugo Nestor gắn vào. Tôi đã kiểm tra số tài khoản thì thông tin đó chính xác.”

“Mà cái này có giá trị thế nào với tôi?”

“Cái có giá trị với ông là tôi không đem cái này đến cho đồng nghiệp còn ông mất đi một đồng minh quan trọng.” Simon hăng giọng. “Một đồng minh quan trọng nữa.”

Gã đàn ông không lộ nhún vai. “Mấy phó giám thị nhà tù thì thay thế được.

Và, dù có thế nào, trông như Franck cũng đã hết chỗ dùng rồi. Ông còn gì nữa không, Kefas?”

Simon trề môi. “Tôi có bằng chứng ông rửa tiền qua kinh doanh bất động sản với Iversen. Và chứng cứ ADN gắn liền Iver Iversen với một thiếu nữ Việt Nam mà ông đã lén đưa vào nước, giết rồi bắt Sonny Lofthus lãnh đạn thay.”

Người đàn ông không lộ đưa hai ngón tay vuốt vuốt cổ họng. “Tôi đang nghe đây. Cứ nói tiếp đi.”

“Nếu tôi có được tiền cho cuộc phẫu thuật mắt, tôi có thể bảo đảm là sẽ không vụ nào trong hai vụ này bị điều tra.”

“Ta đang nói về bao nhiêu tiền đây?”

“Hai triệu krone.”

“Ông có thể trực tiếp tổng tiền Iversen để có khoản tiền đó. Vậy sao ông lại đến đây?”

“Vì tôi muốn nhiều hơn là tiền.”

“Vậy nó là gì?”

“Tôi muốn ông ngừng săn đuổi cậu thanh niên.”

“Con trai của Lofthus? Sao tôi phải làm vậy?”

“Vì Ab Lofthus là một người bạn.”

Gã đàn ông không hề nhìn Simon một lát. Rồi hắn ngả người ra ghế và gõ gõ ngón tay lên hồ cá.

“Nó trông như một hồ cá bình thường, phải vậy không? Nhưng ông có biết con cá xám trông như cá trích cơm giá bao nhiêu không, Kefas? Không, ông không biết đâu, vì tôi không muốn Phòng Điều tra Gian lận Nghiêm trọng biết rằng một số nhà sưu tầm sẵn lòng bỏ ra hàng triệu krone để có nó. Nó không ấn tượng hay hấp dẫn gì đặc biệt, nhưng nó hiếm không thể tưởng. Vì vậy mà giá của nó được xác định bởi giá trị của nó đối với cá nhân đó; người đầu giá cao nhất.”

Simon dịch người trong ghế.

“Vấn đề là,” gã không hề nói, “tôi muốn thằng Lofthus. Hắn là một con cá hiếm và có giá trị với tôi, lớn hơn bất kỳ người mua nào khác. Vì hắn đã giết thuộc hạ của tôi và trộm tiền của tôi. Ông nghĩ tôi thống trị cái thành phố này suốt hai mươi năm được sao nếu tôi để thiên hạ yên thân với những chuyện như vậy? Hắn đã tự biến mình thành con cá mà đơn giản là tôi phải có. Tôi rất tiếc, Kefas. Chúng tôi sẽ đưa ông tiền, nhưng thằng nhỏ là của tôi.”

“Cậu ta chỉ muốn mỗi một thứ là gián điệp nhị trùng đã phản bội cha cậu ta, rồi cậu ta sẽ đi thật xa.”

“Và, theo như tôi biết, hắn cứ việc có gián điệp nhị trùng, tôi không dùng hắn ta hay cô ta nữa, gián điệp nhị trùng đã ngừng hoạt động mười hai năm trước rồi. Nhưng ngay cả tôi cũng chưa bao giờ biết danh tính gián điệp nhị trùng. Chúng tôi trao đổi tiền và thông tin theo kiểu nặc danh, và với tôi thì chuyện đó được thôi, tôi nhận cái tôi đã trả tiền. Nên ông cũng vậy, Kefas. Thị lực của vợ ông, phải vậy không?”

“Tùy ông thôi,” Simon nói và đứng lên. “Nếu ông săn đuổi cậu thanh niên, tôi sẽ kiếm tiền cách khác.”

“Gã đàn ông khổng lồ thờ dài. Tôi nghĩ ông hiểu sai thương lượng của ta rồi, Kefas.”

Simon thấy thẳng tóc vàng cũng đã đứng lên.

“Là một tay cờ bạc lão luyện thì ông cần biết rằng ông luôn phải kiểm bài của mình cẩn thận trước khi quyết định chơi,” gã đàn ông khổng lồ nói. “Sau đó thì đã muộn quá rồi, phải vậy không?”

Simon cảm thấy thẳng tóc vàng để tay lên vai ông. Ông cưỡng lại cái thôi thúc hất đi. Ông ngồi xuống lại. Gã đàn ông khổng lồ chồm người qua bàn. Hẳn có mùi oải hương.

“Iversen có nói tôi về mấy mẫu ADN mà vì vậy ông đến tìm ông ta. Còn giờ thì có cái tập tin ghi âm này. Điều đó nghĩa là ông liên lạc với thẳng nhỏ, tôi nói có đúng không? Vậy giờ ông sẽ dẫn chúng tôi đến chỗ hẳn. Hẳn và bất cứ gì hẳn ăn cắp của chúng tôi.”

“Còn nếu tôi từ chối?”

Gã đàn ông khổng lồ lại thờ sượng. “Cái chúng ta ai cũng sợ khi già đi là gì vậy, Kefas? Chết đơn độc, phải vậy không? Lý do thật sự ông làm mọi thứ có thể để phục hồi thị lực cho vợ là ông muốn cô ta nhìn ông phút ông qua đời. Vì ta tự nhủ chuyện đó khiến cho lúc lâm chung đỡ lẻ loi đi chút, phải vậy không?”

Chà, cứ hình dung phút cuối đời mà còn đơn độc hơn phút cuối của một lũ sống cùng một người vợ mù, nhưng còn sống...”

“Sao?”

“Bo, cho ông ta xem.”

Thằng tóc vàng đưa điện thoại lên cho Simon. Cho ông thấy một hình chụp.

Ông nhận ra phòng bệnh. Chiếc giường. Người đàn bà đang ngủ trên giường.

“Cái thú vị không phải là chúng tôi biết ngay lúc này cô ta đang ở đâu,” gã đàn ông khổng lồ nói. “Mà là chúng tôi đã tìm ra cô ta, phải vậy không? Chưa đầy một giờ từ khi Iversen liên lạc với chúng tôi. Và điều đó nghĩa là chúng tôi sẽ lại tìm ra cô ta, bất kể ông giấu cô ta ở đâu.”

Simon vùng dậy khỏi ghế, bàn tay phải phóng tới cổ họng gã đàn ông khổng lồ, nhưng cuối cùng nó lại nằm gọn trong một cái nắm tay chụp lấy bàn tay ông nhẹ tênh như bắt một cánh bướm. Và giờ bàn tay kia khẽ siết lại quanh mấy ngón tay Simon.

“Ông phải quyết định xem cái gì ông quý nhất, Kefas. Người đàn bà ông cùng chia sẻ cuộc đời hay con chó hoang ông cưu mang này.”

Simon nuốt nước bọt. Ông cố lờ đi cái đau, tiếng mấy khớp ngón tay nghiền vào nhau, nhưng biết những giọt nước mắt đau đớn đang tổ cáo ông. Ông chớp một cái. Hai cái. Ông cảm thấy một giọt nước mắt nóng hổi lăn dài trên má.

“Cô ấy cần qua Mỹ trong vòng hai ngày tới,” ông nói nhỏ. “Tôi phải có tiền mặt lúc cô ấy lên đường.”

Sinh Đồi thả tay ra và Simon cảm thấy chóng mặt khi máu ùa về lại và làm cái đau nặng nề thêm.

“Cô ta sẽ có mặt trên máy bay lúc ông giao nộp thằng đó và hàng đã lấy cắp,” gã đàn ông khổng lồ nói.

Thằng tóc vàng hộ tống Simon ra. Mưa đã tạnh, nhưng không khí vẫn có cảm giác ẩm ướt nặng nề.

“Tụi mày định làm gì cậu ta?” Simon hỏi.

“Ông không muốn biết đâu,” thằng tóc vàng mỉm cười. “Những rất vui được làm việc với ông.”

Cửa khép rồi khóa lại sau lưng Simon.

Ông rời con hẻm. Bóng tối đang trùm xuống. Simon cảm đầu chạy.

Martha ngồi nhìn thịt bò nướng rồi mấy cốc rượu cao, mấy cái đầu lơ nhố bên kia bàn, hình chụp gia đình trên bàn hẹp trước cửa sổ, mấy cây táo sũng nước mưa trong vườn, cô đưa mắt lên bầu trời rồi vào bóng tối đang đến gần.

Bài phát biểu của Anders thật hoa mỹ. Chắc chắn rồi, cô còn hình dung được một bà dì đang chấm nước mắt.

“Martha và tôi đã quyết định mùa đông này sẽ làm đám cưới,” anh nói. “Vì chúng tôi biết tình yêu của mình có thể làm tan chảy mọi băng giá, trái tim bạn bè chúng tôi có thể làm ấm bất kỳ phòng tiệc nào và sự quan tâm, hiểu biết và dịu dặt của mọi người ở đây, gia đình của chúng tôi, sẽ là tất cả ánh sáng chúng tôi cần trên lối đi mùa đông tăm tối. Và, tất nhiên, một lý do nữa là...” Anders cầm ly rượu lên quay qua Martha khi cô vừa kịp dứt mình khỏi bầu trời chiều để mỉm cười đáp lại. “Quả là chúng tôi không thể đợi đến hè!”

Tiếng cười vui vẻ và vỗ tay ngập căn phòng.

Anders đưa tay kia cầm tay cô. Anh nắm chặt, mỉm cười, đôi mắt đẹp long lanh như biển, và cô biết anh biết cái ấn tượng anh tạo ra. Rồi anh cúi

người như thế choáng ngập vì dịp này và hôn phớt lên môi cô. Cả bàn ồ lên. Anh nâng ly.

“Chúc sức khỏe chúng ta!”

Rồi anh ngồi xuống. Anh bắt gặp ánh mắt cô và nhoẻn cười với cô một nụ cười riêng tư. Nụ cười cho mười hai khách ăn tối biết rằng anh và Martha có chung điều gì đó đặc biệt, cái gì đó chỉ thuộc về họ. Nhưng chỉ vì Anders đang chiều theo thị hiếu tầm thường của công chúng không có nghĩa điều đó không đúng. Đúng là họ đã có gì đó chỉ thuộc về họ. Cái gì đó tốt đẹp. Họ đã là một đôi lâu đến mức có thể dễ quên mất bao ngày tươi đẹp và những điều thú vị họ làm bên nhau. Họ cũng đã trải qua những thời khắc khó khăn và nhờ đó mà mạnh mẽ hơn. Cô có quan tâm đến Anders, thật sự là vậy. Tất nhiên là cô quan tâm, nếu không sao cô lại bằng lòng cưới anh?

“Nụ cười của anh hơi gượng đi. Nó cho cô biết rằng cô cũng nên cố tỏ ra nồng nhiệt hơn chút, hợp sức với anh bởi giờ họ đã tập hợp hai gia đình lại thông báo kế hoạch đám cưới. Mẹ chồng tương lai đã yêu cầu có lời thông báo và Martha không còn hơi sức đâu mà phản đối. Nên giờ cô đứng lên vỗ vào ly.

Như thế có người bấm cái công tắc ghi hai chữ im lặng”. Không chỉ vì khách khứa háo hức chờ cái cô sắp nói mà còn bởi không ai muốn bị cái nhìn ủ ê của mẹ chú rể xuyên qua người.

“Chúng tôi cũng rất xúc động vì Martha đã quyết định lễ cưới sẽ diễn ra tại nhà thờ thánh Paul.”

Martha cố lắm mới không bị sặc. Cô quyết định ư?

“Như mọi người cũng biết, chúng tôi là gia đình Thiên Chúa giáo. Và mặc dù ở nhiều nước khác trình độ giáo dục và mức thu nhập bình quân giữa dân Tin Lành cao hơn Thiên Chúa giáo, ở Na Uy lại không như vậy. Ở Na

Uy tín đồ Thiên Chúa giáo chúng tôi tạo nên thành phần ưu tú. Vậy nên Martha, hoan nghênh đến với đội A.”

Martha cảm ơn câu đùa mà cô biết thừa không hề đùa chút nào. Cô nghe giọng mẹ chồng tương lai tiếp tục, nhưng cô lại tiếp tục lơ đãng. Vì cô phải thoát ra. Thoát đến nơi khác ấy.

“Em đang nghĩ gì vậy, Martha?”

Cô cảm thấy môi Anders trên tóc và rái tai. Cô cố mỉm cười dù suýt nữa thì đã cười phá lên. Cười khi hình dung mình đứng lên nói với anh và đám khách khứa kia những điều cô đã nghĩ đến khi đang nằm trong vòng tay một sát thủ, dưới nắng, trên tảng đá trong khi sấm sét băng qua vịnh tiến về phía họ. Nhưng điều đó không có nghĩa cô không yêu Anders. Cô đã bằng lòng. Cô bằng lòng vì cô yêu anh.

35

“Em còn nhớ lần đầu ta gặp nhau không?” Simon hỏi và vuốt ve bàn tay Else để trên tấm chăn lông. Hai bệnh nhân khác trong phòng đang thiu thiu ngủ đằng sau màn riêng.

“Không,” cô mỉm cười và ông mừng rỡ nhìn ra đôi mắt cô xanh, trong vắt, sáng lấp lánh dưới lớp băng gạc. “Nhưng anh nhớ mà. Vậy thì kể đi, kể em nghe lại đi.”

Thay vì chỉ tủm tỉm cười lại, Simon cười thành tiếng khe khẽ cho cô nghe thấy.

“Em đang làm việc trong tiệm hoa ở Gronland. Thế rồi anh vào tìm mua hoa.”

“Một vòng hoa,” cô nói. “Anh đến để mua một vòng hoa.”

“Em đẹp đến mức anh cố làm sao để ta trò chuyện lâu hơn cần thiết. Dù em quá trẻ so với anh. Nhưng khi ta nói chuyện, chính anh cũng trẻ lại. Rồi hôm sau anh lại ghé mua hoa hồng.”

“Anh mua hoa huệ tây mà.”

“Ừ, tất nhiên rồi. Anh muốn em nghĩ đó là cho một người bạn. Nhưng lần thứ ba anh mua hoa hồng.”

“Rồi lần thứ tư.”

“Căn hộ anh đầy cả hoa, anh hầu như không thở nổi.”

“Tất cả là cho anh.”

“Tất cả là cho em. Anh chỉ chăm sóc chúng giùm cho em. Rồi anh rủ em đi chơi. Cả đời anh chưa thấy sợ như vậy bao giờ.”

“Anh trông căng thẳng đến mức em không nỡ từ chối.”

“Cái mẹo đó lần nào cũng được việc.”

“Không đâu,” cô cười. Anh căng thẳng mà. Nhưng em bị cuốn theo đôi mắt buồn của anh. Một đời đã sống. Nét u hoài đầy thông tuệ. Điều đó thật khó cưỡng nổi đối với một phụ nữ trẻ, anh biết mà.”

“Em vẫn nói đó là vì thân hình lực lưỡng của anh và anh biết lắng nghe.”

“Không, em đâu có nói vậy!” Else cười to hơn nữa và Simon cười với cô.

Thật nhẹ nhõm vì giờ cô không thể thấy ông.

“Lần đầu anh mua một vòng hoa,” cô nói khẽ. “Anh viết một tấm thiệp và nhìn nó một lúc, rồi anh ném nó vào sọt rác và viết tấm khác. Khi anh đi rồi, em nhặt tấm thiệp trong sọt rác ra đọc. Nó ghi ‘Gửi tình yêu của đời anh’. Đó là cái làm em chú ý.”

“Vậy hả? Em không thích có một người đàn ông nghĩ rằng anh ta vẫn chưa gặp được tình yêu của đời mình sao?”

“Em muốn một người đàn ông biết yêu, yêu thật sự.”

Ông gật. Qua nhiều năm họ thường lặp lại chuyện này đến mức lời thoại đã thành ra thuần thục, cũng như phản ứng và những gì tưởng như là ngẫu hứng nơi họ. Họ đã từng thề là có gì cũng nói cho nhau biết, tất cả mọi thứ, và sau khi làm vậy rồi, sau khi đã thử xem người kia chấp nhận được chừng nào sự thật, những câu chuyện đã thành tường thành chở che tổ ấm của họ.

Cô nắm chặt tay ông. “Mà anh là vậy, Simon. Anh biết cách yêu.”

“Vì em đã sửa đổi anh.”

“Anh tự sửa mình. Anh quyết định bỏ đánh bạc, không lẽ phải em.”

“Em là thuốc, Else. Không có em...” Simon hít một hơi sâu và hy vọng cô không nghe thấy giọng mình run run bởi lúc này, đêm nay ông không còn sức lực để đến chỗ đó. Không muốn lặp lại câu chuyện về thói nghiện đồ đen và nợ nần mà cuối cùng ông đã kéo cô vào. Ông đã làm chuyện không thể nào tha thứ, lén cô đem thể chấp căn nhà của họ. Rồi mất. Và cô đã tha thứ cho ông. Cô không giận dữ hay dọn ra hay để ông lãnh hậu quả hay ra tối hậu thư nào. Cô chỉ vuốt má ông và nói cô tha thứ cho ông. Thế là ông khóc như đứa trẻ và phút đó nỗi hổ thẹn đã làm tiêu tan sự thèm khát đời sống hứng khởi tại giao điểm của hy vọng và lo sợ, nơi mọi thứ đều được đem ra đặt cược và có thể thắng thua trong chớp mắt nơi mà những ý nghĩ về sự thất bại thảm khốc, chung cuộc là gần như - gần như - cũng dự hoặc như ý nghĩ chiến thắng. Đúng vậy, ngày hôm ấy ông đã bỏ. Và từ đó ông không bao giờ cờ bạc nữa, không cá cược dù chỉ một cốc bia, và đó là sự cứu rỗi của ông. Đó là sự cứu rỗi của họ. Điều đó và lời họ hứa kể cho nhau nghe tất cả mọi thứ. Biết rằng mình đã có khả năng tự chủ và sự can đảm để hoàn toàn trung thực với một người khác đã làm được điều gì đó cho ông, khôi phục lại ông như một người đàn ông và con người, phải, thậm chí còn khiến ông chín chắn hơn cái con người ông lẽ ra đã trở thành nếu như ông chưa từng phó mặc mình cho những tật xấu định đoạt. Có lẽ điều đó giải thích được tại sao trong những năm sau này làm sĩ quan cảnh sát ông đã đi từ chỗ thấy mọi tội phạm đều khét tiếng và không cải tạo được đến chỗ sẵn sàng cho bất cứ ai cơ hội thứ hai - trái ngược hẳn với cái mà vốn kinh nghiệm rộng lớn của ông cho ông biết.

“Ta giống như Charlie Chaplin với cô gái bán hoa,” Else nói. “Nếu ta chiếu lùì cuốn phim.”

Simon nuốt khan. Cô gái mù bán hoa tưởng kẻ lang thang là quý ông giàu có. Simon không nhớ rõ, chỉ nhớ kẻ lang thang giúp cô có lại thị lực, nhưng

sau đó anh ta không hề tiết lộ thân phận bởi tin chắc cô sẽ không muốn anh khi thấy thực ra anh là ai. Thế rồi, khi cô biết ra, cô vẫn yêu anh.

“Anh đi duỗi chân một lát,” ông nói, đứng lên.

Trong hành lang không có ai. Ông nhìn tấm biển trên tường mô tả một điện thoại di động có đường kẻ đó chạy ngang một lúc. Rồi ông lấy điện thoại ra tìm số. Một số người tưởng nếu ta gửi email từ điện thoại qua một địa chỉ Hotmail trên mạng, cảnh sát sẽ không thể dò ra số điện thoại gắn email. Sai. Dễ dàng tìm thấy nó. Ông thấy như tim nghẹn ngang cổ, như đang đập sau xương đòn.

Không có lý do gì cậu ta lại nghe máy cả.

“A lô?”

Giọng cậu ta. Xa lạ, nhưng vẫn quen thuộc kỳ lạ, như tiếng vọng từ một quá khứ xa xăm, không phải, một quá khứ gần. Người Con Trai. Simon phải ho hai tiếng rồi thanh quản mới phát ra một tiếng.

“Tôi cần gặp cậu, Sonny.”

“Chuyện đó có lẽ cũng hay đấy...”

Trong giọng cậu ta không có chút gì mỉa mai.

“... nhưng tôi không định ở lại đây lâu.”

Ở đây? Ở Oslo, ở Na Uy? Hay trên trái đất này?

“Cậu tính làm gì?” Simon hỏi.

“Tôi nghĩ ông biết mà.”

“Cậu định tìm và trừng phạt mọi kẻ chịu trách nhiệm. Những kẻ cậu phải ngồi tù thay. Những kẻ đã giết bố cậu. Và rồi cậu muốn tìm ra tên gián điệp nhị trùng.”

“Tôi không có nhiều thời gian lắm.”

“Nhưng tôi có thể giúp cậu.”

“Ông thật tử tế, Simon, nhưng điều tốt nhất ông có thể làm để giúp tôi là tiếp tục cái ông vẫn làm cho đến giờ.”

“Vậy sao? Vậy đó là gì?”

“Không cố ngăn tôi.”

Theo sau là một khoảng dừng. Simon lắng nghe xem có tiếng động nào đằng sau tiết lộ nơi cậu thanh niên ở. Ông nghe có tiếng thỉnh thoảng, nhịp nhàng và thỉnh thoảng là tiếng gào la.

“Tôi nghĩ ta cùng muốn một thứ, Simon.”

“Simon nuốt ực. Cậu còn nhớ tôi?”

“Giờ tôi phải đi đây.”

“Bố cậu và tôi...”

Nhưng đường dây đã tắt.

“Cảm ơn ông đã đến.”

“Không dám, anh bạn,” Pelle nói, liếc nhìn lên người thanh niên trong gương chiếu hậu. “Thời gian đồng hồ taxi ít khi chạy được đến ba mươi phần trăm thời gian của một ngày làm việc nên anh gọi thì tốt quá rồi, cho cả tôi lẫn việc làm ăn của tôi. Tối nay anh đi đâu, thưa anh?”

“Ullern.”

Lần trước Pelle chở, người thanh niên đã hỏi xin danh thiếp của ông. Đôi lúc khách cũng làm vậy nếu thấy hài lòng, nhưng chẳng bao giờ gọi. Quá dễ kiếm taxi bằng cách vẫy một chiếc đang chạy trên đường. Nên Pelle không biết sao thanh niên này lại đặc biệt muốn ông chạy cả quãng đường từ Gamlebyen đến Kvadraturen để đón mình bên ngoài cái khách sạn Bismarck đáng ngờ.

Người thanh niên mặc bộ com lê lịch sự nên mới đầu Pelle không nhận ra.

Có gì đó khang khác. Anh ta vẫn xách túi thể thao đỏ và có thêm một chiếc cặp.

Một tiếng kim loại đánh sắc lạnh canh phát ra trong túi khi anh ta thả nó xuống ghế sau.

“Nhìn ông hạnh phúc trong tấm hình đấy,” người thanh niên nói. “Ông với vợ?”

“Ồ, cái đó hả,” Pelle nói và cảm thấy đỏ mặt. Trước giờ không ai bình phẩm về tấm hình đó. Ông đã để nó dưới thấp bên trái tay lái, để khách không nhìn thấy. Nhưng ông cảm động vì người thanh niên thấy được từ hình là họ hạnh phúc. Rằng cô hạnh phúc. Ông đã không chọn hình đẹp nhất họ có, mà hình cô trông hạnh phúc nhất.

“Tôi nghĩ tối nay vợ tôi làm món chả rán viên,” ông nói. “Sau đó có lẽ chúng tôi sẽ đi dạo trong công viên Kampen. Gió mát trên đó sẽ làm ta khuây khỏa vào một ngày nóng nực thế này.”

“Nghe thú vị thật,” người thanh niên nói. “Ông thật may vì tìm được một người đàn bà để chia sẻ cuộc đời.”

“Quả là vậy,” Pelle nói rồi nhìn lên gương chiếu hậu.

“Anh nói đúng quá.”

Pelle chú ý để nhường khách trò chuyện. Ông thích điều đó, có được một mẫu đời sống của ai đó trong khoảng thời gian ngắn ngủi của cuộc xe. Con cái và hôn nhân. Việc làm và thế chấp. Hé nhìn những gian nan khổ ải của đời sống gia đình một lúc. Không phải là nêu ra những chủ đề ông biết quá nhiều tài xế taxi thích bàn luận. Nhưng một sự thân mật kỳ lạ đã lớn dần giữa họ; thực ra, đơn giản là ông thích được trò chuyện với người này.

“Còn anh?” Pelle hỏi. “Đã tìm được bạn gái chưa?”

Người thanh niên mỉm cười lắc đầu.

“Chưa sao? Không ai rồ máy cũ sao?”

Người thanh niên gật.

“Có hả? Mừng cho anh, anh bạn. Và cho cô ấy.”

Đầu người thanh niên không còn gật nữa.

“Không sao? Đừng bảo tôi cô ấy không thích anh đấy nhé? Tôi thừa nhận khi anh nôn cả lên tường thì trông anh chẳng giống món bở gì cả, nhưng bữa nay, đóng bộ com lê đó rồi đủ cả.”

“Cảm ơn,” người thanh niên nói. “Nhưng tôi sợ là tôi không thể có cô ấy.”

“Sao không? Anh đã thổ lộ với cô ấy là anh yêu cô ấy chưa?”

“Chưa. Ông thì có làm vậy không?”

“Luôn ấy chứ, mỗi ngày mấy bận. Cứ nghe nó như ôxy, ta chẳng bao giờ ngừng cần nó cả. Anh yêu em, anh yêu em. Thử đi, rồi anh sẽ thấy điều tôi muốn nói.”

Đằng sau im lặng một lúc. Rồi ông nghe thấy tiếng ho.

“Làm thế nào... làm thế nào để biết người đó yêu ta, Pelle?”

“Ta chỉ biết thôi. Tổng hòa của những điều nhỏ nhặt ta không bao giờ thực sự chạm ngón tay vào được. Tình yêu vây bọc quanh ta như hơi nước trong vôi sen. Ta không thể thấy từng giọt riêng lẻ, nhưng ta được ấm lên. Và ướt. Và sạch.” Pelle cười, ngượng nghịu và gần như có chút tự hào về khả năng văn vẻ của mình.

“Rồi ông tiếp tục đắm trong tình yêu của cô ấy và mỗi ngày đều nói với cô ấy rằng ông yêu cô ấy?”

Pelle có cảm giác là mấy câu thanh niên này hỏi không phải ngẫu nhiên, mà nó là một đề tài anh ta đã định bụng hỏi Pelle nhân bức hình ông chụp với vợ, hẳn anh ta đã phát hiện ra nó trong một cuốn xe trước đó.

“Tất nhiên,” Pelle nói và cảm thấy như có gì nghẹn trong cổ họng, một mảnh vụn hay gì đó. Ông ho mạnh và bật radio.

Chuyến xe tới Ullern mất mười lăm phút. Địa chỉ mà người thanh niên đưa Pelle nằm trên con đường chạy vòng lên tới Ullernasen, ngay giữa mấy cấu trúc nhà gỗ đồ sộ trông giống pháo đài hơn là nhà riêng. Mặt đường nhựa đã khô sau cơn mưa rào ban nãy.

“Ông làm ơn chạy lại đây một lát được không?”

“Nhưng cổng ở đằng kia mà.”

“VẬY ĐƯỢC RỒI.”

Pelle chạy tới ven lề đường. Cơ ngơi có tường trắng trên có cảm mảnh chai bao quanh. Căn nhà gạch lớn hai tầng nằm trên một khu vườn rộng. Có tiếng nhạc văng ra từ thềm trước nhà và đèn sáng ở mọi ô cửa sổ. Đèn

chiếu trong vườn. Hai người đàn ông to cao, vai rộng mặc com lê đen đang đứng trước cổng, một người dắt con chó to lông trắng cột dây.

“Anh định đến dự tiệc sao?” Pelle hỏi và xoa bóp bên bàn chân hư. Thịnh thoảng, chứng chuột rút trở lại như có người quăng nó vào ông.

Người thanh niên lắc đầu. “Tôi không cho là mình được mời.”

“Anh có quen mấy người sống ở đây không?”

“Không, tôi có địa chỉ lúc tôi còn trong tù. Sinh Đồi. Có bao giờ nghe đến hẳn ta chưa?”

“Chưa,” Pelle nói. “Nhưng vì thấy anh không quen biết ông ta, tôi mới dám nói anh nghe là một người mà có quá nhiều như vậy thì thật không phải. Nhìn ngôi nhà đó xem! Đây là Na Uy, đâu phải Mỹ hay Ả Rập Xê-Út. Ta chỉ là một rẻo đá lạnh cồng trên phía Bắc này, nhưng ta luôn có một thứ mà mấy nước khác không có. Một sự bình đẳng nhất định. Một sự công bằng nhất định.

Nhưng giờ chúng ta lại chỉ lo phá hoại nó.”

Họ nghe thấy tiếng chó sủa trong vườn.

“Tôi nghĩ ông là người hiểu biết, Pelle.”

“Ồ tôi không chắc chuyện đó. Anh vào trong làm gì?”

“Tìm sự thanh thản.”

Pelle nhìn kỹ mặt thanh niên trong gương chiếu hậu. Như thế ông đã thấy đầu rồi chứ không chỉ trong taxi của mình.

“Ta đi khỏi đây thôi,” người thanh niên nói.

Khi Pelle nhìn lại ra kính chắn gió, ông thấy tên dắt con chó lông trắng đang tiến tới chỗ họ. Cả hai dán mắt vào xe và người chúng cuồn cuộn cơ bắp đến mức chúng đi lại lắc lư.

“Phải đấy,” Pelle nói, bấm đồng hồ. “Đi đâu?”

“Ông có kịp chào từ biệt cô ấy không?”

“Gì cơ?”

“Vợ ông.”

Pelle chớp mắt. Nhìn người đàn ông với con chó tiến lại gần hơn. Câu hỏi đánh trúng ông như quả đấm thoi vào bụng. Ông lại nhìn thanh niên trong gương. Ông đã thấy anh ta ở đâu? Ông nghe tiếng thấy gầm gừ. Chắc hẳn con chó đang sẵn sàng tấn công. Ông từng chở chàng trai, đơn giản vậy thôi, hẳn đó là lý do. Ký ức về một ký ức. Như cô ấy lúc này.

“Không,” Pelle nói, lắc đầu.

“Tai nạn ư?”

Pelle nuốt khan. “Phải. Một vụ đâm xe.”

“Cô ấy có biết ông yêu cô ấy không?”

Pelle mở miệng, nhưng nhận ra là mình sẽ không thể nói gì nên ông chỉ gật.

“Tôi rất lấy làm tiếc vì ông đã mất cô ấy, Pelle.”

Ông cảm thấy bàn tay người thanh niên trên vai. Và như thể sức nóng từ đó tỏa ra rồi lan tới ngực, bụng, hai cánh tay và hai chân ông.

“Có lẽ giờ ta đi thôi, Pelle.”

Đến khi đó Pelle mới nhận ra mình đã nhắm mắt, và khi ông mở mắt ra lại thì gã có con chó đã đến cạnh xe. Pelle rờ máy và thả chân côn. Ông nghe con chó sủa theo họ dữ dội.

“Ta đi đâu đây?”

“Thăm một kẻ mang tội giết người,” người thanh niên nói, kéo sát túi xách đỏ lại. “Nhưng trước tiên ta cần đưa cái này cho một người.”

“Cho ai?”

Người thanh niên mỉm nụ cười u hoài, kỳ lạ. “Cho người có bức hình tôi muốn được để trên bảng đồng hồ xe mình.”

Martha đang đứng ở quầy bếp, rót cà phê trong ấm vào bình thủy Thermos.

Cô cố chặn giọng mẹ chồng tương lai, bên ngoài. Cô cố tập trung vào cái khách khứa đang bàn trong phòng ăn. Nhưng không được, giọng bà ta khăng khăng, rất hạch sách.

“Anders là chàng trai nhạy cảm, con hiểu không. Nó nhạy cảm hơn con nhiều. Con là người mạnh mẽ. Vì vậy con phải chịu trách nhiệm và...”

Một chiếc xe chạy lại dừng trước cổng. Một chiếc xe. Một người đàn ông mặc com lê thanh lịch bước ra; anh ta xách cái cặp.

Cô nghĩ tim mình sắp ngừng đập. Là anh.

Anh mở cổng rồi cất bước trên lối đi ngăn rải sỏi đến cửa trước.

“Con xin lỗi,” Martha nói, để mạnh ấm cà phê xuống chậu rửa chén và cố để không trông như đang chạy nhào ra khỏi bếp.

Khoảng cách chỉ có vài mét vậy mà cô hụt cả hơi và mở tung cửa trước khi anh kịp nhấn chuông.

“Chúng tôi đang có khách,” cô rít lên, kéo cửa lại đằng sau. “Cảnh sát thì đang tìm anh. Anh cần gì?”

Anh nhìn cô bằng đôi mắt xanh lá trong veo khốn kiếp ấy.

Anh đã cạo sạch lông mày.

“Tôi muốn xin tha thứ,” anh nói. Lặng lẽ, điềm đạm. “Rồi tôi muốn đưa cô cái này. Nó là dành cho trung tâm.”

“Gì vậy?” Cô hỏi và nhìn cái cặp anh đưa cô.

“Cho công việc xây dựng các cô không lo nổi. Hay dù sao thì cũng phần nào...”

“Không!” Cô liếc ra sau và hạ giọng.

“Anh sao vậy? Anh thực sự nghĩ tôi cần tiền bản của anh sao. Anh giết người. Đôi hoa tai anh cố tặng tôi...” Martha nuốt, lắc đầu quây quậy và cảm thấy những giọt nước mắt li ti, giận dữ trào ra. “Nó thuộc về... một người đàn bà anh đã sát hại!”

“Nhưng...”

“Đi đi!”

Anh gật. Bước xuống một bước, thụt lùi. “Sao cô không tố giác tôi với cảnh sát?”

“Ai nói tôi không làm?”

“Sao cô không báo, Martha?”

“Cô đổi tư thế. Nghe thấy tiếng ghế kéo rột trên sàn phòng ăn. Có lẽ vì tôi muốn nghe anh nói tôi biết vì sao anh giết mấy người đó?”

“Nếu tôi nói thì có thay đổi được gì không?”

“Tôi không biết. Có không?”

Anh nhún vai. “Nếu cô muốn gọi cảnh sát thì tối nay tôi ở nhà bố mẹ tôi. Sau đó tôi sẽ biến mất.”

“Sao anh nói tôi biết chuyện này?”

“Vì tôi muốn cô đến với tôi. Vì anh yêu em.”

Cô chớp mắt. Anh vừa nói gì vậy?

“Anh yêu em,” anh lặp lại chậm rãi và trông như đang ngạc nhiên mà nhắm nháp lời mình.

“Chúa ơi,” cô tuyệt vọng rên rỉ. “Anh điên rồi!”

“Giờ tôi đi đây.” Anh quay qua cái taxi đang chờ để máy chạy không.

“Khoan đã! Anh định đi đâu?”

Anh hơi quay lại, mỉm cười buồn bã. “Có người đã kể tôi nghe về một thành phố lớn ở châu Âu. Đi một mình thì đường dài thăm thẳm, nhưng...” Anh trông như muốn nói gì thêm nên cô chờ. Rồi cứ chờ, và cầu cho anh nói điều đó ra.

Cô không biết là gì, chỉ là nếu anh nói ra đúng thứ, đúng câu thần chú, nó sẽ giải thoát cho cô. Nhưng chính anh phải là người làm điều đó, anh phải biết đó là gì.

Nhưng anh cúi đầu chào cô thật nhanh, rồi quay lại cất bước ra cổng.

Martha thấy muốn gọi theo anh, nhưng cô sẽ nói gì đây? Đó là sự điên rồ.

Một cơn mê đắm cuồng điên. Cái gì đó không tồn tại, không thể tồn tại trong thế giới thực. Thực tại là trong kia, trong phòng ăn sau lưng cô. Cô quay lại đi vào trong. Rồi nhìn thẳng vào gương mặt thịnh nộ của Anders.

“Tránh ra.”

“Anders, đừng...”

Anh xô cô qua, giật toang cửa và xông xộc ra ngoài.

Martha đứng lên lại rồi theo anh ra lối đi đúng lúc thấy Anders đuổi kịp Sonny và đánh mạnh sau đầu anh. Nhưng chắc Sonny đã nghe thấy Anders tiến đến vì anh né người, quay ngoắt lại bằng động tác xoay tròn và hai tay ôm cứng Anders.

Anders gào lên: “Tao sẽ giết mày?” và cố vùng ra, nhưng hai cánh tay anh đã bị khóa trái và thế là anh không còn làm gì được. Thế rồi, cũng bất thần chẳng kém, Sonny buông Anders ra. Mới đầu Anders nhìn sững người trước mặt, hai cánh tay thụ động buông thõng bên sườn. Rồi Anders đưa tay lên ra đòn. Đấm Sonny. Anh đưa nắm đấm lên sẵn sàng bồi thêm cú nữa. Đánh xuống. Không tạo nhiều tiếng động một tiếng bịch của mấy khớp ngón tay nện lên xương thịt.

“Anders,” Martha hét lên. “Anders, dừng lại đi!”

Đến quả đấm thứ tư thì da trên xương gò má người thanh niên rách toét. Đến quả thứ năm thì anh quỳ sụp xuống.

Cửa xe phía tài xế mở ra và ông định chạy ra, nhưng người thanh niên đưa một bàn tay lên ra hiệu cho ông tránh xa chuyện này.

“Đồ khốn hèn hạ!” Anders ré lên. “Tránh xa vợ chưa cưới của tao ra thẳng khốn!”

Người thanh niên ngẩng đầu lên như để cho Anders một góc tốt hơn, và giờ bên má còn lành lặn ra. Anders đá anh. Đầu anh ngoặt ra sau còn người anh quỳ thụp xuống, hai cánh tay vung ra như cầu thủ bóng đá đặc thăng trượt một cú trên sân.

Để giày sắc cạnh của Anders hẳn đã trúng trán Sonny vì máu tuôn ra từ vết cửa dài ngay dưới đường chân tóc. Khi vai Sonny quét trên sỏi còn áo khoác xô tung, Martha thấy Anders chết trên dù lúc trước đang định bồi thêm một cú đá nữa. Thấy anh nhìn sững nơi nịt của Sonny và thấy cái cô thấy. Một khẩu súng lục. Một khẩu súng lục sáng loáng, bóng súng nhét trong lưng quần; nó ở đó từ bao giờ, nhưng Sonny không động đến.

Cô để tay lên vai Anders, anh giật nảy người như vừa bị cô đánh thức.

“Vào trong đi,” cô ra lệnh cho anh. “Ngay!”

Anh chớp mắt nhìn cô hoang mang. Rồi anh làm theo. Đi qua cô lên thêm, những khách khác giờ đã xúm lại đó.

“Vào trong đi!” Martha gọi cho họ. “Anh ta là người trọ ở Trung tâm Ila, để tôi lo chuyện đó. Mọi người, vào trong cả đi!”

Martha ngồi xổm xuống bên Sonny. Máu từ trán anh đang tràn ra rồi xuống sống mũi. Anh thở bằng miệng.

Một giọng dai dẳng, hạch sách vọng ra từ thêm: “Nhưng chuyện đó có thực sự cần thiết không, Martha yêu dấu? Suy cho cùng, con sẽ bỏ chỗ đó vì giờ con và Anders sẽ...”

Martha nhắm mắt và răn mình lại. “Câu đó cũng đúng với mẹ nữa. Im lặng và vào trong đi.”

Khi mở mắt ra lại, cô thấy anh đang mỉm cười. Và khi anh thều thào bằng đôi môi rướm máu, giọng anh khê đến mức cô phải cúi xuống mới nghe

được:

“Ông ấy nói đúng, Martha. Ta có thể thực sự cảm thấy tình yêu gột rửa ta thế nào.”

Rồi anh đứng lên, lảo đảo một thoáng rồi loạng choạng ra khỏi cổng vào taxi.

“Chờ chút!” Cô kêu lên và cầm lấy cái cặp vẫn nằm trên lối đi rải sỏi.

Nhưng taxi đã chạy xuôi đường về bóng tối ở cuối khu dân cư.

Iver Iversen nhún tới nhún lui trên gót giày và xoay xoay ly Martini đã cạn.

Hắn nhìn khách khứa tụ tập từng đám trên hàng hiên sơn trắng và phòng khách bên trong. Nó cỡ bằng phòng khiêu vũ và được bày biện với khiếu thẩm mỹ của một người không phải sống trong đó. “Mấy nhà thiết kế nội thất có ngân sách không giới hạn và tài năng hạn chế,” như Agnete thường nói. Cánh đàn ông mặc đồ vest dạ tiệc như thư mời yêu cầu. Cánh đàn bà rõ ràng là đông hơn nhiều, nhưng những người ở đó thì còn nổi bật hơn. Đẹp rạng rỡ, trẻ mê người và đại diện cho một sự pha trộn chủng tộc thú vị. Váy khoét cao, lưng trần và khe ngực sâu. Trang nhã, lạ lùng, và nhập khẩu. Về đẹp đích thực bao giờ cũng hiếm. Nếu có ai dặt một con báo tuyết đi khắp phòng thì ắt Iver Iversen cũng không ngạc nhiên.

“Trông như tất cả những nhà tài cô độc thân của Oslo đều ở đây cả.”

“Chỉ những ai không kén chọn gì lắm thôi,” Fredrik Ansgar nói, chỉnh lại cà vạt nơ và nhấp gín pha tonic. “Hay đã đi nghỉ với gia đình.”

Sai, Iver Iversen nghĩ. Nếu họ làm ăn với Sinh Đồi, họ đã phải lo chạy về thành phố. Họ sẽ không dám làm khác. Sinh Đồi. Hắn nhìn người đàn ông khổng lồ đứng bên đàn dương cầm. Ông ta có thể làm mẫu cho người công nhân lý tưởng trên các áp phích cổ động của Xô Viết hay tượng ở công viên Vigeland. Mọi thứ ở ông ta đều vững chãi, chắc nịch và như tượng đẽo: đầu, hai cánh tay, hai bàn tay, bắp đùi. Trán cao, cằm chắc, môi dày. Người đang nói chuyện với ông ta có vóc dáng nặng nề và cao trên mét tám, nhưng trông như người lùn cạnh Sinh Đồi. Iver nghĩ mình mơ hồ nhận ra ông ta. Ông ta có miếng bít một bên mắt. Có lẽ một người có vai vế nào đó hắn đã thấy trên báo.

Iversen lấy thêm một ly martini trên khay mà người phục vụ cầm đi quanh phòng. Hắn biết rằng mình không nên, hắn say rồi. Nhưng hắn không đi chúc rượu, suy cho cùng hắn là ông chồng góa đang tiếc thương. Vậy nhưng, hắn biết uống chính xác là cái hắn không nên làm. Hắn có thể lại đi nói gì đó để sau sẽ hối tiếc.

“Anh có biết làm sao mà Sinh Đôi có cái tên đó không?”

“Tôi có nghe câu chuyện, phải,” Fredrik Ansgar nói.

“Tôi nghe rằng em trai ông ta bị chết đuối, nhưng đó là một tai nạn.”

“Tai nạn? Trong một xô nước sao?”

Fredrik cười và cái nhìn đi theo một người đẹp da đen đang lướt qua.

“Nhìn kìa” Iver nói. “Ở đây lại còn cả giám mục nữa chứ. Tôi không biết sao ông ta lại sa vào lưới của Sinh Đôi.”

“Phải, một buổi họp mặt đầy ấn tượng. Có đúng là ông ta còn trong túi một giám thị nhà tù?”

“Để tôi nói thế này, ông ta không dừng lại ở đó.”

“Cảnh sát?”

Iver không nói gì.

“Cao cỡ nào?”

“Anh còn trẻ, Fredrik, và dù anh ở trong ruột nhưng anh chưa lún sâu đến độ không có chọn lựa rút lui. Nhưng anh biết càng nhiều thì anh càng sa lầy, tin tôi đi. Nếu tôi có cơ hội làm mọi chuyện khác đi...”

“VẬY còn Sonny Lofthus? Simon Kefas nữa? Họ có được chăm sóc không?”

“Ồ có chứ,” Iver nói, nhìn chăm chặp cô gái nhanh nhẹn, nhỏ nhắn ngồi một mình ở quầy bar. Thái? Việt? Trẻ măng, xinh xắn và chừng diện. Rất có giáo dục. Rất kinh hoàng và bơ vơ. Cũng như Mai. Hẳn gần như cảm thấy ái ngại cho Simon Kefas. Cả ông ta cũng bị sa bẫy. Ông ta đã bán linh hồn vì tình yêu dành cho một phụ nữ trẻ hơn và, như Iver, ông ta sẽ phải ném mùi bẽ bàng. Ít nhất thì Iver cũng hy vọng Simon sẽ kịp cảm thấy điều đó trước khi Sinh Đồi làm việc phải làm và đi trước Simon Kefas một bước. Một cái hồ ở Ostmarka?

Có lẽ Kefas với Lofthus mỗi người sẽ có một hồ riêng.

Iver Iversen nhắm mắt nghĩ về Agnete. Hẳn cảm thấy muốn ném ly Martini vào tường, nhưng thay vì vậy đã uống cạn một hơi.

“Tổng đài Telenor, dịch vụ hỗ trợ của cảnh sát đây.”

“Xin chào, đây là chánh thanh tra Simon Kefas.”

“Nhìn số ông đang gọi là tôi biết mà. Và ông đang đâu đó tại Bệnh viện Ulleval.”

“Ấn tượng thật. Tuy vậy, tôi muốn cô dò một số khác.”

“Ông có lệnh không?”

“Đây là chuyện khẩn.”

“Được. Mai tôi sẽ báo cáo lại rồi khi ấy ông sẽ phải đề cập chuyện đó với công tố viên. Tên và số?”

“Tôi chỉ có mỗi số.”

“Và ông muốn gì?”

“Địa điểm của số điện thoại lúc này.”

“Chúng tôi chỉ có thể cho ông địa điểm phỏng chừng. Và nếu điện thoại đang không sử dụng thì mất một lúc trạm cơ sở của chúng tôi mới bắt được tín hiệu. Chuyện đó tự động diễn ra cách giờ.”

“Giờ tôi sẽ gọi số để cô có tín hiệu.”

“Vậy chẳng phải người này không biết điện thoại của mình đang bị dò sao?”

“Tôi đã gọi số này vài lần trong giờ qua mà đến nay vẫn chưa thấy trả lời.”

“Được. Cho tôi số, gọi đi, rồi tôi sẽ cho ông biết chúng tôi tìm được gì.”

Pelle dừng taxi trên lối đi rải sỏi vắng tanh. Bên trái ông, cảnh vật đổ dốc về dòng sông lung linh dưới ánh trăng. Một cây cầu hẹp dẫn từ lối đi đầy sỏi đá về lại đường chính mà họ chạy xe đến. Bên phải là đồng lúa mì đu đưa dưới những đám mây đen chạy dọc bầu trời trông như phim âm bản trong đêm hè êm ả.

Xa hơn dưới đường, trong cánh rừng trước mặt họ, là điểm đến: một ngôi nhà lớn có hàng rào song sắt trắng bao quanh.

“Lẽ ra tôi phải đưa anh đến phòng cấp cứu để người ta băng bó lại cho,”

Pelle nói.

“Tôi sẽ không sao đâu,” người thanh niên nói và để một tờ tiền có mệnh giá lớn lên tay ghế giữa hai ghế trước. “Và cảm ơn ông vì cái khăn tay.”

Pelle nhìn lên anh ta trong gương chiếu hậu. Người thanh niên đã cột khăn tay quanh trán. Nó đẫm cả máu.

“Thôi mà. Tôi không tính tiền anh đâu. Tất phải có bộ phận cấp cứu đâu đó ở Drammen.”

“Có lẽ mai tôi đi rồi,” người thanh niên nói, nắm chặt túi thể thao đỏ. “Tôi cần đến gặp người này đã.”

“Có an toàn không? Tôi tưởng anh nói hẳn ta đã giết ai đó?” Pelle nhìn về hướng nhà xe xây hẳn trong nhà. Không gian có rất nhiều nhưng lại không có nhà xe biệt lập. Chủ nhân có lẽ là người hâm mộ kiến trúc Mỹ. Bà của Pelle sống trong một ngôi làng, mà ở đó, nếu người dân không từng sống ở Mỹ thì cũng đang có gia đình sống bên đó, nơi những người nhiệt thành nhất với trào lưu chính thống cải đạo sang đất nước cừu mang họ không chỉ có nhà với hàng hiên, lá cờ Mỹ trên cột cờ và ô tô Mỹ trong nhà xe, mà còn cả những bộ đồ nguồn để họ cắm máy hát tự động, lò nướng bánh và tủ lạnh 110 vôn mua ở Texas hay thừa hưởng từ một người ông bay Ridge, Brooklyn.

“Tối nay hẳn ta sẽ không giết ai cả,” người thanh niên nói.

“Dù là vậy đi nữa,” Pelle nói. “Có chắc là anh không muốn tôi chờ không?”

Về lại Oslo mất có nửa giờ mà một taxi khác sẽ làm anh tốn cả bọn tiền vì nó sẽ phải đi cả một chặng đường tới đây. Để tôi tắt đồng hồ...”

“Tôi thực sự biết ơn chuyện đó, Pelle, nhưng có lẽ sẽ tốt cho cả hai ta nếu ông không chứng kiến chuyện gì cả. Ông hiểu không?”

“Không.”

“Tốt.”

Người thanh niên xuống xe. Anh ta nhìn Pelle. Pelle nhún vai rồi chạy đi;

ông nghe tiếng sỏi lao xe dưới lốp xe khi nhìn theo thanh niên trong gương.

Thấy anh ta đứng đó. Rồi bỗng chốc anh ta không còn nữa, mất hút vào bóng tối trong rừng.

Pelle dừng xe. Ông tiếp tục nhìn chăm chăm trong gương. Người thanh niên đã không còn. Cũng như vợ ông.

Thật khó mà hiểu thấu điều đó. Những người đã ở bên, làm đẹp đời ta, lại có thể cứ vậy tan biến đi và ta không bao giờ còn gặp lại họ nữa. Trừ phi là trong những giấc mơ. Những giấc mơ đẹp. Vì ông chưa từng thấy cô trong ác mộng.

Trong ác mộng ông chỉ thấy con đường và đèn pha của chiếc xe đang lao tới.

Trong ác mộng ông, Pelle Granerud, từng là tài xế chạy xe đường trường đầy hứa hẹn, không kịp phản ứng, không xoay sở thực hiện được một thao tác đơn giản để tránh gã tài xế say rượu chạy ngược chiều. Thay vì làm những điều ông đã làm mỗi ngày khi được huấn luyện trên đường đua mô tô, ông chết trân. Vì ông biết ông có thể mất thứ duy nhất ông không chịu nổi nếu mất. Không phải mạng sống của chính ông mà của gia đình ông: hai người là sự sống của ông.

Hai người ông vừa đến bệnh viện đón, họ là cuộc sống mới của ông. Kể từ đây.

Ông là cha. Ông được làm cha chỉ có ba ngày. Rồi khi tỉnh lại, ông đã về lại chính bệnh viện đó. Đầu tiên họ cho ông biết về những thương tích ở hai chân ông. Đó là do hiểu lầm, họ đã thay ca nên nhân viên mới vào không biết rằng vợ con ông đã mất trong vụ tai nạn. Phải hai tiếng sau ông mới biết. Ông bị dị ứng morphine, có lẽ là do di truyền, và ông đã nằm trong thống khổ không thể nào chịu nổi, kêu gào tên cô ngày này qua ngày khác. Nhưng cô không đến. Và giờ qua giờ, ngày qua ngày, từng tí một ông bắt đầu hiểu ra, rằng ông sẽ không bao giờ, không bao giờ còn gặp lại cô nữa.

Nên ông tiếp tục kêu gào tên cô. Chỉ để nghe cái tên ấy. Họ chưa kịp chọn tên cho đứa bé. Và Pelle chỉ nhận ra rằng mãi đến đêm nay, khi thanh niên để tay lên vai ông, nỗi đau mới tiêu tan.

Pelle thấy bóng dáng người đàn ông trong ngôi nhà trắng. Hắn ta đang ngồi sau cửa sổ rộng không giăng rèm nhìn ra toàn cảnh. Phòng khách sáng trưng như thể người này đang trên sân khấu. Như thể hắn ta đang chờ ai đó.

Iver thấy người đàn ông khổng lồ đang dẫn người khách trò chuyện này giờ bên đàn dương cầm đến chỗ mình và Fredrik.

“Ông ta muốn nói chuyện với anh đấy, không phải tôi,” Fredrik nói nhỏ rồi lúi đi mất, sau khi đã để mắt đến cái gì đó mang chất Nga bên quầy bar đằng kia.

Iver nuốt ực. Đã bao năm rồi kể từ ngày hắn và người đàn ông khổng lồ bắt đầu làm ăn với nhau, bắt đầu cùng hội cùng thuyền, chia sẻ những thắng và họa hoãn lăm mới trầm, chẳng hạn những làn sóng khủng hoảng tài chính toàn cầu vỗ nhẹ lên bờ biển Na Uy? Vậy mà hắn vẫn căng cả người lên, gần như tê liệt khi người đàn ông khổng lồ tiến lại. Thiên hạ đồn ông ta nâng được chính trọng lượng thân mình trên ghế tập tạ. Và không chỉ một lần, mà lặp lại mười lần liền.

Nhưng sự hiện diện hữu hình đầy dọa nạt như vậy của ông ta là một chuyện, còn biết rằng tuyệt đối mọi điều ta nói, mỗi lời, chút biến đổi nơi âm sắc, và nhất là bất cứ gì ta không định bụng, ông ta cũng đều đón bắt được thì lại là chuyện khác. Tất nhiên ngoài ra còn có cả ngôn ngữ cơ thể, sắc mặt và chuyển động của đồng tử.

“Iver này.” Giọng ồm ồm tần số thấp. “Anh thế nào? Agnete. Chuyện khủng khiếp, phải vậy không?”

“Tất nhiên là vậy” , Iver nói, nhìn quanh tìm nhân viên phục vụ.

“Tôi muốn anh gặp một người bạn của tôi - hai người có gì đó chung. Cả hai đều mới góa vợ...”

Người đàn ông có miếng bịt mắt chìa tay ra.

“... bởi cùng một sát thủ,” người đàn ông khống lồ nói.

“Yngve Morsand,” người đàn ông tự giới thiệu và siết chặt tay Iver. “Tôi rất lấy làm tiếc về mất mát của anh.”

“Tôi cũng vậy,” Iver Iversen nói. Vậy đó là lý do hẳn thấy người này trông quen quen. Là tay chủ tàu, chồng của bà vợ bị cửa gàn đứt đầu. Yngve Morsand đã là nghi phạm chính của cảnh sát một thời gian cho đến khi họ tìm thấy ADN

tại hiện trường vụ án. Của Sonny Lofthus.

“Yngve sống ngay ngoài ngoài ô Drammen thôi,” người đàn ông khống lồ nói. “Và tối nay chúng tôi mượn nhà ông ấy.”

“Vậy sao?”

“Chúng tôi dùng nó để giảng bẫy. Chúng tôi định tóm thằng đã giết Agnete, Iver.”

“Sinh Đồi nói rất có khả năng tối nay Sonny Lofthus sẽ mưu sát tôi ở đó” , Yngve Morsand cười và nhìn quanh quất tìm gì đó. Tôi cá tiền là hẳn sẽ không làm vậy. Ông vui lòng bảo phục vụ lấy cho tôi thứ gì đó mạnh hơn martini chứ, Sinh Đồi?”

“Đó là bước đi kế tiếp hiển nhiên của Sonny Lofthus,” người đàn ông khống lồ nói. “May là hẳn khá có phương pháp và dễ đoán, nên tôi nghĩ tôi sẽ ẵm tiền của ông.” Người đàn ông khống lồ cười toét. Hàm răng trắng

dưới ria mép, mắt như hai cái khe nơi bộ mặt nung núc thịt. Ông ta đặt bàn tay hộ pháp lên lưng gã chủ tàu. “Và tôi muốn ông đừng gọi tôi như vậy nữa, Yngve.”

Tay chủ tàu đưa có nhìn lên ông ta. “Ý ông là Sinh Đồi... ối ối.” Miệng hằn há ra còn mặt méo xệch, rúm ró lại sững sờ, tê liệt Iver thấy mấy ngón tay người đàn ông không lồ siết quanh cổ Morsand buông ra rồi tay chủ tàu gập người tới trước mà ho sặc sụa.

“Vậy nên tôi nghĩ ta đã nhất trí về chuyện đó rồi, phải vậy không?” Người đàn ông không lồ đưa tay về phía quầy bar búng tách mấy ngón tay. “Nước.”

Martha lúng túng chọc thìa vào bánh pút đỉnh kem mâm xôi và phớt lờ những câu đang từ mọi góc bàn ném về phía cô. Phải người này từng hành hung cháu không? Hẳn có nguy hiểm không? Nếu hẳn là người trộm trong trung tâm, hẳn là cháu sẽ gặp lại hẳn, Chúa ơi! Lỡ tên này đi tố Anders với cảnh sát vì bảo vệ cô thì sao? Ai cũng biết mấy tên nghiện ma túy này khó lường thế nào.

Nhưng nghĩ lại thì có lẽ hẳn đang phê thuốc nên không nhớ được gì. Một ông cậu thấy hẳn trông giống kẻ trên TV bị truy nã vì giết người. Tên hẳn là gì - hẳn là người nước ngoài hả? Gì vậy, Martha, sao cháu không nói gì cả? Chắc anh đoán được vì sao mà, con bé có phận sự giữ bí mật.

“Cháu đang ăn bánh pút đỉnh mà,” Martha nói. “Bánh ngon đấy, cậu nên ăn thử một miếng xem. Chắc là cháu sẽ đi lấy thêm.”

Anders đi lại đằng sau cô trong bếp.

“Anh nghe hẳn nói rồi,” anh rít lên. “Anh yêu em? Đó là gã trong hành lang ở Ila. Người em đã nói chuyện. Giữa hai người đang có chuyện gì?”

“Anders, đừng...”

“Em đã ngủ với hắn chưa?”

“Thôi đi!”

“Nhất định là lương tâm hắn đầy tội lỗi. Nếu không hắn đã rút súng chĩa vào anh rồi. Hắn làm gì đây - hắn đến để bắn anh chắc? Anh sẽ gọi cho cảnh sát...”

“Để khai với họ là anh đã tấn công và đá vào đầu một người khi chưa bị khiêu khích sao?”

“Vậy ai sẽ nói với họ là anh chưa bị khiêu khích? Em ư?”

“Hay tài xế taxi.”

“Em hả?” Anh chụp cánh tay cô và cười lớn. “Phải, em sẽ nói, đúng không?”

Em sẽ về phe hắn hại chồng chưa cưới. Em, đồ con...”

Cô giăng ra. Một chiếc đĩa nhỏ rơi xuống sàn vỡ tan. Phòng ăn im bật.

Martha bước ra phòng lớn, chụp lấy áo choàng rồi tiến ra cửa. Dừng lại.

Ngập ngừng giây lát. Rồi cô xoay lại bước vào phòng ăn. Cô chụp lấy cái thìa, trắng xóa cả bánh pút đỉnh kem mâm xôi, gõ gõ lên cái ly lóng cả mỡ. Cô nhìn lên thì nhận ra hành động sau cùng đó là bằng thừa, cô đã được mọi người chú ý rồi.

“Bạn bè và gia đình thân mến,” cô nói. “Tôi muốn nói thêm là Anders nói đúng. Quả thực là chúng tôi không thể đợi đến hè...”

Simon chửi thề. Ông đỗ xe giữa Kvadraturen và đang nghiên cứu bản đồ khu vực này. Dịch vụ trợ giúp Telenor của cảnh sát đã cho ông biết điện thoại ở đây.

Điện thoại Sonny Lofthus dùng nhắn tin cho ông. Và giờ Simon biết đó là điện thoại trả trước đăng ký tên Helge Sorensen. Chuyện đó cũng dễ hiểu, cậu ta đã dùng thẻ căn cước của chính tên quản giáo lúc trước.

Nhưng cậu ta ở đâu được?

Tọa độ chỉ bao quát được vài con phố, nhưng lại là những phố đông đúc bậc nhất Oslo. Cửa hiệu, văn phòng, khách sạn, căn hộ. Simon giật nảy người khi có tiếng gõ bên cửa hông.

Ông nhìn lên thì thấy một cô gái tròn trĩnh, trang điểm lòe loẹt, mặc quần dài nóng bỏng, bộ ngực căng tròn trong một thứ áo ngực nào đó. Ông lắc đầu, cô ta xụ mặt với ông rồi bỏ đi. Simon quên rằng đây là khu đèn đỏ tập nập nhất thành phố, nên một người đàn ông ngồi trong xe đậu giữa mấy con phố đó đương nhiên được xem là khách làng chơi. Một vụ khẩu dâm trong xe, mười phút trong khách sạn Bismarck hay dựa tường pháo đài Akershus. Ông đã từng là gã đàn ông đó. Đó không phải cái gì ông tự hào, nhưng xưa kia ông từng sẵn lòng trả cho một chút tiếp xúc với con người và một giọng nói “Em yêu anh”. Cái sau rơi vào phạm trù “dịch vụ đặc biệt” và tốn thêm hai trăm krone nữa.

Ông gọi lại số này lần nữa rồi nhìn thiên hạ xuôi ngược trên vỉa hè, hy vọng một trong số họ sẽ với tay lấy điện thoại và nhân đó tự tổ giác mình. Ông thở dài rồi tắt máy. Nhìn đồng hồ. Ít ra thì ông cũng biết là điện thoại đang ở trong vùng này, và điều đó có lẽ cho thấy tối nay Sonny thúc thủ và không định làm gì tai quái.

Vậy sao Simon lại cảm giác có gì không ổn?

Bo ngồi trong phòng khách xa lạ, nhìn cửa sổ rộng mở ra toàn cảnh. Hắn ngồi trước một ngọn đèn sáng trưng hướng vào cửa sổ để từ ngoài ai nhìn vào cũng chỉ thấy dáng hắn mà không thấy nét mặt. Hy vọng là Sonny Lofthus không rõ lắm vóc dáng Yngve Morsand. Bo nghĩ Sylvester đã ngồi y như vậy khi hắn để tên này lại nhà Lofthus. Sylvester tốt bụng, ngu ngốc, trung thành, ồn ào. Thằng khốn đó đã giết gã. Thằng đó đã làm vậy như thế nào, có lẽ chẳng bao giờ chúng biết được.

Bởi sẽ không có một buổi tra khảo nào để Bo được ra tay báo thù, nhâm nhi như hắn thường nhâm nhi ly rượu vang Hy Lạp có vị nhựa thông. Một số người không chịu được nó, nhưng với Bo thì nó tượng trưng cho mùi vị tuổi thơ hắn, hòn đảo Telendos, bạn bè, một con thuyền sóng sánh hắn thường nằm dưới đáy nhìn lên bầu trời Hy Lạp bao giờ cũng xanh ngắt và nghe sóng gió cùng hát khúc song tấu. Hắn nghe tiếng tách tách bên tai phải.

“Có một xe dừng dưới đường rồi vòng lại.”

“Có ai xuống xe không?” Bo hỏi. Tai nghe, sợi cáp và micro kín đáo đến mức sẽ không hiện rõ trên ánh đèn chiếu ngược từ bên ngoài.

Bọn tôi chưa kịp thấy, nhưng giờ xe đang chạy đi. Chắc là lạc đường.

“OK. Tất cả cứ sẵn sàng.”

Bo chỉnh lại áo chống đạn. Lofthus sẽ không có thời gian đâu mà nhả đạn, nhưng hắn thích có những biện pháp đề phòng hơn. Hắn đã cắt đặt hai đứa trong vườn để tóm Lofthus khi gã ta đi qua cổng hay hàng rào, và một ở hành lang sau cánh cửa trước không khóa. Mọi lối khác đều đã được khóa trái. Chúng ở đây từ năm giờ chiều, chúng mệt mà đêm chỉ mới bắt đầu, nhưng những ý nghĩ về Sylvester sẽ làm hắn tỉnh. Ý nghĩ tóm được thằng con hoang đó. Dụ gã ra ngoài đây. Nếu không đêm nay, thì đêm mai, hay đêm kia. Nhiều lúc Bo nghĩ thật kỳ lạ, sao người đàn ông khổng lồ - bản

thân ông ta có rất ít nhân tính - lại nhìn thấu thiên hạ như vậy. Những thói thúc của họ, những yếu kém và động cơ, họ phản ứng lại áp lực và nỗi sợ ra sao và làm thế nào ông ta có đủ thông tin về tâm tính của họ, những xu hướng và sự thông minh, dự đoán được bước đi kế tiếp của họ với sự chính xác đáng kinh ngạc - hay như chính người đàn ông khổng lồ vẫn nói: sự chính xác đáng ngán. Đáng tiếc là người đàn ông khổng lồ đã ra lệnh phải giết gã thanh niên ngay lập tức mà không bắt giữ nên cái chết của gã sẽ nhanh chóng và hết sức nhẹ nhàng êm ái.

Bo xô dịch trong ghế khi nghe có tiếng động. Rồi khi còn chưa xoay lại thì hẳn đã có một ý nghĩ thoáng qua đầu. Rằng hẳn không có khả năng của người đàn ông khổng lồ là thấy trước được tiếp theo gã thanh niên này sẽ làm gì.

Không khi hẳn bỏ Sylvester lại trong ngôi nhà vàng, và bây giờ cũng không.

Trán gã thanh niên quần khăn tay dính máu và gã đang đứng bên cửa hông chạy từ phòng khách vào thẳng nhà xe.

Làm thế quái nào mà gã vào được lối đó, khi mà chúng đã khóa nhà xe? Hẳn gã đi từ sau nhà, từ ngoài rừng vào. Cạy cửa nhà xe đã khóa chắc hẳn là một trong những ngón mà thằng nghiện thông minh học được. Nhưng đây không phải vấn đề cấp bách nhất của Bo. Vấn đề cấp bách nhất của hẳn là gã thanh niên đang cầm thứ gì đó chẳng may lại tương tự một khẩu Uzi, cái loại có khả năng tuôn ra chín viên đạn 19 li nhanh hơn một đội hành quyết trung bình.

“Mày không phải Yngve Morsand,” Sonny Lofthus nói.

“Hẳn đâu?”

“Hẳn ở đây,” Bo nói, quay đầu qua micro.

“Đâu?”

“Hắn đây,” Bo lặp lại, lần này to hơn chút. “Trong phòng khách.”

Sonny Lofthus vừa nhìn quanh vừa bước tới chỗ Bo giơ cao khẩu súng máy và ngón tay để trên cò. Kíp đạn có vẻ như chứa ba mươi sáu viên. Gã dừng. Có phải gã ta đã phát hiện ra tai nghe và dây cáp từ micro?

“Mày đang nói với ai vậy,” gã thanh niên nói rồi kịp lùi lại một bước trước khi cửa vào hành lang mở toang và Stan cùng khẩu súng lục ập vào. Bo thò tay lấy khẩu Ruger thì nghe tiếng khạc khô khốc, tàn tạch từ khẩu Uzi và kính đồ rào rào như thác khi cửa sổ sau lưng hắn vỡ tan. Đồ nhồi nệm trắng từ bàn ghế bọc vải tuôn ra và vụn gỗ từ sàn lát gỗ bay tung tóe. Gã ta tha hồ rải đạn mà không có mục tiêu cụ thể nào. Nhưng chuyện đó không quan trọng, một khẩu Uzi bao giờ cũng ăn đứt hai súng lục. Bo với Stan nấp vào sau xô pha gần nhất.

Súng chột im bật. Bo nằm ngửa hai tay nắm chặt khẩu súng lục phòng khi mặt gã lộ ra qua mép xô pha.

“Stan!” Hắn gào lên. “Dẫn hắn ra đây.”

Không đáp.

“Stan!”

“Ông làm đi!” Stan gào lên từ sau xô pha tường bên kia.

“Hắn có một con Uzi chết tiệt mà, mẹ kiếp!”

Có tiếng lách tách bên tai nghe của Bo: “Có chuyện gì, sếp?”

Cùng lúc đó Bo nghe thấy tiếng xe khởi động và rồ máy âm ỉ. Morsand đã lấy chiếc Mercedes 280CE Coupe đời 1982 đường bộ đi dự tiệc của Sinh Đồi ở Oslo, nhưng chiếc xe để vợ hắn chạy việc vặt - một chiếc Honda

Civic nhỏ nhắn xinh xắn - vẫn còn đó. Giờ Morsand đã giết bà ta rồi, hẳn không còn người vợ có thể ngồi xe đó chạy quanh, nhưng chắc hẳn chìa vẫn còn cắm nơi bộ đánh lửa. Có lẽ ngoài vùng quê này chúng làm vậy với vợ và xe, đem ra dùng chung.

Bo nghe thấy giọng bọn đàn em bên ngoài.

“Hắn đang tìm cách tẩu thoát!”

“Có người đang mở cửa nhà xe.”

Bo nghe tiếng kèn kẹt khi chiếc Honda vào số. Rồi một tiếng khùng khục khi máy bị nghẹt. Gã này đúng là dân tay mơ hay sao? Hẳn không biết bắn mà cũng chẳng rành lái xe.

“Tóm lấy hắn?”

Xe khởi động lần thứ hai.

“Nhưng mà Uzi...”

“Uzi hay Sinh Đồi, *bọn bay chọn đi!*”

Bo lồm cồm đứng dậy tuôn qua cửa sổ vỡ tan đúng lúc chiếc xe phóng khỏi nhà xe. Nubbe và Evgeni đã thủ thế trước cổng. Nubbe với khẩu Beretta đang nhả đạn liên hồi, hết viên này đến viên khác. Evgeni đưa lên má khẩu Remington 870 cửa mắt bóng súng ở kíp đạn. Hẳn giật búng người khi bóp cò.

Bo thấy kính chắn gió nổ tung, nhưng chiếc xe vẫn tăng tốc, cái hãm xung đấng trước tông vào Evgeni ngay bên trên đầu gối, hất tung hắn lên, rồi Bo thấy hắn lộn nhào trên không trước khi chiếc Civic không còn kính chắn gió ngoạm lấy hắn như cá voi sát thủ nuốt chửng con hải cẩu. Chiếc Civic

cán qua cổng và một đoạn hàng rào, chạy thẳng qua lối đi rải sỏi hẹp vào cánh đồng lúa mì bên kia.

Thế rồi, không chậm lại, nó cắm xuống, kêu kín kít ở số một khi cày một đường qua những thếp lúa mì vàng ruộm đâm ánh trắng, quanh một vòng rộng rồi mới về lại lối đi rải sỏi cuối đường. Động cơ rú còn to hơn - rõ ràng tay lái đã đạp côn mà không lấy chân khỏi chân ga. Rồi gã cho xe vào số hai, máy lại muốn tắt mấy lần nữa, nhưng nó nổ lại được và vậy là xe tiếp tục chạy xuôi con đường nhỏ rải sỏi, và rồi, bởi người lái chưa kịp bật đèn pha, chẳng mấy chốc nó chìm trong bóng tối.

“Ra xe” Bo gào lên. “Ta phải tóm được hắn trước khi hắn vào thành phố.”

Pelle dõi mắt nhìn theo chiếc Honda đầy ngờ vực. Ông đã nghe mấy tiếng súng và qua gương chiếu hậu đã thấy chiếc xe lồng qua cổng, hất tung từng mảnh hàng rào song sắt trắng. Thấy xe cày qua cánh đồng trồng nông sản nhận quá nhiều trợ cấp rồi mới quanh lại đường và tiếp tục hành trình đáng ngờ. Anh chàng này không phải tay lái thuần thục, điều đó thì chắc rồi, nhưng Pelle đã thở phào nhẹ nhõm khi dưới ánh trăng ông nhận ra được cái khăn tay lấm máu bên trên tay lái đằng sau tấm kính chắn gió vỡ toác. Ít ra thì chàng thanh niên vẫn còn sống.

Ông nghe tiếng quát tháo từ trong nhà.

Tiếng súng được nạp đạn trong đêm hè thanh vắng.

Một chiếc xe đang khởi động.

Pelle chẳng biết chúng là ai. Anh thanh niên đã nói với ông - dù điều đó có thật hay không - rằng người đàn ông trong nhà là kẻ giết người. Một người đàn ông, có lẽ là tài xế say rượu đã làm chết người, và giờ đã ra tù. Pelle không biết.

Ông chỉ biết mỗi một điều là sau bao năm tháng cố làm sao để chôn mình cả ngày đêm đằng sau tay lái taxi, ông đã về lại nơi ấy. Nơi ông biết phản ứng lại hay là tê liệt. Xê dịch quỹ đạo của các tinh cầu - hoặc không. Một chàng trai không có được cô gái anh ta muốn. Ông rê ngón tay dọc bức hình để cạnh tay lái. Rồi ông vào số và chạy theo sau chiếc Honda. Xuống đồi rồi chạy vào cây cầu hẹp. Trên vách đá ông thấy hai ngọn đèn pha cắt qua bóng tối. Ông nhấn ga, nhanh dần, quay nhẹ tay lái sang phải, nắm phanh tay, nhấn và thả bàn đạp thoăn thoắt và du dương như tay chơi organ trong nhà thờ và bẻ mạnh tay lái sang trái. Phần đuôi xe xê dịch đúng ý khi ông cưa xe bằng phanh tay. Và khi dừng thì chiếc xe đứng theo đường chéo thật hoàn hảo chắn ngang cầu. Pelle gật đầu hài lòng về mình; ông chưa mất phong độ. Đoạn ông tắt máy, cho xe về số một, dịch qua bên ghế hành khách và ra khỏi xe. Kiểm tra để chắc là cả hai bên đều có khoảng hở tối đa hai mươi phân giữa thành cầu và xe. Bấm chìa một cái là khóa hết các cửa rồi cất bước về phía đường chính. Ông nghĩ về cô, lúc nào ông cũng nghĩ về cô. Giá mà giờ cô thấy ông. Thấy ông đang bước đi. Ông hầu như không thấy đau ở bàn chân, ông chỉ đi khập khiễng. Có lẽ các bác sĩ nói đúng. Có lẽ đã đến lúc quảng nạng đi.

37

Lúc này là hai giờ sáng và đêm hè đang lúc tối nhất.

Từ góc nhìn vắng vẻ trong khoảng rừng thưa phía trên Oslo Simon thấy con vịnh lung linh mờ ảo bên dưới vầng trăng lớn vàng rực.

“Sao?”

Simon kéo áo choàng ôm người như thể bị lạnh. “Tôi từng đưa người con gái đầu tiên tôi yêu đến chỗ này đây. Chỉ để ngắm cảnh. Để ân ái. Cô biết đấy...”

Ông thấy Kari đổi tư thế.

“Chúng tôi không có chỗ nào khác để đến. Và nhiều năm sau khi Else và tôi ở bên nhau, tôi cũng thường đưa cô ấy đến đây. Dù chúng tôi có một căn hộ và giường đôi. Có cảm giác thật... lãng mạn và ngây thơ. Cũng giống như khi yêu lần đầu.”

“Simon...”

Simon quay lại quan sát hiện trường lần nữa. Mấy xe cảnh sát có đèn xanh nhấp nháy, dây rào của cảnh sát và chiếc Honda Civic bị vỡ kính chắn gió và một người chết nằm một góc không được tự nhiên, ấy là nói giảm nhẹ, bên ghế hành khách. Ở đây có rất đông sĩ quan cảnh sát. Quá đông. Quá hoảng loạn.

Lần này giám định viên pháp y đã nhanh chân hơn ông một bước, phỏng đoán nạn nhân đã gãy cả hai chân trong vụ đâm xe, bị hất tung qua nắp ca pô rồi rơi vào xe, gãy cổ khi va đập với ghế ngồi. Tuy nhiên, giám định viên đã thấy thật kỳ lạ là nạn nhân không bị thương tích gì ở mặt sau khi va chạm với kính chắn gió, cho đến khi Simon nhặt được một viên đạn nơi ghế

ngồi. Simon cũng đã yêu cầu phân tích máu tìm thấy nơi ghế tài xế, vì hình dạng vết máu không khớp với vết rách nơi giò nạn nhân.

“Vậy là anh ta đặc biệt yêu cầu chúng ta có mặt ư?” Simon hỏi, hất hàm về phía Asmund Bjornstad đang đứng gần một cảnh sát điều tra hiện trường và vẫy tay.

“Phải,” Kari nói. Vì xe được đăng ký tên Kjersti Morsand, một nạn nhân của Lofthus, nên anh ta muốn...

“Nghỉ phạm.”

“Xin lỗi tôi nghe chưa rõ?”

“Lofthus chỉ bị tình nghi giết Kjersti Morsand. Đã ai báo cho Yngve Morsand biết chưa?”

“Lão ta nói lão không biết gì; đêm nay lão ngủ khách sạn ở Oslo, và lần sau cùng lão thấy thì xe ở trong nhà xe. Cảnh sát Drammen nói trông như đã có nổ súng tại nhà lão. Không may là hàng xóm gần nhất cũng cách đó rất xa, nên không có nhân chứng.”

Asmund Bjornstad bước tới chỗ họ. “Giờ chúng tôi đã biết ai là gã trong ghế hành khách. Evgeni Zubov. Một tên tội phạm có tiếng. Cảnh sát Drammen còn nói có đạn Luger chín viên 19 li dưới ván sàn trong nhà, rải theo hình quạt.”

“Một khẩu Uzi?” Simon nói, nhướn một bên mày.

“Ông nghĩ tôi phải nói với báo chí thế nào đây?” Asmund nói, chỉ ngón cái ra sau vai. Đám phóng viên đầu tiên đã quanh quẩn gần băng cảnh sát bên đường.

“Như mọi khi,” Simon nói. “Nói với họ điều gì đó, nhưng đừng cho họ gì cả.”

Bjornstad thở sượt. “Họ sẽ không để ta yên đâu. Vậy thì khi nào ta mới có thời gian mà làm việc đây? Tôi ghét bọn họ.”

“Họ cũng có việc phải làm mà,” Simon nói.

“Báo chí đang biến anh ta thành người nổi tiếng, ông biết chuyện đó chưa?”

Kari nói khi họ nhìn viên thanh tra trẻ bước tới một biển đèn nháy.

“À, anh ta là điều tra viên có tài mà,” Simon nói.

“Không phải Bjornstad. Sonny Lofthus kia.”

Simon ngạc nhiên quay qua cô. “Thật hả?”

“Họ gọi anh ta là tên khủng bố thời hiện đại. Họ nói anh ta đã tuyên chiến với tội phạm có tổ chức và chủ nghĩa tư bản. Rằng anh ta đang loại bỏ những kẻ ăn bám cho xã hội.”

“Nhưng chính anh ta cũng là tội phạm.”

“Chuyện đó chỉ càng làm cho mục tin rôm rả hơn thôi. Ông không khi nào đọc báo sao?”

“Phải.”

“Ông cũng không trả lời điện thoại. Tôi đã cố gọi cho ông.”

“Tôi bận.”

“Bận sao? Oslo đã bị đảo lộn lên vì mấy vụ án mạng này, vậy mà ông không ở văn phòng cũng không ở ngoài hiện trường. Ông mang danh là sếp

của tôi, Simon.”

“Đã nhận thông điệp và đã hiểu. Chuyện gì vậy?”

Kari hít một hơi sâu. “Tôi đã nghĩ: Lofthus là một trong rất ít thanh niên ở đất nước này không có tài khoản ngân hàng, thẻ tín dụng hay địa chỉ đăng ký.

Nhưng ta biết anh ta có đủ tiền mặt từ vụ án mạng Kalle Farrisén để trọ trong khách sạn.”

“Anh ta đã trả tiền mặt ở Plaza.”

“Đúng vậy. Nên tôi đã kiểm tra các khách sạn. Trong số 20.000 khách trọ khách sạn hằng đêm ở Oslo, trung bình chỉ có sáu trăm người trả tiền mặt.”

Simon nhìn cô chăm chăm. “Cô tìm giúp xem trong sáu trăm này có bao nhiêu người đang ở Kvadraturen được không?”

“Ồ, được. Đây là danh sách khách sạn.” Cô lấy trong túi áo khoác ra một bản in. “Sao vậy?”

Simon một tay cầm bản in còn tay kia đeo kính đọc vào, mở mấy tờ giấy và lướt nhìn. Nhìn các địa chỉ. Một khách sạn. Hai. Ba. Sáu. Và vài khách sạn trong số đó có khách trả tiền mặt, nhất là những khách sạn rẻ tiền. Vẫn còn quá nhiều tên. Và ông đoán một số khách sạn rẻ tiền nhất thậm chí còn không được liệt kê. Simon chỉ ngừng đọc.

Rẻ tiền.

Cô gái đã gõ cửa xe ông. Cuộc hẹn hò của các cặp tình nhân trong xe, tại pháo đài Akershus hay... trong Bismarck. Khách sạn ưa thích của gái điếm Oslo. Ngay giữa Kvadraturen.

“Tôi hỏi ông tại sao.”

“Cứ tiếp tục bám sát manh mối đó, tôi phải đi đây.” Simon cất bước tới xe.

“Chờ đã?” Kari gọi theo rồi chặn lối ông. “Lúc này ông đừng có mà bỏ trốn.

Đang có chuyện gì vậy?”

“Đang có chuyện gì ư?”

“Ông kiểu như đang có công chuyện riêng vậy. Thật không chấp nhận được.” Kari hất mấy đọt tóc trên mặt.

Giờ Simon mới thấy; cả cô cũng kiệt sức.

“Tôi không biết chuyện này là sao,” cô nói. “Có thể là ông muốn cứu vãn tình thế, làm người hùng buổi xế chiều, chứng minh là Bjornstad và Kripos sai.

Nhưng không thể được, Simon. Vụ này quá lớn không làm cuộc thi tè cho một đám anh già được.”

Simon nhìn cô hồi lâu. Thế rồi, cuối cùng, ông chậm rãi gật. “Có thể cô nói đúng. Nhưng những động cơ của tôi không phải như cô nghĩ.”

“Vậy thì nói tôi nghe đó là gì.”

“Tôi không nói được, Kari. Cô chỉ cần tin tưởng tôi là được.”

“Khi chúng ta tới gặp Iversen, ông nói tôi phải chờ bên ngoài vì ông đang tính chuyện phạm luật. Tôi không muốn phạm luật, Simon. Tôi chỉ muốn làm việc của mình. Nên nếu ông không nói tôi biết đây là về chuyện gì...” Giọng cô run run. Nhất định là mệt, Simon nghĩ. “... thì tôi sẽ phải đi gặp ai đó cao hơn và cho họ biết đang có chuyện gì.”

Simon lắc đầu. “Đừng làm vậy, Kari.”

“Nhưng tại sao đừng?”

“Vì” , Simon nói, đón cái nhìn của cô và nhìn chăm chú. “Gián điệp nhị trùng vẫn còn đó. Cho tôi hai mươi bốn giờ. Làm ơn.”

Simon không chờ cô trả lời. Cũng chẳng thay đổi được gì. Ông đi qua cô tới xe. Ông cảm thấy mắt cô nhìn theo sau lưng.

Trên đường chạy xuống đồi từ Holmenkollasen Simon mở đoạn ghi âm cuộc trò chuyện điện thoại ngắn ngủi với Sonny. Tiếng thành thịch nhịp nhàng. Tiếng rên rĩ thái quá. Những bức vách mỏng ở khách sạn Bismarck. Sao ông lại không nhận ra tiếng đó?

Simon nhìn xuống cậu thanh niên ngồi sau quầy tiếp tân đang kiểm tra thẻ cảnh sát của ông. Bao năm đã qua vậy Bismarck không có gì thay đổi. Ngoài chàng trai; hồi ấy cậu ta chưa ngồi đó. Và ông thấy chuyện đó cũng được thôi.

“Phải, tôi thấy ông là sĩ quan cảnh sát, nhưng quả tình tôi không có số khách để cho ông xem.”

“Anh ta trông thế này,” Simon nói, để tấm hình lên quầy.

Cậu thanh niên nhìn chăm chú. Cậu ta do dự.

“Một khả năng khác là chúng tôi vây ráp tòa nhà và đóng cửa toàn bộ chỗ này,” Simon nói. “Cậu nghĩ bố cậu sẽ nói sao nếu cậu làm cái nhà thổ của ông ta phải đóng cửa?”

Nét giống nhau trong gia đình không đánh lừa ông, ông nghĩ đúng.

“Anh ta ở tầng hai. Phòng 216. Ông đi...”

“Tôi sẽ tìm được. Đưa tôi chìa khóa.”

Lần nữa, cậu thanh niên trông miến cưỡng. Rồi cậu ta mở hộc, tháo một chìa trong chùm lớn đưa cho Simon. “Nhưng chúng tôi không muốn có gì lôi thôi cả.”

Simon đi quá thang máy rồi bước hai bước một lên cầu thang. Ông vừa bước dọc hành lang vừa nghe ngóng. Im ắng. Bên ngoài cửa phòng 216 ông rút khẩu Glock ra. Để ngón tay lên cò loại cơ cấu kép. Cố hết sức tra chìa vào ổ không một tiếng động và xoay. Đứng qua một bên cửa, tay phải cầm khẩu súng lục còn tay trái mở cửa. Đếm đến bốn thì thò đầu vào bằng một động tác nhanh. Ông thở phào.

Bên trong tối, màn khép, nhưng đủ sáng để Simon thoáng thấy chiếc giường.

Giường đã dọn và không có ai.

Ông đi vào trong kiểm tra phòng tắm. Một bàn chải và kem đánh răng.

Ông quay lại phòng ngủ, không bật đèn mà ngồi xuống ghế phụ gần tường.

Lấy điện thoại ra bấm vài phím. Một tiếng bíp bíp cất lên đầu đó trong phòng.

Simon mở tủ áo. Bên trên cặp một điện thoại sáng lên trước mặt ông và có số của ông hiện trên màn hình.

Simon bấm phím tắt rồi ngồi phịch xuống ghế.

Chàng trai đã cố ý bỏ điện thoại lại để không bị dò theo. Nhưng có lẽ cậu ta không nghĩ sẽ có người dò ra nó trong một khu dân cư đông đúc thế này. Simon nghe ngóng bóng tối. Lắng nghe một đồng hồ đang đếm lùi.

Markus vẫn còn thức khi thấy Người Con Trai đang bước trên đường.

Markus đã theo dõi ngôi nhà màu vàng từ lúc người kia đến cách đây vài giờ, cậu còn chưa thay pyjama nữa, cậu không muốn để mất thứ gì.

Cậu nhận ra Người Con Trai nhờ cách anh di chuyển khi bước giữa phố về đêm thanh vắng và đèn đường quét qua khi anh đi ngang bên dưới. Trông anh mệt mỏi, có lẽ đã đi bộ xa, vì anh đang ngả nghiêng. Markus tìm được anh qua ống nhòm. Anh mặc bộ com lê, tay nắm chặt bên sườn còn trán quần khăn tay đỏ. Phải máu trên mặt anh không? Chẳng sao, cậu phải báo cho anh biết trước.

Markus thận trọng mở cửa phòng ngủ, rón rén xuống cầu thang, xỏ giày và chạy băng qua đám cỏ héo tới cổng.

Người Con Trai nhận thấy cậu nên dừng lại ngay trước cổng vào nhà mình.

“Chào Markus. Lẽ ra là em đang nằm trong giường chứ?”

Giọng anh trầm tĩnh nhẹ nhàng. Trông anh như mới trải qua mấy cuộc chiến, vậy mà anh nói cứ như đang kể chuyện cho cậu nghe trước giờ ngủ. Markus quyết định là cũng sẽ nói giọng như vậy khi lớn lên và khi không còn biết sợ nữa.

“Anh bị thương hả?”

“Anh bị người ta đụng khi đang chạy xe,” Người Con Trai mỉm cười.

“Không sao đâu.”

“Có ai trong nhà anh đấy.”

“Vậy hả?” Người Con Trai nói, quay qua mấy cửa sổ đen bóng. “Người tốt hay người xấu?”

Markus nuốt ực. Cậu đã thấy hình trên TV. Nhưng cậu cũng nghe mẹ nói rằng chẳng có gì phải sợ, rằng anh chỉ làm hại kẻ xấu. Còn trên Twitter

nhiều người ca tụng anh, viết rằng cảnh sát nên để kẻ xấu trừ khử kẻ xấu, giống như dùng côn trùng ăn mồi sống để diệt trừ sâu bọ.

“Em nghĩ cả hai đều không phải.”

“Vậy sao?”

Martha tỉnh dậy khi có ai đó vào phòng.

Cô đã nằm mơ. Mơ thấy người đàn bà trên gác mái. Đứa bé. Cô thấy đứa bé, nó còn sống, nó vẫn ở đó tự bao giờ, bị nhốt trong tầng hầm và cứ khóc mãi chờ được thả ra. Và giờ nó đã ra ngoài rồi. Nó ở đây.

“Martha?”

Giọng anh, giọng dễ thương, điềm đạm nghe có vẻ ngờ vực.

Cô trở mình trên giường và nhìn anh.

“Anh đã bảo em cứ đến,” cô nói. “Không ai mở cửa cho em vào, nhưng em biết chìa khóa để đâu, nên...”

“Em đến rồi.”

Cô gật. “Em chọn phòng này, em hy vọng là không sao.”

Anh chỉ gật rồi ngồi xuống bên mép giường.

“Tấm nệm để dưới sàn,” cô nói và đuổi người. “Mà này, khi em để nệm lên lại thì có một cuốn sổ rơi qua vạt giường. Em để nó trên bàn đằng kia.”

“OK?”

“Sao mà tấm nệm...”

“Anh đã nấp dưới nệm,” anh nói mà mắt không rời cô. “Khi bò ra, anh thả nó xuống sàn và để luôn đó. Em có gì đấy?”

Anh đưa bàn tay đang túm chặt bên sườn lên sờ một bên tai cô. Cô không đáp. Cô để anh sờ chiếc bông tai. Một luồng gió lay động mấy tấm rèm cô đã treo lên khi tìm thấy trong rừng dựng chặn. Một tia sáng trắng lèn vào, rọi lên bàn tay và mặt anh. Cô sững người.

“Trông vậy thôi chứ không nặng lắm đâu,” anh nói.

“Không, không phải vết rách trên trán. Anh đang bị chảy máu chỗ nào khác.

Đâu vậy?”

Anh vạch áo khoác ra chỉ cho cô thấy. Bên phải áo sơ mi ướt đẫm máu.

“Gì vậy?”

“Một viên đạn. Nó chỉ sượt qua anh thôi. Hoàn toàn vô hại, chỉ là chút máu, sẽ sớm...”

“Suyttt” , cô nói rời vung chân hất chặn đi, dặt tay anh đến phòng tắm. Mặc kệ chuyện anh có thể thấy cô đang mặc đồ lót trong khi cô lục tìm trong tủ thuốc. Tìm được chút thuốc sát trùng cũ đã ở đây mười hai năm, hai cuộn băng, ít bông gòn và dây kéo. Cô bắt anh cởi trần.

“Em thấy rồi đấy, nó chỉ là một lỗ thủng trong lớp xe dự phòng thôi mà,” anh mỉm cười.

Cô từng thấy cái tội tệ hơn. Cô từng thấy cái khá hơn. Cô lau mấy vết thương rồi đắp bông gòn lên các lỗ thủng mà viên đạn đã vào rồi ra. Rồi cô quấn băng quanh thắt lưng cho anh. Khi cô tháo khăn tay quanh trán anh, máu tươi từ bên dưới vết thương liền nhỏ giọt xuống.

“Mẹ anh có bộ đồ khâu nào không?”

“Anh không cần...”

“Em đã nói im mà.”

Cần bốn phút và bốn mũi chỉ để khâu da rách lại.

“Anh thấy chiếc cặp trong hành lang,” anh nói khi cô quẩn vài lớp gạc quanh trán anh.

Đó không phải tiền của em. Mà hội đồng cũng đã phân bổ đủ cho bọn em để sửa chữa, vậy nên cảm ơn nhưng không cần đâu.” Cô dán các mép lại với nhau ngay ngắn rồi vuốt má anh. “Rồi đấy, cái đó ắt là...”

Anh hôn cô. Ngay môi. Rồi anh buông cô ra.

“Anh yêu em.”

Rồi anh lại hôn cô.

“Em không tin anh đâu,” cô nói.

“Em không tin là anh yêu em?”

“Em không tin anh từng hôn những cô gái khác. Anh hôn vụng lắm.”

Tiếng cười làm mắt anh lung linh. “Lâu rồi mà. Làm ơn nhắc cho anh nhớ đi?”

“Đừng lo làm cho đúng. Cứ để nó diễn ra. Cứ hôn em thong thả.”

“Thong thả?”

“Như con rắn ngái ngủ, mềm mại. Như thế này này.”

Cô ôm đầu anh dịu dàng trong tay rồi đưa môi lên môi anh. Rồi cô chợt nhận ra cử chỉ này nó có cảm giác tự nhiên lạ lùng, như thể họ là hai đứa trẻ chơi một trò thú vị nhưng thơ ngây. Và anh tin cậy cô. Như cô tin cậy anh.

“Anh thấy chưa?” cô thì thầm. “Nhiều môi hơn, bớt lưỡi đi.”

“Nhiều cồn hơn, bớt xăng đi?”

Cô cười rúc rích. “Chính xác. Mình vào giường đi.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra ở đó?”

“Mình cứ xem xem. Sườn anh thế nào? Sẽ ổn chứ?”

“Ổn để làm gì?”

“Đừng làm bộ ngây thơ với em.”

“Anh lại hôn cô. Xem chắc không?” anh thì thầm.

“Không. Nên nếu mình chờ quá lâu...”

“Mình vào giường đi.”

Rover đứng lên, vừa ưỡn lưng vừa rên. Đang lúc hào hứng nên gã không nhận lưng đã cứng đờ, giống như khi gã làm tình với Janne, người thỉnh thoảng vẫn ghé qua để “xem gã đang làm gì”. Gã đã thử giải thích rằng lọ mọ với mô tô và lọ mọ với cô nàng có nhiều điểm tương đồng. Rằng ta có thể cứ tiếp tục trong một tư thế cố định mà không chú ý đến các cơ ê ẩm hay thời gian trôi qua.

Nhưng khi ta xong thì đó là lúc trả giá. Cô ta thích thú với sự so sánh. Thật giống cô ta.

Rover lau tay. Việc đã hoàn tất. Thứ cuối cùng gã vừa làm là gắn ống xả mới cho chiếc Harley-Davidson. Giống như chấm phá những nét cuối cùng. Như người lên dây đàn dương cầm dạo vài nốt cây đàn mình vừa chỉnh. Cho vui thôi.

Chỉ cần chỉnh sửa lại ống xả và bộ lọc khí là ta có thể tạo ra thêm 20 b.h.p., nhưng ai cũng biết ống xả chủ yếu là để tạo âm thanh. Làm cho nó tạo ra cái tiếng trầm rừ rừ, lý thú, dễ thương nghe không giống bất cứ gì Rover từng nghe.

Tất nhiên gã có thể vặn chìa ngay để nghe tiếng nhạc của máy khẳng định mọi điều gã vốn đã biết. Hay gã có thể để dành đến sáng mai, như món quà cho mình. Janne vẫn nói đừng bao giờ hoãn thú vui lại, rằng không có gì bảo đảm ta còn được sống thêm một ngày nữa. Gã nghĩ đó là vì Janne là Janne.

Rover dùng giẻ chùi dầu mỡ trên ngón tay rồi đi ra phòng sau rửa tay. Nhìn mình trong gương. Dầu lấm lem đầy mặt trông như mặt nạ chiến binh da đỏ và cái răng vàng. Như thường lệ, xong việc thì gã nhận ra các nhu cầu khác lên tiếng: cái ăn, thức uống, nghỉ ngơi. Thật là một cảm giác tuyệt vời. Nhưng cả cái cảm giác trống trải kỳ lạ theo sau một thành tựu như vậy. Một câu “Giờ thì sao?” Một câu “Ích gì mọi thứ ấy?” Gã xua những ý nghĩ đi. Nhìn nước ấm từ vòi chảy ra. Rồi gã ngừng. Tắt nước. Một tiếng động tiên ngoài nhà xe văng lại.

Janne? Giờ này ư?

“Em cũng yêu anh,” Martha nói.

Đến một lúc anh dừng - cả hai thở hỗn hển, toát mồ hôi, đỏ bừng - dùng tấm vải cô kéo nệm ra lau mồ hôi giữa hai bầu ngực cô, và nói rằng họ có thể tìm thấy hai người ở đây, rằng như vậy nguy hiểm. Rồi cô đáp cô

không dễ dàng sợ một khi đã quyết ý. Và rằng nhân tiện - nếu quả thực họ phải nói chuyện - cô yêu anh.

“Anh yêu em.”

Rồi họ tiếp tục.

“Mày ngừng cung cấp vũ khí cho tao là một chuyện,” gã đàn ông vừa nói vừa lột chiếc găng tay mỏng ra. Đó là bàn tay to lớn nhất Rover từng thấy. “Khi mày bắt đầu cung cấp cho kẻ thù của tao thì lại là chuyện khác, phải vậy không?”

Rover không vùng vẫy. Gã bị hai tên kèm chặt; đứa thứ ba đứng kế gã đàn ông khổng lồ, chĩa súng lúc vào trán Rover. Một khẩu súng lục Rover biết quá rõ vì chính gã đã chế lại nó.

“Đưa thằng nhỏ đó một khẩu Uzi thì chẳng khác nào bảo tao đi chết đi. Có phải đó là điều mày muốn? Tiễn tao xuống địa ngục?”

Rover trả lời thì cũng được thôi. Nói rằng xét theo những gì gã biết về Sinh Đồi thì gã nghĩ đó là nơi ban đầu hẳn đã trời lên.

Nhưng gã không đáp. Gã muốn sống. Thêm vài giây nữa thôi.

Gã nhìn chiếc mô tô sau lưng người đàn ông khổng lồ.

Janne nói đúng. Lẽ ra gã phải nổ máy chiếc xe. Nhắm mắt lắng nghe. Gã nên dừng lại thưởng thức hương hoa. Đó là một sự thật quá hiển nhiên, quá bình thường mà vẫn rất khó hiểu thấu, cho đến lúc thần chết đến đón và ta nhận ra nó thường tình thế nào: ở đời ta chỉ có một sự bảo đảm duy nhất ấy là ta sẽ chết.

Gã đàn ông để đôi găng lên quầy. Trông như mấy bao cao su dùng rồi. “Giờ thì để tao xem...” hẳn nói, liếc một vòng mấy đồ nghề treo trên tường. Hẳn

vừa chỉ ngón tay vào đó vừa thấp giọng ngâm nga: “Eeny, meeny, miney...”

38

Bình minh vừa hừng.

Martha nằm sát bên Sonny, hai bàn chân quấn trong hai chân anh.

Nghe cái nhịp điệu ngủ đều đặn thay đổi trong hơi thở anh. Nhưng mắt anh vẫn nhắm. Cô vuốt ve bụng anh thì thấy một nụ cười thoáng trên môi anh.

“Chào buổi sáng, anh chàng tình nhân,” cô thì thầm.

Anh cười toét mang tai, nhưng nhãn mặt khi cố trở người qua nhìn cô.

“Có đau không?”

“Bên sườn thôi,” anh nhãn mặt.

“Hết chảy máu rồi, đêm qua em có kiểm tra vài lần.”

“Sao? Em sàm sỡ anh lúc anh đang ngủ sao?” Anh hôn bên trán cô.

“Tôi nghĩ ông cũng có sàm sỡ đôi chút đấy, thưa ông Lofthus.”

“Nhớ rằng đây là lần đầu của anh,” anh nói. “Anh không biết nghĩa của từ sàm sỡ.”

“Anh nói dối giỏi lắm,” cô nói.

Anh cười.

“Em đang nghĩ,” cô nói.

“Sao?”

“Tụi mình đi. Đi ngay bây giờ.”

Anh không đáp, nhưng cô cảm thấy người anh cứng lại. Rồi cô cảm thấy nước mắt chực trào ra, bất chợt và dữ dội như con đập đã vỡ. Anh trở người qua ôm cô.

Anh chờ cho cô nguôi khóc.

“Em đã nói gì với họ?” Anh hỏi.

“Em nói Anders với em không thể đợi đến mùa hè,” cô thút thít. “Rằng bọn em phải chấm dứt chuyện này ngay. Hay ít ra là em. Thế rồi em bỏ đi. Em ra ngoài. Chạy xuống đường lớn. Vẫy taxi. Em thấy anh ta chạy theo em còn bà mẹ quý quái theo anh ta sát gót.” Cô cười to, rồi lại bật khóc. “Em xin lỗi,” cô nức nở. “Em thật... thật ngu ngốc! Lạy Chúa, em đang làm gì ở đây?”

“Em yêu anh,” anh thì thầm vào tóc cô. “Đó là điều em đang làm ở đây.”

“Rồi sao? Loại người nào lại đi yêu một người đàn ông giết chóc, kẻ đang làm mọi cách để bị giết, và cuối cùng cũng sẽ bị như vậy. Anh có biết trên mạng người ta gọi anh thế nào không? Đức Phật Cầm Gươm. Họ phỏng vấn mấy phạm nhân cũ mô tả anh như một kiểu thánh. Nhưng anh có biết gì không?” Cô lau nước mắt. “Em nghĩ anh cũng là con người xương thịt như những người em đã thấy đến rồi đi ở Trung tâm Ila.”

“Ta sẽ đi khỏi đây.”

“Vậy thì anh phải đi ngay.”

“Còn hai tên nữa, Martha.”

Cô lắc đầu nước mắt lại dâng lên và cô dấm thùm thụp vào ngực anh giận dữ bất lực. “Đã muộn quá rồi - anh không hiểu sao? Tất cả đều đang tìm anh, tất cả.”

“Chỉ còn hai tên nữa thôi. Kẻ đã quyết định là bố anh phải chết và làm sao để trông như ông là gián điệp nhị trùng. Và tên gián điệp nhị trùng. Rồi ta sẽ đi.”

“Chỉ còn hai tên nữa thôi? Anh chỉ cần giết hai tên nữa thôi rồi ta chạy trốn?”

Chuyện này dễ dàng đối với anh vậy sao?”

“Không, Martha. Nó không dễ dàng với anh. Chẳng tên nào là dễ dàng cả.

Và điều thiên hạ nói không đúng đâu, rằng chuyện đó trở nên dễ dàng hơn.

Nhưng anh phải làm, không còn cách nào khác.”

“Anh có thật bụng nghĩ anh sẽ sống sót không?”

“Không.”

“Không ư?”

“Phải.”

“Không? Vì Chúa, vậy thì sao anh lại nói về...”

“Vì ta chỉ có thể tính đến chuyện sống sót.”

Cô im bật.

Anh vượt trán cô, má và cổ họng. Thế rồi anh bắt đầu kể. Khẽ và chậm, như thể anh phải chắc là mỗi chữ mình chọn đều đúng.

Cô lắng nghe. Anh kể cô nghe về tuổi thơ của anh. Về cha anh. Về cái chết của ông và về mọi thứ xảy ra từ ấy.

Cô lắng nghe và hiểu. Lắng nghe và không hiểu.

Khi anh kể xong thì một tia nắng đã lên vào giữa mấy tấm màn.

“Hãy lắng nghe chính mình,” cô thì thầm. “Anh biết chuyện này điên rồ phải không?”

“Phải,” anh nói. “Nhưng đó là điều duy nhất anh làm được.”

“Điều duy nhất anh làm được là giết nhiều người?”

Anh hít một hơi sâu. “Anh từng chỉ muốn mỗi một điều là được giống bố anh. Khi anh đọc lá thư tuyệt mệnh đó, ông đã tiêu tan. Và anh cũng vậy.

Nhưng rồi - trong tù - khi anh nghe câu chuyện thật là ông hy sinh mạng sống cho anh và mẹ ra sao, anh được sinh ra lần nữa.”

“Sinh ra lần nữa để làm... chuyện này?”

“Anh ước gì còn cách nào khác.”

“Nhưng tại sao? Để thế chỗ bố anh? Vì con trai thì phải...” Cô nheo mắt, gạt những giọt nước mắt cuối cùng. Tự hứa đó sẽ là những giọt cuối. “... hoàn thành cái bố anh ta chưa thể?”

“Bố anh đã làm cái ông phải làm. Anh đang làm cái anh phải làm. Ông chết cho mẹ con anh. Khi nào anh xong chuyện này, anh sẽ ngừng. Anh hứa với em.

Mọi thứ sẽ ổn cả thôi.”

Cô nhìn anh hồi lâu. “Em cần suy nghĩ,” cuối cùng cô nói. “Anh ngủ lại đi.”

Anh ngủ còn cô nằm thức. Đến khi chim cất tiếng hót bên ngoài thì cô cũng ngủ thiếp đi. Và giờ cô tin chắc điều đó.

Cô điên rồi.

Cô đã như vậy từ phút giây nhìn thấy anh.

Nhưng cô không nhận ra là mình cũng điên rồ như anh mãi cho đến khi cô mở cửa bước vào ngôi và vàng này, bắt gặp đôi hoa tai của Agnete Iversen trên quầy bếp và đeo vào.

Martha thức giấc bởi tiếng trẻ con chơi ngoài đường. Những tiếng kêu mừng rỡ. Những bàn chân nhỏ xíu tung tăng. Cô nghĩ tính hồn nhiên đi cùng với sự dốt nát. Hiểu biết thấu suốt không bao giờ làm mọi sự sáng tỏ, chỉ khiến chúng rối rắm thêm. Anh ngủ bình yên bên cô đến mức trong một thoáng cô nghĩ anh đã chết. Cô vuốt má anh. Anh lẩm bẫm gì đó, nhưng không tỉnh dậy. Làm sao một người bị săn đuổi lại có thể ngủ say như vậy? Giấc ngủ của kẻ mang theo lẽ phải. Người ta nói nó ngon lành.

Cô lên khỏi giường, thay đồ rồi đi xuống bếp. Cô tìm thấy chút cà phê, nhưng không còn gì khác. Tủ đông cô đã ngồi ở tầng hầm, có lẽ anh có pizza để lạnh hay gì đó. Cô đi xuống mấy bậc thang tầng hầm rồi cầm tay nắm tủ đông.

Nó khóa rồi, cô nhìn quanh. Mắt cô bắt gặp cây đinh trên tường và chìa khóa có ghi thẻ không còn đọc rõ chữ. Cô lấy chìa tra vào ổ. Xoay. Được rồi. Cô lật nắp lên, cúi vào thì cảm thấy cái lạnh ập vào ngực và cổ họng, rồi cô thét lên một tiếng cộc lốc, thả nắp ra. Quay lại dựa phịch ra thành tủ đông.

Cô vẫn ngồi xồm, thở hồng hộc qua mũi. Cốc chớp chớp mắt xua đi cảnh tượng cái xác nhìn chăm chăm lên cô miệng há ra, trắng xóa và đá đông trên mi mắt. Mạch đập nhanh đến mức cô cảm thấy như ngắt đi. Cô lắng nghe lòng mình. Và mấy giọng nói. Có hai giọng.

Một giọng thét vào tai cô là cô điên rồi, rằng anh ta là kẻ mất trí, một sát thủ, rằng cô phải chạy lên cầu thang ra khỏi nhà ngay!

Giọng kia nói với cô rằng cái xác này chỉ là bằng chứng hữu hình của cái cô đã biết và chấp nhận. Đúng, anh đã giết người. Những kẻ đáng chết.

Tiếng hét ra lệnh cho cô đứng lên. Nó át đi giọng bảo cô rằng đây là cơn hoảng loạn một lúc nào đó rồi cô tất sẽ phải trải qua. Đêm qua cô đã lựa chọn, phải không?

Không, cô không lựa chọn.

Giờ thì cô biết điều đó. Rằng nên nhảy xuống hang đuổi theo con thỏ, bước vào thế giới của anh, hay ở lại trong thế giới bình thường, quyết định của cô sẽ được tạo ra ở đây và lúc này.

Đây là cơ hội cuối cho cô bỏ đi. Vài giây kế tiếp là quãng thời gian quan trọng nhất đời cô. Cơ hội cuối cùng cho cô...

Cô đứng lên. Cô vẫn còn choáng váng, nhưng cô biết mình có thể chạy thật nhanh. Anh sẽ không bao giờ bắt được cô. Cô hít ô xy vào phổi rồi máu vận chuyển nó đến não. Cô dựa người vào nắp tủ đông, thấy bóng mình trên bề mặt bóng loáng. Thấy đôi hoa tai.

Mình yêu anh ấy. Vì vậy mà mình đang làm chuyện này.

Rồi cô mở nắp lần nữa.

Máu từ cái xác rỉ ra đã loang ra hầu hết thực phẩm. Hình vẽ trên mấy hộp Frionor dường như khá lỗi thời. Cũng phải mười hai năm rồi là ít - chuyện đó nghe có vẻ đúng.

Cô tập trung vào hơi thở, ý nghĩ, cố xua đi những gì không có ích. Nếu họ phải ăn, cô phải đến cửa hàng. Cô sẽ hỏi một đứa nhỏ xem siêu thị gần nhất đâu.

Phải, đó là điều cô sẽ làm. Trứng và thịt nguội. Bánh mì mới. Dâu. Sữa chua.

Cô đóng nắp tủ lại. Nhắm nghiền mắt. Cô tưởng mình lại sắp khóc. Nhưng cô bật cười. Tiếng cười điên loạn của kẻ rơi tự do xuống hang thỏ, cô nghĩ. Rồi cô mở mắt ra bước tới cầu thang. Đến đầu cầu thang cô nhận ra mình đang ngâm nga một giai điệu.

Tôi vẫn luôn là người yêu của nàng và tôi muốn cùng nàng phiêu du khắp chốn.

Điên.

... theo nàng thật mù quáng và tôi biết nàng vẫn tin ở tôi.

Điên, điên rồi.

... vì tâm tưởng tôi đã chạm được vào tấm thân tuyệt bích của nàng.

Markus đang chơi trò Mario bên cửa sổ để mở thì nghe thấy tiếng cửa đóng bên ngoài. Cậu nhìn ra. Đó là cô gái xinh đẹp. Hay ít ra thì hôm nay cô ấy xinh.

Cô từ trong ngôi nhà vàng bước ra và đi xuống cổng. Markus nhớ mặt Người Con Trai đã sáng lên khi cậu báo cho anh biết cô đã vào và. Không phải Markus hiểu gì nhiều những chuyện như vậy, nhưng cậu có linh cảm là Người Con Trai đang yêu cô.

Cô đi lại chỗ mấy cô bé đang chơi nhảy dây và hỏi chúng một câu. Chúng chỉ vào cô mỉm cười, nói vọng lại với chúng điều gì đó rồi bước nhanh theo hướng chúng chỉ. Markus định quay lại chơi thì nhận thấy màn trong phòng ngủ kéo ra. Cậu chụp lấy ống nhòm.

Đó là Người Con Trai. Anh đang đứng bên cửa sổ mắt nhắm và bàn tay chống lên cái hông đầy cả bông băng. Anh trần truồng và mỉm cười. Anh trông hạnh phúc. Như Markus vào đêm Giáng sinh, ngay trước khi cậu mở quà.

Không, nói lại, ngày hôm sau, khi cậu thức giấc và nhớ lại những món quà cậu được tặng đêm trước.

Người Con Trai lấy khăn tắm trong tủ thấp, mở cánh cửa phòng và đang định đóng lại thì anh dừng. Anh nhìn qua bên, xuống bàn. Chụp lấy cái gì nằm ở đó. Markus phóng gần vào. Đó là một cuốn sổ. Đóng bìa da đen. Người Con Trai mở cuốn sổ và bắt đầu đọc. Rồi anh buông tấm khăn. Ngồi xuống giường đọc tiếp. Anh ngồi như vậy vài phút. Markus thấy sắc mặt anh biến đổi và người căng lên, sững sờ, tê liệt.

Rồi bất thần anh đứng lên ném cuốn sổ vào tường.

Anh chộp cây đèn bàn và cũng bắt nó chịu sự đối xử tương tự.

Anh nắm chặt bên sườn, gào lên và ngồi phịch xuống giường. Đầu cúi, hai tay gập sau gáy kéo ghì đầu xuống. Anh ngồi mà người run lên như đang trong cơn giận dữ.

Markus biết có gì đó khủng khiếp đã xảy ra, nhưng cậu không biết chuyện gì. Cậu muốn chạy qua, nói hay làm gì đó an ủi anh. Cậu biết cách. Cậu thường làm cho mẹ vui vẻ lên. Nói chuyện với mẹ, nhắc mẹ nhớ những điều thú vị họ cùng làm, mẹ còn nhớ không? Cũng chẳng có nhiều chuyện mà lựa, chỉ ba bốn sự kiện, nên mẹ luôn nhớ. Mẹ thường nhoẻn cười u hoài và vò tóc cậu. Và rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp hơn. Nhưng cậu chưa làm bất cứ điều thú vị gì cùng với Người Con Trai. Mà có lẽ Người Con Trai thích được một mình hơn, điều này Markus hiểu được, chính cậu cũng như vậy. Khi mẹ muốn dỗ dành cậu vì có người làm cậu buồn bực, cậu thường phát

bực; như thể lòng tốt của mẹ làm cậu yếu đuối đi, xác nhận với mấy thằng bắt nạt rằng cậu là đứa ẻo lả.

Nhưng Người Con Trai đâu phải em bé khóc nhè.

Hay là phải?

Anh vừa đứng lên và quay sang cửa sổ; anh đang khóc. Mắt anh đỏ hoe và nước mắt nhạt nhòa trên má.

Lỡ như bấy lâu nay Markus nghĩ sai thì sao, Người Con Trai cũng chỉ như cậu thì sao? Yếu đuối, hèn nhát, một kẻ bỏ chạy, lẩn trốn, sợ bị đánh? Không, không, anh không như vậy, Người Con Trai thì không đâu! Anh to cao mạnh mẽ can đảm và anh đã giúp những kẻ không được như vậy hay chưa được mạnh mẽ.

Người con trai nhạt cuốn sổ lên, ngồi xuống và bắt đầu viết.

Lát sau anh xé một trang trong sổ ra, vò nát ném vào sọt rác bên cửa. Bắt đầu một trang khác. Lần này thì không lâu lắm. Anh xé trang đó ra rồi đọc cái mình vừa viết. Thế rồi anh nhắm mắt và ghi tờ giấy lên môi.

Martha bỏ mấy túi đồ tạp hóa lên quầy bếp. Quẹt mồ hôi trên trán. Cửa hàng ở xa hơn cô tưởng nên cô gần như chạy suốt quãng đường về. Cô xả hộp đựng dâu dưới vòi, lựa ra hai trái to nhất, mọng nhất và mang theo bó hoa mao lương vàng cô hái bên đường. Một lần nữa cô cảm thấy cái tê dại ngọt ngào khi nhớ lại làn da nóng ran của anh dưới chăn. Tên nghiện heroin đã phê khi được cô chạm vào. Vì giờ anh là ma túy của cô. Nghiện sau lần chích đầu tiên. Cô đắm đuối và cô thích chuyện đó!

Trên cầu thang cô đã đánh hơi được điều đó ngay khi thấy cửa phòng ngủ mở. Có gì đó không ổn. Im ắng quá.

Phòng trống. Cây đèn vỡ toang nằm trên sàn. Áo quần của anh đã không còn. Dưới mấy mảnh đèn vỡ cô thấy cuốn sổ đen cô tìm thấy dưới vạt giường.

Cô gọi tên anh dù cô biết sẽ không có tiếng trả lời. Khi quay về vài phút trước, cô thấy cổng để mở dù cô khá chắc đã khép lại khi đi. Chúng đã đến tìm anh, như anh vẫn nói. Rõ ràng anh đã chống cự, nhưng vô ích. Cô bỏ anh nằm đó ngủ, cô đã không chăm lo cho anh được, cô đã không...

Cô quay lại thì phát hiện mẫu thư trên gối. Giấy ngả vàng và trông như đã xé từ cuốn sổ. Nó được viết bằng cây bút cũ nằm bên gối. Phản ứng đầu tiên là cô nghĩ ắt nó là bút của cha anh. Và khi chưa đọc mấy chữ ấy, cô đã nghĩ lịch sử đang lặp lại: Rồi cô đọc mẫu thư, bông rơi mấy bông hoa và đưa tay bịt miệng, một cử chỉ tự động để che cái miệng méo xệch khó coi khi nước mắt trào ra.

Martha yêu dấu, Hãy tha thứ cho anh, nhưng giờ anh sẽ biến mất. Anh yêu em mãi mãi.

Sonny.

39

Markus đang ngồi trên giường tương ngôi nhà vàng.

Người Con Trai vôi vàng bỏ đi mới được hai mươi phút thì cô gái chạy ra, Markus chờ cả mười phút rồi mới nhận ra họ sẽ không quay lại.

Rồi cậu băng qua đường. Chìa khóa nhà đã được để lại chỗ mọi lần.

Giường đã dọn và mấy mảnh vỡ đèn bỏ vào sọt rác. Cậu tìm thấy mẫu giấy vò nhàu dưới mớ mảnh vụn.

Nét chữ viết nắn nót, gần như nữ tính.

Martha yêu dấu, Có lần bố kể anh nghe ông từng chứng kiến một người chết đuối. Ông đi tuần, lúc đó đang giữa đêm và một cậu bé đã gọi từ vịnh ở Kongen. Cha cậu bé rơi xuống biển khi họ đang neo thuyền. Ông ta không biết bơi và đang bám vào mép tàu, nhưng đứa con trai không đủ sức kéo cha lên thuyền lại. Đến khi xe tuần tới thì cha của cậu bé đã chịu thua, buông tay và chìm xuống. Được vài phút thì bố anh gọi cho thợ lặn còn cậu con trai khóc nức nở tuyệt vọng. Và khi họ chờ, ông này bỗng trời lên, mặt tái nhợt tợp không khí. Đứa con kêu lên một tiếng mừng rỡ. Thế rồi người cha lại chìm xuống. Bố anh nhảy xuống nước cứu ông, nhưng trời tối quá. Khi bố anh trời lên lại, ông nhìn thẳng vào gương mặt còn rạn rờ của cậu bé tưởng rằng giờ mọi chuyện đã ổn, cha cậu còn sống và cảnh sát đang ở đây. Và bố anh nói ông thấy tim như xé khỏi lồng ngực cậu bé phút cậu nhận ra Chúa chỉ đùa với cậu khi để cậu nghĩ ngài sẽ trả lại cho cậu người cha ngài đã lấy đi. Bố anh nói nếu có Chúa thì ngài là một vị Chúa tàn nhẫn. Giờ anh nghĩ anh đã hiểu điều ông muốn nói, vì cuối cùng anh đã tìm thấy cuốn nhật ký của bố. Có lẽ ông muốn mẹ con anh biết. Cũng có thể ông chỉ tàn nhẫn. Nếu không thì sao ghi nhật ký mà lại giấu nó ở một chỗ sờ sờ như dưới nệm như vậy?

Em còn cả cuộc đời trước mặt, Martha. Anh nghĩ em có thể dùng nó để làm gì đó tốt đẹp. Anh không thể làm như vậy. Hãy tha thứ cho anh nhưng giờ anh sẽ biến mất.

Anh yêu em mãi mãi.

Sonny Markus nhìn bên bàn. Có cuốn sổ mà Người con trai đã đọc.

Bìa da đen, những trang giấy ngả vàng. Cậu lật xem.

Cậu nhận ra ngay đó là một cuốn nhật ký dù không phải ngày nào cũng có bài viết. Thịnh thoảng lại cách quãng vài tháng. Đôi khi chỉ ghi mỗi ngày vài ba dòng nhật ký. Chẳng hạn, nó ghi là cuối cùng rồi “nhóm tam hùng” cũng sẽ rã đám, rằng có gì đó đã chen vào giữa họ. Một tuần sau thì ghi rằng Helene có thai và họ đã mua nhà riêng. Nhưng thật khó mà sống chỉ bằng đồng lương cảnh sát, thật tiếc là cả cha mẹ ông và Helene đều cảnh nhà sa sút đến không thể giúp họ. Sau đó thì ông thật vui khi Sonny bắt đầu đầu vật. Rồi một trang về chuyện ngân hàng tăng lãi suất, rằng không làm sao trả nổi tiền nhà, ông phải làm gì đó trước khi người ta thu hồi căn nhà.

Nghĩ ra cái gì đó. Rằng ông đã hứa với Helene mọi chuyện sẽ OK. May thay, dường như cậu bé không nhận thấy đang có gì làm bố mẹ lo nghĩ.

19 tháng Ba Sonny nó muốn nổi gót tối trở thành sĩ quan cảnh sát. Helene nói nó bị ám ảnh về tôi, rằng nó tôn thờ tôi. Tôi bảo con trai làm vậy thì đúng thôi và tôi cũng từng như vậy. Sonny là cậu bé ngoan, có lẽ quá ngoan, côi đời khắc nghiệt, nhưng một thằng bé như nó sẽ luôn là phúc lành cho cha nó.

Một vài trang mà Markus không hiểu lắm. Những chữ như “phá sản cá nhân đến nơi” và “bán linh hồn cho quỷ dữ”. Và cái tên “Sinh Đôi”.

Markus lật sang trang kế tiếp.

4 tháng Tám Hôm nay ở Sở người ta lại bàn tán về gián điệp nhị trùng, nói là hãn Sinh Đôi đã gài người trong lực lượng. Thật lạ là nhiều người, thậm chí cả những sĩ quan cảnh sát, lại kém trí tưởng tượng như vậy. Bao giờ cũng là một người đi diệt trừ, một kẻ phản bội. Họ không nhận ra cái tài tình trong việc có hai người? Rằng một người sẽ luôn có chứng cứ ngoại phạm trong khi người kia hoạt động, rằng bằng cách này cả hai chúng tôi sẽ hoàn toàn không bị nghi ngờ trong nhiều dịp đến mức sẽ được tự động loại ra không bị xem là nghi phạm?

Phải, đó là một cách dàn xếp tài tình. Thật hoàn hảo. Chúng tôi là sĩ quan cảnh sát tha hóa, đôi bại hoàn toàn phản bội lại mọi thứ chúng tôi tin vào để đổi lấy ít miếng bạc chẳng đáng. Chúng tôi nhắm mắt làm ngơ những chuyện mua bán ma túy, buôn người, thậm chí giết người. Chẳng có gì quan trọng nữa. Còn đường quay đầu lại không? Có cơ hội được tự thú, ăn năn và tha thứ mà tôi không phải hủy hoại mọi thứ và mọi người quanh mình không? Tôi cũng không biết nữa. Tôi chỉ biết mỗi một điều là tôi phải thoát ra.

Markus ngáp. Bao giờ đọc cậu cũng buồn ngủ, nhất là khi có quá nhiều từ cậu không hiểu. Cậu lật tới vài trang.

15 tháng Chín Tôi không biết chúng tôi có thể tiếp tục thế này được bao lâu mà Sinh Đôi không biết ra chúng tôi là ai. Chúng tôi liên lạc qua địa chỉ Hotmail từ hai máy ăn cắp “mượn” ở phòng chứng cứ, nhưng vậy không an toàn. Bên cạnh đó, nếu muốn, hãn đã có thể dàn xếp theo dõi những nơi chúng tôi thả hàng. Tuần trước nữa, khi lấy phong bì dán bên hông ghế dài tại nhà hàng Broker ở Bogstadveien, tôi tin chắc đã bị phát hiện. Một gã ở quầy bar trừng trừng nhìn tôi, ai cũng có thể thấy hãn là tội phạm. Và tôi đã nghĩ đúng về hãn. Hãn lại chỗ tôi nói là mười năm trước tôi đã bắt quả tang hãn sử dụng tài sản ăn cắp.

Nói đó là điều tuyệt diệu nhất từng xảy ra cho hãn, rằng hãn đã không còn giao du với kẻ xấu và giờ đang điều hành một trại cá với anh trai. Rồi hãn

bắt tay tôi và bỏ đi. Một câu chuyện kết thúc có hậu. Trong phong bì còn có một lá thư Sinh Đôi viết rằng hẳn muốn tôi - nên rõ ràng hẳn không biết chúng tôi có hai người - thăng tiến trong lực lượng cảnh sát, kiếm một việc chóp ba để tôi được hữu dụng hơn; cả cho hẳn và cho tôi. Tiếp cận thông tin nhạy cảm, tiền nhiều hơn. Hẳn viết rằng hẳn có thể giúp tôi thăng tiến, giết dây. Tôi cười to. Chắc tên này điên thật rồi, một kẻ như vậy sẽ không ngừng cho đến chừng nào làm bá chủ được thế giới. Hẳn là kẻ sẽ không chịu dừng tay, nhưng phải bị ngăn lại.

Tôi đưa lá thư cho Z xem. Tôi không hiểu sai, nhưng anh ta không cười.

Markus nghe mẹ đang gọi cậu. Cậu nghĩ mẹ có việc cho cậu làm. Cậu ghét mẹ làm vậy, mở tung cửa sổ ra mà hét toáng tên cậu qua cả xóm như thể cậu là chó hay gì ấy. Cậu lật trang nữa.

6 tháng Mười Đã có chuyện gì đó. Z nói anh ta nghĩ chúng tôi nên bỏ khi đang ở trong hoàn cảnh thuận lợi, rút khi mọi chuyện đang tốt đẹp. Thế rồi mấy ngày trời Sinh Đôi không trả lời email của tôi. Chuyện đó chưa từng xảy ra. Hai người họ đã nói chuyện với nhau? Tôi không biết họ đã nói chuyện chưa, nhưng tôi biết đó không phải chuyện chúng tôi cứ vậy mà bỏ đi được. Tôi biết T2 không còn tin tưởng tôi nữa. Cũng vì lý do đó, tôi không còn tin tưởng hẳn ta nữa. Chúng tôi đã lật mặt thật cho nhau thấy.

7 tháng Mười Đêm qua tôi chợt nhận ra: Sinh Đôi chỉ cần một trong hai chúng tôi và đó chính là cái hẳn sẽ đạt được - một. Kẻ kia sẽ là người mình bị phụ bạc, một nhân chứng cay đắng hẳn phải bị loại. Và Z đã nhận ra điều này. Nên giờ chuyện đã rất cấp bách, tôi phải tóm được anh ta trước khi anh ta tóm tôi. Tôi đã hỏi Helene mai nàng đi cùng Sonny đến trận đấu vật được không vì tôi có việc phải làm. Tôi đã hỏi Z chúng tôi gặp nhau tại phế tích thời Trung cổ ở Maridalen lúc nửa đêm được không rằng chúng tôi có chuyện cần bàn. Anh ta nghe có vẻ hơi ngạc nhiên là tôi lại muốn gặp ở nơi hoang vắng như vậy lúc khuya khoắt như vậy, nhưng nói thế cũng được.

8 tháng Mười Im ăng. Tôi đã nạp đạn khẩu súng lục. Cảm giác thật kỳ lạ khi biết mình sắp đoạt một mạng người. Tôi cứ tự hỏi cái gì đã đưa đẩy mình đến nước này. Tôi làm vậy vì gia đình mình? Hay vì tôi? Hay phải chăng đó là sự căm dỗ muốn đạt được cái bố mẹ tôi đã không đạt được một địa vị trong xã hội, cuộc sống tôi đã thấy được dọn những thằng ngu không xứng đáng? Tôi tháo vát và can đảm - hay yếu hèn nhu nhược? Tôi có phải là người xấu? Tôi đã tự hỏi câu này: nếu con trai ở vào hoàn cảnh của mình, mình có muốn nó làm cái mình đã làm hay không? Và điều đó, tất nhiên, khiến câu trả lời thật rõ ràng.

Chốc nữa thôi tôi sẽ đi Maridalen, rồi chúng ta sẽ xem khi quay về tôi có thành một người khác không. Một kẻ giết người.

Tôi biết nghe có vẻ kỳ lạ, nhưng đôi khi tôi cầu cho ai đó tìm thấy cuốn nhật ký này. Tôi nghĩ điều đó là bản tính con người.

Không còn gì thêm. Markus lật qua các trang để trống đến mấy trang cuối cùng đã bị xé. Rồi cậu để lại cuốn nhật ký trên bàn gần đầu giường và rón rén xuống cầu thang trong khi nghe giọng mẹ gọi tên mình mãi không thôi.

40

Betty bước vào hiệu thuốc đông khách, xé số bên cột ghi “Đơn thuốc” rồi tìm được một ghế trống dọc tường giữa những khách hàng đang nhìn chăm chăm khoảng không hay bất chấp tấm biển cấm sử dụng, bấm phím điện thoại.

Cô đã thuyết phục bác sĩ kê cho toa thuốc ngủ mạnh hơn.

“Đây là những loại benzodiazepine cực mạnh và chỉ để dùng trong thời gian ngắn,” ông nói và nhắc lại cái cô biết rồi; sử dụng chúng sẽ tạo ra cái vòng luẩn quẩn dẫn đến phụ thuộc mà không đến được tận gốc vấn đề. Betty đã đáp gốc rễ vấn đề là cô không ngủ được. Nhất là sau khi cô nhận ra mình đã một mình trong phòng với sát thủ bị truy nã số một trong nước. Kẻ đã bắn chết một phụ nữ tại nhà riêng ở Holmenkollasen. Hôm nay báo nói hãn còn bị tình nghi giết vợ một chủ tàu, rằng hãn đã chọn đại một căn nhà ở ngoại ô Drammen rồi đột nhập và cửa gập đứt đầu bà. Vài ngày qua Betty lang thang quanh quẩn như thây ma, nửa thức, nửa ngủ, bị ảo giác. Đâu đâu cô cũng thấy mặt hãn, không chỉ trên báo chí và TV mà còn trên quảng cáo, tàu điện, nơi bóng hình phản chiếu ở tủ kính. Hãn là người đưa thư, ông hàng xóm, anh phục vụ bàn.

Rồi giờ cô còn thấy hãn ở đây nữa.

Hãn đang đứng bên quầy đóng khăn trắng hay có lẽ chỉ là băng quanh đầu.

Hãn để mớ ống tiêm dùng một lần và kim tiêm dưới da lên quầy để trả tiền. Cái hình bị vỡ nét trên báo không giúp gì lắm, nhưng Betty để ý thấy người đàn bà ngồi ghế cạnh cô vừa nhỏ to gì đó với người bạn vừa chỉ trỏ kẻ này, nên có lẽ bà ta cũng đã nhận ra hãn. Nhưng khi người đội khăn đóng quay lại bước tới cửa, người hãn oặt sang một bên, Betty nhận ra là mình lại bị ảo giác.

Bộ mặt tái mét, dài thườn và đờ đẫn kia trông chẳng giống gì với gương mặt cô đã thấy trong phòng suite 4.

Kari vừa chạy chậm qua mấy tòa nhà lớn vừa cúi người tới đọc số nhà. Sau một đêm không ngủ cô đã quyết ý. Sam, cũng bị cô làm thức giấc, nói Kari không nên làm quá nghiêm túc một việc cô không định làm lâu như vậy. Điều đó đúng, tất nhiên, nhưng cuối cùng thì Kari vẫn ưa thích trật tự. Và điều này có thể ảnh hưởng đến tiền đồ của cô, nó có thể khiến mọi cánh cửa khép lại trước mặt cô. Nên cô đã đi đến cái quyết định là dùng cách tiếp cận trực tiếp.

Cô dừng xe. Đúng là số này.

Cô băn khoăn không biết có nên chạy xe qua cổng để mở và vào thẳng trong nhà, nhưng rồi quyết định đỗ ngoài đường. Cô bước lên lối xe chạy thoải thoải trải nhựa đường. Một vòi phun nước đang rào rào trong vườn; ngoài ra thì hoàn toàn im ắng.

Cô bước lên thêm bấm chuông. Nghe tiếng sửa dũ dội bên kia. Cô chờ.

Không có ai ra. Cô quay lại định bước xuống thềm thì thấy ông ta kia rồi. Ánh mặt trời hắt trong cặp kính hình chữ nhật. Hẳn là ông ta từ đằng sau nhà chính và nhà xe đi lại; chắc hẳn ông ta đã đi nhanh và khế.

“Có chuyện gì?”

Ông ta chấp hai tay sau lưng.

“Tôi là sĩ quan Kari Adel. Tôi có chuyện muốn trình với ông.”

“Vậy nó có thể là gì?” Ông ta đút hai tay sau dây nịt như để xốc quần chino màu be lên hay kéo sơ mi ra - suy cho cùng thì hôm ấy là một ngày hè nóng nực. Hay để đút súng sau nịt và kéo sơ mi phủ lên.

“Simon Kefas.”

“Tôi hiểu rồi. Nhưng sao cô lại đến gặp thẳng tôi?”

Kari bẻ đầu bên này sang bên kia. “Simon làm tôi tin rằng nếu tôi làm việc theo lối thông thường thì tôi có nguy cơ làm rò rỉ thông tin. Ông ấy vẫn tin có một gián điệp nội trú trong hàng ngũ ta.”

“Giờ ông ấy nghĩ sao?”

“Vì vậy mà tôi nghĩ tốt nhất là đến gặp thẳng cấp cao nhất. Đến ông, thưa ủy viên.”

Được, được, Pontius Parr nói, xoa xoa cái cằm hẹp. “Vậy tốt nhất là ta vào nhà, sĩ quan Adel.”

Một con chó sục Airedale hơn hờ nhảy chồm lên đón Kari ở tiền sảnh.

“Willoch! Ta đã nói về chuyện này...”

Con chó nằm bẹp xuống và chỉ cho mình liếm bàn tay Kari còn đuôi vẫy như cái chân vịt. Khi họ bước vào phòng khách, Kari phân trần là người ta bảo cô hôm nay ủy viên ngồi nhà điều hành công việc.

“Tôi đang trốn việc,” Parr mỉm cười chìa tay về một ghế xô pha trông mời gọi và rải rác mấy gối kê. “Đáng ra tuần này tôi bắt đầu kỳ nghỉ hè, nhưng vì hung thủ này đang nhờn nhờ nên...” Ông ta thở dài và ngồi phịch xuống chiếc ghế bành đồng bộ. “Vậy chuyện về Simon này là gì?”

Kari hăng giọng. Khi nghĩ trước những điều định nói, cô đã rất băn khoăn và phải tự trấn an rằng cô không đến mách lẻo, mà để bảo đảm tính chất công việc của họ. Nhưng lúc này, khi ngồi đây với Parr, người trông rất thoải mái và ân cần, thậm chí còn thừa nhận mình đang trốn việc, cô thấy đi thẳng vào vấn đề lại có vẻ tự nhiên hơn.

“Simon đang làm việc riêng,” cô nói.

Ủy viên nhượng một bên mày. “Tiếp đi.”

“Chúng tôi đang điều tra vụ này song song với Kripos, chúng tôi không làm việc với họ, và giờ ông ấy cũng không làm việc với tôi. Chuyện đó cũng được thôi, nhưng vấn đề là dường như ông ấy có một thứ động cơ nào đó. Mà tôi không muốn chìm chung với ông ấy nếu ông ấy có làm điều gì trái luật. Ông ấy bảo tôi tránh xa một vài cuộc gặp nhất định và nói khá thẳng thừng là mình không định làm theo luật.”

“Tôi hiểu rồi. Vậy chuyện này là bao giờ?”

Kari thuật lại tóm tắt cho ông ta nghe cuộc gặp gỡ với Iver Iversen.

“Hừmmm,” Parr nói, nán lại mãi ở “m”. “Chuyện đó không được rồi. Tôi biết Simon, và tôi ước gì được nói là điều này nghe chẳng giống gì ông ấy.

Nhưng không may là có. Cô nghĩ ông ấy có động cơ gì?”

“Ông ấy muốn đơn thương độc mã tóm Sonny Lofthus.”

Parr tì cảm lên ngón cái và ngón trỏ. “Tôi hiểu rồi. Còn ai biết chuyện này nữa không?”

“Không ai cả. Tôi đến thẳng đây.”

“Tốt. Hãy hứa với tôi là cô sẽ không nói chuyện này với ai. Đây là vấn đề tế nhị, mà tôi chắc cô sẽ đánh giá đúng. Ngay lúc này mọi con mắt đều dồn vào cảnh sát nên ta không thể để cho những sĩ quan riêng lẻ hành động thiếu chuyên nghiệp.”

“Tất nhiên, tôi hiểu.”

“Để tôi lo liệu chuyện đó. Chúng tôi sẽ không bao giờ nhắc là cô có dính dáng. Cuộc gặp này chưa từng xảy ra. Nghe có thể ghê gớm nhưng mà bằng cách này, cô sẽ không có cơ bị đồng nghiệp gán cho là đồ hớt lẻo. Những cái tiếng như vậy thường dai dẳng.”

Thường dai dẳng. Cô đã không tính đến chuyện đó. Kari nuốt nước bọt và gật nhanh. “Cảm ơn ông nhiều.”

“Không có gì. Cảm ơn cô, Adel. Cô đã làm đúng. Giờ thì quay lại làm việc đi và cứ tiếp tục như không có chuyện gì, như người ta vẫn nói.” Ủy viên đứng lên. “Tôi phải quay lại ngòì không đây, tôi có phận sự ngòì nhà điều hành công việc.”

Kari đứng lên, vui và nhẹ nhõm vì chuyện này hóa ra nhẹ nhàng hơn cô tưởng nhiều.

Parr dừng lại bên cửa. “Giờ Simon đâu?”

“Tôi không biết, ông ấy cứ vậy mà bỏ hiện trường nơi chúng tôi tìm thấy chiếc xe và cái xác đêm qua, và từ lúc ấy không ai thấy ông ấy cả.”

“Hừm. Vậy cô không biết gì cả sao?”

“Điều sau cùng tôi làm là đưa ông ấy danh sách những khách sạn Loftthus có thể trọ.”

“Dựa trên cái gì?”

“Việc anh ta trả tiền mặt. Chuyện mà thời nay hầu như chẳng ai làm.”

“Thông minh đấy. Chúc may mắn.”

“Cảm ơn ông.”

Kari bước xuống thêm rồi khi đi qua mấy vòi phun nước, cô nghe có tiếng chân đằng sau. Đó là Parr.

“Một điều nữa thôi,” ông ta nói. “Dựa trên điều tôi đang được nghe đây thì tôi hiểu rất có thể chính cô sẽ là người lần ra Lofthus cho chúng ta.”

“Vâng,” Kari nói và biết như vậy nghe có vẻ tự phụ như cô định bụng.

“Nếu chuyện đó xảy ra thì hãy nhớ rằng hẳn ta có vũ khí và nguy hiểm.

Rằng nếu cô hay vài đồng nghiệp của cô buộc phải tự vệ thì sẽ được thông cảm.”

Kari gạt mấy giọt tóc cứ xổ ra. “Chính xác thì điều đó nghĩa là gì?”

“Một phản ứng có vũ trang nhằm ngăn chặn sát thủ này sẽ không được xem nặng. Hãy nhớ, hẳn ta đã tra khảo một nhân viên công vụ.”

Kari cảm nhận được làn gió thổi làm phun những tia nước li ti lên cô.

“Được,” cô nói.

“Tôi sẽ nói với chỉ huy bên Kripos một tiếng,” Parr nói. “Ý đồ là để cô với Asmund Bjornstad làm việc với nhau thành một đội trong vụ điều tra này. Tôi rất tin là hai người có cùng hiểu biết về tình hình.”

Simon nhìn chăm chăm trong gương. Nhiều năm đã qua. Nhiều giờ đã qua.

Ông không còn là người đàn ông mười lăm năm trước. Thậm chí ông cũng không phải người đàn ông bảy mươi hai giờ trước. Có thời ông tin mình bất khả chiến bại. Có thời ông tin mình là đồ cặn bã. Ông đã đi đến cái kết luận mình không phải là cả hai thứ đó, rằng ông là một con người bằng xương bằng thịt, có thể có khả năng làm điều đúng. Hoặc để mình bị những bản năng hèn hạ nhất chúng.

Nhưng điều đó có nghĩa là ông, hay ai đi nữa, có tự do ý chí không? Chẳng phải chúng ta, được cho cùng phương trình toán học, cùng những xác suất, cùng xác suất của cái cho ra kết quả tốt đều sẽ chọn đi chọn lại một cách hay sao?

Người ta quả quyết là ta có thể thay đổi những giá trị số, một người đàn bà có thể bước vào đời ta, ta có thể trở nên sáng suốt hơn và có được nhận định mới về cái thực sự quan trọng. Phải, nhưng chỉ vì mấy thứ ấy đã trở nên quan trọng, tất cả những gì xảy ra là những con số trong phương trình đã đổi, ta vẫn giải theo cách đó. Và rồi ta sẽ lặp đi lặp lại những chọn lựa mới ấy. Bị định đoạt bởi thành phần các hóa chất trong não, thông tin có được, bản năng sinh tồn, nhục dục, nỗi sợ chết, đạo lý học được và bản năng bầy đàn định đoạt. Chúng ta không trừng phạt thiên hạ bởi họ ác, mà vì họ có những chọn lựa sai, những chọn lựa có hại cho bầy đàn. Luân lý không phải ý trời hay vĩnh cửu, chỉ là một tập hợp quy định có lợi cho bầy đàn. Và kẻ nào không biết tuân theo quy tắc, mô thức hành vi đã được chấp nhận, sẽ không bao giờ tuân thủ được vì họ không có tự do ý chí; đó là một ảo tưởng. Như những người còn lại chúng ta, những kẻ phạm pháp cứ làm cái chúng làm. Vì vậy mà phải loại trừ chúng để bảo đảm chúng không sinh sôi và vì vậy mà khiến bầy đàn nhiễm những gien hành vi bất lợi.

Simon Kefas nghĩ cái ông đang nhìn trong gương là người máy. Cầu kỳ phức tạp và lắm khả năng. Nhưng vẫn là người máy.

Vậy chàng trai muốn báo thù cho cái gì? Cậu ta hy vọng đạt được điều gì?

Cứu một thế giới không muốn được cứu? Triệt tiêu mọi thứ ta sẽ không thừa nhận là ta cần? Vì ai chịu nổi việc sống trong một thế giới không có tội ác, không có sự nổi loạn ngu ngốc của kẻ ngốc, không có những kẻ dở dẩn tạo ra phong trào, thay đổi? Không hy vọng vào một thế giới tốt đẹp hơn - hay tồi tệ hơn. Cái vọng động ma quỷ này, cái nhu cầu phải liên tục vận động để có ôxy của cá mập.

“Lúc này thì ổn rồi. Ta cứ vậy đi. Cứ thế này.” Có điều chưa bao giờ có chuyện đó.

Simon nghe thấy tiếng bước chân. Ông kiểm tra lại cho chắc là chốt an toàn đã khóa.

Chìa xoay trong ổ khóa.

Bước chân nghe có vẻ nhanh. Có người đang vội. Ông đếm từng giây mà mắt vẫn không rời mặt mình trong gương bên trên chậu rửa phòng tắm. Chàng trai, sau khi thấy mọi thứ vẫn còn nguyên như khi rời phòng, sẽ bình tĩnh và không phòng bị nữa. Cậu ta có thể vào trong này, nhưng đến lúc đó thì cậu ta đã hạ mọi vũ khí xuống rồi. Simon tiếp tục đếm.

Đến hai mươi thì ông mở cửa bước ra, tay cầm khẩu súng lục.

Chàng trai đang ngồi trên giường.

Trán cậu ta quần băng. Trước mặt cậu ta, trên sàn, là chiếc cặp lấy ở tủ áo Cặp để mở, đầy những túi bột trắng mà Simon nhận ra ngay. Chàng trai đã đâm thủng lỗ nơi một túi. Tay trái cậu ta cầm thìa bột trắng, tay kia là chiếc bật lửa.

Trên giường là mớ ống tiêm dùng một lần và kim tiêm dưới da.

“Ai bắn trước?” Chàng trai hỏi.

41

Simon ngồi xuống ghế đối diện cậu ta. Nhìn cậu ta cầm bật lửa bên dưới cái thìa nhỏ.

“Làm sao ông tìm được tôi?”

“Điện thoại của cậu,” Simon nói, mắt không rời ngọn lửa. “Và tiếng động đằng sau. Bọn gái đang hoạt động. Cậu biết tôi là ai không?”

“Simon Kefas,” chàng trai nói. “Tôi nhận ra ông nhờ mấy tấm hình chụp.”

Bật bắt đầu tan. Những bong bóng li ti nổi lên bề mặt. “Tôi sẽ không chống cự nếu bị bắt. Dù gì tôi cũng định hôm nay sẽ nộp mình.”

“Vậy hả? Sao thế? Cuộc thánh chiến của cậu kết thúc sớm vậy ư?”

“Chẳng có thánh chiến nào cả,” chàng trai nói, cẩn thận để thìa xuống.

Simon biết làm vậy là để cho heroin lỏng nguội lại. Chỉ có niềm tin mù quáng, những ai trong chúng ta vẫn còn tin vào những gì được dạy hồi còn nhỏ. Cho đến ngày ta nhận ra là cõi đời không phải như vậy. Rằng chúng ta là đồ bỏ đi.

Ta đều là rác rưởi cả.”

Simon bỏ súng xuống lòng bàn tay và nhìn. “Tôi sẽ không giải cậu đến đồn cảnh sát, Sonny. Tôi sẽ dẫn cậu đến chỗ Sinh Đồi. Cậu, ma túy và tiền cậu lấy cắp của hắn ta.”

Chàng trai vừa ngược nhìn ông vừa xé bọc ống tiêm. “Được. Với tôi thì cũng thế cả. Hắn sẽ giết tôi?”

“Phải.”

“Dẹp mấy thứ rác rưởi đi. Để tôi chích đã.” Cậu ta bỏ một viên bông gòn vào thìa, cắm kim qua đó rồi rút ống bơm. “Tôi không biết loại ma túy này, có thể không được tinh khiết,” cậu ta nói, như thể giải thích chuyện dùng bông gòn để lọc.

Rồi cậu ta nhìn lên Simon xem ông có hiểu cái mĩa mai.

“Heroin lấy ở chỗ giấu của Kalle Farrisen,” Simon nói. “Cậu giữ nó bấy lâu nay mà không bị cảm dỗ dùng thử?”

Chàng trai cười khẩy, cay nghiệt.

“Tôi dùng từ sai rồi,” Simon nói. Xóa chữ ‘cảm dỗ’ đi. “Nhưng cậu đã cố cưỡng lại được. Bằng cách nào?”

Chàng trai nhún vai.

“Tôi cũng biết đôi điều về người nghiện,” Simon nói. “Danh sách những thứ khiến ta bỏ thì không dài. Hoặc ta tìm thấy Jesus, một người con gái, con cái hay người cầm lưỡi hái. “Trong trường hợp tôi thì đó là một người con gái. Còn cậu?”

Chàng trai không nói gì.

“Bố cậu?”

Chàng trai chỉ đưa mắt dò xét Simon như thể vừa phát hiện ra điều gì.

Simon lắc đầu. “Hai người giống nhau lắm. Giờ tôi thấy còn rõ hơn trong hình.”

“Mọi người vẫn nói ông ấy và tôi chẳng giống gì nhau.”

“Không phải cậu với bố cậu. Cậu với mẹ. Cậu có đôi mắt của mẹ. Cô ấy thường dậy lúc bình minh vừa rạng, trước mấy người chúng tôi, ăn điểm

tâm rồi vội đi làm. Thỉnh thoảng tôi dậy sớm chỉ để nhìn cô ấy ngồi đó, trước khi cô ấy sẵn sàng để đi ra ngoài, mệt mỏi, nhưng có đôi mắt đẹp lạ lùng.”

Giờ chàng trai ngồi im phắc.

Simon lật lật khẩu súng lục như đang tìm kiếm điều gì. “Chúng tôi là bốn người tay trắng, chung nhau một căn hộ ở Oslo, như vậy thì rẻ hơn. Ba anh chàng theo học trường Cảnh sát và thêm mẹ cậu. Ba thanh niên tự xưng là ‘nhóm tam hùng’ và là bạn bè chí cốt của nhau, cha cậu, tôi và Pontius Parr. Mẹ cậu xem báo tìm một nơi để trọ và đã nhận phòng còn dư của chúng tôi. Tôi nghĩ cả ba chúng tôi đều phải lòng ngay từ phút giây nhìn thấy cô ấy.” Simon mỉm cười. “Chúng tôi thay phiên nhau, kín đáo làm quen cô ấy. Và chúng tôi là ba gã đẹp trai, tôi nghĩ cô ấy không rõ nên chọn ai.”

“Chuyện đó thì tôi không được biết,” chàng trai nói. “Nhưng tôi biết mẹ chọn nhầm người.”

“Đúng vậy,” Simon nói. “Cô ấy đã chọn tôi.”

Simon ngược lên khỏi khẩu súng. Bắt gặp cái nhìn của Sonny.

“Mẹ cậu là tình yêu của đời tôi, Sonny. Tôi gần như chìm ngimm khi cô ấy bỏ rơi tôi và bắt đầu hẹn hò với bố cậu. Nhất là khi hóa ra ít lâu sau thì cô ấy có thai. Hai người họ dọn ra, mua nhà ở Berg. Cô ấy có thai, ông ấy vẫn còn học trường Cảnh sát, họ còn chẳng có lấy cái xô mà đi tè. Nhưng lãi suất thấp và những năm ấy ngân hàng vung tiền cho ta.”

Sonny không một lần chớp mắt. Simon hăng giọng.

“Đâu khoảng thời gian đó tôi bắt đầu đánh bạc thật sự. Khi bắt đầu cá ngựa thì tôi đã nợ ngập đầu rồi. Đặt cược cao. Có gì đó làm tôi thấy được giải thoát khi đứng bên bờ vực và biết dù chuyện gì xảy ra đi nữa thì nó cũng sẽ

đưa tôi đi khỏi nơi tôi đang đứng. Lên hay xuống, gần như chẳng quan trọng gì. Lúc đó bố cậu và tôi đã xa cách dần. Tôi không nghĩ mình chịu nổi hạnh phúc của ông ấy.

Ông ấy với Pontius thành bạn thân, nhóm tam hùng rã đám. Tôi bịa có nào đó khi ông ấy nhờ tôi làm cha đỡ đầu cho cậu, nhưng tôi lên vào sau nhà thờ khi cậu được làm lễ rửa tội. Cậu là đứa bé duy nhất không khóc. Cậu chỉ bình thản nhìn lên mỉm cười với cha xứ mới, ông ấy hơi hồi hộp như thể cậu rửa tội cho ông ấy mà không phải ngược lại. Tôi đi thẳng ra ngoài và đặt cược 13.000 krone cho con ngựa tên Sonny.”

“Rồi sao?”

“Cậu nợ tôi 13.000 krone.”

Chàng trai mỉm cười. “Sao ông kể tôi nghe những chuyện này?”

“Vì đôi khi tôi tự hỏi liệu mọi chuyện có cần phải như thế không. Nếu tôi được chọn khác đi. Nếu Ab được chọn khác đi. Nếu cậu được chọn. Einstein nói định nghĩa sự điên rồ là làm đi làm lại một thứ mà nghĩ ta sẽ nhận được kết quả khác. Nhưng nếu có một cái gì khác nữa, nguồn khích lệ thiêng liêng, khiến lần sau chúng ta chọn khác đi thì sao?”

Chàng trai cột ống cao su quanh cánh tay trên. “Ông nói nghe như tín đồ vậy, Simon Kefas.”

“Tôi cũng không biết, tôi chỉ đang hỏi. Nhưng cái tôi biết là bố cậu có ý tốt, dù cậu có nhìn nhận ông ấy khắt khe thế nào. Ông ấy muốn tạo dựng một đời sống tốt đẹp hơn không chỉ cho mình mà cho cả ba người. Tình yêu là sự tận diệt của ông ấy. Còn giờ cậu cũng tự nhìn mình khắt khe như vậy vì cậu nghĩ cậu là bản sao của ông ấy. Nhưng cậu không phải là bố cậu. Ông ấy bằng hoại đạo đức thì không có nghĩa cậu sẽ như vậy. Trách nhiệm của người con trai không phải là giống bố mình, mà tốt đẹp hơn bố.”

Chàng trai cắn chặt răng vào một đầu ống cao su. “Có lẽ nhưng sao giờ chuyện đó lại quan trọng?” Cậu ta nói bằng khóe miệng, đầu ngửa ra sau để cái ống thắt chặt lại và các ven trên cẳng tay nổi lên. Cậu ta xoay ngược ống tiêm lại, ngón cái trên ống bơm còn kim tựa vào ngón giữa. Như vận động viên bóng bàn Trung Quốc, Simon nghĩ. Cậu ta cầm ống tiêm bên tay phải, dù cậu ta thuận tay trái, nhưng Simon biết dân nghiện đã học cách chích bằng cả hai tay.

“Nó quan trọng bởi lẽ giờ đến lượt cậu chọn, Sonny. Cậu có cảm mũi kim đó xuống không? Hay cậu giúp tôi tóm Sinh Đồi? Và gián điệp nhị trùng thực sự?”

Một giọt lấp lánh đầu mũi kim. Từ ngoài đường vẳng lại tiếng xe cộ và tiếng cười, từ phòng bên là tiếng âu yếm thủ thi. Nhịp đập mùa hè êm ả của thành phố.

“Tôi sẽ dàn xếp một cuộc hẹn mà cả Sinh Đồi lẫn gián điệp nhị trùng đều có mặt. Nhưng tôi không thể làm vậy trừ phi cậu còn sống, cậu là mối nhử.”

Chàng trai không có vẻ gì là nghe thấy ông, cậu ta đã cúi đầu và gần như gập mình bên ống tiêm, sẵn sàng phê thuốc. Simon chuẩn bị tinh thần. Rồi ngạc nhiên khi nghe thấy giọng chàng trai:

“Hắn là ai, gián điệp nhị trùng ấy?”

Simon cảm thấy tức ngực và nhận ra mình đã quên thở.

“Cậu sẽ biết nếu cậu có mặt, không phải trước đó. Tôi biết cậu đang trải qua điều gì, Sonny. Nhưng bao giờ cũng có một thời điểm mà mọi chuyện không thể trì hoãn thêm được nữa, khi ta không thể yếu hèn thêm một ngày nào nữa và tự hứa là ngày mai, ngày mai ta sẽ bắt đầu cái cuộc sống khác kia.”

Sonny lắc đầu. “Sẽ không còn cuộc sống nào nữa.”

Simon nhìn chăm chặp ống tiêm. Và khi ấy ông mới nhận ra. Đó là một lượng quá liều.

“Cậu muốn chết mà không được biết ư, Sonny?”

Chàng trai đưa cái nhìn từ ống tiêm lên Simon.

“Cứ nhìn xem cái biết đã đưa tôi tới đâu, Kefas.”

“Phải đây không?” Asmund Bjornstad hỏi và cúi người trên tay lại. Anh ta đọc tấm biển trên lối vào. “Khách sạn Bismarck?”

“Phải,” Kari nói và tháo dây an toàn.

“Mà cô chắc là ông ta đang ở đây?”

“Simon muốn biết những khách sạn nào ở Kvadraturen có khách trả tiền mặt.

Tôi đoán chắc là ông ấy biết điều gì đó, nên tôi đã gọi sáu khách sạn và gửi cho họ hình Sonny Lofthus.”

“Rồi có tin tốt lành từ Bismarck?”

“Nhân viên tiếp tân khẳng định người trong hình đang trọ phòng 216. Anh ta còn nói một sĩ quan cảnh sát đã đến đó rồi và đã vào phòng. Rằng khách sạn đã có thỏa thuận với sĩ quan cảnh sát này và anh ta mong ta tuân thủ.”

“Simon Kefas?”

“Tôi e là vậy.”

“Được, ta nên bắt đầu thôi.” Asmund Bjornstad cầm radio cảnh sát lên bấm nút đàm thoại. “Delta, vào đi.”

Loa kêu lách tách. “Delta nghe. Hết.”

“Tôi cho phép các anh vào. Phòng 216.”

“Rõ. Chúng tôi vào đây. Hết.” .

Bjornstad để radio xuống.

“Họ nhận lệnh gì?” Kari nói, cảm thấy áo sơ mi mình chật cứng.

“Ưu tiên cho an toàn bản thân, bắn chết nếu cần. Cô đi đâu đấy?”

“Kiểm chút khí trong lành.”

Kari băng qua đường. Mấy sĩ quan cảnh sát mặc đồ đen và cầm súng máy MP5 chạy trước mặt cô; một số vào quầy tiếp tân khách sạn, số khác vào cái sân có cầu thang sau và lối thoát hỏa hoạn. Cô đi qua tiếp tân và đang lên cầu thang thì nghe tiếng cửa bị nện một cái rầm và tiếng nổ khô khốc của lựu đạn gây choáng. Cô đi tiếp lên cầu thang rồi đang đi dọc hành lang thì nghe thấy radio cảnh sát lách tách: đã giải tỏa và chiếm khu vực.”

Cô rẽ vào phòng.

Bốn sĩ quan cảnh sát: một trong phòng tắm, ba trong phòng ngủ. Tủ áo và cửa sổ thấy đều mở toang. Không có ai khác. Không còn vật dụng cá nhân.

Khách đã trả phòng.

Markus đang ngồi xõm, tìm ếch trong đám cỏ thì thấy Người Con Trai từ ngôi nhà vàng đi ra bước tới chỗ cậu. Mặt trời chiều sà thấp trên mái đến mức khi Người Con Trai đứng lại trước mặt Markus, trông như đang tỏa sáng từ đầu anh. Anh mỉm cười và Markus mừng vì trông anh đã không còn khổ sở như hồi sáng.

“Vui được gặp em, Markus.”

“Anh đi giờ ư?”

“Ừ, anh phải đi.”

“Sao lúc nào anh cũng phải đi vậy?” Cậu không kịp ngăn mình thốt ra câu đó.

Người Con Trai cũng ngồi xổm xuống và để tay lên vai Markus. “Anh còn nhớ bố em đấy, Markus.”

“Thật hả?” Markus nói, nghe có vẻ không tin cho lắm.

“Ừ. Và dù mẹ em có nói hay nghĩ gì, nhưng chú ấy bao giờ cũng tử tế với anh. Có lần chú ấy đuổi một con nai sừng tấm đực to sụ từ rừng đi lạc vào trong xóm.”

“Vậy hả?”

“Một mình.”

Thế rồi Markus nhìn thấy một cảnh tượng kỳ lạ. Sau đầu Người Con Trai, bên cửa sổ phòng ngủ để mở của ngôi nhà vàng, mấy tấm màn trắng mỏng căng phồng lên. Dù không có tí gió nào. Người Con Trai đứng lên, vò tóc Markus rồi cất bước xuống đường. Tay vung một cái cặp và huýt sáo. Mắt Markus chợt thấy cái gì đó, vậy là cậu quay nhìn lại ngôi nhà. Màn cửa đang bốc cháy. Và giờ thì cậu thấy mấy cửa sổ kia cũng đã mở. Tất cả.

Một con nai sừng tấm đực ư, Markus nghĩ. Bố mình đã đuổi một con nai sừng tấm đực.

Ngôi nhà tạo ra cái tiếng động như đang hút không khí vào. Lúc đầu là tiếng ầm ầm trầm mặc, rồi đến những tiếng ngân nga, mạnh dần thành tiếng nhạc dữ dội, đặc thẳng. Và giờ thì đằng sau những cánh cửa sổ đen họ đã

tung mình và xoay tít rồi, những vũ công ba lê vàng đang làm lễ mừng suy vong, Ngày Phán Quyết.

Simon cho xe về số không rồi để máy chạy không.

Phía dưới đường, bên ngoài nhà ông, còn một xe nữa. Một chiếc Ford Mondeo xanh mới. Cửa kính mờ ở sau. Một chiếc giống hệt đã đậu bên ngoài khoa Mắt tại bệnh viện. Đó có thể là sự trùng hợp tình cờ, tất nhiên, nhưng ông biết rằng năm ngoái Sở Cảnh sát Oslo đã sắm tám chiếc Ford Mondeo. Có cửa sổ mờ để ta không thấy cái đèn xanh nhấp nháy để trên miếng nệm kê đầu ghế sau.

Simon chụp lấy điện thoại nằm bên ghế hành khách.

Điện thoại chưa kịp reo lần hai đã được trả lời.

“Anh cần gì?”

“Chào, Pontius. Hẳn anh rất bức vì điện thoại của tôi cứ đi suốt mà không dừng lại cho các anh dò sóng.”

“Dừng cái trò điên loạn này ngay, Simon, tôi hứa anh sẽ không phải chịu hậu quả.”

“Không gì cả sao?”

“Phải, nếu anh hủy ngay. Anh có chịu thỏa thuận không?”

Anh bao giờ cũng muốn thỏa thuận, Pontius. “Thôi được, tôi có một thỏa thuận cho anh đây. Sáng mai hãy có mặt tại một nhà hàng. Thực đơn gồm có gì?”

“Vài tên tội phạm mà bắt được chúng sẽ là niềm tự hào cho anh.”

“Cụ thể hơn đi?”

“Không được. Nhưng tôi sẽ đưa anh địa chỉ và thời gian nếu anh hứa chỉ dẫn theo một người. Đồng nghiệp của tôi, Kari Adel.”

Im lặng một lát.

“Anh đang cố gài bẫy tôi đấy phải không, Simon?”

“Đã bao giờ tôi làm vậy chưa? Hãy nhớ, anh đồng ý để có được một thỏa thuận lớn. Hay chính xác hơn: anh mất rất nhiều thứ nếu để mấy tên này thoát.”

“Anh có hứa với tôi là chúng tôi sẽ không bước vào một ổ phục kích?”

“Ừ. Anh nghĩ tôi lại để chuyện gì xảy ra cho Kari sao?”

Ngừng.

“Không. Không, anh chưa bao giờ là người như thế, Simon.”

“Tôi đoán đó là lý do vì sao tôi chưa từng lên tới ghế Ủy viên.”

“Téo đấy. Bao giờ và ở đâu?”

“Bảy giờ mười lăm. Aker Brygge, số 86. Hẹn gặp anh ở đó.”

Simon mở cửa sổ hông, ném điện thoại ra và thấy nó mất hút qua hàng rào hàng xóm. Xa xa ông nghe có tiếng xe cứu hỏa.

Rồi ông gài số và rồ máy.

Ông chạy xe về phía Tây. Đến Smestad ông hướng ra Holmenkollasen. Đi quanh co lên cái chỗ điểm nhìn bao giờ cũng đem lại cho ông một cái nhìn bao quát.

Đến lúc này thì chiếc Honda đã được đưa đi và các cảnh sát điều tra hiện trường đã xong việc.

Cuối cùng thì nó đã không còn là hiện trường nữa.

Dù sao thì cũng không phải cho một vụ án mạng.

Simon đỗ xe lại để được ngắm cảnh vịnh và hoàng hôn.

Khi trời bắt đầu tối dần, Oslo trông càng thêm giống ngọn lửa sắp tàn màu đỏ rực và vàng hổ phách. Simon xốc cổ áo choàng lên và bật ghế ra sau. Ông phải cố ngủ một chút. Mai sẽ là một ngày trọng đại.

Ngày trọng đại nhất của tất cả họ.

Nếu họ gặp may.

“Thử cái này xem,” Martha nói, đưa cho cậu thanh niên một áo khoác.

Anh ta có thể được xem là người mới, cô mới thấy anh ta ở đây có một lần.

Hai mươi tuổi, có lẽ vậy, nhưng nếu anh ta còn sống để thấy tuổi hai mươi lăm thì đó đúng là người may mắn. Hay ít ra đó cũng là ý kiến chung của mấy người kia ở quầy tiếp tân Trung tâm Ila.

“Tuyệt, nó vừa với anh quá!” Cô mỉm cười. “Hay là thử mặc với cái này?”

Cô đưa anh ta chiếc quần jean, gần như mới. Cô chợt nhận ra có người đứng sau lưng nên quay lại. Chắc hẳn anh theo lối nhà ăn mà vào, có lẽ anh đứng ở cửa vào phòng kho để áo quần nhìn cô được một lúc rồi cũng nên. Bộ com lê và băng gạc quấn quanh đầu là đã đủ để nhận ra anh, nhưng Martha thậm chí cũng không thấy mấy thứ ấy.

Thứ duy nhất cô thấy là cái nhìn khát khao, nồng nàn của anh.

Tất cả những gì cô không muốn. Tất cả những gì cô muốn.

Lars Gilberg trở mình trong túi ngủ mới toanh. Người bán hàng ở cửa hàng đồ leo núi đã hồ nghi nhìn tờ một ngàn krone rồi mới nhận và đưa gã cái túi ngủ diệu kỳ.

Gilberg chớp chớp mắt. “Cậu quay lại đây à,” gã nói. “Lạy Chúa, cậu thành người Ấn rồi à?” Giọng gã lạnh lạnh vọng lại dưới vòm cầu.

“Có lẽ vậy,” thanh niên mỉm cười ngồi xồm xuống cạnh gã. “Tôi cần một chỗ để ngủ tối nay.”

“Cứ tự nhiên đi. Dù trông như cậu đủ sức thuê khách sạn.”

“Bọn chúng sẽ tìm ra tôi ở đây.”

“Ở đây thì chỗ đây ra đây mà lại không bị theo dõi.”

“Ông cho tôi mượn ít tờ báo nhé? Tức là nếu ông đọc rồi.”

Gilberg cười tủm tỉm. “Cậu cứ mượn cái túi ngủ cũ đáng tin cậy của tôi này

-

giờ tôi dùng nó làm nệm.” Gã kéo cái túi ngủ cũ, xập xệu bắn thiu dưới người ra. “Mà thế không được! Tối nay cậu lấy cái mới còn tôi ngủ trong cái cũ. Trong cái cũ có nhiều tôi quá, hiểu tôi nói gì không?”

“Ông chắc chứ?”

“Ừ. Cái túi ngủ cũ nó nhớ tôi.”

“Cảm ơn nhiều, Lars.”

Lars Gilberg chỉ mỉm cười đáp lại.

Thế rồi khi ngả lưng xuống, gã cảm thấy một sự ấm áp dễ chịu không phải từ túi ngủ. Nó từ bên trong gã.

Nghe như mấy hành lang cùng thở sườn sượt khi toàn bộ cửa xà lim tại Staten đồng loạt khóa lại trong đêm.

Johannes Halden ngồi xuống giường. Ông có làm thế nào thì cũng chẳng thay đổi được gì. Ngồi, nằm hay đứng, cái đau cũng vẫn vậy. Ông cũng biết nó sẽ không hết mà chỉ ngày càng nặng hơn thôi. Căn bệnh của ông giờ đã thấy rõ.

Ung thư phổi rồi lại thêm khối u cỡ bằng trái banh golf trong bẹn.

Arild Franck đã nói sao làm vậy. Như để trừng phạt Johannes vì giúp chàng trai trốn thoát, ông sẽ bị ung thư ăn dần ăn mòn trong xà lim mà không chăm sóc y tế hay dùng thuốc giảm đau. Có lẽ Franck sẽ cho ông tới trạm xá khi cảm thấy Halden chịu đau đớn đã đủ lâu và có thể chết không biết lúc nào, chỉ để tránh phải ghi ra một trường hợp tử vong tại xà lim trong báo cáo hằng năm của hẳn.

Xung quanh im lặng như tờ. Và nhất cử nhất động đều có camera giám sát.

Ngày trước các cai tù thường đi tuần sau giờ khóa xà lim nên nghe tiếng chân họ cũng thấy được an ủi. Một sĩ quan tại nhà thì Uliersmo, Havelmo, một người lớn tuổi, ngoan đạo, thường hát trong lúc đi tuần. Những bài thánh ca xưa bằng giọng nam trung trầm. Đó là bài hát ru hay nhất một tù nhân lâu năm có thể có được, ngay cả những thẳng tâm thần nhất cũng ngừng la hét khi nghe thấy Havelmo bước dọc hành lang. Johannes ước gì lúc này có Havelmo đây.

Ông ước gì giờ chàng trai đang đây. Nhưng ông không ca thán. Chàng trai đã cho ông điều ông muốn. Tha thứ. Lại còn cả một bài hát ru.

Ông đưa ống tiêm lên ánh sáng.

Bài hát ru.

Chàng trai đã bảo ông là cậu ta có được nó từ trong cuốn Kinh Thánh của cha tuyên úy, Per Vollan quá cố - cầu cho linh hồn già vò của ông ta tìm thấy bình an - và rằng cái này là heroin nguyên chất nhất có được ở Oslo. Rồi cậu ta chỉ cho ông cách tiêm khi đến thời điểm.

Johannes để kim lên sợi ven xanh dày nơi cánh tay. Ông hít một hơi run run.

Vậy ra tất cả là thế này đây, đời ông là đây. Một cuộc đời có thể đã khác xa nếu như ông không bằng lòng tuồn vào hai gói từ cảng Songkhla. Kỳ lạ. Nếu là hôm nay thì ông có đồng ý không? Không. Nhưng người đàn ông ngày trước đã gặt đầu. Không biết bao lần. Nên chuyện đã không thể khác đi.

Ông nhấn kim tiêm xuống da, hơi rùng mình khi thấy da trũng xuống và kim trượt vào. Rồi ông ấn ống bơm xuống. đều đều và thong thả. Quan trọng là tiêm cho hết ống.

Điều đầu tiên xảy ra là cái đau tan biến. Như thể có phép màu.

Rồi điều thứ hai xảy ra.

Và cuối cùng ông cũng đã hiểu được cái mấy người kia vẫn nói đến. Phê thuốc. Rơi tự do. Cái ôm. Lẽ nào chuyện đơn giản vậy ư, bấy lâu nay ông chỉ thiếu đúng một mũi chích? Có phải nàng chỉ là mũi chích bị thiếu? Vì giờ nàng ở đây, mặc chiếc váy lụa, mái tóc đen óng, cặp mắt hạnh nhân. Và cái giọng dịu dàng thỏ thẻ những câu tiếng Anh khó nghe bằng đôi môi anh đào mềm mại.

Johannes Halden nhắm mắt lại rồi nằm vật ra giường.

Nụ hôn của nàng.

Đó là tất cả những gì ông hằng mong muốn.

Markus dán mắt vào TV.

Người ta đang nói về tất cả những người bị giết trong ít tuần qua, TV và radio cứ phát mãi chuyện đó. Mẹ đã dặn cậu đừng xem nhiều quá, nó chỉ tổ khiến cậu thấy ác mộng thôi. Nhưng cậu không còn bị ác mộng nữa. Còn lúc này, Markus thấy ông ta trên truyền hình và nhận ra. Ông ta ngồi ở một cái bàn đầy kín micro trả lời các câu hỏi và Markus nhớ ra ông ta nhờ cặp kính không gọng. Markus không hiểu tí gì cả, nó nghĩa là sao hay mọi thứ ấy liên hệ với nhau thế nào. Cậu chỉ biết mỗi một điều là ông này sẽ không phải tới để bật hệ thống sưởi trong ngôi nhà vàng vì giờ nó đã cháy rụi rồi.

Phần 5

42

Lúc 6 giờ 35 sáng, Beatrice Jonasen, nhân viên tiếp tân tại văn phòng luật sư Tomte & Ohre, vừa nén cái ngáp vừa cố nhớ xem người phụ nữ mặc áo choàng đứng trước mặt làm cô nhớ đến cuốn phim nào. Cái gì đó có Audrey Hepburn. *Bữa sáng ở Tiffany?* Cô này cũng quần khăn choàng lụa và đeo kính râm, trông như từ thập niên sáu mươi. Cô ta để một túi xách lên quầy nói là đưa cho Jan Ohre như đã dàn xếp, rồi bỏ đi.

Nửa giờ sau mặt trời hắt bóng lên mấy cửa sổ trên bức tường mặt tiền gạch đỏ của tòa thị chính Oslo, những chiếc phà đầu tiên cập bến ở Aker Brygge và người đi từ Nesoddtangen, Son và Drobak tràn lên bờ trên đường đi làm. Hôm nay sẽ là một ngày quang đãng nữa, nhưng trong không khí có thoáng chút lạnh lạnh, một gợi ý cho thấy ngay cả hè này cũng sẽ không kéo dài mãi. Hai người đàn ông đi cạnh nhau trên lối đi dạo giữa mấy hàng trụ, ngang qua các nhà hàng có ghế dựa vẫn còn úp trên bàn, các tiệm quần áo vài giờ nữa mới mở cửa và người bán dạo ngoài đường dọn đồ ra chuNn bị cho đợt tấn công cuối vào du khách thủ đô. Người trẻ hơn trong hai bọn họ mặc bộ com lê xám thanh lịch nhưng nhàu và dính bNn. Người lớn tuổi hơn mặc áo khoác kẻ ô mua ở cửa hàng giảm giá tại Dressmann còn quần thì đồng bộ với áo ở mỗi khoản giá. Họ đeo kính râm giống hệt nhau mua ở trạm xăng hai mươi phút trước, xách hai cặp giống nhau.

Hai người đàn ông rẽ vào một con hẻm vắng. Được năm chục thước thì họ xuống một cầu thang sắt hẹp dẫn đến cánh cửa khiêm nhường của một nhà hàng mà, xét theo tấm biển kín đáo có vẻ như phục vụ cá và hải sản. Người lớn tuổi hơn thử đẩy cửa, nhưng thấy là nó khóa. Ông gõ. Một bộ mặt, méo mó như trong gương ở hội chợ, xuất hiện bên kia nhỏ tròn nơi cửa. Môi mấp máy còn lời lẽ nghe như từ dưới nước: “Đưa hai tay lên chỗ nào tôi nhìn thấy được.”

Họ làm như hần nói và cửa mở ra.

Tên này tóc vàng và người chắc nịch. Cả hai nhìn xuống khẩu súng lục hần chìa vào họ.

“Vui gặp lại anh,” người lớn tuổi hơn mặc áo khoác kẻ ô nói và đẩy kính râm lên trán.

Vào đi, thằng tóc vàng nói.

Họ bước vào rồi hai gã mặc com lê đen tức thì vỗ vỗ họ từ đầu xuống chân trong khi thằng tóc vàng thong dong dựa cái quỳ phòng để áo khoác, nhưng không hề hạ súng xuống.

Một khẩu súng lục được lấy từ bao súng trên vai người lớn tuổi hơn đưa cho thằng tóc vàng.

“Người này an toàn,” tên mặc com lê đen nói, hất hàm về người trẻ tuổi.

“Nhưng hần có thứ băng gì đó quanh thắt lưng.”

Thằng tóc vàng nhìn chăm chặp thanh niên. “VẬY RA LÀ MÀY, KIỂU NHƯ PHẬT CẦM GƯƠM, HỪ? THIÊN THẦN TỪ DƯỚI ĐỊA NGỤC, HỪ?” Người thanh niên không nói gì. Thằng tóc vàng nhổ toẹt xuống sàn trước đôi giày Vass đen bóng loáng.

“Biệt danh hay đấy - trông cứ như có ai khâu một cây thập ác khốn kiếp trên trán mày vậy.”

“Trên trán mày nữa.”

Thằng tóc vàng cau mày. “Ý mày nói mẹ kiếp gì đó, Phật?”

“Mày không cảm thấy à?”

Thằng tóc vàng bước tới một bước và kiễng chân nên mũi họ gần chạm nhau.

“Giờ không phải lúc đâu,” người đàn ông lớn tuổi nói.

“Câm miệng, ông ngoại,” thằng tóc vàng nói, vạch áo khoác và sơ mi của người thanh niên ra. Mấy ngón tay hấn từ từ lần mò cái băng quần quanh thắt lưng anh ta.

“Đây hả?” Hấn hỏi khi tay chạm tới sườn người thanh niên.

Hai giọt mồ hôi xuất hiện trên trán người thanh niên bên trên cặp kính.

Thằng tóc vàng chọt tay vào băng. Người thanh niên há miệng, nhưng không có tiếng nào thốt ra.

Thằng tóc vàng hăm hè. “Ừ, nó đây.” Hấn chọt mấy ngón tay vào, véo mạnh một miếng trên da.

Một tiếng nấc khản đặc phát ra từ người thanh niên.

“Bo, ông ấy đang chờ kia,” một trong mấy đứa kia nhắc.

“Rồi, rồi,” thằng tóc vàng nói khẽ, mắt vẫn không rời thanh niên đang thờ hồng học lấy không khí. Thằng tóc vàng ấn mạnh hơn. Một giọt nước mắt lăn xuống gò má xanh xao bên dưới kính râm của người thanh niên.

“Sylvester và Evgeni gửi lời hỏi thăm,” thằng tóc vàng nói nhỏ. Rồi hấn thả tay ra quay qua bọn kia.

“Lấy cặp của chúng rồi dẫn chúng vào.”

Những người mới tới giao nộp cặp rồi bước vào phòng ăn.

Người đàn ông lớn tuổi theo bản năng bước chậm lại.

Bóng dáng một người đàn ông, một người to lớn, in trên ánh đèn xanh lá hắt ra từ hồ cá có con cá đủ màu lượn lờ và một tinh thể lấp lánh trên tảng đá trắng lớn có vạt cỏ cao dập dờn trong luồng nước đầy bong bóng. Tôm hùm càng buộc dây tua tủa nằm dưới đáy hồ.

“N hư tôi đã hứa với ông...” người đàn ông lớn tuổi nói lí nhí. “Anh ta đây.”

“Nhưng còn gián điệp nhị trùng đâu?” Người thanh niên nói.

“Cứ tin tôi hẳn ta sẽ tới đây.”

“Chánh thanh tra Simon Kefas,” người đàn ông khổng lồ nói ồm ồm. “Và Sonny Lofthus. Tôi đã đợi chuyện này lâu lắm rồi. N gồi xuống đi.”

Chàng thanh niên di chuyển khó khăn hơn người lớn tuổi khi họ bước tới ngồi đối diện người đàn ông khổng lồ.

Một tên nữa lảng lạng len vào qua cánh cửa xoay dẫn vào bếp. Vai rộng và cổ bò mộng như ba tên kia. “Chỉ có bọn họ thôi” , hẳn ta nói rồi đứng vào cùng ủy ban tiếp đón tạo thành hình vòng cung sau lưng hai người mới đến.

“Mày thấy trong đây sáng quá hay sao hả?” người đàn ông khổng lồ nói, hướng về người thanh niên vẫn đeo kính râm.

“Tôi thấy được mọi thứ tôi muốn thấy, cảm ơn ông,” người thanh niên đáp giọng tình bơ.

“Trả lời hay - tao ước tao có cặp mắt trẻ trung, tươi tắn của mày.” Người đàn ông khổng lồ chỉ vào mắt mình. “Mày có biết độ nhạy ánh sáng của mắt giảm đi ba mươi phần trăm khi ta còn chưa bước qua tuổi năm mươi không? Nếu nhìn như vậy thì cuộc sống là hành trình đi về bóng tối, không phải ánh sáng, phải vậy không? Không định chơi chữ ám chỉ vợ ông đâu, chánh thanh tra Kefas. Vì vậy mà ngay khi có thể, ta phải mau mau học

cách đi qua cuộc đời mà không nhìn thấy. Ta phải có được cái khả năng của gián điệp nhị trùng là dùng các giác quan khác để thấy những chướng ngại và mối đe dọa nào nằm trước mặt, phải vậy không?”

Hắn vung hai cánh tay ra. Giống như đang xem một xe xúc đất có hai thùng chứa.

“Hay ta có thể, tất nhiên, mua một tay gián điệp nhị trùng để thấy giùm ta.

Gián điệp nhị trùng thì có cái rắc rối là chúng thường hoạt động ngầm, vì vậy mà dễ mất chúng. Tao đã mất thằng của tao theo cách như vậy. Chẳng biết hẳn có chuyện gì. Tao còn hiểu là cả mày cũng đang tìm hẳn, phải vậy không?”

Người thanh niên nhún vai.

“Để tao đoán xem. Kefas thuyết phục mày đến đây bằng cách hứa hẹn cho mày tên gián điệp nhị trùng, phải vậy không?”

Người đàn ông lớn tuổi hăng giọng. “Sonny tự ý đến đây vì anh ta muốn làm hòa. Anh ta nghĩ đã báo thù cho cha rồi. N ên giờ các bên nên ai đi đường nấy đi. Để chứng tỏ mình nghiêm túc, anh ta sẵn sàng trả lại tiền và ma túy đã lấy.

Đổi lại, việc săn lùng anh ta sẽ bị hủy bỏ. Làm ơn đưa hai cái cặp cho chúng tôi?”

Người đàn ông khổng lồ hất hàm về thằng tóc vàng đã bày hai chiếc cặp trên bàn. Người đàn ông lớn tuổi với lấy một cặp, nhưng thằng tóc vàng gạt tay ông ra.

“Tùy anh,” người đàn ông lớn tuổi nói, đưa hai lòng bàn tay lên. “Tôi chỉ muốn cho ông thấy là tạm thời lúc này anh Lofthus đem đến cho ông một

phần ba ma túy và một phần ba tiền. Ông sẽ nhận phần còn lại khi anh ta được ông hứa đình chiến và được còn sống rời khỏi đây.”

Kari tắt bộ đánh lửa trong xe. Nhìn lên tấm biển đèn nê ông của hãng tàu cũ có mấy chữ đỏ ghi rõ A-k- e-r B-r- y-g- g-e. Thiên hạ tràn ra từ chiếc phà vừa tới.

“Ủy viên đi gặp bọn tội phạm mà không được yểm trợ thì có an toàn thật không?”

“N hư một người bạn của tôi thường nói,” Pontius Parr đáp kiểm tra súng lục trước khi bỏ lại vào bao súng trên vai, *không vào hang hùm sao bắt được hùm.*

“Cái đó nghe giống Simon,” Kari nói và nhìn đồng hồ trên đỉnh tháp tòa thị chính. 7 giờ 10.

“Chính xác,” Parr nói. “Mà cô biết gì không, Adel? Tôi có cảm giác như ngày hôm nay sẽ đem lại cho ta thật nhiều tràng pháo tay nồng nhiệt. Xong việc tôi muốn cô đi cùng tôi đến buổi họp báo. Ủy viên và nữ sĩ quan trẻ.” Ông ta chép miệng như đang nếm cái gì đó. “Đúng vậy, tôi nghĩ việc đó sẽ được hoan nghênh nhiệt liệt.” Ông ta mở cửa bên ghế hành khách bước ra.

Kari gần như phải chạy dọc lối đi dạo để theo kịp ông ta.

“Sao?” Người đàn ông lớn tuổi hỏi. “Ta có đồng ý thỏa thuận không? Ông lấy lại cái đã bị lấy của ông còn Lofthus có sự chấp thuận chắc chắn để ra nước ngoài.”

“Còn ông được khoản tiền hoa hồng nho nhỏ cho việc môi giới thỏa thuận, phải vậy không?” Người đàn ông không lồ mỉm cười.

“Chính xác.”

“Hừm.” Người đàn ông khổng lồ nhìn Simon như thể đang tìm kiếm gì đó mà không tìm ra. “Bo, mở cặp.”

Bo bước tới trước và cố mở cặp đầu tiên. “Khóa rồi, thưa sếp.”

“1,” người thanh niên nói giọng nhỏ nhẹ, gần như thì thầm, “9-9- 9.”

Bo xoay mấy trục kim loại. Bật nắp lên. Xoay cặp qua phía sếp.

“Của ta đây rồi,” người đàn ông khổng lồ nói, cầm một túi trắng lên. “Một phần ba. Vậy phần còn lại đâu?”

“Ở một chỗ bí mật,” người đàn ông lớn tuổi nói.

“Tất nhiên là vậy. Còn mã số mở cặp tiền?”

“Cũng vậy,” người thanh niên nói.

“1999. Năm cha mày chết, phải vậy không?”

Thanh niên không nói gì.

“OK?” Người đàn ông lớn tuổi nói, gượng một nụ cười và vỗ tay. “Giờ chúng tôi đi được chưa?”

“Tôi tưởng ta sẽ cùng ăn với nhau,” người đàn ông khổng lồ nói. “Ông thích tôm hùm chứ?”

Không phản ứng.

Hắn thở dài. “Nói thật là tôi cũng không thích tôm hùm. Nhưng ông biết gì không? Tôi vẫn ăn. Tại sao? Vì một người ở địa vị tôi thì phải như vậy.” Hắn vung hai cánh tay, áo vest che bộ ngực vạm vỡ vạch ra sau. “Tôm hùm, trứng cá, sâm banh. Ferrari không có phụ tùng, những cựu người mẫu đòi dàn xếp ly dị. Cảnh lẻ loi trên du thuyền, cái nóng ở Seychelles. Chúng

ta làm rất nhiều thứ ta không thực bụng muốn, phải vậy không? Nhưng điều đó cần thiết để duy trì động cơ. Không phải của tôi, mà động cơ của những kẻ làm cho tôi. Chúng cần thấy những biểu tượng thành đạt này - về cái tôi đã đạt được, về cái chúng có thể đạt được, nếu chúng lo làm việc của mình, phải vậy không?”

Người đàn ông không hề dứt điều thuốc vào giữa hai môi dày. Điều thuốc trông nhỏ kỳ lạ nơi cái đầu to bè. “Nhưng, tất nhiên, mấy thứ tượng trưng cho địa vị này còn ở đó để nhắc nhở những đối thủ tiềm ẩn và những kẻ phản kháng bạo lực và sự tàn bạo cũng tương tự vậy. Tôi chẳng ưa gì chuyện đó. Nhưng đôi khi cần có nó để duy trì động cơ. Khuyến khích người ta trả cho tôi cái nợ tôi. Khiến họ không làm gì chống lại tôi. Hẳn châm điều thuốc bằng chiếc bật lửa có hình dạng khẩu súng lục. “Chẳng hạn, có kẻ từng chế lại vũ khí cho tôi.

Hắn rút lui. Tôi chấp nhận chuyện một người thà sửa mô tô hơn là chế súng. Cái tôi không chấp nhận được là hắn bèn giao một khẩu Uzi cho một đứa mà hắn biết đã giết hại vài thuộc hạ của tôi.”

Người đàn ông không hề gõ gõ lên kính hồ cá.

Người thanh niên và người đàn ông lớn tuổi nhìn theo ngón tay hắn chỉ.

Người thanh niên giật mình trên ghế. Người đàn ông lớn tuổi chỉ nhìn.

Tảng đá trắng cỏ mọc dập dờn. Đó không phải đá. Và ánh phản chiếu không phải từ một tinh thể. Mà từ một chiếc răng vàng.

“Bây giờ một số người có thể nghĩ chặt đầu một người là quá đáng, nhưng nếu ta muốn làm thấm nhuần lòng trung thành trong đám nhân viên, đôi khi ta phải làm thái quá. Tôi tin chắc là ông sẽ đồng tình với tôi, chánh thanh tra.”

“Xin lỗi tôi chưa nghe rõ?” Người đàn ông lớn tuổi nói.

Người đàn ông khổng lồ nghiêng đầu chăm chú nhìn ông. “Tai khó nghe hả, chánh thanh tra?”

Người đàn ông lớn tuổi đưa cái nhìn từ hồ cá về lại người đàn ông khổng lồ.

“Tuổi già, tôi e là vậy. Vậy nên nếu ông nói to lên một chút thì sẽ giúp ích.”

Sinh Đồi cười ngạc nhiên. “Nói to lên?” Hãn rút một hơi thuốc rồi nhìn qua thẳng tóc vàng.

“Mày đã kiểm tra xem chúng có đeo dây nghe hay chưa?”

“Rồi, thưa sếp. Chúng tôi còn kiểm tra cả nhà hàng.”

“Vậy là ông điếc rồi, Kefas. Chuyện gì sẽ xảy ra cho vợ chồng ông khi mà...

câu ngạn ngữ thế nào ấy nhỉ? Thằng mù dẫn thằng điếc?”

Hãn nhìn quanh mày nhướng lên và thế là bốn thằng liền ồ lên cười.

“Chúng cười vì chúng sợ tôi,” người đàn ông khổng lồ nói, hướng về người thanh niên. “Mày có sợ không, thằng nhóc?”

Chàng thanh niên không nói gì.

Người đàn ông lớn tuổi liếc nhìn đồng hồ tay.

Kari liếc nhìn đồng hồ tay. 7 giờ 14 phút. Parr đã nhấn mạnh là họ phải đến đúng giờ.

“Nó đây rồi,” Parr nói, chỉ cái tên ở mặt tiền. Ông ta bước tới cửa nhà hàng và mở cho Kari.

Trong phòng để áo khoác tối và im ắng, nhưng cô nghe có giọng nói từ một phòng xa hơn cuối hành lang.

Parr rút súng lục trong bao súng trên vai và ra hiệu cho Kari làm theo. Cô biết những câu chuyện người ta đang kháo nhau trong Sở về màn trình diễn súng săn của cô ở Enerhaugen, nên cô đã phân bua với ủy viên rằng, tuy biết dùng súng, cô vẫn là người học việc trong các cuộc vây ráp có vũ trang. Nhưng ông ta đã đáp rằng Simon cứ khẳng khẳng là cô - và chỉ cô mà thôi - sẽ thắp tung ông và còn nói thêm là hết chín trong mười trường hợp thì xuất trình thẻ cảnh sát là đủ. Và chín mười chín trong một trăm vụ thì đưa thẻ ra cùng một vũ khí là đủ. Dù vậy đi nữa thì tim Kari cũng đập loạn xạ khi họ đi nhanh xuống hành lang.

Giọng nói im bật khi họ bước vào phòng ăn.

“Cảnh sát đây!” Parr nói, chĩa súng lục vào hai người ngồi ở bàn duy nhất đang được sử dụng. Kari đã bước qua bên hai bước và để mắt canh chừng được người to con hơn trong hai. Trong chốc lát ở đó im bật chỉ còn giọng Johnny Cash và “Give My Love to Rose” tràn ra từ cái loa treo trên tường, ở giữa tủ đựng bát đĩa và một cái đầu con bò có cặp sừng dài. Một nhà hàng bíp tết đang phục vụ bữa ăn sáng. Hai người ở bàn, cả hai mặc com lê xám nhạt, ngạc nhiên nhìn họ. Kari nhận ra rốt cuộc không chỉ có họ là khách trong căn phòng sáng trưng; ở bàn bên cửa sổ nhìn ra bến tàu, một cặp lớn tuổi trông như đang lên cơn đau tim cùng một lúc. Hẳn mình đến nhầm chỗ, Kari nghĩ. Đây không thể nào là nhà hàng Simon muốn họ đến. Rồi người nhỏ con hơn trong hai gã com lê xám dùng khăn ăn lau miệng và nói.

“Cảm ơn ông đã thân hành đến, Ủy viên. Tôi có thể cam đoan là không ai trong hai chúng tôi có vũ trang hay có ý xấu.”

“Anh là ai?” Parr gầm lên.

“Tên tôi là Jan Ohre, tôi là luật sư và đại diện cho quý ông đây, ông Iver Iversen.” Ông ta chìa tay về người cao hơn và Kari tức thì nhận ra nét giống nhau người này với cậu con Iversen.

“Các ông làm gì ở đây?”

“Tôi đoán là cũng như ông thôi.”

“Thật sao? Tôi nghe nói trong thực đơn có tội phạm.”

“Và đó là một lời hứa chúng tôi định tuân thủ, Parr.”

“À,” người đàn ông không lồ nói, “mày nên sợ đấy.”

Hắn gạt với thẳng tóc vàng, tên này rút trong dây nịt ra con dao mảnh, lưỡi dài, bước tới một bước, kẹp cánh tay trên trán và gí dao vào cổ họng chàng thanh niên.

“Mày thật sự nghĩ tao thèm để ý chuyện mày ăn cắp chút tiền lẻ của tao sao, Lofthus? Quên tiền với ma túy đi. Tao hứa với thẳng Bo là hắn sẽ được tòng xẻo mày, và tao xem ma túy và tiền đã mất là một khoản đầu tư tốt. Một khoản đầu tư tốt vào động cơ, phải vậy không? Chúng tao có vài cách để làm chuyện này, tất nhiên, nhưng mày sẽ chịu cái chết ít đau đớn hơn nếu cho chúng tao biết mày đã làm gì thẳng Sylvester để chúng tao còn chôn cất cho hắn theo nghi lễ Cơ Đốc. Vậy, mày sẽ nói gì?”

Người thanh niên thở hồng hộc, nhưng không nói gì.

Người đàn ông không lồ động năm đấm xuống bàn làm mấy cái ly nNy lên.

“Mày cũng điếc nữa sao?”

“Có lẽ vậy” thẳng tóc vàng nói, gí sát mặt xuống cái bên tai chàng thanh niên lộ ra dưới cánh tay hắn. “Phật đây đang đeo tai nghe.”

Bọn kia cười.

Người đàn ông không lơ lắc đầu thất vọng trong khi mà xoay mã số trên cặp còn lại.

“Nó là của mà, Bo, từng xẻo nó đi.” Có một tiếng ping khi người đàn ông to béo mở cặp ra, nhưng bọn tay chân mãi chăm chú vào con dao của Bo không nhận thấy cái chốt kim loại nhỏ từ trong cặp rơi ra nNy tưng trên sàn đá.

“Bà mẹ nhỏ nhắn, thông minh của mà đúng về rất nhiều thứ, nhưng cứ động tới chuyện mà là sai ngay,” Simon nói. “Lẽ ra bà ấy không bao giờ được để đứa con của quý ngậm núm vú.”

“Cái q...” người đàn ông không lơ mở miệng. Đám thuộc hạ quay lại. Trong cặp, cạnh khẩu súng lục và một khẩu Uzi, có một vật màu xanh ô liu trông như tay nắm ghi đông xe đạp.

Người đàn ông không lơ ngược lên lại, vừa đúng lúc thấy người đàn ông lớn tuổi kéo nhanh kính trên trán xuống.

“Đúng là tôi đồng ý với chánh thanh tra Simon Kefas là sẽ cùng thân chủ của tôi gặp ông ở đây,” Jan Ohre nói, sau khi cho Pontius Parr xem thẻ căn cước chứng tỏ ông ta đúng là luật sư.

“Ông ấy không nói với ông sao?”

“Không,” Pontius Parr nói. Kari thấy được vẻ bối rối và giận dữ trên mặt Parr. Ohre với thân chủ liếc nhìn nhau. “Tôi có nên hiểu như vậy tức là ông không biết cả về thỏa thuận của chúng ta?”

“Thỏa thuận nào?”

“Chúng tôi muốn thương lượng xin giảm án.”

Parr lắc đầu. “Simon Kefas chỉ bảo tôi là tôi sẽ được dọn sẵn trên đĩa vài tên tội phạm. Nên chuyện này là sao?”

Ohre định đáp thì Iver Iversen nghiêng qua thì thầm vào tai ông ta. Ohre gật rồi Iversen ngồi lại và nhắm mắt. Kari chăm chú nhìn hẳn. Hẳn trông bạc nhược cô nghĩ. Suy sụp, cam chịu.

Ohre hăng giọng. “Chánh thanh tra Kefas tin rằng ông ấy có vài ừm, bằng chứng bất lợi cho thân chủ tôi và vợ quá cố. Nó liên quan đến một số giao dịch bất động sản với một bên có tên Levi Thou. Có lẽ thường được người ta biết đến với cái biệt danh, Sinh Đồi.”

Thou, Kari nghĩ. Không phải một cái tên thường gặp, vậy mà cô mới nghe đây thôi. Ai đó cô đã chào. Ai đó ở sở cảnh sát.

“Kefas còn quả quyết có chứng cứ về một vụ giết người mà ông ấy tin là theo lệnh Agnete Iversen. Kefas nói vì chiếu cố đến con trai của Iversen, ông ấy sẽ tránh trưng ra chứng cứ của cái sau, còn về các giao dịch bất động sản thì thân chủ tôi sẽ được giảm án vì nhận tội và đưa ra chứng cứ bất lợi cho Thou trong phiên tòa.”

Pontius Parr tháo cặp kính hình chữ nhật ra và dùng khăn tay lau. Kari ngạc nhiên thấy mắt ông ta xanh như mắt trẻ con.

“Nghe như một thỏa thuận chúng tôi tuân thủ được.”

“Tốt,” Ohre nói, mở cặp để trên ghế bên cạnh, lấy ra một phong bì rồi đẩy qua bàn cho Parr.

“Đây là bản in mọi giao dịch bất động sản được thực hiện nhằm rửa tiền cho Levi Thou. Iversen cũng sẵn sàng làm chứng chống lại Fredrik Ansgar, trước đây làm phòng Điều tra Gian lận N nghiêm trọng, người đã bảo đảm để cho không một ai điều tra các giao dịch này.”

Parr cầm lấy phong bì. Năm lại.

“Bên trong còn gì khác,” ông ta nói.

“Thẻ nhớ. Nó chứa tập tin âm thanh mà Kefas gửi từ điện thoại cho thân chủ tôi, và là cái ông ấy cũng yêu cầu nộp cho ông.”

“Ông có biết trong đó có gì không?”

Ohre và Iversen lại liếc nhìn nhau. Iversen hăng giọng.

“Nó là đoạn ghi âm ai đó. Chánh thanh tra Kefas nói ông sẽ biết đó là ai.”

“Tôi có mang theo máy tính phòng khi ông muốn nghe ngay,” Ohre nói thêm.

Chiếc cặp mở ra. Vũ khí. Quả lựu đạn xanh ô liu.

Chánh thanh tra Simon Kefas đã kịp nhắm nghiền mắt và bịt tai. Ánh sáng lóa có cảm giác như lửa phả vào mặt ông và một tiếng bùm như quả thoi vào bụng.

Rồi ông mở mắt ra, phóng tới, chụp khẩu súng lục trong cặp và quay lại.

Thằng tóc vàng chết trân, như thể vừa nhìn vào mắt Medusa¹. Tay hắn vẫn kẹp quanh đầu Sonny và cầm con dao. Và giờ thì Simon thấy điều đó, Sonny nói đúng: quả thực gã này có dấu thập trên trán. Một tâm ngảm. Simon bóp cò và thấy lỗ thủng viên đạn tạo ra bên dưới những lọn tóc vàng trước trán hắn. Khi tên này đổ vật xuống, Sonny chụp lấy khẩu Uzi.

Simon đã giải thích cho cậu ta là họ sẽ có tối đa hai giây trước khi hết sự tê liệt tạm thời. Họ đã ngồi trong phòng khách sạn Bismarck thao dượt chính khoảnh khắc này, chụp lấy vũ khí và nhả đạn. Họ không thể nói trước thật chi tiết diễn tiến sự kiện, hiển nhiên rồi, và cho đến tận lúc Sinh Đôi mở

cặp, làm quả lưu đạn gây choáng phát nổ, Simon vẫn đinh ninh là kế hoạch sẽ tiêu tan cả.

Nhưng khi ông thấy Sonny bóp cò và xoay tròn trên một chân thì ông biết Sinh Đôi sẽ không vui vẻ ra về khi hết ngày làm việc hôm nay. Chưa kịp nói hết một chữ, một loạt đạn đã khạc ra từ thứ vũ khí kia. Hai tên thuộc hạ của Sinh Đôi ngã gục, còn đứa thứ ba đang xoay xử thò tay vào trong áo khoác thì đã bị loạt đạn phun ra vạch một hàng lỗ chỗ ngang ngực. Hắn còn đứng một lát rồi đầu gối mới nhận thông điệp là hắn đã chết, và đến lúc đó thì Simon đã quay qua Sinh Đôi. Rồi nhìn sững vào cái ghế trống trơn. Làm sao một người to béo như vậy lại di chuyển...

Ông phát hiện ra hắn ở cuối hồ cá, ngay bên cánh cửa xoay mở vào bếp.

Ông nhắm rồi bóp cò thật nhanh ba phát liên tiếp. Ông thấy áo vest của Sinh Đôi rúm lại ở một chỗ và rồi kính hồ cá vỡ ra một chỗ. Trong một thoáng trông như nước còn giữ được hình dạng chữ nhật, do thói quen hay những sức mạnh vô hình, rồi mới đổ sầm về phía họ như một bức tường xanh lá. Simon cố nhảy qua một bên, nhưng ông quá chậm. Khi bước một bước, ông giẫm nát con tôm hùm dưới chân, cảm thấy đầu gối bủn rủn rồi cả người ngập trong cơn lũ. Khi nhìn lên lại, ông không thấy Sinh Đôi đâu, chỉ có cánh cửa bếp đu đưa.

“Ông có sao không?” Sonny hỏi khi đưa tay đỡ Simon đứng lên.

“Chưa bao giờ tốt hơn,” Simon rên và hất tay Sonny đi. “Nhưng nếu giờ mà Sinh Đôi thoát được, hắn sẽ mất tiêu luôn.”

Simon chạy đến cửa bếp, đá tung cửa bước vào, khẩu súng lục cầm đưa ra trước mặt. Mùi nồng của bếp nhà hàng. Mắt ông rà nhanh một lượt qua mấy quầy bếp kim loại mờ và lò, từng dây nồi, môi và dao mỏng treo thòng xuống từ cái trần thấp và cản tầm nhìn. Simon ngồi xổm xuống để tìm những cái bóng hay chuyển động.

“Sàn nhà kia,” Sonny nói.

Simon nhìn xuống. Những vết đỏ trên gạch lát màu xám xanh. Mắt ông không đánh lừa ông, một viên đạn đã trúng mục tiêu.

Ông nghe xa xa có tiếng cửa đóng sầm.

“Đi thôi.”

Vết máu dẫn họ ra khỏi bếp, dọc một hành lang tối nên Simon giật phăng kính râm ra, lên một cầu thang rồi lại xuống một hành lang khác, rồi dừng bên một cánh cửa kim loại. Một cánh cửa có thể đã gây ra chính tiếng động họ vừa nghe thấy. Mặc dù vậy Simon vẫn kiểm tra mọi cửa hông dọc hành lang và nhìn vào trong. Trong mười người chạy trốn hai người đàn ông với một khẩu Uzi thì hết chín người sẽ luôn chọn lối thoát gần nhất và hiển nhiên nhất, nhưng Sinh Đôi là người thứ mười. Luôn lạnh lùng, luôn duy lý và tính toán. Típ người sẽ sống sót sau vụ đắm tàu. Có thể hẳn chỉ đóng sầm cửa để đánh lạc hướng họ.

“Ta để xong mất hẳn rồi,” Sonny nói.

“Bình tĩnh đi,” Simon nói và mở cánh cửa hông sau cùng.

Không thấy gì.

Và giờ thì đã trông thấy rõ vết máu. Sinh Đôi đang ở sau cánh cửa kim loại.

“Sẵn sàng chưa?” Simon hỏi.

Sonny gật và đứng vào vị trí, nhắm thẳng khẩu Uzi vào cửa.

Simon áp lưng vào tường, kéo tay nắm xuống đẩy mở cánh cửa kim loại.

Ông thấy Sonny trúng đạn. Đạn nặng.

Simon bước ra ngoài. Ông cảm thấy gió trên mặt. “Chết tiệt...”

Họ đang nhìn ra một con phố vắng nằm tắm trong nắng mai. Đây là phố Ruselokkveien giao với Munkedamsveien và chạy tít về hướng Hoàng Cung.

Không xe cộ, không người.

Và không có Sinh Đồi.

Ghi chú:

1. Quý tóc răn trong thần thoại Hy Lạp.

43

“Vết máu ngừng ở chỗ này” , Simon nói chỉ xuống mặt đường nhựa. Hãn Sinh Đôi nhận ra mình đang để lại vết máu nên đã cố ngăn nó nhỏ giọt xuống nền đất. Loại người sống sót được sau vụ đắm tàu.

Ông nhìn lên Ruselokkveien vắng tanh. Cái nhìn lướt quá nhà thờ Thánh Paul, quá cây cầu nhỏ nơi con đường rẽ đi rồi khuất tầm mắt. Ông nhìn trái phải khắp Munkedamsveien.

Không thấy gì.

“Thằng khốn...” Sonny thất vọng đánh khẩu Uzi vào đùi.

“Nếu hãn còn trên đường thì ta đã kịp thấy hãn,” Simon nói. “Hãn hãn đi vào đâu đó.”

“Đâu?”

“Tôi cũng không biết.”

“Hay là hãn có xe ngoài này.”

“Có lẽ vậy. Này!” Simon chỉ khoảng nền đất giữa hai giày của Sonny. “Nìn kìa, thêm một vết máu nữa. Nếu...”

Sonny lắc đầu rồi vạch áo khoác ra. Bên sườn áo sơ mi sạch Simon đưa cậu ta có màu đỏ.

Simon rửa thầm. “Thằng khốn đó đã làm vết thương há miệng lại sao?”

Sonny nhún vai.

Simon lại đảo mắt nhìn lên. Trên đường không có bãi đậu xe. Chưa có tiệm nào mở cửa. Chỉ có những cánh cổng đóng dẫn vào sân sau. Hẳn có thể đi đâu được? Hãy nhìn từ một góc độ khác, Simon nghĩ. Bù lại những điểm mù. Quan sát... ông nhìn đi hướng khác. Đồng tử ông phản ứng lại cái gì đó. Một tia nắng lấp lánh hắt từ miếng kính nhỏ lay động. Hay kim loại. Đồng thau.

“Đi,” Sonny nói. “Ta sẽ thử tìm lại trong nhà hàng, có lẽ hẳn...”

“Không,” Simon nói thấp giọng. Một tay nắm cửa bằng đồng thau. Một cánh cửa từ từ khép sau ta. Một nơi luôn mở.

“Tôi thấy hẳn rồi.”

“Thật sao?”

“Cửa nhà thờ trên kia, cậu thấy không?”

Sonny nhìn chăm chăm. “Không.”

“Vẫn còn đóng. Hẳn trong nhà thờ. Đi.”

Simon chạy. Ông đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia rồi xuất phát. Đó là một hành động đơn giản, ông đã làm từ ngày còn là cậu bé con. Ông cứ chạy mãi, mỗi năm một nhanh hơn. Thế rồi, mỗi năm lại chậm đi một chút. Đầu gối với hơi thở không còn phối hợp với nhau như ngày xưa. Simon xoay sở theo kịp Sonny hai chục mét đầu, rồi chàng trai đi mất. Cậu ta đã chạy trước Simon ít nhất cũng năm chục mét khi ông thấy cậu ta nhảy lên tam cấp, mở toang cánh cửa nặng và biến mất vào trong.

Simon bước chậm lại. Chờ nghe tiếng súng nổ. Kiểu tàn tạ, nghe như đồ trẻ con khi nó đi xuyên qua một bức tường để đến tai ta. Không thấy.

Ông bước lên mấy bậc thềm. Kéo cánh cửa nặng mở ra và bước vào.

Cái mùi. Cảnh im ắng. Sức nặng đức tin của hàng bao người biết suy nghĩ.

Mấy bục ghế trống, nhưng nến đã thắp trên bàn thờ nên Simon nhớ ra là nửa giờ nữa buổi lễ sáng sẽ bắt đầu. Mấy ngọn nến lập lòe soi Chúa Cứu thế lạc lõng trên thánh giá. Rồi ông nghe thấy tiếng thì thầm, ngâm nga nên quay sang trái.

Sonny đang ngồi trong ngăn nhỏ để mở cửa phòng xưng tội, khẩu Uzi chĩa vào bảng gỗ đục lỗ phân tách nó với ngăn bên kia có tấm màn đen phủ gần hết lối vào bằng ván. Chỉ có một khe hẹp lộ ra giữa màn và ván gỗ, nhưng qua đó Simon thấy một bàn tay. Và giữa sàn đá, từ bên dưới màn một vũng máu đang từ từ lan ra.

Simon rón rén đến gần hơn; ông bắt gặp Sonny đang lầm rầm:

“Thần thánh trên trời dưới đất đều sẽ khoan dung và tha thứ cho tội lỗi của người. Người sẽ chết, nhưng linh hồn kẻ có tội biết ăn năn sẽ được đưa lên Thiên đàng. Amen.”

Theo sau là sự im lặng.

Simon theo dõi Sonny siết ngón tay quanh cò.

Simon bỏ lại súng vào bao trên vai. Ông sẽ không làm gì, không làm quái gì cả. Phán quyết của chàng trai sẽ được tuyên đọc và thi hành. Xét xử của chính ông sẽ đến sau.

“Phải, chúng tao đã giết cha mày.” Giọng của Sinh Đồi nghe yếu ớt sau tấm màn. “Chúng tao phải làm vậy. Gián điệp nhị trùng báo cho tao là cha mày định giết hẳn. Mày có đang nghe không?”

Sonny không đáp. Simon nín thở.

“Hẳn định làm vậy ngay đêm đó, tại tàn tích thời Trung cổ ở Maridalen,”

Sinh Đồi tiếp. “Gián điệp nhị trùng nói cảnh sát đang nắm thóp hăn, sớm muộn gì rồi hăn cũng bị vạch trần. N ên hăn muốn chúng tao giết sao để trông như đó là một vụ tự sát. Tạo cái ấn tượng cha mày là gián điệp nhị trùng, để cảnh sát hủy bỏ điều tra. Tao đồng ý chuyện đó. Tao phải che chở cho gián điệp nhị trùng của tao, phải vậy không?”

Simon thấy Sonny liếm môi: “Vậy hăn là ai, tên gián điệp nhị trùng này?”

“Tao không biết. Tao thề. Chúng tao chỉ liên lạc qua mail.”

“Vậy thì mày sẽ không bao giờ biết.” Sonny lại đưa khẩu Uzi lên, ngón tay co lại quanh cò. “Mày đã sẵn sàng chưa?”

“Chờ đã! Mày đâu cần phải giết tao, Sonny, dù gì tao cũng sẽ chảy máu đến chết trong đây. Tao chỉ cầu xin có mỗi một điều là được từ biệt những người thân yêu trước khi chết. Tao đã để cha mày viết thư báo cho mày với mẹ mày là hăn yêu thương mấy người. Làm ơn, cho kẻ có tội này một ân huệ như vậy?”

Simon thấy ngực Sonny phập phồng. Các cơ gợn lên dọc đường quai hàm.

“Đừng” Simon thét lên. “Đừng cho hăn, Sonny. Hăn...”

Sonny quay qua ông. Trong mắt cậu có sự dịu dàng. Sự dịu dàng của Helene.

Cậu ta đã hạ khẩu Uzi xuống. “Simon, hăn chỉ xin...”

Simon thấy có chuyển động giữa khoảng hở nơi màn, một bàn tay đang đưa lên. Một bật lửa hình khẩu súng lục mạ vàng. Và Simon biết không còn đủ thời gian. Không kịp báo trước cho Sonny để cậu ta phản ứng, không kịp rút súng của mình từ bao súng trên vai, không kịp cho Else cái cô đáng có. Ông đang đứng trên lan can cây cầu bắc qua Aker và con sông đang gầm rú bên dưới.

Nên Simon phóng xuống.

Ông lao ra khỏi sự sống vào bàn cò quay xoay tít tuyệt vời. Chuyện đó không đòi hỏi trí thông minh hay lòng can đảm, chỉ cần cái điên rồ của kẻ tận số sẵn sàng đánh liều tương lai hẳn không thấy quý giá gì mấy, kẻ biết hẳn có ít thứ để mất hơn người khác. Ông lao vào bên buồng để mở giữa người con trai và tấm ván đục lỗ. Ông nghe thấy tiếng nổ. Cảm thấy cái nhức nhối, cái nhói buốt làm tê liệt của băng hay sức nóng xé thân ông làm đôi, những mối nối đứt rời.

Thế rồi có một tiếng nữa. Khẩu Uzi. Đầu Simon nằm trên sàn căn buồng nhỏ và ông cảm thấy vụn ván gỗ đổ rào rào xuống mặt. Ông nghe thấy một tiếng thét; ông ngóc đầu lên thì thấy Sinh Đôi lao đảo rời phòng xưng tội rồi ngã nghiêng giữa mấy bục ghế, thấy đạn châm vào lưng áo com lê của hẳn như bầy ong giận dữ. Vỏ đạn rỗng từ khẩu Uzi - vẫn còn nóng rực tuôn xuống Simon, làm cháy sém trán ông. Sinh Đôi vấp phải hàng bục ghế, quỳ thụp xuống, nhưng hẳn vẫn cử động. Hẳn không chịu chết. Chuyện đó không tự nhiên. Nhiều năm trước, khi Simon biết ra là mẹ của một trong những kẻ bị truy nã hàng đầu N a Uy đang làm lao công trong Sở Cảnh sát ông đã tìm bà, đó là điều đầu tiên bà nói: Levi không tự nhiên. Bà là mẹ hẳn và bà yêu thương hẳn, hiển nhiên rồi, nhưng từ lúc chào đời hẳn đã khiến bà hoảng sợ, mà không chỉ bởi tầm vóc hẳn.

Rồi bà kể ông nghe lần đưa con trai còn nhỏ nhưng đã như người khổng lồ theo bà đến chỗ làm vì ở nhà không có ai trông coi, hẳn đã nhìn bóng mình trong xô nước trên xe đẩy dụng cụ vệ sinh mà nói rằng có ai trong đó, ai đó trông giống hệt hẳn. Sissel đã nói hay là chúng chơi với nhau rồi bỏ đi đồ mấy sọt rác. Khi bà quay lại thì đầu Levi đã cắm vào xô còn hai chân vung chơi với giữa không.

Vai hẳn bị kẹt trong xô nên bà phải cố hết sức lôi hẳn ra. Hẳn ướt sũng còn mặt mũi xanh mét. Nhưng thay vì khóc như hầu hết trẻ con sẽ làm, hẳn cười. Rồi nói là Sinh Đôi xấu, đã cố giết hẳn. Từ đó trở đi bà thắc mắc

không biết hấn từ đâu ra và mãi đến ngày hấn dọn ra bà mới cảm thấy được giải thoát.

Sinh Đôi.

Hai lỗ xuất hiện ngay trên mấy ngón mỡ giữa phần gáy to bè và tấm lưng khổng lồ của hấn rồi mọi cử động dừng lại.

Tất nhiên, Simon nghĩ. Một đứa con một hết sức bình thường.

Ông cũng biết rằng người đàn ông khổng lồ đã chết còn trước cả khi hấn lão đảo đổ tới trước và đập trán xuống sàn đá.

Simon nhắm mắt.

“Simon, ông bị... ?”

“N gực tôi,” Simon nói và ho. Ông dám chắc chất sền sệt trên da mình là máu.

“Để tôi gọi xe cứu thương cho ông.”

Simon mở mắt. Ông nhìn xuống người mình. Thấy vết máu đỏ thẫm trước áo sơ mi.

“Tôi không qua nổi đâu, đừng bận tâm.”

“Được mà, ông sẽ...”

“Nghe này.” Sonny lấy điện thoại ra, nhưng Simon đưa tay che lại. “Tôi biết khá nhiều về vết thương do súng bắn, được chưa?”

Sonny để tay lên ngực Simon.

“Không ổn rồi,” Simon nói. “Giờ cậu sẽ chạy một mình. Cậu tự do, cậu đã làm cái cậu phải làm.”

“Không, tôi chưa làm xong.”

“Vì tôi hãy chạy đi,” Simon nói, nắm lấy bàn tay chàng trai. Nó có cảm giác thật ấm và thân quen, như thể là của ông. “Giờ việc của cậu đã xong.”

“N ằm yên đi.”

“Tôi đã nói hôm nay gián điệp nhị trùng sẽ có mặt, và hãn đã đến. Giờ thì hãn chết rồi. Vậy nên chạy đi.”

“Xe cứu thương sẽ đến đây ngay thôi.”

“Sao cậu không nghe...”

“Chỉ cần ông không nói nữa...”

“Đó là tôi Sonny.” Simon nhìn lên đôi mắt trong vắt, dịu dàng của chàng trai. “Tôi là gián điệp nhị trùng.”

Simon chờ cho đồng tử chàng trai dần ra sáng sốt, cho màu đen thế chỗ cái xanh tươi sáng. Nhưng không. Vậy là ông hiểu.

“Cậu biết rồi, Sonny.” Simon cố nuốt, nhưng phải ho lần nữa. “Cậu đã biết là tôi. Bằng cách nào?”

Sonny đưa cánh tay áo chùi máu trên miệng Simon. “Arild Franck.”

“Franck?”

“Khi tôi chặt ngón tay hãn thì hãn mở miệng nói.”

“Nói? Hãn chẳng biết gì về tôi cả. Không ai biết Ab với tôi là gián điệp nhị trùng, Sonny, không ai cả.”

“Đúng nhưng Franck nói tôi nghe cái hãn biết . Rằng gián điệp nhị trùng có một bí danh.”

“Hắn nói cậu vậy?”

“Phải. Bí danh là Người Lặn.”

“Người Lặn, phải. Đó là tên tôi dùng khi liên lạc với Sinh Đồi. Hồi ấy một người thường gọi tôi như vậy, cậu biết đấy. Chỉ một người. Vậy làm sao cậu biết... ?”

Sonny lấy gì đó trong túi áo khoác. Đưa lên trước mặt Simon. Đó là một tấm hình. Trên hình lấm tấm những đốm máu khô và nó cho thấy hai người đàn ông cùng một phụ nữ bên tháp đá, cả ba đều trẻ trung và cười đùa.

“Hồi bé tôi thường xem hết mấy album ảnh trong nhà và đó là chỗ tôi thấy tấm hình chụp trong núi này. Tôi bèn hỏi mẹ ông ấy là ai, người chụp bí Nn có cái biệt danh thú vị, Người Lặn. Và mẹ đã nói tôi biết. Đó là Simon, người thứ ba trong ba người bạn thân. Rằng bà đã đặt cho ông ấy biệt danh Người Lặn, vì ông lặn xuống nơi mà chẳng ai dám.”

“Vậy là cậu cộng hai với hai...”

“Franck không biết là có hai gián điệp nhị trùng. Nhưng cái hắn cho tôi biết đã làm mọi chuyện dễ hiểu hơn. Rằng bố tôi định vạch mặt ông. Nên ông khử ông ấy trước khi ông ấy kịp ra tay.”

Simon chớp mắt, nhưng bóng tối vẫn tiếp tục từ mép ngoài trường nhìn lan dần vào. Dù là vậy, ông thấy rõ ràng hơn bao giờ hết. “Nên cậu quyết định giết tôi. Vì vậy mà cậu liên lạc với tôi. Cậu muốn cho chắc là tôi sẽ tìm thấy cậu.”

Bấy lâu nay cậu chỉ chờ tôi.”

“Phải,” Sonny nói. “Mãi đến khi tôi tìm thấy cuốn nhật ký và hiểu rằng bố tôi cũng tham gia trong chuyện đó. Rằng có hai người. Hai kẻ phản bội.”

“VẬY là thế giới cậu sụp đổ và cậu từ bỏ sứ mạng của mình. Không còn lý do để giết chóc nữa.”

Sonny gật.

“VẬY cái gì khiến cậu đổi ý?”

Sonny nhìn ông hơi lâu. “Điều ông đã nói. Rằng trách nhiệm của người con trai, không phải là giống bố, mà là...”

“... tốt đẹp hơn bố.” Simon nghe thấy tiếng còi xe cảnh sát ở xa xa. Ông cảm thấy bàn tay Sonny trên trán mình. “VẬY nên hãy là như thế, Sonny. Hãy tốt đẹp hơn bố cậu.”

“Simon?”

“Sao?”

“Ông đang hấp hối. Ông có mong muốn điều gì không?”

“Tôi muốn tặng đôi mắt cho cô ấy.”

“Còn sự tha thứ, ông có muốn điều đó không?”

Simon lại nhắm mắt, nhắm nghiền, và lắc đầu. Tôi không thể... tôi không xứng với điều đó.

“Không ai trong chúng ta xứng cả. Làm người thì phải mắc sai lầm, tha thứ mới là thiêng liêng.”

“Nhưng tôi chẳng là gì với cậu cả, tôi là người dưng cướp mất những người cậu yêu thương.”

“Ông cũng là một ai đó, ông là Người Lặn, vẫn luôn bên họ, nhưng ông không có trong hình.” Chàng trai vén áo khoác Simon lên đút tấm hình vào

túi trong. “Hãy mang nó theo trên hành trình, họ là bạn ông.”

Simon nhắm mắt. Ông nghĩ: với mình thì chuyện đó tốt thôi.

Lời người con trai vang vọng trong không gian nhà thờ vắng:

“Thần thánh trên trời dưới đất đều sẽ khoan dung và tha thứ cho tội lỗi của ông...”

Simon nhìn giọt máu từ bên trong áo khoác chàng trai nhỏ xuống sàn nhà thờ. Ông đưa ngón tay sờ lên giọt máu đỏ cam. Thấy máu có vẻ dính vào đầu ngón tay; ông đưa lên môi và nhắm mắt. Nhìn đắm đắm vào thác nước bọt tung trắng xóa. N ước. Một cái ôm lạnh buốt. Sự im lặng, sự cô tịch. Và bình yên. Và lần này ông sẽ không trỗi lên nữa.

Trong sự im lặng sau khi nghe lại đoạn ghi âm lần nữa, Kari còn nghe được tiếng chim hót líu ríu ngoài ô cửa sổ mở hờ ở đầu kia nhà hàng bí mật.

Ủy viên ngờ vực nhìn chăm chăm máy tính.

“Thế nào?” Ohre hỏi.

“Được rồi,” Parr nói.

Tay luật sư rút thẻ nhớ ra đưa cho Parr. “Ông có nhận ra giọng đó không.”

“Có” Parr nói. “Hắn là Arild Franck, và hắn mới là người điều hành Nhà tù An ninh Tối đa Staten. Adel, cô kiểm tra xem tài khoản hắn ta nói ở quần đảo Cayman có tồn tại thật không? Nếu điều hắn nói là đúng thì ta đang đối mặt với một vụ bê bối khổng lồ đấy.”

“Tôi lấy làm tiếc khi nghe vậy,” Ohre nói.

“Không hề,” Parr nói. “Tôi cũng có những nghi ngờ nhiều năm nay rồi. Gần đây chúng tôi được một sĩ quan cảnh sát can đảm ở Drammen cung

cấp tin cho thấy Lofthus được cấp một ngày ra khỏi Staten để anh ta có thể chịu tội thay trong vụ án mạng Morsand. Chúng tôi định không nói ra chuyện này cho đến khi nào chắc chắn mình có đầy đủ bằng cứ rồi mới truy Franck, nhưng với cái này thì ắt là chúng tôi giờ đã dư dả đạ đượ. Một điều cuối trước khi chúng tôi đi...”

“Vâng?”

“Chánh thanh tra Kefas có nói vì sao lại muốn các ông gặp chúng tôi thay vì đích thân đi gặp các ông?”

Iversen với Ohre liếc nhìn nhau rồi Iversen nhún vai. “Ông ấy nói đang bận những việc khác. Và chỉ có hai người là đồng nghiệp ông ấy tin cậy trăm phần trăm.”

“Tôi hiểu rồi,” Parr nói rồi đứng lên để đi.

“Còn một điều nữa...” Ohre nói và cầm điện thoại lên. “Thân chủ tôi có nhắc tên tôi với chánh thanh tra Kefas nên ông ấy đã liên lạc hỏi tôi có lo thu xếp chuyên chở và thanh toán cho cuộc phẫu thuật mắt ông ấy đã lo liệu tại Bệnh viện Howell ở Baltimore trong ngày mai được không. Tôi nói tôi sẽ làm. Tôi cũng đã nhận tin nhắn từ tiếp tân là một giờ trước có một cô tới văn phòng chúng tôi trao cái túi thể thao đỏ. Trong túi có một khoản tiền mặt đáng kể. Tôi chỉ muốn biết đây có phải chuyện gì cảnh sát muốn theo sát hay không?”

Kari nhận thấy tiếng chim bên ngoài cửa sổ đã im bật và thay vào đó là tiếng còi xa xa. Nhiều tiếng. Xe cảnh sát.

Parr hăng giọng. “Tôi thấy không lý gì thông tin này lại phải liên quan đến cảnh sát. Và bởi người yêu cầu giờ đây ắt đã được xem là thân chủ của ông, cho nên, theo tôi biết, ông có nghĩa vụ của luật sư với thân chủ nên sẽ không thể cho tôi thêm thông tin gì dẫu tôi có hỏi.”

“Tuyệt. Vậy thì ta hiểu về tình hình như nhau,” Ohre nói và đóng cặp.

Kari cảm thấy điện thoại trong túi rung, cô bèn lẹ làng đứng dậy, rời bàn và rút điện thoại ra. Viên bi theo điện thoại rơi ra đánh cạch xuống sàn gỗ.

“Adel đây.”

Cô nhìn viên bi đang có vẻ lưỡng lự, không biết nên đi hay đứng yên. Nhưng sau một lúc do dự, nó ngập ngừng lăn theo hướng N am.

“Cảm ơn,” Kari nói rồi bỏ điện thoại vào túi. Cô quay qua Parr đang tính đứng lên. “Có bốn xác chết tại một nhà hàng cá có tên N autilus.”

Mắt Parr chớp chớp bốn cái đằng sau cặp kính và Kari thắc mắc phải chăng đó là một phản ứng ông không thể cưỡng lại, mỗi chớp mắt cho một xác mới trong mẻ của ông.

“Chuyện đó ở đâu?”

“Ở đây.”

“Ở đây?”

“Ở Aker Brygge này. Cách đây có vài trăm mét.” Mắt Kari tìm được viên bi.

“Ta đi thôi.”

Cô muốn chạy qua nhặt lại viên bi.

“Cô chờ gì vậy, Adel? Đi thôi!”

Viên bi đang lăn theo đà và nhanh dần; nếu không quyết ý nhanh, cô sẽ mất nó.

“OK,” cô nói rồi vội chạy theo Parr. Lúc này còi xe cảnh sát đã to hơn, tiếng ồn dậy lên từng chập, xuyên qua không khí như lưỡi hái.

Họ chạy ra ngoài, ra giữa nắng mai chói lòa, đến một buổi sáng đầy hứa hẹn, vào một thành phố xanh lơ. Họ cứ chạy và dòng người hối hả buổi sáng trước mặt tách ra. Những gương mặt loang loáng Nn hiện trong tầm nhìn của Kari. Thế rồi có gì trong vô thức cô phản ứng lại một gương mặt trong số đó. Kính râm và com lê xám nhạt. Parr đang tiến về con hẻm mà họ vừa thấy nhiều sĩ quan cảnh sát mặc đồng phục khNn trương chạy vào. Kari dừng chân, quay lại thì thấy lưng áo com lê xám đã lên chiếc phà đi N esoddtangen sắp rời bến. Rồi cô quay lại chạy tiếp.

Martha đã hạ mui xe xuống và đang ngả đầu trên nệm cổ. Cô nhìn con mòng biển chao lượn trong gió giữa bầu trời xanh và con vịnh xanh. Nó cân bằng được hai sức mạnh, của chính nó và của bên ngoài, tìm môi. Cô thở sâu và đều, nhưng tim cô đập thành thạch khi phà sắp cập bến. Không mấy ai đi tàu từ Oslo sang N esoddtangen khi hãy còn sớm thế này, nên sẽ không khó phát hiện ra anh. N ếu anh làm được. N ếu . Cô lầm rầm câu cầu nguyện lặp đi lặp lại từ khi rời Tomte & Ohre một giờ rưỡi trước. Anh không có mặt trong chuyến phà ba mươi phút trước, nhưng cô tự nhủ mong đợi như vậy là thái quá. Nhưng nếu anh không đi chuyến này... Thì sẽ ra sao? Cô không có kế hoạch dự phòng. Đã không muốn có.

Hành khách xuất hiện. Phải, cô nghĩ đúng, không nhiều, buổi sáng người ta thường vào thành phố, không phải đi ra. Cô tháo cặp kính gọng đôi môi. Tim cô lỡ nhịp khi thấy bộ com lê xám nhạt. Nhưng không phải anh.

Tim cô thắt lại.

Một bộ com lê xám nữa xuất hiện.

Anh hơi khom người như con thuyền vừa được cho xuống nước và giờ đang lật úp.

Cô cảm thấy tim căng đầy trong lồng ngực và phải nén những tiếng thốn thức dâng lên trong cổ. Có lẽ đó chỉ là nắng sớm xiên ngang lên bộ com lê xám nhạt, nhưng trông anh như đang phát sáng.

“Cảm ơn anh,” cô thì thầm. “Cảm ơn anh, cảm ơn anh.”

Cô soi mình trong gương chiếu hậu, lau khô nước mắt và vuốt lại khăn choàng. Rồi cô vẫy. Và anh vẫy lại.

Thế rồi khi anh đi lên đồi đến chỗ cô đang đỗ xe, cô chợt nghĩ: chuyện đó tuyệt vời đến không tin nổi. Rằng thực ra cô đang nhìn thấy một ảo ảnh, một bóng ma, rằng anh đã chết, bị bắn, rằng ngay lúc này anh đang bị treo trên ngọn hải đăng, bị đóng đinh vào cây thập ác và cô đang nhìn linh hồn anh.

Anh hết sức cẩn thận ngồi vào xe rồi tháo kính râm. Anh nhợt nhạt. Và nhìn đôi mắt đỏ hoe thì cô biết anh đã khóc. Rồi anh choàng hai tay ôm lấy cô kéo lại gần. Mới đầu cô nghĩ có lẽ mình đang run bần bật, rồi mới nhận ra người đang run là anh.

“Mọi chuyện... ?”

“Ổn,” anh nói mà không buông cô ra. “Mọi chuyện ổn cả rồi.”

Họ ngồi im không nói gì, ôm nhau thật chặt như thể người này chỉ có điểm cố định là người kia. Cô muốn hỏi, nhưng không phải lúc này. Rồi sẽ còn rất nhiều thời gian cho chuyện đó.

“Giờ thế nào?” Cô thì thầm.

“Giờ thì,” anh nói, nhẹ nhàng buông cô ra rồi ngồi thẳng người lên, khẽ rên một tiếng. “Giờ thì bắt đầu rồi. À mà va li nặng đấy.” Anh hất hàm ra ghế sau.

“Chỉ mấy thứ tối cần thôi mà,” cô nhoẻn cười, đút đĩa CD vào máy nghe nhạc rồi đưa điện thoại cho anh. “Em sẽ lái chặng đầu. Anh làm người đọc bản đồ nhé?”

Anh nhìn màn hình điện thoại khi giọng hát đều đều, như máy cất lên: “Của anh... của mình anh...”

“1.030 ki lô mét,” anh nói. “Thời gian chạy xe ước tính là mười hai giờ năm mươi một phút.”

Phần Kết *Những* bông tuyết dường như từ một bầu trời không sắc màu, sâu hun hút bay lên rồi bám lại thành những cái mái trên mặt đường nhựa, vỉa hè, xe cộ và nhà cửa.

Kari, đứng trên mấy bậc thềm, đang cúi xuống thắt lại dây đai ủng ngang mắt cá chân nên cô có được cái nhìn đảo ngược của đường phố giữa hai chân.

Simon nói đúng. Ta sẽ thấy mọi thứ khác đi khi đổi góc nhìn và vị trí. Có thể bù lại cho mọi điểm mù. Phải một thời gian cô mới nhận ra điều đó. Nhận ra rằng Simon Kefas đã đúng về rất nhiều thứ. Không phải tất cả. Nhưng nhiều đến một mức độ thật bực mình.

Cô thẳng người lên lại.

“Chúc em một ngày tuyệt vời, em yêu,” chàng trai đứng ở cửa nói và hôn lên môi Kari.

“Anh cũng thế nhé.”

“Chắc đánh bóng sàn thì không phù hợp với một ngày tuyệt vời đâu. Nhưng anh sẽ cố. Khi nào em về?”

“Giờ ăn tối, trừ khi có chuyện gì.”

“Tốt, dù có vẻ như vừa có chuyện gì thật.”

Kari quay về hướng Sam chỉ. Chiếc xe đỗ lại ngoài cổng trông quen quen còn bộ mặt bên trên cửa sổ hông hạ xuống còn quen hơn.

“Có chuyện gì vậy, Asmund?” Sam gọi ra.

“Tôi xin lỗi vì không thể tự thân vận động, tôi cần mượn vợ anh,” người thanh tra gọi ra chỗ cô. “Có chuyện rồi.”

Kari nhìn Sam, anh vỗ vào sau túi quần jean của cô. Kari đã treo váy và áo vest vào tủ từ mùa thu và, không rõ vì sao, chúng vẫn ở đó.

“Đi mà phục vụ công chúng đi, em yêu.”

Khi họ chạy theo hướng Đông trên E18, Kari nhìn đăm đăm ra cảnh vật tuyết phủ. N ghĩ đến chuyện tuyết đầu mùa bao giờ cũng kẻ một đường phân chia, phủ kín tất cả những gì từng có ở đó và biến đổi vạn vật ta đang nhìn. Những tháng theo sau vụ nổ súng tại Aker Brygge và nhà thờ Thiên Chúa giáo mọi chuyện rất hỗn loạn. Không có gì bất ngờ trước các công kích nhằm vào cảnh sát, tính tàn bạo và sứ mệnh mất trí của một con người. Nhưng, mặc dù vậy, Simon vẫn được ban tặng lễ tang anh hùng, ông là cảnh sát nhân dân, người đã chiến đấu chống bọn tội phạm cho thành phố, hy sinh tính mệnh để phục vụ công lý. Như ủy viên Parr phát biểu trong bài điếu văn, công chúng sẵn sàng bỏ qua chuyện ông không tuân thủ hoàn toàn quy tắc nghề nghiệp. Luật pháp N a Uy cũng vậy.

Parr không thể không có một sự uyển chuyển nhất định về đạo lý bởi lẽ chính ông cũng đã nới rộng ranh giới luật lệ thuế N a Uy khi bỏ tiền ra nộp vào mấy công ty vô danh đăng ký quần đảo Cayman. Kari đã đối chất với Parr ở lễ tang vì khi cô điều tra xem ai đã trả hóa đơn điện nước cho nhà Lofthus thì cuối cùng nó lại dẫn đến ông. Và Parr đã thừa nhận ngay, chỉ nói thêm là không có gì phạm pháp và động cơ của ông chỉ đơn thuần là

lòng trắc Nn; để lương tâm thanh thản bởi đã không chăm lo được cho Sonny và mẹ cậu sau khi Ab tự sát.

Parr nói việc đó không rẻ, nhưng điều đó nghĩa là cậu thanh niên sẽ còn căn nhà ở được mà về sống khi đã mãn hạn tù.

Một thời gian sau thiên hạ cũng đã bắt đầu chấp nhận chuyện Đức Phật Cầm Gương biệt tăm. Có vẻ như cuộc thánh chiến của anh ta đã kết thúc cùng với cái chết của Levi Thou, còn gọi là Sinh Đôi.

Thị lực của Else giờ đã khá hơn. Cô nói với Kari, người đến thăm cô ít tuần sau lễ tang, rằng cuộc phẫu thuật ở Mỹ đã thành công được tám mươi phần trăm. Răng hầu như không có gì là hoàn hảo. Cuộc sống, con người, Simon. Chỉ có tình yêu.

“Anh ấy không bao giờ quên được cô ấy. Helene. Helene là tình yêu của anh ấy.” Lúc ấy vẫn còn mùa hè và họ ngồi trên ghế dựa trong vườn nhà Else ở Disen, uống rượu poóc-tô và ngắm mặt trời lặn. Rồi Kari nhận ra là Else đã quyết định chia sẻ điều này với cô. “Anh ấy kể với tôi rằng hai người còn lại theo đuổi cô ấy, Ab và Pontius, đẹp trai hơn, mạnh mẽ hơn, thông minh hơn.

Nhưng anh ấy là người thấy cô ấy đúng như con người cô ấy. Đó là điều kỳ lạ ở Simon. Anh nhìn thấu mọi người, anh thấy được thiên thần và ác quỷ trong họ.

Tất nhiên trong khi đó anh cũng đang giao chiến với con quỷ của mình. Simon là người nghiện đánh bạc.”

“Ông ấy có kể tôi nghe.”

“Anh ấy với Helene bắt đầu hẹn hò, nhưng nợ bài bạc của anh khiến đời sống của họ hỗn loạn. Chuyện không kéo dài, nhưng khi Simon cảm thấy

mình đang kéo cô ấy chìm theo thì Ab Lofthus xuất hiện và cứu cô ấy khỏi tay anh.

Ab với Helene dọn ra ở riêng. Lòng Simon tan nát. Rồi ít lâu sau thì anh được biết cô ấy có thai. Anh đánh bạc như điên, mất sạch và đang trên bờ vực. Vậy là anh đi tìm gặp con quỷ dữ và dâng cho hắn thứ duy nhất anh còn. Linh hồn mình.”

“Ông ấy đến gặp Sinh Đôi ư?”

“Phải. Simon là một trong ít người biết Sinh Đôi là ai và làm sao để liên lạc với hắn. Nhưng Sinh Đôi không hề biết Simon và Ab là ai, họ chuyển thông tin cho hắn bằng cách gọi điện hoặc gửi thư. Cuối cùng thì là qua máy tính.”

Tiếng xe cộ ì ầm từ Trondheimsveien và Sinsenkrysset vọng tới chỗ họ trong sự im lặng theo sau.

“Simon và tôi nói cho nhau nghe mọi thứ, nhưng anh thấy khó mà nói về chuyện này. Anh đã bán linh hồn ra sao. Anh tin rằng trong thâm tâm anh thèm khát sự nhục nhã, hèn hạ, sự ghê tởm chính mình, rằng nó làm tê dại được nỗi đau kia. Rằng nó là một kiểu tự hủy hoại.”

Cô vượt lại váy trắng thơm. Cô ấy trông rất mong manh mà cũng thật mạnh mẽ khi ngồi đó, Kari nghĩ.

“Nhưng điều tồi tệ nhất đối với Simon là cái anh đã làm với Ab. Anh căm hận Ab vì đã lấy đi thứ duy nhất từng quý giá đối với anh. Anh kéo Ab theo mình xuống vực. Ab và Helene đang nợ ngập đầu thì khủng hoảng ngành ngân hàng diễn ra và lãi suất tăng vọt; chỉ một thứ có thể cứu họ thoát cảnh không nhà không cửa, đó là tiền bNn. Nên khi đạt được thỏa thuận với Sinh Đôi rồi, Simon đi thẳng đến gặp Ab đề nghị mua linh hồn anh ấy. Mới đầu Ab từ chối và dọa tố giác Simon với sếp. Simon bèn lợi dụng gót chân Achilles của Ab. Con trai anh ấy. Anh nói thế giới thực là như vậy, rồi con

traí Ab sẽ trả giá cho niềm kiêu hãnh của cha và lớn lên nghèo túng. Simon nói đó là điều tệ hại nhất, nhìn Ab bị hủy hoại dần, đánh mất linh hồn mình. Nhưng điều đó cũng làm anh đỡ cảm thấy đơn độc. Mãi đến khi Sinh Đôi muốn gián điệp nhị trùng của hắn thăng chức trong lực lượng cảnh sát, và thế là không còn chỗ cho cả hai người.”

“Sao chị lại cho tôi biết những điều này, Else?”

“Vì anh ấy dặn tôi. Anh nghĩ rằng cô phải biết trước khi lựa chọn.”

“Ông ấy dặn chị vậy sao? Ông ấy đã biết mình sẽ... ?”

“Tôi không biết, Kari. Anh ấy chỉ nói rằng anh nhìn thấy rất nhiều điều ở mình nơi cô. Anh muốn cô học được từ những sai lầm của anh với tư cách sĩ quan cảnh sát.”

“Nhưng ông ấy biết là tôi sẽ không ở lại trong lực lượng cảnh sát mà.”

“Vậy sao?” Những tia nắng lung linh mờ ảo trong cốc rượu porto khi Else nâng lên môi, cNn thận nhấp rồi để xuống lại.

“Khi Simon nhận ra là Ab Lofthus sẵn sàng hạ sát anh nhằm đoạt vị trí duy nhất với Sinh Đôi, anh đã liên lạc với Sinh Đôi và nói anh phải loại Ab, rằng Ab đã biết bí mật của cả hai, rằng chuyện cấp bách lắm rồi. Anh nói anh với Ab giống như hai anh em sinh đôi giống hệt nhau có cùng một ác mộng: người này cố trừ khử người kia. Nên anh ra tay trước Ab. Simon đã giết chết người bạn thân nhất của mình.”

Kari nuốt khan. Cổ nén nước mắt. “Nhưng ông ấy đã hối hận,” cô thì thầm.

“Đúng, anh ấy đã hối hận. Anh không làm gián điệp nhị trùng nữa. Anh ấy có thể tiếp tục. Nhưng rồi Helene chết. Simon tới đường cùng, anh đã mất mọi thứ anh có. Nên không còn gì để phải sợ nữa. Thế rồi anh dành phần đời còn lại để ăn năn. Cải tà quy chính. Anh cũng thẳng tay lùng bắt những

kẻ tha hóa, như anh ngày trước, mà điều đó không đem lại cho ta nhiều bạn bè trong lực lượng cảnh sát. Anh trở nên đơn độc. Nhưng anh không bao giờ thấy thương hại cho mình, anh nghĩ sự đơn độc là cái anh đáng nhận. Tôi nhớ anh nói rằng ghê tởm chính mình là cái ta cảm thấy mỗi buổi sớm mai thức dậy nhìn mình trong gương.”

“Chẳng phải chị đã cứu rồi ông ấy sao?”

“Anh gọi tôi là thiên thần của anh. Nhưng tình yêu tôi dành cho anh không phải là cái đã cứu rồi anh. Trái ngược với những gì người ta nói, tôi cho là không có ai được cứu rồi như tình yêu của người khác. Chính tình yêu anh dành cho tôi đã làm điều đó. Anh đã cứu chính mình.”

“Bằng cách đáp lại tình yêu của chị.”

“Amen.”

Họ ngồi ngoài trời đến nửa đêm thì Kari cáo từ.

Trên đường đi ra, trong hành lang, Else cho cô xem bức hình. Ba người đứng trước một tháp đá.

“Lúc nhắm mắt Simon có cái này trong người. Cô ấy đấy, Helene.”

“Tôi đã thấy hình cô ấy trong ngôi nhà vàng trước khi bị thiêu rụi. Tôi có nói với Simon rằng cô ấy trông như ca sĩ hay diễn viên.”

“Mia Farrow. Anh ấy đưa tôi đi xem phim *Đứa con của Rosemary*, chỉ để được nhìn thấy cô ấy. Dù anh cứ nói không thấy họ có gì giống nhau.”

Bức hình đã khiến Kari thấy xúc động kỳ lạ. Cái gì đó nơi nụ cười của họ.

Sự lạc quan. *Niềm tin*.

“Chị với Simon không bao giờ tính chuyện có con?”

Cô lắc đầu. “Anh ấy sợ.”

“Sợ gì?”

“Những thói xấu của mình sẽ truyền xuống. Gien nghiện. Thói liều lĩnh tàn phá. Không có giới hạn. Tâm trạng u uất. Tôi nghĩ có lẽ anh sợ nó sẽ là đứa con của quý. Tôi thường trêu là chắc hẳn anh có con ngoài giá thú đâu đó nên anh sợ.”

Kari gật. *Đứa con của Rosemary*. Cô nghĩ đến bà già nhỏ nhắn làm vệ sinh ở sở cảnh sát mà cuối cùng cô cũng đã nhớ ra tên.

Rồi Kari tạm biệt Else mà bước ra đêm hè, một làn gió nhẹ dịu dàng, rồi đến thời gian, nhặt lấy cô và cuốn đi cho đến khi cô ngồi đây, trong xe, nhìn ra tuyết trắng ngần mà nghĩ rằng nó đã làm biến đổi toàn thể cảnh vật. Mọi chuyện thường sẽ khác với những gì ta dự tính. Cô với Sam đã cố có con. Cô đã làm bản thân thấy ngạc nhiên khi không chỉ từ chối một đề nghị công việc thú vị từ Bộ Tư pháp mà còn cả một việc làm lương hậu ở công ty bảo hiểm.

Mãi đến khi họ rời Oslo và chạy qua cây cầu nhỏ lên lối đi rải sỏi cô mới hỏi Asmund đã có chuyện gì.

“Cảnh sát Drammen gọi yêu cầu ta hỗ trợ,” Asmund nói. “Nạn nhân là chủ tàu. Yngve Morsand.”

“Trời đất, đó là lão chồng.”

“Phải.”

“Ám sát? Tự sát?”

“Tôi không được biết chi tiết.”

Họ đỗ lại sau mấy xe cảnh sát, qua cổng nơi hàng rào song sắt rồi bước tới cửa trước ngôi nhà lớn. Một thanh tra của Sở Cảnh sát Buskerud ra đón họ. Anh ta ôm hôn Kari rồi tự giới thiệu với Bjornstad rằng mình là Henrik Westad.

“Có thể nào là tự tử không?” Kari hỏi khi đi vào.

“Điều gì khiến cô nói vậy?” Westad nói.

“Đau buồn vì cái chết của vợ,” Kari trả lời. “Vì thiên hạ nghi lão sát hại, hay vì quả đúng là lão giết bà ta rồi không thể sống với chuyện đó.”

“Có thể” Westad nói khi dẫn họ vào phòng khách.

Các cảnh sát điều tra hiện trường bu gần kín người đàn ông ngồi nơi ghế.

N hư bày dòi trắng, Kari nghĩ.

“... nhưng tôi không tin là như vậy,” Westad nói hết câu.

Kari và Bjornstad nhìn chăm chăm cái xác.

“Chết tiệt,” Bjornstad nhỏ giọng nói với Kari. “Cô có nghĩ là anh ta... ?”

Kari nghĩ đến quả trứng luộc ăn trong bữa điểm tâm. Cũng có thể cô đã có thai; biết đâu nó giải thích được sao cô cảm thấy buồn nôn như vậy? Cô xua ý nghĩ đi mà tập trung vào cái xác. Một mắt trợn ngược, mắt kia có miếng bịt đen, còn trên mí mắt là đường cửa đã sè lăm dăm, vết cửa của phần đỉnh đầu đứt rời.

HẾT.

Table of Contents

Phần 1

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

Phần 2

12

13

14

15

16

17

18

19

20

Phần 3

21

22

23

24

25

26

[27](#)

[28](#)

[29](#)

[30](#)

[31](#)

[32](#)

[Phần 4](#)

[33](#)

[34](#)

[35](#)

[36](#)

[37](#)

[38](#)

[39](#)

[40](#)

[41](#)

[Phần 5](#)

[42](#)

[43](#)